

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG
(1946 - 2015)

**ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
(1946 - 2015)**

TÁI BẢN CÓ CHỈNH LÝ, BỔ SUNG NĂM 2017

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG
(1946 - 2015)

Chỉ đạo thực hiện

Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương

Chịu trách nhiệm xuất bản

Đồng chí Nguyễn Thị Mai - Bí thư Huyện ủy Phú Lương
khóa XXIII (Nhiệm kỳ 2015 - 2020)

Ban Chỉ đạo

Đ/c Nguyễn Thị Mai	TUV - Bí thư Huyện ủy	<i>Trưởng ban</i>
Đ/c Ma Văn Rục	Phó Bí thư Thường trực HU	<i>Phó ban TT</i>
Đ/c Phạm Bình Công	Phó Bí thư HU - Chủ tịch UBND	<i>Phó ban</i>
Đ/c Doãn Thanh Nhân	UV BTV - Trưởng BTG HU	<i>Ủy viên TT</i>
Đ/c Mông Chí Hồng	UV BTV - Trưởng BTC HU	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Bế Văn Kính	UV BTV - Chủ nhiệm UBKT HU	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Lèng Hữu Hiền	UV BTV - Trưởng BDV HU	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Lê Văn Quý	UV BTV - Phó Chủ tịch HĐND	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Hoàng Duy Hưng	UV BTV - Phó Chủ tịch TT UBND	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Đào Thế Hưng	UV BTV - Trưởng Công an huyện	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Nguyễn Huy Ngọc	UV BTV - CHT BCH QS huyện	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Hà Thị Hường	HUV - Chánh Văn phòng HU	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Nguyễn Thường Sơn	HUV - Chủ tịch UB MTTQ huyện	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Nguyễn Chí Tâm	HUV - Phó Trưởng Ban TT BTG HU	<i>Ủy viên</i>

Biên soạn giai đoạn 1946 - 2000

Nguyễn Xuân Minh - Vũ Thanh Khôi - Phạm Tất Quỳnh -
Nguyễn Văn Thắng - Dương Công Nhuận - Nguyễn Thu Huyền

Phối hợp chỉnh lý, bổ sung, biên soạn giai đoạn 1946 - 2015

Công ty Cổ phần Sách và Truyền thông Văn hóa Việt
Lê Văn Quỳnh - Nguyễn Thị Thuấn - Nguyễn Thị Thùy Linh -
Phạm Thị Thanh Hoa

LỜI GIỚI THIỆU

Phú Lương là huyện miền núi thuộc tỉnh Thái Nguyên, có bề dày về lịch sử và truyền thống văn hóa. Nhân dân các dân tộc trong huyện luôn đoàn kết, cần cù trong lao động, anh dũng trong đấu tranh để bảo vệ và xây dựng quê hương. Phú Lương có vị trí chiến lược về quốc phòng với địa hình rừng núi hiểm trở, nằm trên tuyến Quốc lộ 3 nên dễ dàng tỏa xuống các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ hoặc lên Bắc Kạn, Cao Bằng, đến biên giới Việt - Trung, tiện lợi cho việc liên kết các phong trào cách mạng. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Phú Lương là cửa ngõ vào Thủ đô kháng chiến, một số xã phía tây huyện được Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn để xây dựng thành xã An toàn khu kháng chiến (ATK).

Đảng bộ huyện Phú Lương ra đời vào tháng 11/1946, gánh vác sứ mệnh lịch sử lãnh đạo phong trào cách mạng của huyện. Trong 70 năm qua (1946 - 2016), Đảng bộ tiến hành 23 kỳ đại hội, mỗi kỳ đại hội ở hoàn cảnh lịch sử cụ thể với những thuận lợi và khó khăn khác nhau. Song, Đảng bộ đã vận dụng linh hoạt các chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy để đề ra phương hướng, nhiệm vụ sát hợp với hoàn cảnh thực tế của huyện. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang đã đưa phong trào cách mạng của Phú Lương nhanh chóng hòa nhập với phong trào cách mạng của tỉnh và cả nước, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

*Để ghi lại những chặng đường lịch sử đấu tranh cách mạng, làm tài liệu giáo dục truyền thống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, tổng kết và đúc rút những bài học kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Ban Thường vụ Huyện ủy khóa XXIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020) quyết định tái bản có chỉnh lý, bổ sung cuốn **“Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương (1946 - 2015)”**.*

Cuốn sách kế thừa nội dung của cuốn “Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập I (1930 - 1954)” xuất bản năm 1996 và cuốn “Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955 - 2000)” xuất bản năm 2005, trên cơ sở nguồn tư liệu mới sưu tầm từ các nhân chứng và tài liệu lưu trữ ở các cấp để bổ sung, chỉnh lý làm phong phú các sự kiện lịch sử, đồng thời biên soạn tiếp giai đoạn 2000 - 2015. Cuốn sách được bố cục thành Mở đầu và 5 chương nội dung, kết luận, phụ lục, phụ bản ảnh. Nội dung Mở đầu giới thiệu khái quát về vùng đất, con người và truyền thống của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương từ khởi nguồn đến khi Cách mạng tháng Tám thành công. Chương I và Chương II trình bày quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân Phú Lương dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện. Chương III, Chương IV và Chương V ghi lại chặng đường thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng bộ và nhân dân trong huyện (1975 - 2015). Cuốn sách cũng nêu bật sự ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện Phú Lương đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với phong trào cách mạng của tỉnh và của cả nước suốt 70 năm qua, trên cơ sở đó đúc rút bài học kinh nghiệm chủ yếu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Nhân dịp xuất bản, Ban Thường vụ Huyện ủy chân thành cảm ơn sự quan tâm, đóng góp nhiệt tình của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân trong và ngoài huyện (nhất là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đã hoạt động, công tác ở Phú Lương qua các thời

kỳ), sự giúp đỡ về tư liệu của cơ quan lưu trữ các cấp và sự phối hợp của Công ty Cổ phần Sách và Truyền thông Văn hóa Việt để cuốn sách hoàn thành đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng.

Nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ là một công việc có nhiều khó khăn phức tạp. Mặc dù có nhiều cố gắng trong quá trình thực hiện và được sự đóng góp, giúp đỡ nhiệt tình của các cơ quan nghiên cứu, đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, song do công tác nghiên cứu, sưu tầm tư liệu còn hạn chế, nhiều tư liệu thành văn không lưu trữ được (đặc biệt là trước năm 1954), cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương để cuốn sách ngày càng hoàn thiện.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc!

T/M BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHÚ LƯƠNG

Bí thư

NGUYỄN THỊ MAI

Mở đầu

PHÚ LƯƠNG - TỪ KHỞI NGUỒN ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

I. Địa danh Phú Lương và sự thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ

Theo những ghi chép trong “*Đại Việt sử ký toàn thư*” do Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê biên soạn thì dưới thời nhà Lý đã xuất hiện phủ Phú Lương. Ghi chép đầu tiên về địa danh này là vào năm 1125 “vua (Lý Nhân Tông) sai Lý Hiến là trung thư giữ phủ Phú Lương đến Giang Nam”¹. Như vậy, muộn nhất là năm 1125 đã có địa danh Phú Lương. Khi ấy, Phú Lương là một phủ rộng lớn, bao gồm phần đất tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn², Cao Bằng và một phần địa bàn các huyện Sóc Sơn (Hà Nội), Bình Xuyên (Vĩnh Phúc) ngày nay.

Thời thuộc Minh (1407 - 1427), Phú Lương được đổi thành huyện thuộc phủ Thái Nguyên. Từ thời Lê đến đầu thời Nguyễn, Phú Lương là một huyện thuộc phủ Phú Bình. Theo sách “*Các trấn tổng xã danh bị lãm*” viết vào giữa đời Gia Long (được Dương Thị The, Phạm Thị Hoa dịch và biên soạn thành sách “*Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*”), Phú Lương có 6 tổng, 23 xã,

¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2003, tr.215.

² Tên gọi “Bắc Kạn” được sử dụng thống nhất từ năm 1997 đến nay. Trước đó, trong nhiều văn bản hành chính vẫn sử dụng cả từ “Bắc Kạn” và “Bắc Cạn”. Để người đọc tiện theo dõi, chúng tôi thống nhất sử dụng từ “Bắc Kạn” trong toàn bộ cuốn sách.

trang, phường¹.

Năm Minh Mệnh thứ 16 (năm 1835), triều Nguyễn tách 4 châu, huyện gồm Định Châu, Văn Lãng, Đại Từ, Phú Lương để lập phủ mới gọi là phủ Tông Hóa. Đến năm Tự Đức thứ 4 (năm 1851), huyện Phú Lương do tri huyện Đại Từ kiêm nhiếp. Sách “*Đồng Khánh địa dư chí*” chép: “*Huyện hạt cách phủ lý 78 dặm về phía đông nam. Phía đông giáp các xã Quang Vinh, Văn Lãng huyện Động Hỷ, phía tây giáp xã An Trạch, Định Châu và giáp 2 xã Thượng Lương, Hạ Lương huyện Văn Lãng, phía nam giáp 2 xã Huy Ngạc, Yên Thái huyện Đại Từ, phía bắc giáp trang Yên Đĩnh châu Bạch Thông. Đông tây cách nhau 63 dặm. Nam bắc cách nhau 135 dặm. Huyện có 6 tổng gồm 28 xã, trang, phường*”².

Dưới thời Pháp thuộc, từ năm 1890, để dễ bề cai trị và đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp đã chia nhỏ địa bàn Thái Nguyên để nhập vào tiểu quân khu thuộc

¹ *Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb.Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012, tr.102.

- Tổng Ý Na có 5 xã: Ý Na, Bá Vân, Phú Xuân, Cải Đan, Pha Đan.
- Tổng Cù Vân có 2 xã: Phục Linh, Lạc Mỹ.
- Tổng Sơn Cẩm có 5 xã, phường: Sơn Cẩm, Quán Triều, Cao Ngạn, phường thủy cơ bến Cao Ngạn, Hộ Nhiêu.
- Tổng Động Đạt có 3 xã: Động Đạt, Bô Lý, Phấn Sứ.
- Tổng Cổ Lũng có 4 xã: Cổ Lũng, Khúc Lộng, Dựng Tú, Bá Sơn.
- Tổng Túc Tranh có 4 xã, trang: Quảng Cố, trang An Lạc, Phú Đô, Đan Khê.
Ngoài ra còn có 4 xã phiêu bạt gồm: Cù Vân (tổng Cù Vân), Vô Tranh (tổng Sơn Cẩm), Phấn Mễ (tổng Động Đạt), Túc Tranh (tổng Túc Tranh).

² *Đồng Khánh địa dư chí (tập 1)*, Nxb.Thế giới, Hà Nội, 2003, tr.812.

- Tổng Túc Tranh có 5 xã, trang: Túc Tranh, Quảng Cố, trang An Lạc, Đan Khê, Thanh Trà.
- Tổng Động Đạt có 4 xã: Động Đạt, Phủ Lý, Phấn Sứ, Phấn Mễ.
- Tổng Cù Vân có 3 xã: Cù Vân, Phục Linh, Thọ Linh.
- Tổng Cổ Lũng có 4 xã: Cổ Lũng, Bá Sơn, Khúc Lộng, Dựng Tú.
- Tổng Sơn Cẩm có 7 xã, phường: Sơn Cẩm, Cao Ngạn, phường thủy cơ xã Cao Ngạn, Quán Triều, Hộ Hiểu, Vô Tranh, Phú Đô.
- Tổng Ý Na có 5 xã: Ý Na, Phú Xuân, Bá Vân, Phi Đơn, Cải Đan.
Thời gian sau, huyện Phú Lương có thêm tổng Yên Đĩnh.

các đạo quan binh. Trong đó, phủ Tông Hóa, phủ Phú Bình nhập với một số địa hạt khác thuộc tỉnh Lục Nam và tỉnh Bắc Ninh, lập thành Tiểu khu quân sự Thái Nguyên, sau thuộc Đạo quan binh I Phả Lại (Đạo quan binh Phả Lại thành lập ngày 9/9/1891). Như vậy lúc này, Phú Lương là một huyện thuộc Tiểu khu quân sự Thái Nguyên.

Theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương ký vào các ngày 10/10/1892 và 15/10/1892, tỉnh Thái Nguyên được tách khỏi các đạo quân sự; đến ngày 1/11/1892 được lập lại như cũ, đặt dưới quyền của viên công sứ như các tỉnh đồng bằng. Tỉnh Thái Nguyên được lập lại gồm 3 phủ, 8 huyện, 2 châu. Phú Lương là 1 trong 3 huyện thuộc phủ Tông Hóa.

Ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định tách phủ Tông Hóa khỏi tỉnh Thái Nguyên để thành lập tỉnh Bắc Kạn. Ngày 25/6/1901, theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương, tổng Yên Đĩnh tách khỏi huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên) để sáp nhập vào châu Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn).

Cuối những năm 10 thế kỷ XX, thực dân Pháp chia Thái Nguyên thành 2 phủ (Phú Bình, Phổ Yên), 3 huyện (Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ), 3 châu (Võ Nhai, Văn Lãng, Định Hóa). Huyện Phú Lương khi đó có 7 tổng, gồm Quán Triều, Cổ Lũng, Túc Tranh, Động Đạt, Phủ Lý, Yên Đổ, Yên Trạch với 21 làng¹.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, huyện Phú Lương có 7 tổng với 25 xã: tổng Cổ Lũng (3 xã), tổng Sơn Cẩm (3 xã), tổng Ninh Tường (7 xã), tổng Yên Thịnh (3 xã), tổng Động Đạt (3 xã), tổng Túc Tranh (3 xã), tổng Yên Đổ (3 xã).

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, một số xã nhỏ được sáp nhập lại, Phú Lương còn 12 xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp

¹ *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.9.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Thành, Yên Đổ, Yên Lạc, Động Đạt, Phấn Mễ, Phú Đô, Tứ Tranh, Vô Tranh, Cổ Lũng và Sơn Cẩm. Năm 1948, xã Phú Đô và xã Tứ Tranh sáp nhập thành xã Tân Phú, xã Yên Ninh và xã Yên Trạch sáp nhập thành xã Yên Trạch, huyện Phú Lương còn 10 xã.

Trong những năm 1953 - 1954, bước vào thời kỳ giảm tô, một số xã được chia ra: xã Tân Phú chia thành xã Tứ Tranh, Phú Đô; xã Yên Trạch chia thành xã Yên Trạch và Yên Ninh; xã Hợp Thành chia thành 3 xã Phủ Lý, Hợp Thành và Tân Thành. Vì thế, huyện Phú Lương có 14 xã¹.

Thực hiện Nghị quyết số 103-NQ-TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ ngày 1/7/1965, tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái. Tiếp theo đó, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 111/NV ngày 25/3/1967, cắt thị trấn Chợ Mới và 9 xã khác của huyện Bạch Thông² về huyện Phú Lương. Như vậy, từ tháng 3/1967, huyện Phú Lương có 1 thị trấn và 23 xã.

Theo Quyết định số 136/NV ngày 7/4/1967 của Bộ Nội vụ, xã Tân Thành đổi tên thành xã Ôn Lương.

Thực hiện Quyết định số 616/VP18 ngày 23/2/1977 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng, tháng 9/1977, thị trấn Giang Tiên chính thức được thành lập và đi vào hoạt động.

Thực hiện Nghị định số 36/CP ngày 3/6/1993 của Chính phủ, ngày 20/7/1993, thị trấn Đu được thành lập trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Động Đạt.

Ngày 6/11/1996, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX ban

¹ Thống kê tình hình dân số và dân tộc của xã sau cải cách ruộng đất, Lưu trữ tại Chi cục văn thư Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

² Gồm: Nông Hạ, Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Quảng Chu, Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư.

hành nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 1/1/1997. Thị trấn Chợ Mới và 9 xã: Nông Thịnh, Yên Đĩnh, Thanh Bình, Quảng Chu, Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, Nông Hạ được cắt trở lại huyện Bạch Thông như trước tháng 3/1967.

Theo Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 13/12/2013 của Chính phủ, địa giới hành chính các xã Động Đạt, Phấn Mễ được điều chỉnh để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Đu.

Đến năm 2015, huyện Phú Lương có 2 thị trấn (Đu, Giang Tiên) và 14 xã: Cổ Lũng, Động Đạt, Hợp Thành, Ôn Lương, Phấn Mễ, Phú Đô, Phủ Lý, Sơn Cẩm, Túc Tranh, Vô Tranh, Yên Đổ, Yên Lạc, Yên Ninh, Yên Trạch.

II. Điều kiện tự nhiên và xã hội

Phú Lương là một huyện miền núi nằm ở khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên, phía bắc giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn), phía đông giáp huyện Đồng Hỷ, phía nam và đông nam giáp thành phố Thái Nguyên, phía tây nam giáp huyện Đại Từ, phía tây giáp huyện Định Hóa. Trung tâm huyện đặt tại thị trấn Đu, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 22km theo Quốc lộ 3¹. Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015, huyện có diện tích tự nhiên là 36.762ha (trong đó có 12.764ha đất sản xuất nông nghiệp, 16.449ha đất lâm nghiệp, 4.018ha đất chuyên dùng và 1.549ha đất ở).

Địa hình Phú Lương thấp dần từ phía bắc xuống phía nam, độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 100 - 400m, chia

¹ Dưới thời Pháp thuộc gọi là đường thuộc địa số 3 (gọi tắt là đường số 3). Từ sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, trục đường này được Nhà nước quan tâm nâng cấp và mở rộng thành quốc lộ.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thành 2 vùng rõ rệt: Các xã phía nam huyện thuộc địa hình vùng núi thấp và đồi, độ dốc thường dưới 15°. Vùng này mang tính điển hình của vùng trung du nhiều đồi ít ruộng. Các xã phía bắc thuộc vùng núi, địa hình phức tạp, độ cao trung bình từ 300 - 400m¹, độ dốc phần lớn trên 20°, thảm thực vật dày, tán che phủ cao, phần nhiều là rừng xanh quanh năm. Địa hình của huyện bị chia cắt bởi nhiều thung lũng, các con sông, suối lớn nhỏ...

Với loại đất chủ yếu là đất feralit vàng đỏ trên phiến thạch sét, feralit màu vàng nhạt trên đá cát và đất nâu đỏ trung tính trên đá mácma bazơ, Phú Lương có nhiều khả năng phát triển lâm nghiệp và trồng các loại cây công nghiệp, chủ yếu là cây chè. Hiện nay, Phú Lương là huyện có diện tích trồng chè lớn thứ 2 tỉnh Thái Nguyên, tập trung nhiều nhất ở các xã Tức Tranh, Vô Tranh, Phú Đô... Chè Phú Lương có hương vị thơm ngon không kém chè Tân Cương, thể hiện trình độ khá cao về kỹ thuật trồng và chế biến của người dân trong vùng.

Từ thời xưa, Phú Lương là một vùng đất giàu tài nguyên thiên nhiên. Sách *"Đại Nam nhất thống chí"* của Quốc sử quán triều Nguyễn có ghi ở huyện Phú Lương có nhiều cỏ tranh, lá cọ, các loại mây, hậu phác, sa nhân, tre nứa, tre gai, tre hoa, gỗ lim, gỗ sến, gỗ đinh, gỗ táu, gỗ xoan, ngoài ra còn có chè nam, củ nâu, nhung hươu, mật gấu, sáp ong, chim công². Nhưng cùng với thời gian, trải qua bao đời, rừng cây đã bị tàn phá, những sản vật quý hiếm này cũng khan hiếm dần. Từ những năm 80 thế kỷ XX, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, phong trào trồng cây gây rừng được duy trì, mở rộng, nhờ đó môi trường sinh thái được bảo vệ.

¹ Ngọn núi cao nhất huyện là núi Chúa (đỉnh cao nhất 432m) nằm trên đất các xã Động Đạt, Hợp Thành.

² *Đại Nam nhất thống chí, tập 4*, Nxb.Thuận Hóa, Huế, 2006, tr.209-210.

Lòng đất huyện Phú Lương có nhiều khoáng sản, trong đó nhiều nhất là than. Than có nhiều ở xã Phấn Mễ, xã Sơn Cẩm. Than Phấn Mễ thuộc loại than mỡ, nhiệt lượng cao (8.676 kcal/kg), có giá trị cao trên thị trường Đông Dương khi xưa, dùng cho công nghiệp luyện kim và đường sắt. Từ năm 1905, thực dân Pháp bắt đầu thăm dò và không lâu sau đó thì tiến hành khai thác một cách ồ ạt. “*Tiểu chí Thái Nguyên*” của Công sứ Pháp Esina cho biết trung bình mỗi tháng mỏ than Phấn Mễ xuất ra ngoài tỉnh 2.000 tấn. Đây là mỏ duy nhất trong tỉnh Thái Nguyên “*đã cưỡng lại được cuộc khủng hoảng kinh tế*”¹. Ngoài than, huyện Phú Lương còn có các loại khoáng sản như sắt, măng-gan, ti-tan, thiếc, đá vôi, sét xi măng, sét gạch ngói..., tập trung nhiều ở các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Vô Tranh.

Khí hậu Phú Lương mang tính chất nhiệt đới gió mùa với 2 mùa nóng, lạnh rõ rệt. Mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 10, nhiệt độ cao, nhiều khi có mưa lớn và tập trung. Mùa lạnh kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, nhiệt độ xuống thấp, thường xuyên có các đợt gió mùa Đông Bắc hanh, khô. Trung bình mỗi năm có khoảng 20 đợt gió mùa Đông Bắc tràn qua làm cho nhiệt độ xuống thấp, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, cây trồng và vật nuôi. Nhiệt độ trung bình trong năm khoảng 22°C, lượng mưa từ 1.800 - 2.000mm/năm, độ ẩm bình quân là 80%.

Phú Lương có khá nhiều sông, suối, phân bố tương đối đều ở các xã. Sông Chu, sông Đu và sông Cầu là 3 con sông chính, chảy qua địa phận nhiều xã trong huyện. Sông Chu và các nhánh của nó chảy qua các xã phía bắc huyện, trong đó nhánh chính dài khoảng 10km. Sông Đu bắt nguồn từ 2 nhánh chính: Nhánh thứ nhất, bắt nguồn từ vùng rừng núi Yên Thịnh, theo hướng đông bắc - tây nam, chảy qua địa phận các xã Yên

¹ Esina (Echinard): *Tiểu chí Thái Nguyên*.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Lạc, Động Đạt. Nhánh thứ hai, gồm một chi nhánh từ vùng núi xã Yên Trạch và một chi nhánh từ xã Bộc Nhiêu (huyện Định Hóa); 2 chi nhánh hợp lưu tại xã Phủ Lý (Phú Lương). Hai nhánh sông Đu hợp lưu ở thị trấn Đu, lần lượt chảy qua địa phận xã Phấn Mễ, thị trấn Giang Tiên, các xã Vô Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm rồi đổ vào sông Cầu. Tổng chiều dài của hệ thống sông Đu khoảng 44,5km. Con sông lớn nhất là sông Cầu, phát nguồn từ xã Bằng Phúc (Chợ Đồn), chảy qua huyện Bạch Thông, Chợ Mới men theo chân các dãy núi, đồi, đổ về địa phận các xã Phú Đô, Tứ Tranh, Vô Tranh, Sơn Cẩm của huyện Phú Lương với chiều dài 17km. Dưới thời Pháp thuộc, sông Cầu là tuyến giao thông thủy quan trọng của huyện Phú Lương và của tỉnh Thái Nguyên; hiện nay, đây là nguồn cung cấp nước chủ yếu đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất của một số xã như Phú Đô, Tứ Tranh, Vô Tranh, Sơn Cẩm. Ngoài ra, còn có nhiều con suối nhỏ len lỏi trong các làng, bảo đảm nước sinh hoạt và phục vụ cho sản xuất của đồng bào. Hầu hết các sông suối ở Phú Lương đều hẹp và dốc, nên khi mưa nhiều thường xảy ra lũ lụt, xói mòn và sạt lở đất, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống, sinh hoạt của nhân dân.

Giao thông vận tải của huyện phát triển chủ yếu ở loại hình đường bộ. Quốc lộ 3 chạy dài theo suốt chiều dọc của huyện (khoảng 40km), qua 8 xã, thị trấn (Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Giang Tiên, Phấn Mễ, Đu, Động Đạt, Yên Đổ, Yên Ninh); lên phía bắc đến các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, xuống phía nam về thành phố Thái Nguyên, đến Hà Nội. Tỉnh lộ 268 từ xã Yên Đổ đi Định Hóa; Tỉnh lộ 263 từ thị trấn Đu đi xã Phủ Lý, Hợp Thành, Ôn Lương sang huyện Đại Từ; Quốc lộ 37 từ ngã ba Bờ Đậu (xã Cổ Lũng) qua huyện Đại Từ sang tỉnh Tuyên Quang cũng là những tuyến giao thông quan trọng. Ngoài ra còn có hệ thống đường liên xã, liên huyện đã và đang được củng cố, nâng cấp, tạo điều kiện cho Phú Lương mở rộng quan hệ giao

lưu, trao đổi hàng hóa với các huyện trong tỉnh và ngoài tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội.

Phú Lương là vùng đất hội cư của nhiều bộ phận cư dân: Bộ phận cư dân bản địa đã đến định cư từ lâu đời; bộ phận dân phu được tư sản Pháp tuyển mộ vào làm trong các hầm mỏ, đồn điền; bộ phận đồng bào tại nơi khác di cư tự nhiên đến Phú Lương để khai phá đất đai, mở rộng làng bản, sinh cơ lập nghiệp; bộ phận đồng bào, cán bộ, chiến sỹ tản cư, sơ tán đến huyện trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; bộ phận đồng bào các tỉnh miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới trong những năm 60, 70 thế kỷ XX...

Năm 1932, dân số huyện Phú Lương là 7.030 người¹. Từ đó đến nay, dân số huyện liên tục tăng nhanh: năm 1948 là 13.700 người, năm 1970 là 54.676 người (gồm cả dân số các xã, thị trấn của huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn chuyển về), năm 2006 là 106.257 người và năm 2015 là 107.409 người. Trên địa bàn huyện có nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm 56,08%, các dân tộc thiểu số (dân tộc Tày, Sán Chay, Dao, Nùng, Sán Dìu...) chiếm 43,92%.

Mặc dù mỗi dân tộc đều có những sắc thái riêng về phong tục tập quán nhưng đồng bào không sống biệt lập mà thường xen kẽ vào cùng một chòm xóm. Là bà con xóm giềng sớm tối có nhau nên người dân trong vùng thường cư mang, đối xử với nhau có tình có nghĩa. Câu tục ngữ của người Tày “*Pì noọng tam tó, bó tày pì noọng só rườn*” cũng như câu tục ngữ của người Kinh “*Bán anh em xa, mua láng giềng gần*” đã nói lên sự gắn bó bên nhau giữa các gia đình trong xóm làng. Sự tương trợ lẫn nhau không chỉ thể hiện trong đời sống hằng ngày (các dịp ma chay, cưới xin, làm nhà...) mà còn thể hiện

¹ *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.14.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

trong sản xuất. Mối quan hệ đoàn kết keo sơn giữa đồng bào ngày càng được phát huy mạnh mẽ qua các thế hệ và trở thành một truyền thống hết sức quý báu.

Trong quá trình lao động sản xuất và chế ngự thiên nhiên, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương luôn thể hiện đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo. Họ tự chế tạo được các loại cung nỏ, súng kíp... để săn thú rừng, tự rèn đúc các loại dao, cuốc... làm đồ dùng sinh hoạt và sản xuất. Từ xưa người dân Phú Lương đã biết tự dệt lấy vải mặc, biết làm cọn nước và đào đắp mương, phai để dẫn nước vào ruộng.

Ngoài kỹ thuật làm ruộng nước, đồng bào các dân tộc Phú Lương rất thạo làm nương, làm rẫy. Nhờ kinh nghiệm tích lũy lâu năm nên đồng bào dễ dàng chọn rừng, đất làm rẫy, trồng ngô, lúa. Hằng năm, khi tiết cốc vũ, thanh minh vừa tới, các gia đình bắt đầu khởi công phát rẫy cho đến tháng 4, đầu tháng 5 âm lịch, rẫy được đốt dọn, vừa kịp đón những trận mưa rào làm ẩm, mềm đất và bắt đầu công việc trồng trọt.

Trong kỹ thuật canh tác, người dân Phú Lương từ lâu đã biết trồng luân canh, xen canh, gối vụ. Đồng bào chọn, gìn giữ những giống lúa thơm ngon nổi tiếng. Câu ca “*Cơm làng Giá, cá làng Du...*” từ thời xưa nói lên điều đó.

Bên cạnh văn hóa vật chất, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương còn góp phần xây dựng, gìn giữ và phát triển nền văn hóa tinh thần vô cùng phong phú của các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Những điệu hát lượn của người Tày, hát sli của người Nùng, những làn “*Sinh ca*”, múa Tắc Xình, hát Sắng Cọ của người Sán Chay... hay các loại truyện kể lưu truyền trong đồng bào các dân tộc, đều là những tài sản tinh thần quý giá, chứa đựng những yếu tố tích cực, lành mạnh, thể hiện tư tưởng, tình cảm trong sáng, ước mơ cao đẹp của quần chúng lao động. Trong đó, múa Tắc Xình và hát Sắng Cọ đã

được xếp hạng là Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

Tính đến hết năm 2015, trên địa bàn huyện Phú Lương có 13 di tích được xếp hạng, trong đó có 4 di tích được xếp hạng di tích Quốc gia gồm:

- Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng đền Đuối nằm trên địa bàn xã Động Đạt (theo Quyết định số 774/QĐ-BT ngày 21/6/1993 của Bộ Văn hóa - Thông tin).

- Di tích địa điểm sản xuất súng Bazoka đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam nằm tại thị trấn Giang Tiên (theo Quyết định số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin).

- Di tích địa điểm diễn ra Đại hội Chiến sỹ thi đua toàn quốc lần thứ nhất tại xóm Khuôn Lân, xã Hợp Thành (theo Quyết định số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin).

- Di tích địa điểm diễn ra Lễ thành lập Đại đoàn Quân Tiên phong (Sư đoàn 308) - Đại đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam tại thị trấn Đu (theo Quyết định số 4100/QĐ-BVHTTDL ngày 12/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Chín di tích được xếp hạng cấp tỉnh gồm: đền Khuôn ở xã Động Đạt; đền Trình, đền Quan ở thị trấn Giang Tiên; đền Đầm Sơn ở xã Cổ Lũng; di tích địa điểm thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên huyện Phú Lương ở xã Ôn Lương; di tích địa điểm Bác Hồ phát động làm đường giao thông ở xã Cổ Lũng; di tích địa điểm Bác Hồ về thăm trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa tại xã Phú Lý; đình Kẽm thờ Dương Tự Minh ở xã Yên Đổ - Nơi Bác Hồ về thăm và nói chuyện về chính sách thuế nông nghiệp; địa điểm tại xã Tứ Tranh - Nơi chiếc máy bay thứ 1.000 của giặc Mỹ rơi xuống miền Bắc, do đơn vị pháo binh 210

bắt hạ ngày 29/4/1966. Những điểm di tích trên là minh chứng cho vùng đất Phú Lương giàu truyền thống cách mạng.

III. Truyền thống yêu nước và cách mạng

Bên cạnh việc chế ngự thiên nhiên, bảo vệ và phát triển mùa màng, bằng lòng yêu nước nồng nàn, thiết tha với độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc, nhân dân các dân tộc Phú Lương ngay từ buổi đầu dựng nước đã đoàn kết chặt chẽ với đồng bào cả nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm và các thế lực phong kiến cát cứ.

Vào thế kỷ XI, đứng trước âm mưu và hành động xâm lược của nhà Tống, cùng với các địa phương miền núi phía Bắc, nhân dân phủ Phú Lương hăng hái tham gia đội quân của Lý Thường Kiệt. Bằng nhiều hình thức và mức độ khác nhau, nhân dân Phú Lương tích cực tham gia vào cuộc chiến chống quân xâm lược Tống, góp phần vào chiến công chung của dân tộc. Tiêu biểu cho sự đóng góp của nhân dân các dân tộc Phú Lương thời gian đó là Dương Tự Minh.

Dương Tự Minh là người dân tộc Tày, quê ở Quán Triều¹, thuộc phủ Phú Lương. Dưới triều vua Lý Nhân Tông (1072 - 1128), Dương Tự Minh được triều đình phong làm thủ lĩnh phủ Phú Lương, năm 1127, được nhà vua gả công chúa Diên Bình. Vốn có đức độ, thanh liêm, ông được nhân dân yêu mến, kính phục. Ông thường che chở, bênh vực cho những người nghèo khó. Suốt thời gian ông cai quản, nhân dân phủ Phú Lương sống trong cảnh thanh bình, thịnh vượng. Trong 30 năm cai quản phủ Phú Lương, Dương Tự Minh xây dựng tại địa hạt của mình một đội dân binh hùng mạnh. Các hoàng nam đều có nghĩa vụ phục vụ quân đội theo chế độ “*ngụ binh ư nông*”, luân phiên nhau đi lính rồi luân phiên trở về cày ruộng. Ông đã xây dựng đội quân phủ Phú Lương thành lực lượng

¹ Nay thuộc thành phố Thái Nguyên.

tiên phong chủ lực lên đường làm nhiệm vụ đánh giặc.

Năm 1140 - 1141, bọn phản loạn Thân Lợi tụ tập mấy nghìn người nổi dậy đánh chiếm châu Thái Nguyên, Thượng Nguyên, Tây Nông, Hạ Nông và phủ lý Phú Lương; sau đó kéo về hướng thành Thăng Long. Nhà Lý phải cử các quan đầu triều mang quân đi đánh, đến cuối năm 1141 mới dẹp xong. Sau cuộc nổi dậy này, lòng dân vùng Quảng Nguyên (vùng đất mới đòi lại được từ nhà Tống dưới thời vua Lý Nhân Tông) không khỏi dao động, lo lắng. Quân Tống cũng nhiều lần tràn sang vùng này để vơ vét tài nguyên và kích động người dân nổi dậy chống nhà Lý. Trước tình thế đó, tháng 10 năm Nhâm Tuất (năm 1142), nhà Lý cử Dương Tự Minh đi Quảng Nguyên “*chiêu tập người trong châu trước kia bị phiêu dạt, trốn tránh*”. Với những việc làm tích cực nhưng mềm dẻo và linh hoạt, Dương Tự Minh đã nhanh chóng quy thuận được lòng dân về một mối. Đến mùa thu năm Quý Hợi (năm 1143), Lý Anh Tông “*xuống chiếu cho Dương Tự Minh cai quản công việc các khe động dọc biên giới về đường bộ*”; năm Giáp Tý (năm 1144), lại đem công chúa Thiệu Dung gả cho Dương Tự Minh và phong ông làm Phò mã lang (Phò mã Đô úy). Như vậy, Dương Tự Minh không chỉ là thủ lĩnh của phủ Phú Lương mà còn thay mặt triều đình cai quản cả một vùng dọc theo biên giới phía Bắc Đại Việt.

Sử sách ghi lại: “...người yêu thuật nước Tống là Đàm Hữu Lượng trốn sang châu Tư Lang, tự xưng là Triệu tiên sinh, nói dối là vâng mệnh đi sứ để dụ nước An Nam. Các khe động dọc biên giới nhiều người theo. Hữu Lượng bàn đem đồ đảng đến cướp châu Quảng Nguyên... Vua xuống chiếu cho Phò mã lang Dương Tự Minh cùng văn thân là Nguyễn Như Mai, Lý Nghĩa Vinh đi đánh”¹. Trong một thời gian ngắn, Dương Tự Minh đã bắt được bè đảng của Hữu Lượng là bọn Bá Đại.

¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb.Thời đại, Hà Nội, 2003, tr.236.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Những chiến công xuất sắc của Dương Tự Minh tại Thông Nông và Quảng Nguyên đã góp phần cùng với các chiến thắng trước đó của Lý Thường Kiệt tại phòng tuyến Sông Cầu đập tan âm mưu xâm lược của triều đại phong kiến Tống đối với nước Đại Việt. Đến năm 1164, triều Tống phải công nhận Đại Việt là một vương quốc độc lập và trong vòng hơn một trăm năm sau đó, nhà Tống không dám xâm phạm bờ cõi nước ta.

Sau khi vua Lý Thần Tông qua đời, triều đình tôn Thái tử Thiên Tộ lên ngôi khi mới 3 tuổi. Thái hậu Lê Cảm Thánh cầm quyền nhiếp chính, tư thông với Thái úy Đỗ Anh Vũ, mọi việc lớn nhỏ trong triều đều nằm trong tay vị đại thần họ Đỗ quyết định. Thấy Đỗ Anh Vũ lạm quyền, các quan Vũ Đái, Nguyễn Dương, Nguyễn Quốc và Dương Tự Minh bày mưu trừ khử nhưng không thành. Sau đó, thủ lĩnh Phú Lương Dương Tự Minh cùng 2 vị công chúa Diên Bình, Thiệu Dung trở về Điểm Sơn (núi Đuổm) và mất ở đây. Sau này, nhà Lý truy phong ông làm "*Uy viễn đồn tĩnh cao sơn quảng độ chi thần*", nhiều triều đại phong kiến Việt Nam ban sắc phong là Thượng đẳng thần, còn nhân dân tưởng nhớ ơn đức người anh hùng dân tộc có công đánh giặc cứu nước và tôn ông làm Đức Thánh, xây đền thờ ông ở chân núi Đuổm.

Năm 1226, nhà Trần lên thay nhà Lý, mở ra một thời kỳ phát triển mới của xã hội nước ta. Dưới thời Trần Thái Tông (1226 - 1256) và Trần Nhân Tông (1279 - 1293), dân tộc ta đã 3 lần kháng chiến đánh bại cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông. Trong cả 3 lần kháng chiến thắng lợi ấy, nhân dân các dân tộc phủ Phú Lương đã góp một phần rất đáng kể.

Vào cuối thế kỷ XIV, nhà Trần suy vong, đất nước ta ở trong tình trạng rối ren, phức tạp. Hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, đói kém... liên tiếp xảy ra, gây nên những hậu quả bi thảm cho đời sống nhân dân, các cuộc khởi nghĩa của nông dân bùng nổ. Lợi

dụng tình hình ấy, nhà Hồ chiếm đoạt ngôi vua và trị vì đất nước trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn về các mặt kinh tế - xã hội. Đó chính là một nguyên nhân chủ yếu khiến cho nhà Hồ không đủ sức tập hợp quần chúng nhân dân, phát động cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, dẫn đến tình trạng đất nước rơi vào tay quân xâm lược Minh.

Trong 20 năm thống trị đất nước ta, giặc Minh đã gây ra bao cảnh đau thương tang tóc, đi tới đâu chúng đều cướp phá, chém giết tàn bạo. Không cam chịu sống cuộc đời nô lệ, nhân dân ta ở các địa phương đều nổi dậy khởi nghĩa. Đầu năm 1408, dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Trần Nguyên Khang và Nguyễn Đa Bí, nhân dân trong vùng nổi dậy chống lại giặc Minh.

Trong những năm tiếp theo, phong trào đấu tranh của nhân dân ta tiếp tục phát triển, nổi bật là những hoạt động của nghĩa quân “áo đỏ”. Từ Thái Nguyên, phạm vi hoạt động của nghĩa quân lan rộng ra các vùng xung quanh bao gồm toàn bộ vùng rừng núi Việt Bắc, Tây Bắc xuống đến vùng rừng núi Thanh Hóa, Nghệ An, gây cho địch nhiều tổn thất.

Sau khi quân xâm lược Minh bị nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đánh bại, đất nước ta được giải phóng và bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ. Nhưng từ đầu thế kỷ XVI, triều đình nhà Lê suy yếu, nạn cát cứ và tranh chấp giữa các tập đoàn phong kiến diễn ra gay gắt. Tập đoàn phong kiến do Mạc Đăng Dung cầm đầu thắng thế gây sức ép phế truất triều Lê, lập ra triều Mạc.

Giữa thế kỷ XVI, đất nước ta bị chia cắt làm 2 miền: Từ Thanh Hóa trở ra thuộc họ Mạc (Bắc triều), từ Thanh Hóa trở vào thuộc họ Trịnh (Nam triều). Cuộc chiến tranh giữa 2 tập đoàn phong kiến Trịnh - Mạc kéo dài trên nửa thế kỷ, gây ra bao điều khổ nhục cho dân chúng. Thái Nguyên khi đó là một trong những nơi trở thành bãi chiến trường, nên cuộc sống của

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

nhân dân càng khổ cực hơn. Do đi ngược lại với nguyện vọng của nhân dân, không được nhân dân ủng hộ, nhà Mạc đã bị nhà Trịnh đánh bại.

Bước vào thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Ngoài khủng hoảng nghiêm trọng. Khởi nghĩa nông dân liên tiếp diễn ra. Sang thế kỷ XIX, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, phong trào khởi nghĩa nông dân tiếp tục phát triển. Đặc biệt là vào năm 1883, cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân bùng nổ trên quy mô lớn, bao gồm hầu hết các tỉnh Việt Bắc và được đông đảo đồng bào các dân tộc tham gia.

Sự phát triển của phong trào khởi nghĩa nông dân thế kỷ XVIII - XIX là một trong những biểu hiện khủng hoảng suy yếu của chế độ phong kiến Việt Nam. Vương triều Nguyễn lúc này không còn đủ sức đoàn kết nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Đất nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.

Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng và đặt bộ máy cai trị ở Nam Kỳ, Trung Kỳ và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ, thực dân Pháp bắt đầu đem quân đánh chiếm các tỉnh miền núi phía Bắc. Ngày 17/3/1884, quân Pháp từ Bắc Ninh tràn sang đánh chiếm thành Thái Nguyên lần thứ nhất nhưng thường xuyên bị quân và dân Thái Nguyên đánh du kích quấy rối nên 4 ngày sau chúng buộc phải rút về Bắc Ninh. Sáng ngày 15/4/1884, thực dân Pháp tổ chức đánh chiếm thành Thái Nguyên lần thứ hai. Lần này, chúng tiếp tục bị quân ta bao vây, cắt đứt các đường tiếp tế lương thực, thực phẩm. Rơi vào tình thế khó khăn, ngày 19/4/1884, quân Pháp phải bỏ lại thành, rút về Bắc Ninh.

Sau 2 lần đánh chiếm không giữ được thành, ngày 10/5/1884, thực dân Pháp tổ chức đánh chiếm thành Thái Nguyên lần thứ ba. Từ đây, chúng mở các cuộc tiến công lên một số huyện miền núi hòng mở rộng phạm vi chiếm đóng ra toàn tỉnh. Năm

trên con đường giao thông huyết mạch từ Thái Nguyên đi Cao Bằng, lại kề sát thị xã Thái Nguyên, ngay từ đầu, Phú Lương là một địa bàn quan trọng được bọn thực dân chú ý. Sau khi đánh chiếm được Phú Lương, thực dân Pháp đã xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc và bố trí một lực lượng quân sự khá lớn trên địa bàn huyện.

Vào những năm 1888 - 1889, tướng Boóc-nhi-đê-boóc nắm quyền binh trong tỉnh và chỉ huy các cuộc hành quân đánh chiếm Chợ Mới. Bọn thực dân đã gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của nhân dân địa phương. Dưới sự chỉ huy của Phùng Bá Chỉ (tức Bá Kỳ), nhân dân Phú Lương cùng với các châu, huyện phía bắc đoàn kết chiến đấu chống quân xâm lược Pháp, tiêu biểu là trận Chợ Mới.

Ngày 17/1/1889, từ Bằng Ninh (thuộc xã Yên Ninh, cách Chợ Mới hơn 2km), thực dân Pháp đưa một đạo quân lớn gồm 924 tên (không kể 1.200 dân phu bị bắt đi vận chuyển lương thực, vũ khí), có pháo binh yểm trợ, theo đường nhỏ men các dãy núi đá tấn công lên Chợ Mới. Dựa vào địa hình hiểm trở, quân và dân ta tổ chức lực lượng, kiên quyết đánh trả. Cuộc chiến đấu diễn ra từ sáng sớm đến chiều tối, nhưng do thiếu vũ khí, đạn dược, quân ta phải thiêu hủy căn cứ và rút lui. Kết quả trong trận này, quân và dân ta tiêu diệt, làm bị thương 97 lính địch, trong đó có cả sĩ quan, làm cho “*Chính phủ Pháp lo lắng trước những tổn thất lớn*”¹.

Ngày 17/12/1889, tại Làng Cao, quân và dân Phú Lương phục kích, đánh chặn đoàn xe vận tải của thực dân Pháp từ thành Thái Nguyên lên Chợ Mới. Ba ngày sau, ta lại tổ chức đánh phục kích 2 trận vào toán quân gồm 24 tên khi chúng hộ tống đoàn xe vận tải từ Chợ Chu (Định Hóa) lên Chợ Mới (Bắc Kạn). Đêm 14, rạng sáng ngày 15/1/1890, quân và dân Phú

¹ Esina (Echinard): *Tiểu chí Thái Nguyên*.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Lương tiếp tục tập kích quân địch đang đóng tại đồn Chợ Mới, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Tiếp tục hưởng ứng phong trào chống Pháp, nhân dân Phú Lương lại tập hợp dưới ngọn cờ của Mã Sinh Long (tức Mã Mang). Nghĩa quân tổ chức đánh địch nhiều trận, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ngày 10/1/1897, nghĩa quân phục kích đoàn vận tải lương thực, vũ khí, thuốc men của địch từ tỉnh lỵ Thái Nguyên ngược sông Cầu lên Chợ Mới, đánh thiệt hại nặng đoàn hộ tống, thu toàn bộ vũ khí và hàng hóa. Nhờ sự ủng hộ của nhân dân, lực lượng nghĩa quân phát triển nhanh, trong nửa đầu năm 1897 đã lên tới 300 người. Hoạt động của nghĩa quân ngày càng mạnh, liên tiếp tổ chức đánh địch ở huyện lỵ Phú Lương, nam chợ Giang Tiên, trừng trị tên tri huyện và hàng chục lính địch. Sở Chỉ huy công trường Giang Tiên (có nhiệm vụ chỉ huy việc làm đường thuộc địa số 3) do tên sĩ quan giám binh Pháp chỉ huy cũng nhiều lần bị tấn công. Có trận, nghĩa quân đã trừng trị thích đáng tên chỉ huy, buộc Pháp phải cử người khác đến thay thế.

Trong khi đó, phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo vẫn tiếp diễn và lan rộng làm cho thực dân Pháp hết sức hoảng sợ. Khi phát triển tới Phú Lương, nghĩa quân được nhân dân các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ che chở, bảo vệ, tích cực ủng hộ lương thực, thực phẩm, vũ khí thô sơ.

Cùng thời gian này, ở phía Bắc huyện, quân và dân Phú Lương vẫn tiếp tục hoạt động quấy rối, chặn đánh từng toán nhỏ của địch. Chính tên công sứ Pháp ở Thái Nguyên Esina phải thú nhận: “*Bá Kỳ vẫn gây cho chúng ta những lo ngại*”¹.

Tuy nhiên, do tương quan lực lượng chênh lệch, lại thiếu

¹ Esina (Echinard): *Tiểu chí Thái Nguyên*.

hắn sự tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất trong cả nước nên cuộc chiến đấu của quân và dân ta thất bại. Thực dân Pháp vẫn chiếm đóng được Phú Lương và các nơi khác.

Nhằm ngăn chặn và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, ngay sau khi đánh Phú Lương, thực dân Pháp xây dựng hệ thống đồn bốt cùng với việc tăng cường lực lượng vũ trang. Năm 1894, thực dân Pháp cho lập đồn Đu (đồn Phú Lương) và giao cho một đơn vị lính khố xanh canh giữ. Sang năm 1895, chúng lập thêm đồn Giang Tiên và giao cho 1 đơn vị khác canh giữ, gồm 30 lính do 1 viên sĩ quan Pháp chỉ huy. Thực dân Pháp tiếp tục lập thêm các đồn Ba Xã, Bãi Nứa, Phấn Mễ vào các năm tiếp theo. Như vậy, đến đầu thế kỷ XX, trên địa bàn Phú Lương đã có 5 đồn binh của Pháp (Giang Tiên¹, Đu, Ba Xã, Bãi Nứa, Phấn Mễ), mỗi đồn binh lẻ có 30 - 50 lính, đồn binh lớn có 100 - 200 lính, bao gồm cả lính Âu - Phi, lính khố đỏ, lính khố xanh do người Pháp trực tiếp chỉ huy. Những đồn binh này đóng chốt ở những nơi quan trọng nhất, chụp lấy toàn bộ Phú Lương. Đến năm 1925, thực dân Pháp lại lập thêm ở Phấn Mễ một bốt cảnh sát có 30 lính. Nếu tính trung bình mỗi đồn binh trên địa bàn có 50 lính chính quy, không kể 110 lính đồng do quan lại người Việt chỉ huy thì cứ 1 khẩu súng giặc chĩa vào 4 hộ dân.

Cùng với việc lập bốt, xây đồn và tăng cường lực lượng quân sự, thực dân Pháp nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai do tri huyện đứng đầu. Dưới quyền tri huyện có lục sự, thừa phái, nho và 1 tiểu đội lính cơ do 1 cai cơ phụ trách. Ở các tổng có chánh tổng, phó chánh tổng và tổng đoàn, phó tổng đoàn. Ở các xã có lý trưởng, phó lý trưởng, xã đoàn, đồng, hội đồng kỳ mục. Trong các đồn điền và hầm mỏ, chúng tổ chức bộ máy cai trị riêng, đứng đầu là chủ đồn điền hay chủ mỏ, dưới

¹ Đến năm 1902, thực dân Pháp bỏ đồn này.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

quyền của chủ đồn điền là các quản điền, cai ký và đốc công.

Sau khi căn bản hoàn thành công cuộc bình định Việt Nam về mặt quân sự, thực dân Pháp ráo riết đẩy mạnh cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Tại Phú Lương, dựa vào quyền lực, bọn thực dân và quan lại địa phương ra sức cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, trại ấp. Đồn điền Lagô (còn gọi là đồn điền Na) có diện tích trên 300ha, chiếm hầu hết ruộng đất thuộc phạm vi các xã Động Đạt, Yên Lạc, Phấn Mễ, Vô Tranh. Tính đến ngày 30/5/1938, theo thống kê tình hình doanh điền của Pháp, diện tích đồn điền này lên tới 1.290ha, trong đó có 50ha trồng lúa, hàng chục héct-a chè, số còn lại là đồng cỏ để chăn nuôi.

Một số địa chủ người Việt chiếm khá nhiều ruộng đất để lập trại ấp trên con đường từ Phấn Mễ vào Hích (huyện Đông Hỷ) hoặc lập đồn điền ở các xã Vô Tranh, Sơn Cẩm, Yên Đổ... Để khống chế nông dân và cướp đoạt ruộng đất của họ, bọn địa chủ thường dùng thủ đoạn lấn dần và cho vay nặng lãi. Vì nợ chồng chất không sao trả được, người nông dân nghèo phải gán ruộng cho chủ nợ.

Dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, nhân dân các dân tộc Phú Lương phải sống cuộc đời tủi nhục. Bọn đế quốc và phong kiến tay sai cấu kết chặt chẽ với nhau, vừa tăng cường đàn áp các phong trào yêu nước, vừa ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân ta.

Cùng với thủ đoạn nhằm cướp bóc của cải, vơ vét tài nguyên khoáng sản, thực dân Pháp đặt ra nhiều thứ thuế vô lý, bất công. Thuế đinh (còn gọi là thuế thân, có từ thời phong kiến) là thứ thuế vô nhân đạo, đánh vào nam giới từ 18 tuổi trở lên. Chính quyền thực dân chia loại thuế này theo nhiều hạng, tùy theo ruộng đất. Những người có ruộng từ 1 mẫu trở lên phải nộp 3đ, 5đ, 10đ. Người ít ruộng nhất cũng phải đóng 2đ50.

Bên cạnh thuế đình là thuế điền, loại thuế này đánh vào ruộng đất theo 3 hạng: nhất đẳng điền, nhị đẳng điền, tam đẳng điền. Mỗi hạng phải nộp một mức thuế khác nhau nhưng nhiều nơi bọn lý trưởng, phó lý thường tìm mọi thủ đoạn xảo quyệt để bòn rút, kiếm chác. Thủ đoạn phổ biến mà chúng sử dụng là nâng hạng ruộng “*Nhất tam quy nhị, tam quy bố nhất*” (nghĩa là: Nếu tính ruộng loại 1 và loại 3 nhiều thì gộp lại tính theo ruộng loại 2, ai có ruộng loại 3 ít thì tính thuế theo ruộng loại 1).

Ngoài ra, người dân Phú Lương còn phải nộp các loại thuế môn bài, thuế trâu bò, thuế gà vịt, đồng thời phải chịu gánh nặng phu phen, tạp dịch. Mỗi lần như thế là một lần đẩy nhân dân lao động vào cảnh bần cùng, cơ cực. Ngược lại, bọn thống trị có dịp vợ vét, làm giàu. Chỉ tính riêng năm 1932, với số dân là 7.030 người (trong đó có 1.823 suất đình), huyện Phú Lương phải nộp cho chính quyền thực dân, phong kiến 5.241đ12 tiền thuế thân (trung bình mỗi suất đình phải nộp 2đ87); 7.305đ78 thuế điền thổ; 219đ32 thuế môn bài và 33đ25 các khoản khác¹. Như vậy, trung bình hàng năm mỗi người dân Phú Lương phải nộp cho bọn thống trị 1đ81².

Bên cạnh các thứ thuế vô lý và nặng nề, nhân dân Phú Lương phải chịu tô, tức rất cao. Những người không có ruộng phải nhận ruộng phát canh về cày cấy. Đến ngày thu hoạch, sản phẩm phải chia đôi nộp cho chủ ruộng. Nhiều khi thóc gặt về không đủ nộp tô cho chủ đành phải đi vay với mức vay một trả gấp đôi. Nhiều người phải bán lúa non, thậm chí gán cả vợ con để trừ nợ. Những người nông dân nghèo hầu hết không có trâu cày. Hoàn cảnh đó buộc họ phải đi thuê trâu của nhà giàu với giá từ 150 - 200kg thóc/năm. Vì vậy, sau vụ thu hoạch, người tá điền không còn thóc ăn.

¹ Esina (Echinard): *Tiểu chí Thái Nguyên*.

² Theo giá thời đó, 3 đồng mua được 20 tạ thóc.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Trong các đồn điền, dân phu phải làm việc quần quật suốt ngày nhưng chỉ được hưởng đồng lương rất rẻ mạt. Mỗi ngày đàn ông chỉ nhận được 0đ18 đến 0đ23 tiền công, phụ nữ và trẻ em chỉ được 0đ08 đến 0đ10.

Vào những dịp lễ tết, cúng giỗ... không chỉ nông dân, tá điền trong đồn điền Na, những người nông dân nghèo khổ cũng phải mang lễ vật đến hoặc phải làm việc không công cho chủ.

Ngoài việc chiếm ruộng đất của nông dân, bọn thực dân còn cướp đoạt hầm mỏ để vơ vét nguồn tài nguyên khoáng sản trong lòng đất. Từ năm 1905, thực dân Pháp đưa 9 công nhân đến mỏ than Làng Cẩm (Phấn Mễ) đào lò để thăm dò, sau đó tiến hành khai thác thử nghiệm. Đến năm 1908, chúng kết luận đây là mỏ than cốc có giá cao trên thị trường Đông Dương.

Năm 1910, Công ty mỏ than Bắc Kỳ chính thức khai thác than ở Phấn Mễ. Từ đó trở đi chúng tăng cường mộ phu, năm 1911, ở mỏ than này có 163 công nhân. Có năm, bọn chủ mỏ tuyển mộ đến 2.000 công nhân (năm 1924), nhưng thực tế chỉ có từ 200 - 300 công nhân có việc làm. Đây là một thủ đoạn xảo quyệt của bọn chủ nhằm tăng cường bóc lột sức lao động của công nhân. Bằng cách tạo ra một lớp công nhân “dư thừa”, chúng tạo ra sức ép để mặc sức tăng thêm giờ làm và giảm tiền công đối với những người đang có việc làm.

Tại các mỏ, công nhân phải làm việc trong điều kiện đặc biệt gian khổ, không có phương tiện bảo hiểm. Công nhân sống trong các lán trại, không có chăn màn, giường chiếu, quần áo rách rưới; mùa đông không có áo rét, phải khoác áo tơi, bao tải đi làm; lúc ốm đau, bệnh tật không được thuốc thang, khám chữa, chăm sóc... Trong khi đó, thời gian làm việc mỗi ngày thường kéo dài từ 10 - 12 giờ nhưng đồng lương được nhận lại vô cùng ít ỏi. Trung bình mỗi nam công nhân chỉ được trả từ 0đ20 - 0đ22/ngày, những người thợ được trả công cao nhất

cũng chỉ nhận từ 0đ40 - 0đ50/ngày. Nữ công nhân lại càng khổ hơn và phải chịu bao nhiêu nỗi nhục nhã. Cùng làm một công việc nặng nhọc như nam giới nhưng nữ công nhân chỉ được trả mỗi ngày từ 0đ08 - 0đ20. Ngoài ra, họ còn bị bọn chủ và cai chọc ghẹo, hãm hiếp bất cứ lúc nào.

Việc cúp lương, đánh đập, sa thải công nhân là những hiện tượng thường xuyên xảy ra. Riêng tại mỏ than Phấn Mễ trong năm 1924, số công nhân lên tới khoảng 2.000 người, những năm sau đó do khủng hoảng kinh tế xảy ra, bọn chủ mỏ sa thải 1.650 người. Số người có việc làm phải chịu đồng lương rẻ mạt, không đủ nuôi sống bản thân. Đã thế, công nhân mỏ phải ăn gạo “ngũ” - một thứ gạo của bọn đốc công, vợ con cai ký mua giá 0đ50 và bán lại cho thợ với giá đắt gấp 1,5 - 2 lần. Họ còn bị chúng bớt xén tiền công và chịu nhiều thứ phạt vạ vô lý khác.

Do bị bóc lột đến tận xương tủy, nhân dân lao động sống trong cảnh đời đói rách. Hầu hết các gia đình phải kiếm ăn từng bữa, cảnh ăn mày, ăn xin diễn ra đầy đường, góc chợ. Riêng tại xã Yên Lạc, nhân dân làm quần quật suốt ngày cũng chỉ đủ cơm, cháo trong 6 tháng, còn lại 6 tháng phải lên rừng đào củ, hái măng mai, măng nứa... để ăn, sống cho qua ngày đoạn tháng.

Sống dưới chế độ thực dân, phong kiến, nhân dân ta không những chịu cực khổ về vật chất mà còn bị đày đọa về tinh thần. Để dễ bề cai trị, bọn thực dân, phong kiến dùng mọi thủ đoạn kìm hãm nhân dân vào vòng lạc hậu, ngu dốt. Dưới thời Pháp thuộc, cả huyện Phú Lương chỉ có 3 trường học không toàn cấp (đặt ở Phủ Lý, Đu và Yên Ninh) từ lớp 1 đến lớp 3, với tổng số học sinh chưa đến 100 người, chủ yếu là con em quan lại phong kiến và những người giàu có trong huyện. Đại đa số con em nhân dân lao động không được đi học, tỷ lệ dân bị mù chữ

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

lên tới 95%. Các tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan... được bọn thực dân thống trị khuyến khích phát triển. Chúng mang rượu, thuốc phiện đến tận các làng, xã, bắt người dân phải tiêu thụ, vừa để vợ vét tiền của, vừa để đầu độc nhân dân, nhất là thanh niên.

Việc chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được chính quyền thực dân, phong kiến quan tâm. Cả huyện Phú Lương lúc đó chỉ có 1 nhà thương nhỏ chuyên khám chữa bệnh cho bọn quan lại, địa chủ. Còn người dân khi ốm đau, bệnh tật không có cơ sở y tế điều trị, phải nhờ thầy đến nhà cúng “ma”, trông chờ vào sự may rủi. Tình trạng hữu sinh vô dưỡng gần như thành hiện tượng phổ biến, nhất là trong đồng bào Dao.

Do đời sống quá thấp kém, điều kiện ăn ở thiếu vệ sinh, lại không có phương tiện phòng chống, nên bệnh tật phát sinh, đe dọa đến tính mạng của người dân. Chỉ riêng trong khu mỏ than năm 1928 đã có tới 173 công nhân chết vì sốt rét. Trận dịch hạch năm 1942 đã cướp đi sinh mạng của 200 người.

Thâm độc và xảo quyệt hơn, thực dân Pháp và phong kiến tay sai ra sức thực hiện chính sách chia rẽ sự đoàn kết vốn có giữa các dân tộc. Bằng mọi thủ đoạn, chúng tìm cách gây nên hiềm khích, thù hằn giữa các dân tộc này với dân tộc khác, giữa công nhân trong mỏ, trong đồn điền với nhân dân vùng lân cận, giữa những người dân mới đến ngụ cư với dân bản xứ.

Vì bị áp bức, bóc lột nặng nề, nhân dân các dân tộc Phú Lương hết sức căm phẫn bọn thực dân, phong kiến. Vốn mang trong mình dòng máu tự cường, bất khuất, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Trong phong trào đấu tranh đó, công nhân mỏ là lực lượng đi đầu. Năm 1913, cùng với cuộc đấu tranh của công nhân mỏ Hích (huyện Đồng Hỷ), công nhân mỏ than Phấn Mễ cũng tự tổ chức đấu tranh chống phạt vạ vô lý. Trong cuộc đấu

tranh này, anh chị em công nhân mỏ đã trừng trị thích đáng bọn cai, sếp là tay chân của chủ mỏ.

Năm 1917, một số công nhân mỏ than Phấn Mễ và người dân Phú Lương đã hăng hái tham gia cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp của binh lính người Việt do Trịnh Văn Cấn lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra vào đêm 30, rạng ngày 31/8/1917 tại tỉnh lỵ Thái Nguyên. Giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa, lực lượng chính là lính khố xanh của đồn binh và bộ phận tù chính trị bị giam giữ trong nhà lao tỉnh lỵ Thái Nguyên. Trong số 131 lính khố xanh tham gia cuộc khởi nghĩa có 4 người ở huyện Phú Lương. Đó là cai nhì Ma Văn Được (số lính 999, nguyên quán xã Phú Khuôn, tổng Phủ Lý), binh nhì Nguyễn Văn Tình (số lính 1031, nguyên quán xã Động Đạt, tổng Động Đạt), binh nhì Nguyễn Văn Tư (số lính 1263, nguyên quán xã Ôn Lương Hạ, tổng Phủ Lý) và binh nhì Nguyễn Thanh Truyển (số 1269, nguyên quán xã Lộc Trạch, tổng Yên Trạch)¹.

Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, sáng 31/8/1917, 312 người thuộc các tầng lớp nhân dân, trong đó có hơn 50 công nhân của mỏ than Làng Cẩm (Phấn Mễ) và mỏ kềm Làng Hích (huyện Đồng Hỷ) tham gia². Sự kiện này đánh dấu bước trưởng thành về chất của phong trào đấu tranh, là *“hiện tượng tiền triệu cho một thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam sắp bắt đầu; trong đó giai cấp công nhân vươn lên nắm bá quyền lãnh đạo”*³.

¹ Theo Dương Kinh Quốc: *Vài nét về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917*, in trong sách *“Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại”*, Thái Nguyên, 1997, tr.294-296.

² Theo Đinh Xuân Lâm: *Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917), các đặc điểm hình thành và phát triển*, in trong sách *“Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại”*, Thái Nguyên, 1997, tr.93.

³ Theo Đinh Xuân Lâm: *Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917), các đặc điểm hình thành và phát triển*, in trong sách *“Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại”*, Thái Nguyên, 1997, tr.93.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã khiến bộ máy cai trị của Pháp tại Hà Nội kinh hoàng, phải ra lệnh báo động khẩn cấp cho toàn bộ đồn bốt và công sứ các tỉnh xung quanh tỉnh Thái Nguyên tăng cường canh phòng, đóng chốt. Chúng huy động một lực lượng quân lớn với sự yểm trợ của vũ khí hiện đại để đàn áp cuộc khởi nghĩa. Mặc dù yếu hơn kẻ thù nhiều lần về lực lượng, vũ khí nhưng với tinh thần chiến đấu ngoan cường, nghĩa quân Thái Nguyên trong đó có cả những công nhân, nông dân Phú Lương đã giữ được tỉnh lỵ trong vòng một tuần và sau đó tiếp tục duy trì các hoạt động đánh địch trong nhiều tháng liền. Tháng 1/1918, khởi nghĩa Thái Nguyên kết thúc.

Sau khởi nghĩa Thái Nguyên, thực dân Pháp siết chặt hơn chính sách cai trị trong tỉnh, tăng cường xây dựng đồn bốt, tung mật thám. Ở Phú Lương, chúng lập bộ máy chỉ huy sản xuất, quản lý kinh tế và phối hợp với lực lượng cảnh sát, đồn binh tại Phấn Mễ nhằm đàn áp mọi hoạt động đấu tranh yêu nước của nhân dân. Mặc dù vậy, nhiều phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân Phú Lương tiếp tục nổ ra. Công sứ Pháp đã thừa nhận có *“nhiều vụ hành hung, nhiều vụ ám sát xảy ra ở các mỏ đang được khai thác đại quy mô. Sự tập hợp hàng ngàn cu li... đưa đến những xung đột hàng ngày...”*¹.

Trong những năm sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân vẫn tiếp tục diễn ra. Những cuộc đấu tranh này chỉ ở quy mô nhỏ lẻ, mang tính tự phát và đều thất bại, song đã khẳng định tinh thần yêu nước, đấu tranh kiên cường chống quân xâm lược, chống áp bức của nhân dân các dân tộc trong huyện. Đó là một trong những điều kiện thuận lợi để khi Đảng Cộng sản ra đời và lãnh đạo, nhân dân các dân tộc Phú Lương vùng dậy đấu tranh chống thực dân và tay sai phong kiến, giành quyền làm chủ.

¹ Esina (Echinard): *Lịch sử chính trị quân sự tỉnh Thái Nguyên*.

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của phong trào cách mạng nước ta, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối lãnh đạo, là điều kiện cơ bản quyết định đến những bước tiến và thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong những giai đoạn sau. Từ đó, làn sóng đấu tranh ngày càng lan rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, cơ sở đảng được xây dựng ở nhiều nơi trong toàn quốc.

Thái Nguyên lúc đó là một trong những tỉnh tập trung đông công nhân nên được Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ chú ý. Chi bộ hải ngoại Long Châu đã cử đồng chí Đặng Tùng về tuyên truyền, gây dựng cơ sở, phát triển phong trào cách mạng ở Thái Nguyên.

Nhờ sự tuyên truyền, giác ngộ của đồng chí Đặng Tùng, cuối năm 1936, cơ sở đảng đầu tiên được thành lập ở La Bằng (Đại Từ), sau đó vào đầu năm 1937 phát triển sang Phú Thượng (Võ Nai). Sự hình thành các tổ chức Đảng Cộng sản ở Đại Từ, Võ Nai có ảnh hưởng tốt đến đời sống chính trị của nhân dân nhiều huyện khác ở Thái Nguyên. Cuối năm 1937, đồng chí Đặng Tùng gửi báo cáo về phong trào cách mạng ở Võ Nai cho đồng chí Hoàng Văn Thụ. Tháng 4/1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ trở về Thái Nguyên kiểm tra các cơ sở ở Đại Từ, Võ Nai và tình hình ở mỏ Phấn Mễ. Tuy nhiên cho đến lúc này vì bị địch kìm kẹp, bưng bít, cán bộ Đảng chưa có điều kiện vào hoạt động cho nên người dân Phú Lương vẫn chưa biết đến cách mạng.

Trong những năm 1936 - 1939, phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ diễn ra sôi nổi khắp cả nước. Chi bộ Đảng Võ Nai, các đảng viên ở Định Hóa đã lãnh đạo dân phu đấu tranh đòi cấm đánh đập phu, chống bắt phu, tăng tiền công, trừng trị bọn ăn chặn tiền của dân phu... Các tổ chức Hội tương

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tế, Hội Ái hữu, nhóm đọc sách báo... được thành lập và phát triển. Phong trào đấu tranh dân chủ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những thắng lợi bước đầu, khiến nhà cầm quyền Pháp phải thực hiện một số cải cách trên lĩnh vực kinh tế - xã hội. Chủ đồn điền, chủ mỏ ở Làng Cẩm (Phấn Mễ) bớt đánh đập công nhân, công bố giờ làm việc tối đa mỗi ngày không quá 10 tiếng... Chúc sắc các làng cũng bớt hống hách, ức hiếp nhân dân hơn.

Đầu tháng 9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, nước Pháp tham gia chiến tranh và thi hành các chính sách phản động ở các nước thuộc địa. Tại Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng, thực dân Pháp thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ (1936 - 1939) và thẳng tay đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng của nhân dân. Chúng xây dựng thêm nhiều nhà tù, trại giam để giam giữ những người cộng sản và những người yêu nước tiến bộ, trong đó có trại giam Phấn Mễ. Đến tháng 9/1940, phát xít Nhật xâm chiếm Đông Dương, thực dân Pháp nhanh chóng đầu hàng, cùng quân Nhật bóc lột, đàn áp nhân dân ta. Đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, phải sống trong cảnh nô lệ "*một cổ hai tròng*".

Trước sự chuyển biến của tình hình, Đảng ta kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đồng thời chuyển trọng tâm công tác về các vùng nông thôn. Tại Thái Nguyên, cơ sở đảng, cơ sở cách mạng đã hình thành và phát triển ở nhiều nơi. Cơ sở và phong trào cách mạng ở Đại Từ và Võ Nhai ngày càng lan rộng.

Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (tháng 9/1940), các đội Cứu quốc quân I, Cứu quốc quân II ra đời ở Bắc Sơn (Lạng Sơn), Võ Nhai (Thái Nguyên). Thực hiện chủ trương của Đảng về việc phát triển lực lượng, giữ vững cơ sở, mở rộng phạm vi hoạt động ra ngoài vòng vây địch, từ cuối tháng 10/1941, Ban Chỉ

huy Cứu quốc quân II ở Võ Nhai cử một bộ phận Cứu quốc quân sang hoạt động ở Đại Từ, Định Hóa, bí mật gây dựng cơ sở chính trị trong nhân dân. Ngày 19/11/1941, một tổ Cứu quốc quân gồm các đồng chí: Nguyễn Cao Đàm, Phương Cương, Chu Viết Phong, Đường Thị Ân, Hoàng Thị Môn, Hoàng Thị Ngoan bí mật vượt vòng vây sang Đại Từ, nối liên lạc với cơ sở đảng ở La Bằng rồi mở rộng sang vùng Định Hóa.. Ở những nơi đội công tác đến, cơ sở và phong trào cách mạng được khôi phục từng bước. Đầu năm 1942, đội công tác liên lạc được với cơ sở ở núi Hồng, rồi phát triển dần sang Tuyên Quang. Cuối tháng 2 - đầu tháng 3/1942, đường liên lạc được đánh thông từ vùng giáp Tuyên Quang sang Đại Từ, đến một số xã thuộc huyện Phú Lương. Thông qua việc tuyên truyền của tổ chức Cứu quốc quân, người dân Phú Lương biết đến Cách mạng tháng Mười Nga, biết đến Liên Xô và từng bước hiểu được con đường đấu tranh tự giải phóng mình.

Tháng 3/1942, bộ phận Cứu quốc quân ở Định Hóa gồm các đồng chí Nguyễn Cao Đàm, Phương Cương, Mông Phúc Quyền đã đến làng Hái Hoa (xã Phấn Sứ, nay là xã Phấn Mễ) gây dựng cơ sở cách mạng và được nhân dân nuôi dưỡng, che chở, bảo vệ. Thông qua tiếp xúc, các đồng chí đã giác ngộ cách mạng và giao nhiệm vụ cho một số thanh niên có tinh thần yêu nước như Lâm Thái, Lâm Thơm, Lâm Đình Phòng. Giữa năm 1942, các tổ chức như Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc được thành lập ở Hái Hoa¹.

Tại khu vực Làng Cam (Động Đạ), ảnh hưởng cách mạng từ vùng núi Hồng (Đại Từ) và Khuổi Kịch (Sơn Dương - Tuyên Quang) cũng dần dần lan tới. Làng Cam là nơi cư trú của đồng bào Dao Đại Từ mới chuyển sang, sẵn có mối quan hệ với bà con ở vùng núi Hồng, Sơn Dương, một số gia đình ở Làng Cam

¹ Xem thêm: *Lịch sử Đảng bộ xã Phấn Mễ (1946 - 2005)*, 2009, tr.32-33.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thường hay lui tới vùng này. Nhờ vậy một số người, trong đó có Lương Thống Soái, Triệu Hà Thanh là 2 người được cán bộ Cứu quốc quân II giác ngộ cách mạng sớm nhất. Sau khi được giác ngộ, các ông về tuyên truyền cho bà con, họ hàng của mình ở Làng Cam. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh và đạt kết quả hơn khi một số cán bộ Cứu quốc quân (Nguyễn Cao Đàm, Đặng Hưng) đến hoạt động, gây dựng cơ sở cách mạng, mở đường bí mật từ Định Hóa qua Phú Lương sang Võ Nhai. Một số quần chúng tích cực (Lương Thống Soái, Triệu Hà Thanh...) được phân công làm liên lạc dẫn đường cho cán bộ qua lại hoạt động. Tổ chức Thanh niên Cứu quốc cũng được xây dựng ở Làng Cam.

Khi đường dây liên lạc bí mật từ Định Hóa qua đèo Bụt sang Yên Đỗ lên Võ Nhai được hình thành, phong trào cách mạng đã ảnh hưởng tích cực tới vùng Phủ Lý, Yên Trạch, song các tổ chức quần chúng vẫn chưa được xây dựng.

Như vậy đến năm 1942, tại Phú Lương có 2 cơ sở cách mạng: Một cơ sở ở làng Hái Hoa và một cơ sở ở Làng Cam, tuy 2 cơ sở này chưa có sự liên hệ với nhau nhưng đó là những mắt xích nối liền đường dây liên lạc từ Võ Nhai qua Phú Lương sang Đại Từ, Định Hóa. Từ làng Hái Hoa, cơ sở cách mạng có thể dễ dàng phát triển sang làng Hin xã Phục Linh xuống Cù Vân (Đại Từ) hoặc lên Yên Trạch, Chợ Mới. Từ Làng Cam có thể mở rộng cơ sở đến Khuôn Anh, Bản Ngoại (Đại Từ) hoặc đi Hích (huyện Đông Hỷ), qua Phú Đô sang Võ Nhai.

Cuối năm 1942, tổ Cứu quốc quân ở Đại Từ được bổ sung một số đồng chí ở Võ Nhai sang hoạt động (Hoàng Văn Tài, Quảng Hiền...). Có thêm lực lượng, tổ đã phân công cán bộ đi xây dựng và phát triển cơ sở tại Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương và Sơn Dương (Tuyên Quang). Đồng chí Hoàng Văn Tài và đồng chí Quảng Hiền được cử về làng Hái Hoa vận động, tổ chức được

15 quần chúng giác ngộ vào Việt Minh. Các hội viên trong các hội Cứu quốc được phân công đi tuyên truyền, mở rộng cơ sở, trước tiên hướng vào họ hàng và bà con thân thuộc của mình.

Từ làng Hái Hoa, Làng Cam, cơ sở cách mạng lan dần sang Cây Thị (Cổ Lũng), Làng Bầu (Phấn Mễ), Na Phường (Sơn Cẩm), Đồng Nghè (Động Đạt)... Hai cơ sở cách mạng ở làng Hái Hoa và Làng Cam được nối liền với nhau. Sự ra đời của các hội Cứu quốc trong năm 1942 đánh dấu một bước tiến quan trọng của phong trào đấu tranh cách mạng ở Phú Lương. Thông qua các hội Cứu quốc, quần chúng được tổ chức thành một lực lượng mạnh mẽ và vững bước trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo.

Từ những cơ sở đầu tiên, phong trào Việt Minh nhanh chóng phát triển sang các vùng trong huyện. Sang năm 1943, ở Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng... đều có các tổ chức Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Các hội Nông dân Cứu quốc, Phụ lão Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc... được xây dựng tại nhiều xã. Tuy nhiên, Phú Lương là địa bàn nằm kề sát tỉnh lỵ Thái Nguyên, thực dân Pháp bố trí ở đây nhiều đồn bốt, tăng cường lực lượng canh giữ nên hoạt động tuyên truyền cách mạng diễn ra hạn chế hơn. Đến đầu năm 1942 mới có cán bộ cách mạng đến hoạt động tuyên truyền ở Phú Lương, mọi hoạt động do Cứu quốc quân và Việt Minh lãnh đạo. Hơn nữa, lúc này, toàn tỉnh Thái Nguyên chưa có tổ chức đảng thống nhất, công tác xây dựng Đảng không được chú trọng. Vì vậy, dù giàu truyền thống đấu tranh, song tổ chức đảng ở Phú Lương lại ra đời muộn hơn so với Đại Từ, Võ Nhai.

Trên cơ sở phát triển các tổ chức Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, đội tự vệ đã ra đời. Trong đó, năm 1943, tại làng Hái Hoa, đội tự vệ đầu tiên được thành lập gồm 21 cán bộ chiến sỹ được trang bị 20 súng kíp. Nhiệm vụ trước mắt của

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đội là bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ quần chúng, theo dõi và trừng trị những tên tay sai gian ác, vừa tham gia sản xuất, vừa luyện tập quân sự. Ngay sau khi thành lập, đội bao vây nhà Đốc Hiến - một tên mật thám khét tiếng của Sở Mật thám Bắc Kỳ, tay sai đắc lực của tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận - khiến hắn hoảng sợ, bỏ trốn lên đồn Đu ở. Tại nhà Đốc Hiến, đội tự vệ thu được 2 khẩu súng gióp-ba và 200 viên đạn.

Cán bộ cách mạng thường xuyên qua lại Phú Lương hoạt động, được nhân dân địa phương đùm bọc, che chở. Nhiều tài liệu của Việt Minh được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Cứu quốc quân, các tổ chức Cứu quốc hô hào, vận động nhân dân không nộp thuế liên đoàn, không nộp thầu dầu, vừng, lạc cho phát xít Nhật. Đông đảo nhân dân ở các nơi hưởng ứng phong trào đấu tranh. Phong trào lên cao ở các xã Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng. Ở nhiều nơi, nhân dân tổ chức đấu tranh không nộp thuế thân, không lấy thẻ thân, không đi lính cho Nhật, Pháp. Tại Giang Tiên, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, đồng bào ta phá kho thóc của Nhật, Pháp chia cho dân nghèo, thành lập các hội tương tế để giúp đỡ lẫn nhau. Trong đồn điền Na, tá điền ở các xã Động Đạt, Phấn Mễ tổ chức đấu tranh bằng cách cất giấu thóc lúa thu hoạch được, không nộp tô cho chủ.

Bước vào năm 1944, phong trào đấu tranh tiếp tục diễn ra ở các xã. Ngoài việc đẩy mạnh tuyên truyền, mở rộng cơ sở cách mạng, các tổ chức Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh đã vận động và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống hành động cướp bóc của bọn thực dân và phong kiến tay sai. Nhiều lần bọn lính khố xanh kéo vào Phấn Mễ định cướp thóc, gạo, lợn, gà... nhưng gặp phải tinh thần đấu tranh kiên quyết của nhân dân, chúng phải rút về đồn. Từ thực tiễn đấu tranh cùng những kết quả thu được, đồng bào các dân tộc trong huyện ngày càng

tin tưởng vào Việt Minh, càng thêm hăng hái tham gia các tổ chức Cứu quốc.

Bên cạnh phong trào đấu tranh của nông dân, công nhân trong các mỏ cũng tổ chức nhiều đợt đấu tranh và giành thắng lợi. Năm 1942, công nhân mỏ than Phấn Mễ đình công trong mấy ngày liền để phản đối bọn cai ký bớt xén tiền lương. Cuộc đấu tranh diễn ra vào cuối năm - thời điểm khai thác than thuận lợi, mỏ ngừng hoạt động nhiều ngày sẽ gây tổn thất lớn nên bọn chủ mỏ phải nhượng bộ. Đầu năm 1943, công nhân hầm lò đấu tranh buộc bọn chủ phải trang bị dụng cụ bảo hộ lao động. Tháng 6/1943, trong mỏ xảy ra sự cố điện, hàng loạt bóng đèn trong các hầm lò cháy, bọn chủ mỏ bắt công nhân bồi thường. Anh em công nhân trong hầm lò lại tổ chức đấu tranh; đồng thời vận động anh em công nhân cơ khí phối hợp đấu tranh đòi phát xà phòng, đòi tăng lương 40%. Bọn chủ mỏ bắt giữ những người lãnh đạo cuộc đấu tranh hòng dập tắt phong trào, nhưng lập tức 300 công nhân tổ chức biểu tình đòi chúng trả tự do cho những người bị bắt.

Để ngăn chặn và đàn áp phong trào cách mạng đang lên cao ở Phú Lương, ngày 20/5/1944, thực dân Pháp bắt Triệu Hà Thanh - một quần chúng cách mạng được giao nhiệm vụ làm liên lạc ở Làng Cam. Sau khi khám xét và lấy được một số tài liệu của Mặt trận Việt Minh tại nhà Triệu Hà Thanh, địch lùng sục và bắt thêm 10 người ở Làng Cam (xã Động Đạt).

Kết hợp với hành động đàn áp khủng bố, thực dân Pháp và tay sai dùng thủ đoạn chính trị lừa bịp. Chúng tung tin trong nhân dân có “giặc cỏ” về hoạt động ở Phú Lương; mặt khác cho tay chân đem gạo, vải... xuống một số làng bày trò “*phát chẩn*” hòng xoa dịu tinh thần đấu tranh của quần chúng. Tuy nhiên, những thủ đoạn xảo quyệt đó không lừa gạt được nhân dân Phú Lương, phong trào đấu tranh vẫn tiếp tục lan rộng.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Trước yêu cầu phát triển phong trào, mở rộng cơ sở cách mạng, tháng 10/1944, Xứ ủy Bắc Kỳ phân công đồng chí Lô Viết Diu¹ về công tác tại huyện Phú Lương. Đồng chí đã triệu tập cuộc họp cán bộ chủ chốt của các tổ chức Cứu quốc trên địa bàn Phú Lương tại Làng Lân để truyền đạt “Chương trình huấn luyện 4 tháng”. Hội nghị quyết định thành lập đội tự vệ và các tổ chức huấn luyện, đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền phát triển cơ sở Việt Minh và tổ chức Cứu quốc.

Hội nghị này có ý nghĩa rất quan trọng đối với phong trào cách mạng Phú Lương. Từ sau khi hội nghị cán bộ chủ chốt, việc phát triển cơ sở cách mạng được đẩy mạnh. Nhiều xã trong huyện đã thành lập được các hội Cứu quốc. Uy tín và ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh được mở rộng trong quần chúng, ở một số nơi còn tranh thủ được sự ủng hộ của cả lý trưởng, phó lý và xã đoàn. Thanh thế của phong trào cách mạng ngày một dâng cao.

Cũng từ sau hội nghị, nhiều xã trong huyện đã thành lập được các đội tự vệ. Các đội tự vệ đều có chương trình hoạt động: Ban ngày tham gia sản xuất, ban đêm bí mật luyện tập quân sự. Các đội viên tự vệ còn tự động rèn đúc và mua sắm vũ khí. Nhân dân địa phương hết lòng giúp đỡ tự vệ. Một số đơn vị còn tổ chức cướp súng địch để tự trang bị cho mình.

Thời gian này, đội tự vệ Phấn Mễ đã phát triển lực lượng lên tới 40 cán bộ, chiến sỹ. Nhằm gây thanh thế, thúc đẩy phong trào cách mạng ở địa phương, sau một thời gian huấn luyện, lực lượng tự vệ quyết định đánh đồn Phấn Mễ. Mọi công

¹ Đồng chí Lô Viết Diu (có tên khác là Lô Văn Nghiêu, bí danh là Cam), sinh năm 1906, nguyên quán ở xóm Đồng Nà, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Đồng chí được kết nạp vào Đảng năm 1935 và hoạt động phong trào cách mạng ở Na Sầm, Bắc Sơn, Võ Nhai. Đồng chí là một trong những đội viên đầu tiên của Trung đội Cứu quốc quân II được thành lập tại khu rừng Khuôn Mánh (Võ Nhai) năm 1941, sau đó tham gia vào Xứ ủy Bắc Kỳ.

việc chuẩn bị cho trận đánh được tiến hành khẩn trương. Theo kế hoạch, lực lượng tự vệ dự định nổ súng đánh đồn vào ngày 8/1/1945. Nhưng chính vào lúc quân ta đang tích cực chuẩn bị cho trận chiến đấu thì địch nhận được tin báo về sự hoạt động của đồng chí Lôi Viết Diu tại Phấn Mễ. Lập tức, thực dân Pháp tung lực lượng mật thám, cảnh sát tỏa đi khắp nơi để lùng sục, dò la tin tức. Tên Tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận khét tiếng gian ác đã treo giải thưởng lớn cho những kẻ nào giết được đồng chí Lôi Viết Diu. Địch quyết lòng bất kỳ được người lãnh đạo để nhanh chóng dập tắt phong trào cách mạng ở Phú Lương. Sáng ngày 14/12/1944, bọn tay chân của Lý trưởng Phấn Mễ là Bàn Văn Quỳnh đã phục kích và bắn chết đồng chí Lôi Viết Diu tại một địa điểm gần Phố Giá.

Sau khi sát hại đồng chí Lôi Viết Diu, địch tung lực lượng vây ráp và bắt được hơn 20 người trong tổ chức Việt Minh ở Phấn Mễ, Cổ Lũng đem về giam tại nhà lao Thái Nguyên. Không khí khủng bố bao trùm khắp vùng Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng. Chúng cấm các gia đình thấp đèn quá 9 giờ tối, cấm chứa người lạ mặt trong nhà, cấm người nhà của những người bị bắt đi thăm hoặc ra khỏi địa bàn cư trú. Đồng thời, chúng cho tay chân thường xuyên đến các gia đình này đe dọa, vò vĩnh tiền bạc. Bọn mật thám, cảnh sát lùng sục khắp các xóm suốt ngày đêm.

Giết hại được đồng chí Lôi Viết Diu, thực dân Pháp và tay sai tưởng rằng có thể ngăn chặn được những hoạt động cách mạng ở Phú Lương. Nhưng ngược lại, sự khủng bố, đàn áp điên cuồng và tàn bạo của kẻ thù càng khiến ý chí cách mạng của cán bộ và quần chúng thêm mạnh mẽ. Những người bị địch bắt giam tại nhà lao Thái Nguyên vẫn không nao núng tinh thần, tích cực tham gia đấu tranh ở trong tù. Những hội viên Cứu quốc ở Phấn Mễ, Cổ Lũng còn lại vẫn tiếp tục hoạt động,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

bí mật đi vào quần chúng động viên quần chúng giữ vững tinh thần đấu tranh. Thấy rõ bộ mặt dã man, tàn bạo của kẻ thù, lại được cán bộ đi sát động viên, trong những ngày địch khủng bố, quần chúng vẫn hết lòng che chở, bảo vệ cán bộ cách mạng, các cơ sở vẫn được giữ vững.

Tóm lại, từ những ngày đầu có cơ sở cách mạng (năm 1942) đến đầu năm 1945, phong trào cách mạng ở Phú Lương đã có những bước phát triển nhanh chóng. Từ chỗ chỉ có 2 cơ sở ở làng Hái Hoa và Làng Cam, cơ sở quần chúng lan ra nhiều xã trong huyện. Cả 2 lực lượng cách mạng (chính trị và vũ trang) đều được xây dựng và mở rộng. Phong trào đấu tranh từng bước được đẩy mạnh, tập hợp được đông đảo mọi thành phần tham gia. Tuy nhiên, cơ sở và phong trào cách mạng ở Phú Lương trong thời gian này phát triển chưa đều khắp, chủ yếu mới được hình thành và phát triển mạnh ở Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng. Một số nơi chưa xây dựng được cơ sở quần chúng.

Mặc dù chưa đều nhưng cơ sở và phong trào cách mạng ở Phú Lương phát triển khá vững chắc. Điều này không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền ở Phú Lương mà trước mắt là một khâu nối liền phong trào cách mạng vùng Bắc Sơn - Võ Nhai với Đại Từ, Định Hóa, tạo thành một khối liên hoàn vững chắc cho chiến khu Hoàng Hoa Thám.

Trong quá trình phát triển, mặc dù có lúc bị địch khủng bố, nhiều cán bộ và quần chúng cách mạng bị bắt bớ, tù đày hoặc bị địch giết hại nhưng phong trào cách mạng ở Phú Lương vẫn được duy trì. Từ đầu năm 1945, phong trào cách mạng Phú Lương có những bước phát triển mới, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Bước vào năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai tiếp tục phát triển theo chiều hướng có lợi cho phe Đồng minh.

Sau khi quét sạch quân Đức ra khỏi lãnh thổ của mình, Hồng quân Liên Xô tiếp tục truy kích chúng đến tận sào huyệt. Tại mặt trận phía Đông, phát xít Nhật cũng bị thất bại liên tiếp ở Trung Quốc và Thái Bình Dương. Phạm vi kiểm soát của phát xít Nhật ngày càng bị thu hẹp. Con đường biển đi từ Nhật xuống các thuộc địa ở Đông Nam Á đã bị quân Đồng minh khống chế.

Tại Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Thực dân Pháp ở Đông Dương cũng ráo riết chuẩn bị kế hoạch hắt cẳng Nhật để khôi phục lại quyền thống trị của chúng. Mâu thuẫn vốn có giữa Pháp và Nhật trở nên sâu sắc không thể điều hòa được.

Hoảng sợ trước phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh của nhân dân ta, đồng thời đề phòng khả năng bị Pháp tấn công ở phía sau khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương, tối ngày 9/3/1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp. Đông Dương hoàn toàn thuộc về Nhật.

Từ tối ngày 9 đến 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị mở rộng để đề ra chủ trương mới. Hội nghị đã theo dõi chặt chẽ những diễn biến của tình hình và nhận định rằng sự kiện Nhật đảo chính Pháp đã đặt Đông Dương vào một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc. Trên cơ sở vạch rõ kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân ta là phát xít Nhật, hội nghị quyết định phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, kịp thời đón thời cơ, tiến lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Những quyết định sáng suốt của Đảng được ghi rõ trong bản Chỉ thị "*Nhật - Pháp*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

bắn nhau và hành động của chúng ta” ra ngày 12/3/1945.

Tại Phú Lương, từ sau ngày 9/3/1945, nghe tin Nhật nổ súng ở nhiều nơi, thực dân Pháp hoảng loạn tìm cách tháo chạy. Ngày 10/3/1945, phát xít Nhật từ Hà Nội theo đường 3 kéo lên đánh chiếm tỉnh lỵ Thái Nguyên. Quân Pháp đóng tại tỉnh lỵ nhanh chóng đầu hàng, Nhật chiếm được thị xã Thái Nguyên không tốn một viên đạn, sau đó tảo quân đi đánh chiếm các huyện trong tỉnh.

Quân Nhật theo đường 3 tiến lên đánh chiếm Phú Lương, chúng tổ chức lực lượng bảo an binh chốt tại 3 vị trí nằm trên trục đường 3: Giang Tiên, Phấn Mễ và Đu. Trong đồn điền Na cũng có khoảng hơn 10 lính Nhật và bảo an. Từ phố Đu, quân Nhật tiếp tục theo đường 3 tới km31 rẽ lên đánh chiếm Chợ Chu (Định Hóa).

Khi chiếm xong huyện Phú Lương, phát xít Nhật nhanh chóng thiết lập lại bộ máy chính quyền tay sai từ huyện đến các xã. Một số quan chức người Việt trước đây làm tay sai cho thực dân Pháp, nay chuyển sang theo Nhật. Chính quyền tay sai thân Nhật cấp huyện đóng tại phố Đu do Tri huyện Hoàng Như Khuê phụ trách.

Trên đường 3 và tuyến đường từ km31 vào Chợ Chu (Định Hóa), lính Nhật thường xuyên tuần tra, kiểm soát. Đi tới đâu chúng đều cướp phá, chém giết, gây ra nhiều tội ác đối với nhân dân. Bộ mặt phát xít, tàn bạo của Nhật và tay sai ngày càng bộc lộ rõ. Căm thù phát xít Nhật và tay sai, nhân dân các dân tộc Phú Lương mong muốn vùng dậy giành quyền làm chủ.

Chính vào lúc này, phong trào cách mạng ở Phú Lương được bổ sung lực lượng cán bộ. Ngày 10/3/1945, nhân cơ hội Nhật vừa đảo chính Pháp và chưa kịp lên chiếm đóng Thái Nguyên, tù chính trị bị giam giữ ở nhà lao thị xã Thái Nguyên đã vận

động được cai Thanh mở cửa nhà lao, trở về hoạt động ở các địa phương. Nhờ thế phong trào cách mạng ở Phú Lương có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh chóng.

Tháng 4/1945, thực hiện chủ trương của Tổng bộ Việt Minh, một đơn vị của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân gồm các đồng chí Nguyễn Văn Rạng, Phương Cương, Phan Văn Đắc, Lê Đình Nhậm, Kim Anh từ Định Hóa được phân công về hoạt động ở vùng Bắc và Tây Bắc huyện Phú Lương. Đơn vị này được giao nhiệm vụ:

- Xóa bỏ chính quyền đế quốc phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng ở các xã, trước hết là các xã ven đường 3 để làm căn cứ chặn đánh quân Nhật trên tuyến đường từ tỉnh lỵ Thái Nguyên đi Bắc Kạn và đi Chợ Chu (Định Hóa); trên cơ sở đó tiến lên xây dựng chính quyền trong toàn huyện.

- Vận động nhân dân ủng hộ thóc gạo lập quỹ binh lương, tích trữ lương thực xung quanh khu vực núi Chứa để nuôi quân đánh Nhật; thành lập các đội tự vệ, tổ chức nhân dân địa phương vào lực lượng vũ trang, sẵn sàng tham gia vào việc giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên.

- Đánh thông và đảm bảo đường giao thông liên lạc với Võ Nhai, Bắc Giang, Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang).

Đầu tháng 4/1945, đơn vị về tới xã Ôn Lương Hạ, chia thành 3 bộ phận tỏa đi các hướng: Một bộ phận do đồng chí Phan Văn Đắc phụ trách xuống phối hợp với tự vệ Phấn Mễ làm nhiệm vụ phát triển lực lượng ở khu vực phía Nam núi Chứa, chuẩn bị đánh xuống Thái Nguyên. Một bộ phận khác do đồng chí Phương Cương phụ trách xuống các xã ven đường 3 từ km31 đến km34, phối hợp với tự vệ địa phương đánh đồn điền Na và chặn đánh quân Nhật lên Bắc Kạn, Chợ Chu. Một bộ phận do đồng chí Nguyễn Văn Rạng phụ trách làm nhiệm vụ gây dựng

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

phong trào cách mạng ở tổng Phủ Lý. Ngay khi dừng chân tại tổng Phủ Lý, đội công tác đã tích cực tuyên truyền cách mạng trong nhân dân, đồng thời tịch thu các loại vũ khí của lính đồng. Đi tới đâu, các đồng chí đều được nhân dân ở nơi đó hết lòng ủng hộ. Tinh thần cách mạng của nhân dân ở các xã được phát động ngày càng mạnh mẽ. Đồng bào các dân tộc đều mong muốn thoát khỏi sự đè nén, áp bức của đế quốc, phong kiến, mong muốn được sống trong độc lập, tự do. Bởi vậy, khi cán bộ về tuyên truyền, vận động, người dân ở đây đều tích cực tham gia vào các tổ chức cách mạng.

Trong bối cảnh lịch sử đó, sáng ngày 5/4/1945, một cuộc mít tinh được tổ chức tại sân đình làng Khau Chử (xã Ôn Lương Hạ, sau đổi thành xã Phú Thịnh). Tại cuộc mít tinh, đại diện Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai của phát xít Nhật, tịch thu toàn bộ bằng sắc, giấy tờ của chính quyền cũ, đồng thời thành lập chính quyền cách mạng. Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời xã Ôn Lương Hạ được bầu gồm 5 người chính thức ra mắt trước toàn thể đồng bào các dân tộc¹. Đây là chính quyền cách mạng đầu tiên của tổng Phủ Lý và cũng là chính quyền cách mạng đầu tiên của Phú Lương. Sự kiện này đánh dấu thắng lợi to lớn của phong trào cách mạng ở huyện Phú Lương, đồng thời tạo điều kiện xây dựng cơ sở và thành lập chính quyền nhân dân ở các xã trong huyện.

Như vết dầu loang, sau xã Ôn Lương Hạ, nhân dân các xã phía Bắc huyện đã vùng lên lật đổ chính quyền tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng: Xã Ôn Lương Thượng, sau

¹ Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời xã Ôn Lương Hạ gồm có:

- Ông Nguyễn Đại Hải: Chủ tịch
- Ông Phan Văn Đắc: Phó Chủ tịch
- Ông Phan Văn Quế: Ủy viên thư ký
- Ông Phan Văn Tĩnh: Ủy viên
- Ông Phan Công Bính: Ủy viên kiêm thủ quỹ.

đổi thành xã Thái Thịnh (ngày 6/4/1945); xã Mãn Quang gồm Làng Cọ và Làng Mãn (ngày 7/4/1945); xã Môn Bình (ngày 9/4/1945); xã Ninh Tường (ngày 10/4/1945), xã Tân Phán gồm Na Biểu và Na Dau (ngày 11/4/1945); xã Phú Khuôn (ngày 12/4/1945). Khí thế cách mạng trong quần chúng nhân dân ngày một dâng cao, làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở Phú Lương hết sức hoang mang, lo sợ.

Ngày 15/4/1945, đồng chí Nguyễn Văn Rạng triệu tập cuộc họp đại biểu cán bộ các xã thuộc tổng Ninh Tường (tổng Phủ Lý) tại xóm Rộc Ván, xã Phú Khuôn (nay là xã Hợp Thành) để sắp xếp các nhân sự cho Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tổng (còn gọi là Ban tổng). Các đại biểu bầu Ban tổng gồm 5 người:

- Ông Hoàng Văn Phùng: Chủ tịch
- Ông Hoàng Gia Dũng: Phó Chủ tịch
- Ông Phan Văn Sáng: Ủy viên
- Ông Phan Chân Chính: Ủy viên
- Ông Nguyễn Thiện Tùng: Ủy viên

Ngay sau khi ra đời, chính quyền cách mạng tổ chức và lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống mới, kêu gọi nhân dân không nộp thuế cho Nhật, đồng thời tổ chức cho đồng bào học văn hóa, vận động mọi người quyên góp xây dựng quỹ bình lương, ủng hộ bộ đội giải phóng, chuẩn bị chống Nhật. Để khắc phục tình trạng khan hiếm các mặt hàng nhu yếu phẩm (muối, dầu thắp, giấy, bút mực...), chính quyền cách mạng cho thành lập Ban chuyên trách mua bán và mở chợ bí mật. Ban chuyên trách mua bán do ông Hoàng Đoàn Kết làm Trưởng ban, có trách nhiệm liên hệ với bà con ở phố Đu để vừa thu mua hàng hóa được dễ dàng, vừa đảm bảo bí mật. Chợ bí mật

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

mang tên chợ Thuận Thành, đặt tại bãi Sim xóm Làng Mãn (nay là xã Hợp Thành). Phiên chợ đầu tiên được loan báo đi các nơi. Nhân dân trong vùng và các địa phương lân cận như Phú Tiến, Bộc Nhiêu (Định Hóa), Đức Lương (Đại Từ) đến họp chợ rất đông. Các loại hàng hóa được mua bán tự do, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Tiếp theo sự ra đời của Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời ở tổng Ninh Tường, các xã Yên Đổ, Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Lạc cũng nhanh chóng xóa bỏ chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân. Trong khi đó tại các xã phía Nam huyện, sau khi có các đồng chí từ chính trị thoát khỏi nhà lao Thái Nguyên trở về hoạt động, phong trào cách mạng phát triển mạnh, tổ chức lại được đội tự vệ. Hầu khắp các xã trong huyện đều lập được trung đội tự vệ. Các lớp huấn luyện ngắn ngày được mở thường xuyên với các nội dung như: Chiến thuật du kích, các động tác quân sự, công tác điều tra, trinh thám nắm tình hình địch... Ngoài ra cán bộ, chiến sỹ tự vệ còn được học chương trình điều lệ Việt Minh. Sau khi tham dự các lớp huấn luyện, cán bộ tự vệ được phân công về các xã để xây dựng phong trào. Khi các đội công tác của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân trở về hoạt động, việc xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang ở khắp các xã trong vùng ngày càng được đẩy mạnh hơn trước. Không chỉ có thanh niên mà cả phụ nữ và những người đứng tuổi cũng hăng hái tham gia tự vệ. Đồng bào các dân tộc tự nguyện quyên góp ủng hộ vũ khí, lương thực, thực phẩm cho tự vệ.

Có lực lượng tự vệ làm nòng cốt, tinh thần cách mạng của quần chúng được phát động mạnh mẽ tại các xã Phấn Mễ, Phấn Sứ, Động Đạt, Cổ Lũng.. Phối hợp với nhân dân địa phương, bộ đội giải phóng và tự vệ đã vây bắt, xử tội những tên tay sai đắc lực của Nhật, có nhiều tội ác với nhân dân.

Trước khí thế mạnh mẽ của quần chúng, bộ máy chính quyền địch ở nhiều xã tự tan rã nhanh chóng, nhiều hào lý đem triệu đồng, bằng sắc đến nộp cho Ủy ban Việt Minh xã. Một số người đem cả gạo, thóc, lợn, gà... đến nộp cho tự vệ và giải phóng quân. Hiện tượng ấy lan nhanh khắp các xã Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô, Sơn Cẩm... Tại những nơi này, các Ủy ban Việt Minh đã đứng ra đảm nhận chức năng của chính quyền. Sau đó ít lâu, chính quyền cách mạng ở các xã được thành lập.

Trong lúc giao thời, khi chính quyền địch vừa sụp đổ và chính quyền cách mạng chưa được thành lập, nạn trộm cướp nổi lên ở nhiều nơi trong huyện. Ở các vùng Sơn Cẩm, Vô Tranh, Thanh Trà, cứ khoảng 4 giờ chiều là mọi nhà phải lo ăn bữa tối cho xong; tối đến phải ôm chăn chiếu ra ngoài bờ tre ngủ, không dám ở trong nhà vì sợ bọn cướp kéo đến gây tội ác bất cứ lúc nào hoặc chúng có thể đốt nhà khi không vơ vét được gì. Tình trạng này đã đe dọa tài sản và tính mạng của nhân dân, gây nên nỗi lo sợ ngày càng tăng trong đời sống hằng ngày của bà con dân tộc.

Trước tình hình trên, chính quyền cách mạng ngay sau khi thành lập đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ cuộc sống của nhân dân. Chính quyền cách mạng một mặt phối hợp với các đoàn thể Cứu quốc tổ chức giáo dục quần chúng, động viên và thuyết phục những người lầm lỡ, mặt khác kiên quyết trừng trị bọn cầm đầu các toán trộm cướp. Nhân dân các xã nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ việc làm của chính quyền cách mạng. Nhờ vậy, nạn trộm cướp nhanh chóng được khắc phục, tình hình trị an trong các xóm được bảo đảm.

Để kịp thời giải quyết nạn đói và phát động tinh thần cách mạng của quần chúng, bộ đội giải phóng cùng với tự vệ địa phương đã phá kho thóc liên đoàn của Nhật ở Đu và Giang

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Tiên chia cho dân nghèo. Bà con các dân tộc trong huyện càng thêm tin yêu chính quyền cách mạng.

Được khích lệ bởi những thắng lợi liên tiếp, phong trào cách mạng nhanh chóng lan rộng đều khắp trong huyện. Cùng với các tổ chức Cứu quốc, các đội tự vệ ra đời ở nhiều nơi, hoạt động giữa ban ngày. Quân Nhật vẫn qua lại trên đường 3 nhưng không dám hung hăng sục sạo, cướp phá như trước. Có lần chúng cho tay chân vào một số xã ven đường để tuyên truyền nói xấu Việt Minh, đã bị lực lượng cách mạng bắt và xử bắn 3 tên. Quân Nhật không dám kháng cự. Ngày 18/3/1945, tự vệ địa phương và Cứu quốc quân tập kích vị trí Chợ Mới, buộc địch phải đầu hàng và nộp cho ta 10 súng trường, 600 viên đạn cùng các trang bị khác. Ngày 2/4/1945, các đơn vị tự vệ và Cứu quốc quân tiến đánh đồn Đu. Quân Nhật và lính bảo an không dám chống cự, cố thủ trong đồn để cố giữ lấy huyện lỵ.

Cùng thời gian trên, phát xít Nhật tăng cường lực lượng lên Bắc Kạn và tiến công vào Định Hóa. Phối hợp với bộ đội giải phóng, các đơn vị tự vệ địa phương tổ chức chặn đánh địch nhiều trận, giữ vững thành quả cách mạng. Để chặn đường tiến quân của giặc Nhật, chính quyền cách mạng và Ủy ban Việt Minh các cấp vận động, hướng dẫn nhân dân làm vườn không nhà trống, phá hoại cầu đường. Có lần hơn 1.000 lính Nhật và bảo an mở trận càn vào vùng Động Đạt, Phủ Lý nhằm đánh sang Định Hóa, lực lượng tự vệ cùng bộ đội giải phóng tổ chức chặn đánh địch ở nhiều nơi, buộc chúng phải quay trở lại.

Đầu tháng 6/1945, một số cán bộ địa phương (Phan Văn Quế, Nguyễn Đại Hải, Phan Văn Tĩnh và Nguyễn Thiện Tùng) sau một thời gian được cử đi học trường Quân chính kháng Nhật ở Tân Trào (Sơn Dương - Tuyên Quang) trở về, được phân công phát triển phong trào cách mạng ra toàn huyện. Hoạt động của Việt Minh trở nên sôi nổi. Các lực lượng vũ trang vẫn

tiếp tục đẩy mạnh đánh địch. Trên đoạn đường từ km31 đến km34, lực lượng tự vệ cùng 1 trung đội giải phóng quân bố trí mai phục chặn đánh 1 đoàn xe của địch, thu toàn bộ gạo, muối. Cũng trong tháng 6/1945, tại một địa điểm gần Núi Phấn, 1 đơn vị quân giải phóng và tự vệ phục kích 1 đoàn xe địch, bắn hỏng 1 xe, làm bị thương 2 tên.

Những thắng lợi trên tuy mới là bước đầu nhưng có ý nghĩa to lớn, khẳng định sự lớn mạnh của lực lượng và phong trào cách mạng ở Phú Lương, làm cho quân Nhật hoang mang, dao động, ngược lại nhân dân các dân tộc trong huyện hết sức vui mừng, tin tưởng. Phong trào chống Nhật vì thế diễn ra sôi nổi, nhất là khu vực từ km31 đến Chợ Mới. Khẩu hiệu “*Không tiếp tay cho Nhật*” trở thành hành động thực tế trong nhân dân.

Như vậy chỉ trong 3 tháng từ ngày Nhật đảo chính Pháp, dưới sự lãnh đạo của Cứu quốc quân và Mặt trận Việt Minh, được sự hỗ trợ của một đơn vị Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã giành được chính quyền ở hầu khắp các xã. Tình hình này làm cho chính quyền cấp huyện của địch mất chỗ dựa, ngày càng bị cô lập. Lính bảo an ở đồn Du phải rút về đồn Phấn Mễ. Sau ngày Đốc Hiến bị chính quyền cách mạng bắt và xử tử, tên tri huyện hoảng sợ bỏ chạy xuống đồn Phấn Mễ mong được an toàn. Ngày 25/6/1945, lực lượng tự vệ bắt và xử tử tên Đội Lai - 1 tên tay sai gian ác của Nhật, cầm đầu binh lính ở đồn Phấn Mễ. Tên tri huyện trốn chạy khỏi Phú Lương, chính quyền địch hoàn toàn tan rã, đánh dấu thắng lợi to lớn của phong trào cách mạng ở Phú Lương.

Trên cơ sở đó, vào ngày 17/7/1945, tại xóm Na Tùn (xã Ôn Lương), đồng chí Phan Văn Quế và đồng chí Vũ Hưng đã chủ trì hội nghị bầu chọn cán bộ vào chính quyền lâm thời huyện Phú Lương. Hai ngày sau, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thời huyện Phú Lương được thành lập gồm 5 thành viên do ông Phan Văn Sáng làm Chủ tịch, ông Hoàng Gia Dũng làm Phó Chủ tịch, các ông Phan Chân Chính, Hoàng Đoàn Kết, Khán Chử làm Ủy viên¹. Sau khi thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện, về cơ bản vấn đề chính quyền ở Phú Lương đã được giải quyết. Cho đến cuối tháng 7/1945, ở Phú Lương chỉ còn một số lính Nhật và bảo an đóng tại đồn điền Na và mỏ Phấn Mễ.

Tại đồn điền Na, quân ta vây chặt, không cho địch ra ngoài. Để tránh đổ máu không cần thiết, ta kêu gọi binh lính địch ra hàng nhưng chúng vẫn ngoan cố cố thủ. Lực lượng tự vệ được lệnh tiếp tục bao vây, phục kích, bắn tỉa.

Tại mỏ Phấn Mễ, từ tháng 4/1945, công nhân đã đấu tranh thắng lợi, buộc chủ mỏ phải trả lương bằng gạo và muối. Nhiều công nhân sau khi được giác ngộ cách mạng đã bỏ việc ra ngoài hoạt động, tham gia lực lượng vũ trang. Vào tháng 7/1945, trong khi phong trào cách mạng dâng cao, mỏ than Phấn Mễ không hoạt động. Bọn chủ mỏ bỏ chạy, chính quyền địch ở mỏ tan rã. Một số tên đốc công Pháp quay lại làm tay sai cho Nhật, cùng với một số lính Nhật cố thủ tại đây. Tự vệ mỏ đã phục kích bắn chết 2 tên đốc công người Pháp tại Cầu Lớn. Từ tháng 7 đến tháng 8/1945, một đơn vị giải phóng quân phối hợp với tự vệ địa phương bao vây khu mỏ, triệt nguồn tiếp tế của địch.

Vào giữa tháng 8/1945, trong khi cao trào kháng Nhật cứu nước đang lên mạnh mẽ trong cả nước, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc bằng thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh. Phát xít Nhật buộc phải đầu hàng không điều kiện. Tình hình này làm cho quân Nhật ở Đông

¹ Tuy nhiên, ông Khán Chử không ra làm việc nên được thay bằng ông Mai Khoát Hải.

Dương và bọng tay sai hoang mang, dao động cực độ.

Nhận rõ thời cơ đã đến, Hội nghị Đảng toàn quốc (từ ngày 13 đến 15/8/1945) và Quốc dân đại hội (ngày 16 đến 17/8/1945) được triệu tập ở Tân Trào (Sơn Dương - Tuyên Quang) quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước và thông qua một loạt quyết sách quan trọng làm xoay chuyển vận nước.

Ngay trong đêm ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ra bản Quân lệnh số 1, hạ lệnh khởi nghĩa. Đội Việt Nam Giải phóng quân¹ tiến về giải phóng Thái Nguyên để mở đường về Hà Nội. Nhiều đội viên tự vệ Phú Lương đã tham gia cuộc giải phóng thị xã Thái Nguyên. Ngày 25/8/1945, quân Nhật và lính bảo an ở đồn điền Na, mỏ than Phấn Mễ đã nộp toàn bộ vũ khí cho ta và rút về tỉnh lỵ Thái Nguyên, Phú Lương hoàn toàn sạch bóng quân thù.

Thắng lợi trên là kết tinh của lòng yêu nước, thể hiện ý chí tinh thần cách mạng, dũng cảm đấu tranh chống áp bức giành lại quyền làm chủ cho bản thân và quê hương. Nửa đầu những năm 40, sau khi có cán bộ Đảng đến tuyên truyền giác ngộ, cùng với việc xây dựng và phát triển các tổ chức cách mạng, nhân dân các dân tộc Phú Lương đoàn kết thành lực lượng đấu tranh mạnh mẽ, bước vào công cuộc chuẩn bị mọi mặt để tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Trong quá trình đó, người dân Phú Lương ngày càng hiểu rõ con đường cách mạng đúng đắn do Đảng vạch ra, vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, từng bước đưa phong trào cách mạng tiến lên, xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân trong toàn huyện.

¹ Từ ngày 15/5/1945, các đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng trong cả nước đã thống nhất thành Đội Việt Nam Giải phóng quân.

Chương I

CHI BỘ - ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

I. Xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến và góp sức vào chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông (1945 - 1947)

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đưa lịch sử dân tộc sang một trang mới. Sau ngày Tổng khởi nghĩa cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Phú Lương trở thành người làm chủ xã hội, cũng từ đó, đồng bào các dân tộc được hưởng mọi quyền tự do. Mọi người dân đều nhận rõ cuộc sống của mình gắn liền với sự tồn tại của chế độ mới nên quyết tâm bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân - thành quả lớn nhất trong cuộc đấu tranh gian khổ chống thực dân và phong kiến. Hòa chung trong niềm vui của những ngày đầu độc lập, nhân dân Phú Lương nô nức hưởng ứng mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Mặt trận Việt Minh. Sự ủng hộ của nhân dân là nguồn sức mạnh lớn lao và cũng là một trong những nhân tố vô cùng thuận lợi giúp chính quyền cách mạng vượt qua mọi khó khăn, trở ngại.

Trải qua thời kỳ đấu tranh tiến tới giành chính quyền trong nửa đầu những năm 1940, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã được rèn luyện về nhiều mặt, ý thức giác ngộ về quyền lợi dân tộc và quyền lợi giai cấp cũng như ý thức đoàn kết trong đồng bào được tăng cường. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào ở địa phương ngày càng trưởng thành và có thêm kinh nghiệm.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Cùng với đó, lực lượng vũ trang Phú Lương vốn đã được rèn luyện trong đấu tranh cách mạng ngày càng lớn mạnh, trở thành lực lượng nòng cốt trong cuộc đấu tranh và bảo vệ chính quyền cách mạng ở địa phương.

Bên cạnh những thuận lợi kể trên, từ sau ngày thành lập chính quyền cách mạng, Phú Lương đang đứng trước những khó khăn, thử thách mới. Kinh tế Phú Lương vốn là nền kinh tế tự nhiên, diện tích canh tác trong huyện ít, phần lớn là rừng và đất rừng. Do vậy, bản thân nền kinh tế không thể đáp ứng được nhu cầu đời sống của nhân dân. Những năm thực dân Pháp, phát xít Nhật chiếm đóng, nền kinh tế Phú Lương lại bị tàn phá thêm, trong khi đó thiên tai liên tiếp xảy ra, lũ lụt, hạn hán kéo dài, đồng ruộng bỏ hoang. Nạn đói thường xuyên đe dọa đến cuộc sống của người dân. Sau khi giành được chính quyền, trước những yêu cầu mới đặt ra ngày càng lớn, vấn đề xây dựng phát triển kinh tế phục vụ kháng chiến cải thiện đời sống nhân dân... trở nên hết sức cấp bách.

Cùng với tình trạng nghèo nàn, lạc hậu về kinh tế, nạn mù chữ lúc này là một trở ngại lớn làm hạn chế quyền làm chủ thực sự của nhân dân lao động. Ngoài ra, những tệ nạn xã hội do chế độ thực dân, phong kiến để lại (rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan...) đang tồn tại phổ biến cũng là một vấn đề phải được giải quyết, trong khi chính quyền cách mạng còn có nhiều công việc cấp bách.

Nền độc lập dân tộc giành lại chưa lâu đã bị đe dọa nghiêm trọng do thù trong, giặc ngoài tấn công từ nhiều phía. Theo thỏa thuận của phe Đồng minh, quân đội Anh và quân đội Tưởng vào tước vũ khí quân đội Nhật ở nước ta. Ở phía Nam, theo gót quân Anh là một số đơn vị của quân đội viễn chinh Pháp. Được sự yểm trợ của quân Anh, ngày 23/9/1945, quân Pháp đã nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, sau đó đánh rộng ra

các tỉnh Nam Bộ với mưu đồ đặt lại ách đô hộ đất nước ta một lần nữa. Ở phía Bắc, 20 vạn quân Tưởng kéo vào hòng lật đổ Chính phủ lâm thời, lập chính quyền tay sai, theo chân chúng là bọn Việt Quốc, Việt Cách...

Trên địa bàn Phú Lương, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời từ huyện đến các xã vừa mới được thành lập, còn non nớt trong công tác quản lý, một số tổ chức phản động ở địa phương lại nổi lên, âm mưu chống lại chính quyền cách mạng. Trong số này, nguy hiểm hơn cả là tổ chức “Nam Dương Hoa kiều Hiệp hội” đã kích động đồng bào người Hoa xúi giục những người gốc Hoa đòi trở lại quốc tịch Trung Quốc, không thực hiện nghĩa vụ của công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ở nhiều nơi, nạn trộm cướp nổi lên hoành hành, càng làm cho tình hình xã hội thêm rối ren, phức tạp.

Trong khi đó, cơ sở đảng lại ra đời muộn, trong những tháng đầu sau khi chính quyền cách mạng được thành lập, Phú Lương vẫn chưa có tổ chức đảng. Vì thế việc triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy có lúc chưa kịp thời.

Tất cả tình hình trên đặt ra nhiệm vụ trước mắt cho nhân dân các dân tộc Phú Lương là phải nhanh chóng ổn định và nâng cao đời sống, củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng mọi mặt để chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trước tình hình chung của cả nước, Thường vụ Trung ương Đảng đã vạch phương hướng nhằm bảo vệ, củng cố chính quyền mới, giải quyết những khó khăn, ổn định đời sống nhân dân, đối phó với âm mưu của các thế lực thù địch. Phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 3/9/1945 và sau đó trong thư gửi quốc dân đồng bào của Hồ Chủ tịch đề ra những nhiệm vụ cấp bách trước mắt cho toàn dân là diệt “giặc đói”, “giặc dốt”

và chống giặc ngoại xâm.

Ngày 25/11/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “*Kháng chiến kiến quốc*”, phân tích đúng đắn tình hình trong nước và thế giới, xác định cuộc cách mạng của dân tộc ta vẫn là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược; nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản và cải thiện đời sống nhân dân. Thẩm nhuận chỉ thị, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, các cán bộ Đảng được phân công phụ trách phong trào ở Phú Lương cùng với Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời các cấp trong huyện đã vận động, tổ chức toàn dân thực hiện các biện pháp cách mạng, từng bước tháo gỡ khó khăn, xây dựng chế độ mới.

Một trong những công việc hàng đầu đối với Phú Lương trong những tháng cuối năm 1945 là đẩy lùi nạn đói, nhanh chóng ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “*Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo*”¹, nhân dân Phú Lương tích cực thực hành tiết kiệm. Bằng hình thức lập các “*Hũ gạo tiết kiệm*”, không dùng gạo để nấu rượu, làm bánh... nhân dân các dân tộc trong huyện đã dành dụm được một số lượng gạo đáng kể đem giúp đỡ đồng bào những nơi bị nạn đói đe dọa. Truyền thống thương yêu, giúp đỡ nhau, “*lá lành đùm lá rách*” được khơi dậy và phát huy cao độ trong đồng bào các dân tộc.

Để khắc phục một cách căn bản nạn đói, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, chính quyền cách mạng và đoàn thể các cấp vận động bà con đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất.

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.16.

Ruộng đất, đồi nương được khai phá và gieo trồng các loại cây lương thực, hoa màu ngắn ngày. Nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, diện tích đất canh tác được mở rộng, sản lượng lương thực và hoa màu tăng lên.

Sau Cách mạng tháng Tám, nền tài chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở trong tình trạng trống rỗng. Ngân sách Quốc gia lúc đó chỉ trên 1.000.000 đồng, trong đó gần một nửa là rách nát, không thể lưu hành được. Để khắc phục tình trạng đó, Đảng và Nhà nước kêu gọi toàn dân quyên góp.

Thực hiện cuộc vận động “*Tuần lễ vàng*”, công tác tuyên truyền được tiến hành sâu rộng. Thông qua các đoàn thể quần chúng, bằng các hình thức tuyên truyền phong phú như làm hò, vè, thơ, văn, đến từng nhà vận động, đặt hòm quyên góp ở nơi công cộng, “*tinh thần vàng*” của nhân dân được khơi dậy. Nhiều bài ca cổ động được lưu truyền rộng rãi, có tác dụng to lớn trong việc vận động đồng bào ủng hộ vàng, bạc cho Nhà nước:

*“Đeo vàng chỉ tổ nặng tai
Đeo kiềng nặng cổ hỡi ai có vàng
Làm dân độc lập vẻ vang
Mang vàng cứu nước giàu sang nào tà
Đem vàng đổi súng cối xay
Đánh tan giặc, nước có ngày vinh quang”.*

Với lòng yêu nước và tin tưởng tuyệt đối vào chế độ mới, lại được sự tuyên truyền, vận động, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã cùng đồng bào cả nước hăng hái tham gia xây dựng “*Quỹ độc lập*” và phong trào “*Tuần lễ vàng*”. Nhân dân tình nguyện dành một phần tài sản của mình, vận động nhau quyên góp tiền của, vàng, bạc đóng góp cho Nhà nước cách mạng non trẻ. Nhiều chị em phụ nữ còn đem cả nhẫn cưới, vàng khuyên, bộ xà tích... ủng hộ chính quyền. Đó là những cử chỉ cao đẹp thể hiện tấm lòng của người dân Phú Lương đối với chế độ, góp

phần khắc phục khó khăn về tài chính của Nhà nước dân chủ nhân dân trong những ngày mới ra đời.

Cùng với giải quyết nạn đói, việc xóa bỏ tình trạng mù chữ trong nhân dân là một trong những nhiệm vụ hàng đầu, có ý nghĩa rất quan trọng đối với công việc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng. Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân giàu, nước mạnh, *“mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”*¹. Nhận thức được điều đó, nhân dân các dân tộc Phú Lương tích cực hưởng ứng lời kêu gọi *“Chống nạn thất học”* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo”*². Chính quyền cách mạng các cấp quan tâm và toàn dân hưởng ứng, từ sau Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, phong trào học tập văn hóa trong huyện ngày càng được đẩy mạnh. Ban bình dân học vụ huyện được thành lập do ông Phan Văn Đắc làm Trưởng ban và ông Phan Văn Thơ làm Phó ban. Các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa được mở ở các xóm đến tận những khu xa xôi, hẻo lánh như Làng Cam, Ao Đồng, Khẩu Quắm của đồng bào Dao. Từ người già đến người trẻ đều háng hái tham gia phong trào xóa nạn mù chữ. Chị em phụ nữ có con nhỏ cũng đưa con đến lớp học. Ban ngày, bà con thi đua tăng gia sản xuất, ban đêm rủ nhau mang đèn sách đến lớp học. Nạn mù chữ trong đồng bào các dân tộc được đẩy lùi từng bước.

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.44.

² *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.44-45.

Bên cạnh hệ thống trường, lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, các trường phổ thông được duy trì và phát triển. Trường sơ học yếu lược ở tổng Ninh Tường cũng như các trường hương sư ở các xã vẫn tiếp tục mở cửa, đón con em nhân dân lao động vào học. Sau ngày Tổng khởi nghĩa, Phú Lương có 3 trường sơ học yếu lược (tiểu học) đặt ở Yên Ninh, Động Đạt, Phú Lý. Đội ngũ giáo viên đều do tỉnh điều động đến giảng dạy.

Do trình độ văn hóa từng bước được nâng cao, nhân dân các dân tộc Phú Lương thoát khỏi tình trạng tăm tối trước đây. Các hủ tục lạc hậu, các tệ nạn xã hội trong đồng bào các dân tộc nhờ đó giảm xuống nhanh chóng. Cuộc sống mới, văn hóa mới được tạo dựng và phát triển.

Để giữ vững tình hình trị an, thực hiện chủ trương của Chính phủ, Ủy ban huyện chỉ đạo lực lượng vũ trang đẩy mạnh hoạt động, bắt giữ và trừng trị một số tên phản động có tội ác với nhân dân, góp phần đập tan âm mưu chống phá của các tổ chức phản cách mạng, bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng¹.

Thực hiện Sắc lệnh số 51 ngày 17/10/1945 của Chính phủ về tổng tuyển cử, dưới sự chỉ đạo của tỉnh, chính quyền cách mạng lâm thời và các đoàn thể Cứu quốc từ huyện xuống các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đi bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 23/12/1945, cùng với nhân dân toàn tỉnh, bằng niềm tự hào và phấn khởi, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã hăng hái tham gia bầu cử như một ngày hội lớn². Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Phú Lương thực sự được phát huy vai trò làm

¹ *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.57.

² Ngày 18/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh hoãn Tổng tuyển cử đến ngày 6/1/1946. Tuy nhiên, tỉnh Thái Nguyên không nhận được Sắc lệnh này nên vẫn tiến hành Tổng tuyển cử theo thời gian đã định từ trước là ngày 23/12/1945.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chủ đất nước, tự do lựa chọn đại biểu mình tín nhiệm bầu vào cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng với mọi tầng lớp nhân dân, giúp nâng cao ý thức giác ngộ, tinh thần làm chủ của mỗi công dân. Kết quả, đại đa số cử tri trong huyện đi bỏ phiếu, bầu ra 3 đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên ở khu vực Thái Nguyên là các ông: Lê Trung Đình, Đặng Đức Thái, Nguyễn Trung Thành.

Trong hoàn cảnh vừa mới ra đời lại phải giải quyết nhiều công việc quan trọng và cấp bách, vấn đề củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương trở thành nhiệm vụ hàng đầu, có ý nghĩa quyết định. Vào thời kỳ đầu khi mới thành lập, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời các cấp trong huyện đã đáp ứng được yêu cầu của cách mạng. Đến thời kỳ này, trước những yêu cầu mới ngày càng cao, bộ máy chính quyền lâm thời tỏ ra có nhiều hạn chế, lúng túng trong công tác điều hành. Vì vậy, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngày 8/2/1946, tại các xã trong huyện, nhân dân các dân tộc nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp (tỉnh và xã). Ngay sau đó, Ủy ban Hành chính chính thức từ xã lên huyện được thành lập. Ủy ban Hành chính chính thức đầu tiên ở huyện Phú Lương ra đời gồm có: Ông Phan Văn Tĩnh (Chủ tịch), ông Hoàng Gia Dũng (Phó Chủ tịch) và ông Phan Chân Chính (Ủy viên). Các ban chuyên môn như Ban Thông tin, Ban Bình dân học vụ, Ban Cứu tế, Ban Phá hoại, Ban Giao thông liên lạc, Ban Đón tiếp đồng bào tản cư... lần lượt được hình thành. Mỗi ban đều có hệ thống tổ chức từ huyện xuống các xã.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp trong huyện, hệ thống các đơn vị hành chính ở Phú Lương cũng được sắp xếp lại cho phù hợp. Yêu cầu của cách mạng trong thời kỳ hiện tại cũng như sau này đòi hỏi bộ máy hành chính phải tinh giản, tránh tình trạng công kênh dẫn đến sự trì trệ trong chỉ

đạo mọi hoạt động. Do vậy, vào lúc này, hình thức tổ chức các cấp châu, tổng, xã như dưới thời đế quốc, phong kiến không còn thích hợp. Thực tế chỉ rõ: Xã là đơn vị cơ sở có ý nghĩa quan trọng. Cán bộ xã là cán bộ bán thoát ly, một nửa ngày làm công việc xã hội, một nửa ngày tham gia lao động sản xuất. Tổng là đơn vị hành chính trung gian không cần thiết đã được xóa bỏ. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, Phú Lương có 7 tổng, 25 xã, đến lúc này được tổ chức lại thành 12 xã¹, với tổng số dân khoảng 13.000 người. Dưới cấp xã là xóm, mỗi xóm có 1 trưởng xóm làm nhiệm vụ đôn đốc mọi công việc hành chính.

Song song với việc củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, các đoàn thể quần chúng cũng được mở rộng. Mặt trận Việt Minh có cơ sở rộng rãi, các hội Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc... được tổ chức thành một hệ thống chặt chẽ từ huyện xuống xã. Các xã đều có Ban Việt Minh; Ban Chấp hành Mặt trận Việt Minh huyện được bầu do ông Hoàng Thái Tuyên làm Chủ nhiệm.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở địa phương và để đáp ứng với những yêu cầu ngày càng cao của công cuộc kháng chiến, kiến quốc, việc xây dựng và phát triển cơ sở đảng đã trở thành một yêu cầu bức thiết. Khác với một số địa phương trong tỉnh, do những điều kiện khách quan, đầu năm

¹ Tổng Yên Thịnh có 3 xã: Lộc Trạch, Yên Trạch và Yên Ninh được đặt thành 2 xã: Yên Trạch (gồm Yên Trạch và Lộc Trạch) và Yên Ninh. Tổng Ninh Tường có 7 xã được đặt thành 1 xã lấy tên là Hợp Thành. Tổng Yên Đổ có 3 xã đổi thành 2 xã: Yên Đổ và Yên Lạc (gồm Yên Lạc và Nam).

Tổng Động Đạt có 3 xã được sắp xếp lại thành 2 xã: Động Đạt và Phấn Mễ (gồm có Phấn Mễ và Phấn Súc).

Tổng Tứ Tranh có 3 xã đổi thành 2 xã Phú Đô và Tứ Tranh (gồm Tứ Tranh và Đan Khê).

Tổng Cổ Lũng có 3 xã đổi thành 2 xã Vô Tranh và Cổ Lũng (gồm Cổ Lũng và Bá Sơn).

Tổng Sơn Cẩm có 3 xã (Thanh Trà, Sơn Cẩm và Quan Triều) đổi thành 1 xã là Sơn Cẩm.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

1942 mới có cán bộ cách mạng đến huyện hoạt động tuyên truyền. Hơn nữa, trước khi cách mạng thành công, toàn tỉnh chưa có tổ chức đảng thống nhất, công tác xây dựng Đảng không được chú trọng. Vì thế, đến khi Cách mạng tháng Tám thành công, Phú Lương vẫn chưa thành lập được cơ sở đảng.

Từ sau ngày thành lập chính quyền, trước yêu cầu cấp thiết về sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với phong trào cách mạng của nhân dân trong huyện, vấn đề xây dựng và phát triển Đảng ở địa phương được đặt ra trực tiếp. Mặt khác, trải qua những năm đấu tranh trong thời kỳ hoạt động bí mật, đội ngũ cán bộ và quần chúng cách mạng ở địa phương đã từng bước trưởng thành, những cốt cán mới xuất hiện ngày càng nhiều, có đầy đủ điều kiện để tiến hành công tác phát triển Đảng.

Giữa tháng 9/1945, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Thái Nguyên được tổ chức tại xóm Trường Xô (Phấn Mễ), tuyên bố nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, thảo luận và thông qua một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân Tưởng, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, thành lập các tổ chức cơ sở đảng ở những nơi đủ điều kiện... Nhân dân huyện Phú Lương, trực tiếp là nhân dân xã Phấn Mễ đã có những đóng góp quan trọng về cơ sở vật chất và đảm bảo an toàn cho sự thành công của Hội nghị. Hội nghị Trường Xô có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng ở Thái Nguyên, đánh dấu sự thống nhất trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn toàn tỉnh.

Sau Hội nghị Trường Xô, với sự ra đời của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh, cuộc vận động xây dựng Đảng được đẩy mạnh, trong đó có nội dung xây dựng các Huyện ủy, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên và thành lập các chi bộ cơ sở. Tỉnh ủy liên tiếp cử cán bộ có kinh nghiệm đến các địa phương trong tỉnh, trong đó có Phú Lương để trực tiếp chỉ đạo phong

trào và gây dựng cơ sở đảng. Đến cuối năm 1945, Tỉnh ủy Thái Nguyên phân công đồng chí Lê Phương (cán bộ Đảng ở huyện Phú Bình) về Phú Lương thay cho đồng chí Vũ Hưng (tức Hai Cao). Sau một thời gian được tuyên truyền, thử thách, tháng 2/1946, một số cán bộ chủ chốt ở địa phương như các đồng chí Phan Văn Sáng, Phan Văn Tĩnh, Phan Văn Quế, Nguyễn Thị Hát được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau đó, Chi bộ cơ quan được thành lập tại trụ sở Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Phú Lương, do đồng chí Lê Phương trực tiếp làm Bí thư.

Đến tháng 4/1946, Chi bộ Đảng cơ quan kết nạp thêm 2 quần chúng là đồng chí Nguyễn Đại Hải và đồng chí Nguyễn Thiện Tùng. Cũng vào lúc này, Ban cán sự Đảng huyện ra đời, gồm 3 đồng chí là Lê Phương, Phan Văn Quế và Phan Văn Tĩnh, do đồng chí Lê Phương làm Trưởng ban. Ban cán sự Đảng là 1 cơ quan có chức năng như Huyện ủy, tiếp thu chủ trương chung của Tỉnh ủy, chịu trách nhiệm trước Đảng bộ cấp trên về việc lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Việt Minh, đoàn thể các cấp trong toàn huyện và nhân dân thực hiện mọi đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước; phát hiện, tuyên truyền, giáo dục những người tích cực, tiến bộ, giới thiệu họ để tỉnh bồi dưỡng, kết nạp Đảng.

Sau khi Ban cán sự Đảng huyện ra đời, tại các xã, nhiệm vụ phát triển Đảng được đẩy mạnh. Do có sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và sự nỗ lực của các đảng viên, chi bộ cơ quan huyện đã tích cực xuống các xã tuyên truyền về Đảng, đội ngũ cán bộ cơ sở của Phú Lương được rèn luyện thử thách trong cao trào Tiền khởi nghĩa, rất thiết tha với cách mạng, với chế độ mới, với Đảng. Vì vậy, từ một chi bộ Đảng đầu tiên thành lập vào tháng 2/1946, đến tháng 11/1946, huyện đã có thêm các chi bộ xã Động Đạt, Hợp Thành và Phấn Mễ.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Lúc này, Phú Lương có điều kiện cần và điều kiện đủ để thành lập Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn huyện. Tháng 11/1946, Tỉnh ủy đã quyết định thành lập Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện gồm 3 đồng chí: Nguyễn Thị Thuận (tức Thái Bảo), Nguyễn Thế Hạng (tức Nguyễn Vũ) và Phan Văn Quế. Đồng chí Nguyễn Thị Thuận làm Bí thư Huyện ủy lâm thời, đồng chí Nguyễn Thế Hạng làm Phó Bí thư. Một thời gian sau, đồng chí Nguyễn Thế Hạng giữ chức Bí thư Huyện ủy lâm thời.

Việc thành lập Đảng bộ cùng với Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện là sự kiện có ý nghĩa rất quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của phong trào cách mạng Phú Lương; đồng thời tạo ra những điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng ở địa phương phát triển nhanh chóng. Kể từ lúc này trở đi, mọi mặt công tác ở Phú Lương đều do Đảng bộ ngay tại cơ sở trực tiếp lãnh đạo.

Đầu năm 1947, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ nhất được triệu tập tại nhà ông Chánh Việt xã Phấn Mễ¹, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới và bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chính thức. Đồng chí Hứa Đình Khánh - nguyên cán bộ Cứu quốc quân II Võ Nhai, là cán bộ tăng cường của tỉnh - được bầu làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Tĩnh và đồng chí Nguyễn Hữu Tài là Ủy viên thường vụ.

Sau khi Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được thành lập, nhiệm vụ củng cố, phát triển Đảng được đẩy mạnh. Phần lớn các xã trong huyện đã có chi bộ lãnh đạo phong trào: Chi bộ xã Yên Đổ, Chi bộ Cổ Lũng được thành lập tháng 12/1946. Từ đầu năm cho đến giữa năm 1947, Chi bộ các xã Yên Ninh, Yên

¹ Theo biên bản tọa đàm Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương ngày 21/1/1994.

Trạch, Túc Tranh, Sơn Cẩm ra đời. Đến tháng 8/1947, Chi bộ Vô Tranh được thành lập. Xã Yên Lạc tuy chưa thành lập được chi bộ nhưng cũng đã có tổ Đảng. Như vậy, lúc này, chỉ còn xã Phú Đô chưa có cơ sở đảng.

Công cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân đòi hỏi phải đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang. Ngoài những đơn vị tự vệ đã có từ trước, ngay sau khi Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện ra đời, tiểu đội cảnh vệ được thành lập gồm 11 cán bộ và chiến sỹ do ông Phan Văn Bế làm Tiểu đội trưởng, có nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng ở địa phương. Về sau, tiểu đội này phát triển thành trung đội gồm 27 cán bộ và chiến sỹ do ông Ma Quốc Oai làm Trung đội trưởng, ông Nguyễn Hữu Thành làm Chính trị viên. Hầu khắp các xã đều xây dựng các đội tự vệ, đội du kích. Các đơn vị tự vệ và đội du kích đều có chương trình huấn luyện thường xuyên. Cán bộ và chiến sỹ trong lực lượng vũ trang được giáo dục tư tưởng, chính trị, luôn nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu.

Sau ngày Nam Bộ kháng chiến (ngày 23/9/1945), theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, cùng với nhân dân toàn tỉnh, con em đồng bào các dân tộc Phú Lương tình nguyện đến các “Phòng Nam Bộ” ghi tên vào các đội quân Nam tiến, lập chiến công trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nhiều con em của đồng bào các dân tộc cũng có mặt trong Trung đoàn độc lập 22 (Thái Nguyên, Phúc Yên) thuộc Chiến khu I từ những ngày đầu thành lập.

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp liên tiếp bội ước, không tuân thủ các điều khoản đã ký trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 và Tạm ước ngày 14/9/1946. Chúng liên tục khiêu khích và gây xung đột vũ trang tại một số đô thị lớn ở miền Bắc. Ngày 20/11/1946, chúng nổ súng đánh

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn và cho hàng nghìn quân đổ bộ lên Đà Nẵng. Đầu tháng 12/1946, quân Pháp liên tiếp gây xung đột với công an và tự vệ của ta, bắn đại bác vào khu phố Hàng Bún, chiếm trụ sở Bộ Tài chính và một số cơ quan khác. Ngày 18 và 19/12/1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng..

Ngay từ tháng 11/1946, khi tình hình đất nước ngày càng trở nên phức tạp, ngọn lửa chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ngày càng lan rộng, Trung ương Đảng cử tổ công tác đặc biệt do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách lên một số địa phương ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn xem xét địa hình, nghiên cứu việc di chuyển và chọn địa điểm an toàn cho các cơ quan đầu não của Trung ương. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, tổ công tác đã chọn một số địa điểm nằm sâu trong căn cứ địa Việt Bắc làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK). Phú Lương là huyện miền núi, có địa hình tương đối hiểm trở, nằm sát phía đông ATK Định Hóa nên trở thành cửa ngõ vào ATK, đồng thời là lá chắn bảo vệ ATK. Nhiều xã trên địa bàn có các cơ quan Nhà nước, đơn vị bộ đội Trung ương, các cơ quan của tỉnh Thái Nguyên và Liên khu I đến đóng trú. Cục Công binh, Cục Dân quân, Cục Vận tải, Cục Bản đồ, Xưởng giấy Huỳnh Thúc Kháng... đóng ở xã Hợp Thành. Học viện Quân y, Xưởng quân giới, Kho Quân lương... đóng ở xã Vô Tranh. Xã Yên Ninh là nơi đứng chân của Kho quân dược liên khu Việt Bắc (tiền thân của kho 708)... Các xã Yên Đổ, Ôn Lương, Yên Trạch, Phủ Lý... đều có cơ quan, đơn vị đến đóng quân và làm việc. Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của mình, trong suốt những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ để che chở, bảo vệ an toàn cho các cơ quan, đơn vị.

Trước những hành động xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân ta chỉ có một con đường là cầm vũ khí để kháng chiến bảo vệ đất nước. Ngày 12/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *“Toàn dân kháng chiến”*, chỉ ra những nét cơ bản của đường lối kháng chiến là toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh. Ngày 18 và 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. *“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát đi khắp cả nước, hiệu triệu đồng bào cả nước đứng lên chống thực dân Pháp, bảo vệ độc lập dân tộc. Trong đó, có đoạn Người nhấn mạnh:

“...Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”¹.

Sau ngày kháng chiến bùng nổ trong toàn quốc (ngày 19/12/1946), thực hiện chủ trương của Trung ương, bên cạnh Ủy ban Hành chính, khoảng đầu tháng 3/1947, Ủy ban Bảo vệ chuyển thành Ủy ban Kháng chiến do ông Phan Văn Sáng làm Chủ tịch. Như vậy, về mặt chính quyền, cũng như các nơi khác, ở Phú Lương lúc này có 2 hình thức Ủy ban song song tồn tại: Ủy ban Hành chính chuyên lo điều hành các công việc hành chính và Ủy ban Kháng chiến chuyên lo chuẩn bị và chỉ đạo công cuộc kháng chiến ở địa phương.

Một thời gian sau, để tránh tình trạng chồng chéo, thực hiện Sắc lệnh số 91/SL ngày 1/10/1947 của Chính phủ, Ủy ban Hành chính và Ủy ban Kháng chiến hợp nhất thành Ủy ban

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.1018.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG _____

Kháng chiến kiêm Hành chính, sau gọi là Ủy ban Kháng chiến Hành chính. Ủy ban Kháng chiến Hành chính đầu tiên của huyện Phú Lương gồm 7 người:

- Ông Phan Văn Sáng: Chủ tịch
- Ông Phan Văn Tĩnh: Phó Chủ tịch
- Ông Phan Chân Chính: Ủy viên
- Ông Hoàng Gia Dũng: Ủy viên
- Ông Đỗ Văn Quyết: Ủy viên
- Ông Chu Bình Long: Ủy viên
- Ông Hoàng Văn Thân: Ủy viên

Từ thời gian này trở đi, bộ máy chính quyền các cấp trong huyện Phú Lương từng bước được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ tổ chức, giáo dục và lãnh đạo nhân dân tham gia vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Tại Phú Lương, cho đến đầu năm 1947, chiến sự vẫn chưa lan tới. Mặc dù vậy, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương vẫn nêu cao tinh thần chủ động, tích cực chuẩn bị mọi mặt để kháng chiến. Các Ban tản cư, tiếp cư tiếp tục hoạt động tích cực, vừa tổ chức đưa các gia đình ở những nơi địch có thể đánh đến nơi an toàn, vừa phải tổ chức tiếp đón và bố trí nơi ăn, ở cho đồng bào miền xuôi tản cư lên. Chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch: “Vô luận thế nào các Ủy ban Hành chính không được bỏ dân bơ vơ”, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể địa phương nhanh chóng tiếp nhận đồng bào, phân chia khu vực định cư, tổ chức ổn định cuộc sống. Trại sản xuất Phia Đén được thành lập đã góp phần giúp đỡ đồng bào tản cư sớm ổn định đời sống, tham gia mọi hoạt động cùng nhân dân địa phương. Nhiều con em đồng bào tản cư đã gia nhập lực lượng du kích, tự vệ làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ quê hương Phú Lương hoặc xung phong lên đường tòng quân

giết giặc.

Phú Lương là một huyện nằm trên trục đường 3, lại là cửa ngõ ra vào của An toàn khu kháng chiến. Nhận rõ vị trí quan trọng đó, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện rất coi trọng việc giáo dục quân và dân về ý thức bảo mật phòng gian, sẵn sàng đánh địch. Mọi người dân từ già đến trẻ đều thực hiện triệt để khẩu hiệu “Ba không” (không biết, không nghe, không thấy). Phương án tác chiến được xây dựng. Ban Giao thông liên lạc vạch ra kế hoạch cụ thể trong thời bình cũng như thời chiến. Các đường dây liên lạc đều được bố trí ở những nơi bí mật. Bộ phận làm công tác liên lạc có người chính và người phụ, nhằm đảm bảo việc liên lạc được thông suốt trong bất cứ tình huống nào. Kế hoạch tiếp tế, tải thương cũng được đề ra rõ ràng, cụ thể. Đội ngũ cán bộ và nhân viên tiếp tế, tải thương được tổ chức lãnh đạo thống nhất từ huyện xuống các xã. Cán bộ và chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang đều được tham dự các lớp tập huấn ngắn ngày về cách sử dụng vũ khí, cách đánh giáp lá cà, đánh quân nhảy dù, đánh địa lôi, về canh gác, báo động, truyền tin... Huyện đã chuẩn bị đầy đủ các điểm sơ tán, đồng thời phân công cán bộ trực tiếp xuống phụ trách các xã. Cán bộ phụ trách xã nào đều xây dựng kế hoạch tác chiến phù hợp với tình hình của xã ấy. Cán bộ cấp xã phân công nhau phụ trách đến tận xóm và từng gia đình để vừa đảm bảo đánh địch, vừa đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, quyết tâm không để một người dân bị địch bắt, không để một hạt gạo rơi vào tay kẻ thù.

Mặc dù mọi kế hoạch chuẩn bị kháng chiến đã được vạch ra nhưng việc tổ chức thực hiện có mặt còn chậm trễ, nhất là công tác tiêu thổ kháng chiến. Cho đến đầu năm 1947, toàn bộ các công trình kiến trúc kiên cố, đường sá, cầu cống trong huyện, trong đó có đường 3 vẫn không được phá, nhà dân 2

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

bên đường vẫn còn nguyên vẹn, trong khi đó ở nhiều huyện khác đã hoàn thành triệt để. Phải đến tháng 3/1947, toàn huyện Phú Lương mới phá xong đồn Phấn Mễ và nhà chủ Tây. Các hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa ở chợ Giang Tiên, chợ Đu vẫn diễn ra tấp nập.

Sở dĩ có tình trạng trên là do nhận thức không đầy đủ âm mưu, hành động của địch như chỉ thị của Trung ương đã chỉ ra, một số địa phương, trong đó có Đảng bộ và nhân dân Phú Lương đã phạm phải sai lầm chủ quan, khinh địch, việc phán đoán mưu đồ và hướng tiến công của địch có chỗ, có khi chưa chính xác. Sự đôn đốc, kiểm tra của cấp trên đối với các xã cũng không được thường xuyên. Mặt khác, yêu cầu đi lại và vận chuyển của cán bộ, nhân dân còn nhiều. Bộ phận dân tản cư từ Hà Nội và nhiều tỉnh khác vào huyện từ tháng 12/1946 đến đầu năm 1947 dừng lại theo trục đường 3 từ Quán Triều, km5, ngã ba Bờ Đậu, Giang Tiên, Đu, Đuối, Trào, từ sáng sớm đến nửa đêm, lúc nào cũng có hàng quán, mua bán tấp nập. Khi địch nhảy dù chiếm đóng thị trấn Chợ Mới, những điểm này vỡ ra, gây hoảng loạn trong dân chúng, huyện phải tập trung ổn định tinh thần, giải quyết nơi ăn, chốn ở và việc làm cho hàng trăm hộ trong tình thế bị động. Những hạn chế, thiếu sót trên phần nào đã ảnh hưởng đến tinh thần cũng như hiệu quả chiến đấu của quân và dân địa phương trong những ngày đầu thực dân Pháp tấn công lên Việt Bắc.

Tuy có những thiếu sót nhưng thực tế lịch sử chứng minh rằng, Đảng bộ huyện Phú Lương đã tỏ rõ năng lực lãnh đạo khá vững vàng. Đại đa số cán bộ, đảng viên của Đảng bộ luôn nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao. Các cấp chính quyền, các ban ngành chuyên môn của huyện, các đoàn thể quần chúng luôn bám sát cơ sở, làm việc có kế hoạch. Do đó, nhìn chung mọi mặt công

tác ở huyện đều được triển khai kịp thời. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng bộ trong quần chúng ngày càng được nâng cao và mở rộng. Trải qua thực tiễn công tác, cán bộ chính quyền và đoàn thể các cấp trong huyện ngày càng có thêm kinh nghiệm trong việc vận động, lãnh đạo quần chúng. Đó chính là những nhân tố giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

Sau khi phá xong đồn Phấn Mễ và nhà chủ Tây (tháng 3/1947), việc tiêu thổ kháng chiến bắt đầu được triển khai thực hiện. Tất cả các cầu và quãng đường từ cầu số 5 thuộc xã Sơn Cẩm lên phố Đu đều được phá. Mặt đường được đào hố theo hình bậc thang, mỗi hố cách nhau khoảng 1,5m, sâu 0,5m, rộng 0,4m, dài bằng 4/5 lòng đường. Hai bên lề đường đều có hầm hào. Tất cả nhà gạch gần các trục đường cũng đều bị phá trụi. Toàn dân thực hiện khẩu hiệu “*vườn không nhà trống*”.

Củng cố và phát triển lực lượng vũ trang trong thời gian này được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất. Ngày 19/2/1947, Bộ Quốc phòng ra Thông tư số 33/TT-ĐB về việc “*Tổ chức dân quân Việt Nam*”, quy định mọi công dân từ 18 đến 45 tuổi vào dân quân. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh đội bộ dân quân Thái Nguyên (ra đời ngày 15/4/1947), Huyện ủy và Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương quyết định thành lập Huyện đội bộ dân quân Phú Lương có nhiệm vụ tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện về công tác quân sự. Đồng chí Nguyễn Đại Hải (Chủ nhiệm Việt Minh huyện) được phân công làm Chính trị viên kiêm Huyện đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Nhâm (tức Hàm) làm Huyện đội phó. Một thời gian sau, Ban Chỉ huy Tỉnh đội điều đồng chí Tạ Việt Cường về làm Huyện đội trưởng, đồng chí Nguyễn Đại Hải làm Chính trị viên (thời kiêm chức Huyện đội trưởng). Huyện đội bộ dân quân có 3 bộ phận: Bộ phận quân sự do đồng chí Ma Tiến

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Cường phụ trách, bộ phận chính trị do đồng chí Nguyễn Tất Đạt phụ trách và bộ phận văn phòng do đồng chí Phan Văn Thơ phụ trách.

Sau khi Huyện đội ra đời, các xã trong huyện đã thành lập Ban Chỉ huy xã đội bộ dân quân, giao cho đồng chí ủy viên quân sự trong Ủy ban Hành chính xã làm Xã đội trưởng. Xã đội đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy đảng và chính quyền cùng cấp. Sự ra đời của Huyện đội và Xã đội bộ dân quân đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình xây dựng và trưởng thành của lực lượng vũ trang huyện Phú Lương.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện và các xã, Ban Chỉ huy Huyện đội và các Ban Chỉ huy xã đội bộ dân quân đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng vũ trang. Các xã có vị trí xung yếu như Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Động Đạt ngoài việc bồi dưỡng cán bộ cơ sở, huyện còn cử những cán bộ có năng lực phụ trách. Các đồng chí Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các mặt chuẩn bị kháng chiến của những xã này.

Từ đầu năm 1947, ở tất cả các xã trong huyện, mỗi xã có từ 60 - 70 nam nữ chiến sỹ du kích và xã nào cũng có 1 trung đội mạnh để cơ động chiến đấu. Riêng các xã trọng điểm như Vô Tranh, Yên Trạch, Phấn Mễ, Động Đạt... có tới 2 trung đội. Mỗi xóm ở trong huyện đều xây dựng được ít nhất 1 tiểu đội dân quân du kích chiến đấu. Mặc dù vũ khí trang bị còn thô sơ nhưng tinh thần của các chiến sỹ đều rất hăng hái. Cơ quan huyện đội bộ dân quân có 2 trung đội trực thuộc làm nhiệm vụ bảo vệ cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể ở huyện. Trung đội thứ nhất do đồng chí Hưởng làm Trung đội trưởng, đồng chí Cường làm Trung đội phó, đồng chí Xuyên làm Chính trị viên. Trung đội thứ hai do đồng chí Loan làm Trung đội

trưởng, đồng chí Bằng làm Trung đội phó, đồng chí Phan Văn Vát làm Chính trị viên.

Để có vũ khí, lương thực cho dân quân, du kích sinh hoạt và tập luyện, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện đã phát động toàn dân quyên góp, ủng hộ. Các gia đình đều có “*Hũ gạo nuôi quân*”, mỗi ngày tiết kiệm một, hai nắm gạo bỏ vào hũ để cung cấp cho bộ đội, dân quân, du kích. Cùng với đó, huyện cử nhiều đảng viên, cốt cán đi đào tạo cán bộ chỉ huy ở các trường võ bị Trần Quốc Tuấn, trường quân chính Bắc Sơn, trường quân chính Liên khu. Dân quân, du kích các xã thường xuyên được huấn luyện cách đánh du kích, động tác quân sự cơ bản và học cách sử dụng các loại vũ khí, xây dựng làng xã chiến đấu. Huyện động viên toàn dân trong huyện làm hàng vạn ngọn chông tre và cùng bộ đội địa phương, dân quân cắm xuống các bãi ở đồn điền Na, các cánh đồng Phố Giá, Đu, Trào, Lộng... để phòng quân địch nhảy dù. Công việc này được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 5/1947 thì hoàn thành. Huyện cũng có các biện pháp trấn áp kịp thời những phần tử phản động, dẹp bọn cướp, đề phòng Pháp sẽ lợi dụng bọn này phá hoại kháng chiến.

Phán đoán ý đồ hành động trong âm mưu “*đánh nhanh thắng nhanh*” của địch, ngay từ tháng 5/1947, tại Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ III, Trung ương đã nhận định 2 khả năng: Hoặc là địch có thể càn quét lớn ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, mở rộng phạm vi chiếm đóng, hoặc là chúng sẽ tấn công lên Việt Bắc, chiếm đóng Phúc Yên, Thái Nguyên và Tuyên Quang... Trung ương nhấn mạnh khả năng thứ 2 là khả năng có thể xảy ra cao hơn. Trong Chỉ thị ngày 15/9 và tiếp đó, Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ IV, Đảng cũng nhận định có thể địch tấn công lên Việt Bắc.

Trên cơ sở những nhận định của Trung ương, của Bộ tổng

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chỉ huy, căn cứ vào diễn biến tình hình, Tỉnh ủy Thái Nguyên đưa ra dự đoán: *“Địch có thể nhảy dù để phối hợp với bộ binh càn quét, chiếm đóng Thái Nguyên nhằm thực hiện âm mưu tốc chiến tốc thắng”*, từ đó chỉ thị cho các huyện trong tỉnh, trong đó có Phú Lương khẩn trương triển khai mọi công tác, sẵn sàng chiến đấu.

Chấp hành Chỉ thị của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Phú Lương đã có ngay chủ trương cho cấp ủy và chính quyền từ huyện đến cơ sở chuẩn bị cho toàn dân và lực lượng vũ trang sẵn sàng đương đầu với cuộc tấn công của địch, sẵn sàng đánh địch.

Đến giữa năm 1947, các cơ quan đầu não kháng chiến, các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính phủ và Quân đội đã đến ở, làm việc tại trung tâm căn cứ địa kháng chiến, trong đó có huyện Phú Lương. Phú Lương không những nằm ở vị trí cửa ngõ phía đông của An toàn khu mà còn có nhiều cơ quan kháng chiến của Trung ương đóng tại các xã phía tây và phía bắc như Ôn Lương, Hợp Thành, Yên Đổ... Một số xã phía nam đã có các cơ sở công nghiệp quốc phòng, trong đó có xưởng sản xuất vũ khí ở Giang Tiên. Xưởng sản xuất vũ khí ở Giang Tiên là một trong những xưởng quân giới đầu tiên của nước ta, được thành lập đầu năm 1946. Xưởng đã tổ chức nghiên cứu chế tạo từ cuối năm 1946 và đến cuối tháng 2/1947 đã sản xuất và thử nghiệm thành công súng Bazoka. Súng Bazoka do xưởng chế tạo (giáo sư Trần Đại Nghĩa thiết kế) có ưu điểm là nhẹ, có thể vác trên vai, bắn không giật, có sức công phá lớn, giúp bộ đội tăng cường sức mạnh hỏa lực, tiêu diệt nhiều xe tăng, tàu chiến, đồn bốt kiên cố của địch. Đây là một kỳ tích của quân dân Việt Nam nói chung và là một bất ngờ lớn với thực dân Pháp khi lần đầu tiên súng Bazoka do xưởng sản xuất vũ khí Giang Tiên chế tạo đã tiêu diệt xe tăng của chúng khi chúng tấn công ra vùng Chương Mỹ, Quốc Oai (Hà Nội)

ngày 3/3/1947.

Sáng ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động lực lượng mở cuộc hành quân quy mô lớn tấn công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực của ta, phá hoại kho tàng, xưởng máy, bao vây và khóa chặt biên giới, cố giành thắng lợi về quân sự để tập hợp lực lượng phản động lập chính phủ bù nhìn tay sai và hy vọng kết thúc chiến tranh. Chúng đã ném vào cuộc tấn công này 5 trung đoàn bộ binh, 1 trung đoàn nhảy dù, 2 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu đoàn công binh, 2 phi đội gồm 60 máy bay các loại, 1 thủy đội 40 tàu chiến ca nô, 800 xe ô tô và 1 tiểu đoàn xung kích hải quân. Tổng số binh lực khoảng 15.000 tên.

Mở đầu chiến dịch, binh đoàn đường không của Xô-va-nhắc (Sauvagnac) chỉ huy nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, huyện lỵ Chợ Đồn và địa điểm giáp Phú Lương là thị trấn Chợ Mới. Ngay sau đó, chúng cho quân đánh chiếm khu vực cầu Ổ Gà trên đường 3 nằm giữa địa bàn Yên Ninh với thị trấn Chợ Mới. Như vậy, Phú Lương nằm trong tình thế bị uy hiếp.

Nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ huyện Phú Lương lúc này một mặt phải ổn định tư tưởng, mà trước hết là ngay trong nội bộ Đảng do tư tưởng chủ quan trước đây gây ra (cho rằng địch không thể mạo hiểm tấn công lên Phú Lương), nhanh chóng đưa dân ở ven đường 3 vào sâu trong núi tránh giặc. Mặt khác, Đảng bộ phân công cán bộ xuống các xã tập hợp lực lượng dân quân, du kích sẵn sàng phối hợp với bộ đội, tự vệ các cơ quan, xí nghiệp đánh địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ cơ sở kháng chiến, đồng thời huy động lực lượng phá đường giao thông và các công trình kiến trúc khác, không cho địch lợi dụng làm chỗ đóng quân khi chúng tấn công đến.

Tuy nhiên, do thiếu tổ chức chặt chẽ, chỉ huy chưa thống nhất và thiếu cả hệ thống thông tin liên lạc - dù là chạy chân,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

nên chiều ngày 7/10, khi địch thả 300 quân nhảy dù xuống Chợ Mới thì từ cấp lãnh đạo cao nhất của huyện đến các xã đều lúng túng. Trước mắt, các cấp lãnh đạo chỉ còn biết chuyển địch cơ quan lù xa mặt trận¹. Ba ngày sau, ngày 10/10, huyện mới nắm hết tình hình các xã, Huyện đội, dân quân liên lạc đầy đủ với các xã đội.

Sau khi chiếm được thị trấn Chợ Mới và cầu Ổ Gà, hàng ngày thực dân Pháp cho 1 tiểu đội đến 1 đại đội tấn công, càn quét sang các xóm, xã thuộc khu vực Phú Lương. Ngày 13/10/1947, 1 đại đội Pháp tấn công, càn quét vào xóm Ba Luồng xã Yên Ninh, bắn chết 1 bộ đội, đốt cháy 2 ngôi nhà. Ngày 15/10/1947, địch tấn công vào xóm Đồng Phú xã Yên Ninh và bắn chết 2 người dân. Cũng trong thời gian này, thực dân Pháp tăng cường cho máy bay ném bom bắn phá đoạn dọc đường 3 trên địa bàn huyện từ Sơn Cẩm lên Yên Ninh nhằm dọn đường cho quân nhảy dù².

Trước tình hình căng thẳng trên, “*Lời kêu gọi toàn dân đánh giặc*” của Hồ Chủ tịch ngày 8/10, Chỉ thị “*Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp*” ngày 15/10 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và lời kêu gọi “*Hãy kiên quyết chiến đấu bảo vệ Việt Bắc, bảo vệ Tổ quốc*” ngày 8/10 của Tổng Chỉ huy quân đội Quốc gia và dân quân tự vệ, cùng với trận đánh Chợ Mới đêm 15/10 đã làm trấn tĩnh và có sức cổ vũ tinh thần kháng chiến của đồng bào các dân tộc Phú Lương. Hàng nghìn dân trong huyện ngay sau đó đã tích cực tỏa ra đường 3, các trục đường lớn trong huyện phá sập tất cả cầu,

¹ Huyện ủy, Ủy ban Hành chính Kháng chiến và các cơ quan huyện chuyển vào Ôn Lương, Hợp Thành....

² Xem thêm: *Lịch sử Đảng bộ xã Yên Ninh*, 2015, tr.38 và *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.76.

cống, xẻ sâu mặt đường¹, đắp ụ cản bước tiến của quân địch. Tất cả những công sở, nhà lớn được phá hủy. Tại các xã, đặc biệt là dọc đường 3 từ Sơn Cẩm đến Yên Ninh toàn dân làm “vườn không nhà trống”. Cán bộ, chiến sỹ tự vệ mỏ than Phấn Mễ xung phong lên đoạn đường 3 từ km31 đến km34 để đào, phá đường, đắp ụ cản xe cơ giới địch. Trong quá trình thực hiện tiêu thổ kháng chiến, nhân dân, cán bộ, chiến sỹ huyện Phú Lương đã đổ mồ hôi, thậm chí hy sinh tính mạng. Ngày 22/10/1947, du kích Yên Trạch phối hợp với du kích Yên Ninh phá cầu Suối Bốc nhằm ngăn chặn bước tiến của quân thù. Tuy nhiên, do chủ quan, du kích Yên Trạch bị vướng mìn của địch, 4 người hy sinh. Ngày 7/11/1947, trong quá trình đặt mìn phá cầu Ổ Gà, 2 du kích xã Yên Ninh bị thương vì vướng mìn do địch cài sẵn từ trước đó.

Để đảm bảo an toàn, các cơ quan Huyện ủy, Ủy ban và các đoàn thể huyện chuyển vào ở và làm việc tại các xã Hợp Thành, Phú Lý, Ôn Lương... Tất cả cán bộ của huyện, từ Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban đến cán bộ các đoàn thể đều được cử xuống các xã, nhất là các xã nằm trên đoạn đường 3 thuộc địa bàn huyện, cùng với nhân dân đêm đêm phá đường giao thông, ban ngày hướng dẫn đồng bào làm hầm hố tránh bom đạn của giặc. Các cấp ủy, chính quyền, xã đội bộ dân quân kiện toàn đội ngũ du kích và lập kế hoạch chiến đấu bảo vệ xóm làng.

Ban Chỉ huy mặt trận đường 3 được thành lập theo mệnh lệnh số 132 ngày 27/10/1947 của Bộ Tổng chỉ huy. Các xã phía đông và tây đường 3 thuộc huyện Phú Lương được đưa vào địa bàn hoạt động của các đơn vị bộ đội thuộc chỉ huy mặt trận đường 3. Tất cả các đơn vị du kích của huyện được lệnh phối hợp chặt chẽ với bộ đội tham gia phản công, kiên quyết đánh

¹ Đường 3 được xẻ theo hình xương cá, mỗi hố rộng 0,4m, sâu 0,5m chỉ để sống đường là 0,8m đủ cho người đi bộ.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

bại âm mưu chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của giặc. Lực lượng dân quân huyện được huy động bố phòng, canh gác đường vào các khu căn cứ an toàn của Trung ương. Hệ thống báo động dây chuyền và mạng lưới giao thông thường trực được thiết lập nối liền các xã và từ xã lên huyện. Đến cuối tháng 10/1947, cả huyện Phú Lương đã hình thành thế trận sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 7/11/1947, sau đúng 1 tháng chiếm đóng Chợ Mới, quân Pháp cho 3 xe ô tô cam-nhông chở quân địch từ thị trấn Chợ Mới qua cầu Ổ Gà, càn quét xuống khu vực xóm Suối Bốc (Yên Ninh). Đại đội 911 thuộc Trung đoàn 121 bộ đội chủ lực đã phối hợp cùng du kích xã Yên Ninh và Yên Trạch chặn đánh địch, tiêu diệt 20 tên, buộc chúng phải quay về Chợ Mới. Cùng thời gian, đơn vị trực chiến của bộ đội huyện ở đồn Na đã bắn rơi máy bay Đa-cô-ta của địch, bắt phi công, thu chiến lợi phẩm. Sau các trận đánh thắng lợi này, nhân dân hết sức ủng hộ, cổ vũ cán bộ, chiến sỹ trong huyện chiến đấu lập công.

Do sự phản công quyết liệt của quân ta trên khắp các mặt trận Sông Lô, đường 3, 2 gọng kìm hợp vây bị bẻ gãy, địch từ thế chủ động dần dần rơi vào thế bị động. Dựa trên sức mạnh chiến đấu của toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân, biết dựa vào địa hình đồi núi hiểm trở quân và dân Việt Bắc làm cho quân đội Pháp sa vào lưới thiên la địa võng, bị bao vây chia cắt. Lực lượng của chúng ngày càng giảm sút. Giai đoạn I (còn được gọi là cuộc hành quân Lê-a) đã kết thúc thất bại cả về ý đồ chiến lược quân sự và những mưu toan chính trị của địch.

Cuối tháng 11/1947, thực dân Pháp quyết định triển khai giai đoạn II - được đặt tên là cuộc hành quân Xanh-tuya. Với lực lượng lớn bao gồm của hải quân, lục quân và không quân, chúng mở cuộc càn quét trên phạm vi rộng khoảng 8.000km²,

thuộc khu vực tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - phủ Lạng Thương. Như vậy, không chỉ căn cứ địa Việt Bắc mà cả vùng phụ cận cũng nằm trong vành đai càn quét của Pháp. Vòng vây này sẽ rút dần lại, thu nhỏ về phía nam Thái Nguyên, đạt đến giới hạn cần thiết thì không quân sẽ tung lữ đoàn đổ bộ đường không xuống những điểm mà theo tình báo của chúng, chính phủ kháng chiến của ta và chủ lực Việt Minh cùng các kho tàng đang ẩn náu, cất giữ ở đó. Lúc đó, quân hợp vây vòng đai cùng với lính dù càn quét từng ổ nhỏ để lùng bắt chính phủ ta, tiêu diệt chủ lực Việt Minh, phá nát cơ sở kháng chiến. Với cuộc hành quân này, thực dân Pháp hy vọng cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam bị mất cơ quan đầu não, tiêu vong lực lượng, không còn vật chất, sớm muộn phải đi đến kết thúc chiến tranh có lợi cho Pháp.

Trong cuộc hành quân Xanh-tuya, trung tâm cuộc càn quét của Pháp dồn tại Thái Nguyên, trong đó có địa bàn Phú Lương. Nhân dân Thái Nguyên nói chung, nhân dân Phú Lương nói riêng phải đối đầu trực tiếp với những âm mưu, thủ đoạn mới của địch. Nhưng cũng chính trong hoàn cảnh này, một lần nữa, tài nghệ chỉ đạo chiến tranh nhân dân của Đảng ta, của Hồ Chủ tịch được chứng minh.

Ngày 22/11/1947, trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 5 từ Hòa Bình tràn sang càn quét Phú Thọ. Sau đó 1 tiểu đoàn vượt sông sang đánh chiếm Việt Trì. Cánh quân do Đại tá Com-muy-nan chỉ huy rút khỏi thị xã Tuyên Quang, theo đường thủy tiến về Bình Ca và theo đường bộ sang Sơn Dương nhằm uy hiếp đường 13A (Tuyên Quang - Đại Từ), hình thành vòng vây chặn ta ở phía tây. Ngày 25/11, trung đoàn Cốt-xơ từ Phả Lại tiến lên Bắc Giang, đánh chiếm phủ Lạng Thương, yểm trợ cho binh đoàn Bô-phơ-rê khép chặt phía đông mặt trận.

Cũng trong thời gian đó, trên tuyến đường 3, quân Pháp rút

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

khỏi một số vị trí phía bắc và tây bắc tỉnh Bắc Kạn, tập trung lực lượng về Chợ Mới. Đêm 24/11/1947, 1 trung đoàn quân địch (khoảng 1.500 tên) ở Chợ Mới bí mật theo đường 3 hành quân đến km31 rồi ngược đường lên Định Hóa, càn quét khu vực Quán Vuông, Chợ Chu.

Ngày 25/11/1947, một toán địch từ Chợ Mới hành quân càn quét xuống vùng khu vực km31, nổ súng bắn vào một trạm gác của du kích. Các du kích đang gác tại trạm nhanh chóng rút vào rừng để đảm bảo an toàn. Cùng lúc đó, 1 trung đội du kích tập trung của huyện đang trên đường lên Yên Ninh bảo vệ và gặt lúa giúp dân, bất ngờ chạm trán với địch. Du kích không kịp triển khai chiến đấu, bị địch tấn công khiến 6 chiến sỹ hy sinh, số còn lại thoát vào rừng. Trong ngày này, 1 tiểu đội địch từ thị trấn Chợ Mới theo đường mòn càn quét qua các xóm Đồng Danh, làng Muông (Yên Ninh) rồi tràn sang Định Hóa.

Sáng ngày 26/11/1947, sau khi cho máy bay ném bom bắn phá, địch thả khoảng 500 quân dù xuống chiếm La Hiên. Buổi trưa cùng ngày, chúng thả tiếp 200 quân xuống Tràng Xá. 700 quân dù nhanh chóng tỏa ra chiếm đóng những vị trí quan trọng ở Võ Nhai. Buổi chiều, địch tiếp tục đổ gần 1 tiểu đoàn (khoảng 400 quân dù) xuống cánh đồng làng Ngò (An Khánh - Đại Từ), chiếm giữ các vị trí xung yếu trên tuyến đường 13A. Như vậy, Phú Lương đã bị bao vây từ nhiều phía. Hàng ngày, quân địch từ làng Ngò, Chợ Mới đã mở các cuộc tấn công, càn quét vào các xóm, xã trên địa bàn Phú Lương, thực hiện chính sách “Tam quang” (đốt sạch, cướp sạch, giết sạch). Với cuộc tấn công này, hàng nghìn quân địch tỏa ra đánh chiếm 32 địa điểm trên địa bàn Thái Nguyên, chiến sự ngày càng lan rộng và ác liệt.

Ngày 28/11/1947, một đại đội địch từ làng Ngò tiến ra càn

quét xã Cổ Lũng, 1 trung đội tấn công, càn quét Quán Triều rồi ngược lên xã Sơn Cẩm. Giặc Pháp đã bắn chết 1 du kích, làm bị thương 1 du kích đang làm nhiệm vụ canh gác tại đình Sơn Cẩm, sau đó đốt phá đình rồi rút về làng Ngò.

Ngày 1/12/1947, một trung đội địch lại từ làng Ngò càn quét xuống Quán Triều rồi ngược đường 3 lên nghỉ đêm tại khu vực cầu Lòng Bông. Ngay đêm hôm đó, vệ quốc đoàn và du kích huyện tổ chức tập kích, buộc chúng phải tháo chạy về làng Ngò ngay trong đêm.

Ngày 2/12/1947, quân Pháp càn vào Phú Đô, đốt nhà dân ở xóm Pháng, bị dân quân, du kích xã phối hợp với du kích huyện chặn đánh. Sau nhiều tiếng chiến đấu, quân ta đã làm bị thương 3 tên, thu 8 quả lựu đạn, buộc chúng phải bỏ dở cuộc càn quét.

Tiếp đó ngày 7/12/1947, 1 trung đội địch càn vào trại Táo, bị du kích địa phương phục kích tiêu diệt 1 tên. Ngày 10/12/1947, 200 tên địch từ làng Ngò hành quân lên chiếm đóng đồn Đu, đến Bờ Đậu gặp 1 tiểu đoàn vệ quốc, 1 tiểu đội du kích đang ngồi nghỉ trên đường hành quân. Do bị bất ngờ, ta không kịp triển khai chiến đấu, bị địch tấn công phải rút lên rừng, 1 du kích hy sinh, 1 chiến sỹ vệ quốc đoàn bị thương. Cùng ngày, 1 toán địch càn vào Giang Tiên (lúc này thuộc xã Phấn Mễ), bị du kích phục kích bắn vào cuối đội hình, diệt 1 tên. Gần đến cầu Lân (Phấn Mễ), toán quân này lại bị một đại đội chủ lực thuộc Trung đoàn 147 chặn đánh, diệt 9 tên, làm bị thương 2 tên.

Ngày 11/12/1947, du kích Phú Lương phối hợp với bộ đội đánh địch tại Sơn Cẩm, diệt 1 tên.

Ngày 12/12/1947, khoảng 300 tên địch từ đồn Đu hành quân càn quét dọc đường 3 lên Chợ Mới. Đến khu vực Chính Bình,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chúng bị 1 tiểu đội du kích chặn đánh khiến đội hình rối loạn¹. Nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch, du kích không cản được bước tiến của địch, đành phải rút lui.

Ngày 14/12/1947, từ đồn Đu, một toán địch tràn vào Gia Khánh (xã Phấn Mễ), tiểu đội du kích tập trung của huyện do tiểu đội trưởng Trần Đức Long phụ trách phục kích giạt mìn, diệt và làm bị thương 7 tên. Quân Pháp buộc phải bỏ dở trận càn, rút về đồn Đu.

Liên tiếp trong 3 ngày (từ ngày 13 đến ngày 15/12/1947), du kích và bộ đội chủ lực bao vây, quấy rối, khống chế địch tại đồn Đu. Không chịu được sự căng thẳng và lo sợ bị tiêu diệt, ngày 16/12/1947, quân địch phải rút về làng Ngò. Trên đường rút chạy, đến khu vực Dốc Vồng (xã Sơn Cẩm), địch lọt vào trận địa phục kích của bộ đội và du kích. Ta đã diệt và làm bị thương 5 tên, khiến những tên còn lại phải nhanh chóng tìm đường tháo chạy khỏi Phú Lương. Từ đây, Phú Lương hoàn toàn sạch bóng quân thù.

Do bị quân và dân ta đánh mạnh ở khắp nơi, vòng vây của địch quanh khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - phủ Lạng Thương không thể khép lại được. Mục tiêu phá tan căn cứ địa của ta và tiêu diệt chủ lực Việt Minh trong cuộc hành quân Xanh-tuya bị thất bại hoàn toàn. Địch lại bị tiêu hao sinh lực và phương tiện chiến tranh. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp quyết định bỏ dở kế hoạch tấn công và cho quân rút chạy khỏi Việt Bắc. Trên đường rút chạy, quân Pháp còn bị quân và dân ta truy kích, chặn đánh tại Đồng Hỷ, Đại Từ... gây cho chúng nhiều tổn thất.

Như vậy, sau hơn 1 tháng chiến đấu, quân và dân Phú Lương

¹ Báo cáo đặc biệt ngày 31/5/1948 của H.Đ.C.Q Thái Nguyên về tình hình chính quyền trong tỉnh từ Hội nghị Tân Trào đến tháng 5/1948, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

liên tục đánh địch 18 trận lớn nhỏ (kể cả độc lập tác chiến và phối hợp với bộ đội chủ lực), diệt hơn 30 tên và làm bị thương hàng chục tên khác, thu nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh, góp phần cùng quân và dân toàn tỉnh Thái Nguyên, quân và dân Việt Bắc làm phá sản hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của địch, bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và quân đội, đưa cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta tiến lên một bước mới.

Thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, trong đó có sự đóng góp to lớn của quân và dân huyện Phú Lương, đã phá tan kế hoạch “tấn công chớp nhoáng” để kết thúc chiến tranh của Pháp. Chiến dịch này một lần nữa chứng minh đường lối và sự chỉ đạo kháng chiến đúng đắn của Đảng, đánh dấu bước trưởng thành của quân đội ta, đưa cuộc kháng chiến của dân tộc chuyển sang giai đoạn mới.

Qua thực tế chiến đấu, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương rút ra được những bài học quý giá trong công tác lãnh đạo và tiến hành chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện là: Sự thống nhất, khẩn trương, cương quyết trong lãnh đạo. Nhờ đó, huyện đã nhanh chóng khắc phục được những khó khăn, lúng túng ban đầu, tổ chức phá hoại, tiêu thổ triệt để, làm vườn không nhà trống, cất giấu của cải tốt, hạn chế được nhiều thiệt hại do địch gây ra trong các cuộc càn quét.

Cũng qua chiến dịch này, chúng ta đã bộc lộ rõ những yếu kém trong công tác triển khai chiến đấu. Trước hết, do huyện Phú Lương chưa trải qua các cuộc chống địch khủng bố, càn quét như Võ Nai, Đại Từ cho nên các cấp lãnh đạo và dân quân, du kích chưa có kinh nghiệm tổ chức chiến đấu và chiến đấu, chưa xây dựng được kế hoạch phối hợp tác chiến giữa các lực lượng vũ trang trong huyện với nhau và với các đơn vị bộ đội chủ lực. Vì thế, Phú Lương không tổ chức được những trận

đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch. Một số trận ta bị tổn thất là bài học kinh nghiệm về tinh thần thường xuyên cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu.

II. Xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện tiền tuyến, góp phần đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược (1948 - 1954)

Sau khi chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947 kết thúc thắng lợi, cũng như các địa phương khác trong tỉnh Thái Nguyên, Phú Lương trở thành vùng tự do, hậu phương của cuộc kháng chiến, đồng thời còn là hậu phương trực tiếp của An toàn khu.

Đầu năm 1948, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ II được tổ chức tại xóm Đồng Mương (Phủ Lý). Trong giai đoạn mới, Đại hội xác định nhiệm vụ của Phú Lương là: Xây dựng hậu phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao, động viên sức người, sức của đến mức cao nhất chi viện cho tiền tuyến, góp phần đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp. Đại hội bầu đồng chí Ngọc Lan làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Quế làm Phó Bí thư¹.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương nhanh chóng khắc phục khó khăn, thiệt hại do thực dân Pháp gây ra trong chiến dịch thu đông năm 1947, ổn định đời sống, tăng gia sản xuất, tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc.

Ngay sau khi thực dân Pháp rút khỏi Thái Nguyên, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh thành lập Tiểu ban cứu tế với mục đích tổ chức giúp đỡ cho những nơi đồng bào bị thiệt hại

¹ Đến ngày 23/6/1948, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa II họp và bổ nhiệm đồng chí Phan Văn Quế - Phó Bí thư Huyện ủy Phú Lương giữ chức Bí thư Huyện ủy. Xem: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)*, Thái Nguyên, 2003, tr.241.

trong các đợt càn quét của giặc. Đối với huyện Phú Lương, tỉnh trợ cấp 75.000 đồng (trong đó có 40.000 đồng để mua trâu), 10 tấn thóc và 14 con trâu¹. Được sự lãnh đạo của tỉnh, ở Phú Lương đã thành lập Tiểu ban cứu tế từ huyện xuống các xã. Cán bộ Tiểu ban cứu tế trực tiếp xuống các xã điều tra, nắm tình hình thiệt hại của nhân dân trong những lần thực dân Pháp hành quân càn quét; sau đó tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện cấp đúng nguồn hỗ trợ của tỉnh cho các đối tượng để đồng bào nhanh chóng ổn định đời sống và có vốn để sản xuất. Vì vậy, nhân dân đã khắc phục khó khăn trước mắt, ổn định đời sống, tích cực sản xuất và đóng góp cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc chung của dân tộc.

Là địa bàn An toàn khu, cửa ngõ phía nam trực tiếp vào trung tâm căn cứ địa, lại có đường 3 chạy suốt chiều dài của huyện lên Bắc Kạn, Cao Bằng, ra biên giới Việt - Trung, Phú Lương không thể không bị thực dân Pháp nhòm ngó. Hơn nữa, mặc dù đã thất bại trong chiến dịch thu đông năm 1947 nhưng thực dân Pháp vẫn cố bám lấy Bắc Kạn. Tại đây, chúng chiếm đóng 5 điểm: thị xã Bắc Kạn, Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn và Bằng Khẩu, ra sức củng cố hệ thống phòng thủ nhằm thực hiện ý đồ chiếm đóng lâu dài. Đây là 5 điểm chốt trọng yếu cắm sâu trong khu căn cứ địa, khống chế một vùng rộng lớn, gây nhiều khó khăn cho công cuộc kháng chiến của ta. Đồng thời nó còn là 5 cơ sở tại chỗ phục vụ cho ý đồ tấn công lên Việt Bắc một lần nữa khi có thời cơ. Quân Pháp thường xuyên cho bọn tay sai, phản động, thổ phỉ, gián điệp thâm nhập địa bàn huyện để gây rối làm ảnh hưởng tình hình an ninh hoặc cho máy bay ném bom phá hoại. Sáng ngày 17/9/1948, thực

¹ Báo cáo đặc biệt ngày 31/5/1948 của H.Đ.C.Q Thái Nguyên về tình hình chính quyền trong tỉnh từ Hội nghị Tân Trào đến tháng 5/1948, Lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

dân Pháp cho 1 máy bay khu trục thả bom xuống Bồ Đậu (Cổ Lũng), bắn phá gần 30 phút, làm bị thương 2 người, chết 2 con trâu. Chiều ngày hôm đó, chúng tiếp tục cho máy bay Đa-cô-ta từ phía bắc rải truyền đơn xuống các xã Phú Đô, Yên Ninh, Yên Lạc¹. Vì vậy, mặc dù là huyện hậu phương trong căn cứ địa nhưng lại rất gần địch, luôn trong trạng thái bị uy hiếp, nhiệm vụ của quân và dân Phú Lương là phải nêu cao tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu đập tan hành động của quân địch nếu chúng tấn công vào căn cứ kháng chiến của cả nước, đồng thời tập trung xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu, Đảng bộ luôn luôn chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng vũ trang. Ngay từ tháng 1/1948, huyện cử nhiều cán bộ tham dự huấn luyện bổ túc đại đội trưởng do Tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức. Các đơn vị dân quân du kích thay nhau huấn luyện từ 7 - 10 ngày về quân sự và chính trị.

Đảng bộ chỉ đạo các ngành, đoàn thể, bằng nhiều hình thức vận động, tuyên truyền trong nhân dân, làm dấy lên một phong trào thi đua xây dựng lực lượng vũ trang. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy cử nhiều cấp ủy viên, đảng viên sang phụ trách lực lượng dân quân, du kích, đảm nhiệm các chức vụ xã đội trưởng, chính trị viên xã đội, trung đội trưởng dân quân du kích, chính trị viên trung đội dân quân du kích. Hầu hết đảng viên từ 18 - 45 tuổi đều tham gia trong các đơn vị dân quân, du kích. Hệ thống chỉ huy về quân sự ở huyện Phú Lương dần dần được củng cố. Ban Chỉ huy xã đội các xã được kiện toàn đủ các bộ phận như tổ công tác chính trị, tổ quân báo và văn phòng. Những đồng chí yếu về năng lực, sức khỏe được điều chuyển công tác, đồng thời bổ

¹ *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.88.

sung những đồng chí trẻ, khỏe đã qua huấn luyện cơ bản.

Được cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm, lực lượng vũ trang Phú Lương vừa tăng về số lượng, vừa nâng cao chất lượng. Tính đến tháng 6/1948, mỗi xã trong huyện có từ 1 - 2 trung đội du kích, mỗi xóm có 1 tổ gương mẫu chiến đấu, ngoài nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ xóm làng, tổ này còn là nguồn bổ sung quân số cho lực lượng vũ trang của tỉnh, huyện. Trước tháng 10/1949, toàn huyện có 1 trung đội du kích tập trung. Do khó khăn về cấp dưỡng nên đơn vị phải tổ chức phân tán theo từng tiểu đội, dựa vào sự nuôi dưỡng của nhân dân các xã nên khả năng cơ động thấp và rất khó khăn cho công tác huấn luyện.

Năm 1948, lực lượng dân quân, du kích Phú Lương được trang bị 84 kiếm, 197 súng kíp, 4 súng trường, 616 lựu đạn và 6 địa lôi. Dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn vũ khí, trang bị nhưng dân quân, du kích Phú Lương đã thực hiện tốt chế độ học tập, huấn luyện, nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Ban Chỉ huy Huyện đội phối hợp với Trung đoàn 121 tổ chức huấn luyện cho dân quân, du kích, giúp các chiến sỹ nâng cao trình độ, năng lực quân sự và nhận thức chính trị¹.

Ngày 7/4/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương. Sắc lệnh nêu rõ: *“Quân đội Quốc gia Việt Nam gồm có 2 phân: Quân đội chính quy và quân đội địa phương. Bộ đội địa phương có đặc điểm chính: Có tính cách địa phương, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, tự trang bị và tự túc về cấp dưỡng”*². Đây là lực lượng nòng cốt cho chiến tranh du kích ở địa phương, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực cơ

¹ Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000), Thái Nguyên, 2007, tr.94.

² Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: 60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb.Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.81.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

động, đẩy mạnh vận động chiến. Thi hành Lệnh của Chủ tịch nước, ngày 7/7/1949, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh ra Nghị định số 103/NĐ tổ chức bộ đội địa phương và Thông tư số 46/TT quy định nhiệm vụ của cơ quan các cấp, các ngành đối với việc xây dựng bộ đội địa phương.

Thực hiện Nghị định số 103/NĐ, Ban Chỉ huy xã đội do Hội đồng nhân dân bầu ra, có 1 xã đội trưởng, 1 chính trị viên và 1 xã đội phó kiêm trung đội trưởng du kích tập trung. Chức vụ xã đội trưởng hoặc chính trị viên do ủy viên quân sự trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính đảm nhiệm. Huyện đội là một cơ quan nằm trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện. Ban Chỉ huy Huyện đội Phú Lương đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện, được kiện toàn gồm 1 huyện đội trưởng, 1 chính trị viên, 1 huyện đội phó, tổ chức theo đúng biên chế gồm các ban văn thư, tác chiến, quân sự, chính trị và kiểm tra, với quân số khoảng 25 cán bộ, chiến sỹ¹.

Sau khi có chủ trương thành lập bộ đội địa phương, Huyện ủy lấy trung đội du kích tập trung làm nòng cốt để xây dựng bộ đội huyện vì phần lớn hội viên của trung đội này đã trải qua thực tế chiến đấu trong chiến dịch thu đông 1947, ít nhiều có kinh nghiệm về kỹ thuật tác chiến. Cuối năm 1949, Ban Chỉ huy Huyện đội tập trung củng cố, điều động, bổ sung thêm cán bộ, chiến sỹ và thành lập được đại đội bộ đội mang phiên hiệu Đại đội 271, biên chế thành 2 trung đội, được trang bị các loại vũ khí như súng trường, lựu đạn và mìn².

Trong thời gian đầu, công tác xây dựng bộ đội địa phương

¹ *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.95.

² *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.95.

gặp rất nhiều khó khăn do một số đồng chí có năng lực lãnh đạo đã kinh qua chiến đấu được cấp trên điều động lên tỉnh hoặc vào các đơn vị chủ lực của Bộ. Vì vậy đội ngũ cán bộ lãnh đạo chỉ huy vừa yếu vừa thiếu, cơ sở vật chất, trang thiết bị không đủ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho sinh hoạt của bộ đội. Trước tình hình đó, một mặt Huyện ủy tiếp tục cử nhiều cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức trên tỉnh và Liên khu I. Mặt khác để 100% cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị được huấn luyện một cách cơ bản, huyện chủ động mở các lớp huấn luyện ngắn ngày tại đơn vị, mời các đồng chí giáo viên của tỉnh đội, quân khu và Trung đoàn Cảnh vệ 15 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn. Để tăng cường cơ sở vật chất cho đơn vị, Huyện ủy chỉ đạo các ngành vận động nhân dân tích cực ủng hộ, giúp đỡ. Cùng thời gian đó, Ban cấp dưỡng của huyện được thành lập để tuyên truyền, vận động nhân dân với tinh thần *“Nhân dân địa phương nuôi lấy cán bộ của mình”*. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, mặc dù đời sống còn gặp nhiều khó khăn do sản xuất chưa phát triển và hậu quả tàn phá nặng nề của chiến tranh nhưng với truyền thống yêu nước, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã đóng góp nhiều tiền bạc, lương thực, thực phẩm, quần áo cho bộ đội. Phong trào *“Hũ gạo nuôi quân”* được đông đảo bà con hưởng ứng. Nhiều cơ quan, đơn vị nhận đỡ đầu cho từng tiểu đội, từng tổ; nhiều gia đình nhận nuôi từ 1 - 2 chiến sỹ. Hội Phụ nữ Cứu quốc, Hội Mẹ chiến sỹ ngoài việc nhận đỡ đầu cho các đơn vị bộ đội còn tổ chức may vá chần màn, quần áo cho anh em, đón thương binh về làng chăm sóc, giúp đỡ các gia đình liệt sỹ, các gia đình bộ đội, có tác dụng động viên những người đang cầm súng chiến đấu ngoài mặt trận. Nhờ những cố gắng trong công tác hậu phương quân đội, hướng về cuộc kháng chiến nên chỉ trong một thời gian ngắn sau khi thành lập, bộ đội địa phương của huyện đã phát triển nhanh về số lượng, đời sống ổn định, yên tâm bước vào huấn luyện.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Sang năm 1950, công tác ủng hộ bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực của tỉnh và liên khu đóng trên địa bàn tiếp tục được đẩy mạnh. Nhân dân Phú Lương, nhất là ở các xã Sơn Cẩm, Phủ Lý, Yên Ninh, Yên Trạch hăng hái đem lương thực, thực phẩm, tiền bạc, vũ khí, công sức ủng hộ bộ đội. Tính riêng từ tháng 7 đến tháng 9/1950, nhân dân Phú Lương đã ủng hộ bộ đội địa phương huyện gần 1 tấn thóc và 105.000 đồng. Tuy nhiên, mức đóng góp trên chưa cao so với nhiều huyện khác trong tỉnh (huyện Đại Từ đóng góp 43 tấn thóc và trên 1,1 triệu đồng, huyện Đông Hỷ đóng 4 tấn thóc và 1 triệu đồng; huyện Phú Bình đóng 3,2 tấn thóc và gần 439.000 đồng...). Hạn chế này được khắc phục kịp thời nên đến hết năm 1950, nhân dân Phú Lương đã đóng góp vào quỹ quân lương phục vụ bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực tỉnh, liên khu và các cơ quan Trung ương được 200 tấn thóc và hàng chục con trâu, bò¹.

Bên cạnh việc xây dựng bộ đội địa phương, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, từ năm 1950 - năm “hoàn thành công tác chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công”, công tác quân sự của huyện được nâng cao một bước. Tại các xã, phần lớn những người trong độ tuổi đều đăng ký gia nhập lực lượng dân quân. Những người có sức khỏe, có tinh thần hăng hái trong các đơn vị dân quân được tuyển chọn biên chế vào đội du kích. Ở các trung đội du kích, chế độ học tập, huấn luyện được duy trì thường xuyên nhằm đảm bảo sức chiến đấu cao nhất, sẵn sàng đánh địch ngay tại địa phương. Đồng thời, đây còn là nguồn thứ 2 bổ sung cho lực lượng bộ đội địa phương của tỉnh, huyện.

Cũng nhờ công tác tổ chức và huấn luyện mang tính chất bắc cầu như vậy nên trong suốt những năm kháng chiến, mặc dù phải thường xuyên bổ sung cho bộ đội địa phương của tỉnh

¹ *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.97.

và huyện với số lượng lớn (năm 1951 lên tới 2/3 quân số) nhưng Đảng bộ vẫn luôn duy trì lực lượng vũ trang địa phương đủ số lượng, đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu.

Bài học rút ra từ thực tế chiến đấu trong chiến dịch thu đông năm 1947 là cơ sở để Đảng bộ chỉ đạo xây dựng lực lượng và lập phương án tác chiến. Thông qua các cuộc vận động (rèn cán chỉnh quân), công tác huấn luyện quân sự của huyện luôn luôn đi sát với thực tế chiến đấu. Kế hoạch phối hợp tác chiến giữa 3 thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích) thường xuyên được duy trì bằng các đợt diễn tập, mỗi năm cử từ 1 - 2 lần bộ đội và dân quân, du kích thực tập phối hợp chiến đấu trên các điểm trọng yếu, các trục đường giao thông, các hướng địch có thể tấn công, trong khi thực tập kết hợp sửa chữa công sự chiến đấu, hào giao thông, đào thêm hố đặt địa lôi... Trong 2 năm (1949 - 1950), Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính và Ban Chỉ huy Huyện đội cử nhiều cán bộ, chiến sỹ tham gia chiến đấu đánh địch tại Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc. Trong các đợt phục kích đánh địch từ Vĩnh Yên lên Tam Đảo (Vĩnh Phúc) vào ngày 29/3/1950 và ngày 9/4/1950, cán bộ, chiến sỹ bộ đội địa phương huyện Phú Lương góp phần cùng bộ đội địa phương các huyện khác (tăng cường cho Đại đội 339) tiêu diệt và làm bị thương khoảng 40 tên địch¹. Qua thực tế chiến đấu, khả năng cơ động phối hợp tác chiến, bản lĩnh kỹ thuật chiến đấu, kinh nghiệm tổ chức chỉ huy chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang huyện Phú Lương không ngừng được củng cố và nâng cao.

Sau chiến dịch thu đông năm 1947, Phú Lương đã trở thành khu tự do, nằm trong căn cứ địa, vòng ngoài trực tiếp của An

¹ *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.98-99.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

toàn khu của Trung ương. Nhiều cơ quan, cơ sở kháng chiến và lực lượng vũ trang của Trung ương, của khu và tỉnh đóng trên địa bàn huyện, tập trung chủ yếu ở các xóm, xã phía tây đường 3. Nhân dân một số tỉnh bị địch chiếm đóng tiếp tục tản cư, chọn đất Phú Lương làm nơi sinh sống. Hoạt động kháng chiến trên đất Phú Lương do vậy rất nhộn nhịp. Một số nơi như Giang Tiên, Bờ Đậu, Phấn Mễ, Đu là những chợ kháng chiến cung cấp vật phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu cho các cơ quan, công xưởng và bộ đội.

Đường 3 đoạn tuyến từ Quán Triều đến km31 chạy dọc huyện có vị trí quan trọng, là mạch máu giao thông nối liền An toàn khu của Trung ương với vùng phía sau lưng địch. Khu an toàn Trung ương chỉ thật sự an toàn khi các địa bàn tiếp giáp, vành đai bảo vệ phía ngoài (trong đó có Phú Lương) phải thực sự là tấm áo giáp vững chắc. Về phía địch, sau thất bại trong cuộc tấn công bằng quân sự thu đông năm 1947, thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động tình báo, gián điệp để thu thập tin tức về hoạt động kháng chiến của nhân dân ta. Hệ thống tổ chức, chỉ đạo các hoạt động tình báo, gián điệp này không chỉ do cơ quan phòng nhì của Pháp ở Hà Nội trực tiếp chỉ huy mà còn chịu sự chỉ đạo của các căn cứ, các vị trí của chúng ở Việt Bắc và các tỉnh tiếp giáp như Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Lạng Sơn.

Thực dân Pháp biết rằng không thể ngay từ đầu tung gián điệp vào khu an toàn, mà trước hết phải từ vùng tiếp giáp đánh vào. Vì vậy, trách nhiệm của Đảng bộ và đồng bào các dân tộc Phú Lương trong việc bảo mật phòng gian, góp phần bảo vệ an toàn cho Trung ương, Chính phủ, Bác Hồ và các hoạt động kháng chiến ở Trung tâm căn cứ địa là vô cùng to lớn.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, một mặt Đảng bộ tập trung giáo dục nhân dân nhận rõ: Giữ bí mật là yêu nước. Mọi tầng lớp,

mọi lứa tuổi đều hiểu giá trị to lớn của khẩu hiệu “*Ba không*”¹ và thực hiện triệt để mọi lúc, mọi nơi, trong mọi trường hợp. Mặt khác, Đảng bộ, chính quyền từ huyện đến xã phối hợp chặt chẽ với Trung đoàn cảnh vệ 15 (còn gọi là Trung đoàn Tân Trào, sau đổi thành Trung đoàn 246), lực lượng an ninh của Bộ Công an (sau này là Bộ Nội vụ), cơ quan phản gián của Bộ Quốc phòng và công an tỉnh (tham mưu cho cấp ủy là công an quận 6² và các đồn công an Giang Tiên, Đu) làm trong sạch địa bàn, chống phao tin đồn nhảm phản tuyên truyền.

Hệ thống trạm kiểm soát, vọng gác, vị trí cảnh giới được thiết lập trên trục đường 3, ở các hợp điểm giao thông, đường liên xã, đặc biệt là ở các xã giáp với huyện Đại Từ, Định Hóa để kiểm soát người lạ mặt ra vào địa phương và địa bàn ATK Định Hóa. Những trạm này phần lớn do dân quân xã sở tại được Ban Chỉ huy xã đội cắt phiên canh gác 24/24 giờ trong ngày. Một số trạm gác quan trọng (Bờ Đậu, Giang Tiên, Đu, Trào, km31) có cả lực lượng dân quân, cảnh vệ và công an cùng canh gác, kiểm soát. Ngoài ra, các xóm trong xã, trong huyện đều lập các Ban trật tự, ban ngày hoạt động như là bộ phận an ninh ở thôn, xã. Những người buôn bán, những người mới ở các nơi khác tản cư đến huyện đều được kiểm tra chặt chẽ, những người lạ mặt qua lại hằng ngày trên đất Phú Lương đều được kiểm tra, ghi chép hành trình. Nhân dân trong huyện phát hiện và báo cho cán bộ biết những điều khả nghi.

Nhờ những đóng góp tích cực của nhân dân các dân tộc trong huyện trên mặt trận phòng gian, phòng gián và giữ bí

¹ Không tò mò để biết những việc không liên quan đến mình; không nghe những công việc kháng chiến do người khác phụ trách mà mình không có nhiệm vụ; không nói những điều kháng chiến cần giữ bí mật, nhất là với người lạ mặt.

² Tháng 1/1947, mỗi huyện trong tỉnh Thái Nguyên thành lập 1 quận công an, đến tháng 5/1947 sáp nhập 2 quận công an Định Hóa - Phú Lương thành quận 6.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

mật, hoạt động tích cực của bộ đội, dân quân, công an và các tổ chức khác, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trong suốt những năm kháng chiến, Phú Lương đã chống được những hoạt động gián điệp, do thám, phá hoại của địch trên địa bàn.

Có nhân dân giúp đỡ, các lực lượng an ninh phá tan tổ chức đảng phản động mang tên “*Đảng Việt Nam phục hội*” (còn có tên là “*Quốc gia liên minh*”¹) và “*Đảng phục quốc đồng minh hội*”. Việc đập tan các tổ chức phản động đã làm thất bại âm mưu của thực dân Pháp là tung gián điệp, phản động phá hoại căn cứ địa kháng chiến của ta. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Phú Lương được giữ vững và củng cố góp phần quan trọng vào việc bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến Trung ương ở Định Hóa và các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn huyện.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, thực dân Pháp vẫn cố bám lại một số địa điểm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Nhưng chúng thường xuyên bị quân dân địa phương bao vây, quấy rối, tập kích, chặn đánh. Đến tháng 8/1949, thực dân Pháp phải tháo chạy khỏi Bắc Kạn.

Sau khi rút khỏi Bắc Kạn, vòng vây của địch đối với căn cứ địa Việt Bắc được giải tỏa, kế hoạch bao vây chia cắt Bắc Bộ của chúng bị phá sản, vùng du kích được mở rộng, căn cứ địa Việt Bắc được củng cố. Các huyện tiếp giáp An toàn khu, trong đó có Phú Lương trở thành “*an toàn khu*” mở rộng. Đến lúc này, khi cuộc kháng chiến của dân tộc ta bước sang giai đoạn mới - giai đoạn “*chuẩn bị tổng phản công*”, các yêu cầu cho kháng chiến, kiến quốc cũng đòi hỏi ngày một nhiều hơn. Các cơ quan, đơn vị phục vụ cho kháng chiến kiến quốc cũng được

¹ Đảng phản động này nhen nhóm ở xã Yên Trạch vào tháng 10/1948, lôi kéo 12 tên kỳ hào bất mãn hoạt động nói xấu cách mạng, phá hoại kháng chiến; đến tháng 12/1948, ta đã phá tan tổ chức này.

mở rộng hoặc được thành lập mới¹.

Trên địa bàn Phú Lương, từ năm 1950 có rất nhiều cơ quan, đơn vị của Trung ương, của Liên khu Việt Bắc đóng và làm việc như Tổng cục cung cấp (Cống Thâm - Động Đạt), Trạm giao tế của Trung ương Đảng (Yên Ninh), Quân y viện (Yên Đổ), các xưởng quân giới ở Sơn Cẩm, Vô Tranh và nhiều kho tàng quân nhu, quân giới. Sau năm 1950, khi quân đội ta mở nhiều chiến dịch ở trung du, đồng bằng, Tây Bắc... thì Phú Lương trở thành nơi đặt nhiều kho trung chuyển cho chiến dịch, là điểm tập kết của các đơn vị chủ lực, các cơ quan Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu, nhiều hội nghị quan trọng của Chính phủ, quân đội được tổ chức ở Phú Lương, trong đó có Hội nghị Đảng ủy chiến dịch Trung du do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bí thư họp ở xã Hợp Thành ngày 15/12/1950; Đại hội chiến sỹ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất họp từ ngày 30/4 đến 6/5/1952 do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì²...

Các xã Ôn Lương, Hợp Thành, Yên Đổ là nơi hội họp, bàn bạc và quyết định công việc quan trọng của Đảng ủy và Bộ Chỉ huy các chiến dịch. Các xã Vô Tranh, Tức Tranh, Sơn Cẩm... là nơi cất giữ những kho lương thực, vũ khí để cung cấp cho tiền tuyến. Cũng từ sau năm 1950, Nhà nước kháng chiến của ta mở

¹ Ngày 28/8/1949, Đại đoàn Quân Tiên phong (Sư đoàn 308) - Đại đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập tại đồn điền Na, xã Động Đạt, huyện Phú Lương (nay thuộc thị trấn Đu). Năm 1951, Chính phủ quyết định thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, mậu dịch quốc doanh...

² Đại hội chiến sỹ thi đua toàn quốc lần thứ nhất với 154 đại biểu tham dự, là công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang tiêu biểu cho phong trào "Thi đua yêu nước" trong toàn quốc. Đại hội lựa chọn 7 chiến sỹ thi đua xuất sắc để Chính phủ tuyên dương danh hiệu Anh hùng (4 Anh hùng Lực lượng vũ trang là Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên và 3 Anh hùng Lao động là Trần Đại Nghĩa, Ngô Gia Khảm và Hoàng Hanh).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

rộng quan hệ quốc tế, nhiều bạn bè nước ngoài đã đến căn cứ địa Việt Bắc. Cơ quan giao tế Trung ương được đặt ở Yên Ninh đã nhiều lần đón tiếp khách quốc tế đến thăm và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Trên đường đi công tác, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghỉ tại Trạm giao tế này.

Ngoài ra, ở huyện Phú Lương còn nhiều cơ sở công nghiệp phục vụ kháng chiến như mỏ than, xưởng dệt, xưởng thuốc lá ở Phấn Mễ, xưởng giấy Huỳnh Thúc Kháng ở Ôn Lương... Cùng với hoạt động của mậu dịch quốc doanh, trên địa bàn Phú Lương từ năm 1951, các hoạt động quân sự và kinh tế diễn ra nhộn nhịp. Mật độ dân cư tăng vọt, có lúc số người thuộc lực lượng bộ đội, các cơ quan Trung ương và liên khu đóng trên đất huyện đông gấp 2 lần dân số huyện, làm xáo trộn về kinh tế, xã hội địa phương. Trong tình hình ấy, Đảng bộ lãnh đạo đồng bào các dân tộc trong huyện dành nhiều công sức, tiền của phục vụ nhu cầu cần thiết cho cơ quan kháng chiến đóng tại địa phương. Công tác trật tự trị an bảo vệ các cơ quan Trung ương, kho tàng và quân đội cũng là trách nhiệm thường trực của Đảng và mỗi người dân trong huyện.

Để tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tháng 6/1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới. Nhiệm vụ lớn đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương lúc này là khôi phục và bảo vệ 50km đường 3 chạy trên đất huyện, cung cấp nhân lực phục vụ các chiến dịch.

Đường 3 là tuyến đường vận tải chiến lược bằng xe cơ giới duy nhất của ta trong kháng chiến chống Pháp, nối liền căn cứ địa Việt Bắc với nước bạn Trung Hoa và từ căn cứ địa đi các chiến trường miền Bắc Đông Dương. Năm 1947, đoạn đường 3 qua huyện Phú Lương đã bị phá hoại, toàn bộ cầu, cống bị đánh

sập. Việc khôi phục 50km đường 3 đòi hỏi phải có hàng triệu ngày công, hàng vạn mét khối đá và hàng vạn mét khối gỗ.

Ngay từ tháng 2/1950, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã phát động “Chiến dịch sửa chữa cầu đường”. Thực hiện chiến dịch, nhân dân Phú Lương cùng nhân dân trong tỉnh đã dồn sức sửa chữa đường sá, cầu cống, trong đó có 50km đường 3 chạy trên địa bàn huyện. Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện đã quyết định thành lập Ban đảm bảo giao thông ở các xã dọc trục đường 3 và các trục giao thông lớn trong huyện, phối hợp với các đội thanh niên xung phong ứng cứu giao thông khi địch đánh phá. Cán bộ, chiến sỹ và nhân dân Phú Lương đã đóng góp hàng vạn ngày công để đào đắp, kè hàng vạn mét khối đất đá khôi phục toàn bộ 50km đường 3 thuộc địa bàn huyện. Ngày 19/5/1950, chiến dịch cầu đường kết thúc thắng lợi, các tuyến đường được khôi phục vượt thời gian do Trung ương quy định. Tuy nhiên, các cầu, cống trên các tuyến đường phần lớn bắc tạm bằng gỗ, những nơi vượt sông, suối lớn như cầu Ổ Gà (Chợ Mới), Giang Tiên, km5, phải làm đường ngầm đi tạm trong mùa khô, làm phà vượt sông vào mùa nước. Một số xã như Hợp Thành, Yên Đổ... rất tích cực trong chiến dịch trong khi một số xã như Vô Tranh, Cổ Lũng... chưa coi trọng, còn khoán trắng cho chính quyền, xem nhẹ khâu tuyên truyền, giải thích, giáo dục cho nhân dân mà còn thiên về dùng mệnh lệnh, huy động nhân dân chưa công bằng, còn nể nang... Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính kịp thời lãnh đạo các xã rút kinh nghiệm nên việc huy động dân quân sửa chữa cầu đường, đảm bảo giao thông phục vụ cho chiến dịch Biên giới được hoàn thành nhanh chóng.

Ngoài việc hưởng ứng chiến dịch sửa chữa cầu đường, trong suốt chiến dịch Biên giới, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện còn tập trung lãnh đạo quân dân trong huyện làm

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tốt công tác chuẩn bị, sẵn sàng đối phó với địch. Các xã dọc đường 3 (nhất là xã Sơn Cẩm tiếp giáp với thị xã Thái Nguyên) phân công lực lượng dân quân, du kích tuần tra, canh gác suốt ngày đêm. Các xã khác cũng tổ chức mỗi xã 1 tiểu đội du kích thường xuyên tuần tra, canh gác bảo vệ xóm, làng¹.

Sau khi được sửa chữa, từ cuối năm 1950, đường 3 trở thành tuyến vận tải huyết mạch, từ biên giới Việt - Trung đến ngã ba Bờ Đậu, nối đường 13A hợp điểm với đường 38 ở thị trấn Hùng Sơn (Đại Từ) qua Phổ Yên sang Vĩnh Phúc và vượt đèo Khế sang Tuyên Quang để qua đó ngược lên Tây Bắc hoặc rẽ sang Phú Thọ, Yên Bái. Từ ngã ba Bờ Đậu xuống thị xã Thái Nguyên đi Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang đều thuận tiện.

Cũng từ năm 1950 cho đến hết thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Phú Lương trở thành mục tiêu đánh phá thường xuyên của không quân Pháp và địa bàn hoạt động của bọn gián điệp. Chúng đặc biệt chú trọng đánh phá đường 3, các khu vực đóng quân của các cơ quan kháng chiến Trung ương, quân đội, kho tàng. Vì thế, việc bảo vệ đường 3 an toàn và thông suốt tuyến vận chuyển chiến lược qua địa bàn huyện cũng như việc chống gián điệp, chống bọn phá hoại mặt đất, giữ bí mật, bảo vệ cơ sở kháng chiến được đặt thành nhiệm vụ trung tâm và thường xuyên của Đảng bộ.

Tại các xã trên trục đường 3 từ Dốc Vông (Sơn Cẩm) lên Yên Ninh, theo chỉ thị của Huyện ủy, cứ 6km có 1 điểm canh gác, toàn huyện có 8 điểm, mỗi điểm có 3 đội gồm 21 người trong lực lượng dân quân thay nhau canh gác 24 tiếng trong ngày. Bình quân 1km có 1 người thường xuyên tuần tra, khi phát hiện máy bay địch kịp thời báo động cho xe và người qua lại, đề phòng các hành động phá hoại của kẻ địch dưới mặt

¹ *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.107.

đất. Đồng thời, các đội này sẽ cùng với các tổ xung kích ứng cứu giao thông của xã và lực lượng của tỉnh sửa chữa kịp thời những đoạn đường, những cầu cống do bom đạn địch phá hỏng, giải phóng đường nhanh. Cứ 10 ngày, xã lại cử 3 đội khác ra thay thế.

Bến phà vượt sông Chợ Mới, Giang Tiên, Minh Lý, Sơn Cẩm, km31, ngã ba Bờ Đậu là những trọng điểm máy bay địch thường xuyên bắn phá. Những nơi đó đã từng chứng kiến nhiều gương dũng cảm không sợ hy sinh của dân quân du kích, thanh niên xung phong và dân công của huyện xông vào bom đạn của địch cứu phà, cứu đường, cứu xe, cứu hàng.

Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Lương đã vượt qua nhiều khó khăn, đáp ứng yêu cầu huy động sức người, sức của phục vụ chiến trường. Trong đợt phục vụ chiến dịch Trung du cuối năm 1950 đầu năm 1951, toàn huyện Phú Lương đã thành lập các đội vận tải và các đội đảm bảo giao thông, mỗi đội 40 người, trong đó có 13 đảng viên và 3 chiến sỹ bộ đội địa phương. Hầu hết cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đều lần lượt có mặt trong các đơn vị dân công của huyện ở các mặt trận từ chiến dịch Biên giới đến chiến dịch Điện Biên Phủ. Bình quân những người độ tuổi 18 - 50 trong huyện, mỗi năm đi dân công 3 tháng, ngoài ra nhân dân còn góp hàng vạn ngày công sửa chữa cầu đường và phục vụ các cơ quan Trung ương trên địa bàn huyện. Tính riêng từ tháng 1 đến tháng 9/1951, huyện Phú Lương đã huy động được 123.272 ngày công để làm đường, tiếp lương, phục vụ chiến dịch¹.

Ngày 19/3/1951, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương vinh dự đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với cán bộ,

¹ Theo Báo cáo số 71-BC/TN của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về việc chuẩn bị chiến dịch huy động dân công và làm cầu, đường của tỉnh Thái Nguyên.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

bộ đội, thanh niên xung phong sửa chữa cầu đường tại khu vực xã Cổ Lũng. “Trên khoảng đất trống, dưới gốc cây sảng to, bên sườn đồi Lũng Lươn, dưới ánh lửa bập bùng đồng đảo cán bộ, bộ đội và nhân dân quây quần nghe Bác nói chuyện”¹.

Sau khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện, công tác sửa chữa cầu đường ở Phú Lương nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung có nhiều tiến bộ.

Năm 1952, công tác huy động dân công sửa chữa cầu đường và vận chuyển hàng hóa phục vụ các chiến dịch (nhất là chiến dịch Hòa Bình và chiến dịch Tây Bắc) tiếp tục được đẩy mạnh. Trên các tuyến Bờ Đậu - Chợ Mới, Bờ Đậu - Đèo Khế, Giang Tiên - Na Dương, km31 - Quán Vương - Khuôn Ngàn, dân công Phú Lương đã nhanh tay sửa chữa cầu, hoàn thành 95% khối lượng công việc được giao.

Tuy nhiên, việc huy động dân công có nơi, có lúc còn phạm phải sai lầm thiếu sót. Mặc dù từ đầu năm 1950, theo chủ trương của trên, Huyện ủy Phú Lương đã thành lập Ban huy động dân công từ huyện xuống, xã, mỗi ban do một đồng chí thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy viên làm trưởng ban để đảm bảo việc thi hành chính sách huy động dân công đúng đắn, công bằng, nhưng trong quá trình thực hiện, một số đảng viên, cấp ủy không gương mẫu, bao che cho anh em, con cháu mình trốn tránh nghĩa vụ. Một số xã huy động cả đồng bào Dao vốn có tập quán không đi xa nhà, chưa quen nếp sống tập thể đi dân công. Vì thế, nhiều gia đình người Dao lên núi cao sống du canh, du cư.

Đáp ứng yêu cầu đảm bảo giao thông vận tải, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, trong năm 1953, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện tiếp tục thành lập công trường sửa

¹Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: *Bác Hồ với Thái Nguyên Thái Nguyên với Bác Hồ*, Nxb Thời đại, Hà Nội, 2013, tr.184,185.

chữa giao thông và phân công một đồng chí huyện ủy viên phụ trách. Mỗi xã thành lập một đại đội, cử chi ủy viên hoặc đảng viên phụ trách. Năm 1953 cũng là năm thực dân Pháp huy động nhiều đợt ném bom bắn phá các điểm giao thông xung yếu trên địa bàn huyện. Vào hồi 15 giờ ngày 13/6/1953, 3 máy bay Pháp ném bom và bắn phá dữ dội bến phà Chợ Mới, phà bị chìm. Các đồng chí lãnh đạo Huyện ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phú Lương đã có mặt ngay sau trận oanh tạc, huy động lực lượng lấy tre nứa ghép mảng vượt sông tạm.

Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị thông qua phương án tác chiến mùa xuân năm 1954 của Tổng Quân ủy và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Để đảm bảo giao thông vận tải, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện tập trung chỉ đạo các xã huy động dân công và đội vận chuyển, bảo vệ cầu đường tiếp tục san lấp hố phá hoại, sửa chữa cầu đường. Nhiều thanh niên trong huyện đã gia nhập Đại đội 212 thanh niên xung phong chủ lực, làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh. Nếu tính từ năm 1949 đến tháng 5/1954, huyện Phú Lương đã huy động 8.500 người tham gia dân công vận chuyển vũ khí, lương thực phục vụ các chiến dịch; 22.000 ngày công đào đắp 15.500m³ đất đá, khai thác 1.500m³ gỗ sửa chữa đường giao thông¹.

Phú Lương trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp là một trong những huyện miền núi kinh tế kém phát triển của tỉnh Thái Nguyên. Đời sống nhân dân rất khó khăn, đặc biệt là một số xã vùng sâu, vùng xa của huyện. Trong khi đó, yêu cầu phục vụ kháng chiến của một huyện kề sát An toàn khu Trung ương, có nhiều cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội đóng quân

¹ Huyện Phú Lương: *Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.112.

đòi hỏi rất nhiều sự đóng góp nhân lực, tài lực của nhân dân.

Nhiệm vụ chính trị của Tỉnh ủy giao cho Đảng bộ huyện Phú Lương lúc này là lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân trong huyện đẩy mạnh tăng gia sản xuất, không những đảm bảo yêu cầu tự túc lương thực, thực phẩm trong huyện, mà còn dành phần quan trọng, đóng góp cho kháng chiến, cho căn cứ địa.

Do điều kiện lúc bấy giờ, Huyện ủy chỉ đạo các cuộc vận động sản xuất nông nghiệp bằng những chủ trương, chỉ thị và những đợt kiểm tra đôn đốc còn việc đầu tư hỗ trợ về điều kiện và các phương tiện do tỉnh chịu trách nhiệm¹. Một số đồn điền “*vắng chủ*”, đồn điền của Việt gian được huyện tịch thu chia cho dân cày cấy. Hàng trăm mẫu ruộng đã được tạm cấp cho nhân dân².

Huyện ủy rất chú trọng động viên và hướng dẫn các xã vùng sâu, vùng xa, đồng bào Dao hỗ trợ nhau tăng gia sản xuất. Hội Nông dân Cứu quốc xã Yên Đổ vận động người Tày nhường ruộng, giúp đỡ giống, nông cụ và hướng dẫn canh tác cho người Dao xuống núi làm ruộng, cấy lúa nước. Từ năm 1950 trở đi, hầu hết các xã trong huyện đều lập tổ đổi công, tập đoàn đổi công để giúp nhau cấy hết diện tích, cấy đúng thời vụ, trong đó có những tập đoàn đổi công điển hình ở Sơn Cẩm, Phấn Mễ.

Những cuộc vận động xây dựng tập đoàn đổi công sản xuất, giúp đỡ nhau sản xuất ở Phú Lương, cùng với việc tạm cấp ruộng đất và phát động quần chúng nông dân đòi chủ ruộng giảm 20% địa tô và 80% lợi tức đã góp phần cải thiện đời sống nông dân trong huyện, nhất là tầng lớp bần cố nông trong đồng bào dân tộc Tày, Dao, Sán Dìu. Nhìn chung, từ năm 1947 đến năm 1954, các mặt năng suất, diện tích và sản lượng lương

¹ Theo số liệu lịch sử để lại, từ năm 1948 đến năm 1953, năm nào Phú Lương cũng nhận được những khoản trợ cấp, hỗ trợ sản xuất của tỉnh.

² Trong đó có 45 mẫu của Phạm Thư Phú, chủ đã bỏ theo Pháp.

thực mỗi năm một tăng. So với trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, đời sống của nhân dân từng bước được nâng cao, diện đói nghèo được thu hẹp, không có tình trạng đứt bữa. Bình quân lương thực đầu người cho cả thời kỳ này là 220kg/năm. Các mặt hàng thiết yếu như muối ăn, vải mặc, dầu thắp sáng, công cụ cầm tay... cũng được cung ứng tạm đủ cho nhân dân.

Các cuộc vận động sản xuất, toàn dân canh tác và thực hiện các chính sách lớn của Đảng ở nông thôn trong hoàn cảnh kháng chiến ở Phú Lương không những từng bước ổn định đời sống, phát triển sản xuất ở một huyện miền núi còn chồng chất khó khăn, mà còn góp phần quan trọng vào việc củng cố và phát triển tình đoàn kết giữa các dân tộc trong huyện. Đóng góp cho kháng chiến do đó cũng ngày một nhiều hơn.

Tuy nhiên, trong khi phát động nhân dân, chủ yếu là nông dân thực hiện các chính sách dân chủ ở nông thôn của Đảng, Phú Lương cũng còn bộc lộ những non yếu, chưa nắm vững chủ trương của Đảng, chưa hiểu thật đầy đủ tính chất đấu tranh giai cấp phức tạp ở nông thôn, nhất là khi thực hiện cuộc vận động dân chủ trong hoàn cảnh chiến tranh phải tập hợp lực lượng, đoàn kết toàn dân để kháng chiến. Do đó, huyện mắc phải sai lầm hữu khuynh hoặc tả khuynh, mà chủ yếu là tả khuynh¹. Đảng viên ở xã (điển hình là Túc Tranh) khi chia ruộng, đã tranh hết diện tích ruộng tốt, khi xây dựng tập đoàn đổi công định giá 50 đồng/công, trong khi ngoài xã hội lúc đó là 180 đồng/công, do đó, những nhà có lực (mà phần lớn là lãnh đạo xã) tranh thủ công hạ thấp ở tập đoàn làm giàu cho gia đình mình, gây bất bình trong quần chúng. Đảng bộ huyện Phú Lương đã bỏ lỡ dịp củng cố nông thôn, củng cố chi bộ,

¹ Liên Khu ủy Việt Bắc trong phiên họp Thường vụ Khu ủy tháng 6/1950 nhận xét Phú Lương để cho nông dân đòi chủ ruộng thoái tở cả những năm trước Cách mạng tháng Tám, đòi giảm tức 100%, đòi xóa tất cả các món nợ...

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chính quyền và các đoàn thể thông qua tạm cấp ruộng đất và cuộc vận động xây dựng tập đoàn đổi công sản xuất.

Tại Hội nghị lần thứ nhất (tháng 3/1951) và lần thứ hai (tháng 9/1951), Trung ương Đảng nhận định: Cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong 5 năm vừa qua tuy đã giữ được quyền làm chủ trên các chiến trường nhưng ta chưa thay đổi được tình thế, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ. Tình hình đó có nhiều nguyên nhân, trước hết là do hậu phương chưa đảm bảo yêu cầu chi viện lớn và liên tục về mọi mặt cho chiến trường, việc cấp dưỡng cho bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương còn ở mức tối thiểu... Để đẩy mạnh cuộc kháng chiến, Hội nghị đề ra cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân 3 nhiệm vụ lớn, trong đó có nhiệm vụ kinh tế.

Kinh tế nước ta trong kháng chiến chống Pháp là kinh tế nông nghiệp, do đó thuế nông nghiệp là nguồn đóng góp lớn nhất của nhân dân, là nguồn thu chính của Nhà nước. Chính sách thuế nông nghiệp được ban hành ngày 1/5/1951, thể hiện đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, đánh nặng vào giai cấp địa chủ, phú nông, giảm nhẹ cho bần cố nông, khuyến khích những người trực tiếp lao động, khuyến khích sản xuất, chiếu cố người nghèo, ưu đãi thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình bộ đội. Thực hiện thuế nông nghiệp là quá trình đấu tranh giai cấp gay go giữa địa chủ, phú nông và bần cố nông dân. Đồng thời, đó cũng là quá trình đấu tranh thực hiện đóng góp công bằng của mọi người dân đối với kháng chiến, tạo điều kiện cho Nhà nước nắm chắc trong tay số lượng lương thực và vật tư cần thiết, đảm bảo nhu cầu kháng chiến ở huyện Phú Lương.

Đầu tháng 10/1951, các đồng chí lãnh đạo huyện về Liên khu Việt Bắc học tập chính sách thuế nông nghiệp của Đảng. Sau đó, được tỉnh hỗ trợ, huyện mở 4 lớp tập huấn cho cán bộ các xã trong huyện. Ngày 29/10/1951, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

phân công đồng chí Hải Bằng - Ủy viên Ban Thường vụ kiêm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy lên trực tiếp giúp Huyện ủy Phú Lương triển khai chính sách thuế nông nghiệp.

Cuối tháng 11/1951, Huyện ủy Phú Lương triệu tập cán bộ lãnh đạo các ngành và bí thư, chủ tịch các xã trong huyện quán triệt chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và xây dựng quyết tâm thực hiện sắc lệnh thuế nông nghiệp của Chính phủ. Từ đó, khắp các xã trong huyện đều dấy lên phong trào thi đua nộp nhanh thuế nông nghiệp. Đúng vào lúc này, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương rất vinh dự được đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đến thăm, nói chuyện và động viên Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tích cực tăng gia sản xuất, hăng hái thi đua đóng thuế nông nghiệp để phục vụ cuộc kháng chiến mau chóng thành công. Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong huyện phải gương mẫu đi đầu trong mọi công việc của kháng chiến, trước hết đi đầu trong 4 việc: Tăng gia sản xuất, đóng thuế nông nghiệp, đi dân công và đoàn kết toàn dân, đoàn kết trong Đảng. Với Hội Phụ nữ Cứu quốc, Người biểu dương những đóng góp của chị em phụ nữ Phú Lương cho kháng chiến trong những năm qua, đồng thời nhắc nhở chị em cần cố gắng hơn nữa, nhất là nhiệm vụ may vá quần áo, chăn màn cho chiến sỹ mùa đông tới¹.

Trong điều kiện cực kỳ khó khăn của chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ An toàn khu đến với cán bộ, chiến sỹ, đồng bào các dân tộc Phú Lương là nguồn cổ vũ, động viên sâu sắc đối với mọi người. Qua đó cũng làm cho Đảng bộ huyện Phú Lương nhận thức đầy đủ hơn trách nhiệm của mình trong việc động viên toàn dân thực hiện tốt chính sách thuế nông nghiệp,

¹ Trong Báo cáo quý IV năm 1951 chỉ ghi “Ngày 26 và 27/11/1951, Cụ Hồ về thăm Phú Lương và Định Hóa, nói chuyện với hội nghị bàn về thuế nông nghiệp của 2 huyện”, không nêu cụ thể ngày nào Bác về Phú Lương.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

một chính sách kinh tế lớn của Đảng có ảnh hưởng trực tiếp đến sức mạnh kháng chiến của dân tộc.

Thực tế quá trình lãnh đạo thực hiện thuế nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Lương từ năm 1951 đến năm 1954 cũng là quá trình đấu tranh gay gắt trong nội bộ Đảng bộ. Theo tính toán, thuế nông nghiệp của Phú Lương lúc đó cũng chỉ huy động bằng 20% tổng sản lượng thóc. Những người cấy nhiều ruộng thì số thóc phải nộp nhiều hơn, người cấy ít đóng ít, người nghèo không phải nộp. Lúc này, ở Phú Lương số người cấy nhiều ruộng khá đông là thành phần trong cán bộ lãnh đạo xã. Nếu trước đây, thóc tạm vay ở Phú Lương, như vụ chiêm năm 1951 tỉnh giao 140 tấn, kết quả chỉ đạt 106 tấn, cũng là do những đảng viên, chi ủy viên cấy nhiều ruộng, thu nhiều thóc nhưng không chịu cho Nhà nước vay. Đối với chính sách thuế nông nghiệp, mặc dù có sự động viên to lớn trực tiếp từ Chủ tịch Hồ Chí Minh, có sự chỉ viện cán bộ của tỉnh và sự lãnh đạo chặt chẽ của Huyện ủy, trong những năm đầu thực hiện, Phú Lương vẫn thiếu 400 tấn trong tổng số thóc phải nộp chưa đến 1.500 tấn. Năm 1952, Huyện ủy đã phải kiểm thảo nhiều chi ủy viên, đảng viên ở các xã không nộp thuế¹.

Qua đấu tranh nội bộ, Đảng bộ làm rõ nghĩa vụ của đảng viên đối với kháng chiến và vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hầu hết đảng viên trong Đảng bộ đã sửa chữa khuyết điểm, nộp đủ, nộp nhanh thuế nông nghiệp, do đó lôi kéo toàn dân trong huyện làm theo. Do vậy, từ vụ mùa năm 1952 đến năm 1954, Phú Lương đều hoàn thành nghĩa vụ thuế nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế nông nghiệp cũng còn một số khuyết điểm. Khi tuyên truyền còn tiến

¹ Theo Báo cáo ngày 30/10/1952 của Liên Khu ủy Việt Bắc, trong Ban Huyện ủy Phú Lương có 3 đồng chí không nộp đủ thuế.

hành máy móc, có cán bộ ở xã Hợp Thành đọc nguyên văn bản nội dung tuyên truyền, không giải thích khiến nhân dân khó hiểu. Có cán bộ ở xã Cổ Lũng đọc cả bản kế hoạch thuế nông nghiệp của huyện, không nêu được trọng tâm làm người dân hoang mang. Việc huấn luyện, học tập về chính sách thuế nông nghiệp chỉ mới làm trong phạm vi đào tạo cán bộ Ban thuế và bộ phận giúp việc, việc tổ chức học tập trong nhân dân chưa thực sự chu đáo. Việc lựa chọn cán bộ tham gia huấn luyện chưa kỹ (thậm chí có trường hợp cử người nghiện thuốc phiện đi học) nên một số cán bộ sau khi học tập, về địa phương không phát huy được vai trò của mình. Khi định hạng mức thuế nộp không kết hợp điều tra diện tích mà còn lệ thuộc vào bản đồ¹...

Trước Cách mạng tháng Tám, Phú Lương là huyện miền núi nghèo nàn, lạc hậu. Đại đa số người dân mù chữ, cơ sở y tế hầu như không có gì. Đồng bào các dân tộc trong huyện chìm đắm trong tối tăm, bệnh tật.

Sau ngày chính quyền cách mạng được thành lập, Đảng bộ huyện Phú Lương đã phát động nhân dân xã tham gia học bình dân, xóa nạn mù chữ. Vừa tham gia mọi công việc kháng chiến đánh giặc, đi dân công, tăng gia sản xuất, mọi tầng lớp nhân dân trong huyện vẫn hăng hái tham gia phong trào học tập văn hóa với khẩu hiệu “*Đi học là yêu nước*”. Tính đến tháng 9/1948, toàn huyện đã có 156 lớp với 2.327 học viên bình dân học vụ (bằng hơn 20% số dân của huyện)². Phú Lương là một trong những huyện có phong trào xóa nạn mù chữ khá của tỉnh Thái Nguyên. Đến cuối năm 1948, Phú Lương là huyện đứng thứ 2 tỉnh Thái Nguyên trong công tác thanh toán nạn

¹ Theo Báo cáo tại Hội nghị sơ kết thuế nông nghiệp đợt I và II của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên diễn ra từ ngày 25 đến ngày 28/9/1951.

² Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập I (1930 - 1954), Bắc Thái, 1996, tr.120.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

mù chữ. Đến khi kết thúc kháng chiến, toàn huyện có hơn 80% số người từ 69 tuổi trở xuống đã thoát nạn mù chữ.

Ngành giáo dục phổ thông cũng được quan tâm. Trong những năm đầu kháng chiến, huyện mới có các trường tiểu học, các xã mới có các lớp vỡ lòng và các lớp 1, lớp 2. Đến năm 1948, lần đầu tiên trong lịch sử, ngành giáo dục Phú Lương tổ chức thi tốt nghiệp bậc tiểu học tại xã Phú Lý, 35 học sinh đạt điểm tốt nghiệp.

Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến, sự nghiệp giáo dục phổ thông từng bước được phát triển. Đến năm học 1953 - 1954, tất cả các xã trong huyện đã có trường tiểu học (cấp I). Tất cả các em ở độ tuổi đi học đều được gia đình, xã hội động viên, tạo điều kiện đến trường. Trong thời gian này, trường cấp II không toàn cấp cũng được thành lập¹, đặt tại trung tâm huyện.

Thời thuộc Pháp, Phú Lương mới chỉ có một trạm phát thuốc đặt ở Đu với 2 cán bộ sơ cấp, chủ yếu phục vụ cho binh lính và viên chức của huyện. Năm 1947, tỉnh cho thành lập phòng phát thuốc Phú Lương để vừa khám bệnh, vừa phát thuốc cho nhân dân, do một y tá nam phụ trách.

Năm 1948, ngành dân y của tỉnh mở các lớp đào tạo cứu thương, vệ sinh viên. Huyện Phú Lương đã cử nhiều người dự các lớp đào tạo nói trên. Số cán bộ này về hoạt động ở các làng xã, chủ yếu là vận động nhân dân xây dựng nếp sống mới, thực hiện ăn chín uống sôi, làm vệ sinh gia đình, làng xóm, vận động làm chuồng trại cách xa nơi ở.

Do hoàn cảnh chiến tranh và nhất là điều kiện kinh tế còn rất khó khăn, huyện không có khả năng đầu tư phát triển y tế. Vì thế, việc chữa bệnh cho nhân dân một phần phải dựa vào

¹ *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)*, Thái Nguyên, 2003, tr.293.

bệnh viện quân y đóng trên địa bàn huyện, một phần lớn trong nhân dân phải tự lo liệu. Để khắc phục tình trạng này, huyện xây dựng mạng lưới vệ sinh viên rộng khắp, có mặt đủ ở các xóm và hoạt động rất tích cực trong phong trào vệ sinh phòng bệnh, cho nên suốt 9 năm kháng chiến, Phú Lương không xảy ra dịch bệnh.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, việc xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân được đặt thành nhiệm vụ có ý nghĩa trọng tâm xuyên suốt của Đảng bộ huyện Phú Lương. Sau cuộc Tổng tuyển cử và bầu cử Hội đồng nhân dân khóa đầu tiên, ở xã có Hội đồng nhân dân, các Ủy ban Hành chính xã và huyện được thành lập thay thế cho các Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời trước đó.

Trong thời kỳ đầu, xuất phát từ chính sách đoàn kết toàn dân của Đảng và tình hình thực tế của Phú Lương, phần lớn các chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền các cấp đều do các thành phần thuộc tầng lớp trên nắm giữ. Cán bộ chính quyền thuộc thành phần cơ bản chiếm tỷ lệ thấp.

Nhìn chung, phần lớn cán bộ hăng hái hoạt động, biết cách tổ chức, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước, cũng như công việc từ huyện đưa xuống. Guồng máy hành chính ở các xã trong toàn huyện hoạt động có hiệu lực. Nhưng do công việc vừa nhiều lại vừa mới mẻ, hệ thống pháp luật chưa được xây dựng... cho nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Thêm vào đó, nhiệm vụ chống giặc đói và giặc ngoại xâm lúc này chủ yếu dựa vào sức đóng góp của toàn dân, tư tưởng tự tư, tự lợi nảy sinh trong một số cán bộ chính quyền các cấp. Tình trạng này xuất hiện ở Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ... đã gây bất bình trong nhân dân. Trong khi đó, Huyện ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện cũng chưa đủ sức kiểm tra, đôn đốc, giám sát, uốn nắn các hoạt động

sai lệch của chính quyền các xã.

Tháng 4/1949, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu I quyết định tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các xã trong toàn liên khu¹. Qua đợt bầu cử này, 50% thành viên Hội đồng nhân dân các xã trong huyện Phú Lương được thay thế bằng những người hăng hái, tích cực hơn. Số người xuất thân ở thành phần cơ bản (trung nông, bần cố nông) đã tăng lên 30%, tuy đã có đại biểu là người dân tộc Tày, Sán Chay... nhưng tỷ lệ đó vẫn còn thấp so với số dân thuộc thành phần dân tộc ít người trong toàn huyện.

Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã do Hội đồng nhân dân khóa II bầu ra so với khóa I theo đánh giá của Tỉnh ủy Thái Nguyên chất lượng hoạt động khá hơn và tiến bộ hơn. Đó là kết quả của 3 năm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở do Huyện ủy chủ trương tổ chức, tạo điều kiện cho việc lựa chọn cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt như chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên Ủy ban phụ trách công tác xã đội, công an. Hầu hết những chức vụ này đã có cấp ủy viên hoặc đảng viên tin cậy, tận tình với công việc đảm nhiệm.

Tuy vậy, do trình độ văn hóa và năng lực, nhất là năng lực quản lý hành chính còn thấp do không được đào tạo, bồi dưỡng mà chỉ làm theo chỉ đạo từ trên nên tính năng động, sáng tạo và chủ động của cán bộ trong công việc rất hạn chế, có khi làm sai (theo đánh giá của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên thì nhiều xã, trong đó có một số xã thuộc huyện Phú Lương, chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã còn chưa phân biệt được giữa hoạt động hành chính

¹ Lúc này, Chính phủ chủ trương chỉ có Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và xã, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện và cấp tương đương do tỉnh bổ nhiệm. Trong thời gian này, Ủy ban Kháng chiến Hành chính các huyện trong Liên Khu Việt Bắc được bổ sung thêm 2 ủy viên, nâng tổng số lên 5 ủy viên.

với hoạt động tư pháp).

Cuối năm 1949, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu Việt Bắc¹ đã mở 2 lớp bồi dưỡng cán bộ hành chính cấp xã; năm 1950 mở 3 lớp bồi dưỡng văn hóa và nghiệp vụ cho một số ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã và huyện. Theo chỉ thị của Trung ương, Liên khu Việt Bắc đã quyết định mở đợt vận động “*chấn chỉnh cấp xã*” với khẩu hiệu “*chuyển trọng tâm công tác xuống xã*”. Theo đó, tỉnh Thái Nguyên đã thành lập nhiều đội củng cố xã, một số đội được cử xuống các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Tức Tranh, Phú Đô, Yên Đỗ của Phú Lương.

Nhận rõ vị trí quan trọng của cấp xã là tổ chức cơ sở nền móng của tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách và là mối dây liên hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, Huyện ủy Phú Lương đã cùng các đội củng cố xã của tỉnh giúp đỡ các xã trong huyện chấn chỉnh các ban chi ủy, củng cố chính quyền, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất... Mục đích của cuộc vận động “*chấn chỉnh cấp xã*” ở Phú Lương nhằm xây dựng chi bộ xã vững mạnh, đủ sức lãnh đạo mọi mặt trong công tác xã.

Nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng, bố trí những đảng viên thành phần cơ bản vào các ban chi ủy, bổ túc cho chi ủy viên, nhất là về năng lực và trình độ công tác, về chính quyền, phải xây dựng được Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã có đủ năng lực hoạt động, tăng thêm thành phần bản cố nông, công nhân, phụ nữ dân tộc ít người vào bộ máy chính quyền, thanh thải bớt phần tử thoái hóa, không có năng lực, kém uy tín ra khỏi chính quyền. Về quân sự, chấn chỉnh tổ chức dân quân, du kích, đào tạo cán bộ xã đội, mua sắm vũ khí, xây dựng làng chiến đấu, tổ chức canh phòng bảo vệ An toàn khu, giáo dục ý

¹ Liên khu Việt Bắc được thành lập ngày 4/11/1949.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thức phòng gian, phòng gián cho quần chúng nhân dân, thực hiện triệt để khẩu hiệu “Ba không”.

Đợt vận động “*chấn chỉnh cấp xã*” chuyển trọng tâm công tác xuống xã năm 1950 ở Phú Lương thực sự là cuộc vận động lớn, toàn diện, đã làm biến đổi chất lượng tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở các xã trong huyện, nhờ đó năm 1951, các mặt hoạt động kháng chiến, kiến quốc ở Phú Lương có nhiều mặt phát triển khá hơn những năm trước.

Trong đợt vận động này, nhiều xã từ yếu kém dần dần vươn lên tự động công tác, nhiều đảng viên nhận rõ trách nhiệm tiên phong, gương mẫu của mình, đi đầu trong mọi công việc kháng chiến. Trái lại, có những xã do có nhiều khuyết điểm, không chịu sửa chữa, phải giải tán cả Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã (Vô Tranh) để xây dựng, kiện toàn lại; nhiều đảng viên kém tinh thần kháng chiến bị khai trừ ra khỏi Đảng, trong đó có những đồng chí là thường vụ, chi ủy, chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã cũng bị cách chức, khai trừ Đảng tịch (Yên Trạch)..

Cuộc vận động “*chấn chỉnh cấp xã*” ở Phú Lương được tiến hành đồng thời ở nhiều xã, trên địa bàn quá rộng, kinh tế nghèo, dân cư thưa thớt và có những yếu tố phức tạp (nông dân, công nhân ở xen kẽ như các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, một số xã có nhiều dân tản cư từ nơi khác đến, có nhiều thành phần dân tộc, trình độ văn hóa thấp...). Cán bộ xã ít, thiếu người có năng lực. Nội dung đề ra cho cuộc vận động “*chấn chỉnh cấp xã*” quá nhiều, mục đích đặt ra quá cao¹ so thực tế. Hơn nữa do điều kiện chiến tranh, kinh phí, phương tiện đều thiếu thốn². Vì vậy, mặc dù đạt được kết quả nhưng chất lượng

¹ Đề án “Chấn chỉnh cấp xã” dài tới hơn 20 trang đánh máy, phần lớn là gạch đầu dòng về công việc cụ thể phải làm.

² Phụ cấp của cán bộ huyện Phú Lương lúc đó được 38kg gạo mỗi tháng.

cuộc vận động thấp hơn nhiều so với mục đích đề ra.

Mặt khác, do nhu cầu cán bộ của huyện, tỉnh ngày một nhiều, một số cán bộ xã, nhất là cán bộ thuộc các dân tộc Tày, Nùng, Sán Dìu có năng lực đều được rút khỏi cơ sở. Tình hình đó làm xã luôn thiếu cán bộ, mặc dù năm 1950 - 1951, một vài lớp huấn luyện cán bộ xã được tổ chức tại huyện và đào tạo tại các trường của liên khu, tỉnh. Thêm vào đó, lúc này ở xã thành lập quá nhiều ban công tác (theo điều tra của Liên khu ủy Việt Bắc, bình quân mỗi xã có tới 20 ban chuyên môn, riêng Chi bộ xã có tới 5 ban), vì thế sau cuộc vận động, nhiều xã trong huyện không xây dựng được xã ước. Một số xã vẫn phải để những người thuộc tầng lớp phú nông làm bí thư, chủ tịch xã, do đó vào những năm cuối của cuộc kháng chiến, khi phải huy động nhiều nhân lực, tài lực thì chính họ là người cản trở vì bị đụng chạm đến quyền lợi. Trong các cuộc vận động đóng góp kháng chiến như công trái Quốc gia, bán thóc quân lương, thóc tạm vay, những xã ấy đều không thực hiện được. Vì vậy, giữa năm 1951, tỉnh phải cử một số cán bộ thoát ly về trực tiếp làm bí thư chi bộ xã của Phú Lương.

Trước tình hình thực tế này, năm 1951, Huyện ủy mở hai cuộc vận động “*đào tạo cán bộ cơ sở học tập lý luận*” và “*tự phê bình và phê bình*”. Hai cuộc vận động này là sự tiếp tục phát triển của cuộc vận động “*chấn chỉnh cấp xã*” năm 1950. Nhưng do năm 1951, toàn huyện Phú Lương dốc lực lượng phục vụ chiến dịch Hà Nam Ninh và chiến dịch sửa chữa cầu đường, phần lớn số đảng viên và cán bộ cơ sở được huy động đi dân công phục vụ kháng chiến nên thu được ít kết quả¹.

Đảng bộ cũng đặc biệt chú ý xây dựng, củng cố các cơ quan công an, tòa án, tư pháp, dân quân trở thành công cụ sắc bén

¹ Theo *Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ngày 29/10/1951*.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

để tổ chức thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ kháng chiến. Các tổ chức đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh được củng cố và mở rộng, thu hút trên 70% số dân của mọi dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay... trong huyện tham gia.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy là xây dựng chi bộ vững mạnh và phát triển đảng viên. Thực hiện cuộc vận động “*Thi đua phát triển Đảng*” theo chủ trương của Tỉnh ủy, mỗi đảng viên chính thức được giao nhiệm vụ phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu với tổ chức cơ sở đảng 1 quần chúng đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào Đảng, mỗi huyện ủy viên được giao phải xây dựng được 1 chi bộ. Nhờ vậy, số lượng đảng viên trong Đảng bộ huyện không ngừng tăng nhanh, một số cơ sở đảng cũng được thành lập. Năm 1948, Chi bộ Đảng xã Phú Đô và Chi bộ Đảng xã Yên Lạc ra đời. Như vậy, đến thời gian này, tất cả các xã trong huyện đều đã có chi bộ đảng trực tiếp lãnh đạo các nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Đến tháng 12/1949, khi Liên khu ủy có chủ trương tạm thời đình chỉ công tác phát triển để củng cố Đảng thì Phú Lương đã có 561 đảng viên sinh hoạt trong 15 chi bộ (10 chi bộ xã, 2 chi bộ công sở, 1 chi bộ cơ quan và 2 chi bộ lực lượng vũ trang địa phương). Trong 15 chi bộ, có 11 chi bộ “*tự động công tác*” (loại khá). Đến khi kết thúc cuộc kháng chiến, ở khắp các xã đều có đảng viên, nắm giữ các vị trí quan trọng. Bước tiến này chứng tỏ những nỗ lực của Đảng bộ trong công tác phát triển đảng viên và xây dựng cơ sở đảng ở địa phương.

Trong quá trình bồi dưỡng quần chúng tiên tiến để kết nạp Đảng, Đảng bộ đã chú ý đến tất cả các vùng xa xôi hẻo lánh, tất cả các xã trong huyện. Việc phát triển trong đồng bào các dân tộc cũng được Đảng bộ coi trọng. Năm 1949, toàn huyện có 182 đảng viên thuộc dân tộc Tày, 124 đảng viên dân tộc Sán Dìu, 13 đảng viên dân tộc Nùng, 3 đảng viên dân tộc Dao.

Đảng viên là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ trên 57%. Trong Đảng bộ có 51 đảng viên là nữ, chiếm khoảng 9%.

Không chỉ tăng nhanh về số lượng, chất lượng đảng viên cũng từng bước được nâng lên. Nếu như năm 1949 chỉ có 305 đảng viên được xếp loại khá (tự động công tác), đạt tỷ lệ gần 54%, thì tới năm 1952 - 1953, số đó chiếm trên 63% (theo đánh giá của Liên khu ủy Việt Bắc). Đó là kết quả của sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, sự kiểm tra, hướng dẫn của Liên khu ủy và đặc biệt là của Ban căn cứ địa Trung ương. Từ năm 1948 đến năm 1949, Đảng bộ cấp trên đã tổ chức 7 đợt thanh tra, kiểm tra, uốn nắn và giúp đỡ Đảng bộ huyện Phú Lương trong công tác lãnh đạo và củng cố nội bộ Đảng. Mỗi đợt kiểm tra là mỗi đợt làm tăng thêm sức chiến đấu của Đảng bộ. Những gương người tốt, việc tốt được kịp thời phát huy. Những hiện tượng tiêu cực, thiếu gương mẫu trong cán bộ, đảng viên được kịp thời phê phán, khắc phục¹.

Trong công tác xây dựng Đảng từ năm 1950 trở đi, Đảng bộ huyện Phú Lương đã biết gắn các cuộc vận động tự phê bình và phê bình với các đợt tổng kết thực hiện các chính sách lớn của Đảng ở nông thôn như vận động giảm tô, chia ruộng đất, thi hành chính sách thuế nông nghiệp... Trải qua 2 cuộc vận động “*Học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng*” và “*Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính*”, trình độ giác ngộ lý luận chính trị và ý thức kỷ luật trong mỗi đảng viên được nâng lên rõ rệt. Đa số đảng viên nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, tích cực vận động quần chúng thực hiện đường lối kháng chiến, kiến quốc của Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đề cao nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng, thường xuyên

¹ Năm 1950, đoàn Thanh tra Chính phủ về thanh tra tại Phú Lương đã quyết định giải tán Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Vô Tranh (do có nhiều tiêu cực) để củng cố lại.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

theo dõi, giúp đỡ các chi bộ cơ sở. Sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III họp vào năm 1952 tại xóm Đồng Đài xã Ôn Lương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được kiện toàn; đồng chí Phan Văn Sáng được bầu làm Bí thư¹.

Tuy nhiên ở giai đoạn này, công tác xây dựng Đảng ở Phú Lương cũng có nhiều thiếu sót. Với chủ trương “*Thi đua phát triển Đảng*”, giao chỉ tiêu giới thiệu kết nạp đảng viên mới cho từng đảng viên, giao chỉ tiêu phát triển cơ sở đảng cho từng đồng chí huyện ủy viên, coi đó là một nhiệm vụ bắt buộc phải hoàn thành trong thời gian nhất định đã dẫn đến tình trạng vận động vào Đảng mà nhiều người trong số này, xét về nhiều mặt không đủ tiêu chuẩn của người đảng viên, hiện tượng bè cánh, đưa người thân của mình vào Đảng cũng không phải là cá biệt. Hơn nữa, vì chạy theo số lượng, kết nạp ồ ạt nên việc bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao trình độ của đảng viên mới bị xem nhẹ, chất lượng đảng viên không cao, ảnh hưởng không tốt đến công tác lãnh đạo của Đảng bộ với mọi mặt hoạt động ở địa phương. Trong nội bộ cấp ủy có lúc xảy ra mất đoàn kết kéo dài, có trường hợp cấp trên phải dùng biện pháp tổ chức (điều động cán bộ) để ổn định nội bộ Ban Huyện ủy. Một số Ban Chi ủy như Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Yên Trạch có hiện tượng bè phái gây cản trở đến công việc lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến. Những mặt yếu kém này là nguyên nhân làm hạn chế vai trò của Đảng bộ trong một số mặt hoạt động. Cũng do vậy, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ huyện Phú Lương mới chỉ là một Đảng bộ trung bình, chưa vượt lên trở thành Đảng bộ khá của tỉnh Thái Nguyên.

Mặc dù có một số hạn chế trong quá trình xây dựng nhưng hoạt động cùng với những thành tích đạt được trong thời kỳ

¹ Theo biên bản tọa đàm Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương ngày 21/1/1994.

kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã thể hiện sự nỗ lực to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương; đồng thời để lại cho Đảng bộ huyện Phú Lương những bài học về việc nâng cao trình độ và năng lực của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ đảng viên thuộc các dân tộc ít người. Vốn là huyện miền núi có nhiều thành phần dân tộc, lại bị thực dân, phong kiến áp bức, cai trị bằng những thủ đoạn tàn bạo và nham hiểm, xảo quyệt cho nên trình độ nhận thức của đại đa số nhân dân địa phương còn thấp. Trong điều kiện đó, sau khi xác lập được quyền làm chủ cho nhân dân, cùng với việc động viên và tổ chức cán bộ, nhân dân tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc, vấn đề nâng cao trình độ văn hóa cũng như nhận thức về chính trị xã hội cho họ phải được đặc biệt coi trọng. Thực tế lịch sử đã chỉ rõ: Nếu không chăm lo bồi dưỡng để nâng cao trình độ và nâng cao năng lực của cán bộ người địa phương, thì khó có thể tổ chức thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng. Những bài học thành công cũng như chưa thành công trong những năm kháng chiến chống Pháp đã giúp cho Đảng bộ huyện Phú Lương có thêm kinh nghiệm quý báu để lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Đảng bộ huyện Phú Lương ra đời từ sau khi giành được chính quyền cách mạng và từng bước trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ cuối năm 1946, Đảng bộ huyện Phú Lương đã thực sự là lực lượng nắm quyền lãnh đạo và điều hành mọi công việc kháng chiến, kiến quốc trên địa bàn huyện, dưới ánh sáng đường lối chung của Đảng.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Phú Lương là huyện tự do trong căn cứ địa Việt Bắc (trừ chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947 thực dân Pháp tấn công vào huyện), có vị trí chiến lược quan trọng đối với An

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

toàn khu Trung ương. Với vị trí là cửa ngõ vào An toàn khu, có nhiều cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng địa phương, xây dựng và bảo vệ vùng cận giáp An toàn khu Trung ương, bảo vệ đất đứng chân của nhiều cơ quan kháng chiến Trung ương, các đơn vị cơ động của quân đội.

Lãnh đạo ở một huyện có trên 13.000 dân và từ cuối năm 1947 đã trở thành hậu phương trong căn cứ địa Việt Bắc, Đảng bộ huyện Phú Lương tự xác định được vai trò to lớn của mình. Đảng bộ sớm lãnh đạo, giáo dục nhân dân trong huyện có ý thức đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, đảm bảo giao thông an toàn dưới bom đạn địch suốt những năm kháng chiến để xe pháo, dân công, bộ đội hành quân ra các mặt trận. Đảng bộ huyện Phú Lương đã huy động hàng vạn lượt dân công đưa hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược, lương thực đến các chiến dịch; động viên được hàng nghìn thanh niên lên đường tòng quân giết giặc. Các chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947, Biên giới năm 1950, Trung du năm 1951, Hòa Bình Đông Xuân 1951 - 1952, Điện Biên Phủ năm 1954... đều có sự đóng góp, hy sinh của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương đã được tặng thưởng danh hiệu cao quý "*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*" thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (theo Quyết định số 334/2003/QĐ-CTN do Chủ tịch nước ký ngày 18/6/2003).

Để có được những thành tích trên, Đảng bộ huyện Phú Lương đã phấn đấu vươn lên và từng bước trưởng thành về bản lĩnh chính trị, tư tưởng và tổ chức, hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Tuy ra đời muộn song trải qua thực tế chiến đấu, Đảng bộ đã có bước trưởng thành nhanh chóng, từ chỗ chỉ có 4 đảng viên đã phát triển lên tới 462 đảng viên khi

kháng chiến gần kết thúc¹. Cán bộ, đảng viên luôn kiên định lập trường, nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu, được quần chúng tin yêu, mến phục, là hạt nhân nòng cốt lãnh đạo mọi mặt hoạt động ở địa phương. Đảng bộ biết dựa vào quần chúng, khơi dậy và phát huy những truyền thống tốt đẹp trong nhân dân các dân tộc. Vì vậy, nhìn chung mọi hoạt động trong kháng chiến đều được đẩy mạnh. Dựa vào dân chính là bài học lớn nhất mà Đảng bộ huyện Phú Lương rút ra được trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của cách mạng địa phương.

Những kết quả đã đạt được trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp cùng những thành tích cấp trên ghi nhận là nguồn cổ vũ, động viên to lớn giúp Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Lương bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

¹ Báo cáo số 11-BC/PL ngày 10/4/1954 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về ba tháng thứ nhất năm 1954, tr.14.

Chương II

ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ (1954 - 1975)

I. Khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1954 - 1957)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (ngày 7/5/1954) đã giáng một đòn quyết định, đập tan hoàn toàn kế hoạch quân sự Na-va, buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ (ngày 21/7/1954). Thực hiện Hiệp định, Việt Nam tạm thời chia cắt thành 2 miền với ranh giới là vĩ tuyến 17. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong khi đó, miền Nam vẫn chịu sự kiểm soát của thực dân Pháp, sau đó là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai do Ngô Đình Diệm cầm đầu. Vì vậy, nhân dân ta phải tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Trong hoàn cảnh lịch sử đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Phú Lương hăng hái bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội. Là vùng tự do trong kháng chiến chống thực dân Pháp nên từ sau khi hòa bình lập lại, Phú Lương có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước cải thiện đời sống. Nhân dân có truyền thống cần cù, chịu khó, luôn đoàn kết, đùm bọc, yêu thương lẫn nhau, một lòng tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Thực hiện giảm tô trong những năm kháng chiến chống Pháp tại 14 xã trong huyện, ý thức giác ngộ về quyền lợi của giai cấp nông dân được nâng lên. Được làm chủ ruộng đất, người nông

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

dân phấn khởi, tích cực lao động sản xuất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chi bộ Đảng ở các xã ngày càng được củng cố về mặt tổ chức, không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động.

Trong kháng chiến chống Pháp, đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên Phú Lương và đa số hoạt động buôn bán, dần dần hình thành một thị trường tương đối nhộn nhịp. Những năm cuối của cuộc kháng chiến, các yếu tố thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng (hợp tác xã mua bán); giá cả tương đối ổn định. Nhờ vậy, ngân sách của huyện được bổ sung bằng nguồn thuế công thương khá lớn, có điều kiện đầu tư cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động văn hóa, xã hội...

Trên địa bàn huyện Phú Lương có các mỏ than Quan Triều¹, Phấn Mễ, Nhà máy cơ khí mỏ Giang Tiên đã phục vụ đắc lực cho kháng chiến. Sau năm 1954, đây lại là cơ sở quan trọng phục vụ nhiệm vụ phục hồi kinh tế quốc dân.

Thực hiện Sắc lệnh số 268-SL ngày 1/7/1956 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Khu Tự trị Việt Bắc gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ 2 huyện Phổ Yên, Phú Bình) và huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang được thành lập. Sự kiện này đem lại không khí phấn khởi trong nhân dân các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số huyện Phú Lương.

Bên cạnh thuận lợi, huyện Phú Lương gặp phải nhiều khó khăn, phức tạp. Trong những năm đầu sau ngày hòa bình được lập lại, hầu hết cán bộ từ xã đến huyện được điều động đi tham gia công tác giảm tô dẫn đến tình trạng thiếu cán bộ lãnh đạo. Do chưa nắm vững chủ trương của Đảng nên khi thực hiện giảm tô, huyện đã mắc phải một số sai lầm về tổ chức, về phân định thành phần giai cấp. Tình hình nông thôn trở nên

¹ Trước thuộc xã Sơn Cẩm; năm 1963 cắt về thành phố Thái Nguyên.

căng thẳng, đảng viên và quần chúng mất đoàn kết, nghi ngờ lẫn nhau. Một số cấp ủy chỉ có 1 - 2 đồng chí làm việc, còn lại đều vin vào hoàn cảnh neo đơn để bỏ việc. Riêng đối với Chi bộ xã Cổ Lũng, chỉ có 1/3 đảng viên (tổng số là 46 đảng viên) hoạt động, 3 ủy viên (trong tổng số 7 ủy viên) trong Ủy ban Hành chính xã tham gia công tác. Ban Chấp hành Nông hội của xã chỉ có 1 đồng chí Bí thư làm việc, còn lại đều thoái thác nhiệm vụ. Do vậy, tình trạng thiếu cán bộ lãnh đạo càng trở nên trầm trọng.

Trong kháng chiến chống Pháp, một số cơ quan, kho tàng, công xưởng của Nhà nước sơ tán về các xã phía tây huyện thuộc An toàn khu Trung ương. Nhân dân các dân tộc Phú Lương đã đóng góp công sức, tiền của cho kháng chiến, trực tiếp bảo vệ các cơ quan, công xưởng của Trung ương. Ngược lại, các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương cũng nhận được sự giúp đỡ của cán bộ các cơ quan Trung ương trong việc điều hành các mặt công tác, giải quyết khó khăn trong một số công việc, ngoài ra đã giúp đỡ huyện trong công tác giáo dục, y tế¹. Từ sau ngày hòa bình lập lại, khi các cơ quan Trung ương rời khỏi huyện Phú Lương thì Đảng bộ và chính quyền địa phương cũng không còn nhận được sự hỗ trợ quý báu đó.

Những năm đầu sau hòa bình, tình hình chính trị - xã hội ở huyện Phú Lương có nhiều mặt phức tạp “*Một số phân tử trong Đảng Phục Quốc ở Yên Ninh, Yên Trạch đã kích cán bộ, tuyên truyền xuyên tạc chính sách của Nhà nước. Đảng Việt - Pháp ở Vô Tranh (thực chất là một nhóm các phân tử lưu manh gồm 36 tên - trước cách mạng là đầu trộm đuôi cướp) nổi lên xuyên tạc chính sách, phá hoại đoàn kết, gây chia rẽ trong nội bộ*

¹ Trong kháng chiến chống Pháp, Quân y viện và Đội điều trị của Đại đoàn 308 đóng ở Phú Lương.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

giữa cán bộ và nhân dân, gây hoang mang trong quần chúng”¹.

Ngoài ra, Phú Lương là huyện miền núi và trung du nên phần lớn diện tích là đất đồi, diện tích đất canh tác được không nhiều, một số xã lại bỏ hoang tới hàng trăm mẫu. Do đó, sau khi kháng chiến kết thúc, cuộc sống của nhân dân các dân tộc trong huyện gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn dẫn đến “hiện tượng thiếu ăn trầm trọng, nhất là các xã Yên Ninh và Phú Đô”².

Trong khi đó, sau năm 1954, tổ chức đảng của địa phương đứng trước thách thức: Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong những năm đầu sau ngày hòa bình lập lại, Ban Huyện ủy và các cơ quan giúp việc gần như không có người và điều kiện để hoạt động. Năm 1954, Huyện ủy Phú Lương chỉ có đồng chí Nguyễn Bình Sơn - Bí thư Huyện ủy điều hành mọi công việc. Tính đến tháng 1/1957, Đảng bộ có 389 đảng viên sinh hoạt ở 14 chi bộ xã và 3 chi bộ cơ quan (Dân Đảng, Chính quyền và Huyện đội)³. Khi chỉnh đốn tổ chức trong giảm tô ở 14 chi bộ xã, 72 đảng viên bị xử lý (trong phát động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc còn xử lý thêm 3 đồng chí và 3 đồng chí bị đưa ra khỏi Đảng do vi phạm chính sách thuế nông nghiệp) trong đó có 4 bí thư chi bộ, 6 chi ủy viên. Như vậy, số đảng viên bị xử lý trong 2 cuộc vận động chiếm trên 19% tổng số đảng viên, số chi ủy viên bị xử lý chiếm hơn 16% tổng số chi ủy viên của Đảng bộ. Trong số chi ủy, đảng viên còn lại, nhiều đồng chí có biểu hiện mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi, củng cố gia đình; “vai trò lãnh đạo của Chi bộ bị lu mờ, đảng viên và

¹ Báo cáo số 11/BC-PL của Huyện ủy Phú Lương về công tác 3 tháng đầu năm 1955, tr.3.

² Báo cáo số 23-BC/PL ngày 19/8/1954 của Huyện ủy Phú Lương về tình hình mọi công tác từ ngày 15/7 đến ngày 15/8/1954, tr.1.

³ Báo cáo số 04-BC/PL ngày 10/1/1957 về một năm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương, tr.11.

chi ủy có nhiều biểu hiện xấu...¹. Đến năm 1955, do phần lớn cán bộ được điều động tham gia cải cách ruộng đất và giảm tô nên cả Huyện ủy và Ủy ban Hành chính huyện chỉ có đồng chí Nguyễn Quang Oánh phụ trách. Ngày 28/1/1956, đồng chí Lê Thị Gạo được cử về làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Tổ chức chính quyền từ huyện đến cơ sở chưa được chấn chỉnh, kiện toàn. Ủy ban Hành chính các xã *“chưa củng cố lại được, nhất là về tư tưởng và lề lối làm việc. Một số ủy viên các xã Yên Ninh, Phú Đô, Túc Tranh nằm im...²*. Các đoàn thể quần chúng cũng trong tình trạng cán bộ vừa thiếu, vừa yếu, không có phong trào, không trở thành chỗ dựa vững chắc của Đảng bộ trong công tác vận động quần chúng.

Là vùng tự do thuộc căn cứ địa Việt Bắc, mọi nguồn lực của huyện được dồn vào phục vụ kháng chiến nên chưa có điều kiện tập trung cho phát triển kinh tế. Các tài nguyên của huyện chưa được khai thác một cách có kế hoạch, hiệu quả. Xác định khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế của huyện lúc này có ý nghĩa quan trọng, là tiền đề, cơ sở vững chắc để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương cùng nhân dân miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ huyện Phú Lương lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện khai thác những mặt thuận lợi, từng bước giải quyết khó khăn, ổn định tình hình chính trị - xã hội. Trước hết, Đảng bộ xác định nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong giai đoạn này là tiến hành công tác sửa sai.

Phú Lương là huyện miền núi, sự phân hóa giai cấp không sâu sắc như các địa phương ở miền xuôi cho nên không tiến hành cải

¹ Báo cáo số 11/BC-PL của Huyện ủy Phú Lương về công tác 3 tháng đầu năm 1955, tr.3.

² Báo cáo số 11/BC-PL của Huyện ủy Phú Lương về công tác 3 tháng đầu năm 1955, tr.3.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

cách ruộng đất mà chỉ thực hiện cuộc vận động giảm tô (từ năm 1953). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện giảm tô cũng mắc phải sai lầm, nhất là trong chính đốn tổ chức. So với các huyện khác trong tỉnh, số cán bộ, đảng viên bị xử lý sai chỉ chiếm trên 19%, trong khi các Đảng bộ khác lên tới 25 - 30% tổng số đảng viên trong Đảng bộ; song nghiêm trọng ở chỗ, có một chi bộ (Yên Trạch) bị giải tán, tất cả 22 đảng viên của chi bộ đều không được công nhận Đảng tịch.

Tháng 9/1956, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã kết luận về thắng lợi và sai lầm của cải cách ruộng đất. Hội nghị cho rằng: Cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ phản phong kiến ở miền Bắc, đem lại quyền lợi cho nông dân, sức sản xuất ở nông thôn được giải phóng; quan hệ sản xuất ở nông thôn đang được đổi mới; đời sống nhân dân bước đầu được cải thiện... Nhưng trong cuộc vận động này, chúng ta đã phạm những sai lầm nghiêm trọng trên một số vấn đề có tính nguyên tắc. Sai lầm nghiêm trọng nhất là trong việc chính đốn tổ chức. Hội nghị khẳng định: *“Chúng ta không sợ vạch rõ sai lầm, khi đã thấy sai lầm thì chúng ta kiên quyết sửa chữa và nhất định sửa chữa được”*. Hội nghị đề ra chủ trương sửa sai gồm 10 điểm; trong đó có điểm quy định xóa bỏ các quyết định đối với những chi bộ bị giải tán sai; khôi phục Đảng tịch và quyền lợi chính trị, danh dự, công tác và quyền công dân đối với đảng viên và nhân dân bị xử lý sai...

Sau khi học tập Nghị quyết 10 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) và quán triệt nội dung, chương trình, kế hoạch sửa sai của Tỉnh ủy, Huyện ủy Phú Lương chỉ đạo cần khẩn trương triển khai ngay công tác sửa sai. Từ ngày 16 - 17/12/1956, Huyện ủy triệu tập cuộc họp gồm bí thư hoặc chi ủy viên các xã và số cán bộ của tỉnh được phái về làm cán bộ sửa

sai ở 9 xã: Yên Lạc, Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Động Đạt, Vô Tranh, Yên Ninh, Yên Trạch và Yên Đổ. Đây là những xã đã trải qua cuộc vận động thực hiện giảm tô, phát động quần chúng thành lập Khu Tự trị Việt Bắc và thực hiện nhiều chính sách lớn, nhất là cuộc vận động yêu nước chống Mỹ, bán thóc yêu nước năm 1955 nên ý thức giác ngộ, tinh thần yêu nước và sự tin tưởng của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng cao. Tuy nhiên, do những sai lầm, hạn chế trong quá trình thực hiện giảm tô nên tình hình chính trị tại các xã này diễn ra khá phức tạp và chia thành 2 loại:

- Loại xã đã qua giảm tô, chi bộ bị giải thể.
- Loại xã tuy không bị giải tán chi bộ, nhưng có vấn đề nghi vấn chính trị.

Trong quá trình thực hiện, nhận thấy thiếu cán bộ phụ trách, Huyện ủy chỉ đạo tạm dừng nhiệm vụ sửa sai ở xã Yên Lạc và tiếp tục thực hiện tại 8 xã còn lại. Mỗi xã có từ 2 đến 3 cán bộ của tỉnh trực tiếp chỉ đạo, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Sau một thời gian số cán bộ trên được rút về nên mỗi xã chỉ còn lại 1 cán bộ phụ trách dẫn đến tình trạng khó khăn, lúng túng trong việc giải quyết công việc. Mặc dù vậy, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, công tác sửa sai vẫn được tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc.

Từ ngày 27 đến 28/1/1957, Huyện ủy triệu tập hội nghị, đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại trong việc thực hiện công tác sửa sai đợt I. Hội nghị khẳng định: Công tác tuyên truyền chưa làm được sâu rộng và chưa tận dụng được hết khả năng của các ngành, các giới. Một số chi ủy và ủy ban cũng như các ngành, các giới tuy được bổ sung cán bộ, nhưng còn yếu. Công tác bồi dưỡng trình độ chuyên môn và lý luận cho cán bộ còn hạn chế. Đối với những xã chưa qua sửa sai thì bộ máy lãnh đạo gần như bị tê liệt, mọi công văn giấy

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tờ cấp trên gửi xuống không được thi hành. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do trong giảm tô, những thắc mắc của quần chúng với cán bộ chưa được giải quyết, cán bộ sinh ra bi quan, tiêu cực, phần lớn cán bộ chờ sửa sai xin nghỉ công tác. Cán bộ chưa nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc học tập về công tác sửa sai, “Chi bộ xã Động Đạt có 47 đảng viên được triệu tập họp để học tập và bàn công tác sửa sai, ngày đầu có 20 người đến, ngày hôm sau chỉ còn 16 người, ngày hôm sau nữa chỉ còn 10 người. Chi bộ không tổ chức họp được”¹.

Trên cơ sở tổng kết rút kinh nghiệm đợt I, từ cuối tháng 7/1957, Huyện ủy tập trung chỉ đạo công tác sửa sai đợt II, đợt III ở các xã còn lại. Đến tháng 11/1957, Phú Lương hoàn thành toàn bộ công tác sửa sai². Thông qua sửa sai, những người bị quy nhầm đã được hạ thành phần. Kết quả, toàn huyện còn có 9 địa chủ, 13 phú nông³, số đảng viên bị xử lý oan sai là 78 đồng chí, 57 đồng chí được phục hồi Đảng tịch, chức vụ (trong đó có 14 đồng chí chi ủy viên và 16 đồng chí thuộc khối Quân, Dân, Chính)⁴. Các chi bộ xã sửa sai (trừ xã Động Đạt) bước đầu được củng cố và kiện toàn. Chi bộ xã Yên Trạch trong thời gian giảm tô bị giải tán, sau khi xác minh lại, được cấp trên cho khôi phục tổ chức. Trong Chi bộ có 15/22 đảng viên bị xử lý sai được phục hồi Đảng tịch và chức vụ, tư tưởng dần dần ổn định. Ban Chi ủy được bầu lại theo hướng kiện toàn và

¹ Theo Biên bản không số ngày 26/2/1957 của cuộc họp giữa Tỉnh ủy và các Huyện ủy (họp 2 ngày 20 - 21/2/1957) kiểm điểm tình hình tiến hành công tác sửa sai.

² Báo cáo số 04 ngày 22/1/1958 của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

³ Thống kê số 357 ngày 3/11/1961 của Chi cục thống kê về thành phần địa chủ, phú nông sau sửa sai. Lưu trữ tại Chi cục Văn thư lưu trữ (Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên), cặp 118, hồ sơ 1292, phong lưu trữ Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên 1950 - 1965.

⁴ Báo cáo số 6-BC/PL ngày 17/1/1957 của Huyện ủy Phú Lương về tình hình sửa sai trong công tác bước 1, tr.2.

nâng cao chất lượng lãnh đạo, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, cán bộ, đảng viên đều phấn khởi, yên tâm làm việc, chế độ sinh hoạt, hoạt động của tổ chức đảng dần dần đi vào nề nếp như ở các xã: Hợp Thành, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Yên Trạch, Yên Ninh... Đa số các đồng chí được sửa sai đều tiếp tục hoạt động trở lại.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, sau sửa sai còn tới 1/3 đảng viên trong Đảng bộ có “*biểu hiện mệt mỏi, chán nản công tác, không hoạt động*”; riêng “*Chi bộ Động Đạt và Vô Tranh có 2/3 số đảng viên không hoạt động*”. “*Trong 7 Ban Chi ủy được củng cố sau đợt I sửa sai, chỉ có 3 Ban hoạt động khá, Ban Chi ủy xã Vô Tranh từ khi bầu lại có đồng chí không nhận công tác*”¹. Một số xin rút khỏi Ban Chi ủy, xin ra Đảng.. Nguyên nhân có tính chất bao trùm dẫn đến tình trạng trên là do: Hầu hết đảng viên của Đảng bộ được kết nạp trong kháng chiến, rất hăng hái đánh giặc, đi dân công và làm mọi việc kháng chiến yêu cầu, không sợ hy sinh, gian khổ. Do công việc kháng chiến nên các đồng chí ít có điều kiện tham gia học tập chính trị, văn hóa để nâng cao trình độ. Trong khi đó, tổ chức đảng cũng xem nhẹ công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên. Đảng bộ huyện Phú Lương có trên 55% đảng viên thuộc dân tộc ít người, sinh hoạt ở vùng sâu, vùng xa; việc giao lưu và tiếp cận thông tin có phần bị hạn chế. Trong số 389 đảng viên của Đảng bộ (số liệu tính đến tháng 1/1957), chỉ có khoảng 10 đồng chí có trình độ văn hóa lớp 3 (cũ); số còn lại chỉ biết đọc, biết viết thông qua các lớp bình dân học vụ. Nhiều đảng viên lâu năm, kể cả chi ủy viên, hiểu biết không rõ về Đảng, nguyên tắc tổ chức của Đảng, chế độ sinh hoạt Đảng..

Cùng với việc triển khai công tác sửa sai, Huyện ủy chỉ

¹ Báo cáo số 36-BC/TC/PL ngày 5/10/1957 của Huyện ủy Phú Lương về công tác tổ chức 3 tháng 7, 8, 9.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đạo nhân dân trong huyện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất, phục hồi kinh tế. Xác định công tác thủy lợi là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp của huyện Phú Lương, ngay từ tháng 7/1954, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, các xã đã huy động nhân công đắp đập, làm mương, phai, tát nước, tháo ao, để chống hạn, bảo đảm sản xuất vụ mùa và phòng đói khi giáp hạt. Bằng những biện pháp này, chỉ trong một tháng, các xã trong huyện Phú Lương (ngoài 5 xã: Tức Tranh, Phú Đô, Hợp Thành, Phấn Mễ, Yên Ninh) đã chống được hạn hán cho trên 500 mẫu ruộng. Trong công tác làm thủy lợi, nhiều nơi đã động viên được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, kể cả các hộ công thương tham gia sửa chữa mương, phai. Tuy nhiên, công tác thủy lợi của huyện còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại: Các xã Yên Trạch, Hợp Thành, Phủ Lý, Động Đạt vẫn còn tới 240 mẫu ruộng chưa có nước cấy vì không có điều kiện làm mương, phai. Trước tình hình đó, từ ngày 24 - 25/11/1954, Huyện ủy triệu tập hội nghị đại biểu các xã bàn về công tác lãnh đạo sản xuất, đề ra kế hoạch thực hiện, trong đó nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là làm thủy lợi, xây dựng và củng cố tổ đổi công. Đối với công tác thủy lợi, hàng năm, Huyện ủy chỉ đạo triển khai xuống cơ sở các phong trào, kế hoạch cụ thể, nhất là đối với các khu vực công tác thủy lợi còn gặp nhiều khó khăn. Năm 1956, nhằm khắc phục tình trạng hạn hán kéo dài, một phong trào làm thủy lợi lớn được phát động rộng rãi trong toàn huyện thu hút được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia. Với khẩu hiệu: *"Vắt đất ra nước thay trời làm mưa"*, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương bằng mọi biện pháp, quyết tâm dẫn nước vào đồng ruộng. Hầu hết các xã đều đắp đập, làm mương, phai, cọn nước, đào giếng, gánh nước tưới cho lúa và hoa màu. Trong phong trào chống hạn, nhiều tập thể điển hình và cá nhân tiên tiến đã xuất hiện: Anh Vũ Đình Thông (đoàn viên thanh

niên xã Phấn Mễ) đã bỏ ra 55 ngày làm xong một cọn nước và được Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn, Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc khen thưởng; Chi Đoàn Thanh niên xã Động Đạt vận động 100 đoàn viên thanh niên và thiếu niên vận chuyển 15m³ đá lên đập Khe Nác ngay trong ngày mừng 3 Tết...

Nhằm tiếp tục đề ra các chủ trương, biện pháp kế hoạch đẩy mạnh khôi phục kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, Huyện ủy đã triệu tập nhiều hội nghị chuyên đề bàn về việc triển khai thực hiện kế hoạch Nhà nước, riêng trong năm 1956, huyện mở 3 cuộc họp với 270 đại biểu tham dự:

- Hội nghị ngày 14/1/1956 gồm bí thư chi bộ các xã, các bộ, các ngành, các giới.

- Hội nghị từ ngày 9 đến ngày 11/3/1956 gồm Bí thư, chủ tịch Ủy ban Hành chính các xã và các trưởng xóm.

- Hội nghị tiếp theo gồm cán bộ các ngành, các giới.

Sau các hội nghị cấp huyện, các xã, các xóm cũng lần lượt triển khai học tập và tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, đảng viên và quần chúng về nhiệm vụ kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế (1955 - 1957). Tính riêng trong năm 1956, các xóm tổ chức 121 cuộc họp với tổng số 10.500 người tham dự. Các tổ chức Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, Hội Mẹ chiến sỹ... cũng mở được nhiều đợt học tập cho hội viên.

Công tác tuyên truyền, giáo dục được Huyện ủy và Ủy ban Hành chính huyện quan tâm thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú. Các khẩu hiệu, áp phích tuyên truyền được viết hoặc dán ở những nơi công cộng, trên vách tường... Xóm nào cũng có chòi phát thanh và các tổ tuyên truyền đều hoạt động tích cực. Một số xã, người dân còn tự sáng tác ca dao góp phần cổ động, khuyến khích tham gia thi đua lao động sản xuất,

khôi phục và phát triển kinh tế.

Được sự chỉ đạo của các cấp ủy, từ huyện xuống xã đều xây dựng kế hoạch sản xuất cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Ty Nông lâm hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân các xã áp dụng biện pháp kỹ thuật vào sản xuất. Phong trào làm phân bón ruộng được phát động trong toàn dân. Ngoài phân chuồng, các xã còn làm phân xanh, làm quây ủ phân. Đoàn Thanh niên các xã tổ chức thực hiện khẩu hiệu “*sạch làng tốt ruộng*” thu hút đông đảo đoàn viên tham gia dọn dẹp đường làng ngõ xóm, lấy phân bón ruộng. Các biện pháp kỹ thuật như sử dụng bừa cỏ Nghệ An, chọn giống, ngâm mạ nước nóng 3 sôi 2 lạnh, gieo mạ thưa, cấy nhỏ dảnh... được phổ biến trong nông dân. Nhờ áp dụng nhiều biện pháp tích cực trên đồng ruộng, hằng năm năng suất lúa đều tăng, số hộ thiếu đói giảm chỉ còn 15 gia đình (49 nhân khẩu) ở 4 xã (Yên Đổ, Hợp Thành, Phấn Mễ, Vô Tranh) năm 1956¹.

Nhân dân các dân tộc tích cực hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Việc đóng thuế vụ hè được huyện hoàn thành trước thời hạn (hạn cuối là ngày 10/7/1956 nhưng đến ngày 1/7/1956 đã hoàn thành)². Nghĩa vụ nộp thuế trong năm 1956 cơ bản hoàn thành: Thuế nông nghiệp đạt 99,88%, thuế công thương nghiệp đạt 96,8%; công tác thu mua thóc trong năm vượt mức kế hoạch. Việc thu mua các hàng lâm thổ sản như song, mây, nứa, lá... đạt 100%³.

Ngoài sản xuất nông nghiệp và khai thác lâm thổ sản, Huyện ủy cũng chú trọng lãnh đạo phát triển tiểu thủ công

¹ Báo cáo số 4/BC-PL ngày 10/1/1957 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về tình hình công tác 1 năm, tr.3.

² Báo cáo số 4/BC-PL ngày 10/1/1957 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về tình hình công tác 1 năm, tr.2.

³ Báo cáo số 4/BC-PL ngày 10/1/1957 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về tình hình công tác 1 năm, tr.7.

nghiệp. Đầu tháng 10/1956, huyện tổ chức hội nghị đại biểu ngành tiểu thủ công nghiệp nhằm kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng, đảm bảo cung cấp các loại nông cụ (dao, liềm, cuốc...) cho nhân dân.

Đối với việc xây dựng, củng cố tổ đổi công, từ giữa năm 1956, thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy tổ chức 2 hội nghị chuyên đề bàn về xây dựng, củng cố tổ đổi công. Trong năm 1956, toàn huyện có 465 tổ đổi công trong đó có 32 tổ đổi công thường xuyên. Tổ đổi công xóm Đồng Chùa (xã Yên Đổ) được Huyện ủy chọn làm điểm và kịp thời rút kinh nghiệm báo cáo trước Hội nghị đổi công toàn huyện (cuối năm 1956). Sau đó, Huyện ủy chỉ đạo phát triển tổ đổi công tại các xã trong toàn huyện bằng nhiều biện pháp khác nhau trong đó chú ý đến công tác tuyên truyền, vận động để người dân hiểu và thống nhất thực hiện.

Bước sang năm 1957, huyện Phú Lương có một số thuận lợi mới: Bộ máy lãnh đạo các ngành, các giới trong huyện đã được củng cố và kiện toàn một bước; sau khi sửa sai, các ban chi ủy ở các xã được củng cố; hoạt động của các ngành, các giới dần dần đi vào nền nếp; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được ổn định hơn so với trước. Tuy vậy, ở một số xã chưa qua sửa sai, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương còn nhiều lúng túng, tư tưởng trong cán bộ và nhân dân không ổn định.

Xuất phát từ tình hình thực tế ở địa phương, Huyện ủy đã kịp thời xác định phương hướng chỉ đạo cụ thể:

- Về nông nghiệp, Huyện ủy nhấn mạnh phải tích cực vận động nhân dân làm cỏ, trừ sâu, tăng thêm nguồn phân bón để tăng năng suất lúa; đề phòng hạn hán ở những chân ruộng cạn bằng cách đắp bờ giữ nước, đồng thời đẩy mạnh trồng hoa màu, cây công nghiệp. Mặt khác, các địa phương phát triển

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chăn nuôi gia súc, đề phòng dịch bệnh và vệ sinh chuồng trại theo sự hướng dẫn của cán bộ chuyên môn...

- Về tiểu thủ công nghiệp, Huyện ủy chủ trương mở cuộc điều tra trên toàn huyện. Trên cơ sở đó, củng cố các cơ sở sẵn có (lò rèn, đan lát...).

- Đối với hoạt động thương nghiệp, Huyện ủy chủ trương tăng cường lãnh đạo bình ổn vật giá, cấm đầu cơ tích trữ, giữ vững những mặt hàng chính; đẩy mạnh giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn; tăng cường kết hợp giữa hợp tác xã với cửa hàng mậu dịch quốc doanh nhằm đảm bảo cung cấp và thu mua những mặt hàng cần thiết cho nhân dân.

Để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, Huyện ủy nhấn mạnh phải bảo đảm giao thông thông suốt, nhất là trong mùa mưa bão. Đối với những xã nằm ven trục quốc lộ cần chú ý kiểm soát cầu cống, kịp thời sửa chữa khi bị hư hỏng, Huyện ủy chủ trương huy động nhân công phát dọn các đường tiểu ngạch giữa huyện và xã, đường liên xã, liên xóm; củng cố các đường dây thông tin từ huyện lên tỉnh, đồng thời chấn chỉnh các tổ chức giao thông viên ở các xã.

Nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, Huyện ủy và Ủy ban Hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác thủy lợi, làm cỏ, bón phân cho lúa. Sau khi thực hiện thí điểm ở xã Hợp Thành, Huyện ủy chỉ đạo tiến hành rút kinh nghiệm, sau đó triển khai công tác chống hạn tại các xã. Nhờ đó, công tác chống hạn đạt kết quả tốt. Chỉ tính riêng trong quý III năm 1957, toàn huyện đã huy động được 6.235 ngày công làm thủy lợi, tưới nước cho 2.279 mẫu ruộng.

Ngoài công tác chống hạn bảo đảm nguồn nước cho đồng ruộng, việc làm cỏ, bón phân được coi trọng. Tại các xã, mỗi mẫu ruộng bình quân bón 50 gánh phân, làm cỏ ít nhất được

1 lần. Năng suất lúa bình quân đối với loại ruộng có nước đạt 400kg/mẫu, loại trung bình đạt 350kg/mẫu. Riêng xã Phấn Mễ gặt thí điểm lúa Nam Ninh đạt 495kg/mẫu (85,34% chỉ tiêu kế hoạch)¹. Sản lượng thu hoạch lúa mùa trong năm 1957 kém hơn năm 1956 khoảng 15%. Sản lượng hoa màu (ngô, khoai lang, khoai sọ, đỗ các loại) cũng bị giảm sút do chuột phá hoại.

Ngành chăn nuôi ở Phú Lương tương đối phát triển. Tính đến cuối năm 1957, đàn trâu của huyện có 5.336 con, đàn lợn có 3.627 con, không kể các loại gia súc, gia cầm khác. Ngoài ra, tại các xã Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đổ, Phú Lý, Tân Thành... đều chú ý phát triển nghề thả cá. Tính riêng 2 xã Yên Đổ và Tân Thành, diện tích thả cá là 107 mẫu 9 sào².

Trong quá trình lãnh đạo sản xuất, Huyện ủy rất quan tâm đến việc tổ chức, hướng dẫn người dân từng bước đi từ làm ăn cá thể vào con đường làm ăn tập thể, thực hiện cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp. Đối với việc xây dựng tổ đổi công, tùy theo điều kiện thực tế của mỗi khu vực mà mỗi xóm có 2 hoặc 3 tổ đổi công, tổ đổi công lớn có khoảng 25 hộ, tổ đổi công nhỏ có khoảng 10 - 15 hộ. Đến tháng 8/1957, huyện Phú Lương đã chấn chỉnh được 35 tổ đổi công của 3 xã Yên Đổ, Phú Lý, Sơn Cẩm và đạt được những kết quả tích cực như tại xã Phú Lý, người dân nộp được hơn 2 tấn thóc vào kho lương thực. Đến cuối năm 1957, toàn huyện có 472 tổ đổi công, trong đó có 55 tổ đổi công thường xuyên, 9 tổ bình công chấm điểm, 339 tổ đổi công từng vụ và 69 tổ đổi công từng việc. Tuy nhiên, ở một số xã, do hoạt động tổ chức Nông hội yếu nên phong trào tổ đổi công còn nhiều hạn chế.

¹ Báo cáo số 445-BC/PL ngày 1/7/1957 về thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 1957 của huyện Phú Lương, tr.3.

² Báo cáo số 946-KTTC ngày 16/10/1957 về 3 tháng thực hiện nhiệm vụ quý III năm 1957, tr.4.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Bên cạnh những kết quả đạt được trong nhiệm vụ khôi phục kinh tế, công tác văn hóa, giáo dục, y tế của huyện cũng bước đầu phát triển. Tính đến cuối năm 1957, ngoài trường cấp I đã có ở phần lớn các xã, huyện Phú Lương có một trường phổ thông cấp II (gồm một lớp 5, hai lớp 6 và một lớp 7) với tổng số 131 học sinh và 6 giáo viên. Mặc dù cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học còn rất nghèo nàn nhưng các thầy cô luôn tâm huyết, trách nhiệm với công việc, tổ chức công đoàn giáo viên và các tổ chuyên môn được xây dựng, dần dần đi vào hoạt động có nền nếp.

Phong trào bình dân học vụ tiếp tục được duy trì. Huyện Phú Lương chia thành 2 miền, mỗi miền do một cán bộ phụ trách có nhiệm vụ kiểm tra, giúp đỡ phong trào. Các lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho giáo viên thường được tổ chức trong các năm. Riêng trong quý III năm 1957, Phòng Giáo dục huyện tổ chức một lớp huấn luyện ngắn ngày cho 53 người. Tháng 9/1957, được sự giúp đỡ của Ty Giáo dục, huyện tổ chức cho cán bộ, giáo viên đi tham quan, góp phần tạo nên khí thế mới trong ngành giáo dục Phú Lương. Ngoài ra, Ủy ban Hành chính huyện luôn chỉ đạo chặt chẽ với các ngành, các giới nhất là Đoàn Thanh niên cùng tham gia đẩy mạnh phong trào thanh toán nạn mù chữ. Nhờ đó, 13/14 xã đều có phong trào bình dân học vụ trong đó đạt kết quả khá nhất là 4 xã: Yên Đổ, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Yên Trạch. Đến cuối năm 1957, toàn huyện có 60 lớp công, 1 lớp tư với tổng số gần 90 giáo viên bình dân học vụ.

Trong công tác y tế, đến năm 1957, Phòng Y tế của huyện có 3 cán bộ, trong đó có 1 trưởng phòng, 1 y tá và 1 nữ hộ sinh. Dù thiếu cán bộ và phương tiện khám, điều trị nhưng phòng vẫn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện cấp cứu 6 lần, phát thuốc cho 320 người. Ngoài ra trong quý III năm 1957, phòng

còn thành lập 4 Ban phòng bệnh ở các xã (đạt 50% chỉ tiêu), 31 Ban phòng bệnh xóm (đạt 75,2%), 20 tổ trợ sản (đạt 74%), 19 túi thuốc xóm (đạt 70%), huấn luyện cho 110 vệ sinh viên.

Trong quá trình lãnh đạo, xuất phát từ đặc điểm tình hình là địa phương miền núi, đời sống của các hộ dân đặc biệt là hộ dân tộc ít người ở các vùng sâu, xa trung tâm huyện còn gặp nhiều khó khăn. Huyện Phú Lương có 6 xã thuộc vùng cao, mỗi xã có từ 1 đến 2 xóm có đồng bào dân tộc ít người sinh sống. Người dân ở đây vừa làm ruộng, vừa làm rẫy (riêng xóm Tân Tiến (xã Tân Thành, nay là xã Ôn Lương) có 6 gia đình sinh sống chủ yếu bằng nghề làm nương rẫy). Vì vậy, đời sống nhân dân rất thấp kém và không ổn định.

Nhằm giải quyết tình trạng trên, Huyện ủy tổ chức hội nghị bàn về vấn đề sản xuất vùng rẻo cao. Sau hội nghị, huyện xây dựng kế hoạch sản xuất chủ yếu là trồng các loại cây hoa màu ngắn ngày phù hợp với tình hình thổ nhưỡng, điều kiện thủy lợi của các xã. Kết quả, trong 4 xóm vùng cao, không kể 164,1 mẫu lúa rẫy, người dân đã trồng được 9 sào khoai sọ, 5,3 mẫu rau cải, hơn 4 mẫu ngô, 5,3 mẫu đỗ tương¹.

Theo chủ trương của tỉnh, huyện chọn xóm Tân Tiến (xã Tân Thành) làm điểm chỉ đạo công tác vùng rẻo cao. Được sự lãnh đạo của Huyện ủy, nhân dân các dân tộc tại xóm Tân Tiến đã trồng được 5,9 mẫu ngô, 8 sào lúa Nam Ninh... Cùng với sản xuất, người dân lập được tủ thuốc trị giá 10.000 đồng, mở được 1 lớp bình dân học vụ (gồm 9 trẻ em và 2 người lớn), làm đường giao thông đến tận nơi hẻo lánh của xóm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại. Nhờ sự quan tâm của cấp ủy đảng, sự chỉ đạo trực tiếp của chi bộ xã, đời sống của nhân dân các dân tộc trong xóm được cải thiện từng bước, càng thêm tin

¹ Báo cáo số 946-KTTC ngày 16/10/1957 về 3 tháng thực hiện nhiệm vụ quý III năm 1957, tr.3.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tưởng vào các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, hăng hái tham gia phát triển sản xuất và các hoạt động xã hội. Từ kết quả công tác thí điểm tại xóm Tân Tiến, Huyện ủy rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm tốt cho công tác vùng cao trong huyện.

Vấn đề củng cố tổ chức cơ sở đảng luôn được Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo trong đó công tác củng cố, xây dựng Đảng về cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức được coi là khâu then chốt.

Một chủ trương quan trọng đầu tiên của Huyện ủy được triển khai thực hiện đầu năm 1955 là tổ chức học tập trong Đảng và quần chúng về phong trào thi đua “*Yêu nước chống Mỹ*” và Chỉ thị ngày 3/11/1954 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “*Chống đói, phòng đói và phục hồi sản xuất*”. Đợt học tập thu hút 87% đảng viên tham gia. Sau lớp học, huyện chọn xã Động Đạt làm điểm chỉ đạo và từ đó mở rộng ra 17 chi bộ. Những tư tưởng sai lầm của đảng viên được kiểm điểm; nội bộ chi bộ, chi ủy đoàn kết thống nhất, chế độ sinh hoạt Đảng được duy trì... Tư tưởng và hành động của đảng viên trong Đảng bộ từng bước chuyển biến, sản xuất phát triển, trật tự xã hội ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện; nghĩa vụ với Nhà nước hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Tuy nhiên, một số chi bộ hoạt động không nghiêm túc nên kết quả không cao: “*Riêng Chi bộ Phú Đô, Tức Tranh chưa tổ chức học tập nên vai trò của Chi bộ vẫn lu mờ*”¹.

Thời gian này, các ban của Huyện ủy được xây dựng và kiện toàn từng bước. Trong năm 1956, các Ban Tổ chức và Ban Tuyên huấn đều được bổ sung thêm đội ngũ cán bộ: Ban Tổ chức từ 1 đồng chí (đầu năm) lên 3 đồng chí (cuối năm). Ban Tuyên huấn Huyện ủy từ chỗ chưa có cán bộ (giữa năm) đến

¹ Báo cáo số 11/BC-PL của Huyện ủy Phú Lương về công tác 3 tháng đầu năm 1955.

c cuối năm đã có 2 đồng chí... Cuối năm 1956, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được củng cố gồm có 5 đồng chí. Nhằm bồi dưỡng tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, cũng trong năm 1956, Huyện ủy tổ chức được 5 đợt học tập về chính sách Khu Tự trị Việt Bắc và Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; về đấu tranh hiệp thương Tổng tuyển cử; Nghị quyết 10 của Trung ương Đảng (khóa II) và Nghị quyết XX của Đảng Cộng sản Liên Xô...

Các tổ chức quần chúng cũng được tăng cường và hoạt động tích cực hơn, nhất là Đoàn Thanh niên với phong trào cải tiến kỹ thuật, Nông hội với phong trào xây dựng tổ đổi công, chống hạn... Những kết quả đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của địa phương, đồng thời là động lực quan trọng để nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ mới.

II. Thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1958 - 1960)

Sau 3 năm tiến hành khôi phục kinh tế, miền Bắc sôi nổi bước vào thời kỳ thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vào trung tuần tháng 11/1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 (khóa II), đề ra chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công thương nghiệp tư bản tư doanh, khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp. Đối với miền núi, Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 16 (tháng 4/1959) đề ra chủ trương tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ; nghĩa là trong khi củng cố và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã nông nghiệp, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lương thực và

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hoa màu, phải kết hợp với việc xóa bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến về chiếm hữu ruộng đất và những hình thức bóc lột.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương Đảng, Hội nghị Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (tháng 2/1959) chủ trương kiên quyết lãnh đạo nhân dân các dân tộc thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là cải tạo và phát triển nông nghiệp.

Khi bước vào thời kỳ thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960), tháng 12/1958, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ V¹ được tổ chức với sự tham gia của đa số đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội đã tiến hành kiểm điểm tình hình thực hiện các mặt công tác trong thời gian đầu thực hiện nhiệm vụ, khẳng định những thành tích đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, những mặt thuận lợi và khó khăn của địa phương, đồng thời vạch rõ những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, đồng thời quán triệt tinh thần Nghị quyết 14 ngày 27/11/1958 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, Đại hội xác định nhiệm vụ cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, từng bước cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc. Đại hội thống nhất bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 5 đồng chí, do đồng chí Phan Văn Tĩnh được bầu giữ chức Bí thư

¹ Theo “*Báo cáo tổng kết bầu cử Huyện, Thị, Đảng ủy*” tháng 12/1958 của Tỉnh ủy Thái Nguyên, “Các Ban Huyện ủy từ năm 1951 - 1952 đến nay chưa được bầu lại”. Để đảm bảo sự lãnh đạo của Huyện ủy, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, tháng 12/1958, Huyện ủy Phú Lương triệu tập Đại hội Đảng bộ lần thứ V để bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Để xác minh Đại hội IV của Đảng bộ huyện Phú Lương, Tổ Biên soạn (giai đoạn 1955 - 2000) đã gặp một số nhân chứng lịch sử thời kỳ 1954 - 1960 là bà Lê Thị Gạo - Nguyên Phó Bí thư Huyện ủy Phú Lương từ tháng 1/1956 - 2/1963 và ông Nguyễn Quang Oánh - Chính trị viên Phó Huyện đội Phú Lương và tham gia Huyện ủy Phú Lương từ năm 1954. Qua lời kể của các nhân chứng lịch sử, Tổ Biên soạn (giai đoạn 1955 - 2000) khẳng định: Từ năm 1954 đến trước tháng 12/1958, Đảng bộ Huyện Phú Lương không tổ chức Đại hội.

Huyện ủy, đồng chí Lê Thị Gạo được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, từ mùa thu 1958, công cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp được thực hiện. Cuối năm 1958 đầu năm 1959, hai hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên được xây dựng thí điểm ở xã Yên Đổ, với 35 hộ nông dân tham gia (chiếm 1,5% tổng số hộ). Nhận rõ mục đích, ý nghĩa cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, huyện tổ chức cho 105 cán bộ xã, xóm học tập về bình công chấm điểm, về chính sách hợp tác hóa nông nghiệp. Đầu mùa thu năm 1959, được sự giúp đỡ của Tỉnh ủy, Huyện ủy và Ủy ban Hành chính huyện phân công cán bộ xuống các xã làm công tác tuyên truyền giáo dục, vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Sau đợt “giáo dục mùa thu”, toàn huyện thành lập được 15 hợp tác xã nông nghiệp, với 310 hộ tham gia (chiếm 13,4% tổng số nông hộ). Nhìn chung phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở huyện Phú Lương phát triển với tốc độ khá nhanh nhưng không đều. Các xã Yên Đổ, Phủ Lý có phong trào tương đối khá, đạt tỷ lệ trên 50% tổng số nông hộ tham gia. Trong khi đó, một số xã (Yên Lạc, Tân Thành...) chỉ đạt 4,8%, thậm chí còn một số “xã trắng” (tức là xã không có hợp tác xã: Yên Ninh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Vô Tranh, Phú Đô, Túc Tranh).

Đến cuối năm 1959, tình trạng trên được khắc phục, 13/14 xã đã có hợp tác xã, riêng phong trào ở xã Yên Trạch và các xã trong vùng Tam Hợp gồm Tân Thành, Phủ Lý và Hợp Thành đã có những bước phát triển vượt bậc. Tỷ lệ tham gia hợp tác xã nông nghiệp là từ 75% - 91%, các xã Vô Tranh, Túc Tranh tình hình thực hiện phong trào có khó khăn hơn, song mỗi xã cũng đã xây dựng được một hợp tác xã, riêng xã Phú Đô hoạt động của tổ đổi công ngày càng được củng cố¹. Tính đến ngày

¹ Báo cáo số 077/BC của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết công tác năm 1959.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

31/12/1959, toàn huyện đã xây dựng được 45 hợp tác xã nông nghiệp với 1.470 hộ xã viên (chiếm 40,26% tổng số hộ nông dân) trong đó có 1 hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao¹.

Năm 1959, một số nơi bị hạn hán, sau đó là lũ lụt đã gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ và nỗ lực của cán bộ Ban Quản trị cùng toàn thể xã viên, những khó khăn, thiệt hại đã được khắc phục một phần. Nhân dân các dân tộc trong huyện tích cực áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật vào sản xuất như ngâm mạ 2 sôi 3 lạnh chiếm 22% tổng số thóc gieo, cấy dầy 20x20cm chiếm 51% tổng diện tích. Trong đó, tham gia sôi nổi nhất là phụ nữ ở các xã Tân Thành, Hợp Thành, Yên Đổ. Bên cạnh đó, một số xã tiến hành cải tiến nông cụ cày bừa, bắt đầu đưa cày, bừa cải tiến vào sử dụng. Phong trào làm phân được các xã phát động đến từng xóm, làng trong đó lấy thanh niên làm lực lượng chính như xã Sơn Cẩm. Làm thủy lợi chống hạn được đẩy mạnh, đặc biệt là xã Yên Trạch đã vận động toàn dân tham gia làm công tác thủy lợi được 9.865 công². Ngoài một số ít hợp tác xã thu hoạch kém vì chưa thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật, còn lại đa số các hợp tác xã đều cho năng suất thu hoạch cao hơn trước, thu nhập của xã viên cũng tăng lên, mỗi công lao động đạt từ 6 đến 8kg thóc³. Tuy vậy, trong quá trình vận động hợp tác hóa nông nghiệp ở huyện đã xuất hiện nhiều vấn đề tồn tại nhưng vẫn chưa được giải quyết:

- Do công tác tuyên truyền giáo dục nhất là tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa cuộc vận động hợp tác hóa chưa sâu rộng nên một số hộ nông dân tham gia vào hợp tác xã chưa thực sự

¹ Báo cáo số 06/BC ngày 20/4/1960 về công tác từ Đại hội trước đến nay của Đảng bộ huyện Phú Lương, tr.2.

² Báo cáo tổng kết công tác huyện Phú Lương 6 tháng đầu năm 1959.

³ Báo cáo số 06/BC ngày 20/4/1960 về công tác từ Đại hội trước đến nay của Đảng bộ huyện Phú Lương, tr.2.

tự nguyện, tự giác mà là do phong trào nên khi gặp khó khăn lại xin ra.

- Nhiều nơi xây dựng hợp tác xã chưa đủ điều kiện, chưa qua tổ đổi công bình công chấm điểm.

- Chưa quán triệt và chấp hành đúng đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn nên có nơi đưa cả các phần tử lạc hậu và phú nông vào hợp tác xã.

- Việc xây dựng chưa đi liền với củng cố hợp tác xã, việc chia hoa lợi rất lúng túng và chậm chạp; cá biệt một vài hợp tác xã có hiện tượng tham ô; một số ít hợp tác xã không thực hiện đúng chủ trương của Huyện ủy đề ra là chia thóc tươi, mà lại chia thóc khô nên dẫn đến tình trạng ứ đọng, thóc bị mốc ẩm, kém phẩm chất, xã viên không muốn nhận.

- Công tác “*ba quản*”¹ nhìn chung chưa tốt.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên là do thiếu sự lãnh đạo chặt chẽ, sát sao ngay từ đầu của các ban chi ủy. Có nơi ban chi ủy còn khoán trắng cho Ban Quản trị hợp tác xã. Ngược lại, có nơi đã phân công chi ủy viên phụ trách hợp tác xã nhưng cách tổ chức làm việc thiếu dân chủ, đảng viên thiếu gương mẫu, theo đuôi quần chúng.

Huyện ủy nhận thức rõ vấn đề củng cố hợp tác xã là một yêu cầu cấp bách, trong đó điểm mấu chốt là đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý của cán bộ Ban Quản trị và kế toán. Vì vậy, trong năm 1959, Đảng bộ huyện Phú Lương lãnh đạo tổ chức 7 đợt bồi dưỡng huấn luyện cho 101 cán bộ (trong đó có 29 cán bộ nữ) về công tác quản lý và nghiệp vụ kế toán. Ngoài ra, 93 cán bộ quản trị, kế toán, kiểm soát được cử đi theo học lớp bồi dưỡng của tỉnh.

¹ Ba quản: quản lý lao động, quản lý tư liệu sản xuất, quản lý ngày công.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Việc củng cố, kiện toàn tổ chức là khâu đặc biệt quan trọng để nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ. Sau khi kiện toàn các ban chi ủy, Huyện ủy Phú Lương triệu tập hội nghị toàn Đảng bộ để bầu lại Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí. Với số lượng ủy viên Ban Chấp hành tăng hơn trước, các ngành quan trọng đều có cấp ủy phụ trách, do đó sự lãnh đạo của Đảng bộ được toàn diện hơn.

Bước vào năm 1960, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đẩy mạnh thi đua với một khí thế mới. Từ ngày 23 đến ngày 29/4/1960, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ VI được triệu tập với sự tham dự của 64 đại biểu chính thức và 4 đại biểu dự khuyết. Đại hội Đảng bộ diễn ra trong không khí khẩn trương, phấn khởi và trong sự quan tâm theo dõi với niềm tin tưởng, mong chờ của các tổ chức, đoàn thể các giới, các ngành và nhân dân các dân tộc trong huyện. Đại hội nhận được trên 70 lá thư chúc mừng và thư báo cáo thành tích từ các ngành, đoàn thể trong huyện gửi về... Đại hội thảo luận bản Dự thảo Điều lệ Đảng, báo cáo sự lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ trước, trên cơ sở đó, thông qua Báo cáo đề án công tác của Đảng trong nhiệm kỳ mới và cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (gồm 14 đồng chí do đồng chí Phan Văn Tĩnh làm Trưởng đoàn). Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 15 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết.

Ngày 2/5/1960, Ban Chấp hành Đảng bộ họp phiên đầu tiên tại Văn phòng Huyện ủy và bầu ra Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 5 đồng chí. Đồng chí Phan Văn Tĩnh được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, phụ trách chung và đồng chí Hoàng Ngọc Thăng giữ chức Phó Bí thư, phụ trách khối chính quyền.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (tháng 4/1960) là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng

bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Đại hội không chỉ vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cho Đảng bộ trong thời gian tới mà còn là nguồn cổ vũ đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện tiếp tục vững bước đi lên trên chặng đường mới.

Thực hiện mục tiêu giành thắng lợi vụ mùa năm 1960, Huyện ủy triệu tập hội nghị gồm các bí thư chi bộ, chủ tịch Ủy ban Hành chính xã, chủ nhiệm hợp tác xã để bàn về kế hoạch phát triển sản xuất và tiếp tục tổ chức hội nghị bàn về cải tiến kỹ thuật. Tháng 5/1960, Huyện ủy phát động “Chiến dịch Cờ hồng” và tiếp đến là “Chiến dịch Cờ hồng đông - xuân” (từ ngày 25/10/1960) tạo nên không khí thi đua sôi nổi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Tổng sản lượng lương thực năm 1959 đạt 9.508 tấn. Năm 1960, do thời tiết có diễn biến thất thường, lũ lụt kéo đến làm ngập trên 2.412 mẫu canh tác, bị mất trắng 115 mẫu, sâu bệnh phá hoại mùa màng nên sản lượng lương thực chỉ đạt 7.129 tấn. Năm 1959, thu nhập bình quân thóc đạt 430kg/người/năm đến năm 1960 còn 333kg/người/năm.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Năm 1959, toàn huyện có 3.864 hộ, 6 tháng đầu năm 1959, có 12,3% số hộ tham gia vào hợp tác xã nông nghiệp đến cuối năm 1959, tỷ lệ số hộ tham gia hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp đạt 40,26%, hợp tác xã nông nghiệp bậc cao đạt 0,9%¹. Địa phương có 15 hợp tác xã trong đó có 3 hợp tác xã đạt khá, 9 hợp tác xã đạt trung bình và 3 hợp tác xã kém.

Từ kết quả và kinh nghiệm của năm 1959, đến năm 1960, huyện Phú Lương xây dựng được 84 hợp tác xã nông nghiệp gồm 2.762 hộ dân (chiếm 75% tổng số hộ nông dân) riêng xã

¹ Báo cáo ngày 5/2/1960 về tình hình phong trào hợp tác hóa nông nghiệp năm 1959.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Tân Thành có số hộ tham gia vào hợp tác xã đông nhất, đạt tỷ lệ 97%. Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, nhằm củng cố lại tổ chức, các hợp tác xã Hợp Thành, Tân Thành, Phú Lý đã bầu lại Ban Quản trị, đồng thời mở 2 lớp huấn luyện cán bộ hợp tác xã về công tác “ba quản”, “ba khoán”¹. Huyện còn cử một số cán bộ Ban Quản trị đi tập huấn từ 7 đến 15 ngày ở tỉnh.

Công tác thủy lợi được đẩy mạnh và coi đó là biện pháp quan trọng hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp. Ngay từ năm 1959, Huyện ủy triệu tập hội nghị bàn về công tác thủy lợi tại xã Yên Trạch - một xã điển hình về xây dựng tiểu thủy nông - để rút kinh nghiệm lãnh đạo trong toàn Đảng bộ. Từ sau Hội nghị, cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng cao thêm nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển thủy lợi và đưa công tác thủy lợi trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Trong năm 1959, nhân dân các dân tộc trong huyện đã đóng góp 18.056 ngày công làm thủy lợi, đắp và sửa được 584 ao, hồ, mương, đập... chủ động tưới nước cho trên 4.130ha ruộng lúa khỏi bị hạn hán. Sang năm 1960, huyện tiếp tục bổ sung quy hoạch hệ thống thủy lợi trên địa bàn, mở lớp huấn luyện cho 23 cán bộ xã về nghiệp vụ thủy lợi và thường xuyên vận động nhân dân đắp bờ giữ nước, chống hạn. Trong năm này, cùng với việc sửa chữa, làm mới ao, hồ, mương, phai, huyện còn huy động một lực lượng lớn nhân công tu sửa đập trung thủy nông Núi Phấn và chuẩn bị khởi công xây dựng hồ chứa nước Na Hiên (xã Yên Trạch). Với 46.797 công được huy động làm thủy lợi, trong năm 1960, huyện Phú Lương đã cải tạo 472 mẫu ruộng khô cần thành ruộng có nước 2 vụ và đủ nước cấy thêm 422 mẫu ruộng lúa chiêm². Tuy nhiên, phong trào diễn ra chưa đồng đều, các xã Yên Lạc, Phấn Mễ, Yên Ninh có điều kiện

¹ Ba khoán: Khoán công (lao động), khoán sản lượng, khoán chi phí.

² Báo cáo số 84/BC ngày 21/1/1961 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về công tác năm 1960, tr.4.

làm thủy lợi nhưng công tác trên không được chú ý đúng mức.

Các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như: cày sâu, bừa kỹ, cấy dầy, bón phân, dùng cày cải tiến, cày 51... được áp dụng rộng rãi trên các cánh đồng ở các xã trong huyện kể cả những xã phía bắc nơi điều kiện canh tác còn gặp nhiều khó khăn. Năm 1959, huyện Phú Lương chỉ mới có một số xã dùng cày cải tiến, bừa cải tiến như Yên Đổ, Tân Thành... Sang năm 1960, người dân trong huyện đã dùng 335 cày cải tiến, 23 cày 51, 214 máy bơm nước, 2 guồng nước, 426 cào cỏ Nghệ An...

Nhờ đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với công tác thủy lợi và các biện pháp kỹ thuật, sản lượng lương thực năm sau luôn cao hơn năm trước (năm 1958 tăng hơn năm 1957 là 73%; năm 1959 tăng hơn năm 1958 là 12,9%). Tính riêng về lúa nước, sản lượng năm 1958 tăng lên 17% so với năm 1957 và năm 1959 tăng hơn so với năm 1958 là 19,8%¹.

Trong quá trình vận động hợp tác hóa nông nghiệp, với quyết tâm lãnh đạo tốt nhiệm vụ hoàn thành cải cách dân chủ theo tinh thần Nghị quyết 16 (tháng 4/1959) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Huyện ủy phân công một đồng chí Huyện ủy viên trực tiếp lãnh đạo xã thí điểm (Phấn Mễ) để rút kinh nghiệm cho các xã khác.

Sau khi tìm hiểu, nghiên cứu cụ thể, Huyện ủy ra quyết định hạ thành phần cho 11 trong số 21 hộ bị quy là địa chủ và 6 trong số 17 hộ bị quy là phú nông xuống thành phần là trung nông. Các gia đình bản nông thuộc các xã Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ được quyền sở hữu một số ruộng đất, 13 con trâu, bò và 2 mẫu chè.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi được Huyện ủy quan tâm và

¹ Báo cáo công tác lãnh đạo từ Đại hội trước đến nay của Đảng bộ huyện Phú Lương - Số 06/BC ngày 20/4/1960, tr.6.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

xác định là một trong những ngành kinh tế trọng tâm của địa phương. Số lượng gia súc, gia cầm đều tăng qua các năm nhất là đàn trâu và bò để sử dụng sức kéo phục vụ sản xuất nông nghiệp. Năm 1959, đàn trâu có 7.805 con, đàn bò có 331 con, đàn lợn có 8.316 con, gia cầm các loại có gần 74.000 con. Đàn vật nuôi được chăm sóc ở 2 hình thức là chăn nuôi tập thể và chăn nuôi theo hộ gia đình. Mỗi xã hầu hết đều có từ 1 đến 2 trại chăn nuôi tập thể và có đội chăn nuôi. Do làm tốt khâu chăm sóc và vệ sinh chuồng trại, nên đàn gia súc, gia cầm không bị mắc các dịch bệnh lớn¹.

Song song với cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, việc cải tạo thành phần kinh tế cá thể của thợ thủ công và tiểu thương cũng được tiến hành. Toàn huyện Phú Lương có 143 hộ làm nghề thủ công. Năm 1959, Phú Lương mới lập được một hợp tác xã thủ công gồm 9 hộ. Đến năm 1960, từ 1 hợp tác xã đã phát triển thành 2 hợp tác xã thủ công dưới hình thức hỗn hợp, 1 hợp tác xã cơm phở và 4 tổ buôn chung bán riêng gồm 107 hộ². Ngoài ra, có 31 hộ thủ công đã chuyển sang hợp tác hóa nông nghiệp.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ và sự cố gắng của cán bộ phụ trách, các hợp tác xã mua bán từng bước vượt qua khó khăn và đạt nhiều thành tích đáng kể. Cán bộ và xã viên nêu cao tinh thần phục vụ, không quản ngày đêm, thời tiết, tranh thủ bốc vác hàng kịp thời phục vụ nhân dân. Trong dịp Tết Nguyên đán, để đáp ứng yêu cầu của nhân dân các dân tộc trong huyện, cán bộ nghiệp vụ và Ban Quản lý đều tham gia bán hàng. Vì vậy, trong năm 1959, hợp tác xã đạt 96,16% và về thu mua, đạt 92,6% mức kế hoạch. Việc cung cấp thực phẩm

¹ Báo cáo công tác toàn năm 1960 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương.

² Báo cáo số 06/BC ngày 20/4/1960 về công tác từ Đại hội trước đến nay của Đảng bộ huyện Phú Lương, tr.4.

cho cán bộ, công nhân viên Nhà nước cũng được ổn định hơn trước. Theo chủ trương của Huyện ủy, ngành thương nghiệp Phú Lương còn xây dựng các cửa hàng chính và đại lý để cung ứng vật tư, nông cụ phục vụ sản xuất. Đến cuối năm 1960, hợp tác xã mua bán huyện Phú Lương phát triển thêm 463 xã viên và 471 cổ phần (so với năm 1959, tăng lên 213 xã viên và 221 cổ phần).

Ngoài các hình thức hợp tác xã mua bán, hợp tác xã thủ công nghiệp và thương nghiệp, Huyện ủy Phú Lương còn lãnh đạo thành lập hợp tác xã tín dụng. Tính đến năm 1960, toàn huyện có 1.414 hộ tham gia hợp tác xã tín dụng (chiếm 36,6% tổng số hộ), tăng gấp 2,5 lần so với năm 1959. Vào thời điểm này, trên địa bàn huyện, đã có 12/14 xã (trừ 2 xã Phú Đô và Phấn Mễ) lập được 18 quỹ tín dụng trong đó có 11 quỹ hoạt động tốt. Tuy mới là bước đầu, nhưng số tiền gần 4.000 đồng trong quỹ tín dụng của huyện đã giúp cho nhân dân có thêm vốn đầu tư vào sản xuất và chăn nuôi.

Bên cạnh phát triển nông nghiệp, huyện Phú Lương còn có nhiều tiềm năng phát triển lâm nghiệp. Trong những năm 1958 - 1960, trên địa bàn Phú Lương bắt đầu hình thành các xí nghiệp công nghiệp địa phương. Để phục vụ Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên, Xí nghiệp gạch ngói Tân Long, Mỏ than Khánh Hòa được xây dựng. Đầu năm 1960, Tỉnh ủy chuyển giao tổ chức Đảng ở 2 cơ sở này về cho Đảng bộ huyện Phú Lương trực tiếp lãnh đạo. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do thiếu đội ngũ công nhân lành nghề, thiếu nguyên vật liệu, công cụ sản xuất trong khi đó thời tiết diễn biến thất thường nhưng được sự lãnh đạo chặt chẽ của chi bộ, cán bộ và công nhân trong các xí nghiệp đều thi đua tích cực sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1960. Mỏ than Khánh Hòa hoàn thành kế hoạch trước một tháng, vượt 2,96% so với kế

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hoạch. Xí nghiệp Tân Long vượt 0,07% so với kế hoạch, đồng thời vận động công nhân tiết kiệm nguyên vật liệu trị giá trên 10.000 đồng.

Huyện Phú Lương có nhiều khả năng phát triển nông nghiệp và trồng cây công nghiệp. Rừng Phú Lương có nhiều loại gỗ quý như nghiến, đinh, lim, sến, lát, chò chỉ... Huyện ủy chỉ đạo trực tiếp các xã cần tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động nhân dân về vai trò của rừng, nâng cao ý thức trồng và bảo vệ rừng. Về cơ bản, các xã đã làm tốt công tác này. Diện tích rừng trồng hằng năm tăng, tỷ lệ che phủ rừng đạt cao. Tuy nhiên, ở một số xã như Yên Trạch, Tân Thành, Sơn Cẩm tình trạng khai thác rừng bừa bãi xảy ra nhưng chưa có biện pháp giải quyết triệt để. Có khu rừng bị khai thác đến mức kiệt quệ, chỉ còn lại nửa tép, rừng nương ót... chiếm diện tích khá lớn.

Trước thực trạng đó, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, từ đông xuân 1959 - 1960, Huyện ủy lãnh đạo phát động phong trào trồng cây gây rừng rộng rãi trong các cơ quan, trường học đến tận các xóm. Với phong trào này, toàn huyện trồng được 42.660 cây (đạt 45% kế hoạch), riêng 2 xã Cổ Lũng và Phú Đô còn trồng được 1.971 cây cọ, 2.430 cây ăn quả, 6.424 cây tre, mai... Từ năm 1960, huyện tiến hành khoanh rừng để dễ quản lý, bảo vệ rừng. Với những biện pháp tích cực, hiệu quả, tình trạng chặt gỗ bừa bãi về cơ bản được khắc phục, số vụ cháy rừng giảm, các hộ dân thực hiện phát rừng làm nương bãi theo sự hướng dẫn của địa phương.

Công tác khai thác lâm sản cũng được đẩy mạnh, góp phần cải thiện sinh hoạt cho nhân dân các dân tộc. Trong năm 1960, Phú Lương thành lập được 15 tổ hợp tác và 2 tổ cá thể khai thác gỗ gồm 110 người và có 80 con trâu kéo. Toàn huyện khai thác được một khối lượng lâm sản (gồm các loại gỗ, tre, mai,

nửa, lá...) trị giá 110.184 đồng (đạt 80% mức kế hoạch).

Phát huy thế mạnh của địa phương, Huyện ủy lãnh đạo cần chú trọng phát triển trồng cây công nghiệp tại khu vực có điều kiện thổ nhưỡng phù hợp. Tính riêng trong năm 1960, toàn huyện trồng được: 29,9 mẫu bông (thu hoạch được 2.157kg), 111,5 mẫu vừng (thu hoạch được 6.356kg), 89,5 mẫu lạc (thu hoạch được 24.916kg), 103,9 mẫu đỗ tương (thu hoạch được 36.048kg), 50,8 mẫu chè (thu hoạch được 2.825kg), 5,4 mẫu thuốc lá (thu hoạch được 979kg). So với hai năm 1958 và 1959, tuy diện tích trồng các cây công nghiệp đều giảm nhưng năng suất vẫn được giữ vững.

Công tác xây dựng cơ bản trong những năm 1958 - 1960 cũng có những chuyển biến tốt. Huyện ủy xác định “yêu cầu việc xây dựng cơ bản rất lớn... Muốn thực hiện được phải có điều kiện căn bản... phải dựa vào lực lượng quần chúng, bản thân cán bộ, đảng viên phải nỗ lực... chú ý khi xây dựng là phải hết sức chống tham ô, lãng phí tiền, vật liệu, sức người”¹. Được sự quan tâm giúp đỡ của cấp trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đã vượt qua mọi khó khăn, từng bước xây dựng cơ sở vật chất ngày càng khá hơn. Trụ sở làm việc của các cơ quan như nông trường, trường học, hợp tác xã mua bán, phòng thuế, y tế, ngân hàng đã có những nếp nhà gỗ, nhà ngói chắc chắn. Các hợp tác xã nông nghiệp cũng xây được hệ thống nhà kho, sân phơi, hội trường. Huyện còn mở được 2 trạm xá dân lập, làm được 1 công trình thủy nông để cung cấp cho đồng ruộng. Hệ thống đường dân sinh được sửa chữa, bảo đảm cho việc đi lại thuận tiện hơn.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ ngày càng trở thành một

¹ *Nhiệm vụ năm 1960 của toàn Đảng bộ huyện Phú Lương - Số 125-NV/HU ngày 15/4/1960, tr.5.*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Các xã Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Yên Đổ, Tân Thành, Hợp Thành đều thành lập được đội văn nghệ, riêng xã Phấn Mễ có 3 đội văn nghệ (gồm 2 đội kịch, 1 đội múa). Mặc dù điều kiện và các phương tiện phục vụ biểu diễn còn rất nghèo nàn, thiếu thốn nhưng các đội văn nghệ vẫn thường xuyên duy trì hoạt động, đem lời ca tiếng hát ca ngợi tình yêu quê hương đất nước, khuyến khích nhân dân thi đua sản xuất, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Đảng ta, góp phần thiết thực xây dựng cuộc sống tươi vui, lành mạnh.

Phong trào thể dục, thể thao được phát động rộng rãi trong các cơ quan, nông trường nhất là trong trường phổ thông cấp II. Huyện còn xây dựng được 2 Nhà văn hóa (Sơn Cẩm và Tân Thành) và 4 tủ sách tại các xã Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Tân Thành, Hợp Thành, mỗi tủ có trên 50 đầu sách; lập được một tổ sáng tác thơ, ca, hò, vè, gồm 10 sáng tác viên.

Bộ máy thông tin các xã từng bước được kiện toàn, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, tuyên truyền hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Huyện ủy đề ra chủ trương đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để phục vụ tốt cho công tác vận động sản xuất, phổ biến kế hoạch. Tại các xã, công tác thông tin tuyên truyền được thực hiện khá đều đặn, nội dung tuyên truyền bám sát chủ trương của Huyện ủy, tình hình thực tiễn của địa phương. Trong đợt phục vụ công tác điều tra dân số (năm 1960), ngành thông tin huyện đã tổ chức phát thanh 993 lần, kể 582 khẩu hiệu ở những nơi công cộng và 1.172 khẩu hiệu tại gia đình, làm 23 bình phong mới¹. Bên cạnh đó, nhân dân Phú Lương được tham gia học tập nội dung trong tài liệu 3 nguyên tắc

¹ Báo cáo công tác toàn năm 1960 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương, tr.11-12.

đổi công sản xuất vụ mùa, phân bón. Tại 2 xã Yên Đổ và Yên Trạch, mỗi tổ đổi công đều mua 200 cuốn tài liệu, sổ sách học tập xã hội chủ nghĩa và củng cố tổ đổi công¹.

Ba năm 1958 - 1960, cũng đánh dấu bước phát triển mới về văn hóa, giáo dục, y tế. Xác định giáo dục là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa nên công tác giáo dục được Huyện ủy hết sức quan tâm chỉ đạo. Từ năm 1960, công tác giáo dục địa phương có những chuyển biến tích cực. Phong trào bỏ túc văn hóa và bình dân học vụ tiếp tục được duy trì. Đến năm 1960, huyện Phú Lương có 9 xã với 78 xóm (trong tổng số 14 xã và 132 xóm) đã căn bản hoàn thành xóa nạn mù chữ cho 1.993 người ở độ tuổi từ 12 đến 45 tuổi (đạt tỷ lệ 84%). Cũng trong thời gian này, 640 cán bộ xã từ hệ bỏ túc văn hóa được chuyển lên học lớp 1 và lớp 3.

Giáo dục vỡ lòng và phổ thông phát triển khá nhanh. Đến năm 1960, toàn huyện có 11/14 xã (trừ các xã Phú Đô, Yên Lạc và Yên Ninh) đều mở được các lớp vỡ lòng (78,5%). Các xã Tân Thành, Hợp Thành, Phú Lý, Phấn Mễ, Yên Trạch đạt tỷ lệ cao nhất (95%). Trong năm học 1959 - 1960, toàn huyện có 11 trường cấp I và 1 trường cấp II với tổng số 49 giáo viên và 1.721 học sinh. Sang năm 1960 - 1961, huyện có 12 trường cấp I và 1 trường cấp II, gồm có 59 giáo viên và 2.363 học sinh. Số học sinh lớp 6 lên lớp 7 và số học sinh tốt nghiệp cấp II đều đạt 100%².

Đối với công tác y tế, đội ngũ cán bộ y tế từ huyện xuống các xã được củng cố. Đến năm 1960, Phòng Y tế huyện có 4

¹ Báo cáo sơ kết về cuộc vận động sản xuất đổi công, đẩy mạnh vụ mùa thắng lợi, thực hiện bảo đảm kế hoạch Nhà nước năm 1958.

² Báo cáo công tác toàn năm 1960 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương, tr.11-12.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

cán bộ trong đó có 1 y sĩ, 2 y tá và 1 hộ sinh, mỗi xã đều có từ 1 đến 2 y tá. Tổng số cán bộ y tế xã trong năm 1960 là 153 người (tăng 25 cán bộ so với năm 1959). Huyện xây dựng được 2 trạm xá dân lập thuộc 2 xã Yên Trạch và Tân Thành, mỗi trạm xá có 1 y tá, 1 nữ hộ sinh, được trang bị những dụng cụ và các loại thuốc cần thiết, bảo đảm cho việc chữa các bệnh thông thường. Cán bộ y tế từ huyện xuống đến xã đều tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh. Ý thức phòng bệnh trong nhân dân các dân tộc ngày càng được nâng cao. Phong trào thực hiện vệ sinh phòng bệnh được quần chúng hưởng ứng và mang lại kết quả bước đầu. Năm 1959, giếng nước có 1.688 cái, hố xí có 1.619 cái, chuồng trâu xa nhà có 1.930 cái, gia đình uống nước đun sôi có 3.634 hộ, gia đình nằm màn có 3.482 hộ, tủ thuốc có 103 tủ trị giá 646 đồng thì đến năm 1960, giếng nước có 3.107 cái, hố xí có 1.855 cái, chuồng trâu xa nhà có 2.257 cái, gia đình uống nước đun sôi có 3.755 hộ, gia đình nằm màn có 3.520 hộ, tủ thuốc có 133 tủ trị giá 999 đồng.

Ngành y tế huyện tổ chức bồi dưỡng kiến thức về việc chăm sóc bảo vệ sản phụ, thai nhi thu hút đông đảo chị em phụ nữ tham gia. Trong năm 1960, huyện tổ chức học tập cho 8.062 người (tăng 25% so với năm 1959). Bên cạnh những thành tích đạt được, công tác y tế còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Sự quan tâm lãnh đạo của các cấp bộ Đảng và chính quyền đối với hoạt động y tế chưa thường xuyên. Cán bộ y tế còn có tư tưởng nặng về công điểm, tinh thần phục vụ còn yếu. Cơ sở vật chất của các cơ sở y tế còn nghèo nàn, thiếu thốn..

Những kết quả đạt được trong công cuộc cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958 - 1960) khẳng định sự trưởng thành, lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ huyện đối với mọi mặt công tác ở địa phương. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nhân

dân thực hiện các nhiệm vụ được giao, Huyện ủy thường xuyên quan tâm đến công tác xây dựng Đảng trong đó rất coi trọng việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên. Chỉ tính riêng trong năm 1959, Huyện ủy tổ chức 3 đợt chỉnh huấn cho cán bộ, đảng viên các cơ quan Quân, Dân, Chính, Đảng cấp huyện và xã. Qua đó, nhìn chung cán bộ, đảng viên nhận thức rõ hơn về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; lập trường, quan điểm cũng được nâng lên. Trong thời gian này, công tác tuyên truyền cũng được đẩy mạnh, hướng vào một số công tác lớn trong từng thời điểm quan trọng: Sản xuất đông xuân 1958 - 1959 và 1960, nghĩa vụ quân sự, bầu cử Hội đồng nhân dân, công tác “*ba thu*”¹...

Trải qua thời gian thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, nhiều chi bộ đảng được củng cố, đảng viên được rèn luyện, thử thách, ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm trong công tác. Nhiều chi bộ trước đây trong tình trạng yếu kém, đảng viên bất mãn, nằm im 2 - 3 năm không chịu hoạt động, đã trở thành những chi bộ khá, đảng viên hăng hái hoạt động. Nhiều quần chúng ưu tú từng rèn luyện qua thực tiễn công tác, có năng lực, tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức tốt đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Trong 2 năm (1959 - 1960), Đảng bộ đã kết nạp thêm 88 đảng viên mới.

Trong đợt kết nạp đảng viên “*Lớp 6/1*”, toàn Đảng bộ có 92,56% tổng số đảng viên được học tập Chỉ thị số 169-CT/TW ngày 6/11/1959 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển đảng viên lớp 6/1. Song, công tác phát triển Đảng còn có biểu hiện tràn lan, chạy theo số lượng. Chi bộ Hợp Thành kết nạp 18 đảng viên mới, trong khi đảng viên cũ của Chi bộ có 13 đồng chí. Chi bộ Yên Trạch có 27 đảng viên đã giới thiệu 3 đối

¹ Ba thu: Thu mua, thu thuế, thu nợ.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tượng kết nạp Đảng và 28 quần chúng tích cực, trong đó có cả phần tử xấu. Nguyên tắc, thủ tục xét duyệt và tổ chức kết nạp đảng viên mới cũng bị vi phạm nghiêm trọng, không thẩm tra lý lịch người xin vào Đảng (Chi bộ Yên Trạch); có chi bộ (Chi bộ Cổ Lũng)¹ xét kết nạp cả quần chúng chưa được công nhận là đối tượng kết nạp Đảng.

Trình độ của đảng viên trong Đảng bộ huyện Phú Lương thời kỳ 1955 - 1959 còn hạn chế về nhiều mặt, ảnh hưởng không tốt tới phong trào cách mạng địa phương. Tình trạng này đặt ra cho Đảng bộ, trước hết là Huyện ủy, phải đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên về cả lý luận, chính trị, tư tưởng, văn hóa, đặc biệt là nhận thức về Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, vận động quần chúng nhằm nâng cao vai trò, vị trí của đảng viên ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Chấp hành Chỉ thị của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương họp trong 2 ngày 24 và 25/3/1960 để thảo luận và quyết định tiến hành Đại hội Đảng các cấp trong Đảng bộ. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xác định: Đại hội Đảng bộ các cấp trong huyện lần này có ý nghĩa bước ngoặt lịch sử, do đó cấp ủy đảng cần nắm chắc 3 phương châm tiến hành Đại hội: Phải tập trung được trí tuệ của Đảng bộ, phản ánh được đầy đủ tình hình và hoạt động mọi mặt của Đảng bộ; mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường sự lãnh đạo tập trung của cấp ủy đảng; thể hiện tinh thần đoàn kết nhất trí cao trong quá trình chuẩn bị cũng như trong Đại hội.

Hội nghị nhấn mạnh: Đại hội cơ sở cần tập trung thảo luận kỹ dự thảo Điều lệ (sửa đổi) của Đảng, nhằm làm cho mọi đảng viên trong Đảng bộ nhận thức được những điểm mới rất quan

¹ Báo cáo ngày 2/3/1960 của Huyện ủy Phú Lương về tổng kết công tác phát triển Đảng "Lớp 6/1".

trọng trong dự thảo Điều lệ (sửa đổi), như tiêu chuẩn đảng viên, nhiệm vụ của người đảng viên, tổ chức cơ sở đảng sắp xếp cho phù hợp với điều kiện mới...

Khi bước vào đại hội, Đảng bộ huyện Phú Lương có 679 đảng viên sinh hoạt ở 18 chi bộ cơ sở (14 chi bộ xã, 3 chi bộ cơ quan: Dân Đảng, Chính quyền, Hợp tác xã mua bán và Chi bộ Nông trường Duổm, được thành lập cuối năm 1957, sau này đổi tên là Nông trường Lê Hồng Phong).

Được sự chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ, cuối tháng 4/1960, đại hội Đảng từ cơ sở đến huyện đã kết thúc thắng lợi. Toàn Đảng bộ có 97% đảng viên tham gia đại hội chi bộ, trong đó 8 chi bộ đạt 100% (Phủ Lý, Yên Ninh, Hợp Thành, Túc Tranh, 3 chi bộ cơ quan và chi bộ Nông trường).

Việc tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp trong năm 1960 *“là một cuộc giáo dục cho đảng viên rất lớn và sâu sắc, đã phát huy được trí tuệ tuyệt đại đa số đảng viên bàn bạc tham gia vào Điều lệ của Đảng, qua đó đã nâng cao trình độ hiểu biết về Đảng cho toàn thể đảng viên, làm cho đảng viên nhận rõ tính chất giai cấp, tính chất tiên phong của Đảng, nhận rõ về nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng; thấy được nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng ở miền Nam, thống nhất nước nhà...”*¹.

Đó là bước chuyển biến nhận thức của đảng viên trong Đảng bộ về vai trò lãnh đạo của Đảng, đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (tháng 4/1960), công tác xây dựng Đảng được coi trọng

¹ Báo cáo ngày 28/1/1961 của Huyện ủy Phú Lương về tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1960.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, coi trọng về cả số lượng và chất lượng.

Đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, năm 1960 - năm có nhiều ngày kỷ niệm lớn - Trung ương Đảng chủ trương tiến hành sâu rộng trong toàn Đảng đợt sinh hoạt chính trị nhằm ôn lại truyền thống 30 năm đấu tranh anh dũng và vẻ vang của Đảng. Ban Bí thư ra Chỉ thị tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960). Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Huyện ủy Phú Lương tập trung cán bộ xuống các chi bộ xã hướng dẫn tổ chức lễ kỷ niệm và tiến hành học tập lịch sử 30 năm đấu tranh của Đảng. Trong học tập, mỗi đảng viên tự liên hệ, kiểm điểm những ưu điểm và thiếu sót của bản thân qua các thời kỳ; xác định quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, nêu cao tính tiên phong gương mẫu của người cộng sản, vượt mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ chi bộ giao cho. Đợt sinh hoạt chính trị đã thu hút 92,56% số đảng viên trong Đảng bộ tham gia. Ngay sau đó, Huyện ủy mở đợt sinh hoạt Giáo dục mùa xuân, chuẩn bị cho cuộc vận động xây dựng, củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 85% đảng viên nông thôn tham gia học tập (Chi bộ Phủ Lý đạt 100%).

Thông qua các đợt giáo dục chính trị, nhận thức về Đảng, về nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước; ý thức trách nhiệm, tính tổ chức, tính kỷ luật của đảng viên được đề cao; hiểu biết và giác ngộ về chủ nghĩa xã hội tuy chưa thật sự sâu sắc nhưng cũng là cơ sở để tiếp thu đường lối, chủ trương của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong những năm 1960.

Ngoài việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên tham gia nhiều đợt sinh hoạt, học tập tại chi bộ, năm 1960, Huyện ủy còn quyết định cử 155 đảng viên là cán bộ thoát ly, cán bộ xã đi

học chính trị, văn hóa, nghiệp vụ tại các trường của khu, của tỉnh; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho 438 cán bộ xã; bồi dưỡng chính trị cho 191 đối tượng kết nạp Đảng. Năm 1960, Huyện ủy Phú Lương tập trung lãnh đạo công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho đảng viên trong Đảng bộ. Nhờ đó, tính tiên phong, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ được nâng cao rõ rệt, tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở địa phương¹.

Bộ máy chính quyền và đoàn thể các cấp cũng được củng cố. Thông qua các đợt tuyên truyền và tổ chức bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, lập trường tư tưởng, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên một bước. Toàn huyện có 304 ủy viên Hội đồng nhân dân cấp xã, tuyệt đại bộ phận đều tham gia trong các ngành, các giới và trong các Ban Quản trị hợp tác xã, xứng đáng là đại biểu của nhân dân.

Các ủy viên Ủy ban Hành chính nhìn chung đều phát huy tinh thần trách nhiệm, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành công tác được giao. Lê lối làm việc của Ủy ban Hành chính từ huyện xuống xã có nhiều chuyển biến. Hầu hết Ủy ban Hành chính các xã đều có bộ phận thường trực vào các ngày trong tuần (trừ xã Sơn Cẩm), kịp thời nắm bắt và giải quyết các công việc ở địa phương.

Công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Đến năm 1960, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện có 15 ủy viên trong đó có 2 ủy viên thường trực. Trong năm 1960, do hoạt động tích cực của Ủy ban Mặt trận, huyện đã thành lập được Ban đấu tranh

¹ Đầu năm 1960, toàn huyện có 43% số nông hộ vào hợp tác xã, cuối năm lên 76%, sản xuất phát triển, công tác 3 thu (thu thuế, thu nợ và thu mua) đều vượt năm 1959.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thống nhất, vận động được 7.497 người tham gia đấu tranh đòi Mỹ - Diệm hủy bỏ Luật 10/59, đòi phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ (MAAG) rút khỏi miền Nam; viết 206 bản kiến nghị gồm 5.323 chữ ký và 9 bản tham gia ý kiến của địa phương gửi lên Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát ở Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc huyện còn tổ chức Hội Phụ lão làm công tác tuyên truyền, vận động bài trừ mê tín dị đoan, thực hiện chính sách của Đảng..

Đông đảo chị em phụ nữ tham gia tích cực trong phong trào cải tiến kỹ thuật, cày sâu, cấy dày, làm phân bón. Trong phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3/1960, toàn huyện có 6 nữ kiện tướng làm phân từ 2.000kg đến 3.000kg. Tuy vậy, công tác phụ vận còn có nhiều hạn chế do *“tư tưởng phong kiến trong Đảng bộ còn khá phổ biến, chưa thông cảm với hoàn cảnh khách quan của phụ nữ nên ít giúp đỡ để chị em có điều kiện công tác, ít chú ý động viên và khuyến khích phụ nữ, vẫn coi thường làm cho chị em thiếu phấn khởi”*¹.

Công tác củng cố lực lượng quân sự được Huyện ủy và các cấp chính quyền coi trọng. 12 trong tổng số 14 Xã đội đều có chi ủy viên phụ trách. Cán bộ phụ trách quân sự trong huyện được thay nhau đi bồi dưỡng để nâng cao trình độ. Trong năm 1960, cơ quan Huyện đội đã cử 98 cán bộ Xã đội và trung đội dự lớp huấn luyện quân sự do tỉnh mở, 100% đạt kết quả từ yêu cầu trở lên. Huyện còn tổ chức học tập quân sự cho dân quân loại II, đạt 49,6%; dân quân loại I đạt 78,3%; cán bộ Xã đội đạt 66,6%; cán bộ trung đội đạt 79,8%; cán bộ tiểu đội đạt 72,2%².

¹ Báo cáo số 06/BC ngày 20/4/1960 về công tác từ Đại hội trước đến nay của Đảng bộ huyện Phú Lương, tr.18.

² Báo cáo công tác toàn năm 1960 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương, tr.16.

III. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Năm 1960 là năm đánh dấu những thắng lợi có tính chất quyết định trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa ở miền Bắc. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960), nhân dân sôi nổi bước vào thời kỳ mới. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961 - 1965 với nhiệm vụ xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, là sự khởi đầu cho quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta.

Vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III vào thực tế địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (tháng 3/1961) ra Nghị quyết nêu rõ: *“Ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp, đồng thời tích cực phát triển công nghiệp địa phương, trên cơ sở củng cố và hoàn thành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ... Phát triển nông nghiệp với củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp là nhiệm vụ trung tâm gắn chặt với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, nhằm dần dần bảo đảm được những nhu cầu chính về lương thực, thực phẩm, về nông cụ cải tiến, nông cụ thường và những hàng tiêu dùng ở trong tỉnh... Đồng thời ra sức phát triển văn hóa, đào tạo cán bộ cho phong trào hợp tác hóa...”*¹.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960) và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, nhân dân các dân tộc trong huyện Phú Lương bước vào năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất với nhiều khó khăn, thách thức. Chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp giao cho

¹ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái 1955 - 1975, Bắc Thái, 1991, tr.50-51.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

các xã khá cao trong khi thời tiết lại rét đậm kéo dài làm ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng; trình độ canh tác còn lạc hậu, cơ sở hạ tầng của huyện còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương; việc quản lý của các hợp tác xã không chặt chẽ nhất là vào dịp Tết Nguyên đán, nhiều xã viên bỏ hợp tác xã rủ nhau đi khai thác lâm thổ sản để bán lấy tiền sắm Tết; mạ để già không muốn cấy, có nơi cho trâu ăn; tư tưởng bảo thủ, lạc hậu vẫn tồn tại...

Trước tình hình trên, các cấp ủy đảng từ huyện xuống xã biết dựa vào quần chúng tìm cách giải quyết, tập trung lãnh đạo phát triển sản xuất kết hợp với củng cố phong trào hợp tác xã.

Đầu năm 1961, Huyện ủy phát động chiến dịch "*Phát cao cờ hồng, quyết thắng đông - xuân, tiến quân toàn diện*". Toàn huyện dấy lên phong trào thi đua đua đuổi kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình). Xã nào cũng có những đơn vị đặt tên danh dự là "*Đại Phong*", "*Hợp tác xã Đại Phong*", "*Xã viên Đại Phong*", "*Trai, gái Đại Phong*"...

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp, các ngành cùng phối hợp giải quyết triệt để tư tưởng lạc hậu, củng cố sự đoàn kết nội bộ, đẩy mạnh hoàn thành kế hoạch sản xuất. Trên cơ sở chấn chỉnh bộ máy lãnh đạo sản xuất từ huyện xuống đến xã, hợp tác xã, Huyện ủy tập trung lãnh đạo trọng điểm để rút kinh nghiệm, đồng thời phân công một số cán bộ có khả năng đi xuống giúp các xã thực hiện kế hoạch sản xuất, quyết giành vụ mùa thắng lợi.

Giữa lúc đang tập trung lãnh đạo thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất và bước đầu thu được một số kết quả, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VII huyện Phú Lương được triệu tập từ 20/3 đến 27/3/1962 với sự tham dự của 68 đại

biểu chính thức¹. Đại hội diễn ra trong bầu không khí sôi nổi với nhiều ý kiến phát biểu tham luận về Đường lối chung của Đảng và Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI. Trên cơ sở đó, Đại hội thông qua đề án công tác nhiệm kỳ mới, sau 69 lượt ý kiến tham gia đóng góp. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành khóa mới gồm 15 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết.

Ngày 5/4/1962, Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VII họp phiên đầu tiên nhằm đánh giá kết quả Đại hội và bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 5 đồng chí. Đồng chí Phan Văn Tĩnh được bầu làm Bí thư, các đồng chí Hoàng Ngọc Thăng và Nguyễn Ngọc Sơn được bầu làm Phó Bí thư².

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII là nguồn cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc hăng hái thi đua đẩy mạnh sản xuất và công tác. Tiếp theo chiến dịch “*Phát cao cờ hồng đông xuân 1961 - 1962*”, thi hành chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy và Ủy ban Hành chính huyện quyết định mở đợt thi đua sâu rộng trong toàn Đảng bộ, trong các cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp, trường học và các ngành, các giới với nội dung là “*Vụ mùa 5 nhất*”: diện tích nhiều nhất, năng suất cao nhất, thu hoạch tốt nhất, đời sống khá nhất, hoàn thành nghĩa vụ tốt nhất.

Để tập trung tốt chỉ đạo thi đua giành “*Vụ mùa 5 nhất*”, Huyện ủy triệu tập hội nghị gồm bí thư chi bộ, chủ tịch Ủy ban Hành chính các xã, chủ nhiệm các hợp tác xã và lãnh đạo các ngành, các giới. Trên cơ sở kiểm điểm, đánh giá tình hình sản xuất vụ đông xuân 1961 - 1962, Hội nghị thảo luận và thông

¹ Trên thực tế chỉ có 64 trên 71 số đại biểu chính thức được triệu tập, nên 4 đại biểu dự khuyết có mặt tại Đại hội được quyết định đưa lên đại biểu chính thức.

² Theo Nghị quyết số 66-NQ/TN ngày 25/4/1962 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương khóa mới.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

qua kế hoạch thực hiện vụ mùa năm 1962. Sau Hội nghị này, cán bộ xã cùng một số cán bộ tăng cường trở về địa phương xúc tiến mọi công việc chuẩn bị cần thiết:

- Hợp tác xã mua bán với vai trò đòn bẩy phát triển sản xuất được phân công chuẩn bị đầy đủ nông cụ, phân bón, vôi, phốt phát... kịp thời bán cho nhân dân, phục vụ vụ mùa.

- Ngành ngân hàng chuẩn bị số vốn cần thiết cho nhân dân vay (chủ yếu là hợp tác xã và tổ đổi công).

- Ngành thông tin tuyên truyền, củng cố bộ máy và các đội văn nghệ, sửa chữa các chòi phát thanh, bình phong, kẻ, vẽ khẩu hiệu, tranh cổ động với nội dung và phương hướng cụ thể để tuyên truyền cho vụ mùa.

- Ngành y tế đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe, gây thành phong trào "*sạch làng tốt ruộng*".

Từ đầu tháng 7/1962, không khí thi đua càng trở nên nhộn nhịp: 166 khẩu hiệu được dán ở những nơi công cộng, 983 khẩu hiệu gia đình, 158 lần phát thanh cùng nhiều hình thức tuyên truyền, cổ động khác được tổ chức.

Trong thi đua, phong trào tăng gia sản xuất tự túc được phát động. Từ thị trấn đến các xóm, cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp, trường học... đều tận dụng các mảnh đất nhỏ xung quanh nhà để trồng rau xanh và biến những khu đồi cỏ rậm thành nương sắn. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ mới chú trọng tăng năng suất và tăng vụ, chưa quan tâm đúng mức vấn đề khai hoang. Nhiều hợp tác xã trích tới 2 - 3 mẫu ruộng 5% cho xã viên dùng 1 phần để đào ao mà không tổ chức khai hoang nên diện tích canh tác của hợp tác xã ngày một giảm. Tính đến đầu năm 1962, trên địa bàn huyện Phú Lương vẫn còn 1.241,2 mẫu ruộng đất bỏ hoang, riêng xã

Phấn Mễ, diện tích bỏ hoang lên tới 200 mẫu¹. Vụ đông xuân năm 1962 - 1963, tình hình hạn hán kéo dài, toàn huyện chỉ cấy được 1.755 mẫu lúa chiêm, đạt 72% so với kế hoạch. Đứng trước khó khăn trên, Đảng bộ huyện chủ trương quyết tâm phát động quần chúng đẩy mạnh sản xuất, trồng giống lúa Nam Ninh, lúa thu và hoa màu để chống đói lúc giáp hạt, nêu cao khẩu hiệu giành vụ mùa thắng lợi.

Thủy lợi là một trong những biện pháp kỹ thuật liên hoàn để tăng năng suất lúa. Với phương châm “*Giữ nước là chính, tiểu thủy nông là chính, dân làm là chính*”, bước vào những năm 60, công tác thủy lợi trong huyện có bước chuyển biến mới với sự tham gia hưởng ứng của đông đảo quần chúng nhân dân và thực sự trở thành phong trào rộng rãi. Ngoài việc sử dụng hệ thống mương, phai, đập cũ, trong năm 1961, với tổng số 84.293 công, cán bộ và nhân dân huyện Phú Lương làm thêm được 21 đập, 6 phai, 454 con mương, 10 guồng nước và 286 ao, đủ nước tưới cho 1.827,6 mẫu ruộng trước kia bị hạn trở thành ruộng làm 2 vụ ăn chắc. So với năm 1960, hệ thống thủy lợi năm 1961 tăng 2,3 lần. Công tác quy hoạch thủy lợi được thực hiện và đem lại hiệu quả tốt. Các xã Yên Trạch, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Đổ, Tân Thành, Hợp Thành, Phú Lý, Động Đạt, Sơn Cẩm, Túc Tranh và Phú Đô về căn bản đã giải quyết được việc chủ động tưới nước cho đồng ruộng. Đến năm 1962, phong trào làm thủy lợi ngày càng được đẩy mạnh hơn. Chỉ tính đến ngày 27/7/1962, sau một tháng chiến dịch làm mùa, cán bộ và nhân dân trong huyện đã sửa được 6.965m mương, riêng xã Sơn Cẩm, nhân dân trong xã đào một con mương dài 2.050m để đưa nước vào ruộng. Huyện Đoàn Thanh niên cùng với cấp ủy 4 xã chủ trương huy động 50 thanh niên đi đắp đập Khuôn Lòng (xã Yên Đổ), kết quả đã có 164 thanh niên xung phong

¹ Báo cáo tình hình 2 năm qua nhiệm vụ năm 1960 - 1961 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

và hoàn thành xong công việc trong 4 ngày với tổng số 283 ngày công¹. Năm 1962, toàn huyện sửa chữa 52 nương, phai, đập nước và làm thêm 21 công trình mới. Trong các hợp tác xã thì hợp tác xã Đồng Chùa (xã Túc Tranh) đạt khá nhất huyện về làm thủy lợi, tiểu thủ nông và giao thông. Từ chỗ hợp tác xã chỉ cấy được có 12 mẫu lúa chiêm không ăn chắc đến năm 1963 đã cấy được 55 mẫu. Năm 1963, huyện phát động phong trào đắp bờ giữ nước với khẩu hiệu “1 công đắp bờ giữ nước bằng 10 công chống hạn”. Kết quả, khối lượng đắp bờ giữ nước của toàn huyện được 30.762m³ đất đá².

Với kinh nghiệm dân gian “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, sau thủy lợi, huyện đã phát động phong trào làm phân đến khắp các xóm, làng nhằm nâng cao hơn nữa năng suất cây trồng. Bà con xã viên đã có ý thức tận dụng các nguồn phân và dùng vôi bón ruộng để chống chua. Đi đầu trong phong trào làm phân bón ruộng chính là lực lượng đoàn viên thanh niên và dân quân. Các phong trào “Rừng thanh xuân, phân 1 tấn”, “Phong trào ngàn cân, cá nhân 2 tấn” cùng với “Chiến dịch làm phân chôn vùi Mỹ - Diệm” được phát động, thực sự thu hút đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia, bình quân mỗi người làm được từ 1.300kg đến 1.500kg phân. Riêng vụ mùa năm 1962, chỉ tính trong một ngày, xã Sơn Cẩm huy động 886 người làm được 10.233kg phân³. Năm 1963, khối lượng phân xanh đạt 140 tấn, đến năm 1964 là 513 tấn. Vụ đông xuân 1963 - 1964, nhiều hợp tác xã đã bón gấp đôi số phân chuồng. Phú Lương là huyện sử dụng phân chuồng bón cho vụ đông xuân cao nhất tỉnh Thái Nguyên.

¹ Báo cáo số 88/BC-HU ngày 3/8/1962 của Huyện ủy Phú Lương về sơ kết đấu tranh 1 tháng chính trị đi đôi với chiến dịch mùa 1962, tr.3.

² Dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương năm 1963 - 1964, tr.5.

³ Báo cáo tháng 2/1963 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết năm 1962, tr.11.

Việc cải tiến nông cụ và áp dụng các biện pháp kỹ thuật được đẩy mạnh hơn trước. Trong năm 1961, toàn huyện có 2.927 nông cụ cải tiến các loại. Các xã Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Phấn Mễ là những đơn vị sử dụng nhiều những nông cụ cải tiến, mỗi xã có từ 458 đến 548 nông cụ các loại. Sang năm 1962, số nông cụ cải tiến tăng lên 6.890, đạt tỷ lệ 94%. Vào thời điểm này, Phú Lương có 25 hợp tác xã và 5 xã: Tân Thành, Hợp Thành, Phú Lý, Cổ Lũng, Sơn Cẩm đã bỏ sử dụng cày cũ. Các biện pháp kỹ thuật: cày sâu, cấy dày, chọn giống và xử lý giống... tiếp tục được đẩy mạnh.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy và chính quyền, tổng sản lượng lương thực trong hai năm 1961, 1962 đều tăng. Năm 1961 đạt 16.534,432 tấn tăng hơn năm 1960 là 8.178kg¹. Sang năm 1962, dù bị hạn hán, thiên tai gây thiệt hại, nhưng tổng sản lượng lương thực vẫn tăng hơn năm 1961 là 75.129kg². Đây là năm Phú Lương được mùa lớn, vượt kế hoạch tỉnh giao trên cả 3 mặt diện tích, năng suất và tổng sản lượng. Trong năm này, 8/17 chỉ tiêu đều hoàn thành vượt mức: Nam Ninh, lúa mùa, lúa rẫy, khoai lang, sắn, rau xanh, vừng, đỗ các loại đều đạt từ 122,4% đến 403,3% và nếu so với năm 1961 thì vượt 10 chỉ tiêu³. Đến năm 1964, sản lượng lương thực vượt 16% so với năm 1963. Hệ số sử dụng đất tăng từ 1,2 lần lên 1,37 lần. Các hợp tác xã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thi đua lao động sản xuất. Thực hiện phong trào trồng màu và rau xanh, khẩu hiệu “Vườn rau tự túc” không những trở thành thói quen của các gia đình mà cả trong các cơ quan, đơn vị. Nhờ đó, về cơ bản huyện Phú Lương

¹ Báo cáo tình hình 2 năm qua nhiệm vụ năm 1960 - 1961 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương, tr.10.

² Báo cáo ngày 15/4/1963 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về nhiệm kỳ 1 năm, tr.8-9.

³ Báo cáo ngày 15/4/1963 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về nhiệm kỳ 1 năm, tr.8-9.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đã giải quyết được vấn đề tự túc lương thực và ổn định được giá cả thị trường.

Ngành chăn nuôi cũng đạt được những kết quả khả quan, Đảng bộ chỉ đạo xây dựng kế hoạch, phương án phát triển chăn nuôi cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, trong đó ưu tiên phát triển đàn trâu cày kéo phục vụ sản xuất. Năm 1962, đàn trâu của huyện có 7.262 con đạt 79,5% kế hoạch, so với năm 1961 đạt 102,9%, riêng xã Tân Thành đạt tỷ lệ 110%. Đàn lợn của huyện có 12.204 con, bình quân mỗi hộ nuôi được từ 2 đến 3 con. Xã có số lượng đàn lợn lớn nhất là xã Phú Đô, bình quân mỗi hộ nuôi hơn 5 con và thấp nhất là xã Cổ Lũng (bình quân từ 1,6 con/hộ). Đàn gia cầm phát triển khá và tăng dần qua các năm. Bình quân mỗi hộ nuôi 47 con gà, vịt, tăng hơn 14 con so với năm 1961¹. Điều đáng chú ý trong hoạt động chăn nuôi của địa phương là một số cơ sở đã biết cải tiến nguồn dự trữ thức ăn cho gia súc, biết chọn giống và bảo vệ gia súc.

Từ năm 1963, sau khi Nhà nước ban hành chính sách bán thưởng các hàng công nghệ phẩm, ngành chăn nuôi ngày càng phát triển mạnh hơn. Bình quân mỗi hộ gia đình nông dân nuôi được 3 con lợn/năm, một số xã đạt 4 con mỗi hộ/năm. Tính riêng năm 1963, đàn trâu của huyện tăng 12%; đàn lợn bột tăng 45%; bình quân 6 hộ nuôi được 1 con lợn nái. Sang năm 1964 phong trào chăn nuôi vẫn được giữ vững.

Cùng với chăn nuôi gia súc, gia cầm, Phú Lương tiếp tục đẩy mạnh chăn nuôi cá cung cấp một nguồn thực phẩm dồi dào cho cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện. Trong năm 1961, toàn huyện đào, đắp thêm 286 hồ, ao với diện tích trên 188 mẫu; nuôi, thả 854.000 con cá, không kể 78.487 con được thả

¹ Báo cáo ngày 15/4/1963 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về nhiệm kỳ 1 năm, tr.11.

ở các ruộng lúa¹. Đến năm 1962, toàn huyện đào thêm được 20 ao thả cá mới với diện tích trên 200 mẫu². Năm 1963, diện tích nuôi, thả cá vượt kế hoạch 1% và so với năm 1962 vượt 2,2%.

Đối với sản xuất lâm nghiệp, chỉ tiêu tình giao cho huyện ngày càng tăng. Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy, Hạt Lâm nghiệp Phú Lương bố trí từng bộ phận, phân công người phụ trách rõ ràng, bố trí các trạm thu mua và đặt lịch chu đáo, nên việc khai thác và thu mua lâm thổ sản đều đạt yêu cầu. Trong năm 1961, số tiền thu mua là 131.725 đồng, đạt 85% mức kế hoạch. Sang năm 1962, phần lớn chỉ tiêu đều đạt và vượt mức được giao: gỗ đạt 124,32%; lá cọ đạt 162,11%... Cuối năm 1962 lại có 1 chiến dịch khai thác đột xuất. Hạt Lâm nghiệp Phú Lương được thành lập nhưng chưa ổn định về tổ chức. Trong khi chưa có Hạt trưởng, Hạt phó thì số nhân viên giảm dần, từ 24 người xuống còn 15 người, một đội sơn tràng chuyên nghiệp gồm 3 tổ với 27 người và 6 trâu kéo, một đội vận chuyển gồm 15 người và một đội tu bổ rừng gồm 15 người.

Nhằm phủ xanh những khu đồi trọc, huyện giao chỉ tiêu trồng rừng cho các xã và hợp tác xã. Các xã: Cổ Lũng, Phấn Mễ... là những đơn vị thực hiện đạt kết quả tốt; còn nhìn chung các xã khác thiếu sự kiểm tra, đôn đốc nên đạt kết quả kém. Trong năm 1962, toàn huyện trồng được 129.631 cây trong đó có 29.090 cây lấy gỗ, thấp hơn năm 1961.

Từ năm 1963, do yêu cầu công nghiệp hóa và nhu cầu kiến thiết của nhân dân, ngành lâm nghiệp có những bước phát triển mạnh. Dù gặp khó khăn về phương tiện, giao thông... nhưng cán bộ, nhân viên ngành lâm nghiệp Phú Lương đã

¹ Báo cáo tình hình 2 năm qua nhiệm vụ năm 1960 - 1961 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương, tr.13.

² Báo cáo ngày 15/4/1963 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về nhiệm kỳ 1 năm, tr.11.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

vươn lên hoàn thành tốt kế hoạch khai thác và tu bổ rừng. Tính riêng trong năm 1963, huyện khai thác được 3.703m³ gỗ tròn; 1.422 tấn nửa giấy; 3.500 ste củi; tu bổ trong khai thác được 127ha rừng; tu bổ ngoài khai thác 40ha; trồng cây nhân dân được 132.535 cây; nộp thuế lâm sản... đều đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Trong phong trào trồng cây nhân dân, một số điển hình tiên tiến xuất hiện nổi bật là hợp tác xã Suối Bốc (xã Yên Ninh), gồm 28 hộ người Dao, trong năm 1963 đã trồng được 29.000 cây xoan và trở thành một đơn vị trồng cây khá nhất tỉnh Thái Nguyên và được tặng cờ thi đua. Đồng chí Triệu Phúc Hành - một đảng viên và là Chủ nhiệm hợp tác xã, không chỉ gương mẫu đi đầu mà còn kiên trì vận động nhân dân tích cực trồng cây gây rừng, được công nhận là một Kiện tướng trồng cây.

Công nghiệp địa phương của Phú Lương mới được xây dựng từ năm 1960 với 2 cơ sở đầu tiên là Xí nghiệp gạch ngói Tân Long và Mỏ than Khánh Hòa. Sang năm 1961, huyện có thêm 2 lò gạch của xã Động Đạt và 2 lò vôi. Các cơ sở gạch Tân Long và Mỏ than Khánh Hòa có rất ít đảng viên. Lúc mới thành lập, tại 2 cơ sở này có 3 đồng chí, đến năm 1962 cũng chỉ tăng lên 7 đồng chí. Trong số công nhân làm việc tại 2 cơ sở ấy, có cả một số địa chủ và con cháu địa chủ; tình hình tư tưởng diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của chi bộ, biết lấy chính trị làm gốc để giáo dục, động viên công nhân, viên chức hăng hái lao động nên hằng năm cả 2 cơ sở đều đạt và vượt mức kế hoạch tỉnh giao. Trong đó, Mỏ than Khánh Hòa không chỉ vượt kế hoạch làm đất trước thời hạn 6 tháng mà còn tổ chức đi lao động xã hội chủ nghĩa gây quỹ đỡ đầu hợp tác xã Bá Sơn.

Từ năm 1963 trở đi, sản xuất công nghiệp của huyện Phú Lương có bước phát triển mới. Ngoài các cơ sở đã có từ trước,

toàn huyện có 4 hợp tác xã thủ công nghiệp (1 hợp tác xã rèn, 2 hợp tác xã may mặc, 1 hợp tác xã cắt tóc), 2 tổ chế biến bột sắn, 1 tổ đan lát, 2 lò rèn ở 2 xã Hợp Thành và Phấn Mễ, 6 cửa hàng sửa chữa xe đạp. Một số cơ sở thủ công nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp còn xây dựng 5 lò vôi, 2 lò gạch nhằm phục vụ nhu cầu kiến thiết cơ bản, 3 lò sấy thuốc lá.

Cùng với sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp, ngành thương nghiệp, tài chính, ngân hàng cũng phát triển mạnh. Doanh số bán ra của hợp tác xã mua bán năm 1961 tăng hơn năm 1960 là 178.944 đồng. Đến năm 1962, Huyện ủy đề ra chủ trương chuyển hướng, đem hàng về phục vụ nông thôn ở dưới cơ sở, chấn chỉnh lề lối làm việc và củng cố bộ máy hoạt động, cải tiến cách giao nhận hàng để nâng cao hiệu quả phục vụ. Cùng thời gian này, trên địa bàn huyện có 3 cửa hàng lớn đặt ở Đu, Giang Tiên, Hợp Thành và 3 cơ sở nhỏ ở Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Lạc.

Các mặt hàng mua vào, bán ra trong 2 năm 1961, 1962 đều tăng lên so với trước. Số gạo bán ra năm 1961 nhiều hơn năm 1960 là 188.677,2kg, không kể 15.355kg thịt và 76.425m vải (tăng 38% so với năm 1960). Mặt hàng nguyên vật liệu xây dựng cũng tăng lên rất nhanh. Trong năm 1962, mức bán ra là 722.224,28 đồng, đạt 110,3% mức kế hoạch; số mua vào là 33.994 đồng, đạt 120% mức kế hoạch.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, ngành thương nghiệp huyện đã có những cố gắng lớn trong việc bảo đảm hoàn thành kế hoạch, hàng năm vượt chỉ tiêu trên giao từ 94% đến 97%, đồng thời giảm chi phí lưu thông 0,46%. Một kết quả quan trọng là trong 2 năm (1961 - 1962), huyện đã đẩy mạnh công tác thương nghiệp miền núi theo chủ trương của Đảng. Việc cung cấp hàng hóa và tổ chức thu mua cho nhân dân ở các vùng xa xôi, hẻo lánh được chú ý hơn, có ảnh hưởng tốt đến chính sách

dân tộc của Đảng.

Ngành thương nghiệp huyện còn vận động nhân dân các xã làm hợp đồng thu mua các mặt hàng ở địa phương: chè Cổ Lũng, vùng Tức Tranh, đỗ tương Động Đạt, Yên Đổ... Ngược lại, đối với những loại hàng khan hiếm, như vải hoa, pôpôlin, pin đèn... thì ngành ưu tiên bán cho cán bộ và xã viên ở các xã.

Bên cạnh những thành tích, ưu điểm, ngành thương nghiệp huyện vẫn còn có nhiều hạn chế, thiếu sót. Quan điểm phục vụ sản xuất nông nghiệp lệch lạc, nặng về kinh doanh những mặt hàng tiêu thụ mạnh, ít quan tâm đến những nông cụ cải tiến. Việc mở rộng cửa hàng phục vụ nhân dân chưa rộng rãi và chưa phục vụ kịp thời các mặt hàng đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong huyện nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa... Các cấp ủy chưa thực sự quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, công nhân viên...

Từ năm 1963, do đời sống nhân dân được cải thiện, dân số phát triển tự nhiên và tiếp nhận đồng bào miền xuôi, cho nên sức mua tăng lên, yêu cầu đối với ngành thương nghiệp càng lớn hơn. Ngoài những cơ sở có từ trước, huyện mở thêm được 4 cửa hàng hợp tác xã mua bán ở các xã Yên Trạch, Yên Lạc, Phủ Lý, Sơn Cẩm, đồng thời bàn giao 2 cửa hàng Hợp Thành và Yên Ninh cho các xã trực tiếp quản lý. Nhờ đó, các mặt hàng chuyển về các xã được dễ dàng, thuận lợi, kịp thời đáp ứng nhu cầu của người dân.

Sự phát triển nhanh về kinh tế, văn hóa đòi hỏi việc chi ngân sách trên địa bàn huyện ngày càng lớn. Yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và các công trình xây dựng cơ bản trong huyện đã làm nảy sinh nhiều khoản chi mới. Chỉ riêng về sản xuất trong năm 1960 - 1961, huyện đã phải chi 39.390 đồng, chưa kể các khoản chi về kiến thiết cầu, đường, nhà cửa... cũng tăng lên rất nhiều.

Để đáp ứng yêu cầu trên, ngành tài chính huyện Phú Lương có nhiều cố gắng. Trong năm 1961, số thu vượt mức kế hoạch, đạt tỷ lệ 105% đến 127,7%, chưa kể những phần thất thu khác. Nếu so với năm 1959, tổng số thu của huyện trong năm này tăng 4,5 lần¹. Điều đáng chú ý là, trong quá trình thu, chi, ngành tài chính huyện đã vận dụng đúng phương châm của Đảng, không những tập trung vốn vào việc xây dựng, phát triển kinh tế để tăng nguồn của cải vật chất, mà còn chú trọng vào việc không ngừng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc.

Trong năm 1962, tuy gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong quản lý thị trường nhưng nhờ tinh thần cố gắng của cán bộ, nhân viên và sự giúp đỡ của các cấp, công tác tài chính vẫn đạt 99,2% kế hoạch và so với năm 1961 đạt 101,2%². Công tác “*ba thu*” được Đảng bộ đặc biệt chú ý lãnh đạo thực hiện. Đối với huyện Phú Lương, công tác vận động “*ba thu*” đã trở thành nghĩa vụ từ những năm trước và thực hiện thu hằng năm vào 2 vụ chiêm và mùa. Từ năm 1962, gần đến kỳ thu vụ chiêm và vụ mùa, Ban Chấp hành Đảng bộ lại mở hội nghị để bàn kế hoạch thực hiện và kiên quyết tập trung lực lượng, tận dụng mọi chức năng sẵn có của huyện nhằm phục vụ tốt công tác “*ba thu*”. Nhờ đó, trong vụ chiêm năm 1962, thu thuế đạt 107%; thu mua đạt 117,2%; đến vụ mùa, thu thuế đạt 102% và thu mua đạt 82%.

Từ năm 1963, Đảng và Chính phủ đề ra chính sách ổn định nghĩa vụ 3 năm. Đây là một điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chính sách nghĩa vụ lương thực, giải quyết được tư tưởng băn khoăn, vướng mắc trong nhân dân. Nhìn chung, chính

¹ Báo cáo tình hình 2 năm qua nhiệm vụ năm 1960 - 1961 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương, tr.17.

² Báo cáo tháng 2/1963 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết năm 1962, tr.23.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

sách lương thực của Nhà nước được các cấp ủy và chính quyền vận động nhân dân thực hiện tương đối tốt.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển sản xuất, Huyện ủy chú trọng công tác củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Với những kết quả đạt được, từ năm 1961 trở đi, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh. Vào thời điểm này, toàn huyện có 78 hợp tác xã nông nghiệp với 70% số hộ nông dân tham gia trong đó có 1 hợp tác xã (hợp tác xã Môn Bình, xã Hợp Thành gồm 41 hộ xã viên) đã chuyển lên bậc cao. Xã Phú Đô từ chỗ là một “xã trắng” đến năm 1961 đã có 50% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã. Một số nơi như các xã Yên Trạch, Phú Lý, Hợp Thành, Yên Đổ bắt đầu đi vào liên hợp và hợp nhất các hợp tác xã từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn, riêng xã Tân Thành đã xây dựng hợp tác xã với quy mô toàn xã.

Bên cạnh đó, lại có một số hợp tác xã gặp nhiều khó khăn về tư tưởng và có nguy cơ tan vỡ hoặc đình trệ sản xuất. Các hợp tác xã: Khe Vàng, Làng Pháng (xã Phú Đô), Yên Bình, Ao Then (xã Yên Đổ), Chính Bình (xã Yên Lạc), Làng Hin, Làng Lân (xã Phấn Mễ), Ba Luông, Suối Bốc (xã Yên Ninh), Yên Thành (xã Yên Trạch) đều có nhiều xã viên chán nản, muốn xin ra hợp tác xã hoặc bỏ sản xuất và tự động ra làm cá thể.

Trước tình trạng trên, các cấp ủy kiên trì giáo dục, động viên cán bộ và quần chúng, quyết tâm giữ vững phong trào, đồng thời giải quyết những thắc mắc, khó khăn cho xã viên. Một số Ban Quản trị hợp tác xã được bầu lại và điều hành sản xuất tương đối tốt. Công tác “*ba quản*”, “*ba khoán*” có nhiều chuyển biến theo chiều tích cực. Vai trò làm chủ của quần chúng xã viên được nâng lên. Nhiều hợp tác xã đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất điển hình là hợp tác xã Tân Thành (vượt 10 tấn). Nhiều hợp tác xã cũng đạt năng suất khá cao: Hợp tác

xã Cộng Hòa thu hoạch bình quân 962kg/mẫu; Hợp tác xã Cây Thị thu hoạch 751kg/mẫu, Làng Mới đạt 717kg/mẫu... Một số hợp tác xã (Mỹ Khánh, xã Phấn Mễ và Tân Lập thuộc xã Động Đạt) kinh doanh nhiều ngành nghề. Hợp tác xã Môn Bình (xã Hợp Thành) được bình chọn là một trong số 10 hợp tác xã Đại Phong, là lá cờ đầu của toàn tỉnh.

Bên cạnh đó, phong trào hợp tác xã lúc này cũng bộc lộ nhiều thiếu sót: Cán bộ Ban Quản trị ở một số hợp tác xã bất mãn, muốn xin nghỉ việc. Nguyên tắc quản lý dân chủ trong hợp tác xã bị vi phạm, xã viên ít được bàn bạc và phát huy sáng kiến, kinh nghiệm sản xuất. Công tác tài chính không minh bạch, có hiện tượng tham ô. Công tác “ba khoán” không bảo đảm, gần như khoán trắng..

Những hạn chế thiếu sót trên đây đã làm cho phong trào hợp tác xã không những dậm chân tại chỗ mà còn bị giảm sút. Trong khi kết nạp được 56 hộ xã viên mới thì có 184 hộ xã viên xin ra hợp tác xã. Tỷ lệ hộ nông dân gia nhập hợp tác xã bị tụt dần, từ 70% trong năm 1961 xuống còn 61,81%. Xã Phú Đô từ chỗ có 50% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã (năm 1961) sang năm 1962 giảm dần và trở thành “xã trắng”. Đến cuối năm 1962, toàn huyện có 24 hợp tác xã đạt loại khá, 24 hợp tác xã loại trung bình và 28 hợp tác xã loại yếu. Đó là những vấn đề đặt ra cho Đảng bộ phải có những biện pháp củng cố phong trào hợp tác hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII (năm 1962).

Thực hiện Nghị quyết 5 của Trung ương (khóa III) và Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc; căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương, Huyện ủy xác định, “*nhiệm vụ chủ yếu là củng cố vững chắc về mọi mặt đối với các tổ chức sẵn có để bảo đảm ổn định tổ*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chức, ổn định sản xuất để tạo mọi điều kiện tốt cho cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã toàn diện. Trên cơ sở củng cố tốt để phát triển tổ chức những hợp tác xã mới ở những nơi chưa có và kết nạp thêm những xã viên mới có điều kiện thật chín muồi, quần chúng thật sự tự nguyện tự giác xin gia nhập và có đủ lãnh đạo, tránh gò ép, mệnh lệnh”¹.

Theo phương hướng, nhiệm vụ được xác định, Huyện ủy triển khai các biện pháp nhằm củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Trước hết, Huyện ủy tổ chức một bộ phận làm công tác củng cố gồm cán bộ các ngành nông thôn, tài chính, ngân hàng do một đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách. Tổ công tác này dành thời gian tập trung cho công tác củng cố hợp tác xã, không được đi công tác khác. Các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền chịu trách nhiệm trước Huyện ủy cùng nghiên cứu vạch ra kế hoạch cụ thể; phân công cán bộ phụ trách và tổ chức chỉ đạo chặt chẽ. Ở mỗi xã, theo chủ trương của Huyện ủy, có một đồng chí trong Ban Chi ủy chịu trách nhiệm cùng với Bí thư Đoàn Thanh niên, Phụ nữ, Xã đội, Thông tin, cán bộ đầu ngành và chủ nhiệm các hợp tác xã được tập trung cho công tác củng cố hợp tác xã, kết hợp xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã ở các “xóm trắng”.

Trên cơ sở xây dựng bộ máy tổ chức, Huyện ủy chủ trương phân loại xã và hợp tác xã để có phương hướng công tác cho phù hợp.

Đối với xã có tỷ lệ nông dân vào hợp tác xã trên 70% (Tân Thành, Hợp Thành, Phú Lý, Yên Trạch, Phấn Mễ và Cổ Lũng) chủ yếu làm nhiệm vụ củng cố, đồng thời phát triển những hộ nông dân cá thể vào hợp tác xã. Đối với xã có từ 20 đến 60 hộ, lấy việc phát triển đi đôi với củng cố là chủ yếu; đặc biệt chú

¹ Phương hướng và nhiệm vụ công tác mọi mặt năm 1963 và 1964 - 1965 của Đảng bộ huyện Phú Lương - ngày 16/4/1963, tr.3.

trọng ở những nơi chưa có hợp tác xã hoặc hợp tác xã bị vỡ.

Đối với “*xã trắng*” (Phú Đô), Huyện ủy quyết tâm tìm mọi biện pháp xây dựng nhiều tổ đổi công thường xuyên.

Đối với các hợp tác xã loại khá, Huyện ủy nhấn mạnh phải nâng cao tinh thần làm chủ của xã viên; phương hướng sản xuất phải sát với thực tế nhằm đảm bảo đời sống cho xã viên, bảo đảm cho hợp tác xã có tích lũy và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đối với các hợp tác xã loại trung bình, Huyện ủy coi trọng việc giáo dục chính trị, thực hiện tốt các mặt sản xuất và chính sách của Nhà nước, chấn chỉnh hoặc bầu lại các Ban Quản trị và đẩy mạnh các tổ chức hoạt động trong hợp tác xã.

Đối với các hợp tác xã loại yếu kém, chủ yếu đi sâu phát động tư tưởng quần chúng, giải quyết những vấn đề tồn tại, động viên nâng cao tinh thần làm chủ cho số hộ xã viên còn lại, nâng cao phê bình và tự phê bình, giải quyết những việc sai sót giữa Ban Quản trị với một số hộ xã viên “chân trong chân ngoài” và số hộ đã ra hợp tác xã, chấn chỉnh hoặc bầu lại các Ban Quản trị và các tổ chức hoạt động trong hợp tác xã.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, đồng thời quán triệt Nghị quyết 70 của Trung ương Đảng và cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, từ năm 1963, Huyện ủy chọn hợp tác xã Cây Châm làm thí điểm công tác quản lý. Công tác thí điểm về căn bản đạt được yêu cầu theo tinh thần Nghị quyết 70. Từ kết quả công tác thí điểm, Huyện ủy rút được những bài học kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo cải tiến quản lý hợp tác xã trong những năm tiếp theo.

Cùng với việc cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật và trên cơ sở đó, công tác củng cố hợp tác xã nông nghiệp được đẩy mạnh. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

ủy, Huyện ủy quyết định tổ chức lại quy mô hợp tác xã cho phù hợp với đặc điểm tình hình miền núi. Theo hướng ấy, hợp tác xã Tân Thành và Hợp Thành đều được tách ra thành 2 hợp tác xã quy mô nhỏ; 4 hợp tác xã ở Yên Trạch được sáp nhập thành 2 hợp tác xã với quy mô lớn hơn. Như vậy, trong năm 1963, toàn huyện Phú Lương có 82 hợp tác xã nông nghiệp với 2.634 hộ xã viên (chiếm 52,4% tổng số hộ nông dân). Nếu so với năm 1962, tỷ lệ này thấp hơn 4% vì dân số tăng tự nhiên và từ năm 1963, huyện Phú Lương tiếp nhận trên 200 nông dân miền xuôi lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa.

Song song với việc tổ chức lại quy mô hợp tác xã, Huyện ủy tăng cường công tác giáo dục chính trị, bồi dưỡng đạo đức, phẩm chất cách mạng, nâng cao ý thức làm chủ của quần chúng xã viên. Đối với cán bộ, đảng viên, Huyện ủy chú trọng giáo dục đạo đức chí công vô tư, ý thức gương mẫu trong việc chấp hành chính sách của Nhà nước, nâng cao quan điểm phục vụ quần chúng.

Những biện pháp trên đã đem lại kết quả bước đầu. Từ giữa năm 1964, phong trào hợp tác hóa bắt đầu được phục hồi và sang năm 1965 thì phát triển mạnh hơn; đặc biệt là 2 xã Phú Đô và Túc Tranh. Xã Phú Đô từ chỗ hợp tác xã bị vỡ hoàn toàn trở thành “*xã trắng*” đến năm 1965, số nông hộ tham gia hợp tác xã đã lên tới 93%. Xã Túc Tranh từ chỗ chỉ có 2 hợp tác xã với tỷ lệ 54% đã lên tới 98% tổng số nông hộ. Nhìn chung, phong trào hợp tác xã nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến tốt hơn trước. Trong phong trào thi đua vụ mùa năng suất cao, có 10 hợp tác xã trong số 24 hợp tác xã đăng ký đã đoạt giải thi đua của Chính phủ; 6 hợp tác xã vượt kế hoạch; 1 hợp tác xã trồng cây khá nhất; đại bộ phận hợp tác xã chấp hành tốt chính sách lương thực của Nhà nước.

Hợp tác xã được củng cố là một trong những nhân tố quan trọng đưa sản xuất nông nghiệp phát triển. Khi bước vào thực hiện vụ đông xuân 1962 - 1963, huyện Phú Lương gặp phải hạn hán kéo dài 5 - 6 tháng; mạ chiêm để 70 - 80 ngày không có nước cấy. Trước tình hình này, đầu tháng 1/1963, Ban Thường vụ Huyện ủy triệu tập hội nghị gồm các bí thư, chủ tịch Ủy ban Hành chính xã, lãnh đạo các ngành, các giới để bàn biện pháp giải quyết; đồng thời quyết định phát động chiến dịch chống hạn.

Hưởng ứng chủ trương của Huyện ủy, khoảng 600 dân quân và 170 đoàn viên thanh niên được huy động lên công trường xây dựng công trình trung thủy nông Khuôn Lồng (xã Yên Đổ) để lấy thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII (tháng 4/1963) và ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với tinh thần tích cực, khẩn trương, chưa tới 2 tuần lễ, công trình đã hoàn thành. Hệ thống mương, phai sửa chữa và được xây dựng thêm. Tính chung, các xã trong huyện đào thêm được 21 ao, hồ; đắp thêm được 18 đập nước; làm được 28 mương, 100 phai, với tổng số 27.693 công. Đó là chưa kể số công của cán bộ và học sinh tham gia làm hồ Cây Châm, hồ Bẩy Mẫu, hồ Làng Lê... Hằng năm, huyện huy động khoảng 2.000 dân công làm đầm, hồ.

Nhằm nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng, việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn trong những năm 1963 - 1964 cũng được đẩy mạnh hơn trước. Số lượng phân hóa học bón cho đồng ruộng tăng gấp 2 lần năm 1962; số lượng phân chuồng cũng tăng gấp bội. Năm 1962, bình quân mỗi mẫu chỉ dùng 1.300kg phân chuồng, từ năm 1963 tăng lên 1.835kg, xã Sơn Cẩm bón 3.500kg/mẫu. Diện tích làm cỏ 2 lần cho lúa từ năm 1963 gấp 4 lần so với năm 1962. Phong trào cải tiến nông cụ, giải phóng đôi vai cũng ngày càng phát triển rộng rãi.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Chính nhờ đẩy mạnh công tác thủy lợi và các biện pháp kỹ thuật, những thiệt hại do thiên tai hạn hán cũng được hạn chế. Tổng sản lượng lương thực năm 1963 so với năm 1962 tăng lên 172.930kg¹, riêng vụ mùa so với kế hoạch tăng 237 tấn (3,5%). Diện tích trồng hoa màu là 3.256,5 mẫu đạt 92% so với năm 1962 trong đó diện tích ngô tăng 5%; khoai sọ tăng lên 35%; cây công nghiệp tăng 2,6%.

Trong giai đoạn 1961 - 1965, nhân dân các dân tộc Phú Lương thực hiện cuộc vận động lớn là tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế và văn hóa. Cuối năm 1962, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương đã tiếp đón đồng bào huyện Đông Quan (Thái Bình) và đồng bào huyện Tiên Lữ (Hưng Yên)². Trong năm 1963, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương tiếp đón 257 hộ với 1.268 nhân khẩu từ tỉnh Thái Bình lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế văn hóa. Đồng bào được đưa về sinh sống trên địa phận các xã: Phấn Mễ, Động Đạt, Tân Thành, Phủ Lý, Tức Tranh, Vô Tranh, Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành. Các hộ gia đình này được tổ chức thành 6 đội độc lập, số còn lại ở xen kẽ cùng với bà con xã viên địa phương. Trong buổi đầu khó khăn, thiếu thốn, đồng bào được chính quyền và nhân dân địa phương giúp đỡ, san sẻ ruộng đất, trâu bò, nông cụ, giúp làm nhà cửa.

Nhờ có sự quan tâm của chính quyền và nhân dân các dân tộc địa phương, đồng bào nhanh chóng ổn định cuộc sống và đi vào sản xuất trên quê hương mới. Trong năm 1963, đồng bào trong 6 đội độc lập đã khai hoang và trồng được 188,1 mẫu ruộng nước, 76 mẫu lúa đò, 22 mẫu sắn, 23 mẫu ngô, 6 mẫu khai hoang, 2,3 mẫu rau xanh. Đó là chưa kể số hộ sống xen

¹ Báo cáo ngày 24/1/1964 của Huyện ủy Phú Lương về tổng kết tình hình lãnh đạo thực hiện kế hoạch năm 1963, tr.3.

² Dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương năm 1963 - 1964.

kẽ với nhân dân địa phương cũng khai hoang được 5,6 mẫu lúa nương, 15 mẫu ngô...; chăn nuôi được 282 con gia súc, gia cầm. Tổng thu hoạch của các đội độc lập và các hộ xen kẽ là 64.146kg thóc, năng suất bình quân đạt 520kg/mẫu. Riêng đội khai hoang độc lập ở Làng Lân (xã Phấn Mễ) có 5 hộ, trong vụ mùa đã thu hoạch 3.888kg thóc; tự túc được lương thực và được suy tôn là đội sản xuất khá nhất tỉnh Thái Nguyên¹.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc tổ chức đón tiếp đồng bào miền xuôi lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa tại huyện Phú Lương chưa được chuẩn bị đầy đủ; có mặt bị động. Sự giúp đỡ ban đầu về đời sống và sản xuất cho đồng bào có tính chất khoán trắng cho các xã nên một số hộ vì quá khó khăn, đã quay trở về quê hương cũ². Trong những năm 1964 - 1965, huyện vẫn tiếp tục đón tiếp đồng bào ở huyện Đông Quan (Thái Bình) và tỉnh Hưng Yên.

Sự tăng trưởng kinh tế trong những năm 1961 - 1965 có tác dụng thúc đẩy văn hóa, giáo dục phát triển nhanh chóng. Hoạt động văn hóa có nhiều cố gắng đi sát phục vụ yêu cầu của công tác chính trị, các nhiệm vụ trung tâm của địa phương; bước đầu đi sâu vào quần chúng tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, đáp ứng yêu cầu về tinh thần văn hóa của nhân dân.

Ngoài việc phát hành báo chí, lập các tủ sách ở hợp tác xã, ngành văn hóa - thông tin huyện tích cực phổ biến tin tức thông qua các hình thức phát thanh, làm bình phong, kẻ khẩu hiệu... Bộ máy hoạt động thông tin tuyên truyền ở xã, hợp tác xã được củng cố. Các đợt thi đua, các cuộc vận động lớn đều thu

¹ Báo cáo ngày 24/1/1964 của Huyện ủy Phú Lương về tổng kết tình hình lãnh đạo thực hiện kế hoạch năm 1963, tr.3-6.

² Báo cáo ngày 24/1/1964 của Huyện ủy Phú Lương về tổng kết tình hình lãnh đạo thực hiện kế hoạch năm 1963, tr.3-6.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hút đông đảo lực lượng thanh niên, học sinh, thiếu niên rầm rộ xuống đường phát thanh, kẻ khẩu hiệu tuyên truyền.

Các đội văn nghệ ở các xã tiếp tục được duy trì và phát triển. Đến năm 1962, trong 6 xã đã có 17 đội văn nghệ gồm 250 diễn viên trong đó có 4 đội thường xuyên hoạt động. Chỉ tính trong năm 1962, huyện tổ chức được 20 đêm hội diễn, với 32 tiết mục phục vụ cho 2.800 người đến xem. Ngoài ra, các đội chiếu bóng lưu động cũng thường xuyên phục vụ nhân dân các xã trong huyện. Tuy vậy, công tác văn hóa thời gian đầu vẫn còn nhiều tồn tại. Hai nhà văn hóa không được quan tâm tu bổ nên ngày càng xuống cấp. Năm 1962, trên địa bàn huyện có 9 tủ sách nhưng thiếu sự đầu tư nên số lượng sách không phát triển, không đáp ứng được yêu cầu của người đọc. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do lãnh đạo từ huyện xuống xã chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác thông tin văn hóa.

Từ sau Hội nghị về công tác thông tin văn hóa (năm 1963) với sự góp mặt và tham gia ý kiến của đồng chí Nông Quốc Chấn - Ủy viên Khu ủy kiêm Giám đốc Sở Văn hóa Khu Tự trị Việt Bắc, nhận thức của cán bộ trong huyện được nâng lên. Cũng từ đó, hoạt động thông tin - văn hóa ở huyện có những chuyển biến mới. Huyện đã vận động nhân dân cùng Nhà nước xây dựng Phòng Truyền thanh và bắc được 7 loa công cộng. Các đội chiếu bóng lưu động nêu cao tinh thần khắc phục mọi khó khăn, nhất là về giao thông, chiếu phim được 53 buổi ở khắp các xã, phục vụ cho 25.486 lượt người xem. Ngành văn hóa - thông tin huyện phát hành được 29.970 tài liệu phổ biến Nghị quyết 70, 71 của Trung ương Đảng về cải tiến quản lý hợp tác xã. Ngoài ra, huyện còn tổ chức các buổi tham quan chọn giống tại xã Hợp Thành, Khu gang thép Thái Nguyên, Bảo tàng Việt Bắc... Các Đội văn công của Khu, của tỉnh Thái

Nguyên và tỉnh Thái Bình cũng được mời lên biểu diễn, phục vụ cho hơn 20.000 người xem.

Công tác văn hóa, thông tin tuyên truyền được Huyện ủy Phú Lương quan tâm chỉ đạo và phân công cụ thể cán bộ chuyên trách phụ trách. Đội ngũ cán bộ văn hóa - thông tin được kiện toàn từ cấp huyện xuống các xã. Phòng Văn hóa của huyện có 2 cán bộ, 1 đồng chí phụ trách văn hóa, 1 đồng chí phụ trách thông tin. Các xã đều có Ban Văn hóa thông tin, tích cực thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong phạm vi chức năng của tổ chức. Một số xã trong huyện đã xây dựng được đội văn nghệ, biểu diễn tiết mục cây nhà lá vườn phục vụ đời sống tinh thần của bà con. Ngoài ra, huyện đã mở được 2 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ trong 10 ngày cho 3 đội chèo trong huyện. Đối với công tác thông tin, từ huyện tới các xã đã sưu tầm tài liệu báo chí, tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân thông qua đài phóng thanh đặt ở mỗi xã.

Ngành giáo dục trong những năm 1961 - 1965 phát triển khá nhanh. Từ 14 lớp với tổng số 606 học sinh từ vỡ lòng đến cấp II trong năm học 1961 - 1962, đã tăng lên 156 lớp với tổng số 5.023 học sinh trong năm học 1962 - 1963. Đến năm học 1964 - 1965, không kể học sinh vỡ lòng, tính riêng cấp I và cấp II, toàn huyện đã có gần 5.000 học sinh. Đội ngũ giáo viên ngày càng được củng cố, tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng chuyên môn. Năm học 1963 - 1964, giáo viên cấp I có 97 thầy cô, cấp II có 36 thầy cô đến năm học 1964 - 1965, giáo viên cấp I có 118 thầy cô, cấp II có 41 thầy cô. Năm 1965, huyện đã mở được 65 lớp bổ túc văn hóa với 574 học viên từ lớp 1 đến lớp 5 của 11 xã trừ các xã Yên Ninh, Phú Đô, Phú Lý. Các xã Tân Thành, Yên Trạch, Cổ Lũng có số lượng người đi học cao nhất huyện Phú Lương¹.

¹ Dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương năm 1963 - 1964.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Nhằm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, năm 1961, huyện Phú Lương xây dựng trường Thanh niên Lao động xã hội chủ nghĩa (vừa làm vừa học) gồm 121 học sinh, trong đó có 75 nam và 46 nữ. Mục tiêu của nhà trường là đào tạo con em đồng bào các dân tộc thuộc diện chính sách thành những cán bộ có trình độ văn hóa và phẩm chất chính trị, trở về phục vụ công tác ở địa phương và hợp tác xã. Ngày 31/12/1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhà trường, Người biểu dương thành tích của thầy và trò, động viên nhắc nhở giáo viên, học sinh nhà trường cần cố gắng hơn nữa. Người cũng dặn dò cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Phú Lý nêu cao tinh thần làm chủ, giúp nhau xây dựng hợp tác xã. Bác Hồ đến thăm nhà trường là niềm vinh dự, tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện; là sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa lịch sử của huyện Phú Lương, có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần hăng hái cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện, tích cực động viên, giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng làm theo lời Bác, thúc đẩy phong trào cách mạng địa phương tiến lên. Song từ năm 1963, nhà trường gặp khó khăn, nhất là sản xuất về tự túc lương thực do ruộng ít và cách xa nơi trường đóng 3 đến 4km trong khi đó hợp tác xã và nông dân đòi lại làm diện tích ruộng còn 3 mẫu. Do không lương hết khó khăn và cũng không phát hiện kịp thời cho nên tình hình hoạt động của nhà trường trở nên phức tạp, giáo viên và học sinh không yên tâm giảng dạy và học tập. Trước tình trạng này, về mặt tổ chức, Huyện ủy củng cố bộ phận lãnh đạo nhà trường, đồng thời giúp nhà trường xác định phương hướng sản xuất, ổn định tư tưởng trong giáo viên và học sinh. Từ cuối năm 1963, mặc dù tình hình nhà trường được ổn định trở lại nhưng khó khăn về cơ sở sản xuất vẫn tồn tại. Để giải quyết tốt tình hình sản xuất, ổn định lâu dài hoạt động của nhà trường, Huyện ủy quyết định chuyển trường Thanh niên

Lao động xã hội chủ nghĩa đến một địa điểm khác.

Trong những năm 1961 - 1965, công tác thanh toán nạn mù chữ tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Vào năm 1960, huyện Phú Lương còn trên 1.000 người thuộc 7 xã mù chữ (Túc Tranh, Vô Tranh, Phú Đô, Yên Lạc, Yên Ninh, Sơn Cẩm và Cổ Lũng). Sang đầu năm 1961, toàn huyện có 85,9% dân số xóa được mù chữ nhưng vẫn chưa đạt được kế hoạch tỉnh giao (92,5%).

Nhận rõ sự cần thiết phải giải quyết dứt điểm việc thanh toán nạn mù chữ trên địa bàn, Huyện ủy quyết định tập trung lãnh đạo, mở chiến dịch diệt dốt, kêu gọi đoàn viên thanh niên xung phong tham gia mặt trận xóa mù chữ. Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, công tác xóa mù chữ đạt kết quả tốt. Từ ngày 19/5/1961, Phú Lương được Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc công nhận đã căn bản hoàn thành thanh toán nạn mù chữ trong toàn huyện. Công tác bổ túc văn hóa cũng có những bước tiến bộ nhanh chóng. Đến cuối năm 1961, các xã Hợp Thành, Tân Thành, Vô Tranh, Động Đạt, Phấn Mễ, Yên Ninh đều tổ chức được các lớp bổ túc văn hóa cấp I với 76 học viên theo học.

Trường bổ túc văn hóa tập trung của huyện được xây dựng từ năm 1959 tiếp tục duy trì mở lớp bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ chủ chốt ở xã và hợp tác xã. Trên 100 cán bộ từ trình độ lớp 1, lớp 2 đã được bồi dưỡng tốt nghiệp lớp 4, trên 100 cán bộ các cơ quan xung quanh huyện cũng đang theo học tại 6 lớp bổ túc văn hóa từ lớp 2 đến lớp 7.

Việc chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được các cấp ủy và chính quyền coi trọng. Đến năm 1962, huyện xây dựng 1 bệnh xá gồm 20 giường với 7 cán bộ (trong đó 2 y sĩ, 3 y tá, 1 dược tá và 1 hộ sinh). Với phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh được đẩy mạnh. Mọi người dân đều có ý thức uống nước đun

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

sôi, vệ sinh giếng nước, chuồng trại, thực hiện khẩu hiệu “sạch làng tốt lúa”. Tính đến năm 1962, ngành y tế huyện đã vận động nhân dân sửa chữa và làm mới 1.639 hố xí, 1.516 giếng nước, 1.171 chuồng gia súc¹. Năm 1965, huyện Phú Lương lấy 3 xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, Tân Thành làm thí điểm thực hiện các chương trình phổ biến về việc xây dựng ba công trình dứt điểm, làm chuồng trại xa nhà... Sau đó, đánh giá, tổ chức rút kinh nghiệm, phổ biến chung đến các xã khác trong huyện.

Năm 1964, toàn huyện có 8 trạm y tế xã đến năm 1965 là 13 trạm y tế (xây dựng được thêm 5 trạm ở các xã Phú Đô, Vô Tranh, Yên Lạc, Yên Đổ, Yên Ninh). Năm 1965, tổng số cán bộ y tế trong toàn huyện là có 104 người, hoạt động thường xuyên có 73 người. Huyện đã hoàn thành việc xây dựng Ban Y tế xã tại các xã đạt 100%, hằng ngày đều có lực lượng thường trực và sinh hoạt đều đặn. Toàn huyện có 51 túi thuốc với số vốn là 2.150 đồng, đạt 85% so với kế hoạch.

Cùng với việc thanh toán tận gốc bệnh sốt rét, từ những năm 1963 - 1964, Phòng Y tế tổ chức cho cán bộ đi xuống các xã tiêm phòng chủng đậu, ho gà, bại liệt... cho hàng ngàn người. Cán bộ trong 8 trạm xá xã hoạt động rất tích cực để phục vụ nhân dân. Trong nhân dân các dân tộc, tình trạng mê tín dị đoan, mời thầy cúng bái khi ốm đau đã giảm khá nhiều. Nhân dân ngày càng có ý thức dùng thuốc chữa bệnh.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình ở huyện miền núi, có 2 xã thuộc vùng xung yếu (Yên Trạch và Yên Ninh), Đảng bộ đặc biệt quan tâm công tác xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, bảo vệ trật tự trị an. Tính đến cuối năm 1961, lực lượng dân quân, tự vệ chiếm 8,3% tổng dân số toàn huyện. Cùng thời gian này, công tác huấn luyện cho lực lượng dân quân đạt tỷ lệ

¹ Báo cáo tháng 2/1963 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết năm 1962, tr.29.

42%. Việc thông tin truyền lệnh báo động từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên cũng được tổ chức thực hiện.

Trong phong trào thi đua “*Ba nhất*”¹, từ năm 1963, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Phú Lương đã phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện và trị an tác chiến do Tỉnh đội và Huyện ủy giao phó. Được sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, công tác củng cố tổ chức lực lượng dân quân, tự vệ được sàng lọc, loại bỏ những người không đủ tiêu chuẩn về chính trị, đồng thời kết nạp những thanh niên có đủ sức khỏe và có phẩm chất tốt. Các cán bộ Xã đội, trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ phần lớn là đảng viên, đoàn viên và quân nhân phục viên. Tất cả các xóm trong các xã đều có lực lượng dân quân; các cơ quan, xí nghiệp, nông trường... đều có tự vệ. Trong năm 1963, huyện cho thành lập một tiểu đoàn tự vệ ở Nông trường Lê Hồng Phong, Mỏ than Khánh Hòa và ở Xí nghiệp gạch ngói Tân Long. Cùng thời gian này, các trung đội tăng cường của huyện được củng cố về tổ chức và trang bị vũ khí, đồng thời giáo dục chính trị cho 2.498 dân quân, tự vệ. Hợp tác xã Môn Bình được chọn làm điểm chỉ đạo xây dựng “*Trung đội cờ đỏ*” để rút kinh nghiệm cho công tác xây dựng “*Trung đội cờ đỏ*” trong toàn huyện. Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy trong Đảng bộ, từ năm 1963 trở đi, phong trào dân quân, tự vệ của huyện Phú Lương vẫn giữ vững loại khá của tỉnh.

Từ cuối năm 1964, do bị thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ bắt đầu cho máy bay ném bom bắn phá miền Bắc. Tình hình chính trị, xã hội trên địa bàn Phú Lương có những biểu hiện phức tạp. Những hoạt động do thám của máy bay Mỹ cũng xuất hiện trên bầu trời Phú Lương. Trước tình hình đó, Huyện ủy tập trung lãnh đạo công tác quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an. Cùng với việc phát triển

¹ Ba nhất: Nhanh nhất, nhiều nhất, giỏi nhất.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

số lượng đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ (năm 1964 có 205 đảng viên và đến năm 1965 có 288 đảng viên tham gia), Huyện ủy coi trọng công tác giáo dục chính trị, làm cho nhận thức trong toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân có sự chuyển biến kịp với tình hình từ thời bình chuyển sang thời chiến. Ý thức cảnh giác sẵn sàng chiến đấu được đề cao. Một số vụ việc như trộm cắp, cờ bạc, đốt nhà... được kịp thời khám phá và giải quyết tốt. Một số phần tử tề nguỵ cho đi cải tạo tập trung.

Trong những năm 1960 - 1962, cùng với việc điều động cán bộ, Huyện ủy liên tục mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên. Riêng trong năm 1961, ngoài 172 cán bộ, đảng viên được cử đi học để nâng cao trình độ văn hóa và chính trị, Huyện ủy còn tổ chức đợt chỉnh huấn, tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong cán bộ, đảng viên và quần chúng và có trên 200 cán bộ cấp huyện và xã tham gia. Ở xã, số chi ủy viên tham gia chỉnh huấn đạt 93,4%; đảng viên đạt 80,7%; đoàn viên thanh niên đạt 52,1% và số cán bộ ngoài Đảng tham gia chỉnh huấn đạt 95,6%. Sang năm 1962, công tác xây dựng Đảng tiếp tục đạt nhiều kết quả, nhưng trong Đảng bộ cũng bộc lộ những nhược điểm về ý thức tư tưởng, về chấp hành chính sách nhất là chính sách hợp tác xã. Một số đảng viên trên cương vị lãnh đạo hợp tác xã, có tư tưởng tự tư tự lợi, tham ô, lãng phí. Một số đảng viên ngại công tác, chỉ lo củng cố gia đình..

Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, mở đầu bằng việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), tháng 2/1961, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc Chỉnh huấn mùa xuân 1961. Đây là đợt sinh hoạt chính trị không chỉ diễn ra sâu sắc trong toàn Đảng, mà còn được tiến hành rộng rãi trong toàn dân, nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có quan điểm đúng đắn: Mình vì mọi người và mọi người vì mình.

Chấp hành Chỉ thị của Bộ Chính trị và Tỉnh ủy Thái Nguyên, tháng 3/1961, Huyện ủy tổ chức cho toàn Đảng bộ và các đoàn thể quần chúng tham gia đợt Chỉnh huấn mùa xuân. Căn cứ vào tình hình cụ thể của huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy chủ trương tổ chức học tập ở chi bộ 10 ngày, sau đó từng đảng viên viết thu hoạch, kiểm điểm tính tiền phong gương mẫu của người đảng viên và xác định phương hướng phấn đấu. Trong nhân dân, dựa vào các đoàn thể, các hợp tác xã tổ chức học tập trong 6 buổi, mở rộng dân chủ để quần chúng tự do tư tưởng, liên hệ thiếu sót bản thân và phê bình lãnh đạo, đảng viên.

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức ở cơ sở, sau đợt Chỉnh huấn mùa xuân năm 1961, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo tổ chức mở các đợt Giáo dục mùa thu vào các năm 1962, 1963 và 1964. Tại hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng Đảng (từ ngày 26 đến 31/8/1963), Huyện ủy quyết nghị: Cứ 6 tháng, các chi bộ phải tổ chức cho đảng viên học lại Điều lệ Đảng 1 lần.

Đi đôi với công tác giáo dục, Huyện ủy Phú Lương tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thi đua “*Bốn tốt*” trong Đảng; củng cố các chi bộ yếu kém; thúc đẩy chi bộ trung bình vươn lên. Kết quả phân loại đảng viên ở một số tổ chức cơ sở đảng trong 2 năm 1962 - 1963 cho thấy rõ điều đó: Năm 1962 có 119 đồng chí đạt loại khá, 264 đồng chí xếp loại trung bình và 111 đồng chí xếp loại kém. Sang năm 1963, có 252 đồng chí xếp loại khá, 228 đồng chí xếp loại trung bình và 85 đồng chí xếp loại kém. Năm 1962, Đảng bộ có 716 đảng viên, Đảng bộ nông thôn kết nạp thêm 44 đồng chí và các chi bộ cơ quan kết nạp thêm 16 đảng viên¹.

Về tổ chức, năm 1962 chưa có chi bộ đạt tiêu chuẩn “*Bốn tốt*”; 4 chi, đảng bộ loại khá; 7 chi, đảng bộ loại trung bình; 17

¹ Theo Báo cáo ngày 6/10/1962 do đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn ký.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chi, đảng bộ yếu kém. Năm 1963, có 2 cơ sở đạt “*Bốn tốt*”; 17 cơ sở loại khá; 9 cơ sở loại trung bình và 3 cơ sở yếu kém (Chi bộ Yên Lạc, Phú Đô, Phủ Lý).

Từ ngày 15 đến ngày 18/4/1963, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ VIII được triệu tập với sự có mặt của 80 đại biểu (trong đó có 74 đại biểu chính thức và 6 đại biểu dự khuyết). Đại hội đã thảo luận và thông qua Đề án công tác của Đảng bộ trong 2 năm (1963 - 1965) nhằm lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 17 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy được bầu ra gồm 5 đồng chí. Đồng chí Trương Văn Thiết được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Các đồng chí Phan Văn Tĩnh và đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn làm Phó Bí thư Huyện ủy¹. Sau Đại hội, Huyện ủy đã cử 3 đồng chí xuống phụ trách các chi bộ cơ sở là Vô Tranh, Yên Lạc, Phú Đô.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII nhấn mạnh: Lấy giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa làm hàng đầu nhằm nâng cao ý thức tiên phong gương mẫu cho cán bộ và đảng viên, tăng cường phát triển Đảng, củng cố tổ chức chi bộ cho phù hợp với tình hình phát triển sản xuất và hợp tác hóa, đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng “*Chi bộ Bốn tốt*”².

Từ 26 đến 31/8/1963, Huyện ủy mở Hội nghị chuyên đề về xây dựng Đảng, tham dự có các cán bộ lão thành, cán bộ tiền khởi nghĩa, đại biểu Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Tổ chức Khu ủy, Tỉnh ủy cùng 150 đại biểu cơ sở gồm các ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, đại biểu các chi bộ nông thôn, chi bộ cơ

¹ Theo Nghị quyết số 77-NQ/TN ngày 7/5/1963 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương khóa mới.

² Chi bộ bốn tốt: công tác xây dựng Đảng tốt; sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác và học tập tốt; chấp hành đường lối, chính sách tốt; chăm lo đời sống quần chúng tốt.

quan, trường học, xí nghiệp, lãnh đạo các ngành, các giới... Hội nghị nghe đồng chí Bí thư Huyện ủy trình bày về lý tưởng cộng sản, ôn lại truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng bộ huyện Phú Lương. Trên cơ sở đó, Hội nghị thông qua phương hướng, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong thời gian 1963 - 1965. Hội nghị có tác dụng to lớn trong việc nâng cao lập trường, quan điểm, ý thức phấn đấu trong cán bộ và đảng viên. Nhờ đó, mọi mặt công tác được đẩy mạnh và thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Công tác xây dựng “Chi bộ Bốn tốt” cũng bắt đầu được triển khai”. Tuy nhiên, đây là công việc rất mới mẻ nên gặp nhiều lúng túng. Sang năm 1964, phong trào xây dựng “Chi bộ Bốn tốt” được đẩy mạnh hơn và dần đi vào nề nếp. Tuy nhiên, kế hoạch hướng dẫn vẫn thiếu cụ thể, thiếu kiểm tra đôn đốc; ở cấp cơ sở bị các công việc khác chi phối nên số chi bộ đăng ký bốn tốt cũng còn hạn chế, quyết tâm xây dựng “Chi bộ Bốn tốt” chưa cao.

Từ ngày 28 đến 29/10/1963, Huyện ủy đã họp Hội nghị bầu ra Ban Kiểm tra Huyện ủy do đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn làm Trưởng ban và các đồng chí Nguyễn Thứ, Nguyễn Sương làm Ủy viên.

Số đảng viên mới được kết nạp qua các năm đều tăng lên. Năm 1963, Đảng bộ phát triển thêm 63 đảng viên¹. Năm 1964, số đảng viên mới được kết nạp là 74 đảng viên và đến năm 1965 là 104 đảng viên, nâng tổng số đảng viên lên 897 đồng chí nhưng nếu so với chỉ tiêu tỉnh giao, mới đạt 69,3%; so với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX, mới đạt 41,6%.

Bình quân trong 6 năm (1960 - 1965), mỗi năm Đảng bộ huyện Phú Lương kết nạp 80 đảng viên mới. Một thành công

¹ Nếu cuối năm 1959, toàn Đảng bộ có 552 đảng viên đến cuối năm 1961, con số đó đã lên tới 720 (tăng 23,33%).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

trong công tác phát triển Đảng năm 1965 là đã giải quyết được nhiều “xóm trắng”, “hợp tác xã trắng” đảng viên; cả huyện chỉ còn 1 xóm chưa có đảng viên (An Thắng thuộc xã Yên Đổ). Những đảng viên mới là những quần chúng ưu tú đã được rèn luyện thử thách trong các hoạt động thực tiễn sản xuất và công tác, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt. Việc đẩy mạnh công tác phát triển Đảng không những làm cho đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ tăng, mà còn thu hút được nhiều quần chúng ưu tú, tiên tiến trong quần chúng vào Đảng; do đó sức chiến đấu của tổ chức đảng được nâng lên. Song, qua thực tế cho thấy, có lúc sự chỉ đạo của cấp trên, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khá nhấn mạnh chỉ tiêu phát triển Đảng.

Tháng 4/1965, Huyện ủy tập trung lãnh đạo tổ chức học tập Nghị quyết 11 (tháng 3/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) về chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế miền Bắc cho phù hợp với thời chiến. Đợt học tập đã thu hút 87,5% đảng viên nông thôn, 100% đảng viên cơ quan trong Đảng bộ tham gia. Thông qua học tập, mỗi cán bộ, đảng viên nhận rõ tình hình, nhiệm vụ mới; tự liên hệ tự kiểm điểm, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

Sau đợt học tập, tư tưởng đảng viên có nhiều chuyển biến; phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được đẩy mạnh; các đoàn thể thanh niên, phụ nữ được củng cố; lực lượng dân quân, tự vệ được chấn chỉnh... Bên cạnh đó, nhiều mặt yếu kém vẫn tồn tại: Một số đảng viên không nhận nhiệm vụ chi bộ phân công; trong Đảng bộ còn 40% đảng viên không vào hợp tác xã; nhận thức của cán bộ, đảng viên về xây dựng chủ nghĩa xã hội, kháng chiến chống Mỹ cứu nước chưa thấu đáo, chưa sâu sắc. Từ tháng 4/1960 - 2/1965, với 4 kỳ đại hội, ở Phú Lương trải qua 4 lần được củng cố, kiện toàn. Song, lãnh đạo của các cấp ủy chưa toàn diện, chưa sâu sát, thiếu kiểm tra, đôn đốc;

cấp dưới ỷ lại cấp trên; việc thực hiện chế độ thỉnh thị, báo cáo không nghiêm túc; nội bộ cấp ủy, nhất là cấp xã nhiều nơi còn biểu hiện mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của chi bộ... Cũng do đó, hoạt động của chính quyền, đoàn thể quần chúng có nhiều mặt yếu.

Trong những năm 1954 - 1965, Đảng bộ huyện Phú Lương đã thực sự quan tâm xây dựng Đảng cả trên 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đặc biệt, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thường xuyên tập trung lực lượng, trí tuệ để chăm lo công tác xây dựng Đảng, củng cố cơ sở đảng yếu kém. Đảng viên trong Đảng bộ tham gia sinh hoạt, học tập, chỉnh huấn mỗi năm từ 1 đến 2 đợt; có đợt kéo dài trên 10 ngày với tỷ lệ khá cao, từ 87,5% đến 100% tổng số đảng viên.

Tuy vậy, Đảng bộ huyện Phú Lương vẫn không phải là Đảng bộ khá của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Chất lượng các mặt giáo dục, củng cố tổ chức và phát triển Đảng còn thấp, chưa đạt yêu cầu nâng cao tính tiên phong gương mẫu và vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở như các nghị quyết của Trung ương đã nhiều lần nhấn mạnh. Đảng bộ chưa tạo được phong trào thi đua trong Đảng cũng như ở các tổ chức quần chúng; chưa xây dựng được điển hình. Các phong trào thi đua, xây dựng điển hình tiên tiến tuy được phát động nhưng chỉ sôi nổi thời gian đầu, rồi lắng dần...

Tháng 2/1965, đế quốc Mỹ đưa hàng chục vạn quân viễn chinh Mỹ và 2.000 quân Nam Triều Tiên vào miền Nam; đến giữa năm 1965, quân các nước đồng minh của Mỹ kéo vào miền Nam. Đồng thời, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Cả nước ta bước vào thời kỳ có chiến tranh. Chống Mỹ cứu nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng nhất của dân tộc.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Chấp hành Chỉ thị của Tỉnh ủy Thái Nguyên¹, Huyện ủy Phú Lương đã triển khai đợt Chỉnh huấn mùa xuân, tổ chức học tập Nghị quyết 11 (tháng 3/1965) và 12 (tháng 12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Qua học tập, chỉnh huấn, sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của các chi bộ, đảng bộ cơ sở được nâng cao một bước. Các cấp ủy đảng biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể ở mỗi cơ sở, lãnh đạo tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng và các hợp tác xã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị do Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX đề ra.

Huyện ủy xác định nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của Đảng bộ lúc này là động viên, tổ chức, lãnh đạo nhân dân các dân tộc giữ vững quan hệ sản xuất, sẵn sàng chiến đấu với khẩu hiệu “*Tay cày, tay súng*”; bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam, đánh thắng giặc Mỹ và bè lũ tay sai.

Việc nâng cao vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tùy thuộc một phần rất quan trọng vào chất lượng đảng viên. Ngoài việc thấu suốt đường lối, Nghị quyết của Đảng, đặt lợi ích của dân tộc, của đất nước trên lợi ích cá nhân, đảng viên phải luôn luôn gương mẫu, đi đầu trong sản xuất, chiến đấu, không sợ gian khổ, hy sinh, không lùi bước trước khó khăn...

Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung làm tốt công tác giáo dục chính trị cho đảng viên. Số đảng viên tham gia học tập Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Chỉnh huấn mùa thu đạt tỷ lệ khá cao: 87,5% đảng viên nông thôn; 92% đảng viên khối cơ quan. Các xã Cổ Lũng, Yên Ninh, Phú Lý đạt 97,3%; thấp nhất là Động Đạt (74%), Yên Lạc (77%).

¹ Từ ngày 1/7/1965 là Tỉnh ủy Bắc Thái.

Sau đợt chỉnh huấn, sức chiến đấu, vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng được nâng cao; phong trào cách mạng trong huyện chuyển biến thật sự; đa số đảng viên là đầu tàu lôi kéo phong trào. Trước đợt chỉnh huấn, xã Phú Đô có 2 hợp tác xã; sau chỉnh huấn đã đưa 94% số hộ nông dân vào hợp tác xã; xã Tức Tranh từ 60% số hộ vào hợp tác xã, đã tăng lên 98%. Xã Động Đạt có 16 đảng viên, xã Yên Lạc có 10 đảng viên làm đơn xin vào hợp tác xã. Sản xuất lương thực, hoa màu và chăn nuôi đều phát triển. Công tác ba thu đạt 105% kế hoạch. Các đoàn thể quần chúng hoạt động khá, gây dựng được phong trào. Đoàn Thanh niên huyện nhận hơn 3.000 đơn của đoàn viên và thanh niên tình nguyện "*Ba sẵn sàng*"; hơn 4.000 phụ nữ đăng ký "*Ba đảm đang*" (đạt 95% lực lượng phụ nữ trong huyện). Các đơn vị dân quân hoàn thành kế hoạch huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và là đơn vị khá của tỉnh, được Quân khu Việt Bắc khen thưởng (trong khi năm 1964 còn xếp loại kém)...

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên một bước. Năm 1964, trong số 68 chi, đảng bộ (trong đó có 43 chi bộ dưới đảng ủy cơ sở), số chi bộ "*Bốn tốt*" chiếm 17,6%; khá 41,3%; trung bình 29,4% và kém 11,7%.

Từ khi miền Bắc chuyển thời bình sang thời chiến, việc nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên ngang tầm với nhiệm vụ mới có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đảng bộ huyện Phú Lương đã thành công trong công tác xây dựng, củng cố cơ sở đảng cả về 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; chuyển nhanh toàn bộ hoạt động của Đảng bộ từ lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa thời bình sang thời chiến, tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất.

Từ kết quả của công tác xây dựng Đảng trong những năm

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đầu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân của đế quốc Mỹ, Đảng bộ huyện Phú Lương rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm. Bài học bao trùm là tạo được sự chuyển biến nhận thức để đi tới thống nhất hành động trong tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy; là quyết tâm cao trong chỉ đạo gắn liền với tính kế hoạch, có trọng điểm, có bước đi cụ thể. Việc chọn Đảng bộ xã Túc Tranh làm điểm chỉ đạo trước khi triển khai đợt chỉnh huấn trong toàn Đảng bộ, cũng như việc cử những cán bộ huyện ủy viên có năng lực và kinh nghiệm trực tiếp xuống chỉ đạo các cơ sở yếu, kém... là cách làm đúng đắn của Đảng bộ, mang lại hiệu quả rõ.

Bộ máy chính quyền các cấp từ huyện xuống xã từng bước được củng cố và kiện toàn. Thông qua các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, nhất là cuộc bầu cử năm 1963, đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp chính quyền được nâng cao về trình độ nhận thức, về tinh thần trách nhiệm đối với công việc. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính các cấp đi dần vào nề nếp. Tuy vậy, chế độ làm việc của Ủy ban Hành chính các xã còn tùy tiện. Tại một số xã, ngày thường trực của Ủy ban chỉ có 2 tiếng đồng hồ vào buổi trưa hoặc từ 14 giờ đến 17 giờ. Cũng có nơi chỉ bố trí một số ngày thường trực để giải quyết các công việc trong tuần.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng cũng được củng cố và ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong việc vận động các tầng lớp nhân dân tham gia mọi mặt hoạt động ở địa phương. Đoàn Thanh niên trong những năm 1961 - 1965 trưởng thành rất nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Trong năm 1961, Đoàn phát triển được 156 đoàn viên mới. Sang năm 1963, có thêm 208 đoàn viên được kết nạp vào tổ chức đoàn. Là một lực lượng hậu bị của Đảng, Đoàn Thanh niên huyện đã phát huy được vai trò xung kích trong mọi công tác, nhất là trong phong

trào làm phân, làm thủy lợi, cũng như phong trào thi đua cải tiến nông cụ, phong trào diệt dốt... Trong năm 1963, Đoàn Thanh niên làm được 1.830 tấn phân. Chi Đoàn Thanh niên Đông Đức (xã Động Đạt) xây được 1 lò vôi 12 tấn. Thanh niên xã Yên Trạch, Yên Đổ cũng làm được 4 lò vôi nhỏ, 121 cây cải tiến, 47 loóng kéo, 194 cào, bừa cỏ Nghệ An. Thanh niên xã Tứ Tranh làm được 124 bừa cỏ cải tiến, trồng 19.662 cây các loại... Trong các phong trào đó, nhiều điển hình tiên tiến trong thanh niên xuất hiện, có tác dụng tốt trong các giới, các ngành điển hình là anh Triệu Phú An (xã Yên Ninh) trồng được 535 cây các loại.

Hội Phụ nữ có vai trò rất to lớn trong việc động viên và tổ chức chị em tích cực đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Trong các phong trào làm phân bón ruộng, áp dụng các biện pháp kỹ thuật, chăn nuôi..., phụ nữ là một trong những lực lượng tham gia đông đảo và hăng hái nhất. Trên các mặt hoạt động văn hóa, xã hội, chị em phụ nữ cũng đều tham gia tích cực và phát huy nhiều tác dụng tốt. Nhiều nữ kiện tướng xuất hiện trên các mặt trận kinh tế: kiện tướng làm phân, kiện tướng chăn nuôi, kiện tướng làm thủy lợi... Có chị làm được 6.000 tấn phân các loại, có hội viên phụ nữ ở xã Động Đạt nuôi được 8 con lợn trong một năm và bán cho Nhà nước trên 400kg thịt.

Tuy nhiên công tác phụ nữ trong những năm này còn nhiều hạn chế. Tư tưởng coi thường phụ nữ còn tương đối phổ biến trong cán bộ và đảng viên. Ngược lại, trong chị em phụ nữ vẫn chưa khắc phục được tâm lý tự ti. Do vậy, tỷ lệ phụ nữ trong Đảng bộ và trong các cấp lãnh đạo còn rất thấp. Từ sau khi học tập Chỉ thị 99 của Trung ương Đảng về công tác phụ nữ, tư tưởng coi thường phụ nữ mới được khắc phục bước đầu. Nhận thức về vai trò, trách nhiệm của chị em phụ nữ đối với mọi mặt

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đời sống xã hội được nâng lên, cũng từ đó chị em phụ nữ huyện Phú Lương mới bắt đầu được giao phó một số cương vị lãnh đạo ở cơ sở sản xuất. Tính đến năm 1965, toàn huyện có 2 phụ nữ làm chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, 75 phụ nữ trong Ban Quản trị, 45 phụ nữ làm Đội trưởng, Đội phó sản xuất..

Tóm lại, trải qua hơn 10 năm kể từ sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã hoàn thành nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa; thực hiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, các cấp Đảng bộ và chính quyền đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Qua hơn 10 năm thực hiện những nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, bộ mặt kinh tế - xã hội của huyện Phú Lương có nhiều chuyển biến sâu sắc. Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương được nâng lên rõ rệt. Sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ngày càng được phát huy. Bên cạnh đó, sự lãnh đạo của Đảng bộ trên một số mặt công tác vẫn còn nhiều hạn chế, nổi lên là phong trào hợp tác hóa nông nghiệp chưa được củng cố vững chắc.

Phát huy thành tích, ưu điểm, đồng thời khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém, Đảng bộ huyện Phú Lương tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện bước vào thời kỳ mới - thời kỳ vừa sản xuất, vừa trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra.

IV. Giữ vững và phát triển kinh tế - xã hội, trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Từ cuối năm 1964, đầu năm 1965, tại chiến trường miền

Nam, quân và dân ta liên tiếp giành được nhiều thắng lợi, đỉnh cao là chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa). Chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ - Ngụy về cơ bản bị thất bại. Thấy rõ nguy cơ sụp đổ của ngụy quân, ngụy quyền và sự thất bại hoàn toàn của “*chiến tranh đặc biệt*”, đế quốc Mỹ quyết định tiến hành “*chiến tranh cục bộ*” ở miền Nam. Cùng với việc đưa quân đội viễn chinh vào miền Nam trực tiếp tham chiến, từ đầu tháng 2/1965, đế quốc Mỹ chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta bằng không quân và hải quân với quy mô ngày càng lớn, mức độ ngày càng ác liệt.

Phú Lương là một huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên - một tỉnh có khu công nghiệp gang thép, là con chim đầu đàn của ngành luyện kim nước ta lúc bấy giờ; có nhiều công trình kinh tế, quốc phòng quan trọng của Trung ương; đồng thời là trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự và văn hóa - xã hội của Khu Tự trị Việt Bắc. Phú Lương có mỏ than Phấn Mễ (nguồn nguyên liệu chủ yếu cung cấp cho Khu gang thép Thái Nguyên), có Quốc lộ 3¹ chạy dọc từ phía nam lên phía bắc huyện. Từ năm 1965, để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, các cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh, các đơn vị của Bệnh viện A, Bệnh viện Khu Tự trị Việt Bắc, Nhà máy điện Cao Ngạn, các trường Trung cấp Thương nghiệp, Trung cấp Nông - Lâm, Bổ túc Công - Nông của Khu Tự trị Việt Bắc, Đội Bảo vệ công trường 31... đã sơ tán về huyện Phú Lương².

Nhận rõ vị trí chiến lược của huyện Phú Lương, năm 1964, đế quốc Mỹ đã 25 lần huy động tốp máy bay vào hoạt động trinh sát trên vùng trời của huyện. Đặc biệt từ đầu năm 1965,

¹ Quốc lộ 3 nối Thủ đô Hà Nội, thành phố Thái Nguyên với các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng lên vùng biên giới Việt - Trung.

² *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.171.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hoạt động trinh sát của máy bay Mỹ trên vùng trời huyện Phú Lương ngày càng tăng.

Để chủ động đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, quán triệt Chỉ thị ngày 30/7/1964 của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ IX (họp từ ngày 9 đến 13/2/1965 với sự tham dự của 80 đại biểu chính thức và 8 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 897 đảng viên trong toàn Đảng bộ) đã ra Nghị quyết chỉ rõ nội dung, phương hướng và nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ năm 1965 và các năm tiếp theo là *“Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc. Lấy phương châm thâm canh tăng năng suất, tăng vụ cho lúa là chủ yếu. Bên cạnh sản xuất lương thực cần phải coi trọng sản xuất cây hoa màu và các loại cây công nghiệp. Riêng về lúa lấy tăng diện tích là chính. Năm 1965, diện tích cấy lúa phải đảm bảo 14.022 mẫu, trồng cây hoa màu là 4.960 mẫu, trồng cây công nghiệp là 1.223 mẫu. Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc phải đạt 16.194 tấn, đảm bảo bình quân lương thực đầu người 566kg/năm. Chăn nuôi đàn trâu, bò phải đạt 10.772 con (tăng 14,4% so với năm 1964), đàn lợn phải đạt 17.735 con (tăng 6,03% so với năm 1964)”*.

Đối với nhiệm vụ quân sự và đảm bảo trật tự trị an, Nghị quyết nhấn mạnh *“Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với việc xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng hậu bị ở địa phương vững mạnh. Kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ huy dân quân, tự vệ các cấp thật sự là những người trung thành với Đảng, với cách mạng, với nhân dân. Cán bộ, đảng viên ở tuổi nghỉ vụ phải tham gia lực lượng dân quân, tự vệ; đảng viên phải chiếm đa số trong các cấp lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương. Phải chấn chỉnh và củng cố bộ máy công an các xã, phát động quần chúng nhân dân cùng*

làm tốt công tác bảo vệ trật tự, trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích; trấn áp kịp thời các phần tử phản động và các phần tử tham ô”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX gồm 17 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ngày 14/2/1965, Ban Chấp hành đã bầu ra Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Trương Văn Thiết được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Phan Văn Tĩnh được bầu giữ chức Phó Bí thư¹.

Sau Đại hội khóa IX, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 3/3/1965 về việc thành lập Ban Đảng - Đoàn - Mặt trận gồm 6 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn phụ trách.

Năm 1965, phong trào hợp tác xã được duy trì và củng cố, nhất là đối với các hợp tác xã trước đây hoạt động yếu, không thu hút được đông đảo người dân tham gia thì nay đã có những chuyển biến tích cực. Đảng bộ xã Sơn Cẩm lãnh đạo xây dựng được 1 hợp tác xã hợp nhất, trong Đảng bộ có thêm 7 đảng viên viết đơn xin vào hợp tác xã. Chi bộ xã Yên Lạc lãnh đạo xây dựng thêm được 3 hợp tác xã mới và có thêm 10 đảng viên xin vào hợp tác xã. Chi bộ xã Tức Tranh lãnh đạo thành lập thêm 2 hợp tác xã mới, củng cố được 8 hợp tác xã cũ. Đến cuối năm 1965, toàn huyện có 71,1% số hộ đã vào hợp tác xã nông nghiệp, tăng 17,1% so với năm 1964, đạt 81,1% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần IX đề ra. Tuy nhiên, các xã Động Đạt, Yên Ninh, Yên Lạc vẫn còn nhiều xóm chưa có hợp tác xã. Một số hợp tác xã ở Yên Đỗ, Vô Tranh đã được xây dựng và củng cố nhưng chưa thật vững chắc.

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, trong phương hướng xây dựng và phát triển kinh tế, Huyện ủy tập trung lãnh

¹ Theo Nghị quyết số 78-NQ/TU ngày 20/3/1965 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương khóa mới.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đạo sản xuất nông, lâm nghiệp. Trong nông nghiệp, vụ lúa chiêm xuân 1965, toàn huyện gieo, cấy vượt 14,6% kế hoạch, tăng 14% so với năm 1964; năng suất thu hoạch bình quân đạt 602kg/mẫu, vượt 1,4% kế hoạch và tăng 3% so với năm 1964. Tổng sản lượng lúa tăng 11,8% kế hoạch, vượt 17% so với năm 1964. Nhờ năng suất và tổng sản lượng lúa chiêm xuân đều tăng nên việc thực hiện các chính sách thuế, khuyến khích thu mua lương thực, thực phẩm vụ hè năm 1965 của huyện đều đạt kết quả tốt trong đó việc thực hiện nghĩa vụ thuế nông nghiệp, huyện đã hoàn thành trước kế hoạch 45 ngày, vượt chỉ tiêu 7,5%; nghĩa vụ thực phẩm thực hiện trong 9 tháng đầu năm đã đạt chỉ tiêu của cả năm 1965.

Vụ mùa 1965, Đảng bộ có nhiều cố gắng lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc dùng phân hóa học, dùng vôi và làm phân xanh bón ruộng để thâm canh tăng năng suất lúa. Tuy nhiên, do bị hạn hán và sâu bệnh phá hoại quá nặng nên năng suất lúa toàn huyện chỉ đạt bình quân 681kg/mẫu (thiếu 129kg/mẫu so với kế hoạch); tổng sản lượng lúa hạt 335 tấn so với năm 1964. Kết quả gieo trồng rau và các loại cây hoa màu đều không đạt chỉ tiêu. Diện tích trồng cây công nghiệp tuy tăng 13% so với năm 1964 nhưng so với kế hoạch chỉ đạt 60%.

Bước sang năm 1966, ngay từ đầu năm, Huyện ủy ra Nghị quyết *“Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của đời sống, bồi dưỡng sức dân để sản xuất và chiến đấu lâu dài. Ra sức động viên mọi lực lượng, phát huy mọi khả năng, đảm bảo mọi yêu cầu chiến tranh để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*. Thực hiện nghị quyết của Huyện ủy, Ngân hàng huyện đã cho hợp tác xã vay tiền để mua phân bón và sức kéo; Ủy ban Hành chính huyện chỉ đạo Hợp tác xã Hồng Lê (xã Động Đạt) thực hiện thí điểm thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu để chỉ đạo nhân rộng ra 10

hợp tác xã ở 7 xã trong huyện. Vụ chiêm xuân năm 1966, toàn huyện cấy được 13.986,8 mẫu lúa (tăng 2,1% so với vụ chiêm năm 1965 và tăng 0,7% so với kế hoạch); trồng màu được 3.843 mẫu (tăng 21,7% so với năm 1965); trồng cây công nghiệp được 848 mẫu (tăng 14,8% so với năm 1965). Tuy diện tích lúa, màu và cây công nghiệp đều tăng so với vụ chiêm xuân năm 1965, nhưng do thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm kéo dài; hạn hán và sâu bệnh nặng, nên so với năm 1965, năng suất lúa chiêm xuân giảm 30,5%; tổng sản lượng lúa và hoa màu quy ra thóc hụt 676,5 tấn so với kế hoạch.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, Huyện ủy chủ trương *“Tập trung lực lượng để phấn đấu đưa năng suất lúa mùa năm 1966 phải đạt được từ 42 tạ đến 50 tạ một héc-ta; đi đôi với phát triển lương thực phải đẩy mạnh sản xuất hoa màu, cây công nghiệp và chăn nuôi để nâng cao đời sống nhân dân và dành phần cung cấp cho Nhà nước có đủ khả năng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*¹.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, Phòng Nông nghiệp huyện hướng dẫn các xã đưa các giống lúa mới (Mộc tuyền, Khê nam lùn, Chiêm ba lá) vào cấy thí điểm trên diện tích 36,8 mẫu; các hợp tác xã xây dựng được 36 đội thủy lợi, huy động 195.632 ngày công; đào, đắp 152.537m³ đất, đá; làm được 106 hồ, ao, 167 mương, máng, 66 phai, đập... đảm bảo đủ nước tưới cho 4.717 mẫu lúa. Thanh niên xã Yên Ninh và Hợp tác xã Cây Châm (xã Động Đạt) xung kích áp dụng các biện pháp kỹ thuật (ngâm thóc giống 3 sôi 2 lạnh), nhận thí điểm gieo cấy và chăm sóc giống lúa mới, thu hoạch đạt năng suất 1.300kg/mẫu. Đặc biệt, hợp tác xã Tràng Học (xã Phấn Mễ) đạt năng suất 1.840kg/mẫu trên ruộng thí điểm.

Vụ mùa năm 1966, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt

¹ Báo cáo sơ kết vụ mùa năm 1966 của huyện Phú Lương, tr.1.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

693kg/mẫu; tổng sản lượng lúa, màu, cây công nghiệp tăng 1,7% so với năm 1965. Tổng sản lượng lúa cả năm 1966 đạt 87,7% kế hoạch. So với năm 1965, tổng sản lượng lúa giảm 22%; tổng sản lượng màu tăng 67%. Riêng các điểm gieo trồng thí điểm lúa mới cho thu hoạch 1.300kg/mẫu. Đặc biệt, hợp tác xã Tràng Học (xã Phấn Mễ) đạt năng suất 1.840kg/mẫu.

Sản xuất lương thực, thực phẩm ổn định và có mặt phát triển nên năm 1966, Phú Lương đã đóng góp cho Nhà nước 2.107.334kg lương thực (quy ra thóc); 109.175kg lợn hơi (vượt 9% so với kế hoạch); 165 con trâu (vượt 25% so với kế hoạch); 1.133kg gà, vịt; 38.675kg đường phen. Ngoài ra, nhân dân Phú Lương còn bán cho Nhà nước vượt chỉ tiêu 3,6% chè búp, 9,7% thuốc lá.

Bước vào năm 1967, để giải quyết những khó khăn chồng chất do thiên tai, địch họa gây ra, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện cử 50 cán bộ các ban, ngành trực tiếp xuống các xã, hợp tác xã lãnh đạo, chỉ đạo, vận động nhân dân làm thủy lợi, chống hạn cứu lúa và hoa màu. Riêng vụ đông xuân năm 1967, toàn huyện cấy được 3.600 mẫu lúa chiêm (đạt 95% kế hoạch). Tuy về diện tích hụt so với kế hoạch nhưng do được chăm sóc đầy đủ, nên năng suất lúa chiêm toàn huyện đạt bình quân 1.616kg/ha¹.

Xác định thủy lợi là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có tính quyết định đối với sản xuất nông nghiệp của địa phương, công tác thủy lợi được Đảng bộ đặc biệt coi trọng. Trong năm 1965, huyện huy động nhân dân đóng góp 282.740 ngày công làm thủy lợi, hoàn thành 97% việc đào, đắp công trình thủy lợi Khe Dạt (xã Vô Tranh), đảm bảo nước tưới cho 700 mẫu lúa chiêm; đào, đắp hoàn chỉnh 1 hồ rộng 7 mẫu ở xã Phấn Mễ;

¹ Báo cáo ngày 22/7/1967 của Huyện ủy Phú Lương về sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 1967, tr.2.

xây dựng và sửa chữa 23 ao, hồ nhỏ; trang bị cho các hợp tác xã 4 máy bơm; sửa chữa và làm mới hàng trăm đoạn kênh, mương dẫn nước. Hợp tác xã Đồng Chùa (xã Túc Tranh) tích cực, chủ động đắp đập, be bờ giữ nước, đưa diện tích cấy lúa từ 10 mẫu (năm 1964) lên 55 mẫu (năm 1965). Các xã vùng Tứ Yên, Tam Hợp đã chú ý tới việc đắp ao, hồ dự trữ nước chống hạn. Đến năm 1967, nhân dân đã hoàn thành thi công 18 công trình như: Đập Khau Ca xã Ôn Lương, đập Đồng Ven xã Phủ Lý, hồ Bẩy Mẫu, hồ Bình Đa, hồ Góc Hợp, hồ Mui Kên, Hồ Bai chạy qua xã Phấn Mễ. Bên cạnh đó, nhân dân còn xây dựng thêm 80 công trình loại nhỏ như mương, phai, đập với tổng khối lượng đào đắp là 438.682m³ (tăng gấp 10,5 lần so với năm 1966). Trong phong trào làm thủy lợi, xuất hiện nhiều hợp tác xã đạt khá như: Hợp tác xã Đồng Đình xã Phủ Lý, bình quân 1 lao động làm thủy lợi là 53 công. Hợp tác xã Phú Thịnh (xã Ôn Lương) 1 lao động làm 29 ngày công, hợp tác xã Phấn Mễ (xã Phấn Mễ) 65 ngày công. Xã Phấn Mễ là xã có thành tích về thủy lợi và chống hạn khá nhất huyện Phú Lương.

Nhằm nâng cao năng suất và sản lượng lương thực, Đảng bộ chỉ đạo khuyến khích nhân dân trong huyện làm phân và tăng lượng phân bón cho đồng ruộng. Nhiều xã, hợp tác xã đã tận dụng các nguồn phân bón như phân chuồng và phân xanh, có nơi còn bón thêm vôi để khử chua. Năm 1967, lượng phân bón cho lúa là 6 tấn/ha, tăng gần 1 tấn so với năm 1966. Tuy vậy, chất lượng phân bón còn kém, bón phân không đúng lúc. Một số hợp tác xã chưa chú trọng đến việc xây dựng chuồng trâu, chuồng lợn hợp quy cách, chưa có hố ủ phân, nhà chế biến phân¹.

Vụ chiêm xuân năm 1967, do thời tiết khắc nghiệt, hạn hán

¹ Báo cáo ngày 23/2/1968 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1967.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

kéo dài, sương muối nặng làm chết khá nhiều diện tích lúa và khoai lang ở các xã Yên Hân, Yên Cư, Bình Văn. Để giải quyết tình trạng trên, một số hợp tác xã mạnh dạn đưa vào sản xuất các giống như Chiêm trắng, Mộc tuyền, Khê nam lùn... cho năng suất cao hơn rõ rệt so với các giống lúa cũ đã thoái hóa. Năng suất bình quân đạt 24,3 đến 43,2 tạ/ha. Tuy nhiên, giống mới chưa được phổ biến, mới chỉ đạt 6% (chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 20%). Ngoài ra, phong trào cải tiến nông cụ đã được phát triển ở một số xã như Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Cổ Lũng... Tính đến năm 1967, xe trâu bánh lốp có 6 cái, xe bánh sắt có 60 cái, xe cải tiến có 250 cái. Cày 51 đã được người dân sử dụng phổ biến, bừa sắt cũng đã được một số xã chú ý đầu tư, đưa vào đồng ruộng. Tuy vậy, việc sử dụng giống mới trên đồng ruộng chưa trở thành phong trào rộng rãi, mới chỉ đạt 6% (chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 20%)¹.

Ngoài lúa, nhân dân các dân tộc trong huyện đã chú ý chăm sóc, phát triển diện tích cây hoa màu để bổ sung nguồn thực phẩm. Các xã vùng Tam Hợp, Tứ Yên những năm trước không trồng, hoặc trồng ít khoai lang, vụ xuân năm 1967 trồng nhiều năng suất khá. Năng suất ngô toàn huyện đạt bình quân từ 800kg đến 900kg/ha. Nhân dân ở các xã Cổ Lũng, Giang Tiên và Hợp tác xã Thành Công còn trồng được nhiều rau xanh, cung cấp cho thị trường.

Năm 1967, diện tích ngô trồng được là 608,2ha (đạt 75,3% so với kế hoạch), năng suất bình quân là 1.215kg/ha (đạt 117,5% so với kế hoạch). Diện tích khoai lang là 602,6ha (đạt 104,3% so với kế hoạch), được trồng nhiều nhất là ở các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Động Đạt và vùng Tam Hợp. Đối với cây công nghiệp, cây lạc toàn huyện trồng được 218,7ha (đạt 149%

¹ Báo cáo ngày 23/2/1968 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1967.

so với kế hoạch), đỗ tương trồng 53,7ha (đạt 41,5% so với kế hoạch), năng suất đạt 1.054kg/ha, cây mía trồng 145ha (đạt 61% so với kế hoạch), cây thuốc lá có diện tích là 17,1ha (đạt 106% so với kế hoạch)¹.

Trong chăn nuôi, đàn gia súc, gia cầm phát triển khá nhưng so với kế hoạch chỉ đạt 94%, đàn lợn đạt 93%. Các xã Vô Tranh, Túc Tranh, Yên Lạc, Phú Đô đã chú ý chăn nuôi lợn nái sinh sản. Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, Hợp tác xã Sao Vàng (xã Phấn Mễ) thí điểm tổ chức chăn nuôi lợn tập thể nhưng kết quả còn hạn chế. Từ năm 1966, Huyện ủy lãnh đạo phát triển 4 cơ sở chăn nuôi tập thể (dê ở Phủ Lý, trâu ở Yên Lạc, lợn ở Yên Trạch và Phấn Mễ). Dù chưa có kinh nghiệm chăn nuôi tập trung nhưng kết quả chăn nuôi năm 1966 vẫn đạt khá hơn năm trước. So với năm 1965, đàn trâu, bò tăng 2,5%, đàn lợn nái tăng 1%. Đến năm 1967, huyện còn có 4 hợp tác xã tổ chức chăn nuôi lợn tập thể là Hợp tác xã Động Lực (Yên Trạch), Hợp tác xã Tân Phong (Nông Hạ), Hợp tác xã Liên Hoàn (Nông Thịnh), Hợp tác xã Giang Tiên (Cổ Lũng). Ngoài ra, nhân dân trong huyện còn tận dụng 179ha diện tích mặt nước trong đó hợp tác xã quản lý 74ha để nuôi thả cá.

Tuy vậy, do chăn nuôi lợn trên địa bàn vẫn chủ yếu tập trung ở các hộ gia đình trong đó có tới 60% số hộ gia đình nuôi lợn thả rông, không có chuồng, trại nên năng suất thấp. Về trâu, bò, đến tháng 10/1967, toàn huyện Phú Lương có 12.859 con trâu trong đó trâu cày kéo là 8.211 con, trâu cái có 6.117 con, so với kế hoạch đạt 89%. Số lượng đàn trâu bị giảm sút do khâu chăm sóc chưa được chú ý, nhiều con bị chết đói, chết rét. Mùa rét năm 1966 - 1967, huyện Phú Lương có hơn 300 con trâu bị chết rét. Trâu chết, lợn chết, chăn nuôi kém phát

¹ Báo cáo ngày 23/2/1968 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1967.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

triển dẫn đến thiếu sức kéo, thiếu phân bón gây ảnh hưởng đến trồng trọt.

Trong phong trào hợp tác xã nông nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo kết nạp thêm nhiều hộ dân tham gia vào hợp tác xã, tiến hành hợp nhất hợp tác xã từ quy mô nhỏ lên quy mô vừa, đưa từ bậc thấp lên bậc cao để tạo điều kiện tiến hành cải tiến quản lý, quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật. Năm 1967, địa phương đã tổ chức thêm được 1 hợp tác xã, xóa được thêm 1 “xóm trắng”, kết nạp 768 hộ, nâng tổng số xã viên vào hợp tác xã là gần 6.000 hộ, đưa tỷ lệ hộ dân tham gia hợp tác xã từ 78% (năm 1966) lên 91,26%. Toàn huyện có 104 hợp tác xã trong đó có 48 hợp tác xã bậc cao gồm có 4.064 hộ, bậc thấp có 56 hợp tác xã gồm 1.933 hộ. Quy mô bình quân là 57 hộ vào 1 hợp tác xã. Huyện có 3 hợp tác xã có quy mô lớn từ 200 hộ trở lên là hợp tác xã Hồng Lê (xã Động Đạt), hợp tác xã Phú Thành (xã Phấn Mễ), hợp tác xã Thành Đồng (xã Động Đạt). Ngoài ra, trên địa bàn còn có 1 hợp tác xã khai hoang độc lập gồm có 131 hộ, 1 hợp tác xã vùng cao có 286 hộ. Kết quả đánh giá về hoạt động của các hợp tác xã, huyện Phú Lương có 5 hợp tác xã tiên tiến, 24 hợp tác xã đạt khá, 65 hợp tác xã đạt trung bình, 10 hợp tác xã kém. Phong trào hợp tác xã trên địa bàn huyện còn tồn tại một số vấn đề. Việc cải tiến quản lý hợp tác xã còn chậm, cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã còn nghèo nàn, số hợp tác xã có nhà kho, sân phơi, chuồng trâu kiên cố còn ít, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ hợp tác xã còn hạn chế¹.

Đảng bộ huyện chỉ đạo phát triển trồng và bảo vệ diện tích rừng, đẩy mạnh tuyên truyền và vận động nhân dân không phát nương làm rẫy, đốt phá rừng bừa bãi. Năm 1967, toàn huyện đã trồng được 986.854 cây, tu bổ được 73ha rừng. Một số

¹ Báo cáo ngày 23/2/1968 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1967.

xã đã thực hiện tốt công tác tu bổ, tái sinh diện tích rừng như xã Sơn Cẩm, Nông Thịnh, Như Cố, Cổ Lũng. Một số xã như Như Cố, Thanh Bình, Nông Thịnh, Nông Hạ, Yên Đổ, Động Đạt phân công số xã viên nhất định để tham gia trồng cây, các hợp tác xã này đều có các vườn cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lấy gỗ. Tuy vậy, một số xã tình trạng chặt phá rừng bừa bãi vẫn tái diễn, việc xây dựng quy hoạch lâm nghiệp tại các địa phương chưa hoàn chỉnh.

Đối với hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã rèn Đoàn Kết là cơ sở chủ lực của huyện gồm có 25 xã viên. Năm 1967, hợp tác xã đã chế tạo được trên 70.000 con dao và dụng cụ sản xuất, cung cấp 125 chiếc bừa sắt cho các hợp tác xã. Ngoài ra, hợp tác xã còn sản xuất các loại nông cụ khác như liềm, hái... Toàn huyện có 6 máy xát, 11 lò gạch, 6 lò vôi hoạt động ổn định.

Huyện Phú Lương có 20 cơ sở hợp tác xã mua bán, đến năm 1967 xây dựng thêm được 3 cơ sở mới bán hàng công nghệ phẩm phục vụ cho nhân dân. Nhiều hợp tác xã mua bán tại các xã được đánh giá hoạt động tốt như xã Nông Thịnh, Như Cố, Phấn Mễ, Yên Ninh (riêng xã Phấn Mễ cả năm mua vào 97.374 đồng, bán ra 97.344 đồng đạt 108,7% kế hoạch). Bên cạnh đó, hoạt động của hợp tác xã mua bán còn một số tồn tại. Việc thu mua các mặt hàng chưa được chú ý đúng mức, mới có 11 cơ sở nhận thu mua nên chỉ đạt 46% chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh hợp tác xã mua bán, hoạt động của hợp tác xã tín dụng được củng cố thêm một bước. Công tác huy động người dân gửi tiền nhàn rỗi được chú ý và được nhân dân hưởng ứng thực hiện. Các xã phía bắc huyện đã huy động được 110.057 đồng, xã huy động được cao nhất là xã Nông Hạ (bình quân 22,4 đồng/người), các xã phía nam có tổng số huy động vốn là 74.600 đồng, xã huy động vốn cao nhất là xã Hợp Thành (bình

quân là 11,3 đồng/người).

Để phục vụ yêu cầu sản xuất và đời sống, từ năm 1965, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân sửa chữa và tu bổ lại hầu hết các đường giao thông liên xóm, liên xã. Tính riêng trong năm 1965, toàn huyện huy động 85.344 ngày công làm đường giao thông, đào, đắp 32.562m³ đất, đá; xây dựng hoàn chỉnh 27km đường, đảm bảo xe ô tô đi lại bình thường, 67km đường xe trâu, bò kéo đi lại được... Đến năm 1967, phong trào làm đường giao thông nông thôn vẫn tiếp tục được triển khai thực hiện. Nhân dân trong huyện đã đóng góp 140.309 ngày công để mở được 328km đường trong đó có 95km đường liên xã, 180km đường liên xóm, 45km đường ra cánh đồng, 8km bờ vùng. Ngoài ra, nhân dân còn tích cực tham gia xây mới thêm 106 cầu gỗ, 121 cầu tre, 6 cầu xây bằng gạch... Các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Ôn Lương, Yên Lạc, Yên Trạch, Hợp Thành và Động Đạt là những xã có phong trào làm đường nông thôn phát triển mạnh.

Ngoài việc lãnh đạo và xây dựng phát triển kinh tế, năm 1965, Đảng bộ huyện Phú Lương còn lãnh đạo tốt việc đón tiếp và giúp đỡ đồng bào các tỉnh miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế miền núi. Đảng bộ huyện xác định *“Khả năng phát triển kinh tế và đất đai của huyện Phú Lương có nhiều nhưng khả năng khai thác, sử dụng của huyện còn hạn chế, thiếu lao động nên không phát triển sản xuất được, kinh tế bị nghèo nàn, lạc hậu. Việc tiếp thu nhân lực để phát triển kinh tế miền núi của huyện Phú Lương giai đoạn này rất phù hợp”*. Đến cuối năm 1965, Phú Lương đã tiếp nhận 752 hộ với 3.240 nhân khẩu (có 23 đảng viên) từ các tỉnh Thái Bình và Hưng Yên lên xây dựng và phát triển kinh tế.

Với tinh thần *“Nhường cơm sẻ áo”*, nhân dân các xã trong huyện chia cho đồng bào lên khai hoang trên 280 mẫu ruộng,

gần 127 mẫu đất nương, rẫy trồng lúa, 482 mẫu đất trồng sắn và các cây hoa màu khác. Ngân hàng huyện cho đồng bào khai hoang vay tiền mua được 108 con trâu, 267 con lợn giống. Nhờ đó, đến cuối năm 1965, khoảng 50% số hộ lên khai hoang tạm đủ ăn; một số hộ đã đóng thuế, bán được gà, lợn cho Nhà nước; trên 30% số hộ có mức sống khá. Tại các địa phương, Đảng bộ các xã chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền về phương hướng, nhiệm vụ thực hiện của địa phương đối với các hộ dân mới lên, đồng thời vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào, hoạt động tại xóm, làng nhằm thắt chặt tinh thần đoàn kết, sớm ổn định cuộc sống. Xã Phấn Mễ là một trong những địa phương thực hiện tốt công tác này. Theo thống kê, trong số 150 hộ đồng bào miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế ở xã Phấn Mễ thì có tới 98% số hộ vào hợp tác xã. Trong số những người lên xây dựng và phát triển kinh tế ở Phú Lương, có nhiều người phấn đấu tốt; năm 1965 đã có 2 người được kết nạp vào Đảng.

Mặc dù chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn huyện ngày càng ác liệt nhưng dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế vẫn được duy trì và đẩy mạnh. Các xã đã xây dựng được 7 đội văn nghệ, 38 tủ sách (tăng 38,65% so với năm 1965). Các xã Cổ Lũng, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Đỗ, Động Đạt, Sơn Cẩm, Yên Trạch đều thành lập Ban Thể dục - Thể thao, riêng xã Động Đạt có 4 đội thể dục - thể thao, thu hút 40 người tham gia. Trong năm 1967, huyện Phú Lương đã xây dựng thêm được 10 đội thể thao và cử 1 đội đi thi đấu ở cấp tỉnh, đạt giải vô địch cá nhân, đồng đội nam, đồng đội nữ. Đội thể thao của huyện Phú Lương được đại diện cho tỉnh tham gia thi đấu với các đơn vị trong khu vực miền Bắc và đạt giải vô địch.

Năm 1967, một số xã trên địa bàn huyện thành lập được

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Ban Thông tin văn hóa do 1 đồng chí đảng ủy viên hoặc ủy viên ủy ban phụ trách. Toàn huyện có 12 tổ, đội văn nghệ. Nhiều đội văn nghệ tự sáng tác, tự biểu diễn các tiết mục có nội dung chủ yếu là ca ngợi Đảng, Bác Hồ kính yêu, thể hiện tinh thần yêu nước, động viên nhân dân ra sức sản xuất, chiến đấu với kẻ thù để giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và được đánh giá hoạt động tốt, có hiệu quả như: đội Nông Thịnh, Như Cố, Yên Đổ, Ôn Lương, Túc Tranh, Động Đạt...

Đảng bộ huyện hết sức quan tâm đến công tác giáo dục, chỉ đạo tích cực phát huy kết quả đạt được trong công tác giáo dục giai đoạn trước, khắc phục khó khăn để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học. Nhờ đó, công tác giáo dục trong những năm 1965 - 1968 có nhiều bước chuyển biến tốt. Năm học 1965 - 1966, trường Phổ thông cấp III Phú Lương được thành lập và khai giảng khóa học đầu tiên với 126 học sinh. So với năm học 1964 - 1965, năm học 1965 - 1966, số học sinh phổ thông các cấp trong huyện tăng từ 4.867 em lên 5.163 em, số giáo viên tăng từ 153 lên 188 thầy, cô. Năm học 1966 - 1967, số học sinh, số lớp và số giáo viên đều tăng. Số học sinh cấp I tăng 13,1%; cấp II tăng 24% và cấp III tăng 34%. Số lớp cấp I tăng 13,8%, cấp II tăng 12%. Số giáo viên cấp I tăng 18%, cấp II tăng 17% và cấp III tăng 2,2%. Toàn huyện có 14 trường cấp I (mỗi xã có 1 trường) với 137 lớp, 4.360 học sinh; 5 trường cấp II với 32 lớp, 1.240 học sinh; 1 trường cấp III với 4 lớp (2 lớp 8, 1 lớp 9, 1 lớp 10) và 192 học sinh. Ngoài ra, địa bàn huyện còn có 82 lớp vỡ lòng, với 2.884 học sinh. Bình quân cứ 3 người dân thì có 1 người đi học.

Tuy vậy, công tác giáo dục của địa phương còn gặp một số khó khăn như phong trào bỏ túc văn hóa chỉ còn duy trì được ở một số xã như Ôn Lương, Yên Trạch, Vô Tranh còn lại các xã khác thì phong trào bị giảm sút nghiêm trọng, thậm chí

có xã còn không có lớp nào hoạt động, cơ sở vật chất của nhà trường còn nghèo nàn, bàn ghế, dụng cụ học tập thiếu thốn, tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng còn tồn tại.

Nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, Đảng bộ lãnh đạo mở rộng mạng lưới y tế xuống các cơ sở, hỗ trợ thuốc và dụng cụ y tế đối với các địa phương. Toàn huyện xây dựng được 13 trạm xá xã, 5 cửa hàng bán thuốc chữa bệnh. Năm 1965, Bệnh viện huyện và các trạm xá xã đã điều trị được 1.157 lượt bệnh nhân, khám bệnh cho 2.236 lượt người. Năm 1967, huyện đã có 24 trạm xá xã, đã khám bệnh cho hơn 7.500 người, điều trị cho hơn 1.600 người... Phân loại cơ sở y tế, toàn huyện có 8 cơ sở đạt khá, 4 cơ sở đạt trung bình, 12 cơ sở kém. Một số trạm xá hoạt động tốt, duy trì nền nếp thường xuyên như Yên Ninh, Động Đạt, Phấn Mễ. Cán bộ y tế các xã này luôn thường trực tại trạm, kịp thời khám và chữa bệnh cho nhân dân, đồng thời làm tốt công tác kiểm tra, vận động phong trào vệ sinh phòng chống bệnh và phong trào “ba dứt điểm” (xây dựng hố xí 2 ngăn, giếng nước, nhà tắm). Nhờ làm tốt công tác chống dịch và phòng dịch, do đó huyện Phú Lương đã dập tắt được 3 vụ dịch viêm màng não, bạch hầu, cúm...

Theo sự thỏa thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc, từ giữa năm 1965, Trung Quốc cử một số đơn vị quân đội sang nước ta xây dựng, sửa chữa và nâng cấp một số tuyến đường giao thông quan trọng, trong đó có đoạn Quốc lộ 3 đi qua địa bàn huyện Phú Lương. Trên cơ sở nền đường cũ, các đơn vị bộ đội Trung Quốc đã mở rộng, nâng cấp mặt đường và làm lại cầu đoạn từ ngã ba Bờ Đậu đến cầu Ổ Gà...

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy Bắc Thái¹, ngày 28/7/1965,

¹ Thực hiện Nghị quyết số 111 NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 103-NQ-TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ ngày 1/7/1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Huyện ủy Phú Lương quyết định thành lập Tổ Ngoại vụ gồm 6 đồng chí, do đồng chí Đặng Thái Vinh làm Tổ trưởng. Tổ Ngoại vụ có nhiệm vụ giúp Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo công tác phục vụ và bảo vệ trật tự, trị an cho bộ đội công binh Trung Quốc trên công trường xây dựng Quốc lộ 3¹.

Sau khi kiện toàn tổ chức, xây dựng nền nếp chế độ làm việc, Tổ Ngoại vụ huyện Phú Lương chỉ đạo Phòng Y tế huyện thành lập các trạm cấp cứu dọc Quốc lộ 3; chỉ đạo công an huyện đẩy mạnh công tác bảo vệ trật tự, trị an; huy động nhân dân các xã khai thác vật liệu xây dựng, làm giúp bộ đội Trung Quốc 200 nhà ở, nhà bếp và hội trường sinh hoạt. Nhờ đó, cuối năm 1965, khi đến Phú Lương, các đơn vị bộ đội Trung Quốc đã nhanh chóng ổn định chỗ ăn, ở, kịp thời triển khai nhiệm vụ sửa chữa và nâng cấp đường theo đúng kế hoạch.

Giữa lúc Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đang ra sức xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, giặc Mỹ huy động lực lượng không quân và hải quân mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trên địa bàn huyện Phú Lương, trong 9 tháng đầu năm 1965 giặc Mỹ đã cho 221 lần tốp máy bay vào trinh sát theo hai hướng tây - tây bắc và đông - đông bắc.

Theo Chỉ thị số 01/NC ngày 8/7/1965 của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái, Phú Lương nằm trong vùng ở trạng thái có nhiệm vụ phải “...*đảm bảo hầm, hố trú ẩn, đầy đủ, vững chắc, bảo đảm sản xuất, công tác, sinh hoạt bình thường, tổ chức đón tiếp, giúp đỡ đồng bào sơ tán để đồng bào yên tâm*

¹ Theo Quyết định số 19/QĐ-HU ngày 28/7/1965 của Huyện ủy Phú Lương về việc thành lập Tổ Ngoại vụ và Huyện Phú Lương: *Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007, tr.176.

*sản xuất*¹.

Thực hiện Chỉ thị của Ủy ban Hành chính tỉnh, Phú Lương đã đón tiếp, giúp đỡ cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức và học sinh các trường Thương nghiệp, bổ túc công nông, Trung cấp Nông - Lâm của Khu, Nhà trẻ, Nhà mẫu giáo, Bệnh viện Khu, Bệnh viện A, Nhà máy điện Cao Ngạn, Đội bảo vệ Công trường 31 và nhân dân thành phố Thái Nguyên đến sơ tán và làm việc. Do số lượng người sơ tán đến quá đông, nên huyện gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp đảm bảo lương thực, thực phẩm. Đặc biệt, sau ngày máy bay Mỹ ném bom, bắn phá cầu Gia Bẩy (ngày 17/10/1965) làm 71 người chết tại chỗ, 9 người chết trong các bệnh viện, 67 người bị thương, thì số cơ quan và số người ở thành phố Thái Nguyên sơ tán đến huyện càng đông hơn. Cũng do vậy, việc cung cấp lương thực, thực phẩm của huyện lại càng gặp khó khăn hơn. Trước tình hình đó, để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện đối với công tác sơ tán phòng không, ngày 15/11/1965, Huyện ủy quyết định thành lập Ban sơ tán phòng không huyện, do đồng chí Phan Văn Tĩnh (Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện) làm Trưởng ban và đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Trưởng Công an huyện) làm Phó ban.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Sơ tán phòng không, các khó khăn của huyện trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho người đến sơ tán từng bước được khắc phục.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, năm 1965, Huyện ủy đã lãnh đạo đưa 288 đảng viên vào lực lượng dân quân, tự vệ (tăng 40,5% so với năm 1964). Cán bộ, chiến sỹ dân quân, tự vệ Phú Lương tham gia 45.000 ngày

¹ Chỉ thị số 01/NC ngày 8/7/1965 của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân, tr.2.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

công, đào, đắp được 3.000m hào giao thông; xây dựng 12 công sự, trận địa bắn máy bay địch và cùng với nhân dân đào hàng ngàn hầm, hố phòng không. Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Lương trong tư thế sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Ngày 20/10/1965, giặc Mỹ huy động 4 tốp, gồm 16 máy bay F4 và F105 ném 46 quả bom phá xuống cầu Ổ Gà. Tiếp theo, 11 giờ 30 phút ngày 31/10/1965, máy bay địch ném 6 quả bom xuống khu vực Núi Phấn. Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương bước vào thời kỳ trực tiếp đối mặt với bom, đạn Mỹ để giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đóng góp sức người, sức của chi viện chiến trường. Ngay ngày đầu tiên, máy bay Mỹ đánh phá cầu Ổ Gà (ngày 20/10/1965), Trung đội dân quân xã Yên Ninh cùng với dân quân, tự vệ các xã, thị trấn Yên Đĩnh, Chợ Mới (huyện Bạch Thông), Phúc Chu, Chợ Chu (huyện Định Hóa) nổ súng đánh trả kịp thời, bắn trúng một máy bay địch.

Đầu năm 1966, quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Tỉnh ủy “... phải tăng cường chuẩn bị để đối phó với chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ với quy mô ngày càng lớn và tính chất ngày càng ác liệt hơn. Tích cực củng cố căn cứ địa, chuẩn bị trận địa, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch trong mọi tình huống”¹, để bảo đảm công sự, trận địa cho bộ đội tên lửa cơ động lên chiến đấu trên địa bàn huyện, chỉ trong 20 ngày cuối tháng 2, đầu tháng 3/1966, Ban Chỉ huy Huyện đội đã huy động 14.360 ngày công của dân quân, tự vệ và nhiều phương tiện san ủi, đào đắp hàng ngàn mét khối đất, đá; xây dựng hoàn chỉnh trận địa tên lửa xã Vô Tranh. Từ giữa tháng 3/1966, các đơn vị bộ đội tên lửa của Quân chủng Phòng không - không quân cơ động lên Phú Lương đã có trận địa để

¹ Nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Thái ngày 7/2/1966.

triển khai chiến đấu.

Đầu tháng 3/1966, sau khi nhận được điện của Ban Chỉ huy Tỉnh đội *“phải đề phòng địch không trình sát trước mà bất ngờ đánh phá ngay vào khu Công nghiệp Thái Nguyên và các trận địa phòng không, các trọng điểm giao thông trên các Quốc lộ 3 và 1B; phải đề phòng địch đánh sáng sớm và chiều tối. Các đơn vị trực chiến của dân quân, tự vệ phải thường trực sẵn sàng chiến đấu”*, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện và Ban Chỉ huy Huyện đội tổ chức kiểm tra công tác phòng không sơ tán ở các trọng điểm giao thông trên Quốc lộ 3.

Ngày 23/4/1966, địch cho 12 máy bay trinh sát vũ trang chia làm nhiều tầng, nhiều hướng vào trinh sát huyện Phú Lương và các huyện Định Hóa, Võ Nai, Đông Hỷ, Đại Từ, thành phố Thái Nguyên. Các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên đã nổ súng kịp thời, bắn rơi 2 chiếc máy bay.

Chiều 29/4/1966, giặc Mỹ huy động 15 máy bay ô ạt vào ném bom, bắn phá ác liệt Khu gang thép Thái Nguyên và nhà máy điện Cao Ngạn. Với tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên phối hợp với các lực lượng không quân của Bộ và Quân khu chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bắn rơi tại chỗ 2 máy bay Mỹ. Trong đó, chiếc máy bay F105D (chiếc máy bay thứ 1.000 bị bắn rơi trên miền Bắc) bị trúng đạn pháo cao xạ 100mm của Đại đội 101 (thuộc Trung đoàn 210 ở trận địa Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên), bùng cháy như một bó đuốc lớn lao xuống cánh đồng xóm Thâm Găng, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương.

Phát hiện máy bay Mỹ bị bắn rơi ở gần, Ban Giám thị Trại giam Phú Sơn lập tức cử một tổ cảnh sát, đem theo chó nghiệp vụ, đến cùng với dân quân và nhân dân xã Tức Tranh bảo vệ hiện trường và lùng bắt giặc lái.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Ngày 22/6/1966, ngay sau khi máy bay Mỹ ném 12 quả bom phá, 1 quả bom bi mẹ xuống xã Vô Tranh (nơi bệnh viện A của tỉnh sơ tán), làm chết 14 người (trong đó có 8 bệnh nhân và người nhà bệnh nhân), đồng chí Nông Văn Minh (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện) cùng các đồng chí lãnh đạo Công an huyện và Huyện đội đã có mặt tại hiện trường, chỉ đạo cấp ủy đảng và chính quyền xã giải quyết hậu quả, ổn định tư tưởng nhân dân, đôn đốc sửa chữa hầm, hào và củng cố các đội cấp cứu, tải thương... các đồng chí trong Ban Giám đốc và cán bộ Phòng Y vụ Bệnh viện A kịp thời có mặt tại Khoa Ngoại, chỉ đạo các bác sĩ, y sĩ cùng một số sinh viên trường Đại học Quân y đang thực tập ở đây tổ chức cấp cứu những người bị nạn.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính và các cơ quan chức năng của huyện đã giúp cấp ủy và chính quyền xã Vô Tranh nhanh chóng giải quyết hậu quả, ổn định tư tưởng và đời sống nhân dân.

Trước tình hình giặc Mỹ ngày càng mở rộng chiến tranh trên cả hai miền Nam, Bắc, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước; *“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”*¹.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Lương làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần đánh bại các cuộc ném bom, bắn phá của máy bay địch xuống địa bàn huyện.

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.110.

Ngày 20/7/1966, từ trận địa tên lửa ở xã Vô Tranh, Tiểu đoàn 72 (thuộc Trung đoàn 285 bộ đội tên lửa) bắn một máy bay trinh sát điện tử E.B66 của giặc Mỹ rơi xuống xã Mỹ Phương (huyện Chợ Rã, nay là huyện Ba Bể tỉnh Bắc Kạn). Đây là chiếc máy bay trinh sát điện tử E.B66 đầu tiên của giặc Mỹ bị lực lượng phòng không của ta bắn rơi tại chỗ. Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Lương tự hào vì đã có sự đóng góp của mình vào chiến công có ý nghĩa lịch sử quan trọng đó.

Phát hiện được vị trí hiểm yếu của trận địa tên lửa ở xã Vô Tranh, ngay ngày hôm sau (ngày 21/7/1966), máy bay Mỹ đã phóng nhiều loạt đạn tên lửa và rốc két xuống làm cháy trận địa. Ngọn lửa lan nhanh đến các khu vực để đạn tên lửa và triển khai khí tài chiến đấu. Tiểu đội dân quân xã Vô Tranh dũng cảm xông lên dập lửa cứu đạn ngay khi máy bay địch vẫn đang bắn phá. Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh đã được Đảng và Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì¹.

Ngày 7/8/1966, lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên bắn một máy bay Mỹ rơi xuống xã Tức Tranh. Tên giặc lái máy bay Mỹ vừa nhảy dù xuống xã Phú Đô, đã bị quân và dân trong xã bao vây, bắt sống.

Trước tình hình máy bay Mỹ ném bom xuống các xã Phú Đô, Yên Ninh, Sơn Cẩm và bắn rốc két xuống xã Động Đạt, làm chết 3 người, bị thương 9 người (trong các ngày 7, 20 và 28/9/1966), để giảm xuống mức thấp nhất những tổn thất về người và của, thực hiện Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tháng 10/1966, Huyện ủy Phú Lương tập trung lãnh đạo

¹ Theo cuốn *Lịch sử Đảng bộ xã Vô Tranh (1947 - 2010)*, 2013, tr.97-98, “Xã đội trưởng Chu Minh Chương và một số chị em được thưởng huân hiệu 5/8 ngay sau khi trận đánh kết thúc”.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

“Đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân”, phát động nhân dân tu sửa và làm thêm hầm, hào phòng tránh. Chỉ sau một tháng, toàn huyện đã làm mới, sửa chữa được 9.528 hầm tập thể, 670m giao thông hào (trong đó có 3.765 hầm và 123m giao thông hào có nắp), hàng chục nghìn hố phòng tránh cá nhân ở dọc các tuyến giao thông và những nơi công cộng.

Ngày 4/11/1966, máy bay Mỹ ném tới 30 quả bom phá, 2 quả bom bi mẹ xuống các xóm Khe Nác, Phố Trào, Đồng Tiến (thuộc xã Yên Đổ). Do công tác phòng không được thực hiện tốt và hệ thống hầm, hào phòng tránh được củng cố, tu sửa nên chỉ làm 4 người bị thương nhẹ. Một quả bom Mỹ rơi xuống Quốc lộ 3 làm thành một hố sâu 5m, đường kính 6m. Để đảm bảo giao thông thông suốt, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện huy động nhân dân, lực lượng dân quân, tự vệ các xã và cơ quan trong huyện ra san, lấp hố bom. Chỉ sau 4 giờ, mặt đường đã được sửa chữa, đảm bảo cho xe ô tô qua lại bình thường.

Ngày 22/11/1966, máy bay Mỹ ném 4 quả bom bi xuống Làng Bầu (xã Phấn Mễ). Do làm tốt công tác phòng tránh nên nhân dân Làng Bầu không bị thiệt hại. Cùng ngày, một tiểu đoàn tên lửa bảo vệ thành phố Thái Nguyên phóng 1 quả đạn trúng đội hình máy bay địch, làm 1 chiếc F4H bùng cháy, rơi xuống xã Phú Đô. Lực lượng dân quân xã Sơn Cẩm đã phối hợp với cán bộ, chiến sỹ tự vệ Nhà máy mì sợi Bắc Hải tổ chức lùng bắt 2 tên giặc lái nhảy dù xuống khu vực xã Sơn Cẩm.

Năm 1966, trên địa bàn huyện Phú Lương, máy bay Mỹ đánh phá 18 trận, ném xuống 99 quả bom phá, 10 quả bom bi mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa, làm 33 người bị chết, 42 người bị thương; nhiều nhà cửa bị đổ, sập; nhiều trâu, bò bị chết; thiệt hại về tài sản trị giá trên 13.250 đồng. Đảng bộ huyện Phú Lương lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương kiên cường, dũng cảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giữ vững

mạch máu giao thông, góp phần đưa số máy bay Mỹ bị bắn rơi trên vùng trời Bắc Thái năm 1966 lên 38 chiếc.

Đầu năm 1966, Huyện ủy tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng lực lượng vũ trang địa phương (1955 - 1965) và tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết của Quân ủy Trung ương về nhiệm vụ công tác quân sự trong tình hình mới cho 86 đại biểu là bí thư, chủ tịch, trưởng công an, xã đội trưởng, chính trị viên xã đội và cán bộ tuyên huấn các xã; lãnh đạo và thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể của huyện. Tiếp đó, các xã, cơ quan, đơn vị cơ sở đã tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết của Quân ủy Trung ương về nhiệm vụ công tác quân sự trong tình hình mới cho 90% cán bộ, đảng viên.

Toàn huyện xây dựng, củng cố được 98 trung đội, 12 tiểu đội dân quân, tự vệ theo quy mô hợp tác xã; tập huấn được 26,42% xã đội trưởng, xã đội phó; 78,57% chính trị viên trưởng, chính trị viên phó xã đội; 61% trung đội trưởng, trung đội phó; 50% chính trị viên trưởng, chính trị viên phó trung đội và 95% cán bộ tiểu đội. Trong tổng số 98 trung đội dân quân, tự vệ, có 65 trung đội hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự. Kết quả huấn luyện kỹ thuật đạt yêu cầu 93% (có 60% khá, giỏi), chiến thuật đạt yêu cầu 80%. Đánh giá kết quả huấn luyện dân quân, tự vệ năm 1966, Ủy ban Hành chính huyện khẳng định: *“Anh em đều nhận thức rõ âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam và phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ và tay sai Thiệu - Kỳ; thấy rõ được thất bại của chúng. 100% trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ trong huyện đều đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, trong đó trung đội dân quân Hợp tác xã Khe Thương (xã Yên Đổ) đạt kết quả tốt nhất, được cấp trên khen thưởng”*¹.

¹ Báo cáo của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương tại kỳ họp thứ 4 Hội đồng nhân dân huyện khóa III.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Bước sang năm 1967, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra hầu hết các tỉnh, thành phố miền Bắc. Tại Phú Lương, ngay từ những tháng đầu năm 1967, máy bay Mỹ đánh phá 17 trận ác liệt, làm chết 47 người, bị thương 56 người, giết hại 32 con trâu, bò và phá hủy nhiều nhà cửa, tài sản của nhân dân.

Cũng từ đầu năm 1967, thực hiện chỉ thị của Ủy ban Hành chính tỉnh, Đảng bộ huyện Phú Lương lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện đóng góp hàng nghìn ngày công, khai thác hàng vạn gỗ tre, nứa, gần 40 vạn tầu lá cọ, làm 2.500m² nhà ở, nhà kho, vận chuyển hàng hóa, nguy trang trận địa giúp các chi đội (tương đương sư đoàn) 62, 170, 168 pháo cao xạ bộ đội Trung Quốc vào bảo vệ Thái Nguyên thay cho Trung đoàn cao xạ 210 của Quân chủng Phòng không - Không quân được điều vào tuyến lửa Khu IV.

Trong bối cảnh huyện vừa tiếp nhận thêm 10 xã, thị trấn của huyện Bạch Thông, từ ngày 15 đến ngày 19/5/1967, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ X, với sự có mặt của 138 đại biểu chính thức, 11 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 1.636 đảng viên ở 48 đảng bộ, chi bộ cơ sở.

Sau khi phân tích, kiểm điểm đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX, Đại hội xác định vị trí chính trị của huyện nằm trong căn cứ địa kháng chiến chống Pháp trước đây và trong tỉnh hậu phương căn cứ địa kháng chiến chống Mỹ cứu nước, *“đất đai của huyện tuy không nhiều lắm, nhưng khá phì nhiêu, màu mỡ; có nhiều sông, suối, khe, lạch nên có tiềm năng để phát triển kinh tế nông nghiệp và lâm nghiệp”*.

Đại hội ra Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương *“phải quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt nhất, đầy đủ nhất các Nghị quyết 11,12,13 của*

Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng, bảo vệ hậu phương và chi viện tiền tuyến”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X gồm 25 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 ủy viên. Đồng chí Lâm Đình Phòng được bầu làm Bí thư và các đồng chí Phan Công Nhượng, Ma Văn Quyên làm Phó Bí thư¹.

Sau Đại hội lần thứ X, Đảng bộ lãnh đạo phong trào sản xuất, xây dựng, củng cố hợp tác xã và công tác chuẩn bị chiến đấu, phục vụ chiến đấu có nhiều chuyển biến tốt.

Từ tháng 6/1967, máy bay Mỹ đánh phá Phú Lương ác liệt hơn. Vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 10/6/1967, máy bay Mỹ ném 12 quả bom hơi, 15 quả bom bi mẹ xuống khu vực xã Yên Ninh, làm bị thương 10 người. Tiếp theo, 15 giờ 30 phút ngày 12/6/1967, nhiều tốp máy bay Mỹ liên tiếp ném 45 quả bom phá, 4 quả bom bi mẹ xuống các xóm 6, 7 và Bến Giềng thuộc xã Sơn Cẩm làm chết 3 người, bị thương 4 người; phá hỏng 11 ngôi nhà, thiệt hại về vật chất trị giá 28.000 đồng. Ngày 22/6/1967, máy bay Mỹ lại ném 4 quả bom hơi xuống khu vực Bến Giềng (xã Sơn Cẩm), 4 quả bom phá xuống xóm Hồng Lê (xã Động Đạt), gây thiệt hại về tài sản trị giá 690 đồng... Đặc biệt vào lúc 15 giờ ngày 11/7/1967, 34 máy bay Mỹ ồ ạt vào ném 88 quả bom phá và hàng chục quả bom bi mẹ xuống khu vực từ làng Bún đến xóm Rộc Máu (xã Phấn Mễ), tạo thành một vệt bom dài khoảng 4km, rộng 500m, trùm lên khu nhà ở của cán bộ, công nhân Mỏ than và khu dân cư xã Phấn Mễ, làm chết 36 người, bị thương 15 người. Gia đình ông Đinh Văn Mão có 9 người, bị chết 7 người, còn lại 2 con gái 11 tuổi và 8 tuổi. Gia đình ông Phạm Văn Chân bị một quả bom rơi trúng

¹ Theo Nghị quyết số 172/TU ngày 19/6/1967 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương khóa mới.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hầm trú ẩn, chết hết cả 3 người con. Gia đình ông Phạm Văn Bẩm có 7 người bị chết 4 người. Đây là một trận đánh phá lớn nhất của máy bay Mỹ và gây thiệt hại nặng nề nhất đối với Đảng bộ và nhân dân Phú Lương.

Để hạn chế mức thấp nhất những thiệt hại do máy bay địch ném bom, bắn phá gây ra, ngày 26/12/1967, Ủy ban Hành chính huyện ra Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân, chỉ rõ *“Qua kiểm tra của huyện, ở một số nơi hầm, hào phòng tránh máy bay địch thiếu hoặc bị hư hỏng, không đảm bảo an toàn nhất là ở dọc Quốc lộ 3 và các cửa hàng mậu dịch, hợp tác xã mua bán và những nơi công cộng khác. Các xã, cơ quan, đơn vị, trường học nằm trên địa bàn huyện phải khẩn cấp đào và sửa chữa lại hầm, hào phòng tránh; tiếp tục đào thêm giao thông hào, hầm trú ẩn ở những nơi công cộng, đào hố cá nhân dọc 2 bên Quốc lộ 3 (đoạn từ Sơn Cẩm lên Chợ Mới cứ cách 2m phải đào 1 hố sâu 1,2m; đoạn từ Yên Đĩnh lên Nông Hạ cách 5m đào 1 hố sâu 1,2m); hầm, hố phòng tránh của các gia đình và cơ quan, đơn vị phải được thường xuyên củng cố, tu sửa”*. Thực hiện Chỉ thị của Ủy ban Hành chính huyện, cán bộ và nhân dân Phú Lương tập trung đào mới và tu sửa được 14.654 hầm, hố, 797.896m giao thông hào phòng tránh (trong đó có 9.976 hầm, hố có nắp).

Trong hoàn cảnh thời chiến, Huyện ủy chỉ đạo phải đảm bảo giao thông thông suốt, quyết tâm giữ vững mạch máu giao thông. Ngay sau khi địch ném bom phá hoại, Đảng bộ các xã chỉ đạo nhân dân trong xã khẩn trương sửa chữa, khắc phục hậu quả chỉ sau từ 5 đến 8 tiếng. Xã Phấn Mễ là địa phương dẫn đầu về công tác giao thông nông thôn ở huyện Phú Lương.

Giữa lúc Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương dồn sức đối phó với hành động đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ để giữ vững và phát triển sản xuất, ổn

định đời sống nhân dân và đóng góp chi viện chiến trường, thì một số tên phản động, bất mãn ở các xã Động Đạt, Yên Đỗ đã tham gia tổ chức phản động “*Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam*” do các tên Ma Khánh Hiệu, Lương Văn Dư ở huyện Định Hóa cầm đầu. Chúng kích động nhân dân và các phần tử bất mãn, lưu manh gây rối, tuyên truyền phá hoại bầu cử Hội đồng nhân dân, đòi ruộng đất, cấm chông xuống ruộng hợp tác xã, đả kích lãnh tụ...

Để giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, Ban Thường vụ Huyện ủy kịp thời lãnh đạo các lực lượng công an và dân quân, tự vệ Phú Lương phối hợp các lực lượng công an và dân quân, tự vệ Định Hóa trấn áp, xóa sổ tổ chức phản động “*Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam*”.

Bước sang năm 1968, ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề. Ở miền Nam, quân và dân ta tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy, mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân, đập tan hoàn toàn chiến lược hai gọng kìm “*tìm diệt*” và “*bình định*”, góp phần quyết định làm phá sản chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” của đế quốc Mỹ.

Hòa chung với khí thế của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam, thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, Huyện ủy Phú Lương lãnh đạo nhân dân vừa đẩy mạnh công tác phòng, tránh và đánh địch, vừa tiếp tục hăng hái sản xuất, đóng góp lương thực gửi ra tiền tuyến. Trong giai đoạn này, công tác phòng không nhân dân đã được cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đặc biệt coi trọng. Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố lực lượng dân quân, tự vệ tăng cường lực lượng trực tiếp phòng không. Huyện ủy cử cán bộ trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo sửa chữa hầm, hào bị hư hỏng; đào thêm hầm, hào mới ở những nơi công cộng và trên các cánh đồng lớn. Tuy vậy, do tư tưởng chủ quan khi máy bay địch ít hoạt động khủng bố ở Phú

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Lương nên người dân đã tổ chức họp chợ ở Đu, Chợ Mới, một số hầm hào đã bị hư hỏng không được sửa chữa.

Tháng 1 và tháng 2/1968, Ban Chỉ huy Huyện đội mở 2 lớp tập huấn cho cán bộ xã đội và trung đội dân quân, tự vệ. Đến tháng 4/1968, theo chương trình huấn luyện chính trị và quân sự của tỉnh, Phú Lương đã mở 4 lớp bồi dưỡng cho cán bộ trung đội độc lập, xã đội quân sự và chính trị, có 9 xã đã triển khai huấn luyện cho dân quân. Do làm tốt công tác tư tưởng nên 9 xã tổ chức huấn luyện quân số dân quân đến học đều đạt từ 80% đến 95% số dân quân.

Đối với sản xuất nông nghiệp, tính đến cuối tháng 3/1968, toàn huyện đã cấy được 1.428ha. Nhân dân trong huyện chú ý sử dụng phân bón trên đồng ruộng, bình quân đạt 7 tấn phân/ha, đồng thời tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất. Tính đến tháng 4/1968, toàn huyện đã tu sửa được 14 hồ ao, 16 mương lớn, 4 phai đập to, 3 máy bơm dầu, 2 máy bơm tự động, đồng thời làm mới được 9 hồ ao, 6 mương, 2 phai đập, 1 máy bơm dầu, 2 máy bơm tự động. Công cụ làm cỏ nhiều nơi đã đầu tư vốn mua cào cỏ 64A như ở Việt Yên xã Yên Trạch, Tân Phong, Tân Thịnh xã Nông Hạ, hợp tác xã Sao Vàng xã Phấn Mễ. Ngoài ra còn một số nơi bước đầu dùng cào 64A làm cỏ hủy bỏ các loại cào cũ. Các xã làm cỏ đạt tỷ lệ cao nhất là: Nông Hạ, Nông Thịnh, Yên Đĩnh đạt 100%, số diện tích và một số xã như Thanh Bình, Yên Trạch, Yên Đỗ... đạt 90% cả đợt 1 và đợt 2.

Trong quý I năm 1968, huyện Phú Lương được Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh giao nhiệm vụ cùng với 2 huyện Đại Từ và Phổ Yên tuyển 900 tân binh bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực. Quán triệt Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành miền Bắc "*Công tác động viên tuyển quân là công tác trung*

tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định”, tháng 1/1968, Huyện ủy triệu tập Hội nghị chuyên đề bàn về công tác tuyển quân, chủ yếu bàn chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo. Tiếp theo, Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện đã họp và phân bố chỉ tiêu tuyển quân cụ thể cho các xã.

Cũng như các huyện khác trong tỉnh, công tác tuyển quân của huyện Phú Lương năm 1968 gặp nhiều khó khăn hơn trước do lực lượng dự bị qua nhiều đợt tuyển quân đã giảm dần và yêu cầu tuyển quân lại đặt ra những yêu cầu mới cao hơn (đối tượng tuyển quân chủ yếu là thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi; rất hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ 3 con trở lên và những người gia đình có nhiều khó khăn). Bên cạnh đó, chiến tranh ác liệt kéo dài, một bộ phận người dân, đặc biệt là thanh niên ở các xã, thị trấn bắt đầu nảy sinh tư tưởng ngại gian khổ, hy sinh, không muốn đi bộ đội. Qua các đợt tuyển quân năm 1967, *“Ở các xã Yên Ninh, Phú Đô, Tức Tranh... một số thanh niên không đi khám sức khỏe, hoặc có đi khám nhưng không khám hết các chuyên khoa; cá biệt một số người không thấy rõ nhiệm vụ của mình trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước hiện nay, không chịu đựng được khó khăn, gian khổ, nên nhập ngũ được vài hôm lại đảo ngũ trở về”*¹. Hiện tượng một số gia đình, cán bộ đảng viên trong huyện không gương mẫu cho con, em đi bộ đội, gây suy bì, ty nạnh trong nhân dân cũng gây khó khăn cho Đảng bộ trong việc lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1968.

Trước tình hình trên, với quyết tâm khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân năm 1968, Hội nghị Huyện ủy ra nghị quyết nêu rõ: *“Bất kỳ trong hoàn cảnh nào*

¹ Báo cáo kết quả lãnh đạo của Huyện ủy Phú Lương tháng 1 và 2/1968, tr.4.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

cũng kiên quyết động viên đạt và vượt mức quân số, đảm bảo chất lượng tốt, thời gian nhanh, giao quân gọn và an toàn". Ban Thường vụ Huyện ủy giao cho Ban Tuyên giáo, Huyện Đoàn Thanh niên và Ban Chỉ huy Huyện đội xây dựng nội dung, kế hoạch hướng dẫn, động viên, tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân về tình hình nhiệm vụ mới và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của thanh niên; giao cho các ngành y tế, công an làm tốt công tác khám tuyển, xét duyệt; các ngành lương thực, thực phẩm, thương nghiệp làm tốt công tác đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác tuyển quân; các ngành, các cấp trong huyện tập trung làm tốt chính sách hậu phương quân đội, thực hiện tốt công tác thương binh, gia đình liệt sỹ, giúp đỡ gia đình bộ đội, làm tốt công tác tiễn thanh niên lên đường nhập ngũ.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện do các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện và Huyện đội trưởng làm Chủ tịch và Phó Chủ tịch, quyết định chọn xã Yên Ninh làm điểm chỉ đạo thực hiện các bước đăng ký, lập hồ sơ khám tuyển, xét duyệt kinh nghiệm cho các xã khác. Sau một tháng triển khai nhiệm vụ tuyển quân đợt 1 năm 1968, Phú Lương mới khám tuyển và xét duyệt được 32% chỉ tiêu trên giao. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Huyện ủy cử 24 đồng chí huyện ủy viên trực tiếp xuống các xã kiểm tra đôn đốc, chỉ đạo, công tác tuyển quân, các đồng chí Huyện ủy viên mang theo lệnh gọi nhập ngũ do Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện ký sẵn; khám tuyển, xét duyệt được trường hợp nào là phát lệnh gọi nhập ngũ ngay. Đồng chí Bí thư Huyện ủy trực tiếp đối chiếu, kiểm tra danh sách đảng viên, giao nhiệm vụ cho các đảng bộ, chi bộ từng xã, từng cơ quan, đơn vị cử đảng viên đi đánh Mỹ. Cấp ủy đảng, chính quyền các xã Phấn Mễ, Phú Lý, Nông Hạ làm tốt công tác động viên tư tưởng đối với những gia đình có người nhập ngũ; tổ chức liên hoan, trao tặng phẩm nên những

người trúng tuyển đều an tâm, phấn khởi lên đường. Trước khi giao quân, các đồng chí Chủ tịch Ủy ban Hành chính và Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện trực tiếp nói chuyện, động viên anh em tân binh lên đường đánh Mỹ.

Nhờ có quyết tâm cao, với những biện pháp tích cực của các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể quần chúng từ huyện xuống cơ sở, trong kỳ tuyển quân đợt 1 năm 1968, Phú Lương đã hoàn thành vượt mức 0,73% chỉ tiêu. Sau đó, huyện Phú Lương tiếp tục tuyển đủ quân số thành lập một đại đội bộ binh bổ sung cho Tiểu đoàn 68B của Tỉnh đội, trực tiếp huấn luyện đưa vào miền Nam chiến đấu. Trong số này, có nhiều người con ưu tú của huyện Phú Lương hy sinh trên chiến trường trong đó có đồng chí Hoàng Minh Thành - cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy.

Với tinh thần *“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*, *“Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”*, năm 1967, mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Phú Lương, nhân dân các dân tộc trong huyện đã bán cho Nhà nước 83.926kg thịt lợn hơi, 61.000kg thịt trâu, bò (vượt 1% kế hoạch); 2.963 con gà, vịt (vượt 11,85% chỉ tiêu) và 2.300 quả trứng gà, vịt. Toàn huyện nhập kho được 277.714kg thóc, vượt 27.714kg so với kế hoạch được giao. Ngoài ra, nhân dân Phú Lương còn bán cho Nhà nước 7.123kg đậu tương (vượt 137% kế hoạch), 5.710kg lạc vỏ (vượt 14,2% chỉ tiêu), 8.959kg thuốc lá (vượt 5,4% kế hoạch). Hiện tượng cán bộ, đảng viên ở các xã Thanh Bình, Như Cố, Quảng Chu, Phú Đô thiếu gương mẫu thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước, nhân dân lạm sát thịt lợn đem bán ra ngoài với giá cao, số lợn bán cho Nhà nước quá ít đã được Đảng bộ phát hiện và có biện pháp lãnh đạo ngăn chặn kịp thời.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam, Bắc, ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, đồng thời chấp nhận đàm phán với đại diện Chính phủ ta tại Hội nghị hai bên ở Pari (Pháp). Cùng với các huyện, thành khác trong tỉnh, Phú Lương đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, trên địa bàn huyện Phú Lương (từ 31/10/1965 đến 28/11/1967), máy bay Mỹ đã ném xuống hầu hết các xã trong huyện 333 quả bom phá, 24 quả bom hơi, 32 quả bom bi mẹ và bắn rất nhiều đạn rốc két, tên lửa gây nhiều tổn thất nặng nề về người và của.

Trong đạn, bom ác liệt của chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra, Đảng bộ huyện Phú Lương đã lãnh đạo nhân dân và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang địa phương giữ vững sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; kiên cường, dũng cảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần bắn rơi 5 máy bay, tiêu diệt và bắt sống một số tên giặc lái Mỹ; đồng thời đóng góp đầy đủ sức người, sức của chi viện chiến trường.

Trong công tác xây dựng Đảng, sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo Đảng bộ xã Tức Tranh thí điểm tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng¹ để rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo ra toàn Đảng bộ. Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Huyện ủy, 100% các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ, 87,5% đảng viên nông thôn, 92% đảng viên các cơ quan, đơn vị đã được nghiên cứu học tập, quán

¹ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 họp từ ngày 25 đến ngày 27/3/1965 ra Nghị quyết nêu rõ: Cả nước có chiến tranh, miền Bắc là hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn. Hội nghị quyết định “động viên quân và dân cả nước phát triển thể chủ động tiến công địch. Nhanh chóng mở rộng bộ đội thường trực, tăng cường sức mạnh quốc phòng...”.

triệt Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Chi bộ, Đảng bộ các xã Cổ Lũng, Yên Ninh, Phủ Lý là những đơn vị có số đảng viên tham gia học tập Nghị quyết đạt tỷ lệ cao nhất (97,3%) trong khi đó thấp nhất là Đảng bộ các xã Yên Lạc (77%), Động Đạt (74%).

Thông qua đợt học tập, quán triệt Nghị quyết 11 của Trung ương Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã nhận thức rõ hơn về thất bại toàn diện của đế quốc Mỹ và tay sai trong chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*”, đồng thời thấy được nhiệm vụ cơ bản của Đảng bộ, quân và dân huyện Phú Lương là phải góp phần “*Tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch*”. Do đó, từ mùa hè năm 1965, toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ huyện Phú Lương đã chuyển từ thời bình sang thời chiến.

Huyện ủy xác định lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh là một biện pháp cơ bản để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 11 của Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX.

Từ kết quả phân loại tổ chức cơ sở đảng năm 1964, Huyện ủy tập trung lãnh đạo củng cố các chi bộ, đảng bộ cơ sở yếu, kém. Huyện ủy cử một đoàn cán bộ gồm đại diện các Ban Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra Huyện ủy, Huyện Đoàn Thanh niên, Huyện Hội Phụ nữ và Ban Chỉ huy Huyện đội do đồng chí Lý Vũ Quang (huyện ủy viên, Trưởng Công an huyện) làm Trưởng đoàn, trực tiếp xuống Chi bộ xã Vô Tranh (tổ chức cơ sở đảng yếu nhất) lãnh đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đối với xã Động Đạt (một số xã có phong trào yếu, nội bộ cán bộ, đảng viên không đoàn kết), Huyện ủy thành lập một đoàn cán bộ gồm đại diện các cơ quan

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Huyện đội, Công an, Phòng Hợp tác xã xuống kiểm tra tình hình thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và chấp hành các chính sách của Nhà nước; phân công đồng chí Hà Quý Vinh (Trưởng ban Kiểm tra Huyện ủy) xuống trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy thay đồng chí Chu Văn Khòn đi nhận nhiệm vụ khác. Huyện ủy còn phân công một đồng chí huyện ủy viên về làm Bí thư Đảng ủy xã Sơn Cẩm và một phái viên Huyện ủy về làm Bí thư Chi bộ xã Yên Lạc.

Năm 1965, toàn Đảng bộ huyện có 8 đảng bộ xã (có 37 chi bộ trực thuộc), 6 chi bộ xã và 16 chi bộ cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp... Trong đó, có 15 chi, đảng bộ “*Bốn tốt*”; 29 chi, đảng bộ khá; 3 chi bộ yếu kém; số còn lại thuộc loại trung bình. Số đảng viên “*Bốn tốt*” chiếm 39,7%; khá chiếm 36,7%; trung bình 17,9% và loại kém còn 5,7% tổng số đảng viên.

Từ tháng 4/1967, với việc tiếp nhận thêm thị trấn Chợ Mới và 9 xã (Nông Hạ, Nông Thịnh, Yên Đình, Quảng Chu, Như Cố, Bình Văn, Thanh Bình, Yên Hân, Yên Cư) của huyện Bạch Thông, Phú Lương trở thành một huyện lớn, nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh Bắc Thái gồm 24 đơn vị hành chính (23 xã và 1 thị trấn), dân số trên 43.140 người với 8 dân tộc anh em sống xen kẽ nhau từ lâu đời. (Nếu tính cả những người ở nơi khác sơ tán đến thì dân số của huyện lên tới gần 52.000 người). Đảng bộ có 48 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc (gồm 15 đảng bộ và 33 chi bộ) trong đó có 23 chi bộ, đảng bộ nông thôn, 1 đảng bộ thị trấn và 24 chi bộ, đảng bộ cơ quan, đơn vị, xí nghiệp và 1.288 đảng viên ở nông thôn. So với dân số trong huyện, tỷ lệ đảng viên đạt trên 3,8%. Toàn huyện có 127 hợp tác xã, với trên 82% số hộ nông dân tham gia.

Sau khi tiếp nhận 10 tổ chức cơ sở đảng từ Đảng bộ huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn), Đảng bộ huyện Phú Lương tăng từ 14 đảng bộ xã lên 24 đảng bộ xã, thị trấn. Phần lớn trong

10 tổ chức cơ sở đảng vừa tiếp nhận đều thuộc loại yếu, kém. Vì vậy, khi tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1967, Đảng bộ nhận thấy chất lượng cơ sở đảng và đảng viên giảm xuống rõ rệt so với năm 1965. Năm 1965, tỷ lệ “Đảng bộ Bốn tốt” đạt 22%; khá đạt 47,1%; trung bình đạt 25%; kém đạt 5,9%. Đến năm 1967, “Đảng bộ Bốn tốt” chiếm 18%, khá chiếm 20,4%, trung bình chiếm 43% và kém chiếm 18,6%. Tỷ lệ đảng viên “Bốn tốt” và khá giảm đi; số đảng viên loại trung bình và kém tăng lên¹.

Nhằm tổ chức thực hiện chỉ đạo thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng bộ rất quan tâm đến việc lãnh đạo xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền. Huyện ủy lãnh đạo mở 2 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác cho đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân các xã. Vai trò của chính quyền các cấp trong huyện, đặc biệt là vai trò của chính quyền cấp xã được đề cao, *“thể hiện ở các mặt chấp hành chính sách tốt, lập trường quan điểm vững vàng, dân dân bỏ được tư tưởng hữu khuynh, e dè nể nang. Chính quyền xã Cổ Lũng đã kiên quyết giải quyết tranh chấp về ruộng đất”*². Tuy nhiên *“đầu năm 1965, nội bộ chính quyền xã Vô Tranh còn chưa thật sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động”*, các xã Phấn Mễ, Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô, chưa có trụ sở làm việc hoặc có thì nhà gianh vách nát nên Phòng Tài chính huyện mua cấp cho bàn, ghế không có chỗ kê. Thời gian thường trực của Ủy ban Hành chính các xã còn tùy tiện, ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải quyết các công việc tại địa phương. Có xã, có ngày thường trực 2 tiếng đồng hồ vào buổi trưa; có xã thường trực từ 14 giờ

¹ Tình hình và số liệu dẫn theo Báo cáo số 17/BC-HU ngày 16/5/1968 của Huyện ủy Phú Lương về tổng kết công tác củng cố xây dựng Đảng năm 1967.

² Báo cáo ngày 10/3/1966 về tổng kết công tác lãnh đạo của Đảng bộ huyện Phú Lương năm 1965, tr.25.

đến 17 giờ chiều, có ngày lại không có người thường trực”¹.

Đối với công tác quần chúng, Đảng bộ coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố các tổ chức Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ. Đảng bộ xác định thanh niên là một lực lượng lớn trong sản xuất, chiến đấu và các công tác khác nên đã liên tục tổ chức nhiều đợt giáo dục, chỉnh huấn đoàn viên thanh niên. Phong trào thanh niên “*Ba sẵn sàng*”² diễn ra sôi nổi ở khắp các xã, cơ quan, đơn vị trong huyện. Tiếp theo 461 thanh niên Phú Lương lên đường nhập ngũ năm 1966, trong năm 1967, Phú Lương lại có thêm 386 thanh niên ưu tú lên đường đánh Mỹ. Hơn 80% đoàn viên, thanh niên trong huyện đã tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đảm bảo an toàn giao thông vận tải thời chiến. Hầu hết cán bộ, chiến sỹ dân quân, tự vệ ở 7 trận địa trực chiến bắn máy bay địch của huyện là lực lượng đoàn viên, thanh niên.

Phụ nữ là lực lượng chiếm quá nửa dân số trong huyện, đồng thời cũng là một lực lượng chủ yếu trong lao động sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Năm 1967, Đảng bộ lãnh đạo thực hiện tốt các Chỉ thị 152, 153 của Trung ương Đảng và Thông tri 31 của Chính phủ về công tác vận động phụ nữ. Huyện ủy khẳng định: “*Các cấp ủy đảng, các ngành, các cơ quan đoàn thể và cán bộ, đảng viên đã bước đầu coi trọng công tác vận động phụ nữ... Trong sản xuất chị em phụ nữ chiếm nhiều ngày công hơn nam giới... chị em đảm đang mọi công việc gia đình: chăn nuôi, trồng trọt, nuôi dạy con cái, chăm sóc bố, mẹ già thay chồng, con đi làm nhiệm vụ đánh Mỹ. Ngoài ra, chị em còn trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến*

¹ Báo cáo ngày 10/3/1966 về tổng kết công tác lãnh đạo của Đảng bộ huyện Phú Lương năm 1965, tr.25.

² Sẵn sàng nhập ngũ; sẵn sàng chiến đấu sản xuất; sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần.

đấu rất tốt". Trong số hàng trăm chị tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, có 32 chị là cán bộ xã đội, trung đội, tiểu đội. Toàn huyện có 11 chị được bổ nhiệm làm chủ tịch, phó chủ tịch xã, 33 chị được bầu vào các đảng ủy, chi ủy, 2.500 chị đạt danh hiệu "*Phụ nữ ba đảm đang*".

Thông qua việc xây dựng, củng cố và đẩy mạnh phong trào hoạt động của các tổ chức quần chúng, trong năm 1967, Đảng bộ đã lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp được 113 quần chúng ưu tú vào Đảng (gồm 74 nam và 39 nữ).

Những thành tích đạt được trong thời kỳ từ năm 1965 đến tháng 3/1968 đã tạo tiền đề rất quan trọng để Đảng bộ huyện Phú Lương tiếp tục lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương vươn lên giành những thắng lợi lớn hơn trong thời kỳ đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường động viên sức người, sức của chi viện chiến trường, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu đánh bại chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

V. Khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, động viên tuyến quân chi viện chiến trường, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1968 - 1972)

Từ ngày 31/3/1968, tuy phải ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra nhưng đế quốc Mỹ vẫn đẩy mạnh trinh sát Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh, thành khác, sẵn sàng đánh phá trở lại bất cứ lúc nào. Trước tình hình đó, nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta tiếp tục đi lên, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 175, mở cuộc động viên chính trị "*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*".

Thực hiện Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị và Thông tri của

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái, ngày 10/4/1968, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương ra chỉ thị nêu rõ quyết tâm triển khai cuộc động viên chính trị *“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”* trên địa bàn huyện *“nhANH gọn nhằm giải quyết những vấn đề thiết thực, phục vụ kịp thời những nhiệm vụ trước mắt theo yêu cầu của tình hình mới”*.

Từ ngày 11 đến ngày 15/4/1968, Huyện ủy họp Hội nghị mở rộng tới các đồng chí bí thư (hoặc phó bí thư đảng ủy, chi ủy), ủy viên thường vụ phụ trách tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra, các đồng chí bí thư chi bộ, thủ trưởng các đơn vị, trường học, cơ quan, các ngành, các giới trong huyện và toàn thể cán bộ các ban tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra của Huyện ủy.

Sau khi nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị, Thông tri của Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội nghị quyết định thành lập ban lãnh đạo cuộc động viên chính trị *“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*, gồm các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban.

Sau Hội nghị Huyện ủy mở rộng, Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai đợt I cuộc động viên chính trị, thời gian từ giữa tháng 4 đến ngày 19/5/1968. Ba xã (Yên Ninh, Nông Thịnh và Phấn Mễ) được Ban Thường vụ Huyện ủy chọn làm thí điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo ra toàn huyện.

Ngày 24/5/1968, Huyện ủy sơ kết đợt I, rút kinh nghiệm chỉ đạo điểm ở 3 xã. Báo cáo sơ kết của Huyện ủy khẳng định *“Đợt I cuộc động viên chính trị đã giành những thắng lợi bước đầu và sơ bộ rút ra được những kinh nghiệm nhất định. Phong trào trong huyện đã có chuyển biến với khí thế vươn lên”*.

Từ kinh nghiệm ở 3 xã chỉ đạo thí điểm, trong đợt II của cuộc động viên chính trị *“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ cơ

sở phải nắm thật vững các yêu cầu và phương châm của Trung ương đề ra là:

1- Ra sức chi viện miền Nam, bảo vệ miền Bắc, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

2- Phát huy thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1968 trong bất kỳ tình huống nào để đảm bảo lực lượng hậu phương và chi viện tiền tuyến lớn.

3- Quan tâm hơn nữa đời sống quần chúng, tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nắm vững phương châm của Đảng là động viên sức dân phải kết hợp với bồi dưỡng sức dân.

4- Để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ trên đây, điều then chốt là phải tăng cường sức chiến đấu của Đảng, phát huy cao độ tính tích cực và sáng tạo của quần chúng nhân dân.

Quán triệt yêu cầu của cuộc động viên chính trị, Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra chương trình hành động gồm 4 điểm:

1- Tiếp tục giáo dục, động viên đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình trong Đảng thật sâu sắc nhằm đẩy lùi tư tưởng bảo thủ, hữu khuynh, cá nhân chủ nghĩa, sợ hy sinh, gian khổ, thiếu tinh thần trách nhiệm và tự do vô kỷ luật.

2- Tập trung cao độ mọi lực lượng để thu hoạch vụ chiêm xuân nhanh gọn, sản xuất vụ mùa đạt năng suất cao.

3- Đảm bảo 100% cơ sở hoàn thành huấn luyện dân quân, tự vệ; 100% thanh niên nam, nữ đăng ký tự nguyện “Ba sẵn sàng”; đảm bảo tốt giao thông thời chiến; giữ gìn tốt trật tự trị an; chống tư tưởng chủ quan, trung bình chủ nghĩa; củng cố tốt hầm, hào phòng không.

4- Phát động và vận động quần chúng nhân dân hoàn thành tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước; tích cực chi viện miền Nam đánh Mỹ.

Thực hiện chương trình hành động 4 điểm do Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra, các tổ chức cơ sở đảng, các phòng, ban, cơ quan, đơn vị và các xã trong huyện tiến hành tự phê bình và phê bình sâu sắc, bước đầu khắc phục được tư tưởng bảo thủ, hữu khuynh, cá nhân chủ nghĩa, trì trệ, sợ gian khổ, hy sinh trong cán bộ, đảng viên và tư tưởng trung bình chủ nghĩa trong quần chúng. Vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên từng bước được phát huy, nội bộ Đảng đoàn kết, nhất trí hơn.

Tuy nhiên, ở một vài nơi, một số cán bộ đảng viên có biểu hiện dao động, sợ hy sinh, không cho con đi bộ đội. Cá biệt có một vài cán bộ Huyện ủy viên không nhận nhiệm vụ đi chỉ đạo cải tiến quản lý hợp tác xã¹. Những mặt yếu kém đó được giải quyết dứt điểm trong các đợt tiếp theo của cuộc động viên chính trị *“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*.

Kết hợp với cuộc động viên chính trị, Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa theo tinh thần Nghị quyết đầu năm 1968 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Bước vào vụ mùa năm 1968, huyện Phú Lương gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình sâu bệnh hoành hành ở khắp các xã trong huyện, làm cho nhiều diện tích mạ bị khô héo, chết lụi, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung lãnh đạo các xã phun thuốc trừ sâu, không dùng mạ ở những đám ruộng bị sâu hại từ 70% trở lên; đối với những đám mạ bị sâu hại dưới 70%, trước khi cấy phải tẩm mạ qua thuốc trừ sâu. Tuy được phát hiện sâu bệnh và chỉ đạo phun thuốc trừ sâu cho mạ kịp thời nhưng số mạ bị thiệt hại do sâu bệnh phá hoại vẫn lên tới 90 tấn; các xã, hợp tác xã đã phải gieo thêm gần

¹ Biên bản họp Thường vụ Huyện ủy ngày 4/8/1968.

7 tấn mạ muộn.

Đầu tháng 7/1968, có một số trận mưa khá to; sau đó lại nắng rất gay gắt, gây ra hạn hán kéo dài, nhiều xã và hợp tác xã không có nước cấy. Trước tình hình này, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện cử trên 50 cán bộ trực tiếp xuống lãnh đạo, chỉ đạo các xã Cổ Lũng, Tức Tranh, Vô Tranh, Yên Hân, Yên Cư tập trung nhân lực tu sửa, nạo vét kênh, mương, đắp bờ, lắp máy bơm nước tưới ruộng, thu hẹp diện tích bị hạn, đẩy nhanh tốc độ cấy lúa mùa. Đầu tháng 8/1968, toàn huyện cấy được 2.071,9ha; trong đó, các xã Yên Hân, Quảng Chu, Cổ Lũng, Tức Tranh, Vô Tranh, Sơn Cẩm cấy được 90% diện tích.

Thời tiết tiếp tục có diễn biến thất thường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp của huyện. Đêm 8 rạng ngày 9/8/1968, một trận mưa to kéo dài trên diện rộng, làm nước sông Cầu và các khe, suối ở Phú Lương dâng lên rất cao, gây lũ lụt lớn. Trên địa bàn huyện, số diện tích lúa bị ngập úng lên tới 440,9ha (trong đó có 35ha lúa bị nước xoáy trôi, mất trắng); hơn 2 tấn thóc mạ gieo xuống bị cát, bùn vùi lấp; 18ha đỗ, lạc; 36ha mía, 21ha ngô bị nước ngập làm hư hỏng; 13 ngôi nhà của nhân dân ở thị trấn Chợ Mới và các xã Động Đạt, Sơn Cẩm bị nước cuốn trôi; Xí nghiệp thủy tinh Chợ Mới bị trôi một số nhà và tài sản. Lũ lụt làm cho đất bị sụt lở, vùi lấp 2 đoạn trên Quốc lộ 3, gây tắc đường ô tô ở 2 khu vực xã Thanh Bình và đầu cầu Sáu Hai (thuộc xã Nông Hạ), làm đổ 7 cột điện chạy dọc Quốc lộ 3; dây cáp cầu treo Yên Đình bị đứt; 7 máy bơm nước ở các xã Như Cố và Hợp Thành bị cuốn trôi; chân đập trung thủy nông Núi Phấn (xã Động Đạt) bị xói lở; một đầu cống đập trung thủy nông Phú Đô và hầu hết các công trình thủy nông nhỏ trong huyện bị hư hỏng.

Để khắc phục thiệt hại do lũ lụt gây nên, ngay đêm 8 rạng

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

sáng ngày 9/8/1968, Thường trực Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo khu vực Chợ Mới khẩn trương di chuyển tài sản của tập thể và nhân dân từ chỗ thấp lên chỗ cao; tổ chức việc bảo vệ phà và cầu treo; điện khẩn cho Đảng ủy các xã dọc sông Cầu và các xã có suối to tổ chức việc chống lụt, bảo vệ sản xuất và tài sản của tập thể cũng như của nhân dân; chỉ thị cho các ngành các cấp tập trung lãnh đạo giải quyết hậu quả lũ lụt.

Sáng ngày 10/8/1968, Ban Thường vụ Huyện ủy hội ý, phân công nhau trực tiếp xuống các xã kiểm tra và chỉ đạo giải quyết, khắc phục hậu quả lũ lụt, kịp thời ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

Đến cuối tháng 8 đầu tháng 9/1968, toàn huyện đã căn bản cấy xong lúa mùa. Tuy nhiên, do hạn hán kéo dài và sâu đục thân làm chết nhiều mạ nên toàn huyện còn tới 70,9ha ruộng phải bỏ hoang. Để bù vào diện tích lúa mùa bị hụt, Huyện ủy lãnh đạo các xã, hợp tác xã đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa và vận động nhân dân tích cực trồng các loại cây hoa màu, đưa hệ số quay vòng sử dụng ruộng đất tăng từ 1,2 lần (năm 1967) lên 1,7 lần (năm 1968).

Cuộc động viên chính trị “*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*” đã trở thành động lực thúc đẩy hành động cách mạng cụ thể của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện khắc phục hậu quả thiên tai, giữ vững và phát triển sản xuất nông nghiệp. Nhờ đó, năm 1968 tuy diện tích gieo cấy lúa không đạt kế hoạch, sản lượng thóc giảm 1.750 tấn so với kế hoạch nhưng năng suất các loại hoa màu vẫn đạt bằng, hoặc cao hơn năm 1967.

Xuất phát từ tình hình phong trào thi đua lao động sản xuất năm 1968 của huyện có chuyển biến nhưng chưa mạnh, chưa đồng đều và vững chắc; cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp còn nghèo nàn; sản xuất chưa toàn diện,

năng suất thấp; nghề rừng chưa được coi trọng... Công tác xây dựng Đảng còn có mặt hạn chế, nhất là về quan điểm, lập trường, ý thức tổ chức; các tổ chức quần chúng chưa được củng cố vững chắc, Huyện ủy họp ra Nghị quyết xác định nhiệm vụ của Đảng bộ trong 2 năm (1969 - 1970) là tập trung lãnh đạo sản xuất nông, lâm nghiệp; coi trọng đúng mức phát triển công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp để phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và đời sống nhân dân. Trong sản xuất nông nghiệp, Huyện ủy chủ trương lấy thâm canh tăng năng suất cây trồng và tăng vụ là chính; đồng thời phát triển cân đối giữa cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi; trong lâm nghiệp lấy bảo vệ, trồng và khai thác rừng là nội dung chủ yếu.

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện phát động 4 cao trào: “Thủy lợi - Giao thông - Lâm nghiệp - Phân bón”.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, cán bộ và nhân dân các xã ra sức tu sửa các công trình thủy lợi, quyết tâm bảo đảm nước tưới cho 60% diện tích gieo, cấy lúa. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1969, toàn huyện đã huy động 52.218 công làm thủy lợi; đào đắp 110.369m³ đất, đá; hoàn thành 12 công trình thủy lợi nhỏ (trong đó có 9 hồ, đập ở các xã Phấn Mễ, Yên Đỗ, Yên Trạch, Yên Lạc, Nông Thịnh, Hợp Thành, Quảng Chu, Sơn Cẩm); tu sửa 50 ao, hồ, đập; làm mới 5km mương, máng dẫn nước. So với cùng kỳ năm 1968, phong trào làm thủy lợi năm 1969 đồng đều và đạt kết quả tốt hơn.

Thực hiện cao trào làm phân bón cho vụ mùa, từ tháng 4 đến tháng 7/1969, nhân dân các xã trong huyện đã làm được trên 7.600 tấn phân chuồng, gần 400 tấn phân xanh. Ngoài ra, Phòng Nông nghiệp huyện còn cung cấp cho các hợp tác xã gần 18,5 tấn phân đạm, lân, ka-li...

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Nhờ có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân các xã, hợp tác xã, năm 1969, Phú Lương gieo cấy được 1.436,6ha lúa chiêm, 120ha lúa xuân, 4.008ha lúa mùa; trồng được 499ha ngô, 339,3ha khoai lang, khoai sọ, 1.023ha đậu đỗ, 69ha chè, 19,3ha thuốc lá và 213,6ha rau xanh. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 14.114 tấn (tăng 307 tấn so với năm 1968).

Bước sang năm 1970, thời tiết tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, Nhà nước lại có chính sách mới về ổn định nghĩa vụ đóng góp lương thực của các xã, hợp tác xã nên đã động viên được tinh thần hăng hái lao động của cán bộ, đảng viên và quần chúng ở nông thôn. Vụ đông xuân năm 1969 - 1970, toàn huyện gieo, cấy vượt 80ha lúa chiêm xuân so với năm 1969.

Từ vụ mùa năm 1970, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện lãnh đạo và chỉ đạo các hợp tác xã mạnh dạn đưa các giống lúa mới, có năng suất cao vào đồng ruộng. Tốc độ gieo cấy và thu hoạch lúa mùa đều đảm bảo và vượt kế hoạch thời gian. Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc toàn huyện năm 1970 đạt 14.364 tấn (vượt 250 tấn so với năm 1969).

Theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, ngoài trồng trọt, Huyện ủy Phú Lương rất chú trọng lãnh đạo phát triển chăn nuôi. Ngay từ năm 1968, Huyện ủy ra Nghị quyết chỉ rõ *“Phải tích cực khẩn trương chăm sóc, bảo vệ và phát triển đàn trâu, bò, lợn, trong đó chú trọng đàn trâu, bò, lợn nái sinh sản, nhằm đáp ứng sức kéo và cung cấp giống cho tập thể và hộ gia đình. Phấn đấu mỗi hộ gia đình trên 2 đầu lợn, từ 50 đến 70 con gà, vịt, ngan, ngỗng một năm”*. Đề án phương hướng nhiệm vụ 2 năm (1969 - 1970) của Đảng bộ huyện cũng nhấn mạnh: *“Muốn thâm canh tăng năng suất, phát triển mạnh hoa màu và cây công nghiệp, nhất thiết phải đẩy mạnh chăn nuôi,*

kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, đưa chăn nuôi dần dần trở thành một ngành chính ngang với trồng trọt; phải triệt để phát huy ưu thế chăn nuôi tập thể, nhất là trâu, bò, lợn; tất cả các xã và hợp tác xã đến cuối năm 1969, trên 1ha gieo trồng phải có 2 trâu cày, kéo và 3 lợn”¹.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy và đề án của Đảng bộ huyện, 6 hợp tác xã thuộc các xã Nông Hạ, Nông Thịnh, Thanh Bình đã làm chuồng nhốt trâu, bò tập trung, đảm bảo chắc chắn, thoáng mát về mùa nóng và kín gió, ấm áp về mùa lạnh. Toàn huyện có 5 hợp tác xã tổ chức chăn nuôi lợn tập thể, trong đó, các hợp tác xã Tân Phong (xã Nông Hạ), Tân Thịnh (xã Yên Ninh) đạt kết quả khá. Cuối năm 1969, đàn trâu, bò của huyện có 14.122 con (trong đó có 8.216 con trâu, bò cày, kéo); đàn lợn có 14.037 (trong đó có 1.116 con lợn nái sinh sản). Năm 1969, đàn lợn của huyện tăng chậm hơn so với năm 1968 là do dịch bệnh xảy ra đầu năm làm chết trên 500 con.

Là một huyện có thế mạnh về sản xuất lâm nghiệp, trước tình trạng nạn phá rừng đầu nguồn vẫn còn nghiêm trọng, theo sự chỉ đạo của tỉnh, năm 1968, Huyện ủy Phú Lương lãnh đạo tốt việc nghiên cứu, điều tra và kết luận thực trạng nguồn tài nguyên rừng của địa phương. Trên cơ sở đó, Huyện ủy đã đề ra chủ trương, nhiệm vụ là phải kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, tích cực bảo vệ rừng và có quy hoạch cụ thể đối với diện tích rừng già, trồng cây phủ xanh đồi trọc, nghiêm cấm chặt phá rừng bừa bãi, khẩn trương giải quyết vấn đề định canh định cư để tránh phá rừng...

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy và sau các đợt triển khai thực hiện cuộc động viên chính trị “*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”, trong 3 năm 1968 - 1970, Phú Lương đã

¹ Đề án phương hướng, nhiệm vụ 2 năm (1969 - 1970) của Đảng bộ huyện Phú Lương - Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương 14/4/1969.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hạn chế được nạn phá rừng, trồng thêm nhiều khu rừng mới với trên 160.000 cây, tu bổ gần 10.000ha rừng, khai thác gần 16.000m³ gỗ, trên 3 triệu cây nứa, tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt trên 3 triệu đồng, góp phần tăng thêm thu nhập cho nhân dân.

Ba năm (1968 - 1970) cũng đánh dấu bước phát triển mạnh của ngành thủ công nghiệp Phú Lương. So với năm 1969, năm 1970 nghề rèn tăng gấp 3 lần; các nghề mộc, gò, hàn, đan lát, làm mành xuất khẩu từ chỗ chưa có gì, đã vươn lên đáp ứng từ 25% đến 50% nhu cầu của nhân dân trong huyện. Số thợ thủ công từ 24 người (năm 1966), đã tăng lên 267 người (năm 1970).

Cùng với phát triển sản xuất, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiếp tục được củng cố. Tính đến tháng 3/1968, Phú Lương có 91,2% số hộ nông dân vào hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao, quy mô bình quân mỗi hợp tác xã có 50,8 hộ xã viên.

Đầu năm 1968, Huyện ủy ra Nghị quyết: *“Đẩy mạnh củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, trọng tâm là chỉ đạo tốt cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, đưa 95% số hộ nông dân vào hợp tác xã, 100% là hợp tác xã bậc cao; về quy mô, hợp tác xã bình quân các xã phía nam huyện từ 150 hộ đến 250 hộ, các xã phía bắc huyện từ 50 hộ đến 70 hộ. Phấn đấu cuối năm 1968 phải có 16 hợp tác xã tiên tiến toàn diện, 65 hợp tác xã khá, 36 hợp tác xã trung bình”*.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện tập trung chỉ đạo củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ và nhân dân, trong năm 1968, Phú Lương đã xây dựng thêm được 1 hợp tác xã của đồng bào Dao gồm 17 hộ; kết nạp thêm 555 hộ vào hợp tác xã, đưa số hộ xã viên trong toàn huyện lên 6.572 trong tổng số 7.087 nông hộ, đạt tỷ lệ 93,77%. Các xã Bình Văn, Phấn Mễ,

Ôn Lương, Hợp Thành, Yên Trạch, Yên Đổ, Yên Lạc, Nông Thịnh, Yên Ninh, Phủ Lý, Động Đạt, Phú Đô, Yên Hân, Như Cố, Thanh Bình, Yên Đĩnh và thị trấn Chợ Mới đạt tỷ lệ 90% số nông hộ trở lên vào hợp tác xã. Cuối năm 1968, Phú Lương đã có 71 trong tổng số 77 hợp tác xã nông nghiệp chuyển lên bậc cao (đạt tỷ lệ 97,21%), tăng 35,68% so với đầu năm. Cũng trong năm 1968, Đảng bộ huyện lãnh đạo hợp nhất 57 hợp tác xã nhỏ thành 16 hợp tác xã vừa và lớn. Đảng bộ các xã Yên Hân, Nông Thịnh lãnh đạo xây dựng được hợp tác xã cấp cao toàn xã. Bình quân mỗi hợp tác xã có 86 hộ xã viên; trong đó có hợp tác xã (ở xã Phấn Mễ) có trên 300 hộ xã viên.

Tuy nhiên, đến cuối năm 1968, huyện Phú Lương vẫn còn 515 hộ chưa vào hợp tác xã. Chất lượng các hợp tác xã còn thấp, toàn huyện mới có 5 hợp tác xã tiên tiến (đạt 6,49%), 20 hợp tác xã khá (đạt 25,97%), 38 hợp tác xã trung bình (chiếm 49,35%), 14 hợp tác xã kém (chiếm 18,18%). Số hợp tác xã bậc cao tăng nhưng năng suất, sản lượng thóc không những không tăng mà còn giảm 1.750 tấn so với năm 1967.

Từ tình hình trên, trong 2 năm (1969 - 1970), Đảng bộ tiếp tục tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố hợp tác xã. Đến hết quý III năm 1970, toàn huyện có 95,2% số hộ nông dân vào hợp tác xã (tăng 1,43% so với năm 1968); đưa 126 hợp tác xã nhỏ (bình quân có 48 hộ) lên quy mô vừa và lớn thành 67 hợp tác xã, đạt tỷ lệ 99,45%, bình quân 108 hộ với 70ha ruộng đất. Năm 1966, toàn huyện chỉ có 30% số hợp tác xã bậc cao đến năm 1970, chỉ còn 1 hợp tác xã bậc thấp gồm 27 hộ. Phần lớn các hợp tác xã đã xác định được phương hướng sản xuất, có kế hoạch sản xuất từng năm, từng vụ. Dựa vào phương hướng trên, một số hợp tác xã đã bắt đầu mở rộng trồng nhiều cây, ngành nghề góp phần nâng cao thu nhập cho xã viên.

Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hợp tác

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

xã cũng có những tiến bộ. Các xã và hợp tác xã huy động 99 vạn ngày công đào, đắp 380.000m³ đất, đá làm thủy lợi, đảm bảo đủ nước tưới cho 1.789ha ruộng.

Cũng trong thời gian 3 năm (1968 - 1970), bằng phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, Phòng Giao thông huyện chỉ đạo làm được hơn 140km đường liên huyện, liên xã, liên xóm; 48km bờ vùng, xây dựng 5 cầu xi măng, 18 cầu gỗ, 5 cầu phao và 246 cầu tre, 8 cầu treo. Phong trào giải phóng đôi vai được đẩy mạnh. Các phương tiện vận tải phục vụ sản xuất nông nghiệp được người dân sử dụng ngày càng nhiều. Đến năm 1970, huyện có 1.700 phương tiện vận chuyển các loại như xe quệt, xe cải tiến, xe trâu. Toàn huyện tổ chức được 2 hợp tác xã vận tải thô sơ, gồm 57 xe trâu kéo.

Cùng với việc phát triển sản xuất, trong 3 năm (1968 - 1970), ngành giáo dục tiếp tục phát triển, số học sinh phổ thông các cấp tăng 4.885 em, nâng tổng số học sinh các cấp lên 17.171 em; giáo viên tăng 212 người. Các xã tiếp tục duy trì được 12 lớp bổ túc văn hóa, với 371 học viên. Trường Thanh niên dân tộc nội trú được khôi phục, gồm 10 giáo viên và 80 học sinh. Toàn huyện đã có 13 xã xây dựng được nhà trẻ, mẫu giáo.

Mạng lưới y tế huyện được mở rộng và giữ vững. Đến cuối năm 1970, hầu hết các xã trong huyện đã xây dựng được trạm xá, có y sĩ, y tá thường trực; có cửa hàng bán thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Địa phương hoàn thành phong trào 5 dút điểm trong một thời gian ngắn và đạt chất lượng tốt. Bệnh viện huyện tuy còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhìn chung hoạt động dần dần đi vào nền nếp. Đạo đức người thầy thuốc được phát huy tốt, gây được lòng tin trong nhân dân.

Để đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trong 3 năm 1968 - 1970 và đề ra phương hướng lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm tiếp theo, từ ngày 3 đến ngày 8/11/1970, Đảng bộ

huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XI. Tham dự Đại hội có 123 đại biểu thay mặt cho gần 1.800 đảng viên ở 52 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc. Đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ lần thứ X, Đại hội khẳng định: *“Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của quê hương, ra sức khắc phục mọi khó khăn, trở ngại của thiên tai, địch họa gây ra, nỗ lực phấn đấu giành được nhiều thành tích trên tất cả các mặt sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cải tạo quan hệ sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội...”*.

Đại hội cũng nghiêm khắc kiểm điểm, vạch ra những thiếu sót, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội:

“1- Ba mục tiêu trong nông nghiệp còn đạt ở mức thấp, ba ưu thế của miền núi chưa được phát huy, rừng còn bị tàn phá nghiêm trọng.

2- Phong trào hợp tác hóa còn nhiều mặt yếu về quản lý tư liệu sản xuất và quản lý tài sản; cơ sở vật chất còn nghèo nàn, ngành nghề ít dân chủ chưa cao.

3- Đóng góp và làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước mỗi năm một giảm, đời sống của quần chúng có lúc, có nơi còn gặp nhiều khó khăn.

4- Công tác Đảng còn yếu về tư tưởng, nội bộ đoàn kết nhất trí chưa cao, nhất là khâu tổ chức chỉ đạo, thực hiện. Trình độ quản lý kinh tế, trình độ văn hóa khoa học kỹ thuật còn thấp. Công tác chính quyền và đoàn thể quần chúng chưa phát huy được vai trò, chức năng trên mọi lĩnh vực công tác”.

Đại hội thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong 2 năm 1971 - 1972: *“Phải đáp ứng*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

nhANH chóng, đầy đủ, chất lượng tốt và vô điều kiện mọi yêu cầu của tiên tuyến với khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”; đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng diện tích và tăng vụ, lấy tăng năng suất và tăng vụ lúa, hoa màu và cây công nghiệp làm trọng tâm. coi trọng 4 khâu bảo vệ, tu bổ, trồng cây và khai thác trong nghề rừng, nhằm đảm bảo phát huy được ba thế mạnh ở miền núi”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XI gồm 19 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XI bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 ủy viên. Đồng chí Phan Mục Vinh được bầu làm Bí thư, phụ trách chung; đồng chí Ma Văn Quyên được bầu làm Phó Bí thư, phụ trách công tác Đảng đoàn chính quyền¹.

Triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI, đầu năm 1971, Huyện ủy họp phiên thứ hai, xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ trong thời gian trước mắt. Tháng 4/1971, Huyện ủy tập trung lãnh đạo học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiến hành 3 cuộc cách mạng (quan hệ sản xuất, văn hóa - tư tưởng và khoa học - kỹ thuật).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, vụ đông xuân 1970 - 1971, toàn huyện cấy được 1.650ha lúa chiêm xuân, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch về diện tích và đạt 202% chỉ tiêu kế hoạch cấy lúa xuân giống mới. Tổng sản lượng lúa chiêm xuân năm 1971 toàn huyện đạt 2.686 tấn; năng suất đạt 18,58 tạ/ha một vụ, tăng 30kg so với năng suất cấy lúa chiêm. Các hợp tác xã Liên Hoàn (xã Nông Thịnh), Việt Yên (xã Yên Trạch), Phấn Vàng (xã Phấn Mễ), năng suất đạt 5 tấn và xấp xỉ 5 tấn. Vụ mùa năm 1971, toàn huyện gieo, cấy được

¹ Theo Nghị quyết số 161-NQ/BT ngày 19/12/1970 của Tỉnh ủy Bắc Thái về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương khóa mới.

4.304ha lúa nước và lúa nương, đạt 97,8% chỉ tiêu kế hoạch, trong đó 45% diện tích được gieo cấy các giống lúa mới (Mộc tuyền, Nông nghiệp 5, Nông nghiệp 8). Tuy nhiên, do lụt và sâu bệnh phá hoại, nên toàn huyện mất trắng khoảng 220ha lúa, trong đó các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Thanh Bình bị thiệt hại nặng hơn cả¹. Từ năm 1971, huyện đã bồi dưỡng kỹ thuật cấy mới (cấy ngửa tay, cấy chằng dây) cho hơn 300 người và tiếp tục phổ biến rộng rãi đến đông đảo quần chúng nhân dân. Phong trào làm phân bón ruộng tiếp tục được đẩy mạnh, người dân tích cực tận dụng các nguồn phân xanh, phân chuồng, bình quân bón 3,8 tấn phân/ha.

Ngoài lúa, nhân dân trong huyện còn trồng được 725ha ngô, 600ha sắn, trên 300ha khoai lang, 72,6ha mía, 47,6ha thuốc lá và trồng mới thêm được 24,5ha chè, 26ha rau xanh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, chăn nuôi tiếp tục được đẩy mạnh. Năm 1971, trong toàn huyện, đàn lợn có 14.993 con, không kể 269 con được nuôi tại 9 cơ sở chăn nuôi tập thể; đàn trâu, bò có 12.096 con.

Năm 1971, sản xuất lâm nghiệp của huyện gặp nhiều khó khăn do nạn đốt, phá rừng làm nương rẫy ở các xã Như Cố, Yên Đĩnh, Bình Văn... xảy ra nghiêm trọng hơn các năm trước; diện tích rừng bị đốt phá lên tới khoảng 300ha. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do Nhà nước chưa có Pháp lệnh bảo vệ rừng; các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện xuống các xã chưa có biện pháp quản lý, giáo dục, ngăn chặn, chưa tổ chức được các tổ, nhóm tu bổ, bảo vệ rừng. Mặt khác, việc làm nương rẫy có phần đỡ vất vả hơn so với làm ruộng, lại trốn được thuế và nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước nên đã thúc đẩy số người tham gia đốt, phá rừng làm nương, rẫy ngày càng tăng.

¹ Báo cáo số 08/BC/HU ngày 28/11/1971 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về tổng kết công tác năm 1971, tr.1-2.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Trước tình trạng đó, Đảng bộ không kịp thời có biện pháp lãnh đạo để ngăn chặn; công tác giáo dục chính trị tư tưởng có lúc bị buông lỏng. Đó chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự tan vỡ hàng loạt hợp tác xã, đội sản xuất ở các xã Bình Văn, Phú Đô, Sơn Cẩm, Vô Tranh... Ở nhiều xã khác, hợp tác xã nông nghiệp cũng nằm trong tình trạng không ổn định. Đến cuối năm 1971, tỷ lệ số hộ vào hợp tác xã giảm từ 95,2% (quý III năm 1970), xuống còn 80,4%¹.

Sự giảm sút của phong trào hợp tác xã là một trong những nguyên nhân hạn chế đến kết quả lãnh đạo của Đảng bộ đối với nhiệm vụ huy động sức người, sức của chi viện tiền tuyến. Bên cạnh các xã Hợp Thành, Ôn Lương có phong trào hợp tác xã khá, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu, các xã Bình Văn, Phú Đô, Vô Tranh, Yên Lạc... có nhiều hợp tác xã bị tan vỡ hoặc yếu kém, cán bộ, đảng viên không thực sự gương mẫu cho con em đi bộ đội; cấp ủy đảng, chính quyền không tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; các đoàn thể thanh niên, phụ nữ không được củng cố vững mạnh; số quân nhân bỏ ngũ² về không được xử lý kịp thời, ảnh hưởng xấu đến phong trào thanh niên nhập ngũ, tuyển quân đạt chỉ tiêu thấp. Năm 1971, Đảng bộ huyện Phú Lương lãnh đạo tiến hành 3 đợt động viên tuyển quân, chi viện chiến trường nhưng cũng chỉ huy động được 246 người vào bộ đội, đạt 51% chỉ tiêu kế hoạch.

Những năm 1970 - 1972, phong trào làm đường giao thông từ huyện đi các xã, đường dân sinh được đông đảo nhân dân ủng hộ. Đặc biệt, Huyện ủy giao cho Huyện Đoàn huy động thanh niên tham gia "*Chiến dịch Khe Sanh*" làm đường vào các

¹ Báo cáo tổng kết năm 1971 của Huyện ủy Phú Lương.

² Theo Báo cáo tổng kết năm 1971, toàn huyện Phú Lương có 144 quân nhân đảo, bỏ ngũ về địa phương.

xã Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư. Ngay đầu năm 1970, đợt 1 của chiến dịch được tiến hành, trong 2 tháng đã huy động được 745 thanh niên, dân quân, học sinh các trường cấp II tham gia lao động trên công trường, đào đắp được 9.414m³ đất¹ và hoàn thành tuyến đường vào tới xã Như Cố. Trong đợt 2 (bắt đầu từ tháng 6/1972), huyện tiếp tục làm tuyến Yên Đĩnh - Yên Cư, mở đường lên đỉnh dốc Bình Văn².

Năm 1971, sự lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng bộ còn yếu, một số cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc về nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Các cấp ủy đảng, chính quyền còn hữu khuynh không có biện pháp xử lý đối với những trường hợp không thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Mặt khác, một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu³, nêu gương xấu cho quần chúng, nên kết quả lãnh đạo nhân dân làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước năm 1971 đạt rất thấp. Đến ngày 10/11/1971, toàn huyện mới nhập kho được 322.100kg thóc thuế và nghĩa vụ (so với chỉ tiêu chỉ đạt được trên 20%); thực hiện nghĩa vụ bán thịt lợn hơi mới được 33.566kg (đạt 37,2% kế hoạch), thịt trâu, bò hơi 64.000kg, gà 588kg, cá 772kg và rau 134.574kg⁴.

Để khắc phục những mặt yếu, kém trên đây, căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra một số mục tiêu lớn cần phải tập trung lãnh đạo để đạt được trong năm 1972:

¹ Báo cáo số 05/BC/HU ngày 8/4/1970 của Huyện ủy Phú Lương về tình hình công tác quý I năm 1970, tr.2.

² Báo cáo số 06/BC/HU ngày 4/8/1970 của Huyện ủy Phú Lương về sơ kết 6 tháng đầu năm 1972, tr.6.

³ Báo cáo tổng kết năm 1971 của Huyện ủy Phú Lương.

⁴ Báo cáo tổng kết năm 1971 của Huyện ủy Phú Lương.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

1- Đưa tổng sản lượng chiêm xuân tăng trên 20%, lúa mùa tăng trên 15%, khoai lang tăng gấp đôi; đàn lợn tăng 8%, đàn trâu, bò tăng 5% so với năm 1971.

2- Phục hồi lại các hợp tác xã đã bị tan vỡ.

3- Hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm và động viên tuyển quân, chi viện chiến trường, trong đó lương thực phải đạt được mức giao ổn định là 1.600 tấn thóc.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 1/1/1972, Ủy ban Hành chính huyện tổ chức Đại hội ra quân sản xuất với sự tham gia của hơn 2.100 cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên và dân quân, tự vệ. Tiếp đó, Huyện ủy mở Hội nghị quán triệt Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chỉ thị 905 của Ủy ban Hành chính tỉnh và Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, nhằm nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ cơ sở, khôi phục, củng cố và giữ vững phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Sau Hội nghị, Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo chính quyền và các ban, ngành thành lập các đoàn cán bộ tăng cường xuống cơ sở chỉ đạo khôi phục và củng cố phong trào hợp tác xã ở các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ, Động Đạt, Phủ Lý, Phú Đô, Hợp Thành, Yên Đổ, Bình Văn. Sau 1 tháng chỉ đạo thực hiện, các đoàn cán bộ tăng cường cơ sở đã lãnh đạo, chỉ đạo khôi phục được 1 hợp tác xã ở xã Động Đạt, 1 hợp tác xã ở xã Phủ Lý và 1 đội sản xuất ở xã Phấn Mễ, với trên 100 hộ trở lại làm ăn tập thể. Tuy nhiên, cùng thời gian trên, các xã Vô Tranh, Hợp Thành lại tiếp tục tan vỡ thêm 8 đội sản xuất, nên toàn huyện vẫn còn hơn 600 hộ làm ăn cá thể.

Trước tình hình đó, Huyện ủy tăng cường lãnh đạo các xã,

hợp tác xã tổ chức tuyên truyền, giáo dục rộng rãi Nghị quyết 195 và Nghị quyết 19 của Trung ương, Chỉ thị 905 của Ủy ban Hành chính tỉnh và Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp trong Đảng bộ và nhân dân toàn huyện; đồng thời tập trung thêm cán bộ, phân công xuống các trọng điểm, vận động nhân dân và chỉ đạo khôi phục, củng cố hợp tác xã.

Tuy Huyện ủy có nhiều biện pháp khắc phục, nhưng phong trào hợp tác hóa trong huyện vẫn không được cải thiện. Nhiều hợp tác xã tiếp tục tan vỡ; một số hợp tác xã khá ở các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Nông Thịnh cũng có hiện tượng hàng loạt đội sản xuất tan vỡ, xã viên bỏ sản xuất tập thể, đi phát rừng, đốt nương, làm rẫy. Phong trào hợp tác xã giảm sút nghiêm trọng. Đến cuối quý I năm 1972, tỷ lệ số hộ nông dân vào hợp tác xã giảm xuống chỉ còn 68%¹.

Sự yếu kém của phong trào hợp tác hóa ở Phú Lương trong những năm 1971 - 1972 là do những nguyên nhân cơ bản sau đây:

- Một là, phong trào hợp tác xã tuy đã xây dựng được nhiều năm, nhưng không được củng cố vững chắc; các hợp tác xã chưa có phương hướng sản xuất rõ ràng, chưa có kế hoạch sản xuất hàng vụ, hàng năm và kế hoạch sản xuất dài hạn. Ban Quản trị hợp tác xã giao chỉ tiêu diện tích, năng suất, sản lượng cho các đội sản xuất còn chung chung.

- Hai là, việc phân phối ăn chia trong các hợp tác xã, các đội sản xuất còn tùy tiện; hiện tượng cán bộ (từ đội phó trở lên) lợi dụng chức quyền, tham ô công điểm, tiền của của hợp tác xã, hoặc giấu giếm diện tích, sản lượng để tham ô tập thể khá phổ biến.

- Ba là, công tác quản lý lao động, quản lý ruộng đất không chặt chẽ; tệ lẩn chiếm ruộng đất, phá rừng làm nương rẫy, bỏ

¹ Báo cáo của Huyện ủy Phú Lương quý I năm 1972.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

sản xuất tập thể ra sản xuất riêng lẻ diễn ra rất nghiêm trọng.

- Bốn là, một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất; một số lợi dụng chức quyền vay mượn, tham ô thóc, tiền của hợp tác xã thì muốn hợp tác xã tan vỡ để xóa nợ, phi tang; số có nhiều ruộng đất, nhân lực, có kinh nghiệm làm ăn thì muốn hợp tác xã tan vỡ để sản xuất riêng lẻ nhằm kiếm lời riêng; một số khác không đấu tranh nổi với 2 loại trên thì sinh ra tiêu cực, sợ thù oán, thoái thác trách nhiệm dẫn đến Đảng bộ, chi bộ kém nết, bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể rời rạc, tê liệt¹.

Để khắc phục những mặt yếu, kém trên đây, Huyện ủy tập trung lãnh đạo mở các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý kinh tế, trình độ kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Huyện ủy trực tiếp duyệt kế hoạch sản xuất, kịp thời đề ra chủ trương lãnh đạo đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào canh tác; lãnh đạo các ngành ngân hàng, vật tư nông nghiệp phát huy chức năng, phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cũng được giữ vững và phát triển, song chưa mạnh, chưa đáp ứng được yêu cầu tuyên truyền phục vụ cho các đợt vận động chính trị lớn.

Trước tình hình địch tiếp tục hoạt động do thám và có khả năng gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, Đảng bộ huyện Phú Lương tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ và nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác, thực hiện tốt công tác phòng không sơ tán, duy trì nếp sinh hoạt, làm việc theo thời chiến, sửa chữa hầm hào ở những nơi trọng điểm có thể bị địch đánh phá. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố và phát triển. Riêng 6 tháng đầu năm 1969, toàn huyện đã kết nạp thêm 93 dân quân, du kích.

¹ Báo cáo tổng kết công tác năm 1972 của Huyện ủy Phú Lương.

Nhờ Đảng bộ coi trọng lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nên mặc dù địch thả truyền đơn (ngày 28/5/1969) xuống các xã Yên Đổ, Yên Lạc, Động Đạt, Phú Đô, Vô Tranh, Tức Tranh, Phủ Lý, Hợp Thành, Ôn Lương xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng nhân dân các dân tộc trong huyện vẫn không dao động, giữ vững niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang thu được nhiều thắng lợi to lớn, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của dân tộc ta đã từ trần vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 2/9/1969. Sự ra đi của Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong đó có Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương lòng tiếc thương vô hạn. Lúc sinh thời, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, mặc dù bận trăm công nghìn việc, nhưng ngày 26/11/1951, Người vẫn dành thời gian để thăm hỏi, động viên và nói chuyện với cán bộ huyện Phú Lương, dự Hội nghị bàn về chính sách thuế nông nghiệp, tăng gia sản xuất, sửa chữa cầu đường... Ngày 31/12/1962, Người đến thăm trường Thanh niên Lao động xã hội chủ nghĩa huyện Phú Lương và căn dặn *“Phải nêu cao tinh thần làm chủ, đoàn kết giúp nhau như anh em một nhà. Mọi người cần phải khắc phục khó khăn, xây dựng, củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, làm cho đời sống ấm no”*¹.

Vinh biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày 6 đến ngày 9/9/1969, Đảng bộ, chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể các cấp trong huyện đã long trọng tổ chức Lễ truy điệu Người. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương quyết tâm biến đau thương thành hành động cách mạng, quyết tâm thực hiện bằng được những vụ mùa có năng suất cao, đẩy mạnh “ba

¹ Công an nhân dân Thái Nguyên - Lịch sử biên niên 1954 - 1975, tr.137.

cao trào”: thủy lợi, giao thông và trồng cây gây rừng...

Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuối năm 1969, đầu năm 1970, Đảng bộ huyện Phú Lương đã tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện 3 cuộc vận động chính trị lớn đó là: Lao động sản xuất, phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên nông thôn; nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “*Lớp Hồ Chí Minh*”.

Ngày 25/5/1970, Huyện ủy họp bàn triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6/3/1970 của Bộ Chính trị về cuộc vận động “*Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh*” và Chỉ thị số 175-CT/TW ngày 14/4/1970 về Hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh. Hội nghị nhận định, trước khi bước vào cuộc vận động chính trị “*Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có nhiều mặt yếu, kém: “80% đảng viên nông thôn xuất hiện tư tưởng, công thần địa vị, lười sinh hoạt, ít tham gia lao động tập thể đối với hợp tác xã, bảo thủ trì trệ, không chịu tiếp thu cái mới, thiếu nhiệt tình, thiếu ý thức phấn đấu vươn lên, không muốn nhận nhiệm vụ. Nghiêm trọng hơn, một số đảng viên có chức, có quyền từ đội phó trở lên đều mắc khuyết điểm vay mượn, nợ nần không đúng nguyên tắc chính sách hoặc tham ô tài sản hợp tác xã. Một số đảng viên được bầu là cấp ủy viên hoặc ủy viên Ủy ban Hành chính xã nhưng không hoạt động, công tác; số ủy viên chuyên trách có hoạt động nhưng chung chung*”¹. Hội nghị ra Nghị quyết nêu rõ: Thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 175 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*là một cuộc*

¹ Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết 195 của Huyện ủy Phú Lương.

vận động xây dựng Đảng, có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ công tác củng cố và xây dựng Đảng”.

Sau Hội nghị, Huyện ủy tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành và các đơn vị tổ chức triển khai cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, học tập Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 175 của Ban Bí thư Trung ương. Năm 1970, toàn Đảng bộ đã có 1.260 đảng viên tham gia học tập (đạt tỷ lệ 70,7%). Các chi, đảng bộ thị trấn Chợ Mới và các xã Yên Đĩnh, Yên Đỗ tỷ lệ đảng viên tham gia học tập khá cao.

Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, mọi đảng viên trong Đảng bộ đã liên hệ kiểm điểm trách nhiệm cá nhân về ý thức giai cấp, tinh thần của người đảng viên đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hiện tại.

Sau hơn 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 175 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đến cuối năm 1970, có 350 đảng viên sinh hoạt trong các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn chuyển biến rõ rệt, tiếp tục nhận công tác, tham gia sinh hoạt, lao động tập thể và đóng góp xây dựng hợp tác xã. Một số đảng viên vay mượn, nợ nần hợp tác xã không đúng nguyên tắc, chính sách, đã tự giác trả lại cho tập thể.

Tuy nhiên, kết quả cuộc vận động chính trị trong Đảng bộ chưa cao. Đảng bộ các xã Túc Tranh, Phú Đô, Nông Hạ, tỷ lệ đảng viên tham gia học tập còn thấp; cá biệt, Đảng bộ xã Bình Văn không tổ chức được việc triển khai học tập cho cán bộ, đảng viên. Qua học tập, liên hệ, kiểm điểm, mặc dù đa số cán bộ, đảng viên thấy được thiếu sót, khuyết điểm của mình nhưng chưa đề ra được phương hướng và biện pháp khắc phục một cách cụ thể. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến chất lượng đảng viên của Đảng bộ huyện chậm được nâng lên. Trong năm 1970, đảng bộ vẫn còn 110 đảng viên xin ra hợp tác xã. Trong

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

các chi, đảng bộ ở nông thôn, số đảng viên xuất sắc mới chiếm 3,1%; số đảng viên phấn đấu tốt 32%, số đảng viên phấn đấu chưa tốt và kém chiếm tới gần 65%. Trong các chi, đảng bộ khối cơ quan, tỷ lệ đảng viên xuất sắc là 9,5%; đảng viên phấn đấu tốt chiếm 63,2%; số còn lại là phấn đấu chưa tốt và kém..

Trong cuộc vận động “*Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh*”, toàn đảng bộ kết nạp được 22 đảng viên mới; đồng thời đưa 33 đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, xóa tên khỏi danh sách 3 đảng viên, thi hành kỷ luật lưu Đảng 8 đảng viên.

Cùng với nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, Đảng bộ coi trọng lãnh đạo công tác an ninh. Ngày 16/3/1972, Ban Thường vụ Huyện ủy ra chỉ thị chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân trong huyện phải “*Tăng cường đoàn kết một lòng, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt địch, đập tan âm mưu phiêu lưu chiến tranh của đế quốc Mỹ, hăng hái thi đua sản xuất tiết kiệm, xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương vững mạnh đối với tiền tuyến lớn anh hùng*”.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy, cơ quan quân sự các cấp trong huyện phối hợp với các ngành chức năng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố và huấn luyện lực lượng vũ trang địa phương. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ hàng năm đều đạt kết quả tương đối tốt; đợt tuyển quân lần 1 năm 1972, toàn huyện vượt chỉ tiêu 22,1%. Ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu trong cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang được đề cao.

Trong khi đó, về phía đế quốc Mỹ, sau đòn tiến công chiến lược xuân - hè năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam, cùng với âm mưu “*Mỹ hóa*” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, ngày 6/4/1972, chúng huy động lực lượng lớn không

quân, hải quân gây lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Do đã dự đoán được âm mưu của đế quốc Mỹ và có sự chuẩn bị từ trước, quân và dân ta bình tĩnh, chủ động và tự tin bước vào cuộc chiến đấu mới. Ngày 16/4/1972, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi *“Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, triệu người như một nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên quyết chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà. Các lực lượng vũ trang nhân dân hãy dũng cảm xông lên, liên tục chiến đấu, giết giặc, cứu nước...”*.

Quán triệt lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái họp phiên bất thường, phân công cán bộ đi kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không sơ tán và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu của các cơ quan và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, huyện, thành trong tỉnh. Ngày 19/4/1972, Ủy ban Hành chính tỉnh ra *“Chỉ thị tăng cường công tác tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay”*. Chỉ thị khẳng định Thái Nguyên sẽ là mục tiêu đánh phá của không quân địch; quân, dân trong tỉnh phải nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và tăng cường công tác phòng không sơ tán. Ngày 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết nêu rõ *“Để đối phó với những âm mưu độc ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, vấn đề khẩn trương trước mắt là cần phải tiến hành gấp việc tổ chức sơ tán, phân tán, dân bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất nếu địch đánh phá; đồng thời vẫn phải bảo đảm sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt”*.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ủy ban

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Hành chính tinh, rút kinh nghiệm trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, Huyện ủy kiên quyết lãnh đạo thực hiện tốt công tác phòng không sơ tán. Các ban phòng không nhân dân, cấp cứu phòng không từ huyện xuống xã được củng cố, kiện toàn. Hệ thống hầm, hào được tu sửa và làm thêm. Những khu vực trọng điểm, những tụ điểm dân cư dọc theo Quốc lộ 3... được tổ chức sơ tán triệt để.

Nhờ Đảng bộ lãnh đạo tốt công tác phòng không, sơ tán nên trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, tuy máy bay Mỹ đánh phá Phú Lương một số trận nhưng tính mạng, tài sản của cán bộ các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn huyện vẫn được bảo đảm an toàn. Ngày 25/9/1972, giặc Mỹ cho nhiều tốp máy bay vào đánh phá Mỏ than Phấn Mễ. Do công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng tránh và tổ chức sản xuất của Đảng ủy và Ban Giám đốc Mỏ phù hợp với tình hình thời chiến nên đã hạn chế được thiệt hại do bom đạn địch gây ra.

Cuối tháng 6 - đầu tháng 7/1972, Huyện ủy Phú Lương lãnh đạo triển khai đợt học tập, quán triệt Nghị quyết số 17 ngày 15/6/1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái đạt kết quả tốt. Qua học tập, hầu hết cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thấy rõ được nhiệm vụ *“Giữ vững và phát triển sản xuất trong thời chiến, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Động viên sức người, sức của chi viện cao nhất cho tiền tuyến”* do Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra. Huyện ủy lãnh đạo đợt huy động dân công và dân quân tham gia sửa chữa mặt cầu cáp và đường ngầm Sơn Cẩm đạt kết quả tốt.

Không đạt được mục tiêu của cuộc chiến tranh lại bị tổn thất nặng nề trong cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 ném bom xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác (từ ngày 18 đến ngày 29/12/1972), ngày 15/1/1973, giới cầm quyền Mỹ

buộc phải tuyên bố “chấm dứt mọi hoạt động bao gồm ném bom, bắn trọng pháo và thả mìn” ở miền Bắc Việt Nam. Ngày 27/1/1973, chúng phải ký kết “Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, rút hết quân Mỹ, quân chư hầu và các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Hiệp định Pa-ri được ký kết là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong gần 20 năm chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh; đồng thời tạo ra những cơ sở pháp lý mới rất thuận lợi cho quân và dân ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước đi đến thắng lợi cuối cùng.

VI. Tăng cường tiềm lực mọi mặt, cùng cả nước dồn sức chi viện giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)

Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, tranh thủ điều kiện hòa bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương ra sức đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, tăng cường chi viện chiến trường để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Tuy vậy, trong hoàn cảnh lịch sử mới, huyện Phú Lương phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách. Phú Lương vẫn chưa khắc phục được tình trạng lấn chiếm ruộng đất của hợp tác xã, năng suất lao động còn thấp do chưa tổ chức được việc phân công lao động mới, trong khi đó cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn. Một số hợp tác xã nông nghiệp vẫn chưa được khôi phục, một số hợp tác xã sau khi được phục hồi, vẫn chưa được củng cố vững chắc.

Trước tình trạng trên, với khẩu hiệu hành động: “Xuống đội, lội đồng, vào chuồng, thông kỹ thuật, bắt điển hình”, các đồng chí Huyện ủy viên dành nhiều thời gian xuống các xã, hợp tác xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, tăng năng suất và sản lượng lương thực, Huyện ủy ra nghị quyết quy định cơ cấu giống cho từng vụ và đầu tư phân bón cho đồng ruộng. Thực hiện nghị quyết của Huyện ủy, một số hợp tác xã phía bắc vận động các gia đình xã viên nhất lợn lấy phân bón ruộng; hướng dẫn nhân dân nuôi bò hoa dâu, làm phân xanh, sử dụng phân hóa học và áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn có hiệu quả. Cửa hàng vật tư nông nghiệp huyện bán phân hóa học cho nông dân tăng gần 30% so với năm 1970.

Nhờ có biện pháp cụ thể, sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ và chính quyền các cấp, Phú Lương đã phấn đấu hoàn thành vượt mức diện tích cấy lúa so với kế hoạch, trong đó gần 70% là giống lúa mới. So với năm 1970, diện tích lúa năm 1973 tăng 5,3%; năng suất tăng 13,5%; tổng sản lượng tăng 17,7%¹. Đến năm 1974, năng suất lúa đạt hơn 4,5 tấn/ha (vượt mức chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI đề ra 1%), tăng 20% so với năm 1970; tổng sản lượng đạt 14.324 tấn (tăng 20,1%). Các hợp tác xã Phấn Vàng, Việt Yên đạt 5 tấn/ha. Trong năm 1974, cả hai vụ lúa Phú Lương được mùa lớn; xã nào, hợp tác xã nào cũng có ruộng, có đội đạt 5 tấn thóc/ha².

Cùng với lúa, Huyện ủy chú trọng phát triển cây chè. Các hợp tác xã: Phấn Vàng (xã Phấn Mễ), Việt Yên (xã Yên Trạch)... vừa thâm canh cây lúa, giải quyết tốt lương thực, vừa mở rộng diện tích trồng chè. Các hợp tác xã Bình Long (xã Vô Tranh), Giang Tiên (xã Cổ Lũng), từ chỗ hầu như không có cây chè, đã trồng được hàng chục héct-a chè đúng kỹ thuật... Tính đến năm 1973, toàn huyện trồng được 242ha chè (đạt 100% kế hoạch tỉnh giao); vùng phía Nam huyện bắt đầu hình thành nhiều

¹ *Bản kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương (khóa XI) - 1974.*

² *Báo cáo số 5/BC-HU ngày 30/4/1975 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương trước Đại hội Đảng bộ lần thứ XII.*

hợp tác xã chuyên canh chè.

Những xã và hợp tác xã có cơ sở chăn nuôi tập trung (Giang Tiên, Phấn Vàng) trồng thêm khoai lang và các loại rau để tăng thức ăn cho gia súc. Để động viên khuyến khích nông dân bán lợn cho Nhà nước, huyện chủ trương hỗ trợ thóc cho các gia đình chăn nuôi. Nhờ đó, trong năm 1973, huyện Phú Lương đã đạt và vượt chỉ tiêu trên giao về nghĩa vụ thực phẩm. Năm 1973, ở hợp tác xã Bá Sơn, hầu như hộ gia đình nào cũng có từ 2 đến 6 con lợn; có hộ nuôi 11 - 12 con. Đây là hợp tác xã dẫn đầu huyện về làm nghĩa vụ thực phẩm (vượt gần 5 tấn so với chỉ tiêu kế hoạch được giao).

Năm 1974, đàn trâu của huyện có 14.298 con (đạt 89,3% kế hoạch), tăng 6,4%; đàn lợn có 16.579 con (đạt 92,1% kế hoạch), tăng 9,4% so với năm 1970.

Nghề nuôi, thả cá cũng được chú ý phát triển. Đảng bộ vận động nhân dân thực hiện công hữu hóa hồ, ao có quy mô diện tích từ 100m² trở lên để nuôi, thả cá; giúp đỡ các hợp tác xã đã có hồ, ao về kinh nghiệm kinh doanh cá, tiếp tục ổn định và nhân rộng trong toàn huyện. Nhiều địa phương trong huyện phát triển nghề nuôi cá đạt hiệu quả tốt, điển hình là các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, Ôn Lương...

Tuy nhiên, chăn nuôi thời kỳ này cũng còn nhiều khó khăn, tháng 10/1974, Huyện ủy tổ chức Hội nghị tổng kết công tác chăn nuôi 2 năm (1973 - 1974). Hội nghị khẳng định: *“Chăn nuôi tuy có nhiều tiến bộ nhưng chưa nhận thức đầy đủ Nghị quyết của Trung ương Đảng, còn ngại khó hoặc tổ chức nuôi không tốt bị lơ là bỏ, chưa mạnh dạn đầu tư vốn nên đàn lợn tập thể và gia đình chưa đáp ứng được nhu cầu phục vụ nhân dân và làm nghĩa vụ với Nhà nước”*.

Do làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đời sống

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

nhân dân có phần được cải thiện, cho nên việc thực hiện nghĩa vụ lương thực có nhiều chuyển biến tốt hơn trước. Riêng trong 2 năm (1972 - 1973), mức huy động lương thực ở cửa hàng Đu tăng 12,23% so với năm 1970. Các hợp tác xã Hồng Lê (xã Động Đạt), Phấn Vàng (Phấn Mễ), Môn Bình (Hợp Thành), Xuân Phú (xã Ôn Lương) hoàn thành vượt mức chỉ tiêu làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Các hợp tác xã khác cũng hoàn thành hoặc xấp xỉ hoàn thành kế hoạch.

Rừng và đất rừng là một tiềm năng lớn, thế mạnh của Phú Lương. Tuy nhiên, tiềm năng này chưa được khai thác tốt. Trước tình hình đó, giữa năm 1974, Huyện ủy đưa ra chủ trương các hợp tác xã đều phải làm nghề rừng, trồng cây, tổ chức đội chuyên khai thác, tu bổ và bảo vệ rừng..

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, từ cuối năm 1974, nghề rừng ở Phú Lương có bước phát triển mới. Những khu rừng gỗ mỡ, bồ đề, vầu... được tu bổ và phát triển. Các hợp tác xã ở Nông Thịnh, Nông Hạ có biện pháp duy trì nghề rừng tương đối tốt, giá trị tổng sản lượng thu trên 1 triệu đồng, bình quân nhân khẩu nông nghiệp 19,0 đồng¹. Song, tệ nạn phá rừng làm nương, rẫy trồng lúa, ngô vẫn xảy ra nghiêm trọng ở nhiều nơi trong huyện. Hằng năm, số rừng bị tàn phá trên dưới 500ha; trong khi đó, Lâm trường Nhà nước trồng 3 năm (1971 - 1973) mới được 129ha.

Các công trình giao thông, thủy lợi phát triển ngày một tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lưu thông phân phối trên địa bàn huyện và với các huyện bạn. Các hợp tác xã vận động xã viên bỏ ra hàng chục vạn ngày công lao động xã hội chủ nghĩa để xây dựng cơ sở vật chất, làm các công trình phúc lợi công cộng của các hợp tác xã và tận dụng các nguồn hỗ trợ của

¹ Báo cáo số 5/BC-HU ngày 30/4/1975 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương trước Đại hội Đảng bộ lần thứ XII.

Nhà nước để phát triển hệ thống thủy lợi...

Một trong những nhiệm vụ hàng đầu được Đảng bộ quan tâm là củng cố và đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI (năm 1970) đề ra mức “Phấn đấu đến cuối năm 1973 đưa được 95% hộ nông dân lao động vào làm ăn tập thể và giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng xã viên chấp hành tốt Điều lệ hợp tác xã và chế độ chính sách quản lý tư liệu sản xuất, thực hiện tốt 3 cuộc cách mạng, đẩy mạnh phong trào tiến lên mạnh mẽ”.

Huyện ủy xác định: *“Muốn đưa giai cấp nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội, không có con đường nào khác con đường đưa nông dân vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, có hợp tác xã thì ở nông thôn mới có chủ nghĩa xã hội, có hợp tác xã nông nghiệp thì mới thực hiện được Nghị quyết lần thứ 19 của Ban Chấp hành Trung ương là đưa nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”¹.*

Nhằm khắc phục những mặt yếu kém trong những năm trước, ngay sau Đại hội XI, Huyện ủy lãnh đạo tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập Nghị quyết 195 của Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, kết hợp học tập Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; lấy việc củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất làm trọng tâm; đồng thời nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên ở nông thôn về công tác quản lý hợp tác xã, kỹ thuật cấy lúa...

Thông qua việc học tập Nghị quyết 19, 20 của Trung ương, Huyện ủy kiểm điểm sâu sắc những ưu, khuyết điểm trong lãnh đạo củng cố phong trào hợp tác xã; tổ chức cho cán bộ xã đi tham quan học tập điển hình tiên tiến ở các huyện, tỉnh

¹ Bản kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương khóa XI.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

bạn; tập trung lực lượng cán bộ xuống cơ sở để củng cố, giữ vững và phát triển phong trào hợp tác xã.

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Phú Lương ra Nghị quyết nêu rõ: Cần phải kiên trì, giữ vững quy mô hợp tác xã hiện có trong toàn huyện để ổn định đối với những nơi hợp tác xã tạm thời tan vỡ... Đối với những hộ xin ra hợp tác xã, kiên quyết thực hiện đúng tinh thần Chỉ thị 905 của Tỉnh ủy Bắc Thái về ruộng đất, trâu cày... Căn cứ vào quy định của tỉnh về chế độ phụ cấp công cho cán bộ hợp tác xã, huyện đề ra những quy định cụ thể cho từng loại hợp tác xã có quy mô khác nhau, cán bộ chuyên trách khác nhau, theo đúng nguyên tắc *"làm nhiều hưởng nhiều, không làm không hưởng"*, huyện cũng chỉ đạo kiên quyết đấu tranh thu róc nợ để hợp tác xã có vốn sản xuất kinh doanh; những trường hợp ngoan cố sẽ kiên quyết xử lý; thực hiện thí điểm công tác *"ba khoán"* ở hợp tác xã Yên Thịnh (xã Yên Ninh); tập huấn *"ba khoán"* và kỹ thuật cây, con cho cán bộ huyện, xã, hợp tác xã trong toàn huyện; xây dựng nội quy quản lý đàn trâu hợp tác xã; hàng năm tiến hành bình xét loại, phát công điểm hai lần cho sát tình hình chăm sóc, bảo vệ gia súc của từng hộ xã viên.

Ngày 20/11/1973, Huyện ủy mở Hội nghị tổng kết 13 năm (1960 - 1973) xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình, Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng phong trào hợp tác hóa năm 1974 và những năm tiếp theo. Nhờ có đường lối, chủ trương đúng đắn và quyết tâm cao của Đảng bộ cũng như của nhân dân các dân tộc trong huyện, một số hợp tác xã tan vỡ được phục hồi. Số hộ nông dân vào hợp tác xã tăng từ 68,1% (năm 1971), lên 74% (năm 1974). Toàn huyện có 16 hợp tác xã tiên tiến, 20 hợp tác xã trung bình, 13 hợp tác xã kém, 6 hợp tác xã yếu

kém và 8 hợp tác xã mới được phục hồi. Các hợp tác xã Phú Thành (xã Phấn Mễ), Đồng Chùa, Đồng Tâm (xã Tứ Tranh)... là những hợp tác xã điển hình tiên tiến của huyện. Đến hết quý I/1975, toàn huyện có 6.233 hộ (chiếm 82,3% số nông hộ) và trên 4.000ha ruộng đất canh tác (chiếm 83% tổng số diện tích canh tác toàn huyện) đã vào hợp tác xã¹.

Là một huyện có khả năng rất lớn về phát triển thủ công nghiệp nhưng nghề thủ công chưa được phát triển đúng mức, giá trị các mặt hàng thủ công chưa cao, chưa thu hút được người dân tham gia. Trên địa bàn huyện có 2 nhà máy công nghiệp của tỉnh là Nhà máy giấy 62 và Nhà máy đường nhưng chỉ có Nhà máy giấy hoạt động tương đối tốt, đời sống công nhân ổn định, còn Nhà máy đường do nguồn mía không đủ cung cấp nên không sử dụng hết công suất, công nhân không có việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh, đời sống gặp rất nhiều khó khăn.

Ngành giáo dục huyện trong thời gian này cũng có nhiều chuyển biến tốt. Hầu hết con em đồng bào các dân tộc trong độ tuổi đều được đến trường học. Tính đến năm 1975, bình quân trên địa bàn huyện, cứ 5 người dân có 2 người đi học. Phong trào thi đua “Hai tốt” tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Nhờ đó, chất lượng giảng dạy và học tập trong các nhà trường từng bước được nâng lên. Kết quả thi hết cấp năm học 1973 - 1974: Cấp I đạt 86%, cấp II đạt 88%, cấp III đạt 90% kế hoạch. Nếu so với năm học 1972 - 1973, cấp I tăng 6%, cấp II tăng 8% và cấp III tăng 10%². Đến năm học 1974 - 1975, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ở cả 3 cấp học đều đạt trên 100% so với chỉ tiêu kế hoạch.

¹ Báo cáo số 3/BC/HU ngày 5/3/1975 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về sơ kết quý I năm 1975.

² Báo cáo ngày 15/7/1974 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 1974.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Chính sự quan tâm đầu tư kịp thời của cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong huyện đã giúp đội ngũ thầy, cô giáo thêm yêu nghề và yên tâm công tác. Tuy nhiên, vẫn còn một số xã chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục; một số thầy, cô giáo thiếu tinh thần trách nhiệm với nghề, ý thức tổ chức kỷ luật lỏng lẻo, ảnh hưởng không tốt đến chất lượng dạy và học. Ngành học mẫu giáo còn thiếu và yếu, nhất là về cơ sở vật chất. Hệ thống lớp học chưa được xây dựng đầy đủ, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa. Ở một số nơi, trẻ em muốn đến lớp học, phải đi trên một quãng đường rất xa và khó khăn. Vì vậy, nhiều hộ nhất là các hộ đồng bào dân tộc ít người, không có điều kiện cho con em đi học. Đến đầu năm 1975, Phú Lương còn 100 trẻ thất học và hàng ngàn em chưa hết cấp I đã phải nghỉ ở nhà đi lao động¹. Ngành học bổ túc văn hóa tuy được chú ý nhưng chưa trở thành phong trào rộng rãi ở hầu hết các cơ quan, xí nghiệp...

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân được quan tâm hơn trước. Một số trạm y tế được mở rộng; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ cũng được nâng cao. Một số bệnh dịch thường xảy ra ở những năm trước được đẩy lùi.

Việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội cũng như công tác động viên tuyển quân được Đảng bộ và các cấp chính quyền, đoàn thể thực hiện tốt. Từ cuối năm 1973, Phú Lương là một trong ba huyện được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo tổ chức cho cán bộ và nhân dân học tập chính sách hậu phương quân đội. Sau đợt học tập, nhân dân Phú Lương cùng với nhân dân hai huyện Phú Bình và Phổ Yên đã tự nguyện đóng góp, ủng hộ gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình bộ đội neo đơn:

¹ Báo cáo số 5/BC-HU ngày 30/4/1975 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương trước Đại hội Đảng bộ lần thứ XII.

8.260 cây tre, 8.550 tàu lá cọ, 309 công, làm mới 30 ngôi nhà¹. Nhân dịp các ngày lễ, tết, ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7) hằng năm, các cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong huyện đều tổ chức thăm viếng, dâng hoa, thắp hương tại nghĩa trang liệt sỹ; thăm hỏi, động viên và tặng quà các gia đình thương binh, liệt sỹ, các gia đình có công với nước...

Thông qua việc giáo dục, bằng nhiều hình thức kết hợp với việc thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương thường xuyên đảm bảo hoàn thành và vượt chỉ tiêu tuyển quân hằng năm. Riêng đợt tuyển quân năm 1974, Phú Lương đã vượt 1% so với chỉ tiêu được giao.

Cùng với nhiệm vụ tuyển quân chi viện chiến trường miền Nam đánh Mỹ, lực lượng dân quân, tự vệ của huyện được bổ sung, huấn luyện thường xuyên, góp phần đập tan âm mưu, hành động phá hoại của bọn gián điệp và tội phạm khác, đảm bảo trật tự an ninh trên địa bàn. Ngày 28/8/1974, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh quyết định thành lập Đại đội dân quân, du kích xã Động Đạt làm nhiệm vụ tác chiến tại chỗ và cơ động chiến đấu trên địa bàn các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa, Võ Nhai.

Năm 1974, lực lượng vũ trang Phú Lương hoàn thành tốt công tác huấn luyện quân sự trước thời hạn và công tác xây dựng hậu phương tác chiến ở những nơi xung yếu, được Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen.

Bước sang năm 1975, thời cơ kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đã đến. Yêu cầu chi viện chiến trường miền Nam trở thành nhiệm vụ số một và là tình cảm thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong cả nước.

¹ Thái Nguyên: Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), 2001, tr.319.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Với khẩu hiệu “*Vì đồng bào miền Nam ruột thịt*”, “*Vì trách nhiệm giải phóng miền Nam*”, ngay từ đầu năm 1975, cùng với các địa phương khác, huyện Phú Lương đã tiến hành chiến dịch động viên tuyển quân quy mô lớn, dồn dập trong 3 đợt liên, huy động được 467 con, em ưu tú của mình vào bộ đội, đảm bảo giao quân nhanh, gọn, vượt chỉ tiêu.

Trên chiến trường miền Nam đánh Mỹ, con, em nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã từng lập nhiều chiến công và đóng góp phần to lớn vào Đại thắng mùa Xuân năm 1975 của dân tộc. Trong số đó, tiêu biểu là đồng chí Hà Văn Ván và đồng chí Trần Xuân Thiện.

- Đồng chí Hà Văn Ván (sinh năm 1944, quê quán, trú quán tại xã Nông Hạ, nay thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; nhập ngũ năm 1965) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, liên tục vượt cung độ (đạt trên 1 vạn ki-lô-mét an toàn), vượt chặng, vượt kế hoạch, 4 lần dũng cảm cứu xe, cứu hàng khi bị máy bay Mỹ đánh cháy, giúp đồng đội cứu và chữa xe trên 100 lần, vận chuyển 1.481 tấn hàng hóa ra mặt trận. Ngày 1/10/1971, đồng chí Hà Văn Ván được Quốc hội và Chính phủ phong tặng danh hiệu cao quý “*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*”.

- Đồng chí Trần Xuân Thiện (sinh năm 1954; quê ở xã Động Đạt, trú quán tại xã Phấn Mễ, nhập ngũ tháng 9/1972), đã lập công xuất sắc trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975: Bắn cháy 1 xe tăng, 1 xe bọc thép M.113, tịch thu 1 xe bọc thép M.113 và 1 xe ô tô GMC, tiêu diệt và bắt gọn gần 100 tên địch, thu 3 máy thông tin và 1 máy ảnh. Ngày 6/11/1978, đồng chí Trần Xuân Thiện đã được phong tặng danh hiệu cao quý “*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*”.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện các

nhiệm vụ được giao, Đảng bộ huyện Phú Lương vẫn luôn chú trọng đến công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh, thường xuyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ học tập, tham gia nhiều cuộc vận động và sinh hoạt chính trị lớn: Vận động xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “*Lớp Hồ Chí Minh*”; vận động bảo vệ Đảng; đợt sinh hoạt chính trị tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng... Trong đó, Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện cuộc vận động “*Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”*” theo tinh thần Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6/3/1970 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 175-CT/TW ngày 14/4/1970 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng); Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23 (tháng 12/1974) “*Về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng*”.

Rút kinh nghiệm của nhiều đợt học tập, chỉnh huấn, sinh hoạt của những năm trước đây, trước khi triển khai tổ chức học tập cho đảng viên, Ban Thường vụ Huyện ủy triệu tập hội nghị gồm các đồng chí trong ban đảng ủy, chi ủy trực thuộc nhằm quán triệt Nghị quyết; thống nhất kế hoạch, phương pháp tổ chức học tập cho đảng viên. Sau hội nghị này, cấp ủy cơ sở xây dựng phương hướng sửa chữa khuyết điểm của đảng bộ, chi bộ gắn với nhiệm vụ chính trị; sơ bộ phân loại đảng viên trong chi bộ theo 4 mức: xuất sắc, khá, kém và quá kém để từng đảng viên có biện pháp khắc phục.

Ban Thường vụ Huyện ủy chia các đảng bộ xã thành 3 cụm (cụm xã phía bắc, trung tâm và phía nam huyện)¹. Mỗi cụm do một số đồng chí trong Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ huyện trực tiếp chỉ đạo. Kết quả trừ Đảng bộ xã Bình Văn

¹ Các chi bộ cơ quan xung quanh huyện nằm ở cụm trung tâm.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

và xã Phú Lý chưa tổ chức học tập, còn tất cả chi, đảng bộ đều triển khai theo kế hoạch của Huyện ủy. Tính chung toàn Đảng bộ có 70,7% tổng số đảng viên tham gia học tập; trong đó, các chi bộ cơ quan đạt tỷ lệ 87,55%; chi bộ nông thôn đạt 63,26%.

Trong quá trình lãnh đạo tổ chức cuộc vận động, Ban Thường vụ Huyện ủy chú trọng giúp đỡ cấp ủy cơ sở cải tiến lề lối làm việc, sửa đổi tác phong công tác; đồng thời củng cố, kiện toàn cấp ủy trên cơ sở coi trọng chất lượng. Nhờ đó, bộ máy các cấp ủy vừa tinh giảm, vừa làm việc có hiệu quả hơn trước. Một số tổ chức cơ sở đảng từ yếu kém đã vươn lên trung bình khá và khá; điển hình là các Đảng bộ Yên Hân, Thanh Bình, Ôn Lương, Yên Đổ, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Yên Đĩnh, Chi bộ Cửa hàng vật liệu điện, máy, Cửa hàng dược phẩm. Tại các cơ sở này, nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cũng như việc thực hiện nghĩa vụ đều hoàn thành, đời sống nhân dân được cải thiện; sinh hoạt Đảng đi vào nền nếp, có nội dung cụ thể; các đoàn thể quần chúng tích cực hoạt động.

Kết quả quan trọng do cuộc vận động đem lại là sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ các tổ chức cơ sở đảng và trong cấp ủy được củng cố. Trước đây, có lúc trong cấp ủy, trong các chi bộ, đảng bộ Yên Đĩnh, Ôn Lương, Ngân hàng... có biểu hiện mất đoàn kết nghiêm trọng và kéo dài, gây ảnh hưởng không chỉ trong nội bộ Đảng, mà còn lan rộng ra quần chúng. Sau cuộc vận động, mỗi cán bộ, đảng viên nhận rõ khuyết điểm, kiên quyết sửa chữa, nguyện làm theo lời Bác Hồ căn dặn: *"Giữ gìn sự nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"*. Một số cơ sở (Yên Đĩnh, Ôn Lương, trường Thanh niên dân tộc...) từ yếu kém đã vươn lên thành những đơn vị xuất sắc. Song bên cạnh đó, một số tổ chức cơ sở đảng (Phủ Lý, Sơn Cẩm, Vô Tranh) chậm chuyển biến. Tình trạng chia rẽ bè phái trong Đảng không được giải quyết; ý thức tổ chức, kỷ luật ở một số cán bộ, đảng viên không được đề cao; sinh hoạt Đảng

lông lẻo... Vì vậy, sức chiến đấu của Đảng bộ suy giảm; vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng bị mờ nhạt, phong trào ở cơ sở sa sút nghiêm trọng.

Tháng 12/1974, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 23 bàn về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Sau khi đánh giá tình hình, khẳng định những thành tích lớn đã đạt được, Hội nghị chỉ ra một số nhược điểm, khuyết điểm. Hội nghị cho rằng: Số tổ chức cơ sở đảng thuộc loại yếu kém và trung bình tương đối nhiều, số đảng viên kém chiếm tỷ lệ không nhỏ; tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm, kỷ luật lỏng lẻo, mất đoàn kết tương đối phổ biến...

Đảng bộ huyện Phú Lương nằm trong tình trạng chung nói trên. Ban Thường vụ Huyện ủy đã sớm nhận thấy được những mặt yếu kém của Đảng bộ trong công tác xây dựng Đảng: *“Chưa kiên quyết có kế hoạch đấu tranh giải quyết những đảng viên thoái hóa, yếu kém. Số đảng viên lấn chiếm ruộng đất, ra hợp tác xã, số đảng viên không sinh hoạt Đảng, không nhận công tác khi chi bộ phân công; tham ô, nơ nân hợp tác xã chồng chất vẫn ngang nhiên nằm trong Đảng, làm cho tổ chức đảng khó khăn, phức tạp...”*.

Đầu năm 1975, cùng với nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, tích cực chi viện chiến trường theo khẩu hiệu *“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!”*, Đảng bộ huyện Phú Lương bước vào đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt Nghị quyết 23, xây dựng hành động cụ thể của đảng viên trong Đảng bộ; sắp xếp một bước đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ huyện xuống cơ sở (thông qua Đại hội Đảng bộ lần thứ XII); cải tiến một bước chế độ làm việc; khắc phục các mặt tiêu cực, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Trong quá trình chỉ đạo học tập và tiến hành cuộc vận động theo tinh thần Nghị quyết 23 với phương châm: Xây dựng Đảng phải gắn liền với việc nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn tổ chức chính quyền và việc xây dựng, củng cố các đoàn thể quần chúng; nâng cao chất lượng đảng viên phải kết hợp với nâng cao chất lượng cán bộ, với kiện toàn cơ quan lãnh đạo từ huyện xuống đến cơ sở, đến hợp tác xã; phát triển Đảng phải coi trọng chất lượng, phát triển đi đôi với củng cố, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ ra 3 nhiệm vụ cụ thể trong công tác xây dựng Đảng bộ:

1- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện nâng cao lập trường quan điểm giai cấp; phấn đấu mỗi cán bộ, đảng viên thật sự trở thành những chiến sỹ tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

2- Tích cực củng cố, nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của chi, đảng bộ cơ sở đi đôi với nâng cao năng lực và phẩm chất cán bộ, đảng viên.

3- Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn mới¹.

Nhờ đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng thông qua việc quán triệt các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và Huyện ủy, cùng với các lớp bồi dưỡng lý luận cơ sở và nhiều hình thức giáo dục khác, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng cao nhận thức, ý chí rèn luyện và khả năng vận động quần chúng; những khuynh hướng và biểu hiện sai trái của một số cán bộ, đảng viên đã được phê phán và ngăn chặn.

¹ Đề án về phương hướng và các mục tiêu kinh tế - xã hội 5 năm (1975 - 1980) của huyện Phú Lương.

Hệ thống tổ chức đảng các cấp trong Đảng bộ cũng được củng cố và xây dựng phù hợp với đơn vị công tác và sản xuất. Đảng ủy các cấp được kiện toàn gắn liền với việc xây dựng chế độ, chức trách, cải tiến lề lối làm việc và nâng cao chất lượng đảng viên năm sau tiến bộ hơn năm trước. Theo tiêu chuẩn phân loại cơ sở đảng và đảng viên do Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn, trong năm 1975, số chi bộ, đảng bộ cơ sở xuất sắc và khá chiếm 64,9%; loại trung bình 20,4%; số yếu kém 14,7%. Trong số 56 chi bộ dưới đảng ủy, có 22 chi bộ loại xuất sắc và khá; 26 chi bộ thuộc loại trung bình và 8 chi bộ thuộc loại yếu kém.

Trải qua 10 năm cùng cả nước trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 - 1975), Đảng bộ huyện Phú Lương đã lãnh đạo nhân dân trong huyện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, đồng thời đóng góp sức người, sức của cho các chiến trường.

Tổng kết 10 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, trên mặt trận động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường, huyện Phú Lương đã thực hiện 40 chiến dịch tuyển quân lớn, nhỏ; huy động 4.052 con, em ưu tú thuộc đủ các dân tộc sinh sống trên địa bàn vào bộ đội. Xã Phấn Mễ đạt kỷ lục cao nhất so với các xã, phường và thị trấn trong tỉnh, có tới 17% số dân trong xã lên đường tòng quân đánh giặc. Con, em đồng bào các dân tộc Phú Lương đã từng tham gia chiến đấu trên khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương. Trong số đó, nhiều người đã lập công xuất sắc, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu vẻ vang: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sỹ Thi đua, Chiến sỹ Quyết thắng, Dũng sỹ diệt Mỹ, Dũng sỹ diệt Ngụy...; 672 người con ưu tú của Phú Lương đã vĩnh viễn nằm lại trên các chiến trường, được Tổ quốc ghi công là liệt sỹ; 311 người con để lại một phần xương máu, được Nhà nước ghi nhận là thương binh.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Huyện Phú Lương cũng có biết bao người mẹ, người vợ đã sẵn sàng hy sinh cống hiến những người thân ruột thịt của mình cho sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Mẹ Nguyễn Thị Định, quê ở xã Yên Trạch, lấy chồng ở xã Phượng Tiến (huyện Định Hóa) đã 3 lần tiễn 3 người con lên đường đánh Mỹ. Mẹ Nguyễn Thị Mùi ở xã Vô Tranh, có chồng và 2 con là liệt sỹ. Các mẹ Vũ Thị Ba ở Phấn Mễ, Phó Thị Thanh, Nguyễn Thị Tèo ở Sơn Cẩm, Nguyễn Thị Nhung, Hoàng Thị Sợi ở Cổ Lũng, Lê Thị Nguyên ở Yên Đổ có con độc nhất là liệt sỹ chống Mỹ. Các mẹ đã được Đảng và Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Sự hy sinh cống hiến vô giá của các bà mẹ, của các anh hùng, liệt sỹ, thương binh và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử.

Trong niềm vui giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương rất tự hào đã phát huy tốt truyền thống của quê hương cách mạng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Từ thực tiễn 10 năm lãnh đạo nhân dân các dân tộc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và chi viện chiến trường, Đảng bộ huyện Phú Lương rút được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để tiếp tục vận dụng thành công trong thời kỳ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chương III

ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)

I. Đẩy mạnh sản xuất, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân (1975 - 1979)

Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta thực hiện trọn vẹn mong ước của Bác Hồ: *“Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”*. Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kỳ mới: Cả nước độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Tình hình mới đặt ra cho toàn dân tộc nói chung, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương nói riêng những điều kiện thuận lợi cơ bản cùng với những khó khăn, thách thức cần phải giải quyết. Non sông nối liền một dải sau những năm dài chia cắt, những nỗ lực, hy sinh của toàn Đảng, toàn dân được đền đáp xứng đáng, trong niềm hân hoan đó, đồng bào các dân tộc Phú Lương càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết một lòng, quyết tâm hoàn thành những nhiệm vụ được giao. Trải qua nhiều thời kỳ đấu tranh cách mạng, Đảng bộ Phú Lương không ngừng tích lũy kinh nghiệm, ngày càng trưởng thành, vững mạnh cả về chất và lượng, xứng đáng với vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương.

Bên cạnh những thuận lợi đó, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương cũng phải đối mặt với không ít khó khăn. Những năm chiến tranh, trong điều kiện nền kinh tế địa phương phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, diện tích đất canh tác chiếm tỷ lệ thấp, trình độ kỹ thuật canh tác lạc hậu, các ngành kinh tế phát

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

triển không đồng đều..., Phú Lương vừa chi viện cho miền Nam, vừa đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Là một huyện miền núi kinh tế còn nhiều khó khăn, sau năm 1975, cơ sở hạ tầng Phú Lương chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, hệ thống đường giao thông nông thôn xuống cấp, di chuyển, vận chuyển khó khăn, đời sống nhân dân còn hết sức thiếu thốn.

Trong bối cảnh đó, được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 3 đến 7/5/1975, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XII. Trên cơ sở phân tích, đánh giá những thành tựu và hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ trước, Đại hội bàn bạc và thông qua phương hướng, nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng của địa phương trong 2 năm 1976 - 1978.

Đại hội đề ra mục tiêu kinh tế cụ thể đến năm 1976: Sản lượng lương thực của huyện đạt 17.570 tấn (tăng trên 1.000kg so với năm 1975); phân bón đảm bảo 10 tấn/ha gieo trồng; nâng tổng số đàn lợn lên 18.300 con (tăng 10% so với năm 1974). Đối với nhiệm vụ củng cố hợp tác xã, Đại hội nêu rõ: *"Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 19, Nghị quyết 20, Nghị quyết 22 của Trung ương, Chỉ thị 208 của Ban Bí thư, thông qua học tập, vận động thực hiện Điều lệ chi tiết hợp tác xã cho phù hợp với phân vùng cụ thể, từ đó nêu rõ những biện pháp quản lý, chủ trương cải tiến kỹ thuật, tổng kết cho được những kinh nghiệm làm ăn tiên tiến của các đơn vị điển hình trong huyện, phổ biến học tập kinh nghiệm... nhằm ra sức bồi dưỡng giáo dục cho cán bộ, đảng viên, xã viên nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, trình độ quản lý kinh tế hợp tác xã, trình độ khoa học kỹ thuật, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã viên... Tổ chức lại sản xuất cho*

phù hợp với yêu cầu, phấn đấu tăng các hợp tác xã tiên tiến lên chiếm tỷ lệ 30%, hợp tác xã khá 70%, xóa hợp tác xã kém nát...; đưa 95% hộ nông dân toàn huyện vào hợp tác xã”¹. Đối với công tác tài chính, thương nghiệp, Đại hội nhấn mạnh phải làm tốt chức năng giúp đỡ các hợp tác xã xây dựng ngân sách, đảm bảo thu, chi đúng chính sách hiện hành. Ngành ngân hàng bảo đảm nguồn vốn cho vay kịp thời và đúng đối tượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất.

Trong hoàn cảnh đất nước có nhiều biến động, Đại hội nêu rõ lực lượng quân sự địa phương phối hợp cùng với lực lượng công an đảm bảo công tác an ninh trật tự, sẵn sàng chi viện cho phía trước khi có yêu cầu. Đối với công tác xây dựng Đảng, Đại hội thống nhất tiếp tục quán triệt Nghị quyết 23, Chỉ thị 225 của Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, chi bộ đảng; phấn đấu đến năm 1976, toàn Đảng bộ có 100% chi bộ đạt tiêu chuẩn phấn đấu tốt, trong đó có 60% xuất sắc.

Khẳng định vai trò to lớn của khối đoàn kết toàn dân, Đại hội nêu mục tiêu kiện toàn tổ chức Mặt trận cơ sở, phát huy chức năng động viên, tập hợp mọi tầng lớp tham gia các phong trào thi đua yêu nước: *“Phải phát động phong trào sâu rộng của quần chúng theo 3 hướng lớn: Hăng hái thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm; tích cực tham gia xây dựng nền nếp quản lý kinh tế, củng cố hợp tác xã và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đấu tranh xóa bỏ những tệ nạn xã hội và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống và sản xuất... Phong trào thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm nhằm vào mục tiêu: Không ngừng tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản*

¹ Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XII.

*phẩm, hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao*¹.

Để đảm bảo cho phong trào thi đua trên phạm vi toàn huyện được sôi nổi và liên tục, Đại hội giao nhiệm vụ cho các cấp ủy phải ra sức lãnh đạo toàn diện; các ngành, các giới cần giáo dục sâu sắc cho quần chúng, nhất là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tiếp tục động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tiến quân vào mặt trận kinh tế, mặt trận khoa học kỹ thuật, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 21 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí. Đồng chí Phan Công Nhượng được bầu làm Bí thư, các đồng chí Bé Văn Xuân và Nông Văn Minh làm Phó Bí thư².

Bắt tay vào thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, huyện Phú Lương phải đối mặt với không ít những khó khăn. Thời tiết diễn biến thất thường, nhiều đợt rét đậm, rét hại kéo dài, nhiệt độ xuống thấp khiến mạ chiêm xuân bị chết nhiều, diện tích gieo cấy khô hạn, thiếu nước nghiêm trọng. Kéo theo đó là sự xuất hiện của sâu bệnh phá hoại trên diện rộng khiến nhiều héc-ta lúa, màu mất trắng. Các giống cây, con bắt đầu xuất hiện tình trạng thoái hóa trong khi kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, nhân dân chưa có sự chọn lọc trong khâu chọn giống nên năng suất giảm sút so với những năm trước.

¹ Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XII.

² Theo Nghị quyết số 81-NQ/BT ngày 31/5/1975 của Ban Chấp hành Đảng bộ Bắc Thái về việc công nhận Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Phú Lương.

Nhằm giải quyết khó khăn, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương nhanh chóng tổ chức họp bàn và ra Nghị quyết 02, nhận định sản xuất vụ mùa là nhiệm vụ trọng tâm số 1 trong quý III năm 1975. Ủy ban Hành chính huyện nhanh chóng đề ra những mục tiêu phấn đấu cụ thể về năng suất, biện pháp, kỹ thuật. Các hợp tác xã tổ chức chỉ đạo cụ thể, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, công tác khai hoang, phục hóa tiếp tục được đẩy mạnh, các hợp tác xã huy động xã viên làm thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu cho diện tích lớn đất canh tác, đưa đất canh tác 1 vụ thành đất 2 vụ. Nhân dân các dân tộc trong huyện nỗ lực, phấn đấu đạt diện tích gieo cấy vụ mùa đạt 4.510,42ha. Phong trào làm phân xanh được phát động, phân hóa học được khuyến khích tăng cường sử dụng vào bón lúa. Về cơ cấu giống, các loại giống năng suất cao như Nông nghiệp 8, NN5n, IR23, Bao thai lùn, Mộc tuyền... chiếm 83,2% diện tích canh tác, thay thế hầu hết các giống cũ. Bên cạnh đó, huyện còn chỉ đạo chiến dịch chống hạn, phong trào nuôi bèo hoa dâu, chiến dịch diệt trừ sâu bệnh, chiến dịch thu hoạch... góp phần giữ vững năng suất và sản lượng trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, sâu bệnh phát triển.

Với những nỗ lực của tập thể cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn huyện, vụ mùa năm 1975, mặc dù hạn hán làm mất trắng diện tích 71,49ha, nhiều diện tích bị thiệt hại nặng do sâu bệnh và hạn hán, song bình quân lương thực huyện Phú Lương vẫn đạt 25,21 tạ/ha, tổng sản lượng đạt trên 11.192 tấn. Bên cạnh đó, trong vụ mùa, nhân dân trong huyện còn làm được 121,2ha lúa nương, 85,5ha ngô, hàng chục héc-ta các loại đỗ và rau xanh...

Cuối tháng 9/1975, huyện Phú Lương tổ chức Hội nghị hợp

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tác xã và các ngành trong huyện để tổng kết vụ đông xuân 1974 - 1975, bàn biện pháp thực hiện vụ đông xuân 1975 - 1976, giao chỉ tiêu cây, con cho các xã, hợp tác xã, các ngành phục vụ cho vụ đông xuân. Hội nghị phát động phong trào thi đua hoàn thành nghĩa vụ cho Nhà nước và đẩy mạnh sản xuất vụ đông xuân 1975 - 1976. Để đảm bảo cấy hết diện tích trong vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã có Nghị quyết 63 xuống cơ sở để quyết tâm cấy hết diện tích vụ đông xuân. Ủy ban Nông nghiệp huyện có kế hoạch phân bố giống cho các hợp tác xã, lên kế hoạch gieo mạ kịp thời vụ...¹

Trong vụ sản xuất đông xuân 1975 - 1976, toàn huyện có gần 300ha lúa được thả bèo dậu. Nếu tính cả nguồn phân các loại, bình quân mỗi héc-ta được bón từ 7 đến 7,5 tấn phân; một số hợp tác xã đạt chỉ tiêu từ 8 đến 10 tấn phân/ha, chấm dứt tình trạng cấy chay. Các biện pháp cấy đúng kỹ thuật cũng được các hợp tác xã thực hiện, bảo đảm mật độ từ 35 - 40 khóm/m². Nhiều hợp tác xã duy trì việc gieo mạ trên sân, gieo thẳng đạt kết quả tốt. Đáng chú ý có một số hợp tác xã, do làm ăn có tích lũy, đã tự mua sắm và sử dụng máy móc cơ khí nhỏ (máy xay xát, máy cày Đông Phong, máy bơm nước chạy dầu...).

Để khắc phục tình trạng thiếu hụt về lương thực, toàn huyện tập trung phát triển cây màu. Nhờ có những chủ trương và biện pháp tích cực, mặc dù nhiều hợp tác xã còn chưa tận dụng hết diện tích đất để trồng hoa màu, song diện tích trồng màu trên địa bàn huyện tăng từ 7% đến 12% so với 2 năm trước (1973, 1974); đồng thời bước đầu đã hình thành những vùng chuyên canh.

Ngô vốn là cây màu truyền thống của huyện, được gieo trồng theo phương thức quảng canh, năng suất thấp và chưa trở thành

¹ Báo cáo số 03/BC/UB ngày 8/2/1976 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết năm 1975, tr.4.

cây màu chính. Tiếp tục thực hiện đề án kinh tế do Huyện ủy đề ra từ năm trước, diện tích ngô ngày càng tăng, những năm 1975 - 1976, năng suất bình quân mỗi héc-ta ngô đạt 13 tạ. Bên cạnh việc mở rộng diện tích trồng ngô, Phú Lương còn trồng thí điểm khoai tây, dong riềng, đỗ tương xuân... trên phạm vi toàn huyện. Tuy diện tích gieo, trồng còn ít và trong giai đoạn thực nghiệm, nhưng năng suất thu hoạch khá cao, mở ra hướng mới trong việc phát triển hoa màu trên địa bàn huyện.

Chè là cây công nghiệp chủ yếu của huyện Phú Lương, nhưng diện tích trồng chè còn manh mún, tự phát trong dân. Bước vào thời kỳ mới, theo đề án kinh tế của Huyện ủy, từ năm 1975, trên địa bàn Phú Lương bước đầu đã hình thành một số vùng chuyên canh chè với tổng diện tích 664,5ha (trồng mới thêm được 75,5ha), trong đó có 1/3 diện tích đã cho thu hoạch, bán cho Nhà nước và trao đổi trên thị trường tự do. Do có đầu tư, áp dụng các biện pháp thâm canh, cây chè đã cho năng suất tương đối cao, năm 1976, năng suất toàn huyện đạt bình quân 733kg chè búp tươi/ha (vượt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đề ra là 133kg).

Căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai của địa phương, cây mía bước đầu cũng được mở rộng diện tích canh tác ở các xã phía bắc để cung cấp nguyên liệu cho Xí nghiệp đường của huyện. Năm 1974, toàn huyện chỉ có 20ha trồng mía, đến năm 1976, diện tích trồng mía đã tăng lên 51,1ha. Tuy nhiên, việc phát triển cây mía mới chỉ là bước đầu, chưa có kinh nghiệm thâm canh, nên năng suất chưa cao. Bên cạnh đó, năm 1975, địa bàn huyện cũng trồng được 69,5ha thuốc lá, năng suất đạt 560kg/ha.

Ngành chăn nuôi vẫn tiếp tục được giữ vững trong cả khu vực tập thể và chăn nuôi hộ xã viên. Tính đến năm 1975, tổng đàn trâu toàn huyện có 14.217 con, tăng 1,3%; đàn lợn

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

có 20.211 con, tăng 4,7% so với năm 1974. Việc chăn nuôi lợn trong các gia đình xã viên phát triển tốt. Trên 90% hộ gia đình tự túc được thức ăn, nhất là thức ăn tinh cho lợn, do đó, số lợn xuất chuồng đều đạt tiêu chuẩn. Toàn huyện có 4 cơ sở nuôi, ương cá giống, bước đầu đảm bảo nhu cầu tối thiểu cung cấp con giống trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, chăn nuôi giai đoạn này cũng tồn tại một số hạn chế như chuồng trại chăn nuôi về cơ bản chưa được củng cố tốt, các cơ sở chăn nuôi mới chưa được hình thành, tình hình lợn giống thiếu nghiêm trọng. Công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm còn hạn chế, chỉ có 12/24 xã tổ chức tiêm phòng dịch nên tình trạng dịch bệnh còn xảy ra ở một số cơ sở. Tình hình chăm sóc và sử dụng đàn trâu tập thể chưa tốt, mùa rét 1975 - 1976 đã có 87 con trâu bị chết.

Một số hợp tác xã bước đầu đã coi trọng kinh doanh nghề rừng như khai thác tài nguyên rừng, trồng cây... bước đầu có lãi¹. Trong 2 năm 1975 - 1976, các xã trồng được trên 40ha rừng. Giá trị sản lượng năm 1975 tăng 11,78%, năm 1976 vượt 8,25%. Huyện ủy chỉ đạo các xã cho quần chúng nhân dân học tập Pháp lệnh bảo vệ rừng, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm, phá hoại rừng, nhất là các trường hợp phát rừng làm nương rẫy, vận chuyển lâm sản trái phép. Nhờ vậy, diện tích bị phát rẫy giảm từ 300ha rừng mỗi năm xuống còn 49ha năm 1975, tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép được hạn chế.

Mặc dù còn rất nhiều khó khăn, nhưng nhân dân các dân tộc trong huyện vẫn tích cực đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Trong năm 1975, nhân dân huyện Phú Lương nộp cho Nhà nước 1.476 tấn; đến năm 1976, nộp 1.100 tấn lương thực, đóng góp thực phẩm năm 1975 là 186.342kg, năm 1976 là 241.882kg lợn

¹ Năm 1975 lãi 95.000 đồng, năm 1976 lãi 145.000 đồng.

hời. Ngoài ra, nhân dân còn bán thêm cho Nhà nước: 44.835kg thịt trâu, 1.112kg thịt gia cầm, 1.860kg cá. Sản phẩm cây công nghiệp bán cho Nhà nước mỗi năm một tăng: Năm 1975, bán 31.328kg thuốc lá, 9.254kg chè búp tươi. Đến năm 1976, bán được 53.141kg thuốc lá (vượt 33% kế hoạch), 12.237kg chè búp tươi. Các mặt hàng lâm thổ sản và trâu cày bán cho Nhà nước hàng năm đều vượt chỉ tiêu tỉnh giao: Năm 1975, bán được 2.195.175 tâu lá cọ; 455.050 cây tre, nứa các loại (vượt 51%), 150 con trâu (đạt 107%). Năm 1976, bán 2.466.166 tâu lá cọ, 544.577 cây tre, nứa (vượt chỉ tiêu 47%), 159 con trâu, vượt 9% kế hoạch tỉnh giao. Nhiều hợp tác xã trong huyện đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực như hợp tác xã Bình Minh (xã Vô Tranh), Hồng Lê, Tân Chúa, Thanh Đông (xã Động Đạt), Xuân Thái, Phú Thịnh (xã Ôn Lương), Việt Yên, Đông Thanh (Yên Trạch)... được Ủy ban Hành chính tỉnh cấp bằng khen¹.

Mặc dù còn nhỏ bé và manh mún, song ngành tiểu thủ công nghiệp ở Phú Lương đã có đóng góp nhất định trong phát triển kinh tế. Phát huy thế mạnh về tài nguyên phong phú là nguồn cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy, xí nghiệp, trong 2 năm (1975 - 1976), Xí nghiệp giấy Phùng Chí Kiên đều hoàn thành chỉ tiêu sản xuất do Nhà nước giao; đời sống công nhân dần ổn định và được cải thiện. Xí nghiệp đường Chợ Mới, bước đầu đã sắp xếp được việc làm cho công nhân và ổn định bộ máy tổ chức. Các hợp tác xã may đo, màn xuất khẩu, xí nghiệp vận tải thô sơ... được củng cố lại, từng bước làm ăn có hiệu quả.

Quán triệt các nghị quyết chuyên đề của Trung ương, tỉnh về củng cố các hợp tác xã yếu, kém, Huyện ủy và Ủy ban Hành chính huyện quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện cuộc cách

¹ Báo cáo số 03/BC/UB ngày 8/2/1976 của Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương về tổng kết năm 1975, tr.7.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

mạng quan hệ sản xuất, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong toàn huyện. Nhờ có sự lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng và chính quyền, từ năm 1975 đến cuối năm 1976, toàn huyện đã kết nạp thêm gần 1.000 hộ nông dân vào hợp tác xã; xây dựng thêm 10 hợp tác xã với 520 hộ; số hộ xã viên từ 82% (năm 1974), tăng lên 91% tổng số hộ nông dân (năm 1976). Các xã Bình Văn, Quảng Chu, Phú Đô và 5 xóm: Thanh Trà (xã Sơn Cẩm), Tiên Thông, Na Mụ, Kim Lan, Đèo Lam (xã Yên Lạc) từ chỗ là những “*xã trắng*”, “*xóm trắng*”, đã xây dựng được hợp tác xã nông nghiệp.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, quán triệt tinh thần Chỉ thị số 208-CT/TW ngày 12/1/1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết số 61/CP ngày 15/4/1976 của Hội đồng Chính phủ và các nghị quyết chỉ đạo của Tỉnh ủy về tổ chức lại sản xuất theo hướng làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa, Huyện ủy ra Nghị quyết 55 ngày 8/5/1976 về xác định phương hướng sản xuất trên địa bàn toàn huyện và từng vùng sản xuất. Tiếp đó, ngày 27/8/1976, Huyện ủy thông qua đề án phương hướng nhiệm vụ và các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ mới. Các nghị quyết, chỉ thị, đề án trên là cơ sở để Huyện ủy lãnh đạo nhân dân hoàn thành những nhiệm vụ được giao.

Đồng thời, hợp tác xã có dấu hiệu suy thoái được củng cố và tổ chức lại sản xuất theo tinh thần Chỉ thị số 208-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 61-CP của Hội đồng Chính phủ. Huyện ủy lãnh đạo hợp nhất 21 hợp tác xã quy mô nhỏ thành 9 hợp tác xã có quy mô vừa và lớn; trong đó có 4 hợp tác xã quy mô toàn xã. Như vậy, đến cuối năm 1976, toàn huyện có 12 hợp tác xã quy mô toàn xã. Hoạt động của hợp tác xã có nhiều tiến bộ, giải quyết được một số vấn đề như điều chỉnh 3

khoán, thanh toán sổ thanh quyết toán, ăn chia phân phối từng vụ và cả năm tốt hơn, thu hồi hàng trăm héc-ta đất ruộng trước đây bị cá nhân lấn chiếm về cho hợp tác xã.

Toàn huyện có 304 đội sản xuất tổng hợp và đội chuyên ở quy mô vừa phải; trong đó có 260 đội sản xuất tổng hợp, 8 đội chuyên thủy lợi, 5 đội chuyên chăn nuôi lợn, 9 đội chuyên chăn thả cá, 22 đội chuyên cây chè..., không kể một số đội chuyên sản xuất lâm nghiệp, vật liệu xây dựng... Quy mô thích hợp cùng với việc thành lập các đội chuyên là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng các hợp tác xã nông nghiệp.

Nhìn chung, sau 2 năm lãnh đạo tổ chức, sắp xếp lại, các hợp tác xã trong huyện đã có những tiến bộ rõ nét về tổ chức sản xuất, thành lập các đội chuyên (chuyên cây, chuyên con), cũng như về quản lý lao động. Tình trạng lãng phí lao động, “rong công phóng điểm” được hạn chế; việc phân công, phân nhiệm, ăn chia phân phối được cải tiến, khắc phục một bước tình trạng tham ô lãng phí. Theo tiêu chuẩn của Trung ương quy định, huyện Phú Lương có khoảng 92,5% số hợp tác xã với 95,2% tổng số hộ xã viên và 94,7% tổng số ruộng đất được xếp loại khá và trung bình. Số hợp tác xã yếu, kém chiếm 7,5% với 4,8% tổng số hộ xã viên và 5,3% ruộng đất.

Năm 1975, Phú Lương tiếp nhận thêm 3 hợp tác xã vùng kinh tế mới gồm 185 hộ (1.034 nhân khẩu) và 1 hợp tác mới đưa 170 lao động. Tất cả các hợp tác xã này gồm đồng bào huyện Phú Xuyên (Hà Tây) lên xây dựng vùng kinh tế mới. Các hợp tác xã này nhanh chóng ổn định tình hình và bước vào trồng cây công nghiệp (chè, mía). Cũng trong năm 1975, huyện tiếp tục quy hoạch đất đai ở một số xã để tiếp tục đón nhân dân miền xuôi lên trong năm 1976.

Song song với quá trình lãnh đạo các hợp tác xã đẩy mạnh việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Đảng bộ rất coi trọng công tác thủy lợi kết hợp với làm đường giao thông nông thôn.

Với phương châm “*dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ*”, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, các hợp tác xã đã huy động hàng ngàn ngày công làm mới và sửa chữa nhiều công trình thủy lợi vừa và nhỏ. Tính riêng 2 năm 1975 - 1976, toàn huyện đã hoàn thành 2 công trình, 7 hồ đập ngăn nước và hàng chục ki-lô-mét mương máng dẫn nước. Nhờ đó, Phú Lương đã vượt qua được trận hạn hán gay gắt kéo dài chưa từng có trong vụ mùa năm 1976.

Mạng lưới giao thông nông thôn được cải tạo và xây dựng mới. Ngoài việc huy động nhân công sửa chữa hệ thống cầu, đường sẵn có, Phú Lương còn hoàn thành xây dựng 400km đường liên xóm, liên xã và trên 40km đường bờ vùng, bờ thửa. Một số hợp tác xã tự mua sắm được xe trâu, không kể các loại xe cải tiến, xe quệt... để vận chuyển góp phần giải phóng đôi vai người lao động. Năm 1976, huyện sửa chữa các cây cầu treo Sơn Cẩm, Phấn Mễ, Chợ Mới, đầu tư sắt, thép để chuẩn bị xây dựng cầu treo Yên Đĩnh. Cùng năm, bến xe Chợ Mới được hoàn thành xây dựng và đi vào hoạt động.

Trong 2 năm (1975 - 1976), Đảng bộ và Ủy ban nhân dân huyện¹ quan tâm đến công tác khôi phục và củng cố hợp tác xã mua bán cũng như hợp tác xã tín dụng ở nông thôn. Đến năm 1976, 23/24 xã trong toàn huyện có hợp tác xã mua bán, 20/24 xã có hợp tác xã tín dụng. Thời điểm này, huyện Phú Lương đã cơ bản xóa được các hợp tác xã yếu kém, cơ sở vật chất được tăng cường; các hình thức kinh doanh và phục vụ được củng cố, nên hoạt động bước đầu có hiệu quả.

Với quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu tuyển lao động của tỉnh

¹ Từ cuối năm 1976, theo chủ trương chung của Quốc hội, Ủy ban Hành chính các cấp đổi thành Ủy ban nhân dân.

Bắc Thái, trong năm 1975, huyện Phú Lương tuyển được 276 lao động cho các ngành; năm 1976 được 412 người, vượt 6% kế hoạch, xếp thứ 2 toàn tỉnh.

Với những thành tích đạt được trong 2 năm 1975 - 1976, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương đã được Chính phủ tặng 108 bằng khen; 6 đơn vị được Nhà nước công nhận là Tổ, Đội Lao động xã hội chủ nghĩa; hàng chục đơn vị đạt danh hiệu Đơn vị tiên tiến cấp tỉnh.

Từ ngày 27/10 đến ngày 1/11/1976, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIII (vòng 1). Đại hội thảo luận quán triệt và bổ sung vào bản dự thảo Điều lệ (sửa đổi) do Ban Chấp hành Trung ương soạn thảo; thảo luận và bổ sung vào bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, đồng thời cử đoàn đại biểu tham dự Đại hội đại biểu tỉnh Bắc Thái lần thứ II.

Tiếp đó, nhằm quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Bắc Thái lần thứ II, đồng thời để tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, tiếp tục thảo luận và quyết định phương hướng, mục tiêu 5 năm 1976 - 1980, nhiệm vụ cụ thể 3 năm 1977 - 1979, từ ngày 4 đến ngày 8/6/1977, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XIII (vòng 2).

Sau khi nghiêm túc kiểm điểm việc thực hiện công tác trong nhiệm kỳ XII, Đại hội thảo luận và xác định nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới (1977 - 1979) là: *“Ra sức phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, cây công nghiệp và thủ công nghiệp một cách toàn diện. Tích cực xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển mạnh giao thông, thủy lợi, tăng cường công tác lưu thông phân phối. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, ra sức cải tiến quản lý kinh tế, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động văn hóa, giáo*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

dục, y tế, thể dục thể thao... nhằm cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, củng cố và phát huy vai trò của chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đảm bảo cho từng tổ chức của Đảng, đoàn thể và bộ máy chính quyền đủ sức làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn mới”¹. Nhằm phát huy sức mạnh toàn Đảng, toàn dân hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội, Đại hội chỉ ra những khâu trọng yếu trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo:

- Một là, thông qua cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trong các ngành kinh tế trọng yếu nông - lâm nghiệp, toàn huyện phải thực hiện tốt Nghị quyết số 125/CP của Hội đồng Chính phủ, các nghị quyết của Trung ương và tỉnh về ruộng đất, nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, từng bước phát huy tiềm năng của một địa phương có thế mạnh về nghề rừng, cây công nghiệp và chăn nuôi.

- Hai là, tăng nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành nông - lâm nghiệp, phục vụ cho xây dựng cơ bản, giao thông, thủy lợi.

- Ba là, tổ chức tốt công tác lưu thông phân phối, phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống.

Đồng thời, Đại hội cũng chỉ ra những giải pháp quan trọng để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đặt ra:

1- Kiện toàn các tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã. Đảng phải thật sự trở thành hạt nhân, đoàn kết nhất trí, trên cơ sở đường lối, chính sách và nguyên tắc của Đảng, luôn luôn kiên định lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân và tính tiên phong gương mẫu của cán

¹ Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIII.

bộ, đảng viên.

2- Củng cố vững chắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đặc biệt coi trọng củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp để hợp tác xã thực sự là đơn vị kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa bước đầu đủ ăn và có tích lũy... Từng bước phân bố lại lao động một cách hợp lý trong các hợp tác xã và các ngành, nghề, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Phải tạo cho được phong trào cách mạng sôi nổi đều khắp trong nhân dân các dân tộc toàn huyện. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm không ỷ lại, trông chờ.

Trên cơ sở xác định phương hướng phát triển sản xuất nông - lâm công nghiệp theo hướng tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã, Đại hội đã đề ra một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 1978: Diện tích cấy lúa xuân đạt 1.800ha, diện tích cấy lúa mùa đạt 5.700ha; năng suất thu hoạch bình quân đạt 27 tạ/ha; tiếp tục đẩy mạnh trồng cây màu theo hướng thâm canh, tăng vụ; sản lượng lương thực đạt 21.434 tấn, trong đó sản lượng thóc đạt 17.010 tấn. Đối với các loại cây công nghiệp, Đại hội nêu rõ mức phấn đấu trong nhiệm kỳ phải trồng thêm 800ha chè, 100ha mía... Ngành lâm nghiệp huyện tiến tới giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã quản lý và kinh doanh từ việc trồng rừng, tu bổ, bảo vệ đến khai thác...

Quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, y tế, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nêu rõ từng bước xây dựng cơ sở vật chất cho các nhà trường, tiến tới xây dựng phòng học kiên cố và bán kiên cố; phát triển ngành học mẫu giáo, thu hút 100% số cháu đến tuổi đi học; thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân cần tiếp tục đẩy mạnh; chú trọng vệ sinh phòng bệnh, tiếp tục chỉ đạo thực hiện dứt điểm 3 công

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm, hố tiêu 2 ngăn) đến tất cả các xóm, làng trong huyện.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, Đại hội nhấn mạnh: *“Ra sức xây dựng củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, tạo thành sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, hoàn thành mọi nhiệm vụ Đảng giao”*¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 23 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết. Tại phiên họp lần thứ nhất (ngày 9/6/1977), Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII bầu ra Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí. Đồng chí Phan Công Nhượng được bầu làm Bí thư Huyện ủy; các đồng chí Nông Văn Minh và Bế Văn Xuân được bầu làm Phó Bí thư.

Huyện Phú Lương bước vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị và mục tiêu kinh tế - xã hội những năm 1977 - 1979 trong điều kiện đất nước thống nhất về mặt Nhà nước tạo cơ sở thống nhất cả nước trên mọi phương diện. Tháng 12/1976, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV xác định đường lối chung và đường lối xây dựng, phát triển kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Những điều kiện thuận lợi đó là cơ hội để cả nước, trong đó có Đảng bộ và nhân dân Phú Lương phát huy tiềm năng, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên thời gian này, nền độc lập, thống nhất của dân tộc lại một lần nữa bị đe dọa khi các thế lực thù địch phát động cuộc chiến tranh ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc. Trong bối cảnh đó, huyện Phú Lương vừa tiếp tục khắc phục những hạn chế, vừa cùng với cả nước làm tốt công tác hậu phương chi viện kịp thời sức người, sức của cho phía trước.

Thực hiện Nghị quyết 45 và 46 của Tỉnh ủy, Nghị quyết 55

¹ Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIII.

và 102 của Huyện ủy, nhiều hợp tác xã trong huyện đã xây dựng được phương hướng sản xuất lâu dài đến năm 1980 và đề ra nhiệm vụ cụ thể trong 2 năm trước mắt (1977 - 1978); xác định được các loại cây, con cơ bản; đồng thời có kế hoạch mở rộng diện tích gieo trồng cây lúa, hoa màu, cây công nghiệp và nghề rừng. Cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và các xã viên hợp tác xã được tổ chức học tập chính sách quản lý ruộng đất theo tinh thần Nghị quyết số 125/CP ngày 28/6/1971 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị số 231-TTg ngày 24/4/1974 của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó, Huyện ủy tập trung chỉ đạo thí điểm ở một số xã; đồng thời hướng dẫn các xã còn lại lập biểu mẫu, kê khai chuẩn bị thực hiện theo chính sách hiện hành.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, từ kết quả đạt được trong những năm 1975 - 1976, những năm tiếp theo, diện tích cấy lúa không ngừng tăng lên từ 4,6% đến 8%; riêng vụ lúa đông xuân năm 1979 - 1980, diện tích gieo trồng đạt 114,7%; năng suất đạt 18,16 tạ/ha; vụ mùa đạt năng suất 23,19 tạ/ha.

Trong 3 năm (1977 - 1979), thời tiết cũng diễn biến hết sức phức tạp khiến nhân dân thường không cấy kịp thời vụ, có những vụ gặp hạn hán nặng nên một số diện tích bị mất trắng, ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cây trồng. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, bám sát đề án phát triển kinh tế từng vùng, Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân chú trọng phát triển các loại cây màu (ngô, khoai lang, sắn...). Kết quả, diện tích màu liên tục tăng qua các năm, tỷ trọng màu trong lương thực tăng từ 13,8% (năm 1976) lên 21% (năm 1979). Đặc biệt, sản lượng cây màu trong khu vực tập thể ngày càng cao, xuất hiện nhiều điển hình tốt trong thâm canh cây ngô xuống ruộng. Sản lượng cây màu tăng đã giúp cho nhân dân trong huyện khắc phục được một phần tình trạng thiếu hụt lương thực do thời tiết gây nên.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Sau cây lúa và hoa màu, cây chè được tiếp tục quan tâm phát triển. Riêng 3 năm (1977 - 1979), toàn huyện trồng mới 488,6 ha. Vùng chè tập trung đã hình thành ở 6 xã phía nam huyện là những địa phương vốn có truyền thống trồng cây chè nhiều năm. Một số cây công nghiệp ngắn ngày như thuốc lá được mở rộng diện tích. Các loại cây có giá trị xuất khẩu được đưa vào trồng thí điểm: hương nhu 65ha, 5ha hành tây, 23ha bạc hà... qua khảo nghiệm cho thấy rất phù hợp với đất đai thổ nhưỡng ở Phú Lương, hứa hẹn khả năng thâm canh tăng năng suất trên diện rộng.

Do khó khăn về thời tiết, dịch bệnh, nguồn thức ăn tinh và con giống không đảm bảo, nên năm 1977, số lượng trâu, bò bị giảm sút. Ngay sau đó, theo tinh thần Nghị quyết 11 của Ban Thường vụ Huyện ủy, ngành chăn nuôi nhanh chóng được phục hồi và phát triển theo chiều hướng tốt. Đặc biệt, khu vực chăn nuôi tập thể từng bước được mở rộng cả về số lượng và chất lượng, làm tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo. Các loại vật nuôi đại gia súc, gia cầm hàng năm đều tăng. Tính đến năm 1979, toàn huyện có 6 trại chăn nuôi lợn tập thể với 342 lợn nái cơ bản; đàn trâu, bò có hàng nghìn con. Các trại cá Phấn Mễ, Yên Trạch hàng năm sản xuất con giống (trắm cỏ, mè, trôi, chép...) cung cấp đủ cho nhu cầu trong huyện.

Ngành lâm nghiệp từ chỗ hầu hết là những cơ sở yếu kém trong những năm trước, đã vươn lên loại khá. Trong các đơn vị thuộc khu vực quốc doanh, kết quả khai thác cung cấp các mặt hàng lâm sản cần thiết cho Nhà nước đều vượt kế hoạch và bước đầu làm ăn có lãi.

Những tiến bộ đạt được trong sản xuất nông - lâm nghiệp không chỉ góp phần cải thiện đời sống nhân dân, mà còn giúp huyện làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thu nhập bình quân mỗi nhân khẩu từ 13kg thóc/tháng (năm 1977), đã tăng

lên 15kg (năm 1978) và 17kg (năm 1979). Năm 1977, toàn huyện thu mua được 1.315,556 tấn lương thực, 160,024 tấn thực phẩm; đến năm 1979, số lượng thu mua lương thực tăng lên 1.528,726 tấn, thu mua thực phẩm tăng thêm 214 tấn. Các chỉ tiêu thu mua sản phẩm cây công nghiệp (chè, thuốc lá), chỉ tiêu tuyển quân, tuyển lao động cho các ngành đều đạt và vượt kế hoạch trên giao.

Công tác củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thực hiện liên tục, đến thời điểm này đã thu được những kết quả khả quan. Thông qua việc tổ chức học tập, quán triệt và vận dụng các Nghị quyết 08 và 12 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, phong trào hợp tác hóa được củng cố và bước đầu phát triển. Quy mô hợp tác xã tiếp tục được mở rộng, trong 2 năm 1977 - 1978, toàn huyện có thêm 784 hộ nông dân vào hợp tác xã, đưa số hộ xã viên từ 86% tổng số hộ nông dân (năm 1976), lên 95% (năm 1978). Năm 1977, toàn huyện có 34 hợp tác xã được hợp nhất thành 13 hợp tác xã lớn. Năm 1978, cùng với việc lãnh đạo tổ chức thực hiện chủ trương công hữu ao, hồ và đất rừng ở xã Ôn Lương, Huyện ủy chỉ đạo hợp nhất 10 hợp tác xã thành 4 hợp tác xã quy mô toàn xã. Đến năm 1980, toàn huyện có 18 hợp tác xã quy mô toàn xã.

Các hợp tác xã bố trí lại các đội sản xuất, tiến hành nhanh, gọn, đáp ứng nhu cầu tổ chức lại sản xuất. Mỗi đội trực tiếp quản lý từ 30 đến 45ha đất canh tác. Hoạt động của các hợp tác xã và các đội sản xuất dần dần đi vào nền nếp. Các hợp tác xã đã tự xác định được phương hướng sản xuất, kinh doanh lâu dài, xây dựng được kế hoạch sản xuất từng năm, từng vụ. Cán bộ, xã viên phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, tư liệu sản xuất được tập trung, tăng cường tạo thế mạnh trong sản xuất, mở rộng kinh doanh.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển. Hằng năm, lực lượng lao động trong các hợp tác xã được bổ sung, chỉ tiêu kế hoạch do Nhà nước giao đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Các hợp tác xã mạnh cộ Giang Tiên và Đu sản xuất được các mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện dứt điểm các công trình thủy nông như hoàn thành xây dựng đập Na Pháng (Yên Trạch), thành lập 1 đại đội Thanh niên xung phong làm công trình thủy lợi hồ Na Mạt (xã Ôn Lương), căn bản hoàn thành các tuyến mương chính của trạm bơm điện Giang Tiên... Bên cạnh những công trình trọng điểm, huyện phát động toàn dân thường xuyên tổ chức các đợt ngăn ngày làm thủy lợi nhỏ và tổ chức lực lượng tham gia vào các đợt làm thủy lợi của tỉnh. Năm 1979, toàn huyện có 4 đội 202 được tỉnh công nhận. Công tác thủy lợi đã đáp ứng được một phần tưới tiêu, chủ động, tránh lãng phí nguồn nước.

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện tiếp tục được sửa chữa và làm mới. Huyện huy động nhân lực để tu sửa, hoàn thành những tuyến đường mới đã được phê duyệt. Phong trào nhân dân tự làm đường giao thông nông thôn có hiệu quả khả quan. Trong 3 năm 1977 - 1979, huyện làm được 55km đường giao thông dân sinh liên xóm. Các tuyến liên huyện, liên xã được tu sửa, các tuyến đường nhỏ trong xã thường xuyên được nâng cấp. Huyện Phú Lương huy động dân công tham gia vào các công trường của tỉnh ở Bắc Chợ Rã, Đồng Hỷ đi Đại Từ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII và XIII, công tác văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng huyện có nhiều thay đổi. Ngành giáo dục Phú Lương có những bước chuyển biến khá mạnh ở cả 3 ngành học: Phổ thông, bổ túc văn hóa và võ lòng. Số lượng học sinh ngày càng tăng, chất

lượng giáo dục toàn diện được chú ý. Tính đến năm 1976, toàn huyện có gần 2 vạn học sinh phổ thông và học viên bổ túc văn hóa các cấp; bình quân cứ 3 người có 1 người đi học. Phong trào bổ túc văn hóa không chỉ được đẩy mạnh trong các cơ quan, mà còn bắt đầu được nhen nhóm ở nông thôn. Trên 300 cán bộ chủ chốt và nam, nữ thanh niên hăng hái theo học các lớp bổ túc văn hóa cấp I và cấp II. Kết quả thi hết cấp năm học 1974 - 1975, tỷ lệ tốt nghiệp bổ túc văn hóa đạt 100%.

Trong các nhà trường phổ thông, nguyên lý giáo dục của Đảng bước đầu được quán triệt. Phong trào thi đua “Hai tốt” tiếp tục được đẩy mạnh. Năm 1974 - 1975, toàn huyện có 15 xã đạt đơn vị tiên tiến của tỉnh, huyện, 336 giáo viên đạt danh hiệu tiên tiến. Năm học 1976 - 1977, huyện Phú Lương có 2 đơn vị tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, 7 đơn vị tiên tiến cấp tỉnh, 7 đơn vị tiên tiến cấp huyện, 8 chiến sỹ thi đua, 274 lao động tiên tiến¹.

Ngoài giờ học, giáo viên và học sinh tích cực tham gia lao động, sản xuất, trồng cây lương thực, giúp hợp tác xã làm giao thông, thủy lợi, làm phân xanh, lao động giúp trường Thanh niên dân tộc, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sỹ. Đội ngũ giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng về kiến thức, nghiệp vụ và nhất là bồi dưỡng về lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng đáp ứng yêu cầu của cải cách giáo dục.

Huyện chỉ đạo các xã quan tâm xây dựng trường lớp, nhiều trường đã có đủ lớp, đủ bàn ghế, bảng... đáp ứng nhu cầu học tập của con em trong xã. Hệ thống nhà trẻ cũng được mở rộng, so với năm 1974, những năm 1975 - 1976, số nhà trẻ tăng 11%; số cháu đến nhà trẻ tăng 7%. Nhiều xã có phong trào xây dựng

¹ Báo cáo số 03/BC-UB ngày 1/3/1978 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tổng kết công tác năm 1977 và phương hướng nhiệm vụ năm 1978, tr.10.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

cơ sở vật chất phục vụ cho học tập tốt là Yên Trạch, Yên Đổ, Ôn Lương, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Động Đạt, Vô Tranh. Nhờ đó, về cơ bản đã giải quyết được tình trạng học 3 ca, chất lượng giảng dạy và học tập được nâng lên.

Công tác y tế, chăm lo sức khỏe cho cán bộ và nhân dân được các cấp đảng bộ và chính quyền quan tâm. Tính đến năm 1976, toàn huyện có 21/24 xã đã xây dựng được trạm xá, đến năm 1979, số xã có trạm y tế đạt 100%. Các trạm y tế có nhiều cố gắng trong việc chữa bệnh theo phương pháp đông - tây y kết hợp. Bên cạnh bệnh viện huyện, phòng khám Đu đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc khám, chữa bệnh, cấp cứu cho nhân dân các xã phía nam huyện.

Các chỉ tiêu khám, chữa bệnh được hoàn thành; công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em từng bước được hoàn thiện và có chiều hướng phát triển tốt. Công tác tuyên truyền, vận động sinh đẻ có kế hoạch được đông đảo chị em phụ nữ, trong đó có 2/3 là chị em nữ nông thôn tích cực hưởng ứng.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh thường xuyên được kiểm tra, đôn đốc. Toàn huyện có 1/4 số hộ hoàn thành 3 công trình: Nhà tắm, giếng nước, hố tiêu 2 ngăn. Vì vậy, các ổ dịch bệnh, đặc biệt là bệnh sốt rét ác tính đã kịp thời phát hiện và dập tắt.

Các hoạt động văn hóa, xã hội cũng có bước chuyển biến tốt. Khoảng 70% số cơ quan, đơn vị và 50% số xã trong toàn huyện có phong trào thường xuyên rèn luyện sức khỏe. Phòng Văn hóa - Thông tin huyện có nhiều cố gắng vươn lên khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong đợt vận động chính trị lớn của huyện năm 1976, ngành văn hóa thông tin đã có các hình thức tuyên truyền phong phú như mít tinh, nói chuyện, phát thanh, viết tin, bài cho báo, kẻ khẩu hiệu, vẽ pa nô, cổ động, triển lãm...

Các buổi chiếu bóng, biểu diễn văn nghệ, cũng như công tác phát hành báo chí... được duy trì, góp phần to lớn vào nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nâng cao nhận thức chính trị và cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân. Các đội văn nghệ nghiệp dư ở cơ sở xã, cơ quan, xí nghiệp... được củng cố, tạo điều kiện hoạt động. Huyện xây dựng được 2 đội chiếu bóng và 2 hiệu sách để phục vụ nhân dân.

Theo tinh thần Chỉ thị số 214-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 15/1/1975 về việc thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, ngày giỗ, ngày hội và Quyết định số 56/CP ngày 18/3/1975 của Hội đồng Chính phủ ban hành thể lệ về tổ chức việc cưới, việc tang, ngày giỗ, ngày hội để *“xây dựng nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục”*, phong trào xây dựng nếp sống văn minh được đẩy mạnh. Bước đầu thực hiện chỉ thị còn gặp nhiều khó khăn do tư tưởng mới mẻ, phương pháp triển khai chưa hợp lý khiến nhân dân hoang mang, không đồng tình. Đảng bộ nhanh chóng rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp khắc phục. Qua quá trình kiên trì tuyên truyền, vận động, các đám cưới, đám tang dần được thực hiện theo nghi thức nếp sống mới. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới bước đầu được triển khai đến nhân dân. Các chế độ, chính sách đối với các gia đình có công, gia đình thương binh, liệt sỹ... được các cấp đảng bộ, chính quyền quan tâm giải quyết kịp thời.

Cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ Phú Lương rất quan tâm đến công tác giáo dục, động viên các lực lượng vũ trang và nhân dân trong huyện tích cực thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao. Công tác tuyển quân luôn hoàn thành vượt chỉ tiêu: Năm 1975, cả hai đợt tuyển quân vượt 4,83%, năm 1976 vượt 1%. Không chỉ làm tròn nhiệm vụ hậu phương

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chi viện quân và dân biên giới phía Bắc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã huy động nhiều con, em tham gia chiến đấu ngay từ những ngày đầu chống quân xâm lược ở tuyến biên giới phía Bắc để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Trong tuyển quân đợt 1 năm 1979 (giao quân tháng 2 và tháng 4), Phú Lương đã vượt chỉ tiêu trên giao 1%. Phú Lương cũng là nơi đứng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực thuộc Quân đoàn III.

Từ ngày 27/2 đến ngày 31/5/1978, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các ngành huy động lực lượng dân quân, tự vệ và Trung đoàn 677 bộ đội địa phương của tỉnh tiến hành chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã. Cùng với một số huyện, thành trong tỉnh, huyện Phú Lương huy động 500 đoàn viên thanh niên tham gia chiến dịch, với tổng số 15.530 ngày công. Nhờ thực hiện tốt việc tổ chức quân sự hóa, quản lý và duy trì kỷ luật lao động chặt chẽ, tích cực cải tiến công cụ lao động (làm máng trượt, làm xe cải tiến), trải qua 2 tháng lao động, Phú Lương đạt 170% so với kế hoạch được giao¹.

Sẵn có truyền thống yêu nước, cần cù và sáng tạo trong lao động sản xuất, được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện nhanh chóng chuyển trạng thái từ thời bình sang thời chiến, xây dựng phương án phòng thủ, phương án chiến đấu khi tình huống xảy ra; xác định quyết tâm xây dựng huyện Phú Lương trở thành hậu phương vững mạnh của trận tuyến phía Bắc.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương về xây dựng phòng tuyến phía Bắc, Đảng bộ huyện chủ trương phát huy sức mạnh của lực lượng thanh niên với phong trào “*Ba xung*

¹ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên: *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên (1975 - 2000)*.

kích làm chủ tập thể". Hưởng ứng chủ trương của Đảng bộ, toàn huyện đã có 4.000 đoàn viên, thanh niên đăng ký sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh. Trên 400 đoàn viên thanh niên với hơn 10.000 ngày công tham gia xây dựng phòng tuyến tại huyện Na Rì (Bắc Kạn). Ngoài ra, lực lượng đoàn viên thanh niên huyện còn đảm nhận công việc xây dựng hệ thống hầm, hào, phòng tuyến chiến đấu ở các xã, các cơ quan, đơn vị, trường học; tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, ngày đêm luyện tập, canh phòng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Sau khi ngừng tiếng súng trên tuyến biên giới phía Bắc, theo chủ trương của Huyện ủy, với tinh thần giúp đỡ đồng bào Cao Bằng khắc phục hậu quả chiến tranh, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã ủng hộ 6.042,8m phiếu vải; 28.335,05 đồng; 14.082,1kg thóc; 1.013,5kg gạo; 775,3kg ngô hạt; 79kg sắn lát; 4.699kg sắn tươi. Ngoài ra, hai hợp tác xã Ôn Lương và Yên Trạch ủng hộ 2.000kg thóc giống. Huyện Phú Lương còn đưa lên Cao Bằng 120.000 tàu lá cọ, 6.000 cây tre, 3.446 cây vầu, 19.607 cây nứa, 56 tấm ván gỗ và một số nông cụ.

Những kết quả đạt được trên các mặt công tác trong những năm 1975 - 1980 không tách rời vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân và đoàn thể quần chúng các cấp trong huyện.

Nhằm nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, Huyện ủy đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ban Chấp hành Đảng bộ tiếp tục triển khai trong cán bộ, đảng viên học tập Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư về việc *"Đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và xét kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh"*, Nghị quyết 23, Nghị quyết 24 của Trung ương về công tác kiện toàn các cấp ủy đảng. Thực

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII (tháng 5/1975), Đảng bộ Phú Lương mở cuộc vận động chính trị lớn: *“Tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng”* theo tinh thần Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương; đồng thời tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư. Trong 2 năm (1975 - 1976), Huyện ủy tập trung chỉ đạo, tổ chức thành nhiều đợt học tập để đảm bảo cho tất cả cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đều được tham gia học tập. Kết quả đã có 100% đảng viên khối cơ quan và 23/24 đảng bộ xã, thị trấn tham gia học tập quán triệt Nghị quyết.

Trong năm 1976, Đảng bộ cử 12 đồng chí đi học dài hạn, 26 đồng chí đi học ngắn hạn; trong đó có 15 đồng chí là cán bộ xã. 100% chi bộ khối cơ quan, 23/24 Đảng bộ khối nông thôn cũng được bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Thông qua các đợt học tập, sinh hoạt chính trị, nhìn chung cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có tư tưởng lập trường kiên định, nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu.

Số cơ sở đảng và số lượng đảng viên của Đảng bộ ngày càng tăng. Trong năm 1975, toàn Đảng bộ có 49 chi bộ, đảng bộ cơ sở, trong đó có 19 đảng bộ xã và cơ quan; 56 chi bộ nhỏ dưới đảng ủy. Đến cuối năm 1976, Đảng bộ Phú Lương đã có 56 chi bộ, đảng bộ cơ sở trong đó có 24 đảng bộ xã và cơ quan; 109 chi bộ nhỏ ở đội sản xuất và các đội chuyên. Cùng thời gian này, Đảng bộ huyện Phú Lương có 2.004 đảng viên, chiếm 3,3% số dân trong huyện.

Cùng với sự phát triển về số lượng, chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng được nâng cao. Đến năm 1976, theo sơ bộ phân loại, toàn Đảng bộ có 16 cơ sở đạt loại khá; 28 cơ sở loại trung bình và 5 cơ sở xếp loại kém. Số cán bộ trẻ, có trình độ khoa học kỹ thuật được bổ sung tham gia vào các cấp ủy đảng, đáp ứng yêu cầu mới ngày càng cao hơn của sự nghiệp cách mạng.

Chất lượng đảng viên cũng được nâng lên. Năm 1975, trong tổng số 1.268 đảng viên tham gia phân loại, có 636 đồng chí đạt loại tích cực (chiếm 50%); 481 đồng chí loại trung bình (chiếm 37%); 151 đồng chí thuộc loại kém (chiếm 13%). Đến năm 1976, trong tổng số 1.949 đảng viên tham gia phân loại, có 1.244 đồng chí đạt danh hiệu đảng viên tích cực (chiếm 63%); 595 đồng chí loại trung bình (chiếm 31,1%); 110 đồng chí thuộc loại kém (chiếm 6,9%).

Trong cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192, cùng với công tác phát triển đảng viên mới, Đảng bộ thi hành kỷ luật 415 đảng viên vi phạm khuyết điểm (chiếm 22,7% tổng số đảng viên).

Chế độ sinh hoạt Đảng trong nhiều đảng bộ, chi bộ dần dần đi vào nền nếp theo quy định thống nhất của Huyện ủy vào ngày 5 hằng tháng. Tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức chấp hành nghị quyết... của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước. *“Công tác xây dựng Đảng đã có những chuyển biến đáng kể, cán bộ, đảng viên nhận thức được tình hình nhiệm vụ mới. Tổ chức đảng các cấp được kiện toàn một bước, phù hợp với yêu cầu của tổ chức lại sản xuất. Nhiều cấp ủy thành những tập thể lãnh đạo đoàn kết nhất trí, chung lưng đấu cật, bất chấp mọi khó khăn, quyết đưa phong trào địa phương tiến lên những bước mới”¹.*

Trong quá trình chỉ đạo học tập và tiến hành cuộc vận động theo tinh thần Nghị quyết 23 với phương châm: Xây dựng Đảng phải gắn liền với việc nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn tổ chức chính quyền và việc xây dựng, củng cố các đoàn thể quần chúng; nâng cao chất lượng đảng viên phải kết hợp với nâng cao chất lượng cán bộ, với kiện toàn nâng cao lãnh

¹ Báo cáo chính trị Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV (tháng 1/1980).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đạo từ huyện xuống đến cơ sở, đến hợp tác xã; phát triển Đảng phải coi trọng chất lượng, phát triển đi đôi với củng cố, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ ra 3 nhiệm vụ cụ thể trong công tác xây dựng Đảng bộ:

1- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện nâng cao lập trường quan điểm giai cấp; phấn đấu mỗi cán bộ, đảng viên thật sự trở thành những chiến sỹ tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

2- Tích cực củng cố, nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của chi bộ, đảng bộ cơ sở đi đôi với nâng cao năng lực và phẩm chất cán bộ, đảng viên.

3- Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn mới¹.

Nhờ đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng thông qua việc quán triệt các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và Huyện ủy, cùng với đợt sinh hoạt chính trị (theo tinh thần Nghị quyết số 254-NQ/TW ngày 15/7/1976 của Bộ Chính trị), các lớp bồi dưỡng lý luận cơ sở và nhiều hình thức giáo dục khác, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng cao nhận thức, ý chí rèn luyện và khả năng vận động quần chúng; những khuynh hướng và biểu hiện sai trái của một số cán bộ, đảng viên đã được phê phán và ngăn chặn.

Đảng ủy các cấp được kiện toàn gắn liền với việc xây dựng chế độ, chức trách, cải tiến lề lối làm việc và nâng cao chất lượng đảng viên năm sau tiến bộ hơn năm trước. Theo tiêu chuẩn phân loại cơ sở đảng và đảng viên do Ban Tổ chức Trung

¹ Đề án Về phương hướng và các mục tiêu kinh tế trong 5 năm (1976 - 1980) trong phạm vi cả huyện của Huyện ủy Phú Lương.

ương hướng dẫn, trong năm 1975, số chi bộ, đảng bộ cơ sở xuất sắc và khá chiếm 64,9%; loại trung bình 20,4%; số yếu kém 14,7%. Trong số 56 chi bộ dưới đảng ủy, có 22 chi bộ loại xuất sắc và khá; 26 chi bộ thuộc loại trung bình và 8 chi bộ thuộc loại yếu kém.

Đất nước hòa bình xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa cần có 1 đội ngũ cán bộ đông đảo, nhất là cấp xã và hợp tác xã được đào tạo về quản lý kinh tế, chuyên môn, kỹ thuật. Theo đề án “Về phương hướng và các mục tiêu kinh tế trong 5 năm (1976 - 1980) trong phạm vi cả huyện của Huyện ủy Phú Lương” được xây dựng ngày 27/8/1976, mỗi hợp tác xã cần có 31 cán bộ có trình độ từ sơ cấp đến đại học ở các lĩnh vực quản lý kinh tế, trồng trọt, chăn nuôi, thú y, giao thông, thủy lợi, nghề rừng, đất đai, thổ nhưỡng... Như vậy, cả huyện cần tới hàng ngàn cán bộ. Trong khi đó, 2 năm (1975 - 1976), trường Đảng của huyện chỉ mở được 4 lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý hợp tác xã; bồi dưỡng lý luận cơ sở cho hơn 200 lượt cán bộ, đảng viên; đồng thời cử 53 cán bộ (trong số này có 15 cán bộ xã) đi học lớp dài hạn tại các trường của Trung ương, của tỉnh. Để đáp ứng nhu cầu cán bộ cho những năm về sau, ngay trong năm 1976, huyện đã lựa chọn những đảng viên trẻ, đoàn viên thanh niên các dân tộc trong huyện có trình độ văn hóa từ lớp 7 trở lên (hệ 10 năm) gửi vào các trường Nhà nước nhờ đào tạo, hợp tác xã chi phụ cấp theo chế độ học bổng như Nhà nước quy định.

Tuy nhiên, trong những năm 1975 - 1977, “Công tác xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng còn nhiều mặt yếu, việc giáo dục chính trị, tư tưởng, nội dung yêu cầu cách mạng xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên ở nhiều đảng bộ cơ sở còn thiếu sâu sắc, thiếu liên tục và toàn diện. Các nguyên tắc của Đảng chưa được chấp hành nghiêm chỉnh, một số cán

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

bộ, đảng viên còn những lệch lạc về phẩm chất đạo đức, thiếu gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, ảnh hưởng đến vai trò tiên phong, sức chiến đấu và sự lãnh đạo của Đảng. Về tổ chức, chưa được kiện toàn một cách đầy đủ, đội ngũ cốt cán thiếu nghiêm trọng... Kết nạp đảng viên mới còn yếu..."¹.

Khắc phục những hạn chế trên, trong nhiệm kỳ 1977 - 1979, công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh, trong đó tập trung vào nhiệm vụ chính trị tư tưởng. Huyện đã tổ chức cho đảng viên học tập lý luận cơ bản theo chương trình cơ sở, học tập tình hình và nhiệm vụ mới theo nội dung Ban Tuyên giáo Trung ương quy định, gắn liền với việc thực hiện các thông tri, chỉ thị của Trung ương. Ở các tổ chức đảng nông thôn, tỷ lệ đảng viên tham gia học tập đạt 70 - 80%; ở tổ chức đảng khối cơ quan, tỷ lệ đảng viên tham gia học tập đạt 90%².

Sau khi tiến hành học tập chính trị và thời sự, đặc biệt là học tập Thông tri số 22/TT-TW và Chỉ thị số 72/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, cấp ủy các cấp đã xác định trách nhiệm và tư cách cho từng đảng viên, nâng cao một bước tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cũng như tinh thần chấp hành các nghị quyết. Nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở trước đây ít sinh hoạt nay đã đi vào nền nếp, thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Huyện ủy là sinh hoạt Đảng vào ngày 5 hằng tháng.

Tuy nhiên, một hạn chế lớn là công tác phát triển Đảng trong giai đoạn này còn yếu. Cấp ủy các cấp và đảng viên chưa nhận thức đúng vị trí của công tác phát triển Đảng nên

¹ Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIII (vòng 2).

² Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương trước Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV, tr.14.

chưa có chỉ đạo cụ thể, thiếu kế hoạch phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ, giáo dục quần chúng để có đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng. Mặc dù huyện đã bồi dưỡng hơn 400 đoàn viên nhưng trong 2 năm chỉ kết nạp được 60 người. Chất lượng đảng viên cũng chưa thực sự nâng cao. Quan điểm, lập trường giai cấp của một số đảng viên chưa vững vàng. Trong 2 năm, Đảng bộ kỷ luật cho ra khỏi Đảng 50 người¹.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện và xã năm 1977 thành công tốt đẹp. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân từ huyện xuống xã từng bước được củng cố và kiện toàn, có nhiều cố gắng cải tiến lề lối làm việc. Bộ máy chính quyền các cấp trong huyện bước đầu phát huy được vai trò, chức năng của mình về chỉ đạo sản xuất, quản lý hành chính.

Mặt trận và các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ... làm tốt công tác động viên, tổ chức và giáo dục quần chúng nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí, vượt mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, XIII đã đề ra.

Lực lượng dân quân, tự vệ được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm, vừa củng cố tổ chức, giáo dục chính trị tư tưởng, vừa tích cực tham gia huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ. Các cơ quan Công an, Viện kiểm soát, Tòa án cũng được kiện toàn, phát huy tốt chức năng của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Nhờ đó, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện vẫn được đảm bảo tốt.

Tóm lại, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương khắc phục mọi khó khăn,

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương trước Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV, tr.16.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

trở ngại, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị do Nghị quyết các Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, XIII đề ra. Những thành tựu đạt được trong thời gian này đã tạo đà cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục vươn lên thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV cũng như kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985) do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982) thông qua.

II. Tiếp tục phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội giai đoạn 1980 - 1985

Bước vào năm 1980, mặc dù đã đập tan cuộc chiến tranh xâm lược biên giới ở phía Tây Nam và phía Bắc, nhân dân ta vẫn phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực phản động quốc tế. Mặt khác, đây cũng là năm cuối cùng, có tính quyết định trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV đề ra.

Trong bối cảnh đó, được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIV được triệu tập từ ngày 15 đến ngày 19/1/1980. Tham dự Đại hội có 115 đại biểu sinh hoạt tại 47 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Về nhiệm kỳ 1977 - 1979, Đại hội đánh giá đây là nhiệm kỳ cán bộ, đảng viên và nhân dân Phú Lương phải đối mặt với nhiều khó khăn. Biên giới phía Bắc và Tây Nam liên tục bị các tập đoàn phản động công kích, nhân lực, vật lực lại một lần nữa lên đường ra chiến trận. Cùng với địch họa, thiên tai liên tiếp xảy ra, mang theo dịch bệnh, sâu hại khiến sản xuất hết sức khó khăn. Trong tình hình đó, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và sau đó là các hội nghị Trung ương cũng như nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Phú Lương đã khắc phục mọi khó khăn, *“đạt được những kết quả trên một số*

mặt quan trọng, đáng phấn khởi và tạo ra những nhân tố mới trong phong trào lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc”¹.

Trên cơ sở kiểm điểm, đánh giá công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1977 - 1979, căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ chung của cả nước, của tỉnh và tình hình thực tế của địa phương, Đại hội nhất trí thông qua nhiệm vụ trong những năm 1980 - 1981 là: “Ra sức phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp một cách toàn diện, ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân. Tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc thâm canh cây trồng và chăn nuôi, phát triển ngành giao thông, thủy lợi. củng cố, quan hệ sản xuất, ra sức cải tiến quản lý kinh tế, quản lý xã hội, lưu thông phân phối, tăng cường xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, bảo vệ an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược, bảo vệ quê hương Tổ quốc. Kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ cờ bạc, ăn cắp, mê tín, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, củng cố và phát huy vai trò của chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đảm bảo cho từng tổ chức của Đảng, đoàn thể và bộ máy chính quyền đủ sức làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới hết sức khẩn trương và cấp bách”². Nhiệm vụ được cụ thể hóa thành các mục tiêu như sau:

Đối với sản xuất nông nghiệp, huyện chủ trương đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích bằng khai hoang, phục hóa, đảm bảo diện tích cấy lúa xuân toàn huyện năm 1980 - 1981 đạt 2.000ha, đưa năng suất lên 20 tạ/ha để đạt 4.000 tấn

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV (tháng 1/1980).

² Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV (tháng 1/1980).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thóc. Diện tích lúa mùa năm 1981 phải đạt 4.800ha, đưa năng suất lên 24 tạ/ha để đạt 11.520 tấn thóc. Phấn đấu đến năm 1981, sản lượng lương thực toàn huyện đạt 22.000 tấn, trong đó sản lượng thóc đạt 15.520 tấn, nâng mức ăn bình quân một tháng từ 18kg lên 20kg/người¹.

Trong chăn nuôi, tiếp tục triển khai Nghị quyết 05 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết 11 của Huyện ủy về công tác chăn nuôi đối với hộ gia đình và chăn nuôi tập thể để phấn đấu đến năm 1981, đàn lợn trên địa bàn huyện phải có 22.700 con đến 22.900 con; đàn trâu có 15.500 con, sản lượng thực phẩm chăn nuôi tăng nhanh, cung cấp sức kéo, bổ sung nguồn phân chuồng cho thâm canh cây trồng. Phấn đấu mỗi năm trồng thêm 400ha rừng mới.

Phân tích tình hình và triển vọng trong thời gian tới, Đại hội khẳng định *“Tuy trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn, nhưng với lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nắm vững đường lối của Đảng, dựa vào nhân dân lao động, mạnh dạn dám nghĩ dám làm và kiên quyết cải tiến phương pháp chỉ đạo từ huyện đến cơ sở, nhất định chúng ta sẽ tạo nên một sự chuyển biến mới trong sản xuất, tổ chức đời sống và bảo vệ vững chắc Tổ quốc”*².

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 27 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Phan Công Nhượng tiếp tục được tín nhiệm tái cử chức Bí thư; các đồng chí Bé Văn Xuân và Hoàng Văn Thủ được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ chính trị những năm 1980 -

¹ Nghị quyết số 01/NQ-HU ngày 19/1/1980 của Huyện ủy Phú Lương - Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIV, tr.6.

² Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV (tháng 1/1980).

1982 theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, ngoài những khó khăn do chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch gây ra, Phú Lương còn gặp thiên tai, sâu bệnh, hạn hán kéo dài làm thiệt hại nghiêm trọng đến kinh tế, đời sống của nhân dân, làm mất cân đối nghiêm trọng giữa cung và cầu.

Trên mặt trận sản xuất, diện tích cấy lúa xuân năm 1980 của toàn huyện Phú Lương là 1.762ha (đạt 103,6% chỉ tiêu), sản lượng đạt 3.167 tấn. Diện tích cấy lúa mùa đạt 4.718ha, năng suất là 21,7 tạ/ha, sản lượng đạt 10.206 tấn. Diện tích cây màu có dấu hiệu giảm sút.

Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về *“Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm người lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”*. Quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, nhất là Chỉ thị số 100-CT/TW, Huyện ủy cùng Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác lớn nhằm hoàn thành các chỉ tiêu về sản xuất, đời sống và quản lý xã hội. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện nêu cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy ý thức tự lực, tự cường, thi đua lao động sản xuất, tổ chức sản xuất, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng... Đó chính là những nhân tố hết sức quan trọng giúp cho Đảng bộ và nhân dân Phú Lương từng bước tháo gỡ khó khăn, vươn lên hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội, do Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIV đề ra.

Năm 1982, toàn huyện cấy được 2.020ha lúa xuân, (đạt 101% kế hoạch). Sản lượng lúa xuân các năm tiếp theo đều tăng: từ 3.167 tấn (năm 1980) lên 3.526 tấn (năm 1982). Lúa mùa năm 1982, năng suất đạt bình quân từ 17 tạ đến 28 tạ/ha; ruộng

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

cao sản đạt từ 30 - 32 tạ/ha¹. Các loại giống lúa có năng suất cao (K3, Nông nghiệp 8, Bao thai...) tiếp tục được đưa vào đồng ruộng. Cây màu và cây công nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh, diện tích gieo trồng chè năm 1980 là 60%, đến năm 1982 đạt 100%. Tuy nhiên, một số loại cây giảm diện tích như đậu tương và thuốc lá.

Trong lãnh đạo phát triển chăn nuôi, Huyện ủy kịp thời chuyển đổi phương thức, giao khoán cho các hộ gia đình xã viên. Nhờ đó, đàn trâu từ 14.263 con (trong năm 1980), đã tăng lên 14.554 con (trong năm 1982). Đàn lợn nái cũng tăng lên hằng năm, bước đầu có điều kiện cung cấp con giống cho nhân dân địa phương. Nhận thấy ngựa là loài vật hữu ích trong việc vận chuyển hàng hóa và dùng làm phương tiện đi lại của đồng bào dân tộc các xã vùng sâu, vùng xa, các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển đàn ngựa. Năm 1980, toàn huyện chỉ có 423 con ngựa (đạt 84%) đến năm 1982, đã tăng lên 567 con (đạt 115% kế hoạch). Toàn huyện Phú Lương có diện tích ao, hồ khoảng 250ha, nhưng mới tổ chức chăn, thả cá được 200ha; các cơ sở ương cá giống hằng năm mới sản xuất được từ 2.000.000 đến 3.000.000 con, nên chưa đảm bảo nhu cầu cung cấp giống cho địa phương².

Nhìn chung về lãnh đạo phát triển sản xuất lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi đàn gia súc, trong 3 năm (1980 - 1982), các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã có nhiều cố gắng tìm biện pháp để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Đại hội XIV đề ra. Điều đáng chú ý là huyện đã xây dựng được kế hoạch

¹ Báo cáo số 03/BC-UB ngày 28/3/1983 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tình hình thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1982 và quý I năm 1983, tr.2-3.

² Báo cáo số 03/BC-UB ngày 28/3/1983 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tình hình thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1982 và quý I năm 1983, tr.3.

cụ thể cho từng vụ, từng ngành; quy mô các đội sản xuất cũng được điều chỉnh cho phù hợp. Nhờ đó, dù gặp nhiều khó khăn, nhưng về cơ bản, tình hình sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện vẫn được giữ vững.

Trong quá trình lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ rất coi trọng phát triển hệ thống thủy lợi. Trong 3 năm (1980 - 1982), với số vốn đầu tư cho thủy lợi là 2,8 tỷ đồng; không kể nguồn kinh phí do nhân dân đóng góp và 29.910 công lao động, Phú Lương hoàn thành xây dựng 10 công trình thủy nông; trong đó có 2 công trình loại vừa, đảm bảo tưới và tiêu nước cho 2.000ha lúa trong cả 2 vụ (tăng hơn 380ha so với trước).

Từ sau thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương, trong nông thôn nói chung như có một luồng sinh khí mới. Đặc biệt trong các hợp tác xã nông nghiệp, bà con nông dân rất phấn khởi khảng định lại lòng tin vào đường lối của Đảng và Nhà nước. Bộ máy điều hành công việc từ đội sản xuất đến Ban Quản trị hợp tác xã có nhiều chuyển biến tích cực. Cũng từ đó, các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất được đảm bảo; các quy trình kỹ thuật sản xuất được triển khai thực hiện đầy đủ, năng suất các loại cây trồng tăng lên rõ rệt... Đời sống của cán bộ, công nhân viên Nhà nước cũng như nhân dân các dân tộc trong huyện bước đầu được cải thiện; những yêu cầu tối thiểu về ăn, ở, mặc, học hành... được đáp ứng từng bước.

Cùng với thủy lợi, việc xây dựng cơ sở hạ tầng cũng được đẩy mạnh. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong 3 năm (1980 - 1982), Đảng bộ lãnh đạo các cấp, các ngành hoàn thành nhiều công trình quan trọng. Ngoài việc làm mới 2 cầu treo Yên Đĩnh và Sơn Cẩm, làm mới và củng cố mạng lưới đường giao thông liên xã, liên xóm, huyện còn xây dựng kiên cố và bán kiên cố khu nhà ở và làm việc cho cán bộ, công nhân viên, hệ thống sân phơi, nhà kho, hội trường... của

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

các hợp tác xã Túc Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm; trạm y tế các xã vùng xa: Yên Hân, Yên Cư, phòng khám Đu. Đó là chưa kể 271 phòng học, nhà ở cho cán bộ giáo viên của các trường phổ thông cơ sở cũng được xây dựng cùng với việc trang bị những tiện nghi tối thiểu.

Ngành tài chính, ngân hàng Phú Lương đã vượt qua nhiều khó khăn, đảm bảo thu đủ và vượt chỉ tiêu, đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho công tác phát triển sản xuất của địa phương.

Những năm 1980 - 1982, sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở Phú Lương phát triển chưa toàn diện, chủ yếu tập trung ở một số ngành nghề truyền thống, như đóng gạch, sản xuất gói lợp, vôi xây dựng và một số nông cụ cầm tay (dao, cuốc, xẻng...) phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp. Một số mặt hàng phục vụ xuất khẩu, như màn hình, tấm màn hình, cột cọc, hoa hồi, dầu bạc hà... chưa được chú ý đầu tư phát triển.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế. Sản xuất tăng chậm kéo theo tình trạng mất cân đối giữa sản xuất và đời sống, giữa chăn nuôi và trồng trọt, giữa thâm canh cây trồng và mở rộng diện tích. Sự phân công lao động ngành, nghề chưa hợp lý. Việc vận dụng Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động chưa thật đồng bộ; thậm chí có nhiều xã và hợp tác xã thực hiện không đúng, hoặc không thực hiện. Sự vận dụng chủ trương, đường lối của Trung ương và Tỉnh ủy vào hoàn cảnh thực tiễn ở địa phương còn thiếu sáng tạo... Những vấn đề đó yêu cầu Đảng bộ tiếp tục tìm cách khắc phục trong những năm sau.

Được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 8 đến ngày 12/1/1983, Đảng bộ Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu

lần thứ XV (vòng 2)¹. Đại hội khẳng định những thành tích, ưu điểm; đồng thời nghiêm khắc vạch ra những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1980 - 1982. Trên cơ sở đó, Đại hội nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ tới, Nghị quyết Đại hội nêu rõ:

1- Ra sức phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch đã được huyện và tỉnh phê duyệt. Đảm bảo sản xuất lương thực, thực phẩm đủ cân đối trên địa bàn huyện, đồng thời góp cho tỉnh và Trung ương.

2- Đẩy mạnh sản xuất, chế biến nhiều hàng hóa, tăng cường công tác thu mua nắm nguồn hàng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cần cân đối hàng hai chiều, đặc biệt là hàng xuất khẩu để đổi lấy phân bón, vải mặc và các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân.

3- Khai thác các nguồn thu và giao nghĩa vụ nộp ngân sách cho các đơn vị sản xuất kinh doanh và các hộ tư nhân, điều tiết cho được các khoản thu nhập bất hợp lý, không chính đáng. Tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu...

4- Phân công lại lao động trên địa bàn huyện, đảm bảo cho các công dân đến tuổi lao động có việc làm. Phát triển các ngành nghề thủ công trong hợp tác xã nông nghiệp ở các thị trấn, thị tứ, nhất là nghề chế biến nông - lâm sản, hàng xuất khẩu, tạo ra những chuyển biến bước đầu cho công tác quản lý lao động trên địa bàn huyện đi dần vào nền nếp.

Đại hội cũng tập trung thảo luận và đề ra các chỉ tiêu cụ thể về các mặt:

¹ Đại hội Đảng bộ lần thứ XV được tiến hành 2 vòng; trong đó vòng 1 tổ chức từ ngày 30/12/1981 đến ngày 3/1/1982 để thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị, Báo cáo công tác xây dựng Đảng, phương hướng, nhiệm vụ năm 1982.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

- Trong sản xuất nông nghiệp, phấn đấu đưa năng suất lúa đạt từ 24 đến 26 tạ/ha; mở rộng diện tích trồng sắn từ 900ha (năm 1983) lên 1.000ha (năm 1985), năng suất đạt 100 tạ/ha; diện tích trồng ngô là 1.000ha và năng suất từ 12 đến 13 tạ/ha. Phấn đấu mức bình quân lương thực quy thóc đến năm 1985 đạt 18 - 20 kg/người/tháng.

- Đưa diện tích trồng cây thuốc lá từ 200 lên 250ha, sản lượng 120 - 175 tấn; diện tích trồng chè từ 1.160 đến 1.360ha và đạt sản lượng 1.110 - 1.648 tấn.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất chăn nuôi ở cả hai khu vực tập thể và gia đình, với phương châm huy động vốn tập thể, vốn gia đình và vốn vay tín dụng. Phấn đấu nâng tổng đàn trâu từ 15.166 con lên 17.300 con; đàn bò từ 350 con lên 450 con; đàn lợn từ 22.000 con lên 26.000 con, trong đó phát triển giống lợn lai kinh tế từ 5.700 con lên 7.300 con.

- Phát huy thế mạnh của địa phương về rừng và đất rừng. Đại hội đề ra mục tiêu bảo vệ từ 913ha (năm 1983) lên 1.113ha (năm 1985), trồng mới rừng quốc doanh từ 100ha (năm 1983) lên 300ha (năm 1985) và diện tích rừng do nhân dân trồng là 400ha.

- Đẩy mạnh phát triển ngành nghề tiểu thủ công, trong đó tập trung vào các nghề sản xuất hàng xuất khẩu; phấn đấu đưa giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp từ 1.124.000 đồng (năm 1983) lên 1.924.000 đồng (năm 1985).

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 27 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Tại phiên họp lần thứ 1 (ngày 11/1/1983) và lần thứ 2 (ngày 17/1/1983), Ban Chấp hành Đảng bộ (khóa XV) bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 8 đồng chí. Đồng chí Phan Công Nhượng tái cử giữ chức Bí thư Huyện ủy;

đồng chí Mạc Văn Đạt được bầu làm Phó Bí thư¹.

Rút kinh nghiệm từ 2 năm đầu thực hiện Khoán 100, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, dưới sự lãnh đạo sát sao của Huyện ủy, trong 3 năm (1983 - 1985), năng suất và sản lượng lương thực đều tăng 6,33%; tổng sản phẩm xã hội tăng 9,3%; thu nhập quốc dân tăng 8%. Tính đến năm 1985, với tổng sản lượng lương thực 25.071 tấn (vượt 2%, riêng năng suất lúa vượt 4,7% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra), lần đầu tiên huyện Phú Lương có 108 tấn lương thực đưa vào nguồn dự trữ. Đây là một thành tích nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Phú Lương trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

Ngoài lương thực, một số cây công nghiệp ngắn ngày cũng đạt kết quả khả quan cả về diện tích và sản lượng. Đến năm 1985, toàn huyện thu hoạch được 2.544 tấn chè búp tươi (vượt 696 tấn so với chỉ tiêu); 70 tấn thuốc lá (đạt 112% kế hoạch); 5.303 tấn mía (đạt 217% kế hoạch).

Trong những năm 1983 - 1985, ngành chăn nuôi toàn huyện có bước phát triển tốt. Số lượng gia súc, gia cầm nhìn chung đều có xu hướng tăng qua các năm. Tính đến năm 1985, tổng đàn trâu có 15.883 con (tăng 9%); đàn bò có 450 con (tăng 136,4%); đàn lợn có 24.359 con (tăng 125%).

Tiềm năng rừng được đẩy mạnh khai thác, các kế hoạch

¹Từ ngày 1/10/1983, đồng chí Phan Công Nhượng nghỉ hưu. Theo Quyết định số 237/QĐ-BT của Tỉnh ủy Bắc Thái ngày 25/11/1983, đồng chí Mạc Văn Đạt làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Bế Văn Xuân làm Phó Bí thư.

Ngày 25/1/1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ra Thông báo số 01-TB/TU điều đồng chí Bế Văn Xuân - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tỉnh giữ chức Giám đốc Sở Tư pháp (từ tháng 2/1986). Ngày 27/8/1986, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10/NQ-BT công nhận đồng chí Nguyễn Ân là Ủy viên Ban Thường vụ - Phó Bí thư Huyện ủy. Đồng thời chuẩn y các đồng chí Trần Ngọc Cảnh, Bàn Hữu Dần vào Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

trồng rừng, khai thác gỗ và các lâm sản khác, đặc biệt khai thác nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy giấy 62 của địa phương đều đảm bảo chỉ tiêu đề ra. Thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ huyện lãnh đạo tiến hành việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã, các hộ gia đình quản lý. Từ chủ trương đúng đắn này, tình trạng đốt, phá rừng làm nương rẫy, khai thác bừa bãi tài nguyên rừng... giảm rõ rệt.

Những năm 1983 - 1985, tiểu thủ công nghiệp cũng có những chuyển biến nhất định. Nghề sản xuất giấy, đường, vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ, giao thông thô sơ... đều vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của huyện đề ra.

Trong điều kiện vật tư, tiền vốn còn thiếu nghiêm trọng, việc xây dựng cơ sở vật chất tiếp tục được đẩy mạnh với phương châm Nhà nước, tập thể, nhân dân cùng làm. Trong 3 năm, Phú Lương đã hoàn thành nhiều công trình thủy lợi. Các tuyến giao thông nông thôn liên xã, liên xóm được tu bổ và làm mới, tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nông dân trong việc vận chuyển phân bón ra đồng ruộng và chuyên chở sản phẩm thu hoạch về nhà... Đáng chú ý là mạng lưới điện Quốc gia được đưa về đến trung tâm huyện, tạo ra những tiền đề rất vững chắc cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của toàn huyện những năm tiếp theo.

Nhằm củng cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Với phương châm vừa triển khai thực hiện, vừa rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo, Đảng bộ huyện đã xây dựng mô hình kết hợp Nông - Lâm - Công - Thương - Tín ở 2 xã: Túc Tranh và Yên Trạch. Đây là một mô hình vừa sản xuất, vừa kinh doanh tổng hợp, mở ra hướng phát triển mới trong phong trào xây dựng hợp tác xã ở Phú Lương. Trong tổng số 50 hợp tác xã, có 13 hợp tác xã tiên tiến (bằng 26% so với 4% trong những

năm 1980 - 1982); 28 hợp tác xã loại khá và trung bình (chiếm 54%); 9 hợp tác xã yếu, kém (chiếm 18%). Trong số các hợp tác xã tiên tiến, nổi bật là hợp tác xã Túc Tranh đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1983 và các nhiệm vụ công tác khác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với thành tích này, ngày 18/5/1984, Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Quyết nghị số 498-KT-HĐNN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho cán bộ, xã viên hợp tác xã Túc Tranh. Tự hào với những thành tích đạt được, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Túc Tranh tiếp tục đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhờ đó, ngày 29/8/1985, Hợp tác xã Túc Tranh lại được Hội đồng Nhà nước ký Quyết định 785 phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Việc củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng và khó khăn nhất đối với huyện Phú Lương. Vào thời gian này, toàn huyện có 49 hợp tác xã nông nghiệp; trong đó chỉ có 2 hợp tác xã đạt loại tiên tiến (chiếm 4%); 24 hợp tác xã loại khá (chiếm 49%); 26 hợp tác xã loại trung bình (chiếm 33%) và 7 hợp tác xã thuộc loại yếu kém (chiếm 14,3%). Sự yếu kém của phong trào hợp tác xã đã gây nên những ảnh hưởng không tốt đến tinh thần lao động của bà con xã viên. Đời sống của các hộ nông dân xã viên gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi Đảng bộ huyện tiếp tục đề ra phương hướng giải quyết.

Công tác văn hóa, giáo dục, y tế luôn luôn được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Nhờ đó, phong trào văn nghệ, rèn luyện sức khỏe trong các cơ quan, đơn vị, trường học... vẫn được giữ vững. Ngành giáo dục phổ thông tiếp tục tăng lên về số lượng. Toàn huyện có 25 trường phổ thông cơ sở, 2 trường phổ thông trung học, hằng

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

năm thu hút hàng chục nghìn học sinh đến trường.

Ngành mẫu giáo năm học 1981 - 1982 có 35 lớp, 675 học sinh, đến năm học 1983 - 1984 có 39 lớp với 823 học sinh. Phong trào xây dựng và tổ chức nhà trẻ tiếp tục được củng cố. Đội ngũ cô giáo bước đầu được tuyển chọn có tinh thần yêu ngành, yêu nghề, làm tốt nhiệm vụ bảo mẫu, được các bậc cha mẹ tin yêu. Ngành bổ túc văn hóa năm 1981 - 1982 còn 1 lớp nông thôn, 2 lớp cơ quan: 50 học viên. Năm 1982 - 1983 có 3 lớp, 50 học viên, đến năm 1983 - 1984, duy trì được 2 lớp với 40 học viên. Trường phổ thông trung học hướng nghiệp năm 1981 - 1982 có 2 lớp, 78 học sinh; năm 1982 - 1983 có 2 lớp với 77 học sinh; 1983 - 1984 có 4 lớp với 146 học sinh¹.

Huyện ủy tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục. Học kỳ 1 năm học 1984 - 1985, huyện thành lập xong Hội đồng giáo dục từ huyện đến cơ sở theo Quyết định số 124-CP ngày 19/3/1981 của Hội đồng Chính phủ “*về việc thành lập Hội đồng giáo dục ở các cấp*” và hoàn thành kế hoạch phát triển trường Thanh niên dân tộc của huyện².

Nhìn chung, sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh, số học sinh đi học mỗi năm tăng 2%, số trẻ được đến nhà trẻ chiếm 60% tổng số các cháu. Ba ngành học từng bước được cân đối, giáo dục cải cách và hướng nghiệp phát triển mạnh. Các xã vùng xa được xây dựng trường phổ thông.

¹ Báo cáo số 02/UB-BC ngày 28/3/1984 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước 2 năm 1982 - 1983 và những nhiệm vụ trước mắt. (Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện tại kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân huyện khóa XI ngày 29 và 30/3/1984).

² Báo cáo số 10/BC ngày 24/8/1982 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tình hình thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ, 6 tháng cuối năm 1982 của huyện Phú Lương.

Ngành y tế huyện tiếp tục được củng cố và các hoạt động từng bước đi vào chiều sâu. Đến năm 1982, 100% xã đã có trạm y tế; khám, chữa bệnh bằng phương pháp đông - tây y kết hợp được thực hiện ở nhiều cơ sở. Công tác vệ sinh phòng bệnh với phong trào “Ba dút điểm”¹ tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Do vậy, nhiều năm toàn huyện không xảy ra một ổ dịch bệnh nào. Huyện thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, hoạt động bước đầu đạt kết quả tốt, tỷ lệ sinh giảm từ 3% giảm xuống 2,6%. Đội ngũ cán bộ được nâng cao ý thức trách nhiệm. Huyện tăng cường chỉ đạo các trạm y tế xã thực hiện làm việc theo ngày, giờ quy định, theo luật nhà nước. Thời gian này, huyện vận động nhân dân đóng góp xây dựng bệnh viện phía nam huyện².

Đối với công tác văn hóa thông tin, huyện đẩy mạnh việc ổn định cơ sở vật chất (nhà ở, phương tiện làm việc...), tập trung củng cố tổ chức phong trào, thực hiện chức năng tuyên truyền theo Nghị quyết 5 của Trung ương Đảng. Thời gian này, huyện hoàn thành xây dựng bãi chiếu bóng tại phố Đu - Động Đạt để phục vụ nhu cầu văn hóa, văn nghệ của nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, theo tinh thần nghị quyết của Huyện ủy về công tác xây dựng lực lượng an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, các xã tự xây dựng phương án phòng thủ; củng cố lực lượng dân quân, tự vệ có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra. Đối với công tác tuyển quân, trong những năm 1980 - 1985, Phú Lương luôn hoàn thành và vượt chỉ tiêu được giao.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội do Đại

¹ Ba dút điểm: Giếng nước, nhà tắm, hố tiêu 2 ngăn.

² Báo cáo số 10/BC ngày 24/8/1982 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tình hình thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ, 6 tháng cuối năm 1982.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hội lần thứ XIV và lần thứ XV đề ra, Đảng bộ huyện có nhiều biện pháp chăm lo xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp của các đoàn thể quần chúng.

Đoàn Thanh niên với phong trào “Ba xung kích” đã khơi dậy trong tuổi trẻ tinh thần dám nghĩ, dám làm; không ngừng phát huy sáng kiến, đi đầu trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hội Phụ nữ với phong trào “Ba dứt điểm”, “Sạch làng tốt ruộng”, “Sinh đẻ có kế hoạch”... đã động viên chị em tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Nhiều chị em được các cấp bộ đảng, chính quyền và nhân dân tín nhiệm giao trọng trách quản lý kinh tế, quản lý xã hội...

Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức luôn luôn là nhiệm vụ then chốt hàng đầu, được các cấp ủy quan tâm thường xuyên tổ chức các đợt học tập, bồi dưỡng, sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao lập trường tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật, vai trò tiên phong, gương mẫu trong cán bộ, đảng viên. Cùng với nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến việc kiện toàn các cấp ủy, đẩy mạnh công tác cán bộ, coi đây là một biện pháp quan trọng để tạo sức mạnh cho tổ chức cơ sở đảng.

Trong những năm 1980 - 1982, Đảng bộ vẫn tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, kết hợp với việc triển khai Chỉ thị 83 của Trung ương về phát triển đảng viên. Ngay sau khi có hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy triệu tập hội nghị bàn kế hoạch, biện pháp chỉ đạo tổ chức thực hiện các Chỉ thị của Trung ương; đồng thời phát động một đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ. Tiếp theo hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy, hội nghị cán bộ chủ chốt trong toàn huyện cũng được tổ chức để thống nhất kế hoạch triển khai chủ trương của

Trung ương, của Tỉnh ủy và Huyện ủy.

Nhằm rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo trên toàn huyện, Huyện ủy quyết định trong đợt đầu tập trung lãnh đạo thực hiện ở 6 tổ chức cơ sở đảng: Đảng bộ xã Ôn Lương, Đảng ủy khối Dân - Đảng, Đảng ủy khối Chính quyền, Chi bộ Công an huyện, Chi bộ Ngân hàng và Chi bộ Quân sự huyện. Kết thúc đợt 1 ở 6 điểm chỉ đạo (năm 1980), có 715 đồng chí được nhận thẻ Đảng. Từ kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện đợt 1, Huyện ủy quyết định thành lập Tổ công tác gồm các đồng chí lãnh đạo các Ban Xây dựng Đảng, các Huyện ủy viên cùng số cán bộ giúp việc trực tiếp xuống các tổ chức cơ sở đảng hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 83 của Trung ương. Do làm tốt các bước chuẩn bị, nên công tác phát thẻ Đảng trong Đảng bộ đạt kết quả tốt: Năm 1980, có 715 đồng chí; năm 1981, có 781 đồng chí; năm 1982, có 571 đồng chí được trao thẻ Đảng.

Ngày 26/11/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) ra Chỉ thị số 83/CT-TW về việc phát thẻ đảng viên, nhằm đưa công tác quản lý đảng viên vào nề nếp, đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi đảng viên. Chỉ thị quy định: *“Thẻ Đảng viên chỉ phát cho đảng viên đủ tư cách đảng viên và làm tròn nhiệm vụ đảng viên như Điều lệ Đảng quy định...”*. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị theo tinh thần Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương về nâng cao chất lượng đảng viên và Chỉ thị 83 của Trung ương về công tác phát thẻ Đảng, phẩm chất, tư cách của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng cao. Tình trạng các chi bộ, đảng bộ yếu kém, tồn tại trong nhiều năm đã được khắc phục. Thông qua các đợt phát thẻ Đảng, Đảng bộ huyện tiếp tục chăm lo giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho cán bộ, đảng viên. Số chi bộ, đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh từ 3 cơ sở (trong năm 1983) đã tăng lên 8 cơ sở (trong năm 1985). Uy tín của các tổ chức cơ sở đảng trong nhân dân các

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

dân tộc được nâng lên. Trong 3 năm (1983 - 1985), Đảng bộ đã bồi dưỡng 687 quần chúng thuộc diện cảm tình, đối tượng Đảng; kết nạp 139 đảng viên mới.

Năm 1980, cùng với việc tổ chức cho đảng viên trong Đảng bộ học tập Chỉ thị 83, Huyện ủy còn đẩy mạnh cuộc “*Vận động xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch*”; nâng cao chất lượng đảng viên nhất là số đảng viên xếp loại trung bình; kiên quyết xử lý những đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng. Trong 3 năm (1980 - 1982), Đảng bộ đã thi hành kỷ luật 207 đảng viên (bằng 8% số đảng viên của Đảng bộ); trong số này có 36 người lưu lại trong Đảng một thời gian để xem xét; 52 người bị khai trừ ra khỏi Đảng; 75 người đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác. Trong số đảng viên bị thi hành kỷ luật, có 33 là cấp ủy viên và 21 nữ. Ba ban đảng ủy cơ sở bị thi hành kỷ luật¹.

Trong suốt chặng đường 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ Phú Lương luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện vượt qua mọi khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội. Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém nhưng những kết quả đạt được đã tạo niềm tin và sức mạnh cho Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Lương tiếp tục vươn lên trên chặng đường đổi mới của đất nước.

¹ Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XV (ngày 31/12/1982).

Chương IV

ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1986 - 1995)

I. Bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 1990)

Mười năm khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội sau ngày đất nước thống nhất, với những nỗ lực không ngừng, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương đã giành được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, trong quá trình đó, cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc Phú Lương cũng phải đối mặt với không ít những khó khăn, thách thức.

Việc hoàn thành và vượt chỉ tiêu kinh tế năm 1985 giúp đời sống vật chất và tinh thần cán bộ, nhân dân trên địa bàn huyện được ổn định. Đây là kết quả sự phấn đấu của toàn Đảng, toàn thể nhân dân các dân tộc Phú Lương. Tuy nhiên, từ khi thực hiện Nghị quyết 08 của Trung ương về Giá - Lương - Tiền (năm 1985), giá cả vật tư hàng hóa tăng vọt, nhiều ngành sản xuất đình trệ, trong đó có những cơ sở sản xuất vật tư hàng hóa phục vụ nông nghiệp. Nông dân không đủ phân bón, thuốc trừ sâu... để đầu tư cho đồng ruộng. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động sau mấy năm phát huy tác dụng tốt đã xuất hiện những bất hợp lý trong xây dựng định mức lao động giao nộp và phân chia sản phẩm.

Kết thúc kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985) cũng là kết thúc nhiệm kỳ XV Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Được sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương đã kiên trì phấn đấu xây

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. Để đánh giá đúng những thành tích đã đạt được trong nhiệm kỳ XV, chỉ ra những yếu kém, tồn tại cần khắc phục, làm cơ sở cho việc xây dựng phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong những năm trước mắt, ngày 24/9/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVI được triệu tập. Tham dự Đại hội có 207 đại biểu chính thức, sinh hoạt tại 51 cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc quán triệt sâu sắc tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”, sau 4 ngày làm việc (24 - 27/9/1986), Đại hội thảo luận đóng góp ý kiến và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XV; quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của huyện 3 năm (1986 - 1988).

Căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ chung của cả nước, cả tỉnh, vào khả năng và những yêu cầu bức thiết của địa phương, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho chặng đường mới là: *“Ra sức phát triển sản xuất nông - lâm - công nghiệp một cách toàn diện, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân; xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; tạo ra bước chuyển biến đáng kể về mặt xã hội, tăng cường bảo đảm giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện”*¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVI gồm 33 ủy viên chính thức, 6 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Mạc Văn Đạt được bầu làm Bí thư; các đồng chí Nguyễn Ân và Bàn Hữu Dân là Phó Bí thư.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, để thực hiện

¹ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVI (ngày 27/9/1986).

những mục tiêu do Đại hội XVI đề ra, trên cơ sở khảo sát đánh giá lại điều kiện, đặc điểm cụ thể từng vùng, đầu năm 1987, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng mục tiêu 3 chương trình kinh tế của huyện gồm các nội dung: *“Coi chương trình lương thực, thực phẩm là mặt trận hàng đầu, trong đó sản xuất lương thực là mục tiêu số 1, đồng thời đẩy mạnh sản xuất mặt hàng tiêu dùng và tăng nhanh hàng xuất khẩu”*.

Hướng đi và bước đi được xác định rõ là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, nhưng thực tế đây lại là thời kỳ cực kỳ khó khăn của nền kinh tế cả nước, cả tỉnh nói chung và của huyện nói riêng. Sản xuất những năm 1986 - 1987 gặp nhiều khó khăn: Thời tiết diễn biến phức tạp, tình trạng hạn hán và sâu bệnh gây hại lớn cho sản xuất; mất mùa liên tiếp mấy vụ, nặng nhất là vụ lúa đông xuân 1986 - 1987. Năng suất lúa chiêm xuân (trên 2.200ha) bình quân chỉ đạt 16 tạ/ha, thấp hơn vụ chiêm xuân năm 1986 tới 7 tạ; sản lượng giảm 1.400 tấn.

Trước tình hình đó, các cấp ủy đảng tăng cường chỉ đạo sản xuất bằng nhiều biện pháp kỹ thuật chăm sóc lúa và cây trồng nhằm tăng năng suất, tăng sản lượng lương thực để “lấy mùa bù chiêm”. Kết quả vụ mùa năm 1987, toàn huyện cấy được 4.737ha lúa (đạt 95,2% kế hoạch), năng suất đạt 29,17 tạ/ha, tổng thu được gần 14.000 tấn thóc, cao hơn tất cả các năm trước. Tuy nhiên, do vụ chiêm thất bát nặng, nên tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm chỉ đạt 22.278 tấn, giảm 2.793 tấn so với năm 1985.

Do liên tiếp 2 năm 1986, 1987 sản lượng lương thực giảm sút, phần cung cấp của Trung ương cho các đối tượng ăn gạo số thường xuyên thiếu hụt và chậm so với kế hoạch¹, cho nên

¹ Năm 1987, lương thực do Trung ương cấp cho tỉnh Bắc Thái giảm 16.150 tấn, ở mức thấp nhất từ trước đến thời điểm đó. Quý I năm 1988, phần cung cấp của Trung ương chậm và chỉ đạt 50% kế hoạch.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

kỳ giáp hạt đầu năm 1988, toàn tỉnh Bắc Thái nói chung và huyện Phú Lương nói riêng xảy ra tình trạng thiếu đói nghiêm trọng. Tính đến cuối tháng 5/1988, số người thiếu đói trong toàn tỉnh lên tới 42,4 vạn người (62% tổng số nông dân), trong đó diện đói gay gắt trên 10 vạn người (14,8%). Huyện Phú Lương có 51.789 nhân khẩu thiếu đói (66%), trong đó 12.328 người ở diện thiếu đói nghiêm trọng. Tình hình thiếu đói trên diện rộng và kéo dài gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất. Đời sống khó khăn, sự cứu trợ giúp đỡ lẫn nhau trong nhân dân ở các xóm cũng hạn chế. Nhiều gia đình phải bán lúa non lấy tiền mua gạo hoặc ăn rau, măng thay cơm. Vì thiếu lương thực, tháng 2/1988, 18 xã viên trong đội trồng chè ở Phú Nam (xã Phú Đô) kéo lên tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo địa phương bán lương thực cho họ; giáo viên Trường phổ thông cấp I - II Động Đạt gửi đơn kiến nghị huyện bán gạo theo tiêu chuẩn để thầy, cô giáo có lương ăn duy trì hoạt động của nhà trường. Một vài nơi xảy ra xô xát do dân đói đi đào trộm sản của nhau. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (ngày 5/4/1988) “Về đói mới quản lý kinh tế nông nghiệp” “đang trong giai đoạn triển khai, còn nhiều vướng mắc chưa phát huy tác dụng, tranh chấp ruộng đất xảy ra ở nhiều nơi”¹.

Trước những diễn biến phức tạp của tình trạng thiếu đói, ngày 16/4/1988, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái chỉ đạo Công ty Lương thực cấp cho mỗi huyện, thành, thị từ 15 đến 20 tấn gạo; đồng thời giao cho đồng chí chủ tịch các huyện, thành, thị trực tiếp quản lý, kiểm tra phát hiện và duyệt bán hoặc trợ cấp gạo cho những gia đình thực sự thiếu ăn. Ủy ban nhân dân tỉnh còn chỉ đạo Ngân hàng Nông nghiệp trích số dư tiền gửi tiết kiệm cho nông dân vay mua gạo với lãi suất 10%/tháng².

¹ Báo cáo tình hình 8 tháng đầu năm 1988 của Ủy ban nhân dân huyện.

² Trong giai đoạn này, lãi suất huy động tiền gửi của nhân dân ở Ngân hàng Công thương là 12%/tháng.

Theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ trung tuần tháng 4 đến tháng 7/1988, Công ty Lương thực cấp cho huyện Phú Lương 45 tấn gạo. Huyện cấp, bán cho các đối tượng chính sách, gia đình cán bộ công nhân viên chức và nông dân thiếu đói 42.628kg gạo. Do có sự chỉ đạo kiên quyết và kịp thời, tình hình thiếu đói trong huyện dần dần được khắc phục.

Tình trạng thiếu đói và kết quả cứu đói 6 tháng đầu năm 1988 là bài học bổ ích cho Đảng bộ và nhân dân Phú Lương. Từ đây, công tác chỉ đạo sản xuất phấn đấu bảo đảm các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng lương thực được Huyện ủy và các cấp ủy cơ sở quan tâm sát sao hơn. Nhân dân tích cực sản xuất, chăm sóc lúa và hoa màu hơn trước.

Trong 3 năm 1987 - 1989, trong nông nghiệp trồng trọt, nhân dân đã chuyển 83ha ruộng từ 1 vụ thành ruộng cấy 2 vụ lúa. Các biện pháp kỹ thuật về giống, bảo vệ thực vật được tăng cường vào sản xuất. Vì vậy, tổng sản lượng thóc bình quân 3 năm đạt 19.400 tấn, tăng 900 tấn so với năm 1986; tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1989 đạt 26.245 tấn, tăng 3.967 tấn so với năm 1987.

Nhằm thúc đẩy sản xuất, trong 3 năm (1987 - 1989), huyện đã xây dựng 20 công trình thủy lợi vừa và nhỏ (gồm 2 hồ chứa nước, 2 đập, 12 trạm bơm điện); hoàn thành 16km kênh mương với tổng số đầu tư trên 130 triệu đồng; nâng cấp hồ 19/5, hệ thống trạm bơm điện Liên Sơn (xã Sơn Cẩm), trạm bơm điện xã Cổ Lũng, Phấn Mễ. Các công trình được cải tạo, nâng cấp hoặc làm mới, chủ động tưới tiêu cho hơn 300ha lúa.

Sản xuất lương thực vụ đông có nhiều nét mới. Nhiều địa phương đã trồng khoai lang và ngô đông xuống chân ruộng 2 vụ lúa, bước đầu đạt kết quả tốt, mở ra hướng bố trí lại mùa vụ, tiến tới đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Các loại cây công nghiệp như thuốc lá, mía, lạc, đỗ tương chưa được chú trọng đầu tư, nên diện tích, sản lượng tăng, giảm thất thường. Riêng cây chè, diện tích tăng từ 800ha năm 1986, lên 1.290ha năm 1989; năng suất từ 3,9 tạ/ha lên 4,7 tạ/ha; tổng sản lượng chè búp khô năm 1989 đạt 606 tấn, tăng hơn 2 lần so với năm 1986.

Ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển khá. Tổng đàn trâu trong 3 năm 1987 - 1989 tăng 4.600 con, nguyên nhân là do trong quá trình thực hiện Nghị quyết 10, người nông dân được thật sự chủ động trên đồng ruộng; nhu cầu về sức kéo, yêu cầu về tính thời vụ trong sản xuất ngày càng cao. Đàn lợn tăng từ 26.000 con năm 1987 lên 31.000 con trong năm 1989. Các loại vật nuôi khác, như bò, dê và đàn gia cầm cũng được chú trọng phát triển, đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho nhân dân.

Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo nhân dân tận dụng những điều kiện thuận lợi để phát triển lâm nghiệp. Đầu năm 1989, huyện Phú Lương căn bản hoàn thành việc giao rừng, đất rừng cho tập thể và gia đình quản lý. Mô hình kinh tế nông - lâm nghiệp kết hợp được triển khai ở một số nơi, điển hình là hợp tác xã Túc Tranh. Đến năm 1990, toàn huyện đã trồng được 966ha rừng tập trung, trong đó có 878ha rừng trồng theo Dự án PAM. Ngoài ra, mỗi năm nhân dân trong huyện còn trồng trên 300.000 cây các loại. Cây trồng được chăm sóc và bảo vệ tốt. Tuy nhiên, nhiệm vụ khai thác gặp nhiều khó khăn do chưa kết hợp tốt giữa khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, do giá cả biến động lớn. Sản lượng gỗ tròn khai thác giảm từ 2.040m³ năm 1987, xuống 990m³ năm 1989.

Ngành thủ công nghiệp tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng vẫn giữ được nhịp độ sản xuất bình thường. Mặt hàng sản xuất chủ yếu là các loại mây, tre đan, màn cọ... Tổng giá trị hàng thủ công nghiệp trong 3 năm tăng lên 8 lần (tính cả yếu tố trượt

giá). Các mặt hàng khác phát triển chậm.

Do kinh tế phát triển chậm, đời sống nhân dân khó khăn, nên kết quả thu ngân sách trong thời gian này mỗi năm một giảm. Năm 1987, số thu đạt 101% kế hoạch, năm 1988 đạt 86,6% và đến năm 1989, chỉ đạt 75% kế hoạch. Kết quả thu ngân sách thấp còn là do công tác quản lý, khai thác nguồn thu chưa triệt để, kiên quyết; việc hướng dẫn chỉ đạo thu ngân sách xã còn bị buông lỏng. Đại bộ phận các cơ sở đều nợ đọng thuế. Tính đến ngày 30/11/1990, toàn huyện có 7 xã nợ đọng thuế nông nghiệp (khoảng 267 tấn thóc), điển hình là các xã Động Đạt (82 tấn), Yên Lạc (42 tấn), Sơn Cẩm (38 tấn), Ôn Lương (30 tấn)¹.

Nhìn chung, từ năm 1986 đến năm 1989 là thời kỳ cực kỳ khó khăn đối với huyện Phú Lương do nền kinh tế đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng. Trong tình hình đó, với sự nỗ lực vượt bậc, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương phấn đấu thực hiện 3 chương trình kinh tế. Từ sau đợt đói giáp hạt đầu năm 1988, sản xuất nông nghiệp bắt đầu được phục hồi và từng bước phát triển. Tuy vậy việc thực hiện hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu còn nhiều hạn chế, lúng túng, chưa tìm được hướng đi do công nghệ lạc hậu, chất lượng hàng hóa thấp, giá thành cao, không được người tiêu dùng ưa chuộng. Mặt hàng xuất khẩu, chủ yếu là hàng mây, tre đan, màn cọ giảm mạnh vì mất thị trường truyền thống do Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đang lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Sản xuất không phát triển đã ảnh hưởng không tốt đến đời sống nhân dân và các mặt công tác khác.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 21 đến ngày 24/3/1989, Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ huyện Phú Lương được tổ chức

¹ Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện tại kỳ họp thứ 4 Hội đồng nhân dân huyện khóa XIV.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

với sự tham dự của 167 đại biểu đại diện cho gần 3.000 đảng viên thuộc 50 chi bộ, đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ. Sau 3 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, các đại biểu tập trung thảo luận, thống nhất đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội của Đảng bộ trong nhiệm kỳ XVI: *“Phú Lương vẫn chưa thoát khỏi một nền kinh tế tự cấp, tự túc, mất cân đối cho nên đời sống của cán bộ và nhân dân gặp nhiều khó khăn...”*.

Căn cứ vào tình hình đặc điểm của địa phương, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy, Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ trong 2 năm (1989 - 1990) là *“Tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế, tập trung cho 3 chương trình kinh tế lớn; chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình; chống thất thu ngân sách và hạn chế dần mức bội chi tiền mặt; từng bước ổn định đời sống cho cán bộ công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân lao động trong toàn huyện”*. Đại hội cũng nêu lên một số nội dung cụ thể của Đảng bộ về công tác lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội trong nhiệm kỳ mới. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: *“Tập trung sức phát triển nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, trọng tâm là lương thực, thực phẩm. Sản xuất lương thực cần coi trọng cả lúa và hoa màu... Phấn đấu đạt từ 30.000 đến 32.000 tấn lương thực quy thóc mỗi năm”*.

Để đạt mục tiêu trên, Đại hội đưa ra 9 giải pháp:

- Đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa, đưa năng suất bình quân của 7.800ha lúa toàn huyện lên 32 tạ/ha/vụ.

- Đưa cây ngô đông vào đất hai vụ lúa, phấn đấu đạt 1.000ha, năng suất bình quân 20 tạ/ha để có sản lượng 2.000 tấn ngô đông mỗi năm.

- Khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi đã có, thường xuyên sửa chữa và tu bổ kịp thời những trạm bơm, hồ, đập,

hệ thống kênh mương để chủ động nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác cải tạo giống, nhập một số giống mới ngắn ngày có năng suất cao; xây dựng các khu vực chuyên sản xuất giống cấp 2 ở các vùng trọng điểm lúa.

- Mở rộng các hình thức cung ứng vật tư cho các hợp tác xã và cho hộ nông dân bảo đảm thuận tiện, kịp thời. Phải hết sức coi trọng sản xuất, chế biến phân hữu cơ, khuyến khích việc sản xuất vôi bón ruộng.

- Tăng cường công tác bảo vệ thực vật bằng các biện pháp tổng hợp, phát động và hướng dẫn quần chúng tham gia bảo vệ thực vật bằng những kinh nghiệm sẵn có và bằng những biện pháp tiên tiến.

- Đưa cán bộ khoa học kỹ thuật về cơ sở, có chính sách thỏa đáng để cán bộ kỹ thuật gắn với kết quả cuối cùng của hợp tác xã và hộ gia đình.

- Có biện pháp đầu tư cụ thể về vốn, vật tư và khoa học kỹ thuật đối với vùng trọng điểm lúa.

Tận dụng hết quỹ đất hiện có để trồng cây màu, lương thực, đảm bảo hằng năm có trên 6.000 tấn màu quy thóc.

Đối với các cây công nghiệp chính (chè, thuốc lá), huyện chủ trương lấy thâm canh là chính; đồng thời tiếp tục mở rộng diện tích để sản xuất, chế biến nhiều sản phẩm hàng hóa cho xuất khẩu, trao đổi và phục vụ đời sống; khuyến khích phát triển các loại cây công nghiệp khác (lạc, cà phê, bông, hồ...) theo vùng để có nhiều hàng hóa phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng.

Để đảm bảo cho nông nghiệp phát triển, Đại hội nêu rõ phải *“tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tri, các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy. Đảm bảo cho mỗi hộ xã viên và lao động nông nghiệp có đất canh tác, có việc làm để duy trì đời sống, đảm bảo sự công bằng, đoàn kết ở nông thôn”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVII gồm 35 ủy viên (trong đó có 2 ủy viên dự khuyết). Ngày 13/4/1989, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện họp và bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Mạc Văn Đạt được Ban Chấp hành tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Bàn Hữu Dần làm Phó Bí thư¹.

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, một trong những khó khăn lớn tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương là tình trạng tranh chấp ruộng đất diễn ra ngày càng căng thẳng và phức tạp. Tình trạng này xảy ra từ khi thực hiện Nghị quyết 10 (tháng 4/1988) của Bộ Chính trị về “*Đổi mới quản lý trong nông nghiệp*”. Đến giữa năm 1989, toàn huyện đã có 18/26 xã trong huyện xảy ra tranh chấp đất đai dưới các hình thức và mức độ khác nhau, chủ yếu là đòi lại ruộng đã góp khi vào hợp tác xã.

Tình hình trên diễn ra trầm trọng ở các xã phía Bắc, đặc biệt là Yên Định, Nông Thịnh, Nông Hạ, Yên Trạch, Yên Ninh có một số cán bộ bị kỷ luật. Nguyên nhân dẫn đến sự tranh chấp này, trước hết là do nhận thức của nông dân, trong đó có cả cán bộ, đảng viên về Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị chưa thấu đáo, do đó “*đã có những Đảng bộ ra nghị quyết về phân chia ruộng đất trái với chủ trương, chính sách của Đảng và*

¹ Tháng 7/1989, đồng chí Mạc Văn Đạt nghỉ chờ chế độ hưu. Từ tháng 8/1989, do yêu cầu công tác, đồng chí Lê Văn Văn được Tỉnh ủy điều động lên Phú Lương làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; sau được giao quyền Bí thư. Đồng chí Lê Văn Văn được chuẩn y làm Bí thư Huyện ủy Phú Lương theo Quyết định số 117-QĐ/BT ngày 1/9/1990 của Tỉnh ủy Bắc Thái.

*Nhà nước, những quy định cụ thể của tỉnh, của huyện*¹; chính quyền cơ sở nhìn chung yếu, kém; Ban Quản lý hợp tác xã nhiều nơi mất vai trò lãnh đạo, không còn khả năng điều hành phân chia ruộng đất cho nhân dân. Khi tình trạng tranh chấp ruộng đất xảy ra, chính quyền xã không dám mạnh dạn giải quyết do ngại va chạm, trông chờ, ỷ lại vào cấp trên.

Tình trạng tranh chấp ruộng đất gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất. Những nơi xảy ra tranh chấp ruộng đất thì việc gieo cấy thường không kịp thời vụ, không được đầu tư chăm sóc, nhiều diện tích chỉ *“bừa chùi cấy chay”*, một số diện tích bỏ hoang khiến năng suất, sản lượng lúa giảm nhiều. Mặt khác, thời tiết khắc nghiệt, chủ yếu là hạn hán gây thiệt hại cả vụ chiêm lẫn vụ mùa. Tổng diện tích lúa bị hạn trong năm 1990 lên tới 3.805ha, đã làm cho tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm giảm sút, chỉ đạt 20.045 tấn, bằng 76,2% kế hoạch. Sáu tháng đầu năm 1991, sản lượng lương thực giảm 3.674 tấn so với cùng kỳ năm trước và giảm 4.437 tấn so với kế hoạch. Đó là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu đói xuất hiện trở lại trên địa bàn Phú Lương. Đến cuối tháng 5/1991, *“số hộ ở nông thôn thiếu ăn đã diễn ra phổ biến và ở diện rộng”*².

Trước tình hình trên, nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn để phát triển sản xuất, sau khi thành lập Ban Chỉ đạo giải quyết đất đai (gồm đại diện Ủy ban nhân dân huyện, các ngành trong khối nội chính, các ngành chức năng và đoàn thể quần chúng, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban), ngày 10/1/1989, Huyện ủy ban hành Chỉ thị chuyên đề số 01-CT/HU *“Về việc giải quyết tranh chấp, lấn chiếm ruộng đất”*. Trên cơ sở nhận định, đánh giá tình hình, Huyện ủy yêu cầu các đảng ủy cơ sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể

¹ Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 1990 của Huyện ủy Phú Lương.

² Thông báo của Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 22/5/1991.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG _____

triển khai những nội dung sau đây:

- Các xã, thị trấn giữ nguyên tình trạng ruộng đất phân phối theo các phương án đã được huyện duyệt.

- Các xã cùng với Ban Chỉ đạo của huyện rà soát kiểm tra toàn bộ các trường hợp lấn chiếm ruộng đất đã và đang giải quyết...

- Các chi bộ, đảng bộ cùng Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy rà soát kiểm tra đảng viên ở những nơi có tranh chấp ruộng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp đảng viên thiếu gương mẫu, vi phạm Luật đất đai theo tinh thần Chỉ thị ngày 31/8/1988 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Thực hiện Chỉ thị của Huyện ủy, các Ban Xây dựng Đảng, các chi bộ, đảng bộ cơ sở cùng các ngành, các cấp tích cực triển khai kế hoạch giải quyết tranh chấp ruộng đất. Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp đảng bộ và chính quyền, đến giữa năm 1990, việc giải quyết tình trạng tranh chấp ruộng đất ở một số xã bước đầu đạt kết quả tốt. Phát huy kết quả này, từ tháng 7/1990, Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo: *“Những nơi đã và đang giải quyết phải kiên quyết làm cho xong mới thôi; những nơi chưa làm phải chuẩn bị mọi điều kiện, giao trên sổ sách, có ký kết rõ ràng, sau vụ gặt tới giao ruộng trên thực tế. Phải coi việc giải quyết đất đai là một nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến cuối năm. Trong quá trình giải quyết phải có quan điểm rõ ràng, không được tùy tiện, hủu khuynh”*¹. Cùng thời gian này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông báo 06, Ủy ban nhân dân tỉnh liên tiếp ban hành các Quyết định 106, 109 và 210 về chủ trương giải quyết tranh chấp đất đai trong tỉnh. Nhiều đoàn cán bộ của tỉnh được cử về giúp các huyện giải quyết vấn đề phức tạp và nóng bỏng này.

¹ Thông báo của Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 21/7/1990.

Tại Phú Lương, đoàn cán bộ liên ngành đến một số xã có tranh chấp phức tạp nhất (Yên Đĩnh, Nông Thịnh, Ôn Lương) để giải quyết dứt điểm, rút kinh nghiệm cho các xã và hợp tác xã. Từ cuối năm 1990, tất cả các xã có tranh chấp đất đai từng bước giải quyết vấn đề ruộng đất, bảo đảm công bằng, đoàn kết, tạo điều kiện cho các hộ có đất canh tác phát triển sản xuất.

Nhằm giải quyết khó khăn về đời sống, giữ vững sản xuất trong nông nghiệp, nhất là những nơi bị thiên tai, mất mùa, cùng với việc giải quyết tranh chấp đất đai, Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra nhiều biện pháp cấp bách: Tập trung chỉ đạo các xã gieo cấy vụ mùa kịp thời vụ và hết diện tích; tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ của tỉnh về vốn, vật tư, lương thực; cho nông dân vay 45,6 tấn thóc giống, 26,7 tấn phân đạm để sản xuất, gần 100 tấn thóc ăn và trợ cấp 30.590.000 đồng để ổn định đời sống¹.

Từ kinh nghiệm giải quyết thiếu đói năm 1988, lại được sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của tỉnh nên tình trạng thiếu đói lần này được giải quyết nhanh và hiệu quả hơn.

Đối với ngành lâm nghiệp, mặc dù đạt nhiều kết quả trong việc mở rộng diện tích trồng rừng, nhưng công tác quản lý rừng chưa chặt chẽ; nguồn gỗ quý hiếm còn để thất thoát lớn; tiềm năng rừng chưa trở thành thế mạnh của địa phương.

Ngành thủ công nghiệp Phú Lương trong đầu những năm 1990 gặp nhiều khó khăn. Trừ các nghề may mặc, sản xuất gạch, ngói, đóng đồ gỗ... vẫn được duy trì trong các hộ gia đình, các hợp tác xã sản xuất hàng xuất khẩu (chổi chít, màn họ...) do mất thị trường truyền thống ở Liên Xô và Đông Âu, nên hàng hóa sản xuất ra không tiêu thụ được, dẫn đến thua lỗ lớn, các hợp tác xã buộc phải giải thể.

¹ Báo cáo 6 tháng đầu năm 1991 của Huyện ủy Phú Lương.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Hầu hết các đơn vị kinh tế thuộc khu vực quốc doanh được sắp xếp lại bộ máy, thu gọn đầu mối, giảm nhẹ biên chế, giảm mạnh lực lượng lao động gián tiếp. Một số đơn vị (Dịch vụ vật tư nông nghiệp, Lương thực, Thương nghiệp) bước đầu có những cải tiến, phục vụ nhân dân tốt hơn. Thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (chủ yếu là Thương nghiệp) phát triển mạnh dưới hình thức kinh doanh tổng hợp theo quy mô hộ gia đình, góp phần làm cho thị trường hàng hóa trong huyện thêm sôi động.

Các hoạt động văn hóa, thông tin như thư viện, sách ảnh, nghệ thuật, truyền thanh, truyền hình vẫn được giữ vững và từng bước phát triển. Nội dung các hoạt động được quản lý để đi vào chiều sâu, kịp thời tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nội dung công tác lớn, trọng tâm của các ngành, các cấp, góp phần quan trọng trong việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ở hầu khắp các địa bàn trong huyện. Công tác quản lý văn hóa trên địa bàn có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, trong đó nổi lên rõ nét nhất là việc quản lý băng hình và máy chiếu video. Tuy nhiên, mạng lưới quản lý từ huyện đến cơ sở còn chưa hoàn thiện, hệ thống thông tin chưa được chú ý phát triển, công tác tuyên truyền chưa đều khắp, thường xuyên, liên tục. Các hiện tượng tiêu cực như mê tín dị đoan, cờ bạc, băng hình có nội dung không lành mạnh vẫn rải rác xuất hiện; phong trào thể dục, thể thao còn bị coi nhẹ. Nguyên nhân chính của những hạn chế đó là việc đầu tư cho trang thiết bị phục vụ công tác văn hóa, thông tin còn nghèo nàn, không đáp ứng kịp thời. Mặt khác, ngành chuyên môn còn thiếu tính chủ động, sáng tạo để tìm ra biện pháp chỉ đạo có hiệu quả¹.

Ngành giáo dục trong điều kiện khó khăn, đời sống vật chất

¹ Báo cáo tổng kết của Hội đồng nhân dân huyện Phú Lương khóa III (1987 - 1989).

của đội ngũ cán bộ giáo viên chưa được đảm bảo, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học thiếu thốn, xuống cấp, những hiện tượng tiêu cực liên tục có tác động xấu đến nhà trường... vẫn có những cố gắng duy trì đều đặn phong trào dạy và học có nền nếp. Tuy nhiên, ảnh hưởng của những biến động kinh tế quá lớn, chất lượng của ngành giáo dục nói chung vẫn có nhiều biểu hiện xuống cấp. Mặc dù số học sinh đến trường hằng năm vẫn tăng (năm 1989 tăng 1.182 em so với năm 1986), nhưng kết quả học tập giảm sút nghiêm trọng. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp liên tục giảm từ 73,8% năm 1987, xuống 61,08% trong năm 1988 và đến năm 1989, chỉ đạt 34,7%. Số học sinh lưu ban cũng ngày càng nhiều; học sinh bỏ học ngày càng tăng (từ 3,5% trong năm học 1986 - 1987, lên 10,8% trong năm học 1988 - 1989).

Ngành y tế được quan tâm rõ rệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Việc kiện toàn đội ngũ cán bộ được hoàn chỉnh, khám chữa bệnh cho nhân dân ở các bệnh viện được duy trì đều đặn, công tác tiêm chủng mở rộng đạt 80% trở lên. Công tác phòng chống dịch bệnh được xử lý kịp thời. Tuy nhiên, như các ngành khác, ngành y tế cũng rơi vào tình trạng khó khăn: Cơ sở vật chất nghèo nàn, thuốc chữa bệnh khan hiếm; cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đạt tỷ lệ thấp. Tính đến tháng 4/1989, tỷ lệ sinh đẻ trên địa bàn huyện là 2,45% (so với chỉ tiêu 1,7%).

Công tác quốc phòng an ninh được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo chặt chẽ. Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 30/7/1987 của Bộ Chính trị, huyện đã có nhiều cố gắng củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, tăng cường quản lý lực lượng dự bị động viên. Nhiệm vụ tập huấn cán bộ, huấn luyện dân quân, tự vệ hằng năm được triển khai tích cực. Từ năm 1989 đến năm 1990, huyện Phú Lương tổ chức 2 đợt diễn tập thực hành phương án phòng thủ, được đánh giá đạt kết quả khá và tốt. Các phương án "*Phòng, chống gây rối, bạo loạn*" và "*Kế hoạch*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tác chiến bảo vệ trị an cơ sở ở 25 xã, thị trấn được xây dựng, luyện tập thường xuyên. Công tác động viên tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao, đảm bảo chất lượng và đúng Luật nghĩa vụ quân sự.

Mặc dù hoàn cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng nhìn chung tình hình an ninh chính trị trong huyện luôn luôn được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Các cấp ủy, chính quyền luôn chú trọng xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân, chỉ đạo tuyên truyền trong nhân dân ý thức bảo vệ an ninh Tổ quốc. Việc triển khai Chỉ thị số 135-CT ngày 14/5/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng *“về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới”* được tiến hành tích cực và thu kết quả rõ rệt, góp phần tăng cường kỷ cương pháp luật, hạn chế những tiêu cực xã hội.

Bên cạnh đó, tình hình trật tự an toàn xã hội vẫn có những diễn biến phức tạp. Tội phạm và các tệ nạn xã hội (trộm cắp, cờ bạc, mê tín dị đoan, nghiện hút, buôn lậu, tham nhũng...) chưa được ngăn chặn, thậm chí có mặt còn nghiêm trọng hơn. Nhiều hành vi tiêu cực, phạm pháp chưa được xử lý nghiêm minh, kịp thời. Việc giáo dục cho mọi người dân hiểu và tự giác *“Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”* còn yếu. Việc kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan bảo vệ pháp luật có lúc còn lỏng lẻo. Đó là những nguyên nhân dẫn tới kỷ cương phép nước chưa nghiêm, trật tự an toàn xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc. Những năm 1989 - 1990, tình trạng tranh chấp ruộng đất chưa được giải quyết dứt điểm, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng. Nguyên nhân chủ yếu của những mặt yếu kém trên đây là do công tác lãnh đạo *“quản lý nền kinh tế, xã hội của huyện nhà kinh nghiệm còn ít, còn nhiều bỡ ngỡ trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang*

*hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa*¹.

Nhận thức rõ vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp đổi mới, trước những diễn biến bất lợi của tình hình quốc tế, Đảng bộ kịp thời triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, định hướng nhận thức, khẳng định rõ sự đúng đắn của đường lối, quan điểm đổi mới do Đảng đề ra, góp phần nâng cao ý thức, nâng cao vai trò, trách nhiệm của đông đảo cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Từ cuối năm 1986, với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI, đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, Đại hội VI của Đảng nêu lên 4 bài học kinh nghiệm; trong đó có bài học cực kỳ quý báu là: *“Chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa”*. Ngày 12/9/1987, Bộ Chính trị ra nghị quyết về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Cuối tháng 10/1987, Huyện ủy Phú Lương lấy 2 đảng bộ xã (Yên Ninh, Động Đạt) và 4 chi bộ, đảng bộ cơ quan (Đảng bộ chính quyền, Chi bộ Công an, Lương thực, Thương nghiệp) làm điểm chỉ đạo cuộc vận động để rút kinh nghiệm; sau đó được triển khai ra toàn Đảng bộ huyện.

Sau một năm thực hiện đổi mới và trước khi bước vào cuộc vận động, *“về nhận thức, tầm nhìn và cách nghĩ của đại bộ phận cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước. Từ Huyện ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban nhân dân huyện đến các phòng, ban huyện đã bước đầu đổi mới về tác phong, lề lối làm việc, thể hiện bằng quy chế, chương*

¹ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XVII (ngày 24/3/1989).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

trình hành động cụ thể, thiết thực”. “...Việc đổi mới trong công tác tổ chức cán bộ thông qua việc chỉ đạo đại hội đảng bộ cơ sở và cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện, xã (tháng 4/1987) đã chú ý lựa chọn, đổi mới cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn, chính trị có phẩm chất đạo đức. Các phòng, ban được sắp xếp gọn nhẹ, hợp lý hơn. Công tác phát triển Đảng có tiến bộ (kết nạp được 56 người, hơn năm 1986 là 23 người). Kỷ luật Đảng được đề cao, 40 đảng viên có sai phạm bị thi hành kỷ luật, trong đó khai trừ ra khỏi Đảng 27 trường hợp...”¹.

Đảng bộ có nhiều cố gắng trong việc làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng. Nhiều cơ sở đảng trong Đảng bộ triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12/9/1987 của Bộ Chính trị “*về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*”. Công tác kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng của đảng viên được tăng cường. Thông qua tự phê bình và phê bình, lấy ý kiến quần chúng để đánh giá, xem xét tư cách đảng viên, cấp ủy các cấp quan tâm giải quyết các vụ việc tiêu cực, giải quyết các đơn, thư tố cáo cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước... Những việc làm trên có tác dụng thiết thực trong công tác xây dựng Đảng.

Nhằm giữ nghiêm kỷ luật Đảng, từ năm 1989 đến cuối năm 1991, Đảng bộ đã thi hành kỷ luật 151 đảng viên vi phạm Điều lệ, trong đó có 105 trường hợp bị khai trừ và đưa ra khỏi Đảng.

Cũng từ năm 1989 đến năm 1991, toàn Đảng bộ bồi dưỡng, kết nạp được 120 đảng viên mới, hầu hết là đảng viên trẻ, khỏe, có tri thức, hăng hái, nhiệt tình trong công tác, góp phần tăng cường sức chiến đấu cho Đảng. Các cấp đảng bộ trong

¹ Báo cáo số 01 ngày 28/1/1988 của Huyện ủy Phú Lương về kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1987.

huyện chú trọng chấn chỉnh, sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo Đảng và bộ máy quản lý Nhà nước theo hướng gọn nhẹ, tinh giản, kiên quyết thay thế những cán bộ yếu kém về năng lực, hoặc suy giảm về đạo đức, phẩm chất.

Sự đổi mới lãnh đạo của Đảng bộ còn thể hiện ở quy chế làm việc, quy định rõ mối quan hệ giữa các cấp ủy đảng trong hệ thống chính trị, quy trình xây dựng nghị quyết, quy trình về công tác cán bộ... Nội dung sinh hoạt chi bộ được cải tiến, thể hiện tính dân chủ và thiết thực hơn.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng còn bộc lộ những yếu kém. Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng (nhất là ở cơ sở) nói chung còn thấp. Năng lực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, lãnh đạo sản xuất, kinh doanh theo cơ chế mới còn nhiều mặt yếu. *“Cấp ủy một số cơ sở chưa làm tròn vai trò lãnh đạo, tính chiến đấu thấp, còn biểu hiện trông chờ, né tránh và rất lúng túng khi giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Tính tiên phong gương mẫu bị giảm sút ở khá đông đảng viên. Hiện tượng đảng viên thoái thác nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn xảy ra ở một số nơi. Tính dân chủ trong Đảng còn hạn chế. Kỷ luật của Đảng vẫn chưa được giữ nghiêm. Việc phân loại đảng viên ở nhiều cơ sở làm hời hợt, chiếu lệ. Còn khá nhiều đảng viên sa sút ý chí, thoái hóa biến chất vẫn chưa được xử lý thích đáng. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa làm tốt. Còn thiếu đội ngũ cán bộ giỏi về quản lý Nhà nước, về sản xuất kinh doanh. Còn có những hủ hăng, lúng túng trong việc bố trí hạt nhân lãnh đạo ở cả huyện và cơ sở”¹.*

Trải qua 5 năm (1986 - 1990) lãnh đạo tiến hành đổi mới ở cơ sở, Đảng bộ huyện Phú Lương có bước tiến bộ và trưởng thành; nắm bắt được chủ trương, chính sách mới của Đảng,

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII (vòng 2).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Nhà nước và nguyện vọng của nhân dân; quyết tâm sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm của mình. Nhiều tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn đã bước đầu đổi mới, chấn chỉnh tổ chức, cán bộ và phương thức lãnh đạo phù hợp với yêu cầu sự nghiệp đổi mới. Một số đảng ủy xã (tiêu biểu là Túc Tranh) có năng lực, trí tuệ; phong cách làm việc dân chủ, sâu sát, hết lòng vì nhân dân.

Bộ máy quản lý Nhà nước tiếp tục được kiện toàn theo luật định. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (tháng 11/1989) theo luật mới được triển khai đạt kết quả tốt. Năng lực đại biểu và chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân được nâng cao. Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng thực sự là cơ quan quyền lực, đại diện cho quyền lợi của nhân dân lao động. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, chính quyền từ huyện đến cơ sở được kiện toàn theo yêu cầu gọn nhẹ, bảo đảm năng lực điều hành hoạt động. Phương thức hoạt động và lề lối làm việc bước đầu được cải tiến. Chính quyền ở nhiều cơ sở có sự vươn lên rõ rệt trong quá trình điều hành, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội trên địa bàn.

Mặt yếu của bộ máy Nhà nước vẫn là chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân chưa mạnh, chất lượng hoạt động các ban của Hội đồng nhân dân chưa đồng đều. Hội đồng nhân dân nhiều xã hoạt động yếu, tính dân chủ hình thức còn khá phổ biến. Bộ máy quản lý Nhà nước chậm đổi mới theo yêu cầu của cơ chế quản lý mới, nhất là các phòng, ban chuyên môn chưa thật sự hướng về cơ sở, thiếu sâu sát với dân.

Nét đổi mới nổi bật của các đoàn thể quần chúng là thông qua các phong trào, các cuộc vận động, đã hướng vào mục tiêu phát triển sản xuất, giải quyết khó khăn về kinh tế ở địa phương. Do vậy, hoạt động của các đoàn thể đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Trên chặng đường 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới,

tuy chưa tạo được sự chuyển biến lớn trong phát triển kinh tế, nhưng trước những khó khăn chồng chất, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhịp độ sản xuất vẫn được giữ vững; đời sống nhân dân cơ bản được ổn định; an ninh chính trị được bảo đảm. Tính dân chủ trong Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và trong toàn thể xã hội bước đầu được phát huy.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác lãnh đạo của Đảng bộ không tránh được những thiếu sót, khuyết điểm: Sản xuất tăng chậm và chưa vững chắc; nhiều tiềm năng thế mạnh chưa được khai thác một cách có hiệu quả; đời sống nhân dân so với yêu cầu vẫn ở mức thấp; các tệ nạn xã hội chưa bị đẩy lùi và có chiều hướng gia tăng... Những hạn chế đó tiếp tục được Đảng bộ huyện Phú Lương nghiên cứu và giải quyết để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

II. Tiếp tục tiến hành đổi mới (1991 - 1995)

Từ ngày 22/10/1991 đến ngày 24/10/1991, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVIII vòng 2 (nhiệm kỳ 1991 - 1995). Đại hội tập trung thảo luận Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII và đề ra phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới.

Đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế, Đại hội nhấn mạnh: *“Từ nguồn nhân lực, kinh tế - xã hội hiện có, 5 năm tới (1991 - 1995) phấn đấu hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện”*. Trong đó, nông nghiệp được đặt ở vị trí hàng đầu, vừa chuyên canh, vừa kinh doanh tổng hợp, kết hợp thâm canh, luân canh tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, lấy sản xuất lương thực, thực phẩm làm nhiệm vụ trọng tâm. Phấn đấu sản xuất lương thực tại chỗ đạt bình quân 24.000 tấn quy thóc mỗi năm. Phát triển mạnh cây công nghiệp, chủ yếu là chè, thuốc lá, mía, cây đặc sản

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

(hồi, quế), cây ăn quả (mơ, mận, hồng, cam, quýt). Phát triển đàn trâu, bò, ngựa ở các xã phía bắc và các xã miền núi, đáp ứng đủ nhu cầu sức kéo trong huyện, tạo thành nguồn hàng hóa giao lưu ngoài huyện. Phát triển đàn lợn song song với phát triển gia cầm, thủy sản... tạo nguồn hàng hóa thực phẩm dồi dào. Nhiệm vụ trọng tâm của ngành lâm nghiệp trong giai đoạn này là tái tạo rừng bằng cách khoanh nuôi, bảo vệ, trồng rừng và làm giàu vốn rừng. Trước mắt, làm tốt việc giao đất, giao rừng, cấp sổ lâm bạ đến từng đơn vị quốc doanh, hợp tác xã và hộ gia đình để đảm bảo yêu cầu quản lý, kinh doanh rừng lâu dài... Tăng cường quản lý lâm sản quý hiếm; phát triển kinh tế đồi rừng...

Để đạt được những mục tiêu trên, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện xác định 4 vùng kinh tế với những thế mạnh khác nhau:

- Vùng Bắc, từ xã Yên Ninh, Yên Trạch trở lên, có nhiệm vụ chủ yếu là phát triển mạnh kinh tế đồi rừng: Trồng rừng, tu bổ, bảo vệ, phát triển cây ăn quả (mơ, mận, hồng không hạt) và cây màu. Đồng thời phát triển mạnh chăn nuôi trâu, bò, tạo thành nguồn hàng hóa.

- Vùng Nam, từ Yên Đổ trở xuống, là vùng có nhiều thế mạnh, nhiều tiềm năng. Nhiệm vụ trọng tâm của vùng này là đẩy mạnh sản xuất lương thực (lúa, ngô, khoai), phát triển mạnh cây chè, thuốc lá thành vùng ổn định về hàng hóa xuất khẩu và nội địa.

- Vùng núi cao, gồm 4 xã: Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, có nhiệm vụ chuyển dần kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa bằng cách phát triển mạnh kinh tế rừng với các loại cây đặc sản (quế, hồi) và cây ăn quả (mận, cam, quýt), kết hợp phát triển cây màu và cây công nghiệp (thuốc lá); đồng thời phát triển mạnh đàn trâu, bò, ngựa, từng bước phát triển tiểu thủ công nghiệp, chế biến lâm sản, khai

thác tài nguyên khoáng sản quý hiếm (vàng).

- Vùng thị trấn, gồm thị trấn Chợ Mới, Giang Tiên và khu vực huyện lỵ Đu. Nhiệm vụ trọng tâm của vùng này là phát triển thành trung tâm dịch vụ (thương nghiệp, văn hóa, khoa học kỹ thuật) với sự tham gia của các ngành nghề kinh tế, phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông - lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Đại hội xác định vị trí, giải pháp để phát triển các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể và tư nhân; đồng thời đề ra yêu cầu cho các cơ quan quản lý Nhà nước phải nhanh chóng “Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác”; trong đó tập trung giải quyết các yếu tố: vốn, sức lao động, vật tư thiết bị và dịch vụ thông tin.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII gồm 31 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu 7 đồng chí Ban Thường vụ Huyện ủy, trong đó, đồng chí Lê Văn Văn được Ban Chấp hành tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện ủy¹.

Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp bằng

¹ Theo Quyết định số 46-QĐ/BT ngày 22/11/1991 của Tỉnh ủy Bắc Thái “Về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương khóa XVIII”.

Ngày 19/8/1993, Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVIII bầu các đồng chí Đoàn Đình Thế, Nguyễn Mạnh Long giữ chức danh Phó Bí thư Huyện ủy (theo Quyết định số 524-QĐ/BT ngày 13/9/1993 của Tỉnh ủy Bắc Thái “Về việc chuẩn y Phó Bí thư, bầu bổ sung Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Phú Lương khóa XVIII”).

Ngày 23/9/1994, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu đồng chí Đoàn Đình Thế làm Bí thư Huyện ủy thay cho đồng chí Lê Văn Văn được cấp trên điều động chuyển công tác (theo Quyết định số 882-QĐ/TU ngày 28/9/1994 của Tỉnh ủy Thái Nguyên “Về việc chuẩn y bầu bổ sung Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương khóa XVIII”).

Ngày 23/8/1995, Tỉnh ủy Bắc Thái ra Quyết định số 1030-QĐ/BT chuẩn y đồng chí Bảo Văn Lạc giữ chức danh Phó Bí thư Huyện ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

các biện pháp tích cực như: Áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, các giống mới có năng suất cao, có sức chống chịu sâu bệnh được đưa vào gieo trồng rộng rãi. Chương trình cấp một hóa giống lúa được triển khai thực hiện trên diện rộng, với các giống lúa có năng suất cao, đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Công tác khuyến nông bước đầu đã phát huy được tác dụng, ngày càng có hiệu quả hơn. Tình trạng tranh chấp đất đai trên địa bàn huyện đã được giải quyết về căn bản. Công tác giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân được thực hiện khá tốt. Đến tháng 4/1994, toàn huyện có 19/26 xã, thị trấn về cơ bản hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc làm này đem lại nhiều tác dụng: Ruộng đất được giao ổn định cho nông dân; người dân yên tâm đầu tư vốn và sức lao động để phát triển sản xuất; vòng quay sử dụng đất tăng lên.

Nhờ những chủ trương đúng đắn, sự đoàn kết, quyết tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền cùng các đoàn thể quần chúng và nhân dân, sản xuất nông nghiệp của huyện dần đi vào ổn định và phát triển. Năng suất lúa bình quân trong 5 năm (1991 - 1995) đạt 25,66 tạ/ha/vụ, tăng 2,66 tạ so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII đề ra. Tổng sản lượng lương thực năm 1994 đạt 29.353 tấn¹.

Do sản xuất lương thực phát triển, tăng nhanh về sản lượng và nhu cầu của thị trường, nên ngành chăn nuôi của huyện phát triển mạnh. Đàn trâu trong huyện tăng từ 18.900 con năm 1991, lên 21.400 con năm 1995; đàn bò tăng gần 2 lần trong vòng 5 năm, đến năm 1995, tổng đàn bò đạt 1.165 con. Đặc biệt, đàn lợn tăng nhanh về số lượng, đến năm 1995 toàn huyện có 39.300 con (tăng gần 7.000 con so với năm 1991).

¹ Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái 1991 - 1995, Chi cục thống kê Bắc Thái tháng 12/1995.

Đàn gia cầm và cá cũng phát triển mạnh. Bước chuyển biến mới trong chăn nuôi của huyện giai đoạn này là có một số cơ sở, một số hộ gia đình tổ chức chăn nuôi theo thị trường hàng hóa. Các khâu giống, chế biến thức ăn và phòng trừ dịch bệnh được quan tâm hàng đầu. Chăn nuôi phát triển không chỉ đảm bảo sức kéo, phân bón cho sản xuất, mà còn cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào cải thiện bữa ăn trong mỗi gia đình và tăng thu nhập cho người nông dân.

Bằng nguồn vốn của các dự án Quốc gia và vốn đầu tư của nước ngoài, trong 5 năm (1991 - 1995), toàn huyện trồng mới được 900ha chè (riêng năm 1991 trồng được 453ha) đưa tổng diện tích chè toàn huyện cho thu hoạch lên 1.673ha, mỗi năm thu hơn 6.000 tấn chè búp tươi. Cùng với chè, hơn 100ha cây ăn quả các loại, cây đặc sản khác được đầu tư phát triển, tạo nên diện mạo kinh tế mới trên địa bàn huyện.

Trong những năm 1991 - 1995, sản xuất lâm nghiệp của huyện phát triển mạnh trên cơ sở Dự án 327. Công tác trồng và bảo vệ rừng thu được nhiều kết quả. Trong 5 năm, toàn huyện đã khoanh nuôi, bảo vệ gần 5.700ha rừng; giao gần 10.000ha đất rừng cho các hộ quản lý; tổ chức trồng mới gần 4.000ha rừng các loại. Kinh tế đồi rừng với các loại cây lấy gỗ, cây ăn quả, cây đặc sản có giá trị kinh tế cao ngày càng phát triển đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Nhiều hộ nông dân giàu nhanh chóng từ kinh tế đồi rừng.

Cuộc vận động định canh, định cư vừa mang tính kinh tế, vừa mang tính xã hội được các cấp ủy đảng quan tâm. Trong 2 năm 1992 - 1993, huyện đầu tư 160 triệu đồng tập trung xây dựng các công trình phúc lợi (trường học, bệnh xá, đường giao thông, hệ thống nước sinh hoạt); phát triển sản xuất bằng việc trồng mía, chè và cây ăn quả ở các điểm định canh, định cư, góp phần cải thiện đời sống của đồng bào. Tuy nhiên, nhìn

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chung trên địa bàn huyện còn nhiều điểm định canh, định cư chưa ổn định sản xuất, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Đến giữa năm 1994, toàn huyện vẫn còn 140 hộ với 1.068 nhân khẩu (chủ yếu là đồng bào Mông) vẫn sống du canh, du cư.

Đảng bộ huyện chỉ đạo quan tâm và chú trọng phát triển thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn huyện. Từ năm 1991 đến năm 1995, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được duy trì và phát triển. Huyện tổ chức nhiều buổi học tập kinh nghiệm về mô hình sản xuất cơ khí nhỏ, lập các dự án phát triển tiểu thủ công nghiệp. Đồng thời, huyện tiến hành kiểm tra khảo sát và hướng dẫn làm gạch xây dựng ở các xã phía bắc của huyện. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp thế mạnh của huyện trong thời gian này là sản xuất vật liệu xây dựng, trong đó mạnh nhất là sản xuất gạch. Gạch làng Phan không chỉ nổi tiếng và tiêu thụ ở trong tỉnh, mà còn được tiêu thụ ở các tỉnh bạn. Hằng năm, các cơ sở sản xuất gạch trên địa bàn huyện cho ra lò hàng chục triệu viên phục vụ nhu cầu xây dựng trong và ngoài huyện, vừa tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động, vừa tạo nguồn thu nhập đáng kể cho nhân dân. Bên cạnh đó, các ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ khác như: Chế biến lâm sản, may mặc, dịch vụ vận tải, dịch vụ sửa chữa đồ điện tử... trên địa bàn huyện cũng khá phát triển.

Thương nghiệp quốc doanh của huyện được sắp xếp lại với quy mô nhỏ, hợp lý hơn nhưng hiệu quả kinh doanh thấp. Dịch vụ thương nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động theo hình thức cá thể, hộ gia đình có xu hướng phát triển mạnh ở các thị trấn, thị tứ và các vùng dân cư tập trung.

Nhờ kinh tế ổn định và phát triển tốt, nên hoạt động tài chính tiền tệ, có bước tiến rõ rệt. Năm 1991, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt gần 1,3 tỷ đồng, đến năm 1995 tăng lên

tới 5,14 tỷ đồng. Đáng chú ý là thu thuế nông nghiệp có bước tiến bộ vượt bậc. Nếu như năm 1992, thu thuế nông nghiệp chỉ đạt 65,4% kế hoạch và chỉ có 4 xã: Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Giang Tiên và Túc Tranh hoàn thành chỉ tiêu thuế nông nghiệp về thóc, thì đến năm 1993, tổng thu thuế nông nghiệp đạt 2.143 triệu đồng, bằng 107% kế hoạch. Đây là năm đầu tiên Phú Lương hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thuế nông nghiệp; trong đó có 6 xã: Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Giang Tiên, Nông Hạ, Cổ Lũng và Động Đạt hoàn thành vượt mức chỉ tiêu ngân sách. Phát huy thành tích đó, đến năm 1995, Phú Lương lại hoàn thành vượt mức 27% chỉ tiêu thuế nông nghiệp. Đây là năm vượt mức cao nhất so với nhiều năm trước. Tuy nhiên, công tác quản lý và thu thuế công thương nghiệp còn nhiều yếu kém. Số hộ kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ tư nhân toàn huyện tăng từ 659 hộ năm 1991 lên 922 hộ năm 1995, trong đó chỉ có 632 hộ có đăng ký kinh doanh và 440 hộ đóng thuế (toàn huyện còn 482 hộ có đăng ký và không đăng ký kinh doanh không đóng thuế).

Hoạt động của các ngân hàng trên địa bàn huyện ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống. Toàn huyện đã có trên 22.000 lượt hộ nông dân được vay vốn phát triển sản xuất. Doanh số cho vay hàng năm đều tăng. Đến năm 1995, tổng dư nợ tiền vay toàn huyện trên 11 tỷ đồng.

Kinh tế phát triển, nguồn thu ngân sách tăng nên công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đạt kết quả cao. Trong 5 năm, huyện đã đầu tư cho công tác thủy lợi trên 4 tỷ đồng. Huyện đầu tư xây dựng nhiều hồ, đập như: hồ Cốc Lũng, Đồng Xiên, đập Nà Rao...; các hệ thống kênh, mương được sửa chữa, nâng cấp hoặc làm mới, chủ động tưới cho hàng ngàn héc-ta lúa 2 vụ.

Hệ thống giao thông được Huyện ủy chỉ đạo quan tâm đầu tư. Từ năm 1991 đến năm 1995, huyện được đầu tư gần 6

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tỷ đồng cho các công trình giao thông. Các tuyến đường giao thông nông thôn liên xã được làm mới, trùng tu và mở rộng như: tuyến đường Tức Tranh - Yên Lạc, đường Yên Trạch, đường Yên Đĩnh - Yên Cư, đường Đu - Ôn Lương, đường nội thị Chợ Mới, tuyến đường Giang Tiên - Tức Tranh, Quốc lộ 3... với tổng chiều dài là 266km. Bên cạnh đó, huyện xây mới cây cầu treo Quảng Chu, nhiều xã phát động phong trào làm đường giao thông nông thôn và sửa chữa 11 cầu treo trên toàn huyện. Chính vì vậy, hệ thống giao thông trên địa bàn khá thuận lợi cho việc đi lại, giao thương của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Tuy nhiên, trên địa bàn huyện còn nhiều tuyến đường đất, đường cấp phối, có độ dốc lớn, bị hư hỏng sau mỗi mùa mưa nên hàng năm huyện phải huy động một lực lượng lớn nhân công vào việc tu sửa đường. Đến đầu năm 1994, toàn huyện vẫn còn 5 xã chưa có đường cho xe ô tô vào đến trung tâm xã, giao thông đến xóm gặp nhiều khó khăn.

Trong thời kỳ này, huyện đầu tư khá nhiều ngân sách cho xây dựng cơ bản. Từ năm 1991 đến năm 1995, nhiều công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng như: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phú Lý, Hợp Thành, Yên Đĩnh; trụ sở làm việc của Chi cục thuế, kho bạc, bưu điện; xây dựng mới nhiều phòng học, nhà tập thể giáo viên¹.

Công tác lập quy hoạch xây dựng các thị trấn, thị tứ, khu trung tâm các xã cũng được triển khai. Đến năm 1995, 10/26 xã, thị trấn trong huyện đã có điện lưới Quốc gia phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân, 16 xã còn lại, đồng bào vẫn còn phải sinh hoạt bằng đèn dầu. Do vậy, đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân các xã chưa có điện lưới còn

¹ Báo cáo số 01/BC-UB ngày 25/1/1994 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1993 và những nhiệm vụ chủ yếu kinh tế - xã hội năm 1994, tr.3.

nhều khó khăn, thiếu thốn.

Từ năm 1992, khi đời sống nhân dân dần đi vào ổn định, Đảng bộ huyện Phú Lương chủ trương đầu tư hơn nữa cho sự nghiệp giáo dục. Cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, ngành giáo dục huyện vận động từng bước thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa sự nghiệp giáo dục, Huyện ủy chủ trương hằng năm dành phần lớn ngân sách đầu tư cho giáo dục, quy hoạch lại hệ thống trường lớp nhằm mở rộng cơ sở giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho con em đi học.

Thực hiện chủ trương đó, sự nghiệp giáo dục huyện đã đạt những thành tựu khá vững chắc. Quy mô, mạng lưới trường lớp được sắp xếp lại hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong huyện. Trường phổ thông cơ sở được tách thành trường tiểu học và trung học cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho thực hiện phổ cập tiểu học và cho công tác quản lý. Hệ thống trường mầm non, lớp mẫu giáo được củng cố và phát triển thêm ở những nơi có nhu cầu. Đến năm 1995, toàn huyện có 50 trường học; trong đó, có 12 trường mẫu giáo, 36 trường tiểu học và phổ thông cơ sở, 1 trường phổ thông trung học; tổng số học sinh các cấp học toàn huyện hơn 31.000 em. Số trẻ em trong độ tuổi được đến trường học đạt tỷ lệ 98%. Số học sinh phổ thông tăng bình quân hằng năm là 1.471 em. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh theo học lên đến bậc phổ thông trung học rất thấp: Năm 1991, huyện chỉ có 341 em (bằng 1,5% số học sinh) đến năm 1995 chỉ có 927 em (bằng 3,2% tổng số học sinh).

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, cùng với sự giúp đỡ của các ngành, các đoàn thể quần chúng, huyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm cho hoạt động dạy và học. Số lớp học tăng từ 734 lớp (năm 1991) lên 892 lớp (năm 1995). Phong trào thi đua dạy tốt, học

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tốt được phát động trong toàn ngành giáo dục Phú Lương và được các trường học duy trì. Chất lượng chuyên môn của đội ngũ giáo viên dần được nâng lên thông qua các chương trình bồi dưỡng hằng năm. Từ đó, chất lượng giảng dạy và học tập trong các trường từng bước được nâng cao. Số học sinh lên lớp và thi tốt nghiệp mỗi năm một tăng. Trong năm 1994 - 1995, học sinh tốt nghiệp cả 3 cấp đạt từ 92,64% đến 96,15% và 15 thầy, cô giáo phấn đấu đạt tiêu chuẩn giáo viên giỏi cấp huyện; 3 thầy cô giáo được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Tính đến hết năm 1995, toàn huyện có 24/26 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn Quốc gia về phổ cập tiểu học. Phong trào học ngoại ngữ bước đầu được phát động ở các cơ quan, trường học.

Ngành y tế Phú Lương có bước phát triển khá cả về đội ngũ thầy thuốc, cơ sở và phương tiện khám chữa bệnh, đáp ứng được nhiệm vụ chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Toàn huyện có 2 bệnh viện, 26/26 xã có trạm y tế (trong đó có 21 trạm y tế được xây dựng kiên cố và bán kiên cố). Nhìn chung, từ bệnh viện huyện đến trạm y tế ở các xã đều được đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ khám, chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Với 171 cán bộ, mỗi năm ngành y tế huyện đều khám và điều trị cho trên 30.000 lượt người. Các chương trình y tế Quốc gia được triển khai ngày càng hiệu quả hơn. Sức khỏe nhân dân được đảm bảo và tăng cường.

Hoạt động văn hóa, thể thao được đẩy mạnh và hướng về cơ sở. Ở một số xã, hoạt động thể thao đã thành phong trào, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên tham gia, góp phần xây dựng đời sống văn hóa của nhân dân các dân tộc trong huyện ngày càng vui tươi, lành mạnh.

Cuộc vận động xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo, từ thiện phát triển sâu rộng và mang tính xã hội hóa cao. Chỉ trong vòng 5 năm (1991 - 1995), toàn

huyện đã đầu tư hơn 1,5 tỷ đồng vào việc xây dựng nhà tình nghĩa cho thương binh và gia đình liệt sỹ; tặng 228 sổ tiết kiệm với tổng số tiền trên 22 triệu đồng; đầu tư hơn 200 triệu đồng xây dựng nghĩa trang liệt sỹ và Đài tưởng niệm.

Công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện thu được kết quả bước đầu. Tuy nhiên, đây là vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cấp, nhiều ngành, sự đồng lòng của cả cộng đồng mới thu được kết quả cao.

Vào cuối những năm 80 - đầu những năm 90 thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, gây nên những tác động xấu đến tư tưởng, tình cảm trong cán bộ và nhân dân. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân bi quan, dao động, giảm lòng tin, mất phương hướng vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Trước những diễn biến phức tạp tình hình trong nước và quốc tế, ngày 16/6/1992, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã họp Hội nghị lần thứ 3, ra Nghị quyết “Về một số nhiệm vụ đổi mới chính đốn Đảng”, xác định 4 nhiệm vụ quan trọng: Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng; chỉnh đốn Đảng về tổ chức; tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng.

Nhìn chung tổ chức cơ sở đảng cấp xã trên địa bàn huyện Phú Lương đến năm 1991 chưa vững mạnh. Số đảng bộ, chi bộ yếu kém còn chiếm tỷ lệ cao (trên 15%). Trong một số tổ chức cơ sở đảng, việc thực hiện dân chủ và kỷ cương còn yếu; nội bộ cấp ủy có biểu hiện mất đoàn kết, làm hạn chế vai trò lãnh đạo của Đảng và mọi hoạt động ở địa phương; một bộ phận đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin trước sự đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, một bộ phận đảng viên thiếu gương mẫu, lôi kéo

bè cánh dòng họ, tranh chấp đất đai...¹.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 3, công tác xây dựng Đảng ở Phú Lương có những bước tiến bộ mới, tạo ra nguồn động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Từ cấp ủy đến cơ sở đều có nhận thức: Xây dựng Đảng là vấn đề cấp bách, quan trọng, phải được chăm lo thường xuyên, liên tục. Mục tiêu xây dựng Đảng là không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Phải lấy hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương làm thước đo đánh giá kết quả về xây dựng Đảng.

Từ nhận thức đúng đắn trên, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được các cấp bộ đảng trong huyện quan tâm thường xuyên, đúng mức. Những nghị quyết của Đảng và những chủ trương, chính sách lớn của Nhà nước được triển khai quán triệt, kịp thời từ huyện đến cơ sở và được nghiên cứu vận dụng, đưa vào cuộc sống. Công tác bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ, rèn luyện tu dưỡng phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên được đẩy mạnh. Từ năm 1991 đến năm 1995, Huyện ủy mở lớp trung cấp lý luận tại chức cho 70 cán bộ theo học; bên cạnh đó, Huyện ủy còn cử nhiều cán bộ tham dự các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị do Trung ương và tỉnh tổ chức; 85% số bí thư chi bộ và cấp ủy viên cơ sở được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng. Đa đa số cán bộ, đảng viên đều được học tập quán triệt các chủ trương, chính

¹ Năm 1991 - 1993 tranh chấp đất đai diễn ra ở nhiều xã. Đảng ủy xã Yên Trạch ra Nghị quyết: Ruộng nhà ai nhà ấy lấy. Ở xã Yên Ninh có người chém nhau vì tranh giành ruộng đất. Huyện ủy thi hành kỷ luật nhiều cán bộ, đảng viên do vi phạm chính sách, tranh chấp ruộng đất, trong này có cả đảng viên là cán bộ hưu trí, cán bộ công tác ở các cơ quan trong huyện. Do tình hình trên, năm 1992 không phân tích được chất lượng đảng viên trong Đảng bộ (Theo *Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 1992 của Huyện ủy ngày 29/5/1993*).

sách của Đảng và Nhà nước, nên có nhận thức và hành động đúng, giữ vững và phát huy tính tiên phong gương mẫu trong công tác, được nhân dân tín nhiệm. Mọi tin tức thời sự, chính sách, chế độ mới được phổ biến kịp thời đến đông đảo quần chúng nhân dân. Thông qua các đợt học tập, sinh hoạt chính trị, thông tin thời sự, các cấp ủy kịp thời phát hiện, đấu tranh phê phán những quan điểm, tư tưởng, hành động tiêu cực; đồng thời bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng; xây dựng niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội cho cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy đảng đã bước đầu xây dựng quy chế phân cấp quản lý cán bộ, quy chế và lề lối làm việc, phân định rõ trách nhiệm của từng cán bộ đảng viên. Từ huyện đến cơ sở thường xuyên coi trọng việc củng cố kiện toàn cấp ủy, sắp xếp cán bộ theo hướng liên tục, kế thừa và đổi mới. Bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp ngày càng đổi mới, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thực hiện phương châm “*Trí tuệ - đổi mới - dân chủ - kỷ cương - đoàn kết*”, qua Đại hội vòng 2 của 44/46 tổ chức cơ sở đảng, toàn Đảng bộ đã có 30 cơ sở thay đổi bí thư (chiếm 68,19%). Sau Đại hội vòng 2, Huyện ủy tập trung chỉ đạo sắp xếp đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở. Những cán bộ được thay thế phần lớn là cán bộ trẻ, có chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, năng động, về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đặt ra.

Sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Phú Lương dần ổn định,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, từ ngày 26 đến ngày 28/4/1994, Hội nghị đại biểu Đảng bộ huyện giữa nhiệm kỳ (khóa XVIII) được tổ chức. Trên cơ sở đánh giá những thành tích, ưu điểm và hạn chế, thiếu sót, Hội nghị xác định trong 2 năm còn lại của nhiệm kỳ (1994 - 1995), Đảng bộ cần tập trung lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII nhằm *“ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, quản lý phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân”*. Thực hiện Nghị quyết hội nghị giữa nhiệm kỳ, song song với việc bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 109/HĐBT ngày 12/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sắp xếp tổ chức biên chế hành chính, sự nghiệp. Thông qua đó, bộ máy hành chính được tinh giảm và gọn nhẹ hơn. Tổng biên chế khối Đảng, đoàn thể, chính quyền huyện đã giảm được 20 người (13,3%) và giảm 2 đầu mối thuộc khối chính quyền. Bộ máy cán bộ cấp xã cũng được tinh giảm từ 20 xuống 15 cán bộ, phù hợp với yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác.

Với sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, việc thực hiện bước 2 Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng được triển khai thống nhất đồng bộ trên toàn Đảng bộ. Qua thực hiện, Đảng bộ đã bước đầu phân tích chất lượng đảng viên, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ đảng viên của từng đảng bộ. Thông qua kết quả phân tích chất lượng đảng viên, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy cơ sở có giải pháp cụ thể đối với từng loại đảng viên; bồi dưỡng những đảng viên giữ được tư cách, đảng viên phát huy tính tiên phong gương mẫu, vươn lên hoàn thành các nhiệm vụ công tác được giao; giúp đỡ những đảng viên hạn chế về kiến thức, năng lực hoặc hoàn cảnh khó khăn... để các đồng chí vươn lên hoàn thành nhiệm vụ; giáo dục,

xử lý hoặc định thời hạn phấn đấu, sửa chữa khuyết điểm cho những đảng viên vi phạm tư cách đảng viên; khai trừ và đưa ra khỏi Đảng những người không còn đủ tư cách đảng viên. Ủy ban Kiểm tra Đảng các cấp có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chức năng chuyên môn và nhiệm vụ cấp ủy giao. Trong những năm 1993 - 1995, Huyện ủy chỉ đạo kiểm tra tập trung vào việc thực hiện bước 2 Nghị quyết Trung ương 3; tập trung xử lý số đảng viên loại 3, loại 4, góp phần làm trong sạch đội ngũ và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng ở địa phương. Từ năm 1992 - 1995, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã kiểm tra, đề nghị xử lý kỷ luật 135 đảng viên, xóa tên 57 đảng viên khác (riêng trong năm 1994, Đảng bộ xử lý 104 trường hợp).

Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ coi trọng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, những quần chúng tiêu biểu đã được các cấp ủy đảng quan tâm dìu dắt, bồi dưỡng thông qua các đợt sinh hoạt chính trị và các lớp đối tượng Đảng. Từ năm 1992 đến năm 1995, đã kết nạp được 293 đồng chí vào trong hàng ngũ của Đảng¹. Đảng viên kết nạp mới phần lớn là những đảng viên trẻ, đảm bảo chất lượng, nhiệt tình sẵn sàng đảm đương gánh vác nhiệm vụ mà Đảng giao phó.

Ủy ban nhân dân huyện không ngừng đổi mới, cải tiến phương pháp làm việc, thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Hội đồng nhân dân để đưa vào thực hiện. Các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, của huyện được triển khai kịp thời đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tích cực đổi mới cả về tổ chức và nội dung, phương thức hoạt động. Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 17/11/1993 về “Đại

¹ Số đảng viên kết nạp năm 1992 là 36 đồng chí; năm 1993 là 52 đồng chí; năm 1994 là 74 đồng chí; năm 1995 là 131 đồng chí.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất”, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp được củng cố và kiện toàn; hoạt động có chương trình, nội dung cụ thể, thiết thực, góp phần tích cực vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

Thông qua các phong trào *“Thanh niên lập nghiệp”* và *“Tuổi trẻ giữ nước”*, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, tạo ra sự chuyển biến mới ở hầu khắp các cơ sở đoàn, góp phần tích cực vào các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương.

Chị em phụ nữ các dân tộc trong Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Lương tiếp tục phát huy khả năng vào việc tham gia công tác quản lý Nhà nước. Với phong trào *“Giúp nhau làm kinh tế gia đình”*, *“nuôi con khỏe, dạy con ngoan”*, hoạt động của Hội đã góp phần tích cực hoàn thành các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn huyện.

Hội Nông dân với phong trào *“Thi đua lao động sản xuất giỏi, thực hiện xóa đói giảm nghèo”*, đã góp phần tích cực tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng ngày càng cao. Phong trào xây dựng nông thôn mới có những kết quả rõ nét, tạo nên sự đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống giữa bà con các dân tộc.

Hội Cựu chiến binh huyện được thành lập từ ngày 20/7/1990, không ngừng phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động. Đến cuối năm 1995, toàn huyện có 20 trong tổng 26 xã và thị trấn kiện toàn xong tổ chức Hội. Đội ngũ cán bộ của Hội từ huyện đến cơ sở đều nhiệt tình, gương mẫu. Thông qua hoạt động, Hội Cựu chiến binh thực sự là chỗ dựa, là nòng cốt trong các phong trào ở địa phương.

Trong 10 năm đầu thực hiện đổi mới (1986 - 1995) do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương đã phát huy truyền thống cần cù, sáng tạo, cùng đoàn kết vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Kinh tế của huyện dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Các thế mạnh về kinh tế đồi rừng, cây công nghiệp đã và đang được khai thác có hiệu quả. Dịch vụ thương nghiệp phát triển mạnh; hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Các mặt văn hóa, xã hội được ổn định và phát triển. Đời sống nhân dân được cải thiện.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể vẫn bộc lộ nhiều yếu kém, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của công cuộc đổi mới. Nền kinh tế của huyện phát triển chưa vững chắc, không đồng đều giữa các vùng. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, còn nhiều lúng túng trong việc quản lý kinh tế nhiều thành phần, nhất là trong việc chỉ đạo xây dựng củng cố quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn phân tán, nhỏ lẻ và chậm phát triển. Lĩnh vực xã hội còn nhiều mặt yếu kém: Chất lượng giáo dục còn thấp; công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu chung; tệ nạn xã hội, như buôn lậu, làm ăn phi pháp, tham nhũng, trộm cắp, nghiện hút chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Những thành tựu đạt được cùng với những khó khăn, yếu kém trong 10 năm đầu thực hiện đổi mới đã giúp Đảng bộ có thêm nhiều kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội những năm tiếp theo.

Chương V

ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2015)

I. Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm cuối thế kỷ XX (1996 - 2000)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, 10 năm đầu thực hiện đổi mới toàn diện (1986 - 1996), đất nước thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững sản xuất và ổn định chính trị, tạo được những tiền đề to lớn cho sự phát triển trong những năm tiếp theo. Bên cạnh những thành tựu đạt được, nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát tuy có giảm, nhưng vẫn còn ở mức cao, thất nghiệp gia tăng. Chế độ tiền lương còn bất hợp lý, mức sống của những người sống chủ yếu bằng lương và của một bộ phận nông dân bị giảm sút. Lĩnh vực văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp, hiện tượng tham nhũng, hối lộ, bất công xã hội, vi phạm pháp luật, kỷ luật, kỷ cương... vẫn còn khá nặng nề và phổ biến. Trong khi đó, nhiệm vụ của chặng đường đổi mới tiếp theo lại có phạm vi sâu rộng hơn, phải tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề phức tạp của kinh tế thị trường và sự hội nhập kinh tế quốc tế.

Trước thực tế đó, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (năm 1996) đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: *“Tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - văn hóa đến năm 2000: Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân...”¹.

Thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 9/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Đại hội Đảng bộ các cấp” tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, từ ngày 27 đến ngày 28/3/1996, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội lần thứ XIX (nhiệm kỳ 1996 - 2000) với sự tham dự của 157 đại biểu (trong đó có 147 đại biểu chính thức) thay mặt cho hơn 3.000 đảng viên trong Đảng bộ.

Đại hội thảo luận và thông qua bản dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII; nghiêm khắc kiểm điểm những thành tựu và khuyết điểm về công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1991 - 1996. Trên cơ sở đó, Đại hội nhất trí thông qua nghị quyết, phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ giai đoạn 1996 - 2000.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIX chỉ rõ: “Đất nước ta đang chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phú Lương là một huyện miền núi chủ yếu sản xuất nông - lâm nghiệp, vì vậy phải tiến hành từng bước chuyển dịch công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nông nghiệp và nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ sang sản xuất hàng hóa, nâng tỷ trọng nền kinh tế thủ công nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong GDP của huyện qua các năm. Tăng cường xây

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao dân trí, tiến bộ xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân các dân tộc...”¹.

Để phát triển kinh tế, Đại hội xây dựng 8 mục tiêu tổng quát và đưa ra 11 giải pháp để đạt được mục tiêu đề ra.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX gồm 33 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, đồng chí Đoàn Đình Thế được tín nhiệm tái cử chức Bí thư Huyện ủy; các đồng chí Nguyễn Mạnh Long và Bảo Văn Lạc được bầu làm Phó Bí thư².

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX ngày 6/11/1996, từ ngày 1/1/1997, tỉnh Bắc Thái tách thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Trước đó, ngày 18/12/1996, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức “*Lễ bàn giao 10 xã phía bắc huyện về huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn*”³.

Từ sau khi bàn giao 10 xã phía bắc, huyện Phú Lương thay đổi khá nhiều về điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội. Để kịp thời cụ thể hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1997 - 2000, tháng 10/1997, Đảng bộ huyện tiến hành Đại hội. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh “*Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển mạnh nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn liền với phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và chế biến nông, lâm*

¹ Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 5/4/1996 của Huyện ủy Phú Lương - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIX, tr.9-10.

² Tháng 7/1998, đồng chí Bảo Văn Lạc chuyển công tác lên Bắc Kạn. Ngày 21/7/1998, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Quyết định số 121-QĐ/TU chuẩn y 2 đồng chí Lê Thiện Đán và Lê Trung giữ chức danh Phó Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Nguyễn Mạnh Long và Bảo Văn Lạc.

³ Gồm các xã: Yên Hân, Yên Cư, Như Cố, Thanh Bình, Bình Văn, Quảng Chu, Yên Đình, Nông Hạ, Nông Thịnh và thị trấn Chợ Mới.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG _____

*sản. Mở rộng phát triển các ngành nghề trong nông thôn*¹.

Đại hội đề ra 6 giải pháp lớn, trong đó xác định, phân vùng kinh tế được coi là yếu tố hàng đầu. Từ đặc điểm của huyện, để chỉ đạo đầu tư tập trung và có hiệu quả, huyện chia thành 3 tiểu vùng kinh tế:

- Vùng Tây Bắc, gồm 6 xã: Hợp Thành, Ôn Lương, Yên Đổ, Yên Ninh, Yên Trạch, Phủ Lý được xác định với cơ cấu kinh tế lâm - nông nghiệp; tập trung phát triển mạnh nghề rừng, trồng cây ăn quả; khuyến khích phát triển kinh tế theo mô hình trang trại lâm - nông kết hợp.

- Vùng phía Đông, gồm 4 xã: Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô, Yên Lạc, tập trung phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, chủ yếu là mở rộng diện tích và đầu tư thâm canh cây chè.

- Vùng sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng cây ăn quả, phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, gồm 4 xã: Động Đạt, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm, 2 thị trấn: Du và Giang Tiên.

Trên cơ sở xác định các tiểu vùng kinh tế và quán triệt các quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế, các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở đã cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế do Đại hội Đảng bộ đề ra thành các chương trình, kế hoạch với các biện pháp sát thực, đầu tư có trọng điểm, huy động mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất, củng cố và phát triển kết cấu hạ tầng.

Với đặc điểm là huyện có hoạt động nông nghiệp chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu kinh tế, do đó Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phú Lương khóa XIX tiếp tục xác định lấy nông nghiệp làm hướng phát triển chủ đạo. Để gắn sản xuất với

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương ngày 29/10/1997, tr.7.

chế biến và thị trường, bà con nông dân tích cực tiếp thu và ứng dụng có hiệu quả những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Việc tổ chức, phân công lao động cũng ngày càng hợp lý. Huyện ủy chỉ đạo khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lao động, tạo ra sự chuyển đổi tích cực về cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, đưa nền kinh tế của huyện phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa.

Cùng với sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, Đảng bộ tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành hỗ trợ tích cực cho nhân dân từng bước tháo gỡ khó khăn. Để khắc phục tình trạng hạn hán gây thiệt hại mùa màng, Huyện ủy chỉ đạo ngành ngân hàng hỗ trợ vốn với lãi suất ưu đãi để nhân dân mua máy bơm chống hạn. Các công ty giống, vật tư, phân bón còn trợ giá giống, cước vận chuyển, tạo điều kiện cho nhân dân có khả năng đầu tư lớn nhất vào đồng ruộng. Từ năm 1996 đến năm 2000, tuy diện tích trồng cây lương thực giảm gần 500ha, nhưng sản lượng lương thực quy thóc vẫn tăng bình quân 1.060 tấn mỗi năm, vượt 60 tấn so với chỉ tiêu Đại hội Đảng đề ra.

Chè là cây công nghiệp mũi nhọn của Phú Lương. Diện tích chè tập trung chủ yếu ở 4 xã phía đông của huyện là Vô Tranh, Túc Tranh, Yên Lạc, Phú Đô. Trong 5 năm (1996 - 2000), toàn huyện trồng được 585ha, đưa tổng diện tích chè lên 2.951ha; trong đó có 2.670ha cho thu hoạch. Tổng sản lượng chè toàn huyện đạt 16.578 tấn chè búp tươi, đứng thứ 2 toàn tỉnh (sau huyện Đại Từ)¹. Cùng với nhà máy chế biến chè ở Túc Tranh được mở rộng, dự án sản xuất “Chè sạch” tiếp tục được đầu tư vào khu vực này, góp phần giải quyết tiêu thụ sản phẩm chè; tạo điều kiện cho nhân dân mạnh dạn đầu tư, chăm sóc nâng

¹ Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010.

cao sản lượng thu hoạch chè.

Diện tích trồng cây ăn quả các loại trong huyện tiếp tục tăng nhanh. Trong 5 năm (1996 - 2000), toàn huyện trồng mới thêm 595ha, nâng tổng diện tích trồng cây ăn quả lên trên 1.297ha; trong đó có 468ha trồng nhãn, vải.

Nhằm phát huy thế mạnh của huyện, các Chương trình 327, Dự án 661 về trồng rừng tiếp tục được triển khai tích cực, hiệu quả. Toàn huyện có 5.461ha rừng tự nhiên được khoanh nuôi; 4.192ha rừng trồng được bảo vệ tốt. Đến năm 2000, độ che phủ của rừng trên toàn huyện đạt 47,3%.

Từ năm 1996 đến năm 2000, chăn nuôi trên địa bàn huyện phát triển mạnh tại các hộ gia đình. Công tác phòng, trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm luôn được huyện quan tâm, chỉ đạo. Bên cạnh đó, nhiều giống vật nuôi mới cho năng suất, chất lượng cao được đưa vào chăn nuôi trên địa bàn huyện. Vì vậy, tổng đàn gia súc, gia cầm tăng hàng năm từ 4 - 6%. Trong 5 năm (1996 - 2000), đàn trâu bò tăng 700 con; đàn lợn tăng gần 4.000 con; trọng lượng xuất chuồng tăng gần 300 tấn. Nhiều hộ sản xuất tăng vốn đầu tư mở rộng quy mô chăn nuôi, mang lại hiệu quả cao. Toàn huyện có 280ha diện tích mặt nước nuôi, thả thủy sản. Hằng năm, Phú Lương còn nuôi, thả, đánh bắt gần 400 tấn cá, 3 tấn tôm, vừa góp phần cải thiện bữa ăn cho các gia đình, vừa tăng thêm nguồn thu nhập cho nhân dân.

Đến năm 2000, toàn huyện có khoảng 50 hộ phát triển kinh tế theo mô hình trang trại, với diện tích từ 2 - 10ha, chủ yếu trồng các loại cây kết hợp chăn nuôi; thu hoạch bình quân từ 20 - 70 triệu đồng/năm (3 - 7 triệu đồng một nhân khẩu/năm).

Từ năm 1996 đến năm 2000, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn huyện phát triển khá, ngày càng mở rộng về quy mô, đa dạng về ngành nghề. Dưới sự lãnh đạo, chỉ

đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, sản xuất thủ công nghiệp và dịch vụ đã khai thác, tận dụng nguồn nguyên, vật liệu sẵn có ở địa phương, mở rộng nhiều ngành nghề, thu hút nhiều lao động, giải quyết được việc làm trong nhân dân. Các ngành sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng, khai thác than, gia công cơ khí phục vụ nông nghiệp, chế biến lâm sản, chế biến chè, dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, sửa chữa cơ khí điện tử, vận tải, bưu điện và dịch vụ thương nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá nhanh. Giá trị sản xuất tiểu, thủ công nghiệp tăng bình quân 31,15%/năm; riêng năm 1999 đạt 16 tỷ đồng. Số lượng máy cơ khí đưa vào sản xuất thay thế, hỗ trợ sức người ngày càng nhiều, như máy làm đất, bơm nước, máy xay xát, máy xẻ gỗ, máy vò chè, xe vận tải các loại. Thị tứ và hệ thống chợ nông thôn trên địa bàn huyện phát triển, mạng lưới dịch vụ được mở rộng, tạo điều kiện cho sản xuất, tiêu dùng, giao lưu trao đổi hàng hóa, kích thích sản xuất phát triển.

Công tác xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế tiếp tục được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo đầu tư và được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Từ năm 1997 đến năm 2000, toàn huyện đẩy mạnh việc xây dựng, cải tạo hệ thống đường giao thông nông thôn. Với tổng số vốn đầu tư cho giao thông trong 5 năm lên tới 6,7 tỷ đồng, đến năm 2000, toàn huyện có 650km đường liên xóm, 90km đường liên xã, trong đó một số tuyến được cải tạo đạt chất lượng khá. Tuy nhiên, huyện vẫn còn 15 xóm chưa có đường cho xe vận tải đi lại; hàng hóa vẫn phải vận chuyển bằng xe thô sơ và đôi vai của con người.

Cùng với hệ thống đường giao thông, huyện đầu tư xây dựng mới 4 công trình và phục hồi 2 công trình thủy lợi, tu sửa và làm mới trên 75km kênh mương, trong đó có 11km đã được kiên cố hóa, chủ động tưới nước cho trên 2.000ha lúa và hoa màu, tăng 204ha so với năm 1996.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Trong những năm 1996 - 2000, hệ thống lưới điện của huyện được mở rộng. Đến tháng 6/2000, toàn huyện Phú Lương có 12 xã và thị trấn, gồm 15.641 hộ (chiếm 70% tổng số hộ) được sử dụng điện lưới Quốc gia (đạt 75% chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra). Tổng số vốn đầu tư cho mạng lưới điện nông thôn là 4,813 tỷ đồng, trong đó Nhà nước hỗ trợ 1,964 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 2,849 tỷ đồng. Trong quá trình xây dựng hệ thống điện, một số xã đã tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn ngân hàng để đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, đến năm 2000, trên địa bàn huyện vẫn còn tới 30% dân số, chủ yếu là những xóm, làng vùng sâu, vùng xa chưa được sử dụng điện.

Công tác thu, chi ngân sách của huyện trong những năm 1996 - 2000 luôn đảm bảo chỉ tiêu. Do làm tốt công tác tuyên truyền, quản lý nguồn thu và công khai mức thu đảm bảo sự công bằng, nhân dân phấn khởi, tin tưởng, nên công tác thu ngân sách đạt kết quả cao, tăng bình quân 10% mỗi năm. Riêng trong năm 1998, thu ngân sách đạt 133% kế hoạch.

Trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, các ngành kinh tế Phú Lương có bước phát triển khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh cả về ngành nghề, cơ cấu sản phẩm và phân công lao động.

Từ năm 1996 đến năm 2000 đánh dấu sự chuyển biến tích cực trên lĩnh vực văn hóa, xã hội của huyện Phú Lương. Các hoạt động văn hóa, xã hội nói chung đều được chỉ đạo phát triển theo hướng xã hội hóa. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện được nâng cao.

Ngành giáo dục huyện tích cực thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) *“Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm*

2000”, Luật giáo dục tạo được sự chuyển biến tích cực về chất lượng dạy và học ở các bậc học, ngành học. Công tác xã hội hóa giáo dục được nhân dân đồng tình ủng hộ. Từ năm 1996 đến năm 2000, nhân dân trong huyện đóng góp hàng ngàn ngày công, hàng trăm triệu đồng cùng với vốn ngân sách Nhà nước và vốn vay của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), với số vốn vay 1,395 tỷ đồng, xây dựng 160 phòng học (trong đó có 60 phòng từ cấp 4 trở lên). Đến năm 2000, toàn huyện có 433 phòng học, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong huyện. Ba mục tiêu trong giáo dục: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm, chỉ đạo đạt kết quả khá. Các ngành học, bậc học phát triển cân đối, đồng bộ. Đến năm 2000, huyện Phú Lương đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, tiến tới phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Nhiệm vụ xóa mù và chống tái mù chữ cũng đạt kết quả cao. Kỷ cương, nề nếp trong các nhà trường được tăng cường; chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cũng như chất lượng giáo dục có những chuyển biến đáng kể. Chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn của huyện đều có nhiều tiến bộ; kết quả thi tốt nghiệp hằng năm đều đạt tỷ lệ khá cao; số học sinh giỏi các cấp hằng năm đều tăng. Tính riêng năm học 1998 - 1999, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 97,99%; trung học phổ thông đạt 74,2%; thi học sinh giỏi xếp thứ 3 toàn tỉnh với 92 em đạt giải.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất của nhà trường nói chung còn nhiều khó khăn. Tính đến cuối năm 2000, toàn huyện vẫn còn tới 111 phòng học tạm (chiếm 26% tổng số phòng học). Công tác đào tạo nghề còn nhiều hạn chế. Hội đồng giáo dục từ huyện đến cơ sở đều ít hoạt động, chưa làm tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo. Chất lượng giáo dục được nâng lên nhưng nhìn chung vẫn còn thấp và chưa đồng đều giữa các vùng. Cơ sở vật

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chất, chất lượng dạy và học ở một số xã phía đông, phía bắc thấp hơn các xã phía nam. Ở một số xã, tỷ lệ học sinh trung học phổ thông còn thấp.

Ngành y tế huyện thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế có nhiều cố gắng trong việc triển khai đồng bộ các chương trình y tế Quốc gia; trong đó tập trung đẩy mạnh các chương trình phòng chống lao, sốt rét, tiêm chủng mở rộng. Trình độ chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, thầy thuốc đều được nâng cao, mỗi năm khám và chữa bệnh cho hàng chục nghìn lượt người. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của huyện đạt kết quả cả về thực hiện chỉ tiêu cơ bản đến tuyên truyền lồng ghép. Công tác quản lý dân số ngày càng khoa học, chặt chẽ hơn. Nhìn chung, hoạt động dân số kế hoạch hóa gia đình góp phần quan trọng vào việc hạ tỷ lệ sinh đẻ hằng năm. Khó khăn lớn nhất của ngành y tế huyện là thiếu cán bộ y tế giỏi, thiếu trang thiết bị hiện đại. Đến năm 2000, trên địa bàn huyện vẫn còn 4 trạm xá chưa có bác sỹ phụ trách; số trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn chiếm 32%.

Phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển mạnh. Các hoạt động rèn luyện thân thể và thi đấu thể thao giữa các xã trong huyện thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, nhất là lực lượng thanh, thiếu niên. Các hoạt động văn hóa tiếp tục được duy trì và phát triển theo hướng khai thác bản sắc văn hóa các dân tộc trong huyện.

Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* và *“Xây dựng làng bản và gia đình văn hóa”* được đẩy mạnh và mang lại nhiều kết quả thiết thực. Đến năm 1999, toàn huyện có 142 xóm, làng đăng ký xây dựng làng văn hóa, xóm văn hóa với 10.783 hộ. Các thiết chế văn hóa được huyện quan tâm đầu tư, xây dựng. Đến năm 2000, Phú Lương

có 87 xóm đã xây dựng nhà văn hóa. Mạng lưới thông tin liên lạc được mở rộng tới cơ sở. Trụ sở các xã, thị trấn đều có máy điện thoại.

Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện và hệ thống loa truyền thanh tới các xóm làng được huyện quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị, đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, nâng cao chất lượng tin bài, kịp thời truyền tải thông tin thời sự, chính sách và những gương điển hình về phát triển kinh tế, văn hóa để nhân dân tham khảo, học tập. Bên cạnh đó, hệ thống truyền thanh - truyền hình của huyện tuyên truyền có hiệu quả cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* và *“Xây dựng làng bản và gia đình văn hóa”*...

Trước diễn biến về chính trị, quân sự trên thế giới và những âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch đối với đất nước ta, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện ngày càng nhận thức rõ hơn về nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân. Từ huyện đến các xã, thị trấn đều thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự tham mưu. Công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho lực lượng vũ trang được thực hiện theo chương trình cơ bản, do đó lực lượng quân sự địa phương ngày càng trưởng thành. Lực lượng dân quân, tự vệ thường xuyên được củng cố, bảo đảm cả số lượng và chất lượng phù hợp với tình hình, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Các cuộc diễn tập quân sự được tổ chức tốt, không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang và hoàn thiện phương án tác chiến phòng thủ cơ bản. Công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự hàng năm

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đều đảm bảo chỉ tiêu quân số và chất lượng ngày càng cao.

Lực lượng công an thường xuyên được kiện toàn về tổ chức, giáo dục về chính trị tư tưởng, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đề cao trách nhiệm trước nhân dân. Do vậy, công an huyện thực sự trở thành nòng cốt trong đấu tranh và huy động các lực lượng xã hội khác tham gia đấu tranh chống tội phạm, ngăn chặn các tệ nạn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Thắng lợi trên tất cả các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội trong những năm 1996 - 2000 phản ánh kết quả công tác xây dựng Đảng bộ trong nhiệm kỳ. Đảng bộ được xây dựng, chỉnh đốn ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Để tăng cường vai trò lãnh đạo trong các mặt công tác, Đảng bộ huyện thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng.

Trong quá trình chỉ đạo xây dựng Đảng theo tinh thần các Nghị quyết Trung ương, của Tỉnh ủy Bắc Thái (sau là Tỉnh ủy Thái Nguyên), Huyện ủy nhận thức đầy đủ tầm quan trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Cán bộ, đảng viên có ý thức tự giác học tập, nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng; tiếp tục đổi mới nhận thức, qua đó củng cố niềm tin, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành, từng bước đáp ứng yêu cầu mới.

Thực hiện Quyết định số 100-QĐ/TW ngày 3/6/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về việc thành lập Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện, năm 1996, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương quyết định thành lập Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Phú Lương. Trung tâm có nhiệm vụ đào tạo sơ cấp lý luận chính trị - hành chính; bồi dưỡng các

chương trình lý luận chính trị cho các đối tượng theo quy định, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên trên địa bàn huyện; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước; bồi dưỡng chính trị cho đối tượng kết nạp Đảng; đảng viên mới. Ngoài ra, trung tâm còn thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu và tình hình thực tế do chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương. Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện ra đời góp phần quan trọng vào công tác phát triển đảng viên và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công tác cán bộ được đặc biệt chú trọng, đổi mới qua các kỳ đại hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cơ sở. Ban Thường vụ Huyện ủy coi công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên là một công tác vừa có ý nghĩa chiến lược, vừa mang tính cấp bách. Thành công trong công tác giáo dục, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ của Đảng bộ huyện Phú Lương là chọn những hình thức phù hợp với từng đối tượng, từng cơ sở. Nhờ vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong Đảng bộ thu được nhiều kết quả. Trong 5 năm, Huyện ủy mở 2 lớp trung cấp lý luận tại chức cho 150 học viên là cán bộ chủ chốt, dự nguồn về công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, thị trấn và cán bộ các phòng ban, ngành cấp huyện. Bồi dưỡng cấp ủy, bí thư chi bộ 578 lượt, bồi dưỡng chương trình lý luận cho đảng viên mới kết nạp. Để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, từ năm 1996 đến năm 2000, huyện tạo điều kiện cho 2 cán bộ đi học trên đại học, cử 23 cán bộ theo lớp đào tạo đại học chuyên ngành. Ngoài ra, Huyện ủy còn mở các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho 7.164 lượt học viên.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Xuất phát từ tình hình cụ thể của địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện (tháng 10/1997) nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, coi đây là nhiệm vụ then chốt có ý nghĩa quyết định thành công sự lãnh đạo của Đảng bộ. Trọng tâm công tác xây dựng Đảng là công tác đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, công tác cán bộ¹... Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã vận dụng và cụ thể hóa 7 vấn đề² mang tính chất mấu chốt có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đổi mới và chỉnh đốn Đảng phù hợp với tình hình thực tế của Đảng bộ.

Để đảm bảo sự lãnh đạo trong tình hình mới, các đảng bộ bộ phận được giải thể (Đảng bộ xã Sơn Cẩm), thành lập chi bộ theo xóm, làng. Từ năm 1996 đến năm 2000, hầu hết các đảng bộ xã xem xét việc chia tách chi bộ theo hướng chi bộ lãnh đạo một xóm làng, ở huyện giải thể 2 Đảng bộ Dân đảng và chính quyền thành lập 13 chi bộ trực thuộc Huyện ủy. Sinh hoạt cấp ủy, chi bộ từng bước được đổi mới nội dung nhằm nâng cao chất lượng. Nhiều đảng bộ xã, thị trấn quy định các chi bộ sinh hoạt ngày mùng 3 hằng tháng (thực hiện “chỉ báo hoãn, không báo họp”). Hằng năm, 6 tháng và cuối năm các chi bộ, đảng bộ đều tổ chức phân loại tổ chức đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Thường vụ Huyện ủy. Qua số liệu phân loại hằng năm cho thấy số cơ sở đảng xếp loại trung bình, yếu ngày càng giảm, số cơ sở đảng xếp loại khá và trong sạch vững mạnh tăng qua các năm, đặc biệt từ năm 1999 đã

¹ Huyện ủy Phú Lương: Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương 1997 - 2000 (tháng 10/1997).

² 7 vấn đề đó là: giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

xóa được các cơ sở đảng yếu kém.

Hệ thống tổ chức và các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở được kiện toàn. Từ năm 1997, Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo các cơ sở đảng trong Đảng bộ tổ chức quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đến toàn thể cán bộ, đảng viên. Đợt học tập tạo ra được sự chuyển biến cơ bản về nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng. Năm 1999, huyện Phú Lương được tỉnh chọn làm điểm chỉ đạo để tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII với trọng tâm là phê bình và tự phê bình; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tập trung triển khai cuộc vận động. Thực hiện cuộc vận động, các tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể sát với tình hình, đặc điểm của đơn vị mình. Các bước lấy ý kiến tiến hành phê bình sâu sắc đối với tập thể Ban Thường vụ và cá nhân là đảng viên lãnh đạo các cấp theo sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy. Nhìn chung, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) trong toàn Đảng bộ thu được kết quả bước đầu, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng.

Công tác phát triển đảng viên mới được chú ý quan tâm. Ngày 21/6/1999, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX ban hành Nghị quyết chuyên đề số 06-NQ/HU về “*Phát triển đảng viên trong Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*” đem lại hiệu quả thiết thực. Từ năm 1996 đến tháng 11/2000, Huyện ủy đã kết nạp 585 đảng viên mới đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng¹. Số đảng viên kết nạp năm sau cao hơn năm trước. Hằng năm, 6 tháng và cuối năm, đảng viên đều được kiểm điểm đánh giá

¹ Theo đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội tháng 10/1997 (Xem trong: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX nhiệm kỳ 2000 - 2005*, tr.3).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

phân loại chất lượng. Tỷ lệ đảng viên loại 1 ngày càng tăng, đảng viên loại 2, 3 giảm qua các năm.

Trong quá trình đổi mới và thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, Đảng bộ huyện Phú Lương thu được nhiều kết quả và có bước trưởng thành quan trọng.

Từ năm 1996 đến năm 2000, Huyện ủy Phú Lương chỉ đạo tăng cường kiểm tra trong Đảng. Nội dung kiểm tra tập trung vào kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước. Những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, sa sút về phẩm chất, đạo đức, lối sống được kiểm tra xử lý nghiêm túc. Từ năm 1996 đến năm 2000, Đảng bộ huyện Phú Lương đã xử lý kỷ luật 65 đảng viên (có 16 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng), trong số đó có 4 ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, 3 ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và 27 ủy viên cấp cơ sở.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong thời gian này còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình chưa cao, chưa thẳng thắn. Phong cách làm việc của một số lãnh đạo còn biểu hiện quan liêu. Có lúc, trong cấp ủy và một số cơ sở có biểu hiện bè phái, cục bộ, mất đoàn kết...

Nhìn chung, về công tác xây dựng Đảng trong 5 năm (1996 - 2000), *“Đảng bộ huyện có 2.738 đảng viên, gồm 46 chi, đảng bộ trực thuộc (16 đảng bộ xã, thị trấn, 30 chi bộ cơ quan) có truyền thống đoàn kết, biết dựa vào quần chúng, khơi dậy và phát huy truyền thống trong nhân dân các dân tộc. Nhân dân các dân tộc tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào đường lối đổi mới cần cù, sáng tạo trong lao động... Đảng bộ lãnh đạo nhân dân nêu cao tinh thần tự chủ, sáng tạo, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh tổng hợp phấn đấu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội Đảng bộ đề ra và thu được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực.*

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc từng bước trưởng thành¹...”.

Từ năm 1996 đến năm 2000, đặc biệt sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa VII) ngày 23/1/1995 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và hoàn thiện chính quyền, thực hiện cải cách một bước nền hành chính, Huyện ủy xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo và bố trí những cán bộ, đảng viên có năng lực, phẩm chất ứng cử các chức danh chủ chốt trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Huyện ủy. Bên cạnh đó, Huyện ủy còn đề ra chủ trương, phương hướng công tác quan trọng trong từng thời gian để lãnh đạo chính quyền thực hiện. Những vấn đề thuộc chủ trương, biện pháp lớn liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân các dân tộc trong huyện (phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, an ninh quốc phòng...), trước khi trình Hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định, các đồng chí cấp ủy viên là Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm chuẩn bị và báo cáo để Huyện ủy thảo luận, định hướng lãnh đạo, đảm bảo cho chủ trương được thực hiện thắng lợi.

Đảng bộ thường xuyên quan tâm chỉ đạo đổi mới và nâng cao hiệu lực của bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở. Huyện ủy tập trung cao cho lãnh đạo, chỉ đạo bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004 bảo đảm dân chủ đúng luật, an toàn, tiết kiệm. Tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt 99,2%, cao hơn so với bầu cử nhiệm kỳ trước. Đại biểu tỉnh, huyện bầu đủ 100% và đại biểu xã, thị trấn đạt 99%.

Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện, xã thực hiện tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của cơ quan quyền lực Nhà nước, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, nghị quyết, chuẩn bị chu đáo nội dung các kỳ họp, chủ động

¹Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIX tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

phối hợp với các ban, ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu; duy trì các cuộc họp Hội đồng nhân dân đúng thời hạn. Công tác tiếp xúc và giải quyết kiến nghị các cử tri có nhiều đổi mới, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc từ cơ sở. Ủy ban nhân dân từ huyện xuống đến xã không ngừng nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành, đặc biệt là quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường; đồng thời từng bước cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho nhân dân phát huy quyền dân chủ, đổi mới chế độ tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đổi mới nội dung và phương thức công tác, hướng hoạt động về cơ sở; thu hút ngày càng nhiều hội viên, đoàn viên tham gia. Mặt trận Tổ quốc huyện Phú Lương triển khai nhiều cuộc vận động và phong trào như: *“Xóa đói giảm nghèo”*, *“Đền ơn đáp nghĩa”*... Các cuộc vận động và phong trào góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Trong thực hiện cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*, các xã, thị trấn trong huyện đều thành lập Ban Chỉ đạo. Đến năm 2000, toàn huyện Phú Lương có 105 làng xóm đạt danh hiệu làng văn hóa, xóm văn hóa; 8.213 gia đình đạt danh hiệu *“Gia đình văn hóa”*¹. Mặt trận Tổ quốc còn phối hợp với các đoàn thể chính trị khác tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội khóa X (nhiệm kỳ 1997 - 2002), đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện với cử tri trong huyện; làm tốt công tác vận động cử tri đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp (nhiệm kỳ 1999 - 2004).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Đoàn Thanh niên Cộng sản

¹ *Báo cáo kết quả về xây dựng gia đình, xóm, phố, tiểu khu, cơ quan văn hóa.*

Hồ Chí Minh huyện tiếp tục xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong 5 năm (1996 - 2000), Đoàn thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “*Xây dựng tổ chức cơ sở đoàn vững mạnh*”, phong trào “*Thanh niên lập nghiệp*”, “*Tuổi trẻ giữ nước*” và các phong trào hành động cách mạng trên các lĩnh vực học tập, lao động, công tác. Cùng với thanh niên cả nước, trong thời kỳ mới, với khí thế “*Tuổi trẻ học tập vì ngày mai lập nghiệp*”, “*Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”, Đoàn Thanh niên huyện Phú Lương có nhiều hoạt động sôi nổi được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia, hưởng ứng, góp phần thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Lương là lực lượng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Hội từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, vận động hội viên giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, phát triển kinh tế gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo, tham gia phong trào “*Kế hoạch hóa gia đình*”. Chị em phụ nữ luôn phát huy truyền thống “*anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*” không ngừng sáng tạo, năng động, hăng hái thực hiện các phong trào thi đua do cấp trên phát động.

Trong giai đoạn này, Hội Nông dân đóng vai trò quan trọng trong thực hiện đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, áp dụng các biện pháp thâm canh... góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Hội liên kết với các doanh nghiệp giúp nông dân mua vật tư, máy nông nghiệp; tham gia các dự án hỗ trợ vốn và kỹ thuật cho nông dân; tổ chức, hướng dẫn nông dân xây dựng quỹ hội ở cơ sở... Đội ngũ cán bộ từ cơ sở đến huyện được tăng cường, số lượng hội viên không ngừng tăng lên.

Trong giai đoạn 1996 - 2000, Hội Cựu chiến binh huyện giữ

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

vai trò quan trọng trong việc tiếp tục phát huy truyền thống, bản chất “*Bộ đội Cụ Hồ*” tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, giúp nhau cải thiện đời sống, tích cực tham gia các phong trào của địa phương góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ. Với kinh nghiệm, uy tín của lớp người đi trước, bằng nhiều hình thức phù hợp, các cựu chiến binh tích cực tham gia giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống yêu quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ, phối hợp với các nhà trường tổ chức nói chuyện truyền thống cho hàng trăm nghìn lượt thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; tổ chức chương trình giao lưu văn nghệ nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, đất nước, quân đội và ngày thành lập Hội Cựu chiến binh. Những phong trào thi đua như “*Xây dựng Hội Cựu chiến binh vững mạnh*”, “*Gia đình cựu chiến binh gương mẫu*”... mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Hội.

Nhìn lại chặng đường 15 năm đổi mới, nhất là trong 5 năm (1996 - 2000), có thể khẳng định: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã giành được nhiều thắng lợi to lớn. Bộ mặt kinh tế - xã hội trong huyện có nhiều chuyển biến và ngày càng khởi sắc: Kinh tế tiếp tục phát triển, kết cấu hạ tầng được xây dựng; hoạt động văn hóa giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ; quốc phòng, an ninh được giữ vững và ổn định; Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân hoạt động ngày càng hiệu quả; đời sống nhân dân không ngừng cải thiện.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, huyện vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Kinh tế tuy có bước tiến nhưng chưa vững chắc và không đồng đều giữa các vùng; thế mạnh của từng vùng chưa được khai thác một cách hiệu quả; tiêu cực và tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp; công tác xây dựng Đảng

của Đảng bộ vẫn còn những vấn đề bất cập và chưa đáp ứng được yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới; năng lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền có mặt còn hạn chế. Đây cũng chính là những nhiệm vụ cấp bách được đề ra trong những năm tiếp theo, đòi hỏi Đảng bộ và các cấp chính quyền phải có những giải pháp thiết thực để không ngừng đưa Phú Lương phát triển đi lên cùng với đất nước.

II. Tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội (2000 - 2005)

Được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 1 đến ngày 3/12/2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XX được tổ chức. Về dự Đại hội có 149 đại biểu thay mặt cho gần 3.000 đảng viên sinh hoạt ở 46 chi bộ, đảng bộ trực thuộc Đảng bộ huyện. Các đại biểu đóng góp nhiều ý kiến quan trọng bổ sung vào Báo cáo chính trị do Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIX khởi thảo. Đại hội đánh giá khái quát chặng đường 15 năm đổi mới, tổng kết công tác nhiệm kỳ 1996 - 2000 và đề ra phương hướng nhiệm kỳ 2000 - 2005 với mục tiêu tổng quát là: *“Từng bước đưa nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao và bền vững. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trong tổng thu nhập kinh tế của huyện; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; nâng cao dân trí và tiến bộ xã hội; củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”*¹. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra 10 chỉ tiêu cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng:

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005), tr.7.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG _____

- Tổng sản lượng lương thực quy thóc hàng năm tăng 3,5% - 4%.
- Thu ngân sách mỗi năm tăng 10%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2005 tăng từ 25 - 30% so với năm 2000.
- Mỗi năm trồng mới 200ha rừng; 140ha chè, 80ha cây ăn quả.
- Giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân mỗi năm từ 8 - 10%.
- Giảm tỷ suất sinh thô hàng năm 0,5‰.
- Cơ bản xóa bỏ hộ đói, giảm hộ nghèo.
- 50% làng trở lên đạt tiêu chuẩn “Làng văn hóa”.
- 80% số xã, thị trấn hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, trong đó có trên 70% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã chỉ đạo xây dựng và thông qua 10 đề án, chương trình công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2000 - 2005:

- 1- Đề án phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè.
- 2- Đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- 3- Đề án phát triển kinh tế trang trại.
- 4- Đề án phát triển cơ sở hạ tầng.
- 5- Đề án xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất thông qua việc thực hiện chuyển đổi và xây dựng hợp tác xã theo luật.
- 6- Đề án phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- 7- Đề án xây dựng gia đình, làng, cơ quan văn hóa.

8- Chương trình phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

9- Đề án xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh.

10- Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX gồm 31 ủy viên. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Đỗ Mạnh Hùng được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy; các đồng chí Lê Thiện Đán và Nông Văn Trân được bầu làm Phó Bí thư¹.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng “*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Lương đến năm 2010*” (được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt ngày 11/1/2002). Theo quy hoạch, huyện Phú Lương chia 3 vùng kinh tế:

Vùng Tây Bắc gồm 3 xã khu vực phía Bắc (Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đổ) và 3 xã khu vực phía Tây (Ôn Lương, Hợp Thành, Phú Lý) với tổng diện tích tự nhiên là 156,56km². Vùng Tây Bắc huyện là khu vực có diện tích rừng lớn (cả rừng tự nhiên và rừng trồng), trong đó rừng tự nhiên là rừng đầu nguồn, có ý nghĩa phòng hộ quan trọng. Bên cạnh đó, điều kiện tự nhiên (địa hình, đất đai, sông, suối...) thích hợp trồng các loại cây hằng năm (lúa, ngô...) và cây công nghiệp lâu năm như chè, cây ăn quả. Vùng Tây Bắc có nhiều điều kiện để mở rộng liên kết kinh tế với huyện khu vực phía Tây Bắc của tỉnh (huyện Định Hóa).

Vùng Đông gồm 4 xã (Yên Lạc, Phú Đô, Tức Tranh, Vô

¹ Tháng 11/2002, đồng chí Nông Văn Trân chuyển công tác, đồng chí Lê Thiện Đán giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (đến tháng 8/2006); đồng chí Nguyễn Toàn Dũng - Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Tranh) với diện tích tự nhiên 107,64km². Đất đai của vùng chủ yếu là đất phù sa, đất nâu vàng trên đất phù sa cổ, đất nâu đỏ trên đá vôi. Sông Cầu chảy qua địa phận 4 xã trong vùng vừa cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt vừa có giá trị về giao thông đường thủy. Vùng Đông có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển trồng trọt với các loại cây trồng như: Cây lương thực, cây công nghiệp hằng năm và cây chè.

Vùng Nam gồm thị trấn Đu, thị trấn Giang Tiên và các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm với diện tích tự nhiên 104,61km². Vùng tập trung nhiều tài nguyên khoáng sản như: Mỏ than ở Phấn Mễ, đất cao lanh ở Cổ Lũng, Phấn Mễ; mỏ titan ở Động Đạt. Đây là vùng kinh tế phát triển nhất huyện, tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, các đầu mối thương mại và dịch vụ. Trong quy hoạch đến năm 2010, vùng Nam sẽ hình thành một vùng động lực trung tâm, có trình độ phát triển cao (khu vực giữa các thị trấn Giang Tiên và Đu) và một vùng phát triển nhỏ hơn ở khu vực phía Nam. Vùng tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo môi trường thuận lợi thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

Việc bố trí không gian lãnh thổ hợp lý (phân 3 vùng kinh tế) như trên thể hiện sự nhận thức đúng đắn về các lợi thế của huyện, các quy luật phát triển kinh tế. Từ đó, các cấp chính quyền có thể dễ dàng khai thác, quản lý những thế mạnh theo đặc điểm của vùng.

Kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Kinh tế tập thể luôn được Đảng và Nhà nước khuyến khích phát triển và được khẳng định trong các nghị quyết Đại hội Đảng. Ngày 20/3/1996, Quốc hội thông qua Luật Hợp tác xã nhằm phát huy vai trò quan trọng của kinh tế hợp tác, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã trong nền kinh tế

hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chủ trương chuyển đổi, thành lập hợp tác xã mới của Trung ương và tỉnh Thái Nguyên, khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực (ngày 1/1/1997), Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương khóa XIX chỉ đạo chuyển đổi 2 hợp tác xã: Hợp tác xã Xuân Phú, xã Ôn Lương (tháng 12/1998) và hợp tác xã Liên Sơn, xã Sơn Cẩm (tháng 3/1999). Sau đó, Huyện ủy chỉ đạo chuyển đổi một số hợp tác xã khác trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, các hợp tác xã sau chuyển đổi hoạt động yếu kém; không huy động xã viên đóng góp cổ phần, triển khai phương hướng kinh doanh và thực hiện việc chuyển đổi thành lập mới còn chậm.

Trước thực trạng đó, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ 2 (khóa XX) xác định: *“Củng cố quan hệ sản xuất thông qua chuyển đổi và xây dựng hợp tác xã mới là một trong 10 đề án công tác toàn khóa nhằm lãnh đạo thắng lợi nhiệm vụ chính trị do Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ XX (2000 - 2005) đề ra”*.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện ban hành *“Đề án củng cố quan hệ sản xuất thông qua việc chuyển đổi, thành lập mới hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005”* (Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 1/3/2002). Mục tiêu của Đề án nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực trong việc chuyển đổi và thành lập mới hợp tác xã; các hợp tác xã chuyển đổi và thành lập mới hoạt động tốt, hiệu quả kinh tế cao hơn, góp phần từng bước nâng cao đời sống kinh tế cho xã viên, tăng tính đoàn kết cộng đồng.

Bước vào triển khai Đề án, Huyện ủy chỉ đạo chính quyền và các ban, ngành đặt công tác tuyên truyền lên hàng đầu. Công tác tuyên truyền được triển khai với nhiều hình thức phong phú như: trên hệ thống phát thanh, truyền hình; tuyên truyền

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

lưu động; tổ chức hội thi “*Thanh niên với công tác chuyển đổi thành lập mới hợp tác xã theo luật*”... Các Ban Chỉ đạo thường xuyên gặp gỡ, giải đáp những khúc mắc của nhân dân. Từ năm 2001 đến năm 2005, huyện tổ chức 70 lớp tập huấn “*Luật Hợp tác xã*” với hơn 3.000 lượt người tham dự. Những nỗ lực bước đầu thu được kết quả bằng sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân, sự chỉ đạo thực hiện của cấp ủy, chính quyền, ban ngành, đoàn thể các cấp. Sau 5 năm tổ chức thực hiện Đề án (đến năm 2005), toàn huyện chuyển đổi và thành lập mới 23 hợp tác xã (vượt chỉ tiêu đề ra, chỉ còn xã Yên Trạch và thị trấn Du chưa thành lập hợp tác xã), tập trung vào các loại hình: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, hợp tác xã công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã dịch vụ điện và các tổ hợp tác.

Trên địa bàn huyện chuyển đổi và thành lập 9 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp có quy mô khác nhau (xóm, liên xóm, toàn xã). Các hợp tác xã mở rộng và nâng cao chất lượng phục vụ các dịch vụ gồm: dịch vụ thủy lợi, dịch vụ vật tư nông nghiệp về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cung ứng giống lúa, dịch vụ khoa học kỹ thuật... Một số hợp tác xã nhanh chóng thích nghi với cơ chế thị trường, tổ chức quản lý khai thác các nguồn lực tại chỗ đã mang lại lợi nhuận, góp phần cải thiện đời sống xã viên như: Hợp tác xã Cúc Lùng xã Phú Đô, Hợp tác xã xóm Hạ xã Yên Đỗ, Hợp tác xã Liên Sơn xã Sơn Cẩm, Hợp tác xã Vô Tranh, Hợp tác xã Tứ Tranh... Trong quá trình hoạt động, một số hợp tác xã nắm bắt nhu cầu thị trường, mở thêm hướng kinh doanh mới; điển hình trong số đó là Hợp tác xã Tứ Tranh (có 14 xe vận tải). Ban Quản trị năng động, tìm tòi liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để vận chuyển hàng hóa, tạo việc làm ổn định cho các xã viên; đồng thời tăng lợi nhuận cho hợp tác xã (bình quân mỗi năm khoảng 30 triệu đồng).

Phát triển từ những tổ khai thác vật liệu xây dựng, giai đoạn này trên địa bàn huyện hình thành 4 hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đặc điểm chung của các hợp tác xã là quy mô nhỏ, chủ yếu khai thác tận thu nguồn nguyên liệu tại chỗ, công cụ sản xuất là máy móc công suất nhỏ kết hợp lao động thủ công, vốn đầu tư ít nên khối lượng hàng hóa tạo ra không lớn. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng các hợp tác xã này đã biết khai thác hiệu quả điều kiện sẵn có, đáp ứng được yêu cầu về lao động và thu nhập cho xã viên. Thu nhập bình quân hàng tháng của xã viên trong các hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp từ 300.000 - 500.000 đồng/người.

Hợp tác xã dịch vụ điện là một mô hình mới, có tính chất và đặc thù riêng bởi sự độc lập, ít sự cạnh tranh trên thị trường. Sự ra đời và hoạt động của hợp tác xã dịch vụ điện giải quyết được yêu cầu về số lượng, chất lượng ngày càng tăng của người sử dụng điện, giúp giảm giá bán điện từ 15 - 20% so với trước. Hầu hết các hợp tác xã dịch vụ điện đều hoạt động hiệu quả, doanh thu tăng, có tích lũy, điển hình như Hợp tác xã dịch vụ điện Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng... Bên cạnh đó, còn một vài hợp tác xã khâu tổ chức quản lý chưa chặt chẽ, hiệu quả hoạt động chưa cao (như Hợp tác xã dịch vụ điện Phú Đô, Yên Lạc).

Tổ hợp tác tổ chức theo quy mô nhóm hộ như: nhóm sản xuất gạch Làng Phan, tổ mây tre đan xuất khẩu Ôn Lương, Yên Trạch, nhóm nuôi ong, tổ dịch vụ thủy lợi, nhóm khoanh nuôi bảo vệ rừng... Sự hoạt động của các tổ hợp tác khá năng động theo mùa vụ, công việc, khi cần có sự hợp tác về kỹ thuật, lao động và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu thị trường.

Từ năm 2001 đến năm 2005, các hợp tác xã, tổ hợp tác được chuyển đổi, thành lập mới theo luật từng bước phát huy vai trò

tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, xã viên tham gia hợp tác xã đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, góp vốn, cùng có lợi. Nhiều hợp tác xã chuyển đổi, thành lập mới có điểm xuất phát thấp nhưng với tinh thần tự chủ, sau một thời gian đã tổ chức được nhiều ngành nghề mới như: Hợp tác xã Túc Tranh, Hợp tác xã Liên Sơn, xã Sơn Cẩm, Hợp tác xã Cúc Lùng, xã Phú Đô.

Đảng bộ Phú Lương coi “Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa” là một trong những nội dung hàng đầu để phát triển kinh tế, bước đột phá quan trọng để thay đổi cơ cấu ngành của huyện theo hướng tăng nhanh về giá trị sản xuất nông nghiệp, nhưng giảm tỷ trọng trong cơ cấu ngành kinh tế, đồng thời tăng hiệu quả kinh tế trong nội ngành (cả chăn nuôi và trồng trọt).

Để khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế trong lĩnh vực nông nghiệp, cấp ủy, chính quyền chú trọng chỉ đạo đẩy mạnh việc tu sửa, xây dựng hệ thống thủy lợi để đáp ứng được nhu cầu tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp. Phong trào cứng hóa kênh mương nội đồng dẫn nước tưới, tiêu được nhiều địa phương triển khai và thực hiện có hiệu quả, tiêu biểu là các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng và thị trấn Du... Hệ thống thủy lợi giúp điều tiết nguồn nước luôn hợp lý, kịp thời, linh động đảm bảo cho yêu cầu sản xuất; đây là điều kiện cơ bản để thực hiện sản xuất thắng lợi.

Từ năm 2000 đến năm 2005, cấp ủy chỉ đạo thực hiện nhiều chương trình chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa các giống mới có năng suất cao vào gieo trồng. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trạm Khuyến nông phối hợp với các ngành, đoàn thể và chính quyền cơ sở tổ chức hàng trăm lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, bảo vệ thực vật cho hàng nghìn lượt nông dân tham dự. Từ đó, nhân dân các dân tộc trong huyện nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của khoa học kỹ thuật và tích cực tiếp thu, ứng dụng vào sản

xuất. Trong giai đoạn này, huyện xây dựng các mô hình trồng lúa như: mô hình lúa lai Q.Ưu số 1, LS1 ở xóm Tràng Học (xã Phấn Mễ); mô hình ngô giống NK981 tại xã Yên Ninh... Đồng thời, việc khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, thâm canh tăng năng suất được đẩy mạnh, tạo ra sự chuyển biến tích cực về cơ cấu giống cây trồng. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp của huyện từ năm 2000 đến năm 2005 có bước phát triển khá, năng suất và sản lượng lương thực tăng qua các năm: Năm 2000 tổng sản lượng lương thực đạt 29.773 tấn¹, đến năm 2005 tăng lên 38.953 tấn² (vượt 6,2% kế hoạch tỉnh giao). Bên cạnh lúa, nhiều giống rau, củ, quả có hiệu quả kinh tế được đưa vào gieo trồng. Mô hình phát triển nông thôn bền vững ở xóm Đồng Xiền xã Yên Lạc với sự giúp đỡ của Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam tiếp tục được đầu tư, củng cố và phát triển.

Chè là cây công nghiệp truyền thống và được xác định là cây trồng mũi nhọn của huyện. Vì vậy, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XX đề ra nhiều giải pháp phát triển cây chè. Trên cơ sở đó, năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện ban hành “*Đề án phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè huyện Phú Lương 2001 - 2005*” nhằm phát triển đồng bộ cả sản xuất, chế biến và tiêu thụ tương xứng với tiềm năng của huyện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cây chè. Từ đó, đưa cây chè trở thành cây thoát nghèo và có thể làm giàu trên quê hương Phú Lương.

Thực hiện “*Đề án phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005*”, huyện thành lập Ban Chỉ đạo dự án phát triển chè. Các xã thành lập Ban Chỉ đạo

¹ Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.121.

² Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.121.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

có nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình phát triển cây chè của địa phương mình. Để đạt được kết quả cao khi thực hiện Đề án, các giải pháp chủ yếu được đưa ra như: Quy hoạch, bố trí sản xuất xác định vùng nguyên liệu cho chế biến phù hợp; tập trung thâm canh, cải tạo, trồng mới; xây dựng hạ tầng cơ sở; nâng cao chất lượng chế biến, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và đưa ra một số chính sách cho chương trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè.

Nét nổi bật trong thực hiện “*Đề án phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè giai đoạn 2001 - 2005*” là huyện đã chú trọng và đặt lên hàng đầu vấn đề ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chọn giống có năng suất, chất lượng cao, có đặc tính sinh trưởng phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho người sản xuất chè bằng nhiều hình thức khác nhau như: Tập huấn kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tổ chức giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các hộ sản xuất vùng chè (ở các xã Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phú Đô...) với các xã khác trên địa bàn huyện; phối hợp với Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân mở lớp đào tạo nghề sản xuất chè, tổ chức cuộc thi tìm hiểu kỹ thuật sản xuất chè hay tham quan các mô hình trình diễn... Từ năm 2001 đến năm 2005, huyện đã tổ chức 386 lớp tập huấn với 17 nghìn lượt người tham gia, 15 lớp IPM¹, 3 lớp dạy nghề sản xuất chè, 16 cuộc tham quan, hội thảo đầu bờ tại các xã Tức Tranh, Phú Đô, Vô Tranh và tại huyện Đồng Hỷ. Thông qua dự án chè tỉnh Thái Nguyên, có 1.080 tạp chí, 1.800 sổ tay kỹ thuật² đã được chuyển tới người sản xuất chè, giúp

¹ Lớp IPM: Quản lý dịch tổng hợp hay điều khiển dịch hai tổng hợp bằng các biện pháp.

² *Đề án nâng cao sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè giai đoạn 2006 - 2010* (ban hành kèm theo Quyết định số 1469/QĐ-UB ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương), tr.3.

trang bị thêm kỹ thuật thâm canh, trồng mới, chế biến, cải tạo chè cũng như tìm hiểu thêm thông tin về thị trường, giá cả cho người trồng chè. Đến năm 2005, toàn huyện có 15 vườn ươm chè, cho ra giống đạt tiêu chuẩn chất lượng, có tỷ lệ sống cao để cung cấp cho các hộ trồng chè trên địa bàn huyện.

Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng tại các vùng chuyên sản xuất chè được chú trọng. Trong giai đoạn này, Huyện ủy chỉ đạo lập quy hoạch thủy lợi vùng đồi (tập trung ở 3 xã Tức Tranh, Vô Tranh và Phú Đô) - tạo bước đột phá trong sản xuất và thâm canh chè của Phú Lương. Cùng với đó, huyện đầu tư xây dựng các trạm bơm, cải tạo hồ đập nhằm phục vụ tốt việc sản xuất thêm vụ chè đông (vụ mang lại lợi nhuận cao nhất cho người trồng chè). Nhờ đó, năng suất, sản lượng, chất lượng chè ngày càng được nâng cao. Sau 5 năm (đến năm 2005) thực hiện đề án, toàn huyện trồng mới được 698ha chè (trong đó có 226ha chè cành giống mới như LDP1, LDP2, 777...) nâng tổng diện tích chè toàn huyện lên 3.063ha¹; cải tạo trên 1.272ha chè xuống cấp. Tổng sản lượng chè búp tươi tăng từ 16.578 tấn (năm 2000) lên 23.117 tấn (năm 2005)². Vùng sản xuất chè hàng hóa được hình thành, tập trung ở các xã Tức Tranh, Vô Tranh, Phú Đô và Yên Lạc, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống nhân dân, thu hút hơn 25.000³ lao động cho sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè.

Trong giai đoạn này, hoạt động chế biến chè theo phương pháp thủ công và bán công nghiệp vẫn chiếm phần lớn. Do

¹ *Niên giám thống kê năm 2009*, Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.139

² *Niên giám thống kê năm 2009*, Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.139.

³ *Đề án nâng cao sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè giai đoạn 2006 - 2010* (Ban hành kèm theo *Quyết định số 1469/QĐ-UB ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương*), *Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010*, tr.26.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

điện lưới phủ hầu khắp địa bàn huyện, đáp ứng yêu cầu điện năng cho sản xuất nên nhiều hộ mạnh dạn vay vốn đầu tư mua sắm máy móc để chế biến chè như máy vò, tôn sao lắp mô tơ... Số lượng máy chế biến chè tăng nhanh, đến năm 2005, toàn huyện có 8.037 máy tôn sao chè (trong đó máy gắn mô tơ chiếm 72%)¹, 6.496 máy vò chè. Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện có một số cơ sở chế biến chè theo hướng công nghiệp như: Xí nghiệp chè Tức Tranh, Công ty trà Phú Lương, Nhà máy chè Nông trường Phú Lương. Tuy nhiên, các cơ sở này chưa phát triển được vùng nguyên liệu, không chủ động được nguồn nguyên liệu cho chế biến nên công suất hoạt động còn ít (chưa đến 50%)...

Tuy có nhiều cố gắng nhưng sản lượng chế biến công nghiệp đạt thấp nên việc tiêu thụ chè thông qua các doanh nghiệp cũng không nhiều. Đa số sản phẩm chè do người sản xuất tự chế biến và tiêu thụ tại các chợ nông thôn thông qua tư thương. Các cơ sở chế biến công nghiệp chủ yếu là sơ chế sản phẩm và nhập cho đơn vị khác, chưa có đơn vị tìm được thị trường tiêu thụ trực tiếp đến tay người tiêu dùng.

Kinh tế trang trại, gia trại là xu hướng phát triển tất yếu của quá trình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhằm thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương xây dựng “*Đề án phát triển kinh tế trang trại huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2006*”.

Bằng sự tìm tòi, năng động vươn lên khắc phục mọi khó khăn, một số hộ trên địa bàn đã phát triển kinh tế hộ gia đình thành những trang trại điển hình. Đến năm 2005, toàn huyện

¹Năm 2001, toàn huyện chỉ có 5.587 máy tôn sao chè, trong đó phần lớn là máy quay bằng tay.

có 57 trang trại (năm 2001 có 50 trang trại) phát triển ở 11 xã và thị trấn. Yên Lạc là xã có nhiều trang trại nhất huyện (14 trang trại). Nếu như trước đây, mô hình chủ yếu là trang trại nông - lâm kết hợp sử dụng lao động theo hộ (tập trung ở các xã có diện tích đồi rừng, đất lâm nghiệp lớn như Yên Lạc, Phủ Lý) thì đến năm 2005, trên địa bàn huyện đã xuất hiện trang trại kinh doanh tổng hợp gồm cả trồng trọt, chăn nuôi và làm dịch vụ (có thuê thêm lao động) với quy mô tương đối lớn. Trang trại kinh doanh tổng hợp hoạt động theo phương thức lấy ngắn nuôi dài, tạo thành một chu trình khép kín trong sản xuất nên tính hiệu quả cao. Bên cạnh đó, huyện có 3 trang trại trồng cây lâu năm chủ yếu trồng vải, nhãn nhưng do giá thành sản phẩm thấp nên ảnh hưởng đến sự phát triển và đầu tư của mô hình trang trại này.

Điểm nổi bật trong kinh tế trang trại giai đoạn này là sự xuất hiện và phát triển của trang trại chăn nuôi. Loại hình trang trại này góp phần thay đổi cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi. Các trang trại chăn nuôi không đòi hỏi diện tích đất lớn, cho doanh thu cao, thu hồi vốn nhanh. Nếu như năm 2001, trên địa bàn huyện chưa có trang trại chăn nuôi nào thì đến năm 2005, có 14 trang trại, trong đó, có 5 trang trại chăn nuôi gia cầm, mỗi năm nuôi từ 4 - 5 lứa, mỗi lứa nuôi 8.000 - 10.000 con theo phương thức liên doanh, liên kết, chủ yếu tập trung ở các xã khu vực phía Nam của huyện¹, vì đây là nơi gần thị trường tiêu thụ. Một số trang trại chăn nuôi bò theo hình thức bán chăn thả được nhiều hộ áp dụng. Từ các mô hình kinh tế này, nhiều hộ thoát nghèo góp phần làm cho bộ mặt nông thôn Phú Lương ngày càng thay da đổi thịt. Bên cạnh đó, sự đi lên của hoạt động

¹ Đề án tiếp tục phát triển kinh tế trang trại huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1486 ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương), Đề án phát triển kinh tế, xã hội huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010, tr.35.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chăn nuôi truyền thống (chăn nuôi ở các hộ gia đình) tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, ổn định. Hướng phát triển ngành chăn nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện đã khai thác tối đa tiềm năng sẵn có, huy động mọi nguồn lực, tạo công ăn việc làm, thu hút nhiều lao động nhàn rỗi, tăng thu nhập và cải thiện đời sống gia đình.

Để khắc phục tình trạng các chủ trang trại lúng túng trong phương hướng sản xuất, kinh doanh, thiếu kiến thức quản lý..., Ủy ban nhân dân huyện triển khai dự án “*Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để xây dựng và phát triển mô hình kinh tế hộ nông - lâm nghiệp bền vững*”. Thông qua dự án, nhiều lớp tập huấn, hội thảo được tổ chức. Nhiều chủ trang trại sau khi được tập huấn, đào tạo đã đưa nhiều giống cây, con mới áp dụng quy trình khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất như lát Mêxicô, măng Bát Độ, măng Điền Trúc, chè lai trồng cành, bò lai Sind, lợn ngoại... và có kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành.

Sự phát triển của kinh tế trang trại tạo ra một khối lượng sản phẩm hàng hóa vượt trội. Tổng giá trị sản lượng hàng hóa năm 2004 đạt hơn 7 tỷ đồng (gấp 8 lần năm 2000). Tổng số lao động trong các trang trại là 263 người (trong đó lao động của các chủ hộ trang trại là 167 người, lao động thuê mướn thường xuyên là 80 người) và số lao động thuê theo thời vụ khoảng 200 - 250 người¹. Một số trang trại đã góp phần sản xuất và cung ứng giống tốt, làm dịch vụ kỹ thuật cho nông dân trong vùng. Sự phát triển của kinh tế trang trại góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập, khuyến khích làm giàu đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, chuyển dịch lao

¹ *Đề án tiếp tục phát triển kinh tế trang trại huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010* (Ban hành kèm theo Quyết định số 1486 ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương), *Đề án phát triển kinh tế, xã hội huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010*, tr.35.

động nông nghiệp sang làm các ngành phi nông nghiệp, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa trong nông nghiệp, nông thôn.

Là huyện miền núi, Phú Lương có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế rừng. Từ năm 2000 đến năm 2005, Huyện ủy tiếp tục chủ trương khuyến khích nhân dân đẩy mạnh trồng rừng, phát động phong trào trồng cây nhân dân nhằm phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ môi sinh, môi trường. Sau khi tiến hành giao đất, giao rừng cho hộ nông dân, ý thức chăm sóc, bảo vệ rừng của người dân được nâng cao, đồng thời chủ động hơn trong đầu tư, khai thác khu đất được giao. Cùng với nguồn vốn đầu tư của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án, nhân dân đầu tư để trồng, chăm sóc, bảo vệ hàng nghìn héc-ta rừng. Nguồn lợi từ kinh tế đồi rừng tiếp tục trở thành nguồn thu chiếm tỷ trọng khá, nhiều gia đình thoát nghèo và vươn lên làm giàu từ kinh tế đồi rừng. Trong 5 năm, toàn huyện trồng mới được 1.509,4ha rừng.

Công nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất của nền kinh tế quốc dân, có khả năng tạo ra động lực cho sự phát triển của các ngành kinh tế khác. Với các điều kiện tự nhiên thuận lợi như: Tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng, hệ thống giao thông thuận tiện, gần trung tâm công nghiệp luyện kim và cơ khí chế tạo là thành phố Thái Nguyên..., Phú Lương có nhiều khả năng để phát triển một cơ cấu công nghiệp hợp lý.

Để khai thác hết tiềm năng, thế mạnh và tạo đà cho sự phát triển kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung trí tuệ, kinh nghiệm và sự sáng tạo để tìm ra những hướng đi mới. Đảng bộ Phú Lương có những chủ trương đúng đắn để phát triển, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

XX khẳng định: “*Quy hoạch và hình thành cơ cấu công nghiệp hợp lý trên địa bàn huyện, coi trọng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ; công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu... tranh thủ công nghiệp của Trung ương, của tỉnh trên địa bàn huyện để phát triển công nghiệp khai thác, sản xuất vật liệu... phát triển các ngành nghề sản xuất thủ công nghiệp truyền thống, mở mang các ngành nghề mới*”¹. Trên cơ sở đó, năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện ban hành “*Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005*”.

Chiến lược phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng bộ huyện Phú Lương nằm trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế, trong đó mấu chốt là chuyển dịch cơ cấu ngành, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn và “*Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005*” thổi luồng sinh khí mới vào công cuộc xây dựng, kiến thiết quê hương.

Nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động, trong quá trình triển khai đề án, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy kết hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng của phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Công tác tuyên truyền không chỉ dừng lại ở các lớp tập huấn, hội nghị mà còn được lồng ghép vào trong các phong trào thi đua như: thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phong trào sản xuất kinh doanh giỏi... Nhờ đó, đề án được các xã, thị trấn hưởng ứng, quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Công nghiệp Trung ương và tỉnh đóng trên địa bàn huyện

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005), tr.8.

tiếp tục phát triển. Các cơ sở công nghiệp như: Mỏ than Phấn Mễ, Công ty Xây dựng và Khai thác than Thái Nguyên, Mỏ than Khánh Hòa... tập trung khai thác, nâng cao sản lượng. Tỉnh đầu tư xây dựng một nhà máy chè ở Nông trường Phú Lương phục vụ chế biến chè khu vực phía Bắc của huyện. Năm 2002, mỏ quặng titan ở Cây Châm (xã Động Đạt) trữ lượng 4 triệu tấn đi vào khai thác. Bên cạnh đó, giai đoạn này các mỏ quặng chì, kẽm ở Yên Lạc, mỏ đá Suối Bén (xã Yên Ninh), mỏ đá Núi Chuông (xã Động Đạt) được tỉnh bắt đầu cho phép khai thác tận thu.

Dựa trên thực trạng phát triển ngành nghề của địa phương, Đảng bộ chủ trương hướng trọng tâm hàng đầu là khai thác triệt để các tiềm năng sẵn có, từ đó chú trọng phát huy thế mạnh của các ngành nghề truyền thống như: sản xuất vật liệu xây dựng, gạch ở Giang Tiên, Phấn Mễ; cát sỏi ở Phú Đô, Vô Tranh; chế biến gỗ ở thị trấn Đu... Những nghề truyền thống từng bước phát triển thành làng nghề như: mây tre đan, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu tại các xã Yên Trạch, Ôn Lương, Hợp Thành; bánh chưng Bờ Đậu... Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp lớn tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: Công ty chè Phú Lương, doanh nghiệp Bảo Sơn (xã Giang Tiên), doanh nghiệp Thanh Thanh Trà (xã Vô Tranh)... Điểm mới trong sự phát triển tiểu thủ công nghiệp trong giai đoạn này là toàn huyện thành lập 6 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp¹.

Đến năm 2005, trên địa bàn huyện có 703 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (tăng 314 cơ sở so với năm 2001). Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

¹ Đề án tiếp tục phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UB ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương), Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010, tr.45.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

năm 2005 đạt 40 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm là 17,3%. Số lao động thường xuyên hoạt động đến cuối năm 2005 là 2.505 người, thu nhập bình quân đầu người đạt 500.000 đồng/tháng¹.

Tuy nhiên, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: Sản xuất mang tính tự phát; chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường; các ngành nghề chưa phát triển chắc chắn và có sự chuyển biến lớn; công tác giải phóng mặt bằng, hoàn thiện thủ tục hành chính để hình thành các khu công nghiệp nhỏ và lập các dự án đầu tư phát triển sản xuất còn chậm và lúng túng ...

Thành công bước đầu trong thực hiện “*Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005*” đã tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân Phú Lương tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, coi đây là chiến lược mang tính xuyên suốt. Việc cụ thể hóa Nghị quyết Đảng bộ khóa XX không chỉ phản ánh tinh thần chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng bộ cấp trên mà thể hiện năng lực nắm bắt và đón đầu xu thế trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên quê hương Phú Lương.

Kinh tế nông - lâm nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển đúng hướng là điều kiện tốt tạo sự chuyển biến tích cực trong ngành thương mại - dịch vụ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Các trung tâm xã và hệ thống chợ được quy hoạch, đầu tư xây dựng, nâng cấp, tạo điều kiện cho giao lưu, trao đổi hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện. Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh,

¹ *Đề án tiếp tục phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005* (Ban hành kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UB ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương), *Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010*, tr.45-46.

chất lượng dịch vụ được cải thiện. Đến năm 2005, 100% xã, thị trấn có điện thoại, bưu cục và điểm bưu điện văn hóa xã. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ tin học, khoa học kỹ thuật, y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao có những bước phát triển khá hơn so với trước năm 2001.

Để phục vụ chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, công tác xây dựng cơ bản tập trung vào việc nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng được Huyện ủy đặc biệt quan tâm. Năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện ban hành “*Đề án phát triển cơ sở hạ tầng huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005*”. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, sự quan tâm của các cấp, các ngành và hoạt động tích cực của Ban Chỉ đạo, nhiều mục tiêu của Đề án đã đạt và vượt kế hoạch, tạo nên bộ mặt mới ở đô thị và nông thôn, tác động tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội.

Từ năm 2000 đến năm 2005, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, ngành điện phối hợp với các ngành liên quan huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình điện. Đến hết năm 2002, huyện đầu tư lắp đặt 71 trạm biến áp; 100% xã, thị trấn có điện lưới Quốc gia (vượt mục tiêu đề án). Đến năm 2005 là 95,4% (chỉ còn 3 “*xóm trắng*” chưa có điện lưới Quốc gia)¹. Tổng giá trị thực hiện các công trình điện trong 5 năm đạt 38,96 tỷ đồng.

Về giao thông, trong 5 năm, Huyện ủy chỉ đạo tập trung xây dựng các công trình giao thông trọng điểm. Phong trào bê tông hóa đường giao thông nông thôn diễn ra ở khắp các xã. Năm 2001, toàn huyện có 126,5km đường liên xã, chủ yếu là đường đất (chỉ một số ít được cấp phối). Năm 2002 - 2003, huyện đầu

¹ *Đề án phát triển cơ sở hạ tầng huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010* (Ban hành kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương), *Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010*, tr.57.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tư, nâng cấp rải nhựa 2 tuyến đường Giang Tiên - Phấn Mễ và Đu - Ôn Lương thành đường cấp 6 miền núi với chiều dài 35km. Năm 2004, tuyến đường Đu - Yên Lạc được nâng cấp rải nhựa thành đường giao thông nông thôn loại A. Các xã Tứ Tranh, Yên Đổ, Động Đạt bê tông hóa được 4,1km đường giao thông nông thôn. Đến hết năm 2005, 6/13 tuyến đường trên địa bàn huyện được đầu tư theo Chương trình bê tông hóa (đạt 92% so với mục tiêu đề án), làm mới 6 cây cầu lớn có giá trị 500 triệu đồng trở lên, 268 xóm có đường cho xe cơ giới. Tổng giá trị đầu tư xây dựng các công trình giao thông từ năm 2001 đến năm 2005 đạt 46,145 tỷ đồng¹. Bên cạnh đó, nhiều công trình nước sạch được xây dựng, đưa vào sử dụng.

Trong 5 năm (2001 - 2005), huyện đầu tư xây dựng, hoàn thiện đưa vào sử dụng 224 phòng học cao tầng, 119 phòng học cấp 4 tại các xã, thị trấn thông qua các chương trình xóa phòng học tạm, kiên cố hóa trường, lớp học và sự đóng góp của nhân dân. Năm 2005, 26 phòng học cấp 4 tại trường Tiểu học Yên Trạch I, trường Tiểu học Động Đạt II và trường Tiểu học Phấn Mễ do tổ chức “*Đông Tây hội ngộ*”² tài trợ được đưa vào sử dụng... Tổng giá trị thực hiện các công trình trường học là 22,69 tỷ đồng.

Huyện ủy chỉ đạo tập trung đầu tư xây dựng khu trung tâm y tế huyện đảm bảo yêu cầu đề ra, đồng thời tích cực xây dựng và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã bằng nhiều nguồn vốn khác nhau. Đến năm 2005, 15 xã, thị trấn có trạm y tế bán kiên cố,

¹ Đề án phát triển cơ sở hạ tầng huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 24/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương), Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010, tr.56.

² Tổ chức Đông Tây hội ngộ là tổ chức phi chính phủ hoạt động ở Đông Nam Á và Đông Á, được thành lập năm 1988. Tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, giáo dục, vệ sinh và nước sạch nhằm giúp cho người dân châu Á đạt được sự tự túc.

tổng giá trị thực hiện là 5,4 tỷ đồng.

Trong giai đoạn này, nhiều công trình phúc lợi khác được đầu tư xây dựng như: Nhà làm việc của các cơ quan của huyện, Trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, nhà văn hóa xóm, nghĩa trang liệt sỹ, bưu điện văn hóa xã, thị trấn; các chợ trên địa bàn (chợ Đu, chợ Phấn Mễ); xây dựng bãi chôn lấp rác thải ở thị trấn Đu; lập quy hoạch thị tứ ở 2 xã Yên Đổ, Sơn Cẩm và quy hoạch các khu công nghiệp mở...

Bên cạnh nguồn vốn đầu tư của tỉnh, ngân sách huyện, Huyện ủy chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc kết hợp với Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... vận động nhân dân tích cực tham gia đóng góp tiền của, công sức cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình xây dựng cơ bản với phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*". Việc huy động sức dân được thực hiện dân chủ, công khai, hiệu quả, quản lý chặt chẽ, phát huy quyền làm chủ của người dân; vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, vừa khơi dậy ý thức tập thể, phát huy tinh thần cộng đồng, tăng cường tình đoàn kết, gắn bó trong nhân dân.

Hoạt động của các ngành tài chính, tín dụng cũng có chuyển biến tích cực, đồng bộ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thu ngân sách tăng bình quân hàng năm khoảng 13%. Huyện ủy chỉ đạo tăng cường quản lý và thường xuyên kiểm tra chi ngân sách theo kế hoạch, thực hiện tiết kiệm chi, tăng chi cho phát triển kinh tế, xã hội. Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ "*về chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn*" được huyện thực hiện nghiêm túc. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội... luôn tạo điều kiện để cơ sở sản xuất, kinh doanh và cá nhân tiếp cận các nguồn vốn vay cho sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự điều hành của Ủy ban nhân dân huyện, sự chung tay của các cấp, ngành, đoàn thể và nhân dân, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng trong 5 năm (từ năm 2000 đến năm 2005) kinh tế của huyện vẫn tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá và tương đối ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm đạt 8,62%; công nghiệp và xây dựng tăng 13,93%, nông, lâm nghiệp 4,3%, thương mại dịch vụ 12%; tỷ trọng nông, lâm nghiệp chiếm 37,32%, dịch vụ 44,92%, công nghiệp xây dựng 17,77%¹.

Quan triệt quan điểm của Đảng bộ coi giáo dục và đào tạo là “Quốc sách hàng đầu” với mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, Huyện ủy Phú Lương đã có nhiều chính sách để nâng cao sự nghiệp “trồng người”, tập trung phát triển cả 3 mặt: Xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục, cấp ủy, chính quyền các cấp luôn dành sự quan tâm cho chương trình xóa phòng học tạm, xây dựng trường lớp kiên cố. Các trường đã chú trọng đầu tư mua sắm các trang thiết bị, phục vụ cho việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo.

Hệ thống giáo dục đào tạo ở các ngành học, bậc học của huyện ngày càng phát triển. Đến năm 2002, 100% các xã, thị trấn trong huyện có trường mầm non. Ngoài trường mầm non công lập, các trường mầm non dân lập được mở đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của người dân. Đến năm 2005, toàn huyện có 14 trường mầm non dân lập. Các cấp học từ tiểu học đến trung học phổ thông đều tăng về quy mô trường lớp và số học sinh: Năm 2005, toàn huyện có 27 trường tiểu học với 7.937 học sinh

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI ngày 18/10/2005, tr.2.

theo học, tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi đến trường đạt 100%; 16 trường trung học cơ sở với 275 lớp (đảm bảo mỗi xã đều có một trường)¹. Số lượng học sinh bậc trung học phổ thông tăng theo từng năm, đến năm 2005, có 3.391 học sinh. Năm 2004, huyện đầu tư xây dựng trường Trung học phổ thông Yên Ninh nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em các xã khu vực phía Bắc.

Chất lượng giáo dục có sự chuyển biến rõ rệt, trước hết thể hiện qua các kỳ thi tốt nghiệp, thi học sinh giỏi. Năm học 2004 - 2005, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học đạt 100% (trong đó tỷ lệ tốt nghiệp loại giỏi tăng 5,1% so với các năm học trước); tỷ lệ tốt nghiệp bậc trung học cơ sở đạt 96%, tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 95%, bổ túc văn hóa đạt 100%. Số học sinh giỏi cấp tỉnh tăng hàng năm: Năm 2004, bậc tiểu học có 136 giải, bậc trung học cơ sở có 115 giải, đến năm 2005, học sinh giỏi bậc tiểu học tăng 63 giải, bậc trung học cơ sở tăng gần 4 lần (427 giải)².

Năm 2002, huyện Phú Lương hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 16/16 xã, thị trấn được công nhận xóa mù chữ. Từ năm 2000 đến năm 2005, huyện duy trì tốt kết quả đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học. Thực hiện “*Đề án phổ cập giáo dục trung học cơ sở huyện Phú Lương 2001 - 2006*”, năm 2003, huyện hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở³.

Giáo dục thường xuyên có hình thức đào tạo đa dạng, chất lượng giảng dạy ngày càng nâng lên. Ngoài ra, trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên đóng trên địa bàn là địa chỉ

¹ *Niên giám thống kê huyện Phú Lương 2001 - 2005*, Phòng Thống kê huyện Phú Lương, 2006.

² *Báo cáo thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương*, t.7.

³ *Đề án phổ cập giáo dục bậc trung học huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2012* (Ban hành kèm theo Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 27/2/2007 của Ủy ban nhân dân huyện), tr.1.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đào tạo tin cậy, góp phần đào tạo, bổ sung nguồn lao động có tay nghề, chuyên môn cao cho huyện.

Đội ngũ giáo viên liên tục tăng về số lượng và chất lượng. Để nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên, ngành giáo dục thường xuyên cùng với Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực sư phạm cho các thầy cô giáo; khuyến khích và có chính sách, chế độ trong việc nâng cao trình độ giáo viên ở các cấp học. Giáo viên có trình độ chuẩn ngày càng chiếm tỷ lệ cao.

Cuộc vận động xã hội hóa giáo dục được duy trì và phát triển, tạo môi trường giáo dục gắn kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) ngày 24/8/1999 “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học Việt Nam*”, Hội Khuyến học huyện Phú Lương và Hội Khuyến học 16 xã, thị trấn đi vào hoạt động nền nếp, góp phần tích cực thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng xã hội học tập. Nhiều xã, nhiều dòng họ xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài để khuyến khích, động viên học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó, khơi dậy tinh thần hiếu học, khích lệ thanh thiếu niên phấn đấu vươn lên học tập tốt.

Đến năm 2005, 16 xã, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng nhu cầu học tập của đông đảo nhân dân. Với phương châm “*cần gì học nấy*”, không phân biệt tuổi tác, thành phần, giới tính, các trung tâm học tập cộng đồng phổ biến kịp thời những thông tin thời sự, chính trị, xã hội, pháp luật, khoa học kỹ thuật đến nhân dân. Nhiều trung tâm học tập cộng đồng được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập, thực sự trở thành nơi để mọi người dân học tập, tiếp thu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Trung tâm dạy nghề - giới thiệu việc làm được đầu tư xây dựng khang trang, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho

nhiều thanh niên trong huyện.

Từ năm 2000 đến năm 2005, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội trong toàn huyện và được cụ thể hóa bằng “Đề án Xây dựng gia đình văn hóa, làng bản - cơ quan văn hóa 5 năm 2001 - 2005” (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký quyết định ban hành năm 2001). Đề án được các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và nhân dân trong huyện tích cực thực hiện. Đến năm 2005, huyện có 111 làng đạt danh hiệu Làng văn hóa; 134 cơ quan đạt danh hiệu Cơ quan văn hóa (trong đó có 9 làng, 26 cơ quan đạt danh hiệu 5 năm liên tục); 17.314 số hộ đạt Gia đình văn hóa. Toàn huyện xây dựng được 6 Gia đình văn hóa tiêu biểu cấp tỉnh, 87 Gia đình văn hóa tiêu biểu cấp huyện; 21 Làng văn hóa cấp tỉnh (trong đó 10 Làng văn hóa tiêu biểu), 49 Làng văn hóa cấp huyện, 54 Cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa cấp huyện¹.

Hoạt động quản lý Nhà nước về lĩnh vực văn hóa góp phần đảm bảo theo đúng định hướng của Đảng trong việc “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”². Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được bảo tồn và phát huy bằng những việc làm cụ thể như: Từ năm 2001 đến năm 2005, huyện tổ chức 2 chương trình liên hoan đàn hát dân ca; triển khai thành công dự án Bảo tồn lễ

¹ Đề án nâng cao chất lượng xây dựng gia đình, làng bản, cơ quan văn hóa giai đoạn 2006 - 2010 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UB ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương), tr.2.

² Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.40.

hội cầu mùa của người Sán Chay; tham gia ngày hội văn hóa các dân tộc Việt Nam (năm 2005)... Bên cạnh việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, nhiều giá trị văn hóa mới, tiến bộ được xác lập, củng cố trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái đẹp của văn hóa nhân loại.

Phong trào thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo hướng tiết kiệm, không phô trương hình thức được nhân dân hưởng ứng tích cực, các hủ tục lạc hậu dần bị loại trừ. Trong giai đoạn 2001 - 2005, huyện tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao thiết thực và rộng rãi trên địa bàn, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Các hoạt động văn hóa quần chúng đã thực sự đem lại không khí vui tươi, sôi nổi, góp phần tích cực giáo dục truyền thống, hạn chế các tệ nạn xã hội. Năm 2004, huyện đã tổ chức được 529 buổi biểu diễn văn nghệ quần chúng (đạt 105,8% kế hoạch). Có thể nói, công tác quản lý Nhà nước về văn hóa góp phần hiện thực hóa quan điểm của Đảng *“văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”*¹.

Nhằm bảo đảm các hoạt động văn hóa đạt chất lượng cả về chiều rộng và chiều sâu, công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý các hoạt động văn hóa luôn được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân đặc biệt quan tâm, chỉ đạo. Các cấp, các ngành có liên quan thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ để ngăn chặn kịp thời những sản phẩm văn hóa không lành mạnh xâm nhập vào địa bàn huyện. Nhiều đảng bộ cơ sở đưa ra tiêu chuẩn chi bộ lãnh đạo xây dựng làng văn hóa là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để xét công nhận chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Phong trào thể dục thể thao được triển khai sâu rộng, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Các cơ quan,

¹ Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55.

đơn vị trên địa bàn huyện đều tích cực đầu tư cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu rèn luyện thân thể, luyện tập thể thao của cán bộ công nhân viên. Ngoài sân vận động, nhà thi đấu huyện được đầu tư xây dựng, ở hầu hết các xóm đều có sân chơi, bãi tập. Năm 2004, huyện tổ chức Đại hội thể dục thể thao điểm tại xã Sơn Cẩm. Đến năm 2005, Huyện ủy chỉ đạo 100% các xã, thị trấn tổ chức đại hội thể dục thể thao và huyện tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao lần thứ VI.

Công tác thông tin - tuyên truyền ngày càng được tăng cường, đội ngũ cán bộ thông tin cấp cơ sở được kiện toàn bổ sung, nâng cao trình độ chuyên môn. Đến năm 2005, toàn huyện có 149 xóm có cụm loa, tăng âm¹. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện duy trì chế độ tiếp âm, tiếp sóng phát thanh, truyền hình của Trung ương, của tỉnh; đồng thời nâng cao chất lượng tin, bài của chương trình phát thanh địa phương. Đặc biệt, Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh xây dựng chương trình tiếng Tày Nùng và phát trên sóng của Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện từ năm 1999, trong đó Đài tỉnh hỗ trợ phần dịch. Chương trình tạo điều kiện tốt nhất để đồng bào nghe đài bằng chính ngôn ngữ dân tộc mình, góp phần bảo tồn ngôn ngữ dân tộc. Các điểm văn hóa xã đáp ứng tốt nhu cầu liên lạc và sách báo của nhân dân.

Công tác y tế, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân từ năm 2000 đến năm 2005 có nhiều tiến bộ. Các cơ sở y tế tiếp tục được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ, các xóm làng có nhân viên y tế. Các chương trình y tế Quốc gia được triển khai tích cực, các bệnh xã hội, bệnh truyền nhiễm nguy hiểm được khống chế và kịp thời dập

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, tr.5.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tất. Bệnh viện Đa khoa huyện và trạm y tế các xã thực hiện tốt việc khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 5 tuổi và người nghèo, triển khai bảo hiểm tự nguyện rộng rãi trong nhân dân, quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế được bảo đảm. Ngoài khám chữa bệnh, ngành y tế còn phối hợp với các ngành triển khai công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, hướng dẫn công tác vệ sinh môi trường, y tế học đường, vệ sinh lao động.

Nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, ngành y tế Phú Lương phối hợp với trường Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Thái Nguyên trong việc đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ, đồng thời cử cán bộ y tế huyện tham gia học tập tại Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên.

Để góp phần ổn định cuộc sống, xóa đói giảm nghèo, Huyện ủy chú trọng chỉ đạo công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, tập trung ở các xã miền núi, nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, những nơi có trình độ dân trí thấp và còn tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu. Việc đổi mới hình thức, phương pháp tuyên truyền như: Thành lập Câu lạc bộ phụ nữ không sinh con thứ ba, hướng dẫn sử dụng các biện pháp tránh thai, mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con... thu được nhiều kết quả. Hằng năm, bình quân tỷ suất sinh thô giảm 0,3‰. Cùng với đó, huyện thực hiện tốt chương trình chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2004 giảm xuống còn 28,3%¹.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, các chương trình, mục tiêu xóa đói giảm nghèo được các cấp, ngành triển khai một cách đồng bộ. Huyện tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp, các hộ gia đình mở rộng sản xuất, thị trường; đồng thời phát triển chợ ở các xã, thị trấn, các tụ điểm kinh doanh, du lịch

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI ngày 18/10/2005, tr.7.

nhằm tạo việc làm. Hằng năm, huyện giải quyết việc làm cho trên 700 lao động. Thực hiện “*Đề án xuất khẩu lao động của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên*”, chính quyền cơ sở tạo điều kiện cho hàng nghìn người đi xuất khẩu lao động. Hằng năm, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng lập danh sách các hộ nghèo, tạo điều kiện cho 100% hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn sản xuất. Nhờ đó, số hộ nghèo giảm hàng năm: Năm 2001 là 13%, đến năm 2005 xuống còn 4,03%, thu nhập bình quân đầu người đạt 4,3 triệu đồng/năm.

Phong trào “*Đền ơn đáp nghĩa*”, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sỹ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, giúp đỡ các gia đình có công với nước, xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, được phát động rộng rãi trong nhân dân và mang tính xã hội cao. Huyện luôn kịp thời thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách nhân dịp lễ, tết; đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho các đối tượng; vận động đông đảo người dân tham gia cuộc vận động “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Uống nước nhớ nguồn*”. Những việc làm thiết thực đó đã góp phần cải thiện đời sống cho các đối tượng chính sách.

Bên cạnh những thành tích đạt được, trong phát triển văn hóa - xã hội còn nhiều tồn tại cần khắc phục. Chất lượng giáo dục tăng dần nhưng còn thấp so với mặt bằng chung toàn tỉnh, còn biểu hiện chạy theo thành tích; chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở chưa thực sự vững chắc. Chất lượng khám chữa bệnh tại một số cơ sở y tế chưa cao. Hệ thống các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở còn thiếu thốn. Môi trường đô thị và một số nơi không đảm bảo. Một bộ phận dân cư thu nhập còn thấp, đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa...

Trong giai đoạn này, Đảng bộ lãnh đạo các cơ quan, ban,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

ngành làm thủ tục đề nghị và được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, đó là: Nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương được tặng năm 2003; nhân dân và lực lượng vũ trang các xã Hợp Thành, Phú Lý, Vô Tranh, Yên Trạch được tặng năm 2005. Huyện và các xã tổ chức lễ đón nhận trang nghiêm, long trọng; khơi dậy lòng tự hào quê hương, có ý nghĩa giáo dục truyền thống anh hùng cách mạng tới các thế hệ người con Phú Lương hôm nay và mai sau.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên. Từ năm 2000 đến năm 2005, Huyện ủy chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng; trong đó, xác định rõ nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh Quốc gia, chống âm mưu “*Diễn biến hòa bình*” là nhiệm vụ trọng yếu. Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự, công an và các ban, ngành, đoàn thể làm tham mưu; các ngành, đoàn thể, đơn vị đóng quân trên địa bàn từ huyện đến cơ sở đã chủ động, tạo sự phối hợp tổ chức xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân. Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và các chức sắc tôn giáo được triển khai đồng bộ. Các cấp ủy thường xuyên chỉ đạo tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp trên xét duyệt, chi trả đúng chính sách, đề nghị truy tặng huân, huy chương các loại cho thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng.

Lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên được củng cố, nâng cao chất lượng và khả năng ứng phó với mọi tình huống, phát huy vai trò nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quân sự địa phương. Cơ quan quân sự huyện phối hợp chặt chẽ với

các đơn vị cơ sở nghiêm túc thực hiện mệnh lệnh chiến đấu, thường xuyên luyện tập, duy trì chế độ trực ban, trực chỉ huy; duy trì nghiêm túc chế độ sẵn sàng chiến đấu đi đôi với công tác xây dựng và củng cố cơ sở, bảo vệ sự bình yên của xóm làng; gắn các hoạt động xây dựng lực lượng với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Công tác tuyển quân hằng năm đều đạt 100% chỉ tiêu về số lượng, chất lượng và theo đúng quy định của pháp luật.

Để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện ban hành “*Đề án phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội giai đoạn 2001 - 2005*”. Thực hiện Đề án, huyện đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an từ huyện đến cơ sở, đảm bảo hoạt động của 273 tổ an ninh nhân dân, tổ hòa giải. Từ năm 2001 đến năm 2005, tổ hòa giải đã giải quyết 1.986 vụ việc xảy ra ở cơ sở, góp phần ổn định về trật tự ngay tại cơ sở. Công an huyện phối hợp với Đoàn Thanh niên xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên gồm 250 đoàn viên, duy trì hoạt động 8 câu lạc bộ thanh niên phòng chống tệ nạn xã hội, đồng thời phối hợp với Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện xây dựng chuyên mục “*Pháp luật và đời sống*” và chuyên mục “*Vì an ninh Tổ quốc*”. Lực lượng công an đã chủ động phòng ngừa và mở hàng chục đợt cao điểm tấn công truy quét tội phạm, khởi tố điều tra 467 vụ (603 bị can), chuyển Viện Kiểm sát, Tòa án truy tố và xét xử 324 vụ (435 bị can). Đơn thư tố cáo, khiếu nại của người dân được giải quyết nhanh chóng, kịp thời (cấp huyện đạt tỷ lệ 85 - 90%, cấp xã đạt 85%). Các hoạt động tổ tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra oan sai, vi phạm. Huyện ủy chỉ đạo hướng các hoạt động tôn giáo gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đúng pháp luật.

Quán triệt quan điểm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, Huyện ủy Phú

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Lương luôn triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên.

Trong công tác giáo dục chính trị và tư tưởng, Huyện ủy thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, công tác tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tiếp tục nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực lãnh đạo quản lý cho đội ngũ cán bộ, đảng viên được thực hiện thường xuyên. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, các nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và các đảng ủy, chi ủy cơ sở luôn bám sát tình hình, nhiệm vụ chính trị, xây dựng chương trình hành động phù hợp với điều kiện địa phương, đơn vị. Trong 5 năm (từ năm 2001 đến năm 2005), 8.100 lượt cán bộ, đảng viên và quần chúng được bồi dưỡng chính trị, tư tưởng. Bình quân số đảng viên tham gia học tập các nghị quyết hàng năm đạt 85%. Ngoài ra, huyện còn tổ chức tốt các cuộc thi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm hiểu 75 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Năm 2005, huyện hoàn thành biên soạn cuốn "*Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955 - 2000)*", qua đó góp phần tăng cường giáo dục truyền thống, lòng yêu quê hương, đất nước cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Đội ngũ cán bộ đảng viên thêm tin tưởng vào công cuộc đổi mới, kiên định thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, giữ gìn khối đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân.

Trong giai đoạn này, Huyện ủy tiếp tục triển khai thực hiện

Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và được cụ thể hóa bằng “*Đề án xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh 2001 - 2005*”. Đảng bộ Phú Lương xác định: Xây dựng chi bộ, Đảng bộ trong sạch vững mạnh có ý nghĩa quyết định thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương, đơn vị. Thực hiện đề án, các cấp ủy đảng chỉ đạo chính quyền và các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vụ việc phức tạp, tăng cường chống quan liêu, tham nhũng, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ. Trong sinh hoạt đảng, Đảng bộ luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, qua đó, vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên. Các chi bộ, đảng bộ ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất, có ý thức học tập, rèn luyện, nâng cao nhận thức trách nhiệm, quan điểm, lập trường cách mạng, tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên được phát huy. Chi bộ từng bước được sắp xếp phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể, đảm bảo sự lãnh đạo trong thời kỳ mới. Vai trò lãnh đạo của chi bộ đối với xóm, làng ngày càng được khẳng định. Trong 5 năm, trung bình mỗi năm có 62,97% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

Ủy ban Kiểm tra và các ban xây dựng Đảng chủ động, tích cực tham mưu giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Từ năm 2001 đến năm 2005, Ủy ban Kiểm tra 2 cấp tiến hành kiểm tra 17 tổ chức đảng, 48 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm và thực hiện tốt các cuộc kiểm tra theo chuyên đề. Bên cạnh đó, công tác giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc, xử lý kịp thời nghiêm minh các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Trong 5 năm, cấp ủy các cấp và Ủy ban

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Kiểm tra Huyện ủy tiến hành xử lý kỷ luật 69 đảng viên (trong đó khiển trách 19 đồng chí, cảnh cáo 36 đồng chí, cách chức 6 đồng chí, khai trừ 8 đồng chí)¹. Công tác kiểm tra góp phần quan trọng xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, đồng thời giữ nghiêm kỷ luật trong Đảng, phòng ngừa, ngăn chặn đảng viên vi phạm...

Xác định công tác phát triển Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, đảng bộ, các chi bộ đảng bám sát nhiệm vụ, đề ra mục tiêu phấn đấu cụ thể, chủ động xây dựng kế hoạch tạo nguồn, phát hiện quần chúng ưu tú qua công tác, lao động và học tập, cử các quần chúng đủ điều kiện đi học lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng tại Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện. Từ năm 2001 đến năm 2005, 1.163 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khóa VIII) về *“Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, Huyện ủy tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức từ huyện đến cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đồng bộ và liên tục. Năm 2001, Huyện ủy Phú Lương xây dựng *“Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ huyện Phú Lương đến năm 2005”*. Để đạt được mục tiêu Đề án đặt ra, Huyện ủy tích cực thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, từng bước chuẩn hóa các chức danh cán bộ từ huyện đến cơ sở. Các cấp ủy đảng thực hiện đúng nguyên tắc về phân cấp quản lý tổ chức đảng và cán bộ; đánh giá, phân loại, bổ nhiệm lại cán bộ, bổ sung vào cấp ủy các cấp. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị luôn được Huyện ủy chú trọng. Từ năm 2000 đến năm 2005, hàng trăm lượt cán bộ bao gồm bí thư, cấp ủy chi bộ, trưởng xóm được học các chương trình bồi dưỡng về công tác Đảng và công tác quản lý Nhà nước.

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, tr.7.

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm đưa phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” trở thành quy định của Nhà nước và được thực hiện thường xuyên ở cơ sở. Trong giai đoạn này, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn huyện Phú Lương được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở quan tâm triển khai thực hiện ngày càng có hiệu quả. Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Bộ Chính trị được triển khai nghiêm túc từ huyện đến cơ sở. Bên cạnh đó, Huyện ủy tổ chức việc học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị định như: Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28/3/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*”, Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 7/7/2003 của Chính phủ ban hành “*Quy chế thực hiện dân chủ ở xã*”... Các Ban Chỉ đạo từ huyện đến xã phối kết hợp chặt chẽ với chính quyền và phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng trong việc tổ chức thực hiện, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Năm 2003, Huyện ủy tổ chức tổng kết 5 năm (1998 - 2003) và năm 2005, tổ chức sơ kết 3 năm (2003 - 2005) về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Qua tổ chức thực hiện “*Quy chế dân chủ ở cơ sở*”, nhận thức của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng về dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp của nhân dân có nhiều chuyển biến rõ rệt; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị ở cơ sở nhận thức sâu sắc hơn về quyền làm chủ và vai trò của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới. Các cấp ủy đảng không ngừng đổi mới phương thức hoạt động theo hướng dân chủ; chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả hơn, phong cách, lề lối làm việc của công chức có bước

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chuyển biến rõ rệt theo hướng gần dân, tôn trọng ý kiến của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể không ngừng đổi mới về tổ chức, có nhiều hoạt động thiết thực gắn với quyền lợi của nhân dân. Nhân dân được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và nhận thức rõ hơn về quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nên tích cực trong việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Một số cơ quan, đơn vị chưa nhận thức hết tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ nên việc triển khai thực hiện còn mang tính hình thức, thiếu cụ thể; một số nơi thực hiện chưa tốt, chưa nghiêm, nhất là trong công khai tài chính, quản lý sử dụng đất đai... Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa thực sự đề cao trách nhiệm của mình trong việc tự phê bình và phê bình, ý thức thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực; một bộ phận nhân dân còn hạn chế trong nhận thức về quyền làm chủ của mình...

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân các cấp không ngừng cải tiến chương trình hoạt động, đảm bảo dân chủ, công khai, phát huy trí tuệ tập thể, thực hiện tốt chức năng quyết định và giám sát. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đã cụ thể hóa nghị quyết của cấp ủy đảng, bám sát với thực tiễn địa phương. Năm 2004, Huyện ủy lãnh đạo tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp (nhiệm kỳ 2004 - 2009)¹ đảm bảo dân chủ và đúng luật với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt gần

¹ Thực hiện Nghị quyết số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội về việc “Kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp”. Theo Điều 1 của Nghị định, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp cho đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp khóa sau vào năm 2011.

100%. Mặt trận Tổ quốc phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền phổ biến Luật Bầu cử và tổ chức các hội nghị hiệp thương để giới thiệu người ra ứng cử, lấy ý kiến cử tri đóng góp cho ứng cử viên. Các xã, thị trấn đều tổ chức bầu cử đúng ngày, đảm bảo an toàn, làm cho ngày bầu cử trở thành ngày hội của toàn dân. Trong kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân huyện bầu đồng chí Nguyễn Toàn Dũng giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân (khóa XVII nhiệm kỳ 2004 - 2009), đồng chí Lê Thiện Đán giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện¹.

Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân huyện tập trung vào việc quyết định những chủ trương, biện pháp lớn, nhằm phát huy tiềm năng, huy động các nguồn lực, xây dựng và phát triển địa phương trên các lĩnh vực. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân bám sát tình hình, đặc điểm, nhiệm vụ chính trị địa phương, hướng về cơ sở, tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện nghị quyết, thực hiện chính sách, pháp luật.

Công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp đạt nhiều kết quả quan trọng. Thực hiện Nghị định số 172/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện sắp xếp lại các phòng, ban thuộc huyện. Thực hiện Nghị định số 121/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ *“về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn”*, cán bộ, công chức xã, thị trấn được bố trí theo tinh thần của nghị định, vì vậy, trách nhiệm quyền hạn của từng tổ chức, cá

¹ Tháng 9/2006, đồng chí Lê Thiện Đán thôi đảm nhiệm chức vụ, đồng chí Nguyễn Vy Hồng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (từ tháng 9/2006 đến tháng 10/2009). Từ tháng 10/2009, đồng chí Nguyễn Vy Hồng được bầu làm Bí thư Huyện ủy; chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện do đồng chí Nguyễn Thị Mai đảm nhiệm.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

nhân được nâng cao. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, cải tiến lề lối, tác phong làm việc, mở rộng dân chủ đi đôi với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương được tăng cường. Chất lượng quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh ngày càng được nâng cao. Ủy ban nhân dân huyện tích cực thực hiện cải cách hành chính Nhà nước và triển khai “*Đề án cơ chế một cửa*¹ tại Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương”.

Nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, phấn đấu thi đua xây dựng quê hương giàu mạnh, các cấp ủy đảng không ngừng tạo điều kiện, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Mặt trận và các đoàn thể đổi mới phương thức hoạt động linh hoạt, phong phú, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; phối hợp tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật, phát huy quyền làm chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên. Huyện ủy quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án số 304-ĐA/TU ngày 15/1/2003 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về “*Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở*”, làm chuyển biến nhận thức, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở trong các phong trào thi đua yêu nước.

Mặt trận Tổ quốc huyện Phú Lương luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tích cực tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và vận động nhân dân hưởng ứng tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh

¹ Cơ chế “một cửa” là cơ chế giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của một cơ quan hành chính Nhà nước, từ hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ, giải quyết đến trả được kết quả thực hiện tại một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính Nhà nước.

tế - xã hội của huyện. Các cuộc vận động như “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, “*Ngày vì người nghèo*” và những cuộc thi thể hiện rõ vai trò chủ động đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

Hoạt động của các Ban Công tác mặt trận ở mỗi khu dân cư từng bước được đổi mới. Các Ban Công tác mặt trận có vai trò lớn trong triển khai các phong trào, cuộc vận động, phát huy dân chủ ở cơ sở và xây dựng cộng đồng dân cư tự quản hoạt động theo các hương ước, quy ước. Số khu dân cư trên địa bàn tổ chức “*Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân*” năm sau cao hơn năm trước, qua đó mối quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân ngày càng gắn bó.

Từ năm 2000 đến năm 2005, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên, sự quan tâm tạo điều kiện của các cấp chính quyền và các ban ngành, đoàn thể, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Lương và các xã phát huy truyền thống đoàn kết, vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nghị quyết của hội cấp trên vào thực tiễn phong trào phụ nữ. Hội luôn sáng tạo đưa ra các mô hình hoạt động, đáp ứng với yêu cầu nguyện vọng thiết thực của cán bộ, hội viên, thu hút, tập hợp đông đảo phụ nữ tham gia vào tổ chức Hội. Các cấp hội chủ động xây dựng kế hoạch từng năm, thực hiện nghiêm túc quy chế hoạt động, chỉ đạo kịp thời các nhiệm vụ công tác, chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Hội đã hướng dẫn hội viên thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*” và 6 chương trình trọng tâm do Trung ương Hội đề ra. Song song với nhiệm vụ về phát triển kinh tế, xã hội, chị em phụ nữ luôn làm tốt thiên chức của người vợ, người mẹ, người con trong gia đình; biết tổ chức cuộc sống gia đình

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hạnh phúc. Những đóng góp của chị em phụ nữ huyện Phú Lương góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra. Đến năm 2005, Hội Phụ nữ có hơn 15.000 hội viên tham gia sinh hoạt. Tập thể Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Lương 5 năm liền giữ danh hiệu tiên tiến xuất sắc và được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen.

Hội Cựu chiến binh không ngừng phát huy truyền thống “*Bộ đội Cụ Hồ*” đoàn kết, năng động, sáng tạo trong hoạt động, đạt được nhiều thành tích quan trọng, thiết thực. Các chương trình, phong trào do Trung ương Hội Cựu chiến binh phát động được các cấp hội nhiệt tình hưởng ứng. Đồng thời, các cấp hội và cán bộ Hội luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm, tích cực tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị như: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng; xây dựng bảo vệ Đảng, chính quyền, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở... Đặc biệt, phong trào “*Giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình, nâng cao đời sống hội viên*” được hội triển khai sâu rộng và đạt được những kết quả khả quan. Nhiều cơ sở hội xây dựng “*Quỹ đồng đội*” như cơ sở Cổ Lũng, Động Đạt, Sơn Cẩm, Ôn Lương... để giúp đỡ, hỗ trợ hội viên có hoàn cảnh khó khăn. Các cấp Hội làm tốt chính sách hậu phương quân đội và giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Đến năm 2005, toàn huyện có 3.500 hội viên cựu chiến binh.

Công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu niên huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005 thu được nhiều kết quả quan trọng, góp phần vào việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công tác thanh niên, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu chính đáng của thanh niên, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Các nội dung, chương trình công tác được chọn

lọc phù hợp với điều kiện thực tế của huyện, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm. Hoạt động Đoàn tập trung về cơ sở, xuất phát từ cơ sở, vì lợi ích của đoàn viên thanh niên. Các phong trào “*Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng*”, “*Thanh niên lập nghiệp*”, “*Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*” trở thành những phong trào nòng cốt thu hút đông đảo thanh niên tham gia. Đoàn viên thanh niên trở thành lực lượng tiên phong trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nhiều năm liền công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu niên huyện Phú Lương giành được danh hiệu đơn vị vững mạnh xuất sắc, dẫn đầu khối trong phong trào thi đua của Tỉnh đoàn Thái Nguyên.

Hội Nông dân tập trung vào 4 chương trình công tác lớn: Xây dựng Hội vững mạnh; tham gia phát triển kinh tế, giúp đỡ nông dân làm kinh tế giỏi, giảm số hộ nghèo; vận động hội viên thực hiện và tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hội Nông dân thực hiện tốt vai trò: Tổ chức, giáo dục, vận động hội viên thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội; tổ chức, mở rộng các hoạt động dịch vụ. Phong trào “*Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi*” được đông đảo hội viên tham gia. Trong 5 năm, Hội Nông dân Phú Lương phối hợp với các cấp, ngành tổ chức hàng trăm lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật cho hàng nghìn lượt nông dân; các cuộc hội thảo về giống cây, con mới, thức ăn gia súc, thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật... Nhằm giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, Hội đã giúp cho nhiều hộ được vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất từ nguồn quỹ của Trung ương Hội và Hội Nông dân tỉnh, với tổng số tiền là 560 triệu đồng.

Với khẩu hiệu hoạt động “*Vì sự nghiệp công nghiệp hóa,*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hiện đại hóa đất nước, vì việc làm, đời sống, dân chủ công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh”, từ năm 2000 đến năm 2005, các cấp công đoàn huyện Phú Lương đã tổ chức thực hiện tốt các phong trào: phong trào thi đua lao động giỏi, phong trào làm kinh tế gia đình giỏi, phong trào xanh - sạch - đẹp, vệ sinh an toàn lao động, phong trào tự học tự rèn... Đời sống của công nhân viên chức lao động được cải thiện đáng kể, các chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện đầy đủ.

Trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương có thay đổi về mặt nhân sự. Cuối tháng 12/2004, đồng chí Đỗ Mạnh Hùng - Bí thư Huyện ủy có quyết định điều về tỉnh nhận công tác mới, đồng chí Nguyễn Thế Đề được Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Huyện ủy từ ngày 1/1/2005 (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

Nhìn chung, hệ thống chính trị huyện Phú Lương giai đoạn 2001 - 2005 được kiện toàn và có nhiều đổi mới theo hướng phát huy dân chủ, cải cách hành chính, công khai hoạt động của chính quyền, tăng cường đối thoại và lắng nghe ý kiến của nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền từ huyện đến cơ sở được tăng cường, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện của đất nước. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể còn những hạn chế như: Trong việc tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, xây dựng chương trình hành động còn biểu hiện hình thức; một số cán bộ, đảng viên chưa chủ động nghiên cứu học tập nâng cao trình độ lý luận và nghiệp vụ, nhận thức còn hạn chế; tổ chức hoạt động của Hội đồng nhân dân còn nhiều khó

khăn; năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân trên một số lĩnh vực còn yếu, hiệu quả, hiệu lực chưa cao; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân hoạt động thiếu chiều sâu, thu hút hội viên, đoàn viên đạt tỷ lệ còn thấp, một số phong trào còn mang tính hình thức...

Mười năm đầu (1996 - 2005) trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương đã đoàn kết phấn đấu đạt được nhiều thành tựu. Đó là sự chuyển biến rõ rệt về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng theo hướng tích cực xuất phát từ hiệu quả các Đề án phát triển kinh tế - xã hội. Mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ huyện Phú Lương đều hướng đến tiêu chí vì con người. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể không ngừng được đổi mới và nâng cao nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tình hình mới... Mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách nhưng những thành tựu mà Đảng bộ đạt được trong chặng đường đã qua cho thấy con đường xây dựng quê hương Phú Lương là đúng hướng và tích cực. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ huyện sẽ tiếp tục lãnh đạo nhân dân Phú Lương đạt nhiều thành tích viết tiếp những trang sử cách mạng vẻ vang trong thời gian tiếp theo.

III. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XXI (2005 - 2010)

Trong 10 năm đầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, diện mạo đất nước có nhiều chuyển biến tích cực. Nền kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân gần 7,5%/năm; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể, nguồn lực phát triển trong các thành phần kinh tế đã được huy động khá hơn, nhiều lợi thế so sánh trong từng ngành, từng vùng đã được phát huy. Giáo dục đào tạo và khoa học, công nghệ có

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

bước phát triển. Công tác xóa đói giảm nghèo, tăng việc làm đạt được những thành tựu quan trọng, được thế giới thừa nhận. Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể. Những thành tựu đó khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là hoàn toàn đúng đắn và là nền tảng cho sự phát triển đất nước cho những năm tiếp theo.

Góp chung những thành tựu đó, trong 10 năm (1996 - 2005), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nền kinh tế - xã hội huyện Phú Lương đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng, đóng góp tích cực vào việc tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cơ sở hạ tầng không ngừng được củng cố, xây dựng. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện được nâng lên, bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi. Đảng bộ ngày càng trưởng thành cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Những thành tựu trên là rất quan trọng, tạo tiền đề để huyện Phú Lương phát triển nhanh, hiệu quả và vững chắc hơn trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, huyện Phú Lương đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách như: Điểm xuất phát về kinh tế - xã hội của huyện còn thấp, là huyện miền núi nên đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn; sự biến động giá cả thị trường, sự biến đổi khí hậu ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, kinh doanh của nhân dân. Trước thực trạng trên, việc lựa chọn hướng phát triển phù hợp để phát huy cao độ những thế mạnh, tiềm năng sẵn có, đồng thời khắc phục khó khăn chính là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ huyện trong giai đoạn mới.

Được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, từ ngày 17 đến ngày 19/10/2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2005 - 2010) được tổ

chức với sự tham dự của 161 đại biểu chính thức đại diện cho 3.840 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đánh giá kết quả đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, đồng thời chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém ở các mặt công tác, phân tích nguyên nhân của những tồn tại đó và đưa ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Từ đó, Đại hội đề ra phương hướng trong nhiệm kỳ 2005 - 2010 với mục tiêu tổng quát: *“Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả phát triển. Tập trung phát triển kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Tiếp tục phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân; kiểm chế, làm giảm các tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội”*¹.

Đại hội bầu 35 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI và bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ cấp trên. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thế Đề được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy², đồng chí Nguyễn Toàn Dũng và đồng chí Lê Thiện Đán được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy³.

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI ngày 18/10/2005, tr.14.

² Đến tháng 11/2009, đồng chí Nguyễn Thế Đề chuyển công tác; đồng chí Nguyễn Vy Hồng giữ chức Bí thư Huyện ủy.

³ Ngày 9/3/2010, tại cuộc họp bất thường Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương, đồng chí Nguyễn Thị Mai - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện và đồng chí Lương Trung Hà - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy được bầu giữ chức danh Phó Bí thư Huyện ủy thay cho các đồng chí Nguyễn Toàn Dũng và đồng chí Nguyễn Vy Hồng.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện bước vào thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội với không khí thi đua lao động sản xuất mới.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do giá một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất, tiêu dùng biến động và những tác động của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng từ năm 2005 đến năm 2010, kinh tế của huyện phát triển ổn định và đạt mức tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 10,72% (cao hơn bình quân giai đoạn 2000 - 2005 là 2,1%); trong đó mức tăng trưởng bình quân các ngành: Công nghiệp - xây dựng 15,9%, nông - lâm nghiệp 6,9%, dịch vụ 15,3%. Cơ cấu kinh tế của huyện đến năm 2010 là: Nông - lâm nghiệp - thủy sản 37,1%, công nghiệp - xây dựng 35,8%, dịch vụ 27,1%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2006 là 6,5 triệu đồng đến năm 2010 đạt 12,3 triệu đồng¹.

Để đạt được những kết quả trên, từ năm 2005 đến năm 2010, huyện có nhiều biện pháp để đưa nền kinh tế phát triển đúng hướng, trong đó cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp chuyển dịch tích cực, gắn với việc thực hiện các đề án kinh tế - xã hội như: Đề án trồng, chế biến và tiêu thụ chè, Đề án phát triển kinh tế trang trại... Nhiều tiến bộ kỹ thuật mới được áp dụng vào sản xuất mang lại hiệu quả cao, góp phần từng bước tiến dần đến nền nông nghiệp bền vững. Trên cơ sở phát huy tốt tiềm năng thế mạnh của từng địa phương, nhiều vùng sản xuất mang tính chuyên canh, một số sản phẩm nông nghiệp mang tính hàng hóa được hình thành. Tình hình nông thôn ổn định, đời sống của đồng bào các dân tộc được cải thiện góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới của Đảng

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015), tr.7.

và Nhà nước.

Việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng và các dự án trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn này góp phần từng bước thay đổi tập quán canh tác, nâng cao trình độ thâm canh cho người dân trong vùng. Trên địa bàn huyện từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa chất lượng cao như: Vùng chè, vùng trồng lúa, vùng trồng cây ăn quả..., khôi phục và phát triển sản phẩm nông sản là “đặc sản” của địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trong sản xuất lương thực, các giống lúa lai, lúa thuần có năng suất, chất lượng cao, thích hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng từng vùng được đưa vào sản xuất như: Thục Hưng 6, Phú ưu 1, Nàng xuân... dần thay thế giống lúa cho năng suất thấp, khả năng chịu sâu bệnh kém. Đặc biệt, năm 2009, ngành nông nghiệp huyện liên kết với trung tâm giống cây trồng và chi nhánh giống cây trồng tỉnh Thái Nguyên thử nghiệm sản xuất hạt giống lúa lai F1 tại xóm Đồng Chằm, làng Lê (xã Động Đạt) và xóm Làng (xã Yên Đổ). Sau một thời gian triển khai, việc trồng thử nghiệm giống lúa lai F1 đã cho kết quả khả quan, hạt giống thu hoạch có chất lượng tương đương và giá thành thấp hơn khoảng 30 - 40% giống nhập khẩu và nội địa; cho thu nhập cao hơn 1,8 lần so với sản xuất đại trà. Thông qua thực hiện chương trình đã chủ động nguồn giống tại chỗ phục vụ sản xuất, cung ứng giống cho sản xuất trong và ngoài tỉnh.

Cùng với triển khai chương trình trồng giống lúa lai F1, ngành nông nghiệp huyện xây dựng Dự án phát triển giống lúa đặc sản của địa phương - nếp Vải. Từ mô hình chọn lọc giống lúa nếp với quy mô 0,3ha tại 4 hộ dân thuộc xóm Bản Cái, xã Ôn Lương trong vụ mùa năm 2009 cho thấy tiềm năng phát triển tốt giống lúa nếp Vải bởi hương thơm, vị ngọt, đậm,

chất gạo dẻo. Đến vụ mùa năm 2010, huyện xây dựng “*Dự án mở rộng diện tích cấy lúa nếp Vải*” ra 10ha ở 4 xóm của xã Ôn Lương là: Thâm Đông, Na Pặng, Bản Cái, Khau Lai với 125 hộ tham gia dự án¹. Do phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên lúa nếp Vải cho năng suất đạt 41 tạ/ha. Thành công bước đầu của “*Dự án mở rộng diện tích cấy lúa nếp Vải*” mở ra hướng đi mới cho sản xuất nông nghiệp của địa phương.

Việc thay đổi giống mới đã thúc đẩy sự chuyển dịch mạnh về cơ cấu mùa vụ xuân muộn, mùa sớm và phát triển cây vụ đông, làm tăng hệ số sử dụng đất từ 1,9 lên 2,3 lần. Huyện phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng đảm bảo khai thác có hiệu quả nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng mới như: Hồ Khe Cuông - Yên Ninh, hồ Nậm Dất - Yên Trạch và duy tu hệ thống thủy lợi trên toàn huyện. Chính nhờ việc đẩy mạnh công tác làm thủy lợi tạo điều kiện cho việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh thâm canh, đa canh để tăng năng suất cây trồng. Tuy một số diện tích đất canh tác bị thu hẹp để quy hoạch khu công nghiệp, khu dân cư song sản lượng cây lương thực, cây có hạt tăng theo từng năm: Năm 2006 là 35.735 tấn² đến năm 2010 tăng lên 41.892 tấn³. Bình quân lương thực đầu người năm 2010 là 380kg/người. Giá trị sản xuất bình quân trên một héc-ta đất canh tác năm 2006 đạt 33,5 triệu đồng đến năm 2010 tăng lên 46,7 triệu đồng.

Bên cạnh lúa, nhiều loại cây trồng như: khoai tây, đỗ tương,

¹ *Đề án phát triển vùng chuyên canh sản xuất hạt giống lúa lai F1 và lúa nếp Vải đặc sản giai đoạn 2012 - 2015*, tr.5.

² *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.121.

³ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.159.

ngô, lạc và một số loại hoa có giá trị kinh tế được đưa vào gieo trồng. Toàn huyện có trên 900ha trồng cây ăn quả, chủ yếu trồng các loại cây vải, nhãn, xoài, ổi lai, bưởi Diễn, trám ghép, nhãn lồng Hưng Yên... Năm 2010, huyện chỉ đạo triển khai “Dự án trồng và thâm canh chuối tây” tại xóm Suối Hang (xã Yên Ninh). Theo đó, 49 hộ dân tham gia mô hình cải tạo chuối tây¹. Đồng bào Dao được hướng dẫn kỹ thuật xác định mật độ, thời vụ; vệ sinh vườn bãi; kỹ thuật chọn giống, tách chồi; kỹ thuật đào hố, bón phân, bao buồng, phòng trừ sâu bệnh và kỹ thuật bảo quản, tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch. Hầu hết các hộ dân đều đón nhận và áp dụng kỹ thuật vào trồng, chăm sóc chuối, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi trong những năm 2006 - 2010 tiếp tục phát triển với hướng chính là cải tạo chọn lọc, thay đổi cơ cấu giống, đẩy mạnh chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp và chăn nuôi theo mô hình trang trại. Nhiều giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao được đưa vào chăn nuôi như lợn hướng nạc, gà sinh sản, gà lông màu, trâu, bò lấy thịt... Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện phát triển một số mô hình nuôi vật nuôi đặc sản có giá trị kinh tế cao như: Dê; nhím; lợn rừng, hươu (xã Vô Tranh)... Từ năm 2006 đến năm 2010, trên địa bàn thường xuyên xảy ra các dịch bệnh tai xanh, lở mồm long móng, cúm gia cầm, rét đậm, rét hại... gây thiệt hại khá lớn cho người chăn nuôi. Mặc dù vậy, Ủy ban nhân dân huyện đã kịp thời chỉ đạo, có các biện pháp dập dịch kịp thời nên dịch bệnh được khống chế, chăn nuôi đi vào ổn định. Đến năm 2009, trên địa bàn huyện có 903 con bò, 7.992 con trâu, 51.547 con lợn và khoảng 558.000 con gia cầm². Sản lượng thịt hơi các

¹ Suối Hang - Bản chuối tây tiên ty, ngày 23/11/2011, trang Thông tin điện tử huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

² Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.148-149.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

loại đạt 6.500 tấn¹. Giá trị ngành chăn nuôi tăng bình quân 9,3%/năm; sản lượng thịt hơi các loại tăng 7,5%/năm. Trên địa bàn huyện Phú Lương có khoảng hơn 830ha ao, đầm và hơn chục hồ, đập. Nhiều hồ có diện tích lớn trên 2ha, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản với quy mô lớn như: hồ Ao Dẻ (xã Động Đạt), hồ Lũng Mít (xã Yên Đổ)... Với tiềm năng đó, việc đầu tư phát triển thủy sản là một trong những hướng đi thích hợp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Chính vì vậy, huyện khuyến khích đầu tư nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bán thâm canh; vận dụng các phương pháp nuôi trồng thích hợp như: chăn nuôi cá ruộng, chăn nuôi tổng hợp... ở những nơi có điều kiện gắn với công tác thú y phòng trừ dịch bệnh. Bên cạnh đó, huyện chỉ đạo chú trọng việc bảo vệ và tái tạo nguồn thủy sản, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái. Các giống thủy sản được nuôi phổ biến bao gồm: cá trắm, cá chép, cá mè Vinh, cá rô phi dòng GIFP... và một số loài đặc sản như: ba ba, lươn, ếch lai... Năm 2006, tổng sản lượng thủy sản đạt hơn 424 tấn², trong đó, sản lượng cá nuôi đạt 418 tấn³. Nuôi trồng thủy sản là ngành kinh tế có nhiều triển vọng, vì thế, huyện cần có kế hoạch lâu dài, từ đó khuyến khích các hộ dân tận dụng tối đa diện tích mặt nước ao, hồ và chuyển đổi diện tích lúa không hiệu quả và khai thác các hồ chứa để đầu tư nuôi trồng thủy sản.

Trong giai đoạn 2006 - 2010, Huyện ủy chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện “*Đề án nâng cao sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè giai đoạn 2006 - 2010*”. Để đưa cây chè phát triển tương xứng với tiềm năng, huyện đã quan tâm tới việc chuyển giao

¹ Báo cáo tóm tắt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Lương đến năm 2020, tr.7.

² Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.160.

³ Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.162.

khoa học kỹ thuật về cách trồng, chăm sóc và chế biến chè cho người dân. Từ năm 2006 đến năm 2010, ngành nông nghiệp huyện phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và các đoàn thể tổ chức hàng trăm lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho hàng chục nghìn lượt người. Trong giai đoạn này, cùng với việc tiếp tục thâm canh sản xuất diện tích chè trung du, huyện đã tập trung rà soát, từng bước quy hoạch phát triển vùng sản xuất chè cao cấp ở các xã: Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô, Yên Lạc với các giống chè chất lượng cao như Kim Tuyên, Thúy Ngọc, Ô Long Thanh Tâm, Keo Am Tích, PT95. Đối với các xã khác, bà con tích cực đưa các giống chè cành mới như: LFP1, LDP2, TRI777, Phúc Vân Tiên, Bát Tiên... vào sản xuất. Nhờ đẩy mạnh việc tăng diện tích và đưa những giống chè cành có chất lượng vào sản xuất nên sản lượng chè của huyện không ngừng tăng. Nếu như năm 2006, diện tích chè kinh doanh của toàn huyện mới có hơn 3.554ha¹, sản lượng chè búp tươi 29.039tấn² thì đến năm 2010 đã tăng lên hơn 3.775ha, sản lượng đạt khoảng 38.421tấn³. Trong giai đoạn này, huyện hình thành nhiều làng nghề sản xuất, chế biến chè an toàn như xóm Thác Dài, Khe Cốc, xã Túc Tranh; xóm Tân Bình, xã Vô Tranh, xóm Phú Nam, xã Phú Đô... Huyện ủy chỉ đạo xây dựng vùng chè sạch an toàn tại xóm Thác Dài (xã Túc Tranh) nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và hướng xuất khẩu. Đến năm 2010, Phú Lương là huyện có số làng nghề sản xuất chế biến chè nhiều nhất tỉnh, trong tổng số 14 làng nghề toàn huyện thì có tới 13 làng nghề về chè, trong đó, điển hình là xóm Quyết Thắng (xã Túc Tranh). Năm 2010, xóm Quyết Thắng

¹ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.138.

² *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2010, tr.139.

³ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2015, tr.179

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

được Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên công nhận là “*Làng nghề chè sản xuất và chế biến chè truyền thống, thợ giỏi, nghệ nhân giỏi*”. Đây là cơ hội cho sản phẩm chè của địa phương tìm được chỗ đứng trên thị trường.

Đa số sản phẩm chè do người dân tự chế biến và tiêu thụ tại các chợ nông thôn hoặc qua các tư thương. Do vậy, giá chè thường không ổn định và nhiều khi bị tư thương ép giá. Sản lượng chè chế biến công nghiệp đạt khoảng 80%. Tuy nhiên, một số cơ sở chế biến chè kinh doanh hoạt động trên địa bàn do thiết bị, công nghệ chế biến lạc hậu, sản phẩm làm ra có sức cạnh tranh thấp nên đã ngừng hoạt động, như: Nhà máy chè xã Túc Tranh, Nhà máy chè xã Phấn Mễ, Nhà máy chè Phú Lương... Chính vì vậy, đến năm 2010, huyện vẫn chưa xây dựng được thương hiệu cho sản phẩm chè của mình, chưa có chương trình nào tuyên truyền quảng bá riêng về sản phẩm chè nên chè Phú Lương còn mờ nhạt trên thị trường.

Công tác trồng mới, khoanh nuôi và phát triển rừng trên địa bàn huyện trong giai đoạn này tiếp tục được Huyện ủy quan tâm, chỉ đạo. Từ năm 2005 đến năm 2010, toàn huyện trồng được 4.361,8ha (bình quân mỗi năm trồng được 872,4ha), nâng tỷ lệ độ che phủ của rừng lên 45%. Công tác bảo vệ rừng được tăng cường. Tiềm năng, thế mạnh đất lâm nghiệp, giá trị kinh tế rừng góp phần tích cực vào việc nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của một bộ phận nhân dân. Giá trị sản xuất từ đồi rừng năm 2010 tăng 28,3 tỷ đồng so với năm 2005.

Trong giai đoạn này, kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Phú Lương có những chuyển biến tích cực, từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo “*Đề án tiếp tục phát triển kinh tế trang trại huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010*”. Những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới được áp dụng mang lại hiệu quả, các trang trại có sự phát triển về

quy mô sản xuất, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa vượt trội. Đến năm 2010, toàn huyện có 87 trang trại (trong đó có 62 trang trại được cấp giấy chứng nhận)¹ tập trung vào 3 loại hình: trang trại lâm nghiệp, trang trại chăn nuôi và trang trại tổng hợp. Chất lượng và giá trị của các sản phẩm trang trại không ngừng được nâng lên. Kinh tế trang trại phát triển góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo nên phong trào thi đua sản xuất rộng khắp, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Việc thực hiện “*Đề án tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất thông qua việc chuyển đổi, thành lập mới hợp tác xã theo luật giai đoạn 2006 - 2010*” thu được những kết quả nhất định. Trong công tác tuyên truyền, vận động, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên, Phòng Văn hóa Thông tin huyện...) tổ chức hội nghị triển khai và tuyên truyền Luật Hợp tác xã và các nghị định của Chính phủ. Công tác tuyên truyền được tiến hành bằng các hình thức phong phú: Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền lưu động, tổ chức cuộc thi “*Thanh niên với công tác chuyển đổi và thành lập hợp tác xã mới theo luật*” (đạt giải Nhì toàn tỉnh)... Cùng với đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ quản lý được huyện đẩy mạnh. Trong 5 năm, 29 chủ nhiệm hợp tác xã được cử tham gia tại 05 lớp đào tạo nghiệp vụ do cơ quan chuyên môn tổ chức; đồng thời, nhiều lớp tập huấn cho xã viên và cán bộ quản lý hợp tác xã được mở ở các xã: Cổ Lũng, Động Đạt, Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đổ, Yên Lạc, Hợp Thành. Đến tháng 6/2010, trên địa bàn huyện có 27 hợp tác xã; trong đó,

¹ Báo cáo số 127/BC-UBND ngày 30/9/2010 báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển kinh tế Trang trại giai đoạn 2006 - 2010, tr.2.

có 9 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, 6 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 1 hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường, 11 hợp tác xã dịch vụ điện¹. Trong số những hợp tác xã trên, có 10 hợp tác xã đạt doanh thu sản xuất kinh doanh từ 0,5 đến 1,5 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 37% tổng số hợp tác xã)² như: Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Liên Sơn (xã Sơn Cẩm), hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Cúc Lùng (xã Phú Đô), hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Vô Tranh, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp Đồng Tâm (xã Động Đạt), hợp tác xã dịch vụ điện Phấn Mễ, hợp tác xã dịch vụ điện Cổ Lũng...

Việc tổ chức thực hiện “*Đề án củng cố quan hệ sản xuất thông qua việc chuyển đổi và thành lập hợp tác xã mới theo luật giai đoạn 2006 - 2010*” tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ và nhân dân về kinh tế hợp tác, hợp tác xã. Các hợp tác xã sau khi được chuyển đổi, thành lập mới từng bước khắc phục những tồn tại, hình thức, kém hiệu quả của các hợp tác xã trước đây, tự chủ, năng động trong sản xuất kinh doanh, khai thác tiềm năng thế mạnh tại chỗ, mở mang thêm ngành nghề, tăng doanh thu và có tích lũy. Kinh tế hợp tác, hợp tác xã góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho xã viên và người lao động. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi và thành lập mới hợp tác xã còn những hạn chế như: Các hợp tác xã công nghiệp quy mô nhỏ, công nghệ sản xuất lạc hậu, ngành nghề dịch vụ đơn điệu; hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi và thành lập mới mang tính gò ép nên lúng túng trong phương hướng sản xuất kinh doanh, hiệu quả hoạt động kinh doanh kém, chưa có hợp

¹ Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về kết quả thực hiện Đề án “*Tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất thông qua việc chuyển đổi thành lập mới hợp tác xã theo luật giai đoạn 2006 - 2010*”, tr.3-4.

² Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015), tr.2.

tác xã làm dịch vụ đầu ra cho sản phẩm; một số hợp tác xã dịch vụ điện khâu quản lý tổ chức chưa chặt chẽ, hiệu quả hoạt động chưa cao...

Giai đoạn 2006 - 2010, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện có bước phát triển khá nhanh, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Có được thành tích đó do các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm quán triệt và chỉ đạo sát sao thực hiện *“Đề án tiếp tục phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010”*. Đến năm 2010, toàn huyện có 750 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề (tăng thêm 48 cơ sở so với năm 2006), thu hút 2.750 lao động thường xuyên. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15,9%/năm¹. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2006 là 95,9 tỷ đồng, đến năm 2010 đạt 231,3 tỷ đồng. Huyện làm tốt công tác thu hút đầu tư các chương trình, dự án với tổng số vốn đăng ký trên 1.100 tỷ đồng.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển, nhiều cơ sở công nghiệp mới xây dựng và đi vào sản xuất, khai thác như: Nhà máy chế biến xỉ ti-tan tại xã Phủ Lý và Động Đạt; mỏ quặng chì kẽm Phú Đô xã Yên Lạc, Khe Nác xã Yên Đổ; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vinh Thịnh đầu tư dây chuyền nghiền đá bằng công nghệ phản kích... Từ năm 2006 đến năm 2010, trên địa bàn huyện xuất hiện thêm nhiều cơ sở, doanh nghiệp đầu tư sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung vào các ngành nghề: chế biến nông - lâm sản, sản xuất - chế biến gỗ xuất khẩu... gắn với vùng nguyên liệu. Các cơ sở sản xuất lớn đầu tư mở rộng phát triển về quy mô, ứng dụng các tiến bộ khoa học

¹ Chương trình số 539/CTr-UBND ngày 19/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tiếp tục thực hiện Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề huyện Phú Lương giai đoạn 2011 - 2015, tr.1-2.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

kỹ thuật vào sản xuất, chế biến. Các cơ sở nhỏ tiếp tục hướng sản xuất ổn định, từng bước phát triển, nâng dần chất lượng sản phẩm và hàng hóa, chủ yếu tập trung vào các ngành nghề truyền thống như: Sản xuất vật liệu xây dựng, gạch đất nung ở Cổ Lũng, Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Yên Ninh; cát sỏi ở Phú Đô, Vô Tranh; đá xây dựng ở Yên Ninh, Yên Lạc; chế biến chè ở Túc Tranh...

Huyện ủy quan tâm công tác phát triển làng nghề, xây dựng thương hiệu các sản phẩm truyền thống. Một số xóm trên địa bàn huyện có nhiều hộ tham gia sản xuất một hoặc một số nghề, đây là cơ sở quan trọng để phát triển ngành nghề và làng nghề nông thôn. Đặc biệt, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành phối hợp tổ chức thực hiện dự án phát triển hạ tầng làng nghề mây, tre đan, thủ công mỹ nghệ ở xã Ôn Lương và mở nhiều lớp đào tạo nghề thủ công mỹ nghệ, nghề mộc, chế biến gỗ ván sản xuất khẩu ở xã Hợp Thành, Phú Lý, hợp tác xã Thủy Tiên Thành xã Yên Lạc, hợp tác xã dịch vụ điện Phấn Mễ, hợp tác xã Tiến Thành xã Hợp Thành... Trong 5 năm, 11 làng nghề trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận và đầu tư phát triển: Chế biến chè ở các xóm Thác Dài, Quyết Thắng, Góc Gạo (xã Túc Tranh), xóm Tân Bình, Bình Long, Liên Hồng 8, Toàn Thắng (xã Vô Tranh), xóm Yên Thủy 1, Yên Thủy 4 (xã Yên Lạc), xóm Phú Nam (xã Phú Đô) và bánh chưng Bờ Đậu (xã Cổ Lũng).

Tuy có những bước phát triển nhất định nhưng trong quá trình phát triển kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp còn bộc lộ một số hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp chủ yếu dưới dạng hộ gia đình, phát triển tự phát nên khó khăn cho việc đầu tư cải tiến dây chuyền, đưa tiến bộ khoa học áp dụng vào sản xuất. Quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn

nhỏ bé, công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm chưa cao, sức cạnh tranh trên thị trường yếu. Cơ cấu ngành nghề còn nghèo nàn, chủ yếu tập trung vào sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, đồ gỗ, gia công cơ khí, một số sản phẩm đồ sắt, nhôm kính... Việc phát triển ngành nghề khu vực nông thôn còn yếu; hình thức tổ chức làng nghề còn đơn giản, quá trình sản xuất thụ động, tỷ lệ hộ nông dân sản xuất nghề còn rất nhỏ.

Nhằm thúc đẩy du lịch và dịch vụ du lịch huyện phát triển, năm 2006, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “*Đề án Phát triển Thương mại - Du lịch huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010*”. Đề án đánh dấu mốc cho sự phát triển mới của thương mại, du lịch và dịch vụ du lịch địa phương. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, các cấp, ngành và nhân dân tập trung huy động mọi nguồn lực phấn đấu đạt mục tiêu của Đề án.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa cho phát triển du lịch, trong 5 năm, huyện tiếp nhận nhiều dự án của Nhà nước (tổng vốn đầu tư trên 26 tỷ đồng) để xây dựng cơ sở hạ tầng như: hạ tầng làng nghề truyền thống xã Ôn Lương, hạ tầng du lịch hồ Na Mạt, Nhà bia di tích nơi Bác Hồ về thăm trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa ở xã Phú Lý, đường ATK Phú Lý - Hợp Thành... Bên cạnh đó, huyện vận động các doanh nghiệp đầu tư gần 10 tỷ đồng trùng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử Đền Đuổm, xây dựng Nhà bia kỷ niệm nơi thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên ở xã Ôn Lương, Đền thờ các Anh hùng liệt sỹ và nhiều công trình văn hóa khác... để thu hút khách du lịch.

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch trên nhiều kênh, các phương tiện thông tin đại chúng ở huyện, tỉnh và Trung ương. Đặc biệt, trong giai đoạn này, huyện tham gia các chương trình và hoạt động du lịch có quy mô lớn như: Năm du lịch Quốc gia 2007 với

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chủ đề “Về với Thủ đô gió ngàn - Chiến khu Việt Bắc”, Hội thi hướng dẫn viên du lịch và văn hóa ẩm thực tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất năm 2007, Ngày hội văn hóa trà vùng Đông Bắc... Những nét đẹp về văn hóa, thế mạnh của du lịch Phú Lương được giới thiệu rộng rãi tới bạn bè trong và ngoài tỉnh. Huyện đã bước đầu xây dựng được các loại hình du lịch bao gồm: Du lịch văn hóa - tâm linh lễ hội Đền Đuổm, du lịch các địa danh lịch sử kháng chiến và dấu tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh, du lịch về cội nguồn, du lịch văn hóa sinh thái...

Trong công tác thu hút khách và phát triển thị trường, huyện chú trọng khai thác tiềm năng du lịch của Lễ hội Đền Đuổm, kết nối với các tour, tuyến du lịch của tỉnh để thu hút du khách. Do đó, mỗi năm thu hút hàng chục vạn du khách thăm viếng Đền Đuổm và thăm quan các địa danh khác của huyện.

Hệ thống chợ trên địa bàn huyện tạo thành mạng lưới quan trọng của ngành thương mại, góp phần phát triển sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và là nơi đáp ứng, cung cấp đầy đủ sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng cho các tầng lớp nhân dân ở địa phương. Đến năm 2010, toàn huyện có 13/16 chợ ở các xã, thị trấn, chỉ còn 3 xã Cổ Lũng, Động Đạt, Phú Lý chưa có chợ. Hầu hết các chợ phát huy được hiệu quả về mọi mặt nhất là thu ngân sách như: Chợ Đu, chợ Phấn Mễ, chợ Hợp Thành, chợ Túc Tranh. Huyện ủy chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá cả trên thị trường. Cơ quan chức năng làm tốt công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống gian lận thương mại, góp phần bình ổn giá, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ từ năm 2006 đến hết năm 2010 đạt hơn 1,8 tỷ đồng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân hàng năm 15,3%.

Các hoạt động dịch vụ về bưu chính, viễn thông phát triển

nhanh, chất lượng ngày càng được nâng cao. Mật độ máy điện thoại cố định tăng từ 3,7 máy/100 dân (năm 2006) lên 12 máy/100 dân (năm 2010); 100% xã, thị trấn được phủ sóng điện thoại di động; toàn huyện có 41 điểm dịch vụ truy cập internet với tỷ lệ dân số biết sử dụng là 11,4%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thương mại, du lịch, dịch vụ của huyện phát triển còn hạn chế, chưa xứng với tiềm năng. Huyện chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể cho phát triển du lịch, dẫn đến nguồn nhân lực cho du lịch, các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch thiếu tính chuyên nghiệp, chất lượng sản phẩm du lịch vẫn còn yếu không tạo sự hấp dẫn thu hút du khách. Các tiềm năng, thế mạnh về du lịch trên địa bàn huyện chưa được khai thác, phát huy tương xứng. Đa số các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn chưa mạnh dạn đầu tư về cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật cũng như nguồn vốn nên chưa có sự chuyển biến lớn ở một số sản phẩm, ngành nghề phát triển du lịch có thế mạnh. Một số xã, thị trấn chưa nhận thức được vai trò của ngành du lịch trong giai đoạn hiện nay nên chưa phát huy vai trò trách nhiệm của địa phương cho phát triển du lịch, công tác quản lý Nhà nước về du lịch còn lỏng lẻo, dẫn đến chất lượng các dịch vụ du lịch kém hiệu quả.

Công tác đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng của huyện được quan tâm, chú ý thông qua triển khai thực hiện “*Đề án tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010*”. Từ năm 2006 đến 2010, huyện Phú Lương đã đầu tư hơn 198 tỷ đồng để xây dựng kết cấu hạ tầng.

Các công trình điện tiếp tục được đầu tư, cải tạo. Trong 5 năm, huyện cải tạo, nâng cấp 17 trạm biến áp với 16km đường dây trung thế, 72km đường dây hạ thế và thi công hệ thống điện tại các xã: Yên Lạc, Động Đạt, Tứ Tranh, Phú Đô. Đến năm 2010, toàn huyện có 99,4% số hộ được sử dụng điện (còn

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

2 xóm: Ba Họ, Làng Muông - xã Yên Ninh chưa có điện lưới Quốc gia). Tổng giá trị đầu tư công trình điện đạt 27,9 tỷ đồng.

Giai đoạn 2006 - 2010, huyện tập trung xây dựng các công trình giao thông trọng điểm như: Tuyến đường Yên Trạch - Phú Tiến, Quốc lộ 3 - Phấn Mễ - Tức Tranh, Quốc lộ 3 - Bến Giềng - Vô Tranh, Phủ Lý - ATK Hợp Thành... Đồng thời, mở rộng nâng cấp được hơn 165km đường (trong đó đường nhựa là 37km, 10km đường bê tông xi măng, còn lại là đường cấp phối). Tổng giá trị đầu tư các công trình giao thông là 38 tỷ đồng. Cùng với đó, 14 công trình nước sinh hoạt tập trung theo Chương trình 134 đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Cơ sở vật chất trường học được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo đầu tư mạnh mẽ. Từ năm 2006 đến năm 2010, 104 phòng học cao tầng được xây dựng và đưa vào sử dụng, xây dựng 7 nhà hiệu bộ và trên 790m² nhà công vụ giáo viên. Đến năm 2010, trên địa bàn huyện hầu hết đã có trường học 2 tầng. Tổng nguồn vốn thực hiện các công trình trường học đạt hơn 58,7 tỷ đồng.

Với sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, sự nhạy bén của Ủy ban nhân dân cùng sự nỗ lực, cố gắng của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân trong huyện, đến năm 2010, 15/16 xã, thị trấn trên địa bàn huyện có trụ sở làm việc 2 tầng, 10/16 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia, 274/274 xóm có đường cho xe ô tô, 13/16 xã, thị trấn có chợ, hơn 99% số hộ dân trong toàn huyện được sử dụng điện lưới Quốc gia. Một số công trình lớn của huyện được khánh thành, đưa vào sử dụng như: Trụ sở làm việc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, hội trường lớn Huyện ủy, trụ sở làm việc các cơ quan: Ban Chỉ huy quân sự, Công an, Kho bạc Nhà nước, Đền thờ liệt sỹ... Kết cấu hạ tầng phát triển góp phần quan trọng tạo nên bộ mặt mới ở đô thị và nông thôn, tác động tích cực tới việc phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tiếp tục được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm và cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được lãnh đạo các cấp, các ngành tập trung, chỉ đạo quyết liệt bởi đây là công việc khó khăn, phức tạp, nhạy cảm, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Huyện thường xuyên kiện toàn lại bộ máy làm công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Ủy ban nhân dân huyện phân công cụ thể, giao nhiệm vụ trong điều hành, chỉ đạo giải quyết; các đồng chí đến từng hộ dân xem xét cụ thể từng vụ việc còn vướng mắc để tuyên truyền, thuyết phục; kịp thời phát hiện những vấn đề phức tạp như giải quyết chưa thỏa đáng, chưa đúng chế độ cho người dân từ đó có đề xuất với tỉnh giải quyết bảo vệ quyền lợi cho nhân dân. Hiệu quả công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được chứng minh qua con số: Đến năm 2010, nhân dân hiến hơn 165.000m² đất, đáp ứng được quỹ đất phục vụ thi công của các chủ đầu tư, không để tình trạng thi công kéo dài, phải hoàn vốn đầu tư do không được giải phóng mặt bằng như: Dự án cải tạo nâng cấp đường 268, đường 263, công trình đường điện 220KV, đường giao thông nông thôn xã Tức Tranh, dự án cụm công nghiệp Du - Động Đạt, dự án xây dựng hồ chứa nước Khe Ván, xã Phú Lý, dự án xây dựng trường Phổ thông Dân tộc nội trú Phú Lương...

Trong công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, Ủy ban nhân dân huyện tích cực phối hợp với chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ trình tỉnh thu hồi, giao đất, cho thuê đất; đẩy mạnh việc quy hoạch đất đai khu dân cư. Đồng thời, huyện tập trung chỉ đạo thực hiện việc điều chỉnh, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết một số tồn tại kéo dài về đất đai trên địa bàn. Tuy nhiên, công tác quản lý

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đất đai ở một số xã, thị trấn còn yếu kém, vẫn dễ xảy ra tình trạng mua bán trái phép đất có khoáng sản (một số công ty mua bán trái phép đất có khoáng sản với nhân dân để khai thác, không chấp hành đúng quy định của Nhà nước). Bên cạnh đó, huyện triển khai thực hiện “*Đề án quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2010*”. Do vậy, công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện đạt được nhiều kết quả. Việc cấp phép hoạt động khoáng sản đúng trình tự, quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất. Tình trạng khai thác, chế biến, vận chuyển khoáng sản trái phép cơ bản được ngăn chặn.

Thu ngân sách hằng năm của huyện đều đạt và vượt kế hoạch (bình quân tăng 16,3%/năm). Công tác điều hành quản lý ngân sách đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả; ưu tiên tăng chi cho phát triển kinh tế - xã hội; thu, chi ngân sách huyện bảo đảm đúng quy định, thủ tục thanh toán chặt chẽ, đáp ứng nhu cầu chi thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng và các chương trình mục tiêu Quốc gia.

Hoạt động tín dụng ngân hàng ổn định và có mức tăng trưởng khá, góp phần quan trọng vào thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bình quân hằng năm 31,7%, Ngân hàng Chính sách xã hội là 39,03%; tỷ lệ dư nợ quá hạn trong phạm vi cho phép.

Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của nền kinh tế tri thức, chất lượng nguồn nhân lực giữ vai trò quyết định trong việc phát huy nội lực, phát triển kinh tế, điều đó đòi hỏi trình độ học vấn của người lao động không ngừng được nâng cao.

Thực hiện triệt để quan điểm “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu*”, Huyện ủy thường xuyên quan tâm, chỉ đạo đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Chính vì vậy, sự nghiệp giáo dục - đào tạo của Phú Lương tiếp tục phát triển, chất lượng ngày càng được nâng cao; hệ thống, mạng lưới trường lớp phù hợp với từng địa bàn dân cư. Từ năm 2006 đến năm 2010, các cuộc vận động “*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*”, “*Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” và các phong trào “*Thi đua dạy tốt, học tốt*”, “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*” được ngành giáo dục huyện triển khai thực hiện có hiệu quả. Hằng năm tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 98,1%. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt bình quân 99,1%, tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 98,7%, tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 72,3%; tỷ lệ học sinh giỏi các bậc học, đạt giải các kỳ thi tăng hàng năm.

Trên cơ sở huyện Phú Lương đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi (năm 2002) và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (năm 2003) được duy trì và giữ vững, Ủy ban nhân dân huyện ban hành “*Đề án phổ cập giáo dục bậc trung học huyện Phú Lương giai đoạn 2006 - 2012*”. Thực hiện đề án, Ban Chỉ đạo huyện chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục và xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục bậc trung học. Các công tác như: Chỉ đạo các trường tiểu học, trung học cơ sở điều tra nắm vững trình độ học vấn của mỗi thành viên trong hộ gia đình làm căn cứ xây dựng kế hoạch ở từng cơ sở; chỉ đạo các nhà trường làm tốt việc huy động tối đa trẻ ra lớp ở các bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng; tích cực xây dựng

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

cơ sở vật chất nhà trường... được Ban Chỉ đạo huyện và ngành giáo dục tập trung chỉ đạo và triển khai. Với sự nỗ lực của toàn ngành giáo dục, đến năm 2010, huyện duy trì kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 2 đơn vị là thị trấn Đu và Giang Tiên đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học. Số trường đạt chuẩn Quốc gia tăng: Nếu năm 2006, toàn huyện chỉ có 7 trường tiểu học, 1 trường trung học cơ sở thì đến năm 2010, tăng lên 15 trường tiểu học và 3 trường trung học cơ sở.

Ngành giáo dục huyện thực hiện đúng quy định việc lựa chọn học sinh đi học cử tuyển, trong 5 năm huyện cử 50 em đi học đại học và học tại trường Nội trú của tỉnh. Đồng thời, huyện đẩy mạnh hoạt động của trung tâm dạy nghề, tăng cường mở rộng liên kết, hợp tác với các trường chuyên nghiệp, dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của huyện. Hội đồng Giáo dục, Hội Khuyến học các cấp, các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần tích cực trong sự phát triển giáo dục - đào tạo của huyện.

Sự nghiệp y tế, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo. Các chương trình y tế Quốc gia triển khai thực hiện đồng bộ, đạt hiệu quả. Ngành y tế huyện chủ động phòng chống dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm nên không có dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra. Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố, đến năm 2010, toàn huyện có 14/16 trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ; 100% xóm, tiểu khu có nhân viên y tế, cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Đến năm 2010, toàn huyện có 10/16 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Bình quân có trên 4 bác sỹ trên 1 vạn dân.

Từ năm 2005 đến năm 2010, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình luôn là nội dung trọng tâm trong các chương trình, kế

hoạch công tác thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền. Các chỉ tiêu về dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình được đưa vào Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2005 - 2010). Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện và các xã, thị trấn tổ chức quán triệt quan điểm Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị về *“Tiếp tục đẩy mạnh chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình”*, chú trọng lồng ghép các chỉ tiêu dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ chế phối hợp, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn huyện. Huyện kiện toàn và củng cố Ban Chỉ đạo công tác dân số, gia đình và trẻ em, đưa công tác dân số vào chỉ tiêu thi đua cho các đơn vị. Hằng năm, Trung tâm Dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện tổ chức bình xét đối với những đơn vị thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình để khen thưởng. Từ đó, tạo nên sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tốc độ gia tăng dân số, chất lượng dân số từng bước được nâng cao, đến năm 2010, tỷ suất sinh thô là 15,1‰, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 20,5%.

Công tác quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao, thông tin - tuyên truyền được Huyện ủy tăng cường chỉ đạo góp phần tạo môi trường văn hóa, thông tin lành mạnh. Huyện tập trung hướng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao về cơ sở với hình thức tổ chức phong phú, giàu bản sắc dân tộc, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, đáp ứng cơ bản nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Từ năm 2006 đến năm 2010, huyện Phú Lương triển khai nhiều hoạt động nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

truyền thống, các nét đẹp văn hóa dân tộc, xây dựng con người mới, nếp sống văn hóa mới. Các địa phương làm tốt công tác bảo tồn các giá trị văn hóa như: Bảo tồn trang phục của người Dao ở xã Yên Đổ, người Mông ở xã Động Đạt và Phú Đô, người Sán Chay ở xã Yên Lạc và Túc Tranh; bảo tồn hát ví ở các xã Yên Lạc, Phú Đô, Túc Tranh; bảo tồn ngôn ngữ của đồng bào Tày, Nùng được duy trì trong chương trình phát thanh tiếng Tày - Nùng trên sóng phát thanh của huyện. Đặc biệt, năm 2005, Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện tổ chức phục dựng Lễ hội cầu mùa của người Sán Chay ở xóm Đồng Tâm (xã Túc Tranh) - là một trong 10 lễ hội dân tộc thiểu số của toàn quốc được phục dựng; trong đó múa Tắc Xình là một nội dung được phục dựng nguyên gốc. Cũng trong năm 2005, Viện Dân tộc (thuộc Ủy ban Dân tộc Chính phủ) phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương thực hiện “*Dự án Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc Sán Chay (nhóm Sán Chí)*” tại xã Yên Lạc. Theo đó, xóm Đồng Xiền (xã Yên Lạc) được xây dựng nhà văn hóa; phục hồi và củng cố nhà thờ Thổ công; khôi phục một số bàn thờ tổ tiên của gia đình và trang phục truyền thống của người Sán Chay...

Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” được duy trì nền nếp, không ngừng nâng cao chất lượng. Huyện ủy chỉ đạo tiếp tục thực hiện “*Đề án nâng cao chất lượng xây dựng gia đình, làng, cơ quan văn hóa giai đoạn 2006 - 2010*”. Các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng, tạo khí thế thi đua rộng khắp trong các xóm, làng, cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn huyện. Các chỉ tiêu về gia đình, làng, cơ quan văn hóa cơ bản hoàn thành theo kế hoạch. Năm 2005, toàn huyện có 101 Làng văn hóa, 18.066 Gia đình văn hóa và 129 Cơ quan văn hóa đến năm 2010, con số đó lần

lượt là 111 - 23.077 - 153. Nhiều làng duy trì tốt phong trào, liên tục đạt danh hiệu Làng văn hóa như: Làng Thâm Đông (xã Ôn Lương) 13 năm, xóm Hạ (xã Yên Đổ) 11 năm, xóm Ao Cống (xã Phú Đô) 10 năm. Đến năm 2010, toàn huyện có 261/274 xóm, tiểu khu, phố có nhà văn hóa. Hằng năm, có trên 90% xóm, làng tổ chức ngày hội Đại đoàn kết dân tộc, thu hút đông đảo nhân dân hưởng ứng. Thông qua việc xây dựng đời sống văn hóa, các hủ tục trong việc cưới, việc tang được loại bỏ. Tình làng nghĩa xóm ngày càng được củng cố.

Công tác thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới, tập trung tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện duy trì tốt việc tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam, chuyên mục tiếng Tày - Nùng và xây dựng các chương trình phát thanh địa phương đến các tầng lớp nhân dân trong huyện. Các cụm loa truyền thanh cơ sở, trang thiết bị của Đài Truyền thanh - Truyền hình tiếp tục được đầu tư nâng cấp phục vụ tốt công tác thông tin - tuyên truyền. Huyện triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia phủ sóng phát thanh vùng lõm, đến năm 2010, toàn huyện có 7 trạm truyền thanh cấp xã với 275 cụm loa truyền thanh đặt tại cơ sở.

Trong thực hiện chính sách xã hội, Huyện ủy chỉ đạo tập trung vào các công tác: Xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, công tác đền ơn đáp nghĩa. Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo nên có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo đầu nhiệm kỳ là 31,51%, đến năm 2010 giảm xuống còn 13,19% (bình quân mỗi năm giảm 3,1%); 2.862 hộ nghèo¹ được hỗ trợ

¹ Báo cáo số 200-BC/HU ngày 2/8/2010 của Huyện ủy Phú Lương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.6.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

làm nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “*về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở*”. Công tác hướng nghiệp, dạy nghề đạt nhiều kết quả tốt, trong 5 năm (2006 - 2010), huyện tổ chức đào tạo nghề ngắn hạn cho trên 3.400 lao động, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho trên 6.000 lượt người; tạo việc làm mới bình quân mỗi năm cho 1.624 lao động.

Huyện ủy quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện các chế độ, chính sách xã hội, các hoạt động “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Uống nước nhớ nguồn*”. Hằng năm, ngành bảo hiểm cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách và người có công kịp thời. Vào các dịp lễ, tết, huyện đều trích ngân sách tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho 100% các gia đình chính sách. Bên cạnh nguồn ngân sách của huyện, các tổ chức, đơn vị, cá nhân ủng hộ, đóng góp vào các nguồn quỹ tình nghĩa, nhân đạo. Từ năm 2006 đến năm 2010, toàn huyện xây dựng được 463 nhà tình nghĩa, đại đoàn kết. Nhờ đó, đời sống của các gia đình chính sách dần được cải thiện.

Phú Lương có 8 dân tộc sinh sống với trên 100 nghìn người, trong đó, tỷ lệ dân tộc thiểu số chiếm hơn 40%, vì vậy, công tác dân tộc luôn được các cấp ủy đảng đặc biệt quan tâm. Huyện Phú Lương thực hiện triển khai đầy đủ các chương trình công tác dân tộc, chính sách dân tộc đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn nhằm hỗ trợ, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc như: Chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu dùng cho nhân dân vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn và hộ nghèo theo Chương trình 134, 135 của Chính phủ. Trong 5 năm, huyện đã hỗ trợ làm nhà ở cho 827 hộ là người dân tộc thiểu số, xây dựng 642 công trình nước hộ gia đình, 14 công trình nước tập trung và 21 công trình khác với tổng số tiền

trên 25 tỷ đồng. Nhờ đó, đồng bào dân tộc dần xóa bỏ các tập tục sinh hoạt cũ, đời sống dần được nâng cao.

Huyện ủy tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo. Trên địa bàn huyện Phú Lương có khoảng 4.000 tín đồ Phật giáo, Công giáo, Tin lành. Nhìn chung các tín đồ, tổ chức tôn giáo hoạt động theo tôn chỉ mục đích, chấp hành các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, ở một số nơi do hạn chế về hiểu biết nên xuất hiện một số đạo lạ; hoạt động Phật giáo còn phức tạp, xu thế phát sinh “chùa hóa” các cơ sở thờ tự... Trước thực trạng đó, cấp ủy chỉ đạo tích cực tuyên truyền các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo trong cộng đồng dân cư, nhất là các tín đồ tôn giáo; tạo điều kiện thuận lợi để tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn từ năm 2005 - 2010, Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong huyện tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế; đồng thời, thực hiện tốt việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh. Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo và tạo được sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quân sự, công an với các cơ quan, đoàn thể, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh địa phương.

Quán triệt tinh thần Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ “*về xây dựng khu vực phòng thủ*” và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới*”, Huyện ủy xác định xây dựng khu vực phòng thủ là nhiệm vụ trọng yếu trong thực hiện công tác quốc phòng - quân sự địa phương. Trên cơ sở đó, Huyện ủy chỉ đạo cơ quan chức năng điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quyết tâm phòng thủ sát với

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thực tế địa bàn và có sự thống nhất chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể trong huyện. Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ hàng năm, qua đó, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền trong xử lý các tình huống về quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc, đi vào chiều sâu. Trong 5 năm, huyện huy động 336.439 lượt người tham gia diễn tập và xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở với tổng giá trị thực hiện đạt trên 12,8 tỷ đồng.

Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng bình quân hàng năm đạt 96%, giáo dục quốc phòng cho học sinh trung học phổ thông đạt 100%. Việc tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên đạt kết quả tốt; công tác tuyển quân, tuyển sinh được thực hiện đúng luật, đạt 100% chỉ tiêu. Bên cạnh đó, Huyện ủy cũng chỉ đạo lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng - an ninh trong các lễ hội truyền thống, các phong trào thi đua ở địa phương, cơ sở. Qua đó góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa, xây dựng “*Thế trận lòng dân*” vững chắc, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “*Diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch.

Trong những năm 2005 - 2010, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện Phú Lương cơ bản ổn định. Huyện ủy chỉ đạo tăng cường công tác nắm bắt tình hình, giải quyết các vấn đề nổi cộm liên quan đến an ninh trật tự; kịp thời giải quyết những mâu thuẫn phát sinh ngay từ cơ sở, không để xảy ra đột biến bất ngờ về an ninh chính trị. Thực hiện “*Đề án phòng chống tội phạm - tệ nạn xã hội giai đoạn 2006 - 2010*”, lực lượng công an tích cực triển khai các biện pháp phòng ngừa,

tăng cường đấu tranh trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội, triệt phá các ổ nhóm tội phạm hình sự. Từ năm 2006 đến tháng 8/2010, Công an huyện mở 15 đợt cao điểm tấn công truy quét, trấn áp tội phạm, bắt 358 đối tượng; triệt phá 46 ổ nhóm lớn về tội phạm hình sự, mại dâm, cờ bạc; điều tra làm rõ 260 vụ phạm pháp hình sự. Các ngành chức năng đã phát hiện, xử lý 566 vụ vận chuyển, khai thác chế biến lâm sản, hàng cấm, hàng lậu; phát hiện bắt giữ 82 vụ (140 đối tượng) phạm các tội về ma túy. Trong 5 năm, ngành công an huyện đã khởi tố điều tra 449 vụ (610 bị can); Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân đã truy tố, xét xử 339 vụ (597 bị can, trong đó có 26 vụ được chọn làm án điểm về tội phạm hình sự, ma túy, tai nạn giao thông để xét xử lưu động, tuyên truyền)¹. Công tác khởi tố, điều tra, truy tố xét xử luôn đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng oan, sai.

Công tác tuyên truyền phổ biến, tư vấn, trợ giúp pháp luật được tăng cường, từng bước nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong 5 năm (2005 - 2010), Hội đồng phổ biến pháp luật phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cấp huyện tổ chức được 141 buổi tuyên truyền cho trên 10.800 lượt người với các nội dung cơ bản của các luật, pháp lệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

Công tác tiếp dân được duy trì theo quy định. Từ năm 2005 đến năm 2010, huyện tiếp nhận 825 đơn thư; trong đó có 222 đơn khiếu nại, 19 đơn tố cáo và 584 đơn đề nghị, kiến nghị²;

¹ Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 3/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về tổng kết thực hiện Đề án phòng chống tội phạm - tệ nạn xã hội (giai đoạn 2006 - 2010), tr.4-5.

² Báo cáo số 200-BC/HU ngày 2/8/2010 của Huyện ủy Phú Lương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.8.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tập trung giải quyết đơn thư theo đúng trình tự của pháp luật; hạn chế được đơn thư khiếu kiện vượt cấp và tụ tập đông người tại các trụ sở làm việc của cơ quan Đảng, Nhà nước.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được coi trọng. Huyện ủy tổ chức quán triệt đầy đủ, nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh, triển khai đồng bộ, sâu rộng gắn với thực hiện cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Trong 4 năm (2007 - 2010), Huyện ủy tổ chức 174 lớp nghiên cứu, quán triệt các chuyên đề của cuộc vận động với sự tham gia của 92,04% cán bộ¹, đảng viên, công chức, viên chức. Sau khi học tập có 92% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức viết bài thu hoạch và tự xác định phương hướng rèn luyện, phấn đấu làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; 100% chi bộ, đảng bộ cơ sở xây dựng “*Quy định về tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức*”. Cuộc vận động tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân; trong đó có không ít cá nhân; tập thể tiêu biểu, điển hình làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ. Song song với đó, tính đoàn kết nội bộ, đấu tranh tự phê bình và phê bình được tăng cường. Việc thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện có hiệu quả; ý thức, thái độ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành công vụ có nhiều chuyển biến.

Sau Đại hội, Huyện ủy kịp thời xây dựng, bổ sung quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; quy chế làm

¹ Báo cáo số 200-BC/HU ngày 2/8/2010 của Huyện ủy Phú Lương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.8.

việc của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; quy chế phối hợp hoạt động; nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện các chương trình, đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Huyện ủy chỉ đạo thực hiện có kết quả “Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ”, xây dựng và thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, kịp thời kiện toàn cấp ủy và cán bộ chủ chốt cấp huyện; tổ chức sắp xếp lại các phòng, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Huyện ủy và Ủy ban nhân dân tập trung kiện toàn cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện và cơ sở; thực hiện việc điều động, chuyển đổi vị trí công tác cho phù hợp với năng lực, sở trường cán bộ. Từ năm 2006 đến năm 2010, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện thực hiện bổ nhiệm 83 lượt trưởng, phó phòng, ban cấp huyện và tương đương; bầu bổ sung 13 chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; chỉ định, bầu bổ sung 11 bí thư, 27 phó bí thư và 14 cấp ủy viên cơ sở¹.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp được quan tâm, chú trọng. Trong 5 năm, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức được 109 lớp bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ cho 9.760 lượt cán bộ; mở 7 lớp sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị cho 478 học viên². Đồng thời, huyện cử 21 cán bộ đi học cử nhân, cao cấp lý luận chính trị; 106 cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại tỉnh và Trung ương; phối hợp mở 1 lớp đại học kinh tế nông nghiệp hệ tại chức cho 74 cán bộ huyện và cơ sở.

Huyện ủy chỉ đạo tích cực thực hiện “Đề án xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh” và “Đề án nâng cao năng lực lãnh đạo,

¹ Báo cáo số 200-BC/HU ngày 2/8/2010 của Huyện ủy Phú Lương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.9.

² Báo cáo số 200-BC/HU ngày 2/8/2010 của Huyện ủy Phú Lương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.9.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn”. Qua thực hiện các đề án, năng lực lãnh đạo của chi ủy chi bộ, nhận thức của đội ngũ đảng viên được nâng lên một bước. Công tác đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được coi trọng, bám sát với thực tế. Bình quân hằng năm có 82,25% tổ chức đảng đạt trong sạch, vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2006 là 68,7%, đến năm 2009 tăng lên 74,02%; đảng viên vi phạm tư cách năm 2006 là 1,23%, năm 2009 giảm xuống còn 0,59% so với tổng số đảng viên toàn Đảng bộ¹. Huyện ủy quan tâm công tác phát triển đảng viên, từ năm 2006 đến năm 2010, toàn huyện kết nạp được 785 đảng viên; xóa được xóm “trắng” đảng viên.

Huyện ủy tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo tinh thần Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 30/7/2007 và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều 30, 32 của Điều lệ Đảng. Hằng năm, Ủy ban Kiểm tra xây dựng kế hoạch kiểm tra có trọng tâm, bám sát yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn theo chỉ đạo của cấp ủy; chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát từng bước được nâng lên. Từ năm 2005 đến năm 2010, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và thi hành kỷ luật trong Đảng, kiểm tra tài chính Đảng đối với 19 tổ chức đảng, kiểm tra 07 tổ chức đảng, 41 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Qua kiểm tra, cấp ủy các cấp và Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy xử lý kỷ luật 62 đảng viên bằng các hình thức: khiển trách 20 đồng chí, cảnh cáo 30 đồng chí, cách chức 3 đồng chí, khai trừ 9 đồng chí; xóa tên 30 đảng viên và cho ra khỏi Đảng 12 đảng viên².

¹ Báo cáo số 200-BC/HU ngày 2/8/2010 của Huyện ủy Phú Lương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.9.

² Báo cáo số 200-BC/HU ngày 2/8/2010 của Huyện ủy Phú Lương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.10.

Công tác xây dựng chính quyền thường xuyên được kiện toàn, củng cố. Hội đồng nhân dân hoạt động đúng luật, có nhiều đổi mới. Tính hình thức trong các kỳ họp được khắc phục từng bước, các đại biểu Hội đồng nhân dân tích cực thảo luận những vấn đề thuộc chương trình của kỳ họp. Thông qua các kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành các nghị quyết đúng với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, bám sát nghị quyết của cấp ủy, phát huy được tính hiệu lực, hiệu quả, có tính khả thi cao. Công tác giám sát việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân được tăng cường, chú trọng những vấn đề nổi cộm, phức tạp. Các đại biểu Hội đồng nhân dân nêu cao vai trò trách nhiệm trước cử tri, dành nhiều thời gian cho công tác giám sát, tiếp xúc cử tri, phản ánh kịp thời những ý kiến, kiến nghị của cử tri tới kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp.

Ủy ban nhân dân huyện có nhiều đổi mới trong chỉ đạo, điều hành, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh theo các chương trình, đề án. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc, tập trung trọng tâm, trọng điểm, chỉ đạo giải quyết những tồn tại, bức xúc, những vụ việc mới phát sinh ngay từ cơ sở. Công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh; Ủy ban nhân dân hoàn thành việc thống kê, nhập dữ liệu thủ tục hành chính trên các lĩnh vực theo Đề án 30 của Chính phủ, đăng ký hòm thư điện tử cho các xã, thị trấn và các phòng, ban chuyên môn trực thuộc. Hoạt động của bộ phận “*một cửa*” từ huyện đến cơ sở dần đi vào nề nếp, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến làm việc. Ủy ban nhân dân đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kiên quyết xử lý các tập thể, cá nhân vi phạm. Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm, tạo động lực thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước

trên mọi lĩnh vực.

Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị địa phương của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có nhiều đổi mới. Khối đại đoàn kết toàn dân tiếp tục được củng cố, tăng cường; dân chủ ở cơ sở được phát huy; các phong trào thi đua, cuộc vận động được triển khai sâu rộng, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội và thu được những kết quả thiết thực. Tỷ lệ thu hút hội viên, đoàn viên tham gia tổ chức đoàn thể luôn đạt mức cao; đến năm 2010, tỷ lệ thu hút của Liên đoàn Lao động đạt 100%, Hội Cựu chiến binh 88,2%, Hội Nông dân 85,5%, Đoàn Thanh niên 78% và Hội Liên hiệp Phụ nữ đạt 70,95%¹.

Mặt trận Tổ quốc huyện Phú Lương luôn chú trọng việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, phấn đấu thực hiện chương trình hành động, đạt được nhiều kết quả thiết thực, góp phần tích cực vào hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp tiếp tục được khẳng định trong đời sống xã hội. Mặt trận xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU của Tỉnh ủy ngày 16/6/2006 về *“Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác dân vận, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giai đoạn 2006 - 2010”*. Hoạt động của các Ban công tác mặt trận ở khu dân cư từng bước được đổi mới và hiệu quả trong việc triển khai thực hiện các phong trào, cuộc vận động, phát huy dân chủ ở cơ sở. Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* là cuộc vận động lớn trong phong trào thi đua yêu nước. Nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và nội dung của cuộc vận động, trong 5 năm 2006 - 2010,

¹ Báo cáo số 200-BC/HU ngày 2/8/2010 của Huyện ủy Phú Lương - Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.11.

các cấp Mặt trận Tổ quốc thường xuyên tập trung chỉ đạo, đổi mới hình thức vận động, tuyên truyền vì vậy cuộc vận động đạt nhiều kết quả to lớn cả về chiều rộng và chiều sâu, góp phần đáng kể vào hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện. Các cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm, ma túy, an toàn giao thông... được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh và thu nhiều kết quả thiết thực.

Công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu niên có nhiều chuyển biến tích cực, thu được những thành quả đáng phấn khởi trên tất cả các mặt hoạt động. Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng của Đoàn được đẩy mạnh với những hình thức đa dạng, phong phú và sinh động, truyền tải được nhiều nội dung đến với đông đảo đoàn viên thanh niên trên các lĩnh vực, các địa bàn khác nhau. Các hoạt động hỗ trợ thanh niên học tập, rèn luyện, tạo việc làm nâng cao thu nhập, đời sống đoàn viên được chú trọng, ngày càng có nhiều thanh niên năng động, biết vươn lên tự làm giàu. Công tác tổ chức cuộc vận động “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”, chương trình “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh” được cán bộ, đoàn viên hưởng ứng, tham gia. Đặc biệt, phong trào thi đua “Tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” đã khích lệ được tinh thần “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”. Phong trào đã thu hút hơn 9.000 đoàn viên và hơn 2.000 đoàn viên thanh niên trên địa bàn huyện góp phần xây dựng quê hương. Trong 5 năm, có gần 600 hoạt động tình nguyện về các xã vùng sâu, vùng xa của huyện, sửa chữa được 38km đường, tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho hơn 300 gia đình chính sách với tổng trị giá 15 triệu đồng... Uy tín, vị thế của tổ chức Đoàn được nâng lên, thanh niên Phú Lương có những đóng góp đáng kể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Tổ chức Đoàn - Hội không ngừng được xây dựng, củng cố và phát triển về số lượng cũng như chất lượng. Từ năm 2006 đến năm 2010, 5.532 thanh niên được xét kết nạp Đoàn. Đến năm 2010, toàn huyện có 4.735 đoàn viên sinh hoạt ở 36 cơ sở đoàn với 386 chi đoàn.

Công tác Hội và phong trào phụ nữ huyện Phú Lương có bước phát triển vững chắc, các hoạt động được triển khai có trọng tâm, trọng điểm và đạt được nhiều kết quả. Hội tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua *“Giỏi việc nước, đảm việc nhà”*, *“Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ”*, *“Tổ phụ nữ không có hội viên nghèo”*, *“Vốn tiết kiệm vì phụ nữ nghèo”*... Bằng nhiều hình thức phong phú, Hội giúp cho 7.234 công lao động và các vật chất khác trị giá trên 789 triệu đồng đối với hội viên phụ nữ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đặc biệt, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện hỗ trợ xây dựng được 17 nhà *“Mái ấm tình thương”* cho hội viên khó khăn từ nguồn quỹ *“Mái ấm tình thương”*.

Nhận thức của cán bộ, hội viên về phong trào phụ nữ và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được nâng lên. Năm 2010, Hội có 18.772 hội viên, tham gia sinh hoạt ở 16 cơ sở hội. Đội ngũ cán bộ hội từ huyện đến cơ sở không ngừng trau dồi kiến thức nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, luôn năng động, sáng tạo và nhiệt tình với công tác; chủ động xây dựng mối quan hệ phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động liên ngành nên hiệu quả hoạt động đạt kết quả cao.

Hội Nông dân được củng cố về tổ chức, đến năm 2010 có 16.269 hội viên tham gia ở 274 cơ sở hội. Nông dân huyện Phú Lương tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tạo bước chuyển biến lớn trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Các cấp hội khắc phục khó khăn, đẩy mạnh các phong trào thi đua, đoàn kết xây dựng Hội vững mạnh, xứng đáng là lực lượng

trung tâm, nòng cốt của nông dân. Trong 5 năm, Hội tổ chức hơn 1.000 buổi tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho trên 68.000 lượt cán bộ, hội viên. Bên cạnh đó, Hội phối hợp với các cơ quan chức năng mở các lớp học, các buổi tập huấn, các mô hình trình diễn kỹ thuật, tổ chức các cuộc hội thảo đầu bờ cho trên 2.000¹ lượt hội viên. Hội viên tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần tăng năng suất cây trồng, đưa sản phẩm nông nghiệp trở thành hàng hóa. Phong trào *“Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp đỡ nhau làm giàu, giảm nghèo và làm giàu chính đáng”*... thu được nhiều kết quả. Trong phong trào, có hàng nghìn hộ đạt tiêu chuẩn sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, nhiều hộ có mức thu nhập cao (trên 30 triệu đồng/khẩu/năm). Thông qua phong trào sản xuất kinh doanh giỏi, các hộ nông dân có điều kiện học tập, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau về cách làm, tự nguyện hình thành các nhóm sở thích như nuôi ong, nuôi gà, nuôi lợn nái ngoại, lợn siêu nạc, nuôi cá, nuôi rấn, nuôi nhím... Phong trào thực sự là động lực thúc đẩy giảm nghèo và làm giàu chính đáng ở nông thôn. Với những thành tích đạt được, trong 5 năm, có 142 lượt tập thể và 164 lượt cá nhân được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội Nông dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương khen thưởng.

Hội Cựu chiến binh huyện được kiện toàn, thu hút đông đảo hội viên, đến năm 2010, Hội có 4.321 hội viên. Pháp lệnh Cựu chiến binh, Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 8/1/2002 của Bộ Chính trị khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh trong giai đoạn cách mạng mới và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Hội được Hội Cựu

¹ Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Hội Nông dân huyện Phú Lương nhiệm kỳ 2005 - 2011, tr.3.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chiến binh Phú Lương triển khai học tập, quán triệt đầy đủ. Tỷ lệ hội viên tham gia học tập đạt từ 85% trở lên. Hội viên cựu chiến binh tích cực hưởng ứng phong trào như: *“Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”*, *“Xây dựng hội viên gương mẫu”*, *“Xây dựng gia đình hội viên văn hóa”* tạo không khí thi đua sôi nổi.

Từ năm 2005 đến năm 2010, các cấp công đoàn trong huyện đã vượt lên những khó khăn, thách thức có nội dung, hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, thiết thực. Công tác chăm lo, bảo vệ các quyền, lợi ích của công nhân viên chức lao động được coi trọng. Công đoàn đi đầu trong việc tổ chức phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, xã hội từ thiện góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị ở địa phương, xây dựng đội ngũ công nhân viên chức lao động và tổ chức công đoàn vững mạnh, vị thế của tổ chức công đoàn trong xã hội được nâng lên.

Để đạt được những kết quả trên, cấp ủy và chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tích cực đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa nhiệm vụ của các lĩnh vực trọng tâm bằng các chương trình, đề án chỉ đạo trong cả nhiệm kỳ và các nghị quyết chuyên đề hàng năm. Huyện ủy đề ra nhiều giải pháp mang tính đột phá nhằm khai thác nội lực và tranh thủ được nguồn hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Với nhiều biện pháp và quyết tâm lớn, sức mạnh của cả hệ thống chính trị đã được phát huy; cán bộ, đảng viên đoàn kết một lòng, nhân dân đồng thuận với các chủ trương của huyện. Ngoài ra, Đảng bộ huyện Phú Lương luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo sát sao của Tỉnh ủy Thái Nguyên, sự chỉ đạo, giúp đỡ của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban ngành của tỉnh và Trung ương.

Mặc dù đạt được nhiều thành tích song việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI còn một số hạn chế:

Kinh tế phát triển khá nhưng chưa xứng với tiềm năng; lĩnh vực văn hóa - xã hội có mặt còn hạn chế; an ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp; công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa thực sự sâu rộng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu, hiệu quả một số mặt công tác của các đoàn thể chưa cao...

Từ những thành tựu cũng như hạn chế trên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm để có biện pháp tháo gỡ, khắc phục, tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

IV. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nông thôn mới (2010 - 2015)

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 4/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ XI của Đảng, từ ngày 9 đến ngày 11/8/2010, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015). Tham dự Đại hội có 211 đại biểu chính thức đại diện cho hơn 4.500 đảng viên sinh hoạt tại 59 đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng bộ huyện.

Đại hội đánh giá nghiêm túc việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI, đồng thời thảo luận và thông qua phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm trên các lĩnh vực trong nhiệm kỳ mới với mục tiêu tổng quát: *“Phát triển kinh tế của huyện với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả phát triển. Phát huy nội lực, tạo điều kiện thu hút đầu tư, nâng cao một bước hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Phát triển*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, kết hợp chặt chẽ với phát triển giáo dục, văn hóa, khoa học công nghệ; củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh; từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện”¹. Để thực hiện mục tiêu chung đề ra, Đại hội quyết nghị 13 chỉ tiêu, 4 nhiệm vụ và 19 giải pháp cụ thể.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 39 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 ủy viên. Trong đó đồng chí Nguyễn Vy Hồng được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lương Trung Hà và đồng chí Nguyễn Thị Mai được bầu làm Phó Bí thư².

Trong giai đoạn 2010 - 2015, bên cạnh mặt thuận lợi (nền tảng vững chắc đã đạt được trên các lĩnh vực, sự hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng...), quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII gặp không ít khó khăn: Kinh tế thế giới và trong nước phục hồi chậm do ảnh hưởng của suy thoái; đầu tư công của Nhà nước giảm, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của sự phát triển; thị trường tiêu thụ sản phẩm, giá cả hàng hóa không ổn định; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh... Song, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

Công tác xây dựng Đảng luôn được chú trọng xây dựng trên 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trước hết, việc tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng được thực hiện thường

¹ *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015), số 08-NQ/ĐH ngày 11/8/2011, tr.2.*

² Tháng 9/2013, đồng chí Nguyễn Vy Hồng chuyển công tác về tỉnh; từ tháng 11/2013, đồng chí Phạm Hoàng Sơn giữ chức Bí thư Huyện ủy Phú Lương.

xuyên, đặc biệt là việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, tạo niềm tin và sự đồng thuận trong toàn Đảng bộ. Cấp ủy tích cực triển khai nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước gắn với xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể của từng xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị. Đến cuối năm 2015, có 14/16 xã, thị trấn hoàn thành việc xuất bản cuốn lịch sử đảng bộ địa phương.

Đáng chú ý nhất trong công tác xây dựng Đảng giai đoạn này là Huyện ủy Phú Lương thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI *“Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*. Thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng văn bản triển khai, hướng dẫn tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 trong toàn Đảng bộ (Kế hoạch số 34-KH/HU ngày 7/5/2012, Hướng dẫn số 10-HD/HU ngày 8/5/2012). Bên cạnh đó, Huyện ủy tổ chức 4 hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 cho 530 đại biểu là các đồng chí cán bộ chủ chốt của huyện, các đồng chí nguyên lãnh đạo chủ chốt đã nghỉ hưu và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội. Công tác chuẩn bị kiểm điểm được tiến hành chu đáo, khẩn trương, bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và Tỉnh ủy. Việc tiến hành lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân cho tập thể Ban Thường vụ và cá nhân từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ đảm bảo đúng nguyên tắc, quy định bám sát 3 nội dung trọng

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

tâm¹. Kết quả đợt tự phê bình và phê bình: 100% số tập thể và cá nhân kiểm điểm đạt yêu cầu. Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong Đảng góp phần phòng ngừa sai phạm đối với cán bộ, đảng viên ở tất cả các cấp; là bước đi ban đầu quan trọng để đưa tự phê bình và phê bình trong Đảng trở thành thường xuyên, nền nếp, góp phần xây dựng Đảng bộ thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Quá trình sửa chữa, khắc phục khuyết điểm sau kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 được kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về *“Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh”*. Thực hiện Chỉ thị 03, Ban Thường vụ Huyện ủy tích cực lãnh đạo, chỉ đạo và làm tốt công tác triển khai hướng dẫn thực hiện. Trong 4 năm (đến tháng 3/2015), Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành 34 văn bản; bộ phận giúp việc ban hành 37 văn bản; Ban Tuyên giáo Huyện ủy ban hành 9 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các chi, đảng bộ trực thuộc huyện thực hiện các nội dung theo yêu cầu Chỉ thị số 03-CT/TW. Huyện ủy tiến hành thành lập, kiện toàn Bộ phận giúp việc về học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh gồm có 17 đồng chí. Đồng thời, Huyện ủy chỉ đạo thực hiện các phong trào, các cuộc vận động do Trung ương, các cấp, các ngành phát động gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW và Đề án số 09-ĐA/TU. Trên cơ sở đó, trong 5 năm, từ huyện đến cơ sở đã có những cách làm mới, sáng tạo, mạnh dạn, đưa

¹ Ba nội dung trọng tâm trong kiểm điểm tự phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI): 1- Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo quản lý. 2- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp huyện đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 3- Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền lãnh đạo cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

việc thực hiện Chỉ thị vào cuộc sống, làm chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”.

Công tác tuyên truyền của các cơ quan thông tin tuyên truyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được đẩy mạnh. Bộ phận giúp việc và Ban Tuyên giáo Huyện ủy đăng 91 tin, bài tuyên truyền về kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, Đề án số 09-ĐA/TU; giới thiệu các tập thể, cá nhân điển hình, tiên tiến “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”; xây dựng và duy trì chuyên mục “*Kể chuyện tấm gương đạo đức Bác Hồ*” trên Bản tin Tuyên truyền nội bộ để làm tài liệu tham khảo phục vụ sinh hoạt chi bộ. Đặc biệt, Ban Tuyên giáo phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tuyên truyền việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở 42 lớp bồi dưỡng chính trị hè cho trên 8.000 lượt cán bộ, giáo viên¹. Phòng Văn hóa - Thông tin và Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện thực hiện tốt công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với những hoạt động cụ thể như: Triển lãm tranh ảnh, cổ động và tuyên truyền tại cơ sở; xây dựng, làm mới, sửa chữa trên 165 panô, áp phích, khẩu hiệu tuyên truyền; củng cố hệ thống bản tin, tranh ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh; tổ chức ngày hội đọc sách tại trường Tiểu học thị trấn Đu với chủ đề ca ngợi tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; tham gia và đạt giải nhất Hội thi kể chuyện về cuộc sống đời thường của Chủ tịch Hồ Chí Minh do tỉnh tổ chức. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” và

¹ Báo cáo số 291-BC/HU ngày 1/5/2015 của Huyện ủy Phú Lương tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị và Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Thái Nguyên về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tr.2.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

chương trình xây dựng nông thôn mới; gắn với phong trào của đoàn, chương trình công tác của hội.

Qua thực hiện “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, trên địa bàn huyện xuất hiện nhiều mô hình, gương điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực như: 7 mô hình học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, 5 mô hình hỗ trợ phát triển kinh tế tăng thu nhập; chương trình “*Thắp sáng ước mơ thiếu nhi*” tại trường Trung học cơ sở Phấn Mễ tặng 17 suất quà, 2 chiếc xe đạp cho học sinh vượt khó và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tổng trị giá 131,8 triệu đồng; Hội Phụ nữ có mô hình “*Tổ phụ nữ tiết kiệm*”, “*Nuôi lợn nhựa tiết kiệm*”, “*Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ*”... vận động tiết kiệm được 300 triệu đồng hỗ trợ xây dựng 14 nhà “*Mái ấm tình thương*”; xã Động Đạt có 6 mô hình tiết kiệm; mô hình của Chi hội Giang Sơn thị trấn Giang Tiên xây dựng “*Quỹ tương thân tương ái*” được trên 100 triệu đồng cho hội viên nghèo vay không tính lãi¹...

Việc thực hiện Chỉ thị 03, đặc biệt là thực hiện yêu cầu đẩy mạnh việc “*làm theo*” đã góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện. Việc thực hiện Chỉ thị đi vào nề nếp, có chiều sâu, trở thành ý thức tự giác, thiết thực, hạn chế tình trạng hình thức, qua loa, chiếu lệ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đảng viên ngày càng nâng cao trách nhiệm gương mẫu, đi đầu, tích cực, chủ động khắc phục những tồn tại, hạn chế thông qua thực hiện tốt việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhằm xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo thực hiện

¹ Báo cáo số 291-BC/HU ngày 1/5/2015 của Huyện ủy Phú Lương tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị và Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Thái Nguyên về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tr.3-5.

thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương, đơn vị; ngày 31/5/2011, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII ban hành Đề án số 01-ĐA/HU về “*Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh giai đoạn 2011 - 2015*”. Mục tiêu của Đề án phấn đấu hằng năm có 80% trở lên chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh và không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém; trên 80% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 10 - 15% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hạn chế đến mức thấp nhất đảng viên vi phạm tư cách... Các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, Huyện ủy viên tích cực chỉ đạo thực hiện đề án ở cơ sở được phân công phụ trách. Các ban Đảng theo chức năng, nhiệm vụ giúp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng kế hoạch và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đề án ở cơ sở, đặc biệt lưu tâm đến các đảng bộ, chi bộ còn nhiều khó khăn, yếu kém. Hằng năm, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện phối hợp với cơ sở xây dựng kế hoạch mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng những nội dung cụ thể, cập nhật những kiến thức mới cho đội ngũ chi ủy viên, bí thư chi bộ, đảng viên. Trong tổng kết công tác xây dựng Đảng, hằng năm, các chi bộ, đảng bộ cơ sở đều đánh giá tiến độ thực hiện và rút kinh nghiệm, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện tốt đề án...

Thực hiện đề án, việc đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng, đảng viên đảm bảo thực chất. Từ năm 2010 đến năm 2015, tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ tăng cao, bình quân đạt 92,9%/năm; đảng viên hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85,6%. Huyện ủy chuẩn y thành lập mới, chia tách 9 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện. Đến cuối nhiệm kỳ, toàn huyện có 64 chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc huyện, 375 chi bộ thuộc đảng bộ cơ sở. Công tác phát triển đảng được coi trọng, trong 5 năm, Đảng bộ kết

nap được 1.037 đảng viên mới¹.

Thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII về xây dựng đội ngũ cán bộ của huyện có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh, có kiến thức và năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, ngày 30/7/2011, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII ban hành Đề án số 03-ĐA/HU về “*Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giai đoạn 2011 - 2015*”. Trên cơ sở đó, các cấp ủy thường xuyên thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ; sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ có năng lực, sở trường trong công tác; quan tâm cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý có tuổi đời dưới 35 tuổi chiếm 10,3%, cán bộ nữ 23,3%, cán bộ là người dân tộc thiểu số chiếm 39%. Trong 5 năm, Huyện ủy đã chỉ đạo tổ chức được 94 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho 6.737 học viên; cử và tạo điều kiện cho 30 cán bộ đi đào tạo về chuyên môn sau đại học, 157 đồng chí đi học hệ cao cấp và trung cấp lý luận chính trị².

Các cấp ủy từ huyện đến cơ sở đã tổ chức thực hiện toàn diện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng, giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo, các vấn đề phức tạp có liên quan đến cán bộ, đảng viên trên địa bàn; xem xét và xử lý nghiêm đối với các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên vi phạm, góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng, củng cố niềm tin

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020) ngày 6/7/2015, tr.10.

² Báo cáo số 306-BC/HU ngày 6/7/2015 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, tr.9-10.

của quần chúng nhân dân với Đảng. Nhiệm kỳ 2010 - 2015, cấp ủy các cấp và Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã tổ chức 34 cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề về các lĩnh vực, Ủy ban Kiểm tra 2 cấp tiến hành kiểm tra định kỳ đối với 567 lượt tổ chức đảng, kiểm tra đột xuất 10 tổ chức đảng và 39 đảng viên có dấu hiệu vi phạm “Điều lệ Đảng”. Qua kiểm tra, cấp ủy các cấp và Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã thi hành kỷ luật 113 đảng viên, 5 tổ chức đảng vi phạm; ngoài ra còn giải quyết 89 đơn tố cáo liên quan đến 76 đảng viên, qua đó đã thi hành kỷ luật 8 trường hợp¹.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được kiện toàn, củng cố, ngày càng nâng cao về chất lượng và hiệu quả hoạt động. Huyện đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu cao (99,6%), kết quả bầu 2 đại biểu Quốc hội, 6 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, 40 đại biểu hội đồng cấp huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, đảm bảo về cơ cấu thành phần và chất lượng đại biểu. Hội đồng nhân dân 2 cấp phát huy tốt chức năng là cơ quan quyền lực ở địa phương quyết định các vấn đề quan trọng, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương; đồng thời giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết đã ban hành và giải quyết những vấn đề được cử tri quan tâm. Từ năm 2010 đến năm 2015, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Phú Lương phối hợp với Mặt trận Tổ quốc huyện tổ chức được nhiều cuộc tiếp xúc giữa cử tri với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; các ý kiến của cử tri được tổng hợp đầy đủ, phản ánh kịp thời tới các cơ quan có thẩm quyền.

Công tác điều hành của Ủy ban nhân dân huyện và các xã,

¹ Báo cáo số 306-BC/HU ngày 6/7/2015 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, tr.10.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thị trấn có nhiều chuyển biến tích cực, bám sát nghị quyết của Huyện ủy và Hội đồng nhân dân huyện; chỉ đạo, điều hành có trọng tâm, trọng điểm và cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch, đề án để tổ chức thực hiện; thường xuyên bám sát cơ sở, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những vướng mắc cũng như các vấn đề phát sinh. Từ năm 2010 đến năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương ban hành 32.406 quyết định, 7.562 công văn, 556 thông báo, 44 chỉ thị. Việc bố trí các chức danh chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn được thực hiện đủ về số lượng, cơ cấu theo quy định, cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc. Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 8/11/2011 của Chính phủ về *“Ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020”*, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch hằng năm về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và rà soát thủ tục hành chính; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện... Bộ phận *“một cửa”* tại 16/16 xã, thị trấn trong huyện áp dụng có hiệu quả việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính. Đến cuối năm 2015, có 14/16 xã, thị trấn có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có đủ diện tích mặt bằng làm việc theo quy định, 100% cán bộ, công chức chuyên trách công tác trên đạt chuẩn theo quy định.

Thực hiện công cuộc đổi mới, huyện Phú Lương hết sức coi trọng và phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo của nhân dân trong phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội, tăng cường đoàn kết toàn dân, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, thực hiện mục tiêu *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*, dân chủ được phát huy và từng bước áp dụng rộng rãi trên các lĩnh vực; quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng. Trên cơ sở này, năm 2011, Huyện ủy Phú Lương ban hành Đề

án “*Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ ở cơ sở giai đoạn 2011 - 2015*” nhằm đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, sáng tạo, chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức theo hướng gần dân, trọng dân, đáp ứng nguyện vọng hợp pháp chính đáng của nhân dân. Đề án được triển khai đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân ở 16/16 xã, thị trấn. Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được kiện toàn kịp thời, hằng năm có chương trình công tác, kế hoạch kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ, chỉ đạo xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhiều quy chế, quy ước phù hợp với từng thời điểm để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Đề án được các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành đoàn thể triển khai thực hiện nghiêm túc.

Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị đẩy mạnh việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”, Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Xác định việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhằm phát huy chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị đề ra. Từ năm 2011 đến năm 2015, với phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, việc triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại Phú Lương đạt được kết quả tích cực: Nhận thức và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị được nâng lên, chính quyền, các ngành, các đơn vị từ

huyện đến cơ sở, các doanh nghiệp chủ động thể chế hóa các nội dung, quy định của quy chế dân chủ thành quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, hương ước, quy ước ở các xóm. Hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân được thường xuyên tổ chức, qua đó nắm chắc tình hình tư tưởng, nguyện vọng chính đáng của nhân dân đồng thời giải quyết trực tiếp những ý kiến băn khoăn vướng mắc của nhân dân, góp phần làm ổn định tình hình, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

Có thể khẳng định việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động sức sáng tạo của nhân dân góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, góp phần xây dựng và phát triển địa phương theo hướng ổn định, bền vững.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tiếp tục phát huy vai trò trách nhiệm trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội, triển khai thực hiện tốt chương trình hành động do Đại hội Mặt trận Tổ quốc huyện lần thứ XVI đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc hướng mạnh về cơ sở, các khu dân cư, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án số 04-ĐA/TU của Tỉnh ủy Thái Nguyên về *“Tiếp tục đổi mới công tác dân vận của hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giai đoạn 2011 - 2015”*. Mặt trận Tổ quốc tích cực phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, bộ máy chính quyền trong sạch vững mạnh; vận động mọi tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia các phong trào yêu nước và cuộc vận động: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*, *“Ngày vì người nghèo”*,

“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm, ma túy, đảm bảo an toàn giao thông”... Trong nhiệm kỳ 2008 - 2013, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã vận động xây dựng được 66 nhà tình nghĩa (tổng trị giá 4,56 tỷ đồng), tặng gia đình chính sách 1,965 tỷ đồng, thăm hỏi, tặng 18.812 suất quà (tổng trị giá 2,53 tỷ đồng) vào dịp lễ tết cho các gia đình chính sách; phối hợp hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 129 căn nhà (tổng 5,32 tỷ đồng)¹ cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ... Song song với đó, công tác kiện toàn hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến cơ sở được quan tâm, đảm bảo số lượng, cơ cấu, tính đại diện, xứng đáng là tổ chức liên minh chính trị tự nguyện tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc ở mỗi cấp.

Công tác Hội và phong trào phụ nữ huyện Phú Lương đã có bước phát triển vững chắc cả về bề rộng và chiều sâu, các hoạt động được triển khai có trọng tâm và đạt được hiệu quả thiết thực từng bước nâng cao chất lượng hoạt động đồng đều giữa các vùng miền trong toàn huyện. Thực hiện phong trào *“Phụ nữ giúp đỡ nhau phát triển kinh tế”*, Hội đứng ra tín chấp giúp hội viên vay vốn ngân hàng với tổng dư nợ đạt trên 93 tỷ đồng; thành lập và duy trì 26 mô hình *“Mỗi chi hội giúp một hộ gia đình thoát nghèo”*; phối hợp với các ngành chức năng tổ chức các lớp tập huấn khoa học kỹ thuật để hội viên áp dụng vào phát triển kinh tế gia đình..., qua đó giúp cho nhiều hộ hội viên có đời sống tốt hơn. Ngoài ra, *“Mái ấm tình thương”* cũng là một trong những phong trào tiêu biểu mà các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Lương triển khai trong những năm qua. Chỉ tính riêng năm 2015, các cấp hội hỗ trợ xây dựng

¹ Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Phú Lương khóa XVI tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc huyện Phú Lương khóa XVII nhiệm kỳ 2014 - 2019, tr.5-6.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

được 4 ngôi nhà với kinh phí hỗ trợ 80 triệu đồng cho các gia đình hội viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Đến cuối năm 2015, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện có trên 21.000 hội viên, sinh hoạt tại 277 chi hội, tỷ lệ thu hút hội viên đạt 82%. Đội ngũ cán bộ Hội từ huyện đến cơ sở không ngừng trau dồi kiến thức nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, luôn năng động, sáng tạo và nhiệt tình trong công tác; chủ động xây dựng mối quan hệ phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động liên ngành nên hiệu quả hoạt động đạt cao. Trong 2 năm 2011 và 2013, tập thể Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện được xếp loại thi đua xuất sắc, vinh dự được Trung ương Hội và Tỉnh Hội tặng bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào phụ nữ.

Từ năm 2010 đến năm 2015, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Phú Lương đã nỗ lực phấn đấu, năng động, sáng tạo trong tham mưu, chỉ đạo, tiếp tục đưa công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi toàn huyện phát triển toàn diện, tạo nhiều đột phá trên tất cả các lĩnh vực hoạt động. Phong trào *“Xung kích tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”* và *“Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”* bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, có sức lan tỏa mạnh mẽ. Điểm mới trong phong trào thanh niên ở giai đoạn này là các cơ sở đoàn trong huyện đẩy mạnh thực hiện chương trình *“Tuổi trẻ Phú Lương chung sức xây dựng nông thôn mới”*. Chủ trương đó được cán bộ, đoàn viên tích cực hưởng ứng. Huyện đoàn triển khai nhiều chương trình như: Vận động nhân dân hiến đất làm đường giao thông, xây dựng tuyến đường *“Thấp sáng làng quê”*, lắp đặt các bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật... Tiêu biểu trong thực hiện chương trình *“Tuổi trẻ Phú Lương chung sức xây dựng nông thôn mới”* là Đoàn Thanh niên xã Phấn Mễ và xã Cổ Lũng trong

thực hiện tiêu chí về môi trường. Từ năm 2010 đến năm 2015, Đoàn Thanh niên xã Phấn Mễ phát động nhiều chương trình, phong trào đến tất cả các đoàn viên, thanh niên tham gia thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó có các phong trào: “Bảo vệ dòng sông quê hương”, “Ngày Chủ nhật xanh”, phát động Tết trồng cây... góp phần thực hiện tốt tiêu chí môi trường. Ở xã Cổ Lũng, trong năm 2015, Đoàn Thanh niên xã đã phối hợp với Huyện đoàn Phú Lương lắp đặt được 50 bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng của 18 xóm. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên còn phối hợp với Hội Nông dân, Hội Phụ nữ hướng dẫn bà con ở 18 xóm thực hiện đào hố chôn lấp rác thải và xử lý rác tại gia đình. Trong giai đoạn này, Huyện đoàn Phú Lương ra mắt và duy trì hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ Doanh nghiệp trẻ cấp huyện, các cơ sở đoàn thành lập và ra mắt các Câu lạc bộ Thanh niên phát triển kinh tế...

Đến năm 2015, toàn huyện có 37 cơ sở đoàn trực thuộc với 388 chi đoàn, 4.126 đoàn viên sinh hoạt; 16 cơ sở hội gồm 234 chi hội, 135 câu lạc bộ, đội thanh niên tình nguyện, đội thanh niên xung kích với gần 7.500 thanh niên; tỷ lệ thu hút tập hợp đạt 82,74% so với tổng số thanh niên thường xuyên có mặt trên địa bàn.

Phong trào nông dân và hoạt động của Hội Nông dân huyện có bước phát triển mới. Hoạt động của các cấp hội bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và đi sát với đời sống của hội viên, nổi bật với việc quan tâm hỗ trợ hội viên về vốn, vật tư, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, dạy nghề. Hội tiếp tục triển khai thực hiện tốt các phong trào thi đua “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”, “Xây dựng gia đình nông dân văn hóa”. Năm 2013, Hội Nông dân huyện Phú Lương tích cực phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên hoàn tất

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hồ sơ đề nghị, làm căn cứ để Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể cho giống lúa nếp Vải Phú Lương. Lợi ích được đảm bảo nên hội viên luôn gắn bó, tích cực tham gia sinh hoạt Hội. Tổ chức Hội không ngừng lớn mạnh, tính đến cuối năm 2015, Hội có 275 chi hội với 17.233 hội viên. Với những thành tích đạt được, giai đoạn 2010 - 2015, Hội Nông dân huyện được Trung ương Hội, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên tặng nhiều bằng khen, giấy khen.

Hội Cựu chiến binh luôn giữ vững và phát huy phẩm chất truyền thống “*Bộ đội Cụ Hồ*”. Với việc đẩy mạnh phong trào thi đua “*Cựu chiến binh gương mẫu*” giúp nhau giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống, làm giàu chính đáng. Công tác phối hợp giữa Hội với các cấp, các ngành được thực hiện hiệu quả. Qua tổng kết 20 năm xây dựng và trưởng thành, các cấp hội đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu và định hướng xây dựng Hội trong giai đoạn cách mạng mới. Hội luôn quan tâm góp phần vào thực hiện các chế độ chính sách, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cựu chiến binh, cựu quân nhân, phối hợp thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Đến cuối năm 2015, Hội huy động vốn tại chỗ với số tiền lên tới 39 tỷ đồng cho hội viên vay làm kinh tế. Nhiều cơ sở hội xây dựng quỹ đồng đội như Phú Đô, Yên Đổ, Cổ Lũng nhằm giúp hội viên có hoàn cảnh khó khăn. Từ năm 2012 đến năm 2015, thực hiện phong trào “*Chung tay xóa nhà dột nát*”, Hội Cựu chiến binh huyện đã góp phần xóa được 50 nhà dột nát cho hội viên bằng nguồn vận động quyên góp và các nguồn vốn hỗ trợ... Trong giai đoạn 2010 - 2015, Hội luôn giữ vững danh hiệu trong sạch, vững mạnh xuất sắc, xứng đáng với niềm tin và là chỗ dựa vững chắc của Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương. Đến cuối năm 2015, Hội Cựu chiến binh huyện có 21 cơ sở, 265 chi hội với tổng số 6.087 hội viên;

tỷ lệ thu hút cựu chiến binh, cựu quân nhân vào Hội đạt 85%.

Trong giai đoạn 2010 - 2015, Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động huyện đã vận dụng sáng tạo chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nghị quyết của Công đoàn tỉnh vào thực tiễn phong trào công nhân viên chức lao động. Với tinh thần đoàn kết, sáng tạo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đúng hướng và chỉ đạo sâu sát phù hợp với điều kiện thực tế của các cấp công đoàn nên đạt nhiều kết quả đáng khích lệ. Công tác thi đua có nhiều đổi mới, thông qua các phong trào xuất hiện nhiều gương người tốt việc tốt. Công đoàn các cấp đã thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân viên chức lao động. Với những thành tích trong công tác, nhiều đơn vị được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên tặng bằng khen.

Các phong trào thi đua yêu nước phát triển cả về số lượng và chất lượng, đều khắp trên các lĩnh vực, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện... Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, vận động nhân dân sát với thực tiễn hơn. Công tác thi đua, khen thưởng có nhiều chuyển biến tích cực. Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng được nâng lên. Riêng trong năm 2014, địa phương có 1 tập thể, 3 cá nhân được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba; 3 tập thể, 5 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; 2 tập thể được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng "*Cờ thi đua xuất sắc*"; 32 đơn vị được tặng danh hiệu "*Tập thể lao động xuất sắc*", 3 cá nhân được tặng danh hiệu "*Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh*", 6 tập thể và 20 cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen...

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Mặc dù có sự chuyển biến tích cực song công tác xây dựng Đảng, chính quyền và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội còn những hạn chế nhất định. Một số cấp ủy cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác Đảng; một số chi bộ thực hiện việc sinh hoạt thường kỳ chưa đúng hướng dẫn; chất lượng sinh hoạt chi bộ còn thấp; nội dung sinh hoạt ít được đổi mới, đấu tranh tự phê bình và phê bình chưa cao; chưa thực hiện được chỉ tiêu xóa chi bộ sinh hoạt ghép. Việc nắm bắt diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội trong các tầng lớp nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời. Sự phối kết hợp giữa các ngành, đơn vị trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân có thời điểm hiệu quả chưa cao. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở một số cơ sở kết quả chưa rõ nét.

Để khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy lợi thế, đầu tư phát triển có trọng tâm, đưa kinh tế của huyện phát triển nhanh và bền vững, Đại hội xác định cơ cấu kinh tế giai đoạn 2010 - 2015 của Phú Lương là: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; thương mại - dịch vụ; nông - lâm nghiệp, thủy sản. Toàn huyện chia thành 4 vùng kinh tế:

Vùng phía Tây (gồm 3 xã: Phủ Lý, Hợp Thành, Ôn Lương) tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp; sản xuất lương thực hình thành vùng lúa đặc sản; cải tạo diện tích, nâng cao chất lượng chè; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản; đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch lịch sử.

Vùng phía Bắc (gồm 3 xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đổ) hướng trọng tâm vào phát triển kinh tế lâm nghiệp, trồng rừng phòng hộ; khai thác vật liệu xây dựng; sản xuất lương thực, cây ăn quả; chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

Vùng phía Đông (gồm 4 xã: Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đô và Yên Lạc) chú trọng trồng gắn với việc chế biến tiêu thụ chè,

hình thành vùng sản xuất chè trọng điểm (nhất là các loại chè đặc sản), đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh; sản xuất lương thực, trồng cây ăn quả; chăn nuôi gia súc, thủy sản; phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; khai thác vật liệu xây dựng.

Vùng phía Nam (gồm 6 xã, thị trấn: thị trấn Đu, thị trấn Giang Tiên; xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm và Động Đạt) tập trung quy hoạch thu hút đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ; quy hoạch hình thành khu trung tâm thương mại ở một số vị trí trọng điểm; tôn tạo, mở rộng quần thể khu di tích lịch sử Đền Đuổm; khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất lương thực, lúa giống; phát triển các khu chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp.

Nhờ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nhạy bén, kịp thời của Huyện ủy, sự điều hành hiệu quả của chính quyền, trong giai đoạn 2010 - 2015, nền kinh tế của Phú Lương tăng trưởng bình quân 10,82%/năm, thu nhập bình quân năm 2015 đạt 25,1 triệu đồng/người/năm (vượt 19,52% so với mục tiêu Đại hội). Đến năm 2015, cơ cấu kinh tế của huyện: Tỷ trọng thương mại - dịch vụ chiếm 35,5%; công nghiệp - xây dựng 32,9%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 31,6%¹. Trên địa bàn huyện bước đầu hình thành các vùng sản xuất hàng hóa theo định hướng gồm: Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch tại thị trấn Đu, Giang Tiên, các xã Động Đạt, Sơn Cẩm, Cổ Lũng...; sản xuất chè chuyên canh tại các xã phía đông của huyện như Túc Tranh, Vô Tranh, Phú Đô, Yên Lạc; sản xuất lúa đặc sản tại các xã Ôn Lương, Phấn Mễ, Động Đạt...; chăn nuôi theo mô hình trang trại công nghiệp, bán công nghiệp tại các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm...; phát triển kinh tế đồi rừng tại các xã Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đỗ...

¹ Báo cáo số 306-BC/HU ngày 6/7/2015 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, tr.2.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Trong giai đoạn này, hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch được đẩy mạnh. Chương trình “*Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển thương mại - du lịch huyện Phú Lương giai đoạn 2011 - 2015*” đặt mục tiêu chủ yếu đến năm 2015: “*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội đạt 507,22 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 13% trở lên... Xây dựng quy hoạch phát triển các điểm du lịch, các tour du lịch, đồng thời kết hợp, lồng ghép các tour du lịch của tỉnh và các huyện bạn nhằm quảng bá tiềm năng du lịch của Phú Lương*”. Các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả chương trình đề án, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại.

Trong giai đoạn 2010 - 2015, lĩnh vực thương mại - dịch vụ có mức tăng trưởng nhanh, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện. Mạng lưới chợ, cửa hàng, khách sạn, nhà hàng... ngày càng phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động. Đến cuối năm 2015, có 6/14 xã có chợ đạt tiêu chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới. Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động và tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Một số dịch vụ có mức tăng trưởng khá như: Ngân hàng, bưu chính, viễn thông, vận tải, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, vui chơi giải trí, dịch vụ lưu trú, nhà hàng... Đặc biệt, dịch vụ tín dụng ngân hàng có bước phát triển mạnh. Tốc độ tăng trưởng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt 20,7%, dư nợ trên 555 tỷ đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội tăng 4,1%, dư nợ trên 256 tỷ đồng; Phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam dư nợ trên 24 tỷ

đồng; Quỹ tín dụng Nhân dân Phú Lương vốn huy động 22,4 tỷ đồng¹... Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 26,3%/năm, đến năm 2015 đạt 938,231 tỷ đồng.

Huyện đã huy động nhiều nguồn lực để tôn tạo, trùng tu các Di tích lịch sử cấp Quốc gia (Đền Đuổm trên địa bàn xã Động Đạt, di tích Khuân Lân thuộc xã Hợp Thành, Bazoka thuộc thị trấn Giang Tiên)...; từng bước phát triển du lịch theo hướng bền vững gắn với các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu nghỉ dưỡng... trong và ngoài tỉnh. Công tác tuyên truyền, quảng bá tiềm năng du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng, lồng ghép vào các chương trình của các cấp, các ngành được đẩy mạnh nhằm tạo điều kiện cho nhân dân hiểu vai trò quan trọng của hoạt động du lịch trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là nhân dân các xã, thị trấn có địa danh, điểm di tích lịch sử, làng nghề..

Để khai thác phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể cho phát triển du lịch, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương đã xây dựng Dự án số 657/DA-UBND ngày 9/7/2012 về thành lập các tuyến du lịch huyện Phú Lương đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, với ba tuyến du lịch cơ bản:

- Tuyến du lịch tâm linh: Điểm nhấn là Đền Đuổm (di tích lịch sử văn hóa thời nhà Lý, thờ danh tướng Dương Tự Minh - người hai lần được vua Lý phong chức Phò mã đô úy) được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia. Lễ hội Đền Đuổm - lễ hội truyền thống lớn nhất tỉnh Thái Nguyên được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng Giêng (âm lịch) hằng năm. Lễ rước đất, rước nước ở lễ hội Đền Đuổm là một nghi thức tín ngưỡng phần thực của cư dân sản xuất lúa nước, nhắc nhở con cháu nhớ về

¹ Báo cáo số 306-BC/HU ngày 6/7/2015 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, tr.3

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

truyền thống tổ tiên, đồng thời khơi dậy những nét đẹp truyền thống độc đáo. Tuyến du lịch này có thể kết hợp thăm chùa Phủ Liễn (thành phố Thái Nguyên), chùa Hang (Đồng Hỷ) và theo tuyến Quốc lộ 3 lên với đền Trình (thị trấn Giang Tiên).

- Tuyến du lịch về nguồn: Điểm nhấn của tuyến này là phát huy các điểm Di tích lịch sử cấp Quốc gia gồm Xưởng sản xuất súng Bazoka di tích - Di tích Khuân Lân - Các xã ATK Phú Lương - ATK Định Hóa.

- Tuyến du lịch sinh thái và văn hóa: Điểm nhấn là lễ hội văn hóa Sán Chay tại xã Túc Tranh tổ chức vào ngày 2/2 (âm lịch) hằng năm. Du khách sẽ được tham quan, văn cảnh, thấp hương tại đền Phi Mã Sơn (của trại giam Sơn Phú); thưởng thức ẩm thực văn hóa trà tại xã Vô Tranh và xã Túc Tranh; trải mình trong không gian văn hóa giàu bản sắc dân tộc với những ngôi làng của đồng bào Tày, người Dao, những điệu hát lượn của người Tày, hát Sli của người Nùng, múa Tắc Xình của người Sán Chay, lễ hội Cấp Sắc của người Dao...

Giai đoạn 2010 - 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân thương mại - du lịch - dịch vụ đạt 16,5%/năm. Năm 2015, giá trị ngành đạt 362,49 tỷ đồng. Điểm nổi bật trong sự phát triển của thương mại - du lịch - dịch vụ là có bước phát triển quan trọng về chất lượng các loại hình dịch vụ; phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân trong huyện.

Mặc dù cấp ủy, chính quyền huyện có nhiều nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành, góp phần thúc đẩy ngành thương mại - dịch vụ ngày càng phát triển, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế song cũng còn những tồn tại, hạn chế nhất định. Huyện chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể cho phát triển ngành du lịch. Các tiềm năng, thế mạnh về lĩnh vực thương mại - du lịch của huyện chưa được khai thác, phát huy

tương xứng...

Xác định phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII đề ra, chính quyền huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành tranh thủ sự giúp đỡ của Sở Công thương cùng các sở, ngành liên quan khác của tỉnh trong việc định hướng quy hoạch, lập kế hoạch, thu hút các nguồn vốn, chương trình dự án, quan tâm phát triển cơ sở hạ tầng, xử lý môi trường, đào tạo nhân lực cho các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Các phòng, ban chức năng tăng cường nắm bắt thông tin, tìm kiếm thị trường, từ đó định hướng đúng cho các ngành nghề phát triển, giúp đỡ các cơ sở tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Công tác tuyên truyền, quảng bá, xây dựng và giữ gìn uy tín thương hiệu sản phẩm luôn được chú trọng...

Đến năm 2015, tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn huyện là 1.235 cơ sở (tăng 114 cơ sở so với năm 2011). Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở mức 10,3%/năm, giá trị sản xuất năm 2015 đạt 910 tỷ đồng.

Trước sự suy thoái của nền kinh tế, các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn gặp không ít khó khăn trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm, bên cạnh đó, nguồn nguyên liệu cũng dần bị hạn hẹp. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Than Khánh Hòa - WMI (có trụ sở tại xã Sơn Cẩm) hoạt động hiệu quả trong các năm từ 2011 đến 2013, những năm tiếp theo sản lượng giảm dần, bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 50 vạn tấn/năm. Tình hình sản xuất của mỏ than Phấn Mễ - Công ty Gang thép Thái Nguyên cũng trong tình trạng tương tự, sản lượng bình quân đạt 8 vạn tấn/năm. Tổng giá trị sản

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

xuất công nghiệp Trung ương giảm từ 548 tỷ đồng (năm 2011) xuống còn 350 tỷ đồng (năm 2015).

Do đẩy mạnh thu hút đầu tư, nâng cao năng lực quản lý, mở rộng quy mô, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất..., ngành công nghiệp địa phương vẫn duy trì được đà tăng trưởng ổn định (bình quân 14,4%/năm). Các doanh nghiệp tiêu biểu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như: Mỏ than Bá Sơn - Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác than Thái Nguyên, Mỏ than Đồi Còi - Doanh nghiệp Ngọc Tú, Nhà máy sản xuất Gạch Tuynel Phú Lộc, Công ty Cổ phần Thương mại Ngân Xuyên, Công ty Cổ phần May xuất khẩu Phú Lương... Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp địa phương tăng từ 230 tỷ đồng (năm 2011) lên 391,1 tỷ đồng (năm 2015).

Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp nhỏ sản xuất ổn định và từng bước nâng dần chất lượng các sản phẩm và hàng hóa, chủ yếu vẫn tập trung vào các ngành nghề truyền thống như sản xuất vật liệu xây dựng, gạch nung ở Phấn Mễ, Giang Tiên, Cổ Lũng; cát sỏi ở Phú Đô, Vô Tranh; đá xây dựng ở Yên Ninh, Yên Lạc; cơ khí ở thị trấn Đu, Giang Tiên; chế biến gỗ ở thị trấn Đu, Động Đạt, Sơn Cẩm, chế biến chè ở Túc Tranh, Vô Tranh, Yên Lạc...

Các làng nghề tiếp tục trên đà phát triển, năm 2011, toàn huyện có 16 làng nghề truyền thống, đến cuối năm 2015 tăng lên thành 29 làng nghề (vượt so với chỉ tiêu đề án 9 làng nghề). Huyện chỉ đạo các ngành chuyên môn quan tâm hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất như: Xây dựng mô hình sản xuất và chế biến chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại một số làng nghề chè như Thác Dài, Tân Thái, Minh Hợp (xã Túc Tranh); mô hình tưới chè bằng van xoay tại các làng nghề thuộc xã Túc Tranh, Phú Đô. Bên cạnh đó, công tác quảng bá thương hiệu, bảo hộ nhãn hiệu tập thể

các làng nghề cũng luôn được Huyện ủy, chính quyền huyện Phú Lương quan tâm, tạo điều kiện. Việc phát triển các làng nghề truyền thống gắn với quy hoạch nông thôn mới có vai trò thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tận dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu tại chỗ, góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho hàng ngàn lao động như: Làng nghề Bánh chưng Bờ Đậu (xã Cổ Lũng), Cụm làng nghề chè Khe Cốc, Thác Dài (xã Túc Tranh), Cụm làng nghề chè Phú Nam (xã Phú Đô), Tân Bình (xã Vô Tranh)... Người dân làm nghề có mức thu nhập cao hơn sản xuất nông nghiệp từ 1 - 2 triệu đồng/lao động/tháng.

Về mặt hạn chế, lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phát triển chưa bền vững; chưa có tác động mạnh tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Trên địa bàn Phú Lương chưa có cơ sở sản xuất quy mô lớn, chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khả năng đầu tư mở rộng sản xuất gặp khó khăn, trình độ quản lý còn hạn chế. Công tác quy hoạch cụm công nghiệp, làng nghề, việc thu hút, triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp, làng nghề còn kéo dài, gây lãng phí... Sau hơn 10 năm phê duyệt quy hoạch các cụm công nghiệp, trong số 7 dự án đăng ký đầu tư vào các cụm công nghiệp, đến cuối năm 2015, mới chỉ có 1 dự án hoạt động (các dự án khác do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan nên chưa được triển khai). Làng nghề chưa được đầu tư chiều sâu, quy mô sản xuất phân tán (chủ yếu theo hộ gia đình).

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) đã đặt ra nhiệm vụ và giải pháp cho ngành nông nghiệp huyện: *“Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, chú trọng đưa các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Quy hoạch phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

công nghiệp, gắn với bảo vệ môi trường. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp; thực hiện việc hỗ trợ quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Tăng cường công tác quản lý, khai thác, bảo vệ rừng; phát huy lợi thế đẩy mạnh phát triển kinh tế từ rừng. Quy hoạch phát triển và khai thác có hiệu quả hệ thống thủy lợi, đặc biệt quan tâm phát triển thủy lợi vùng đồi”¹.

Trên tinh thần đó, Huyện ủy chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách, các cơ chế hỗ trợ phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Hệ thống thủy lợi được tập trung cải tạo, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Bên cạnh đó, công tác tập huấn, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất cũng luôn được chú trọng (trung bình hằng năm, huyện tổ chức được 200 lớp tập huấn cho 8.000 lượt người tham gia về phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng; phòng chống rét và dịch bệnh trên đàn gia súc; sử dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi; quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng; sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP...). Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các xã, thị trấn tổ chức thực hiện các dự án, mô hình, ô mẫu... đạt kết quả cao như: Mô hình sản xuất lúa giống Việt lai 20, Bao thai; mô hình trình diễn, khảo nghiệm các giống lúa có năng suất, chất lượng cao (GS9, HT9, HT1, Syn 6...); dự án trồng chuối tây tại xã Yên Ninh; các mô hình trồng lúa nếp Vải, bí xanh, cây dược liệu (Đình lăng, Thìa canh, Ba kích...).

Nhờ có chủ trương và những giải pháp thực hiện đúng đắn, kịp thời, tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của Phú Lương giai đoạn 2010 - 2015 tăng bình quân 6,2%.

¹ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2010 - 2015), số 08-NQ/ĐH ngày 11/8/2010, tr.4.

Giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt đạt 75,3 triệu đồng (vượt 25,3 triệu đồng so với nghị quyết). Năm 2015, sản lượng lương thực cây có hạt đạt 40.276 tấn¹ (cơ bản đạt chỉ tiêu nghị quyết)... Riêng về giống lúa nếp Vải, thực hiện Đề án số 408/ĐA-UBND ngày 15/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện về “*Phát triển vùng chuyên canh sản xuất hạt giống lúa lai F1 và lúa nếp Vải đặc sản giai đoạn 2012 - 2015*”, đến năm 2015, huyện đã quy hoạch được 400ha (năm 2010 mới chỉ có 10ha), năng suất đạt 42 tạ/ha, có chất lượng và giá trị hàng hóa cao hơn hẳn so với các giống lúa. Từ năm 2013, huyện Phú Lương được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể về giống lúa nếp Vải. Toàn huyện có 1.522ha cây ăn quả, trong đó có một số giống mang lại hiệu quả kinh tế cao như bưởi Diễn, chuối tây, Thanh long ruột đỏ... Ngoài ra, đến cuối năm 2015, huyện có 2 cơ sở sản xuất nấm tại xã Động Đạt và Yên Đổ (nấm Sò, nấm Linh chi, nấm Mộc nhĩ), sản lượng 89 tấn/năm, doanh thu đạt trên 3,7 tỷ đồng/năm...

Phú Lương là huyện có diện tích chè lớn thứ hai của tỉnh Thái Nguyên (sau huyện Đại Từ) với khoảng trên 4.009ha, tập trung chủ yếu ở các xã: Túc Tranh, Vô Tranh, Phú Đô, Phấn Mễ... Cây chè đã trở thành cây trồng mũi nhọn trong sản xuất nông nghiệp ở Phú Lương. Diện tích chè trồng mới, trồng lại bình quân đạt 217ha/năm (vượt 117ha so với nghị quyết) với các giống chất lượng cao như: Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Tri 777... Tổng sản lượng chè búp tươi năm 2015 đạt 42.782 tấn² (tăng 2.579 tấn so với đầu nhiệm kỳ). Cùng với thay đổi cơ cấu giống chè, huyện Phú Lương đã đẩy mạnh việc thực hiện các

¹ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần in Thái Nguyên, 2016, tr.159.

² *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2016, tr.179.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

mô hình sản xuất chè sạch theo tiêu chuẩn VietGAP, tổ hợp tác chè và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chè nhằm nâng cao chất lượng và giá thành sản phẩm. Tiêu biểu trong huyện có vùng chè Khe Cốc với 5 làng nghề: Bãi Bằng, Tân Thái, Khe Cốc, Đập Tràn, Minh Hợp; tổng diện tích trồng chè của vùng này đạt hơn 300ha.

Chăn nuôi phát triển theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp. Công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được quan tâm thực hiện sát sao, chặt chẽ nên không có ổ dịch lớn. Tính đến cuối năm 2015, toàn huyện có 35 trang trại¹ và 145 gia trại đang hoạt động với doanh thu tương đối ổn định. Đến cuối năm 2015, toàn huyện có 6.190 con trâu, 730 con bò², 54.900 con lợn, 11.003 con dê³, 923.000 con gia cầm⁴. Bên cạnh đó, chăn nuôi thủy sản cũng có những chuyển biến tích cực, từng bước phát triển bền vững. Năm 2015, diện tích nước mặt nuôi thủy sản đạt 665ha⁵, năng suất 1,44 tấn/ha, sản lượng đạt 750 tấn.

Kinh tế đồi rừng có bước phát triển mạnh. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, khai thác có hiệu quả diện tích rừng sản xuất, gắn với trồng rừng sau khai thác và bảo vệ diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ. Từ năm 2010 đến năm 2015, công tác trồng rừng đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra (trung bình mỗi

¹ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2016, tr.156.

² *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2016, tr.183.

³ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2016, tr.175.

⁴ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2016, tr.184.

⁵ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2016, tr.203.

năm đạt trên 960ha), nâng tỷ lệ độ che phủ rừng của huyện lên 47% (tăng 2% so với đầu nhiệm kỳ). Đến cuối năm 2015, huyện Phú Lương hiện có trên 17.161ha rừng¹ (trong đó có khoảng 5.000ha rừng phòng hộ, còn lại là rừng sản xuất). Sản lượng gỗ khai thác trong 5 năm đạt trên 135.600m³, huyện có trên 170 cơ sở chế biến gỗ, góp phần nâng cao giá trị kinh tế từ đồi rừng.

Bên cạnh những thành tích đạt được, trong phát triển nông - lâm nghiệp của Phú Lương giai đoạn 2010 - 2015 còn nhiều tồn tại như: Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn thiếu đồng bộ, chậm nhân rộng những mô hình tiên tiến. Ngành chế biến lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp phát triển chưa ổn định, chủ yếu là chế biến thô nên lợi nhuận thấp; các loại lâm sản ngoài gỗ chưa phát huy được hết giá trị tiềm năng..

Kinh tế hợp tác, hợp tác xã được cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm, tạo điều kiện phát triển. Đến cuối năm 2015, toàn huyện có 35 hợp tác xã, trong đó có 40% số hợp tác xã hoạt động có doanh thu từ 500 triệu đồng trở lên như: Hợp tác xã Công nghiệp và thương mại Thủy Tiên Thành (xã Yên Lạc), Hợp tác xã Dịch vụ nông - lâm nghiệp Liên Sơn (xã Sơn Cẩm)..

Nhờ năng động, dám đổi mới nên hợp tác xã Dịch vụ nông - lâm nghiệp Liên Sơn (xã Sơn Cẩm) mang lại nhiều lợi ích thiết thực trong các khâu cung cấp dịch vụ phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy lợi, tín dụng và tiếp nhận dự án hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật cho xã viên. Đến cuối năm 2015, hợp tác xã có tổng số 1.220 xã viên thuộc 7 xóm: Thanh Trà 1, Thanh Trà 2, Táo 1, Táo 2, Quang Trung 1, Quang Trung 2 và xóm Hiệp Lực (tỷ lệ số hộ tham gia tại các xóm này đạt 80%), tổng vốn

¹ *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*, Công ty Cổ phần In Thái Nguyên, 2016, tr.193.

trên 7 tỷ đồng.

Công tác thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đạt nhiều kết quả. Trong 5 năm, toàn huyện có 150 công trình được xây dựng mới với tổng số vốn trên 822 tỷ đồng. Hệ thống giao thông phát triển mạnh, các tuyến đường liên huyện, liên xã được đầu tư, nâng cấp (đến năm 2015 toàn huyện có trên 542km đường liên huyện, liên xã, xóm và nội đồng được cứng hóa), 100% số xóm, phố, tiểu khu có đường cho xe cơ giới vào trung tâm; hệ thống thủy lợi cơ bản đảm bảo nhu cầu sản xuất; nhiều phòng học kiên cố được xây mới; 100% xã, thị trấn có trụ sở làm việc 2 tầng. Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng, các tồn tại, vướng mắc được tập trung giải quyết. Từ năm 2010 đến năm 2015, huyện tiến hành giải phóng mặt bằng thực hiện 34 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi trên 56ha. Vận động nhân dân hiến 392.482m² đất để xây dựng các công trình. Công tác giải phóng mặt bằng Quốc lộ 3 mới Thái Nguyên - Bắc Kạn được triển khai theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

Vấn đề quy hoạch phát triển không gian đô thị được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo và chính quyền cùng cấp tổ chức thực hiện hiệu quả. Thị trấn Đu nằm ở trung tâm huyện Phú Lương, là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - xã hội của huyện. Trước năm 2013, thị trấn có quy mô diện tích tự nhiên (212,9ha) tương đối nhỏ so với các đô thị khác trong tỉnh. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền đề nghị thông qua Đề án mở rộng địa giới hành chính thị trấn Đu. Ngày 13/12/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 124/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính của một số xã, thị trấn của huyện Đại Từ và Phú Lương. Sau khi được điều chỉnh, thị trấn Đu có 940,75ha diện tích tự nhiên và 8.583 nhân khẩu; xã Động Đạt còn lại 3.648,94ha diện tích tự nhiên và 7.968 nhân khẩu,

xã Phấn Mễ còn lại 2.142,92ha diện tích tự nhiên và 9.072 nhân khẩu. Việc mở rộng địa giới hành chính của thị trấn Đu không chỉ nhằm mục tiêu đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị trên địa bàn mà còn góp phần phát huy thế mạnh của thị trấn trong phát triển kinh tế - xã hội theo hướng thương mại, dịch vụ và du lịch, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản đủ các tiêu chí trở thành đô thị loại IV.

Trong công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân huyện làm tốt việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Chỉ tiêu cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hằng năm đều vượt kế hoạch. Bên cạnh đó, huyện đã giải quyết được nhiều vụ việc tồn tại lâu năm liên quan đến đất đai. Việc giao, thu hồi, cho thuê và chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật. *“Đề án Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn huyện Phú Lương giai đoạn 2011 - 2015”* (ban hành kèm theo Quyết định số 4003/2012/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện) thực hiện nghiêm túc, đưa hoạt động khai thác khoáng sản của các đơn vị được cấp phép đi vào nền nếp, đúng luật định; kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn chặn các hoạt động khai thác, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép... Huyện tiến hành quy hoạch, xây dựng các khu tập kết, xử lý rác thải tại các xã, thị trấn và bãi rác thải tập trung của huyện cùng lò đốt rác tại thị trấn Đu. Ban Quản lý Môi trường - Đô thị được thành lập và đi vào hoạt động ổn định.

Quán triệt chủ trương *“giáo dục là quốc sách hàng đầu”*, Đảng bộ huyện Phú Lương lãnh đạo ngành giáo dục chú trọng giảng dạy tri thức, đi liền với trau dồi phẩm chất đạo đức cho học sinh. Chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao, quy mô mạng lưới trường lớp ổn định, cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, đảm bảo cho công tác dạy và học. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các phần mềm, sử dụng internet trong trao

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

đổi, chia sẻ thông tin, khai thác nguồn tài nguyên... được thực hiện thường xuyên. Đến năm học 2014 - 2015, 100% số trường đều có website hoạt động hiệu quả, phản ánh được các hoạt động của nhà trường, là kênh thông tin giúp kết nối giữa nhà trường và gia đình học sinh; đồng thời, tạo điều kiện cho nhân dân biết và tham gia giám sát chất lượng giáo dục. Trong giai đoạn này, ngành giáo dục và đào tạo huyện Phú Lương tiếp tục triển khai thực hiện sâu rộng việc *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* gắn với việc đẩy mạnh cuộc vận động *“Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”* và phong trào thi đua *“Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*, 100% cán bộ, giáo viên, đảng viên trong toàn ngành đăng ký thực hiện tốt các chuyên đề. Các nhà trường, cá nhân thực hiện nghiêm túc các quy định về dạy thêm, học thêm theo các văn bản hiện hành... Hằng năm, Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên nắm được một số vấn đề về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; những vấn đề mới cần quan tâm trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, của tỉnh, huyện trên cơ sở đó vận dụng sáng tạo, phù hợp vào công tác giảng dạy.

Về công tác phổ cập giáo dục, đến năm 2014, 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 16/16 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2. Toàn huyện giữ vững và nâng cao hiệu quả phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở (với 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập); từng bước thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học (đến cuối năm 2015, có thị trấn Đu, Giang Tiên và xã Sơn Cẩm đạt chuẩn phổ cập).

Thực hiện Chương trình số 545/CTr-UBND ngày 19/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện về *“Xây dựng trường chuẩn Quốc*

gia giai đoạn 2011 - 2015”, đến cuối năm 2015, toàn huyện có 48/63 trường đạt chuẩn Quốc gia¹ (chiếm 76,1%, tăng 27,8% so với năm 2010): Cấp học mầm non có 12/19 trường, cấp tiểu học 27/27 trường, cấp trung học cơ sở có 9/17 trường đạt chuẩn Quốc gia (trong đó, cấp mầm non có 3 trường, cấp tiểu học có 1 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, còn lại là đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1). Hoạt động của Hội Khuyến học các cấp cùng Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã, thị trấn được đẩy mạnh.

Trong giai đoạn 2010 - 2015, công tác quản lý Nhà nước về văn hóa, thể dục - thể thao, thông tin, truyền thanh - truyền hình được thực hiện tốt. Đầu năm 2013, Huyện ủy Phú Lương chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998 - 2013) “Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Ngay sau khi được ban hành, Nghị quyết nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo được sự đồng thuận cao của cả xã hội trong phát triển sự nghiệp văn hóa, khơi dậy các giá trị văn hóa và phát huy tốt vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương. “Thông qua việc thực hiện Nghị quyết, đời sống văn hóa tinh thần được nâng cao cả về nội dung cũng như hình thức, dân trí của nhân dân được nâng cao một cách đáng kể. Thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở được quan tâm đầu tư, nhiều giá trị văn hóa được khai thác phục vụ đời sống văn hóa ở cơ sở và đã được triển khai một cách bài bản, tạo nếp sinh hoạt lành mạnh ở cộng đồng dân cư...”².

Hoạt động văn hóa thông tin - thể dục thể thao trong giai đoạn này có nhiều chuyển biến tích cực, huyện tổ chức nhiều

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, tr.7.

² Báo cáo số 05/BC-VH&TT ngày 14/3/2013 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Phú Lương về “Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (1998 - 2013)”.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

loại hình với nội dung phong phú phục vụ nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Đây cũng là thành công trong việc phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng và đưa văn hóa thông tin về cơ sở, huy động các nguồn lực để phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao. Cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở thực sự khơi dậy các nguồn lực từ trong nhân dân, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Cùng với nguồn vốn Nhà nước, nhân dân đóng góp ngày công và tiền xây dựng các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao ở các xã, các công trình giao thông, thủy lợi, trường học, tu sửa, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, đình chùa... Để tiếp tục đưa các hoạt động văn hóa của huyện phát triển hơn nữa, năm 2015, huyện thành lập trung tâm văn hóa - thể thao huyện Phú Lương. Trung tâm có chức năng phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao... Cũng trong năm 2015, Hội Văn học - Nghệ thuật huyện Phú Lương được thành lập.

Trong giai đoạn này, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở địa phương tiếp tục được khai thác, bảo tồn và phát huy. Di tích lịch sử văn hóa Quốc gia Đền Đuổm (xã Động Đạt), di tích Đền Trình (thị trấn Giang Tiên) được tu bổ, tôn tạo và khai thác có hiệu quả cho phát triển du lịch tâm linh.

Tắc Xình là điệu múa đặc sắc gắn liền với nghi thức lễ “Cầu mùa” mang đậm giá trị lịch sử - văn hóa gắn liền với sự hình thành và phát triển tộc người Sán Chay. Năm 2013, điệu múa Tắc Xình của nhóm nghệ nhân ở xóm Đồng Tâm (xã Tứ Tranh) đạt giải A toàn quốc trong chung kết Liên hoan Dân ca - Dân vũ Việt Nam tại Thủ đô Hà Nội. Năm 2014, điệu

múa Tắc Xình của đồng bào Sán Chay huyện Phú Lương được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Múa Tắc Xình không chỉ có ý nghĩa giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau, khơi dậy lòng tự hào, tự tôn dân tộc, khích lệ tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng, mà còn góp phần vào công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, là sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo, phục vụ du khách. Năm 2015, hát Sắng Cọ (hát Ví lưu tam) của người Sán Chay huyện Phú Lương được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* được duy trì thường xuyên, hiệu quả. Năm 2015, tỷ lệ đạt gia đình văn hóa đạt 88,5%, làng văn hóa là 74,8%, cơ quan văn hóa đạt 94,6%; 10/16 xã, thị trấn có nhà văn hóa đa năng đạt tiêu chuẩn; 268/274 xóm (phố, tiểu khu) có nhà văn hóa; 100% cơ quan có nội quy, quy ước về xây dựng cơ quan văn hóa; 100% số xóm¹, khu phố xây dựng được quy ước cam kết thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Công tác truyền thanh, truyền hình được đổi mới, bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đảm bảo tính thời sự và rộng khắp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; các trạm truyền thanh cơ sở được khai thác có hiệu quả, thường xuyên được tu sửa để đảm bảo cho hoạt động thông tin, tuyên truyền... Mạng lưới viễn thông phủ sóng tới 100% địa bàn, đạt tỷ lệ 70 thuê bao điện thoại, 3 thuê bao internet/100 dân.

Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đầu tư nâng cấp trang thiết bị và kiện toàn tổ chức, bộ máy, phục vụ tốt việc

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, tr.7.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

khám, chữa bệnh. Huyện ủy chỉ đạo tăng cường kiểm tra hoạt động trong phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh theo mùa, kiểm tra hoạt động của các cơ sở y tế tư nhân; thực hiện có hiệu quả chương trình, dự án trong công tác y tế, đặc biệt là Dự án kiểm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính. Một số cơ sở y tế được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cấp trang thiết bị phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân gắn liền với “Chương trình xây dựng nông thôn mới” và thực hiện “Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế”. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 85%. Đến cuối năm 2015, toàn huyện có 11 xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Đội ngũ cán bộ y tế và cộng tác viên dân số tại cơ sở hoạt động tích cực. Triển khai thực hiện “Chương trình hành động về Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020”, trung bình 5 năm (2011 - 2015), tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên của Phú Lương giảm còn 4,4%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 13,8%¹.

Công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm có nhiều tiến bộ, trong 5 năm huyện đã tổ chức đào tạo nghề cho 4.105 lao động và giải quyết việc làm cho 9.345 người. Hằng năm, chính quyền chú trọng triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo với quyết tâm giảm nghèo bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2015 của huyện chỉ còn 7,14%, hộ cận nghèo là 15,75%. Chính sách đối với người có công, bảo trợ xã hội, chính sách tôn giáo thường xuyên được các cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể quan tâm thực hiện theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đời sống của nhân dân trong huyện được cải thiện và nâng lên, năm 2015, thu nhập bình quân đầu người đạt 25,1 triệu đồng/năm.

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, tr.8.

Phú Lương là một huyện đa dân tộc, người Kinh chiếm khoảng 54% dân số, còn lại là các dân tộc thiểu số: Tày, Nùng, Sán Chay, Dao, Sán Dìu, Thái, Hoa, Mông. Trong tiến trình lịch sử, đồng bào các dân tộc luôn đoàn kết trong đấu tranh chống “*thiên tai, địch họa*” cũng như trong sản xuất và đời sống, góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh. Giai đoạn 2010 - 2015, Đảng bộ huyện Phú Lương tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng coi công tác dân tộc là vấn đề chiến lược; thực hiện tốt chính sách dân tộc, phát huy truyền thống và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các chính sách dân tộc về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội theo Quyết định 134, Quyết định 135... của Chính phủ; chính sách đối với người có uy tín; chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên vùng đặc biệt khó khăn... được triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Với sự hỗ trợ của Chương trình 135 cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các xóm làng đặc biệt khó khăn, giai đoạn 2012 - 2015, 49 công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư với tổng kinh phí 29,35 tỷ đồng, 8 công trình được duy tu bảo dưỡng với tổng 1,3 tỷ đồng; ngoài ra, huyện còn xây dựng 6 công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung, hỗ trợ 374 hộ nghèo quy hoạch chuồng trại, xây nhà vệ sinh... Các công trình đều đảm bảo hiệu quả, góp phần cải thiện đời sống cho nhân dân. Năm 2014, huyện Phú Lương tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số lần thứ II. Đại hội đánh giá: “*Vùng thiểu số của huyện sau 5 năm đã có nhiều chuyển biến tích cực, xuất hiện nhiều điển hình về phát triển kinh tế, xã hội. Có nhiều hướng đi đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế cao, điển hình như: Phát triển vùng chè, hình thành các làng nghề truyền thống ở các xã Túc Tranh, Phú Đô, Vô Tranh; lúa nếp Vải ở Ôn Lương... Hình thành các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như ở Cổ Lũng, thị trấn Đu... Cùng với*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cũng luôn ủng hộ, chăm lo, giúp đỡ vùng đồng bào dân tộc, tiêu biểu như: Ban Chỉ huy quân sự, Công an huyện, Ngân hàng Chính sách xã hội, Bưu điện huyện¹...

Đảng bộ, chính quyền huyện luôn coi trọng sự kết hợp lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, đề cao cảnh giác trước âm mưu “*Diễn biến hòa bình*”, “*Bạo loạn lật đổ*” của các thế lực thù địch. Công tác diễn tập khu vực phòng thủ, “*Chiến đấu trị an*” được tổ chức tốt. Hằng năm, Phú Lương đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng; đảm bảo đủ số lượng, chất lượng trong thực hiện huấn luyện dân quân tự vệ.

Phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” được triển khai sâu rộng đến toàn thể các tầng lớp nhân dân, Chương trình số 541/CTr-UBND “*tiếp tục thực hiện Đề án phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội giai đoạn 2011 - 2015*” được các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên... và quần chúng nhân dân tích cực hưởng ứng, thực hiện hiệu quả, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Trong 5 năm, lực lượng công an đã tổ chức 18 đợt cao điểm tấn công, ngăn chặn, trấn áp tội phạm hình sự, ma túy và tệ nạn xã hội; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thường xuyên nắm bắt tình hình, kịp thời giải quyết hiệu quả những vấn đề bức xúc của nhân dân từ cơ sở.

Từ năm 2010 đến năm 2015, các cơ quan tổ tụng làm tốt công

¹ *Báo cáo tổng kết tình hình dân tộc, công tác dân tộc và phong trào thi đua yêu nước của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Phú Lương, giai đoạn 2009 - 2014; phương hướng, nhiệm vụ công tác dân tộc giai đoạn 2014 - 2019, tr.6.*

tác điều tra, truy tố, xét xử (trong đó có 28 vụ án thuộc diện án trọng điểm); tổ chức 81 phiên tòa xét xử lưu động để tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của người dân; tổ chức tốt việc thi hành án đối với các đối tượng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.. Trong 5 năm, tổng số vụ thi hành án là 3.067, đã giải quyết xong 2.766 vụ (đạt 90,2%)¹. Công tác điều trị cai nghiện ma túy được duy trì thường xuyên; trong 5 năm, toàn huyện đã tổ chức cai nghiện ma túy cho 720 lượt đối tượng.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, lĩnh vực văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng còn tồn tại một số hạn chế. Chất lượng giáo dục đào tạo chưa đồng đều giữa các vùng. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Kết quả công tác giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo còn cao. Việc giảm tỷ suất sinh thô chưa đạt mục tiêu nghị quyết. Công tác quản lý, giáo dục người nghiện ma túy sau cai tại cộng đồng đạt kết quả thấp. Tai nạn giao thông có giảm nhưng số người chết vẫn cao, tình hình tội phạm về trật tự xã hội còn diễn biến khó lường...

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tại Hội nghị lần thứ 7 khóa X Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008) nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa

¹ Báo cáo số 306-BC/HU ngày 6/7/2005 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, tr.8.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới...

Ngày 4/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020. Năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 về việc phê duyệt Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011- 2015, định hướng đến 2020. Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 12/8/2011, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương ban hành Chương trình số 989/CTr-UBND về xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, giai đoạn 2011 - 2015. Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình từ huyện đến xã, xóm được thành lập đúng trình tự, quy định, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh¹ góp phần triển khai nhanh chóng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện.

Từ thực tiễn địa phương, ngay từ khi bắt đầu triển khai, huyện chủ động đề xuất việc lựa chọn xã điểm trong xây dựng nông thôn mới, nhằm tạo động lực và bước đi hợp lý, có hiệu quả cao trong xây dựng nông thôn mới trên toàn huyện. Huyện chọn 5 xã: Ôn Lương, Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Cổ Lũng và Tứ Tranh làm xã điểm về xây dựng nông thôn mới.

¹ Cấp huyện có Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện; 14 xã đều có Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới xã; các xóm đều có các ban phát triển xóm do những người có uy tín đứng đầu.

Bắt tay vào xây dựng nông thôn mới, huyện Phú Lương huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, công tác tuyên truyền được đặc biệt coi trọng. Huyện ủy chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở tập trung tổ chức tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức phù hợp, đơn giản, dễ nhớ, dễ hiểu; gắn tuyên truyền với thi đua, khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân, tập thể đạt thành tích trong xây dựng nông thôn mới. Từ năm 2011 đến năm 2015, huyện tổ chức được 649 cuộc tuyên truyền với trên 89.000 lượt người tham gia; đăng tải 2.200 tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu về xây dựng nông thôn mới thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Ngoài tuyên truyền, vận động nhân dân, công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới luôn được quan tâm hàng đầu. Trong 5 năm (2011 - 2015), Phú Lương tổ chức được trên 200 lớp đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực hiện Chương trình từ huyện đến xã, xóm. Qua đó xây dựng được đội ngũ cán bộ tích cực trong hoạt động, nắm chắc quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, cơ chế, chính sách của Chương trình và đi đầu trong triển khai, tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng nông thôn mới.

Do tiến hành đồng bộ các phương pháp nên việc phối hợp thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới ở Phú Lương đạt được nhiều thành tích nổi bật. Năm 2012, 14/14 xã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt Đề án quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được đầu tư xây dựng làm cho bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi. Trong 5 năm, toàn huyện đã cải tạo và nâng cấp được 169 công trình với trên 122km đường bê tông nông thôn trục xã, liên xã, liên xóm. Đến năm 2015, toàn huyện có 153,17/199,47km đường trục xã đạt chuẩn; 136,5/485,9km đường ngõ xóm không

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

lấy lợi vào mùa mưa. Hệ thống thủy lợi được tập trung cải tạo, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống sinh hoạt của nhân dân. Huyện đầu tư xây mới 40 trạm biến áp, cải tạo và nâng cấp 144km đường điện. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt trên 98%, hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện đạt 85,5%, đảm bảo cung cấp điện phục vụ sản xuất, dân sinh nông thôn. Mạng lưới bưu chính viễn thông từng bước được nâng cấp và hiện đại hóa: 100% số xã có điểm Bưu điện văn hóa xã, có mạng truy cập internet đến trung tâm xã. Huyện đầu tư nâng cấp, xây mới 26 trường học; mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố, 9 trạm y tế được xây mới, sửa chữa nâng cấp 4 trạm y tế. Toàn huyện có 10/14 xã đã xây dựng nhà văn hóa xã đạt tiêu chuẩn, 249/253 xóm có nhà văn hóa xóm đạt chuẩn, đảm bảo phục vụ hoạt động văn hóa cho bà con nhân dân. Nhân dân tự nguyện hiến 44,37ha đất để xây dựng hạ tầng nông thôn. Huyện tập trung huy động được trên 1.300 tỷ đồng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng nông thôn mới. Sản xuất lương thực tiếp tục phát triển theo hướng tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 25 triệu đồng/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 7,14%. Văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng giáo dục và đào tạo được quan tâm thực hiện; chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được nâng lên; hoạt động văn hóa, thể thao phát triển. Hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; dân chủ cơ sở được phát huy, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đến năm 2015, các xã đạt bình quân 13/19 tiêu chí (tăng 8 tiêu chí so với năm 2011), có 2 xã (Sơn Cẩm, Cổ Lũng) được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014, năm 2015 có thêm 3 xã (Ôn Lương, Phấn Mễ, Tứ Tranh) nâng

tổng số lên 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới¹.

Những thành tích trong xây dựng nông thôn mới Phú Lương đạt được trong 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015) do có sự đóng góp không nhỏ của nhân dân trên địa bàn. Người dân không chỉ thể hiện ở việc đóng góp vật chất để xây dựng cơ sở hạ tầng mà còn đóng góp cả tinh thần, trí tuệ, thể hiện ở việc những tiêu chí không cần nguồn vốn đầu tư lớn nhưng cần phải có sự đồng lòng, ý chí quyết tâm mới thực hiện được như: môi trường, văn hóa, giáo dục, an ninh trật tự... Nhiều xã được đánh giá là “điểm sáng” trong việc huy động sức dân xây dựng nông thôn mới ở Phú Lương như: Phấn Mễ, Túc Tranh, Ôn Lương, Yên Đổ, Vô Tranh.

Từ năm 2011 đến năm 2015, huyện khen thưởng cho 33 tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Thông qua việc triển khai Chương trình, diện mạo nông thôn trên quê hương Phú Lương ngày càng khang trang, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc được nâng lên đáng kể.

Bên cạnh những thành tích đạt được, quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Phú Lương còn một số tồn tại cần khắc phục trên chặng đường tiếp theo. Nhận thức của một bộ phận nhân dân về xây dựng nông thôn mới chưa sâu sắc, đời sống nhân dân tuy được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Nguồn vốn phân bổ từ ngân sách hằng năm cho địa phương hạn chế, hạ tầng phát triển chưa đồng bộ, đầu tư còn dàn trải. Nhìn chung hiệu quả huy động nguồn lực cho chương trình còn thấp. Nguồn nhân lực thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới

¹ Báo cáo số 343/BC-BCĐ ngày 30/12/2015 của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Báo cáo tổng kết Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, tr.3-4.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

còn tương đối mỏng, các xã chưa có biên chế hành chính cho cán bộ phụ trách mảng công tác này. Việc xây dựng nông thôn mới còn tập trung vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng; việc triển khai thực hiện đề án phát triển sản xuất ở các địa phương còn lúng túng, hiệu quả thấp, chưa rõ nét. Có những xã xây dựng được đề án phát triển sản xuất song còn dàn trải, việc thực hiện phân tán và ở quy mô nhỏ, chưa tạo được vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chưa có sự liên kết giữa các khâu sản xuất với thu mua nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ nông sản. Thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định.

Trong 2 ngày 13 và 14/7/2015, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XXIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020). Dự Đại hội có 232 đại biểu chính thức đại diện cho trên 5.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện. Đại hội thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2010 - 2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII.

Với quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, Đại hội xác định mục tiêu tổng quát trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 là: *“Tập trung xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh cải cách hành chính; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển, lấy công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ là khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; xây dựng huyện Phú Lương phát triển toàn diện, bền vững”*.

Với tinh thần tập trung dân chủ, đoàn kết, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020) với 41 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 ủy viên. Trong đó đồng chí Nguyễn Thị Mai được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Ma Văn Rục và đồng chí Phạm Bình Công được bầu làm Phó Bí thư.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII thể hiện quyết tâm của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tiếp tục phát huy truyền thống của địa phương, đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu xây dựng huyện Phú Lương vững mạnh về chính trị, phát triển về kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

Sau 10 năm thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương đã vượt qua nhiều thách thức, khó khăn để giành được những kết quả quan trọng trên mọi lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Cấp ủy, chính quyền huyện đặc biệt chú trọng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời khai thác các tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, nền kinh tế huyện Phú Lương có bước phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực. Đến năm 2015, tỷ trọng thương mại - dịch vụ chiếm 35,5%, công nghiệp xây dựng chiếm 32,9%, nông - lâm nghiệp, thủy sản chiếm 31,6%; thu nhập bình quân đầu người đạt 25,1 triệu đồng/năm. Tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 7,14%. Chất lượng giáo dục phổ thông, chất lượng y tế của huyện được nâng lên rõ rệt, toàn huyện có 48/63 trường đạt chuẩn Quốc gia, 11 xã được công nhận chuẩn Quốc gia về y tế. Các hoạt động văn

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

hóa - xã hội trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển mạnh. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở ngày càng được củng cố vững mạnh. Đặc biệt, trong những năm gần đây, chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện được quan tâm chỉ đạo với nhiều giải pháp, mang lại hiệu quả tích cực. Kết quả, đã có 5 xã đạt tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

Để có được những kết quả trên, Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Lương đã vận dụng sáng tạo, linh hoạt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tế địa phương để có những giải pháp thích hợp, góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn. Phát huy những thành tích đã đạt được, Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Lương sẽ tiếp tục vượt qua những khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra.

KẾT LUẬN

Phú Lương là một vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử và văn hóa. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã xây dựng được bản lĩnh, cốt cách văn hóa vững vàng và vun đắp nên những phẩm chất tốt đẹp như: cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; đoàn kết, dũng cảm trong đấu tranh chống thiên tai, địch họa và nhân ái trong cuộc sống đời thường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, những truyền thống tốt đẹp trên của nhân dân Phú Lương được kế thừa và phát huy cao độ trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xâm lược và trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, cuộc sống của nhân dân trên địa bàn Phú Lương cực khổ do sưu cao, thuế nặng, bị kìm kẹp về chính trị, nô dịch về văn hóa... Phong trào cách mạng của Phú Lương bắt đầu “nhen nhóm” từ đầu năm 1942 với sự ra đời của 2 cơ sở cách mạng: Hái Hoa và Làng Cam. Từ đó đến đầu năm 1945, phong trào cách mạng trong huyện có bước phát triển nhanh chóng, cơ sở cách mạng dần lan rộng ra nhiều xã trong huyện. Việc xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang được đẩy mạnh, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương (ngày 9/3/1945) đến cuối tháng 6/1945, dưới sự lãnh đạo của tổ đảng Cứu quốc quân, Mặt trận Việt Minh và sự hỗ trợ của một đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã giành được chính quyền ở hầu khắp các xã. Trung tuần tháng 7/1945, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Phú Lương ra đời. Ngày 26/8/1945, địa bàn Phú Lương hoàn toàn sạch bóng

quân phát xít Nhật.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nhân dân trong huyện ra sức xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng non trẻ. Tháng 2/1946, Chi bộ cơ quan huyện Phú Lương được thành lập gồm 4 đảng viên. Tháng 4/1946, Ban Cán sự Đảng ra đời và đến tháng 11/1946, Phú Lương đã có thêm 3 chi bộ Đảng ở các xã Động Đạt, Hợp Thành và Phấn Mễ. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định thành lập Huyện ủy lâm thời Phú Lương. Đảng bộ huyện đã đảm đương sứ mệnh lịch sử lớn lao, trực tiếp lãnh đạo nhân dân địa phương thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Là huyện thuộc vùng tự do, các xã phía tây (Hợp Thành, Phủ Lý, Ôn Lương, Yên Trạch) được Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch chọn xây dựng An toàn khu (ATK), trở thành địa bàn đóng trú, làm việc của nhiều cơ quan Trung ương và Quân đội. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện nỗ lực vượt qua mọi chông gai, thử thách, anh dũng chiến đấu chống giặc Pháp bảo vệ quê hương, ra sức đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến, góp phần cùng quân dân các địa phương khác trong tỉnh và cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” (ngày 7/5/1954), đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (ngày 21/7/1954). Ghi nhận những thành tích đặc biệt xuất sắc của địa phương, ngày 18/6/2003, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương được Chủ tịch nước ký Quyết định số 334/2003/QĐ-CTN tặng danh hiệu “*An hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*” thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Các xã Hợp Thành, Phủ Lý, Ôn Lương, Yên Trạch hiện nay đã được công nhận là các xã An toàn khu (ATK) Trung ương.

Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, phát huy những thành tích đạt được trong kháng chiến chống thực dân Pháp, trong

hơn 10 năm từ 1954 - 1965, Đảng bộ huyện Phú Lương lãnh đạo nhân dân hoàn thành công cuộc giảm tô, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Từ năm 1965, đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện nhanh chóng chuyển hướng hoạt động sản xuất, sinh hoạt cho phù hợp với điều kiện thời chiến. Lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tích cực chiến đấu và phục vụ chiến đấu góp phần đánh bại hai cuộc leo thang chiến tranh đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm được chi viện cho tiền tuyến miền Nam, 4.052 người con ưu tú của quê hương lên đường “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*”, góp phần làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Trong công cuộc đổi mới (từ năm 1986 đến nay), Đảng bộ và nhân dân địa phương tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách để đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Từ một huyện với hoạt động kinh tế chủ đạo là sản xuất nông nghiệp, hiện nay, thành phần kinh tế của huyện đã đa dạng hơn, các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ngày càng chiếm tỷ trọng cao. Diện mạo quê hương ngày càng đổi mới và khởi sắc, đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện.

Nhìn lại chặng đường 70 năm ra đời và phát triển, ở mọi giai đoạn cách mạng, Đảng bộ huyện Phú Lương luôn nắm vững ngọn cờ lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Từ thời điểm thành lập tổ chức cơ sở đảng đầu tiên (Chi bộ cơ quan) của huyện với 4 đảng viên, đến cuối năm 2015, Đảng bộ huyện Phú Lương có 64 chi, đảng bộ

cơ sở trực thuộc huyện (trong đó có 19 đảng bộ và 45 chi bộ cơ sở) với tổng số 5.672 đảng viên. Đảng bộ ngày càng đổi mới, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu không ngừng được củng cố, tăng cường nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đi liền với tổ chức đảng, hệ thống chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở được củng cố và kiện toàn, hoạt động nề nếp, góp phần thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Từ thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, Đảng bộ rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

Một là, giữ vững đoàn kết thống nhất trong Ban Chấp hành, là cơ sở để giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; coi trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và trách nhiệm của các cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các đơn vị; mỗi cấp ủy viên phải thực sự là tấm gương tiêu biểu cả về phẩm chất đạo đức, trí tuệ, trách nhiệm, kỷ luật và về lối sống. Tranh thủ sự lãnh đạo, sự hỗ trợ giúp đỡ của cấp trên là điều kiện để phát huy mọi nguồn lực, tạo sức mạnh tổng hợp để thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến xây dựng đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Theo Người, đoàn kết trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đoàn kết trong nhân dân. Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân tạo nên sức mạnh vĩ đại để dân tộc ta vượt qua muôn vàn thách thức, chiến thắng mọi kẻ thù để đi tới thắng lợi.

Trong tình hình quốc tế có nhiều biến động phức tạp hiện nay, các thế lực thù địch thực hiện “Diễn biến hòa bình”, lợi

dụng khó khăn, khuyết điểm để bôi nhọ, nói xấu Đảng, Nhà nước và chế độ ta; chúng dùng âm mưu, thủ đoạn mua chuộc, kích động, nói xấu, chia rẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, làm giảm uy tín của Đảng. Hơn lúc nào hết, tư tưởng Hồ Chí Minh “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công*” vẫn còn nguyên giá trị, là động lực, là nguồn sức mạnh to lớn trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Trong giai đoạn hiện nay, để giữ gìn, phát huy đoàn kết, thống nhất trong Đảng làm cơ sở vững chắc để phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng bộ Phú Lương cần tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết nhất trí trong Đảng và tầm quan trọng của việc giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đồng thời, Đảng bộ cần củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; tự phê bình, phê bình và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cục bộ, địa vị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đảng bộ lựa chọn, bố trí đúng người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan chính quyền cùng cấp, đảm bảo thực sự là hạt nhân trung tâm đoàn kết; đồng thời tăng cường giáo dục rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống. Thực tiễn cho thấy ở địa phương, cơ sở nào cán bộ chủ trì có đủ phẩm chất, năng lực, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, thật sự tiên phong gương mẫu, xử lý hài hòa các lợi ích, biết đặt lợi ích của Đảng, Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết thì ở đó nội bộ đoàn kết thống nhất, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền không ngừng được giữ vững và nâng lên.

Ngược lại, nếu cán bộ chủ trì yếu kém về phẩm chất, năng lực, có tư tưởng cá nhân, lợi dụng chức quyền tham ô, tham nhũng, vun vén cá nhân thì ở nơi đó đoàn kết trong tổ chức đảng bị rạn nứt, hiệu lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền bị giảm sút, nhân dân thiếu tin tưởng, tình trạng mất đoàn kết nội bộ, dân khiếu kiện làm ảnh hưởng lớn đến vai trò, uy tín của Đảng trước quần chúng. Vì vậy, cùng với việc lựa chọn, bố trí đúng người đứng đầu bộ máy Đảng, chính quyền phải hết sức chú trọng rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, hết lòng vì nhân dân, vì sự nghiệp cách mạng. *Đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách đạo đức Hồ Chí Minh”* gắn với tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Hai là, quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”, chú trọng bồi dưỡng sức dân, tăng cường gắn bó mật thiết giữa tổ chức đảng và nhân dân.

Lòng dân, sức dân là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất đưa tới sự thành công hay thất bại trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển của Đảng bộ huyện. Do đó, Đảng bộ cần chú trọng tới việc đưa ra các chủ trương, chính sách tạo được sự đồng lòng, hưởng ứng trong nhân dân. Để làm được điều đó, trước hết, cán bộ lãnh đạo phải luôn gần gũi, gắn bó mật thiết, lắng nghe và thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân trong huyện. Cán bộ đảng viên phải là tấm gương cho quần chúng noi theo. Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, Đảng bộ huyện cần quan tâm, khuyến khích, động viên nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, khai thác các tiềm năng trong dân đi đôi với chú trọng bồi dưỡng sức dân, nhất là nâng cao dân trí và sức khỏe cho nhân dân.

Ba là, tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; thường xuyên chăm lo xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, trở thành chỗ dựa vững chắc cho Đảng bộ.

Trong quá trình hình thành và phát triển của tổ chức, ở những thời điểm khó khăn nhất, Đảng bộ huyện vẫn chỉ đạo công việc cấp thiết đầu tiên là nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Bài học về việc giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng cũng như nêu cao tính tổ chức, kỷ luật, trung thực, thẳng thắn và cái tâm của người cộng sản đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng bộ Phú Lương cần chú trọng hơn nữa tới công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn cho cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đó, cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp cần thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, kịp thời xem xét kỷ luật những đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, giữ vững sự trong sạch vững mạnh của tổ chức đảng cơ sở.

Đảng bộ thường xuyên lãnh đạo củng cố, xây dựng bộ máy chính quyền và các đoàn thể theo hướng nâng cao về chất lượng, rút gọn về số lượng. Các tổ chức trong hệ thống chính trị tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư. Những cố gắng trên góp phần xứng đáng trong việc động viên nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Trong xu thế hội nhập và phát triển, yêu cầu về tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng lại càng trở nên ý nghĩa, có giá trị cả về lý luận và thực tiễn.

Bốn là, nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, sáng tạo vận dụng vào hoàn cảnh thực tế của huyện trong từng giai đoạn nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện.

Quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ huyện luôn quán triệt một cách sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, xác định nhiệm vụ trọng tâm của mỗi thời kỳ, tập trung cao độ trí lực của toàn Đảng bộ và nhân dân, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra. Từ khi thành lập năm 1946, Đảng bộ huyện không ngừng tìm tòi, vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng vào đặc điểm, tình hình cụ thể của địa phương, không rập khuôn, máy móc, giáo điều; huy động được đông đảo cán bộ và nhân dân tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất, chung sức xây dựng quê hương. Đảng bộ huyện xác định thế mạnh phát triển kinh tế của từng khu vực trong huyện, từ đó đưa ra các chỉ tiêu, chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm tận dụng và phát huy tối đa tiềm năng sẵn có về mặt tự nhiên của một huyện miền núi của Thái Nguyên.

PHỤ LỤC
LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG
(1946 - 2015)

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ
ĐƯỢC PHONG TẶNG DANH HIỆU
“ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN”
THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP**

<i>Stt</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Quyết định</i>
1	Huyện Phú Lương	Quyết định số 334/2003/QĐ-CTN ngày 18/6/2003
2	Xã Động Đạt	Quyết định số 202/QĐ-CTN ngày 11/6/1999
3	Xã Phấn Mễ	Quyết định số 202/QĐ-CTN ngày 11/6/1999
4	Xã Ôn Lương	Quyết định số 160/QĐ-CTN ngày 28/4/2000
5	Xã Hợp Thành	Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005
6	Xã Phủ Lý	Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005
7	Xã Vô Tranh	Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005
8	Xã Yên Trạch	Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CỦA HUYỆN
NẪM TRONG AN TOÀN KHU (ATK) TRUNG ƯƠNG**

<i>Stt</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Quyết định</i>
1	Xã Hợp Thành	Quyết định số 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003
2	Xã Ôn Lương	Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
3	Xã Phú Lý	Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011
4	Xã Yên Trạch	Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011

**DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG
HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Xã/thị trấn</i>	<i>Đối tượng</i>
1	Vũ Thị Ba	1921	Cổ Lũng	Có con độc nhất là liệt sỹ
2	Đình Thị Nhớn	1894	Cổ Lũng	Có 2 con là liệt sỹ
3	Nguyễn Thị Nhung	1902	Cổ Lũng	Có con độc nhất là liệt sỹ
4	Mạc Thị Long	1908	Cổ Lũng	Có 2 con là liệt sỹ
5	Hoàng Thị Sang	1928	Cổ Lũng	Có 2 con là liệt sỹ
6	Hoàng Thị Soi	1918	Cổ Lũng	Có con độc nhất là liệt sỹ
7	Đỗ Thị Sinh	1919	Cổ Lũng	Có 2 con là liệt sỹ
8	Nguyễn Thị Hòa	1903	Động Đạt	Có 2 con là liệt sỹ
9	Hà Thị Hương	1920	Động Đạt	Có 2 con là liệt sỹ
10	Trần Thị Khuê	1914	Động Đạt	Có 2 con là liệt sỹ
11	Nguyễn Thị Sen	1922	Ôn Lương	Có 2 con là liệt sỹ
12	Vũ Thị Rương	1922	Ôn Lương	Có 2 con là liệt sỹ
13	Nguyễn Thị Chất	1914	Phấn Mễ	Có 2 con là liệt sỹ
14	Bàng Thị Chững	1924	Phấn Mễ	Có 2 con là liệt sỹ
15	Lê Thị Mùi	1913	Phấn Mễ	Có 2 con là liệt sỹ
16	Đặng Thị Thái	1906	Phấn Mễ	Có 2 con là liệt sỹ
17	Lê Thị Thiết	1925	Phấn Mễ	Có 2 con là liệt sỹ
18	Bùi Thị Yên	1918	Phấn Mễ	Có 2 con là liệt sỹ
19	Vũ Thị Từ	1906	Phú Đô	Có 2 con là liệt sỹ
20	Nguyễn Thị Tèo	1910	Sơn Cẩm	Có con độc nhất là liệt sỹ
21	Phó Thị Thanh	1919	Sơn Cẩm	Có con độc nhất là liệt sỹ
22	Hoàng Thị Duyên	1919	Thị trấn Đu	Có 2 con là liệt sỹ

23	Nguyễn Thị Gái	1897	Thị trấn Đu	Có 2 con là liệt sỹ
24	Nguyễn Thị Hiên	1916	Túc Tranh	Có 2 con là liệt sỹ
25	Đông Thị Mít	1907	Túc Tranh	Có con độc nhất là liệt sỹ
26	Lê Thị Yên	1913	Túc Tranh	Có 2 con là liệt sỹ
27	Mai Thị Bích	1934	Vô Tranh	Có 2 con là liệt sỹ
28	Nguyễn Thị Nhớn	1922	Vô Tranh	Có 2 con là liệt sỹ
29	Nguyễn Thị Mùi	1921	Vô Tranh	Có chồng và con là liệt sỹ
30	Hoàng Thị Bốn	1916	Yên Đổ	Có 2 con là liệt sỹ
31	Lê Thị Nguyên	1921	Yên Đổ	Có con độc nhất là liệt sỹ
32	Triệu Thị Tư	1911	Yên Đổ	Có 2 con là liệt sỹ
33	Phùng Thị Chấm	1906	Yên Trạch	Có 2 con là liệt sỹ
34	Nguyễn Thị Táo	1901	Yên Trạch	Có 2 con là liệt sỹ

**DANH SÁCH CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG
HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên (Bí danh)</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Xã/ Thị trấn</i>
1	Trần Văn Thục	1903	Cổ Lũng
2	Đặng Văn Quảng	1913	Cổ Lũng
3	Bàng Tất Đạt	1926	Động Đạt
4	Nguyễn Thị Cúc	1923	Phấn Mễ
5	Chu Thịnh	1920	Phấn Mễ
6	Lâm Đình Phòng	1921	Phấn Mễ
7	Cao Khắc Hưng	1922	Phủ Lý
8	Triệu Việt Đông	1913	Sơn Cẩm
9	Lưu Quý Xuân	1919	Sơn Cẩm
10	Phạm Thành An	1910	Thị trấn Đu
11	Nguyễn Như Châu	1903	Thị trấn Đu
12	Lương Văn Dưỡng	1927	Thị trấn Đu
13	Trương Trung Hoa	1909	Thị trấn Đu
14	Nguyễn Đình Khang	1922	Thị trấn Đu
15	Lâm Thành Thái (Lâm Văn Voòng)	1917	Thị trấn Đu
16	Phạm Ngọc Ban	1924	Vô Tranh
17	Nguyễn Công Hoạt	1916	Vô Tranh
18	Phạm Phòng	1910	Vô Tranh
19	Ngô Văn Quần	1910	Vô Tranh
20	Triệu Phúc Hành	1922	Yên Ninh
21	Nông Văn Lực	1900	Yên Ninh
22	Triệu Thị Mạnh	1903	Yên Ninh
23	Hoàng Tân	1928	Yên Ninh
24	Trần Văn Tốc	1902	Yên Ninh
25	Ma Văn Quyên	1925	Yên Ninh

**DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
PHÚ LƯƠNG TỪ KHÓA VI ĐẾN KHÓA XXIII**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Khóa VI (1960 - 1962)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 15 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 5 đồng chí		
1	Phan Văn Tĩnh	Bí thư
2	Hoàng Ngọc Thăng	Phó Bí thư
3	Lê Thị Gạo	Ủy viên
4	Trần Oanh	Ủy viên
5	Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên
Khóa VII (1962 - 1963)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 15 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 5 đồng chí		
1	Phan Văn Tĩnh	Bí thư
2	Hoàng Ngọc Thăng	Phó Bí thư
3	Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Bí thư
4	Lê Thị Gạo	Ủy viên
5	Đặng Thái Vinh	Ủy viên
Khóa VIII (1963 - 1965)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 17 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 5 đồng chí		
1	Trương Văn Thiết	Bí thư
2	Phan Văn Tĩnh	Phó Bí thư
3	Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Bí thư
4	Đặng Thái Vinh	Ủy viên
5	Đoàn Cao Chí	Ủy viên
Khóa IX (1965 - 1967)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 17 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 5 đồng chí		
1	Trương Văn Thiết	Bí thư
2	Phan Văn Tĩnh	Phó Bí thư

3	Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên
4	Nông Văn Minh	Ủy viên
5	Đặng Thái Vinh	Ủy viên
6	Phan Công Nhượng	Ủy viên (được Tỉnh ủy điều về làm Ủy viên BTV Huyện ủy Phú Lương từ tháng 8/1966)
Khóa X (1967 - 1970)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 25 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí		
1	Lâm Đình Phòng	Bí thư
2	Phan Công Nhượng	Phó Bí thư
3	Ma Văn Quyên	Phó Bí thư
4	Đặng Thị Quỳ	Ủy viên
5	Lý Văn Lực	Ủy viên
6	La Ngọc Sơn	Ủy viên
7	Đặng Thái Vinh	Ủy viên
8	Đình Lâm Nguyên	Ủy viên
9	Nông Văn Minh	Ủy viên
Khóa XI (1970 - 1975)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 19 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí		
1	Phan Mục Vinh	Bí thư
2	Ma Văn Quyên	Phó Bí thư
3	Phan Công Nhượng	Ủy viên
4	Lý Văn Lực	Ủy viên
5	Nông Văn Minh	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Ủy viên
7	Hoàng Văn Thức	Ủy viên
Khóa XII (1975 - 1977)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 21 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí		
1	Phan Công Nhượng	Bí thư

2	Bế Văn Xuân	Phó Bí thư
3	Nông Văn Minh	Phó Bí thư
4	Ma Văn Quá	Ủy viên
5	Hoàng Văn Thư	Ủy viên
6	Hà Văn Tung	Ủy viên
7	Hoàng Thị Vui	Ủy viên
Khóa XIII (1977 - 1980)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 23 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí		
1	Phan Công Nhượng	Bí thư
2	Nông Văn Minh	Phó Bí thư
3	Bế Văn Xuân	Phó Bí thư
4	Ma Văn Quá	Ủy viên
5	Hoàng Văn Hồ	Ủy viên
6	Dương Văn Lệ	Ủy viên
7	Hà Văn Tung	Ủy viên
8	Nông Văn Ngọc	Ủy viên (là Huyện ủy viên được Tỉnh ủy Bắc Thái chuẩn y bổ sung làm Ủy viên BTV từ tháng 10/1978)
Khóa XIV (1980 - 1983)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 27 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí		
1	Phan Công Nhượng	Bí thư
2	Bế Văn Xuân	Phó Bí thư
3	Hoàng Văn Thủ	Phó Bí thư
4	Hà Văn Tung	Ủy viên
5	Dương Văn Lệ	Ủy viên
6	Nguyễn Phúc Huyền	Ủy viên
7	Nguyễn Đình Hữu	Ủy viên
8	Phan Văn Thuyết	Ủy viên
9	Nguyễn Thế Ngữ	Ủy viên

Khóa XV (1983 - 1986)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 27 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 8 đồng chí		
1	Phan Công Nhượng	Bí thư (đến tháng 10/1983 nghỉ hưu)
2	Mạc Văn Đạt	Phó Bí thư Bí thư (từ tháng 11/1983 thay đồng chí Phan Công Nhượng nghỉ hưu)
3	Bế Văn Xuân	Ủy viên Phó Bí thư từ tháng 11/1983 (đến tháng 2/1986 chuyển công tác về tỉnh)
4	Nguyễn Ân	Ủy viên (là Huyện ủy viên được Tỉnh ủy Bắc Thái chuẩn y bổ sung làm Ủy viên BTV từ tháng 7/1985) Phó Bí thư (từ tháng 8/1986)
5	Ma Văn Quá	Ủy viên
6	Nguyễn Đình Hữu	Ủy viên
7	Dương Văn Lê	Ủy viên
8	Nguyễn Thế Ngữ	Ủy viên
9	Ma Văn Phúc	Ủy viên (đến tháng 9/1985 nghỉ hưu)
10	Trần Ngọc Cảnh	Ủy viên (bổ sung từ tháng 8/1986)
11	Bàn Hữu Dân	Ủy viên (bổ sung từ tháng 8/1986)
Khóa XVI (1986 - 1989)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 33 ủy viên chính thức và 6 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí		
1	Mạc Văn Đạt	Bí thư
2	Nguyễn Ân	Phó Bí thư
3	Bàn Hữu Dân	Phó Bí thư Thường trực
4	Tống Đình Tuấn	Ủy viên
5	Nguyễn Mạnh Long	Ủy viên
6	Ma Văn Quá	Ủy viên
7	Nguyễn Ngọc Ly	Ủy viên
8	Trần Ngọc Cảnh	Ủy viên
9	Hoàng Quốc Hiếu	Ủy viên

Khóa XVII (1989 - 1991)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 33 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí		
1	Mạc Văn Đạt	Bí thư (đến tháng 5/1990 nghỉ chờ chế độ hưu)
2	Lê Văn Văn	Phó Bí thư Thường trực (từ tháng 8/1989). Quyền Bí thư (từ tháng 6/1990) Bí thư (từ tháng 9/1990)
3	Bàn Hữu Dân	Phó Bí thư
4	Lê Thiện Đán	Ủy viên
5	Nguyễn Mạnh Long	Ủy viên
6	Trần Trọng Tuyên	Ủy viên
7	Đoàn Đình Thế	Ủy viên
8	Lê Trung	Ủy viên
9	Ma Hồng Chi	Ủy viên
10	Trịnh Xuân Uyển	Ủy viên
Khóa XVIII (1991 - 1996)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 31 ủy viên. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí		
1	Lê Văn Văn	Bí thư (đến tháng 9 năm 1994 chuyển công tác)
2	Đoàn Đình Thế	Ủy viên Phó Bí thư (từ tháng 8/1993) Bí thư (từ tháng 9/1994)
3	Nguyễn Mạnh Long	Ủy viên, Phó Bí thư (từ tháng 8/1993)
4	Bảo Văn Lạc	Ủy viên (bổ sung từ tháng 8/1993) Phó Bí thư (từ tháng 8/1995)
5	Bàn Hữu Dân	Ủy viên (tháng 1/1992 chuyển công tác về tỉnh)
6	Lê Thiện Đán	Ủy viên
7	Trần Trọng Tuyên	Ủy viên
8	Ma Hồng Chi	Ủy viên
9	Lê Trung	Ủy viên (bổ sung từ tháng 8/1993)
Khóa XIX (1996 - 2000)		
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 33 ủy viên. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí		

1	Đoàn Đình Thế	Bí thư
2	Nguyễn Mạnh Long	Phó Bí thư Thường trực (đến tháng 7/1998)
3	Bảo Văn Lạc	Phó Bí thư (đến tháng 7/1998 chuyển công tác)
4	Lê Thiện Đán	Ủy viên, Phó Bí thư thường trực (từ tháng 7/1998)
5	Lê Trung	Ủy viên, Phó Bí thư (từ tháng 7/1998)
6	Trần Trọng Tuyên	Ủy viên (đến tháng 7/1998)
7	Ma Hồng Chi	Ủy viên
8	Phan Công Minh	Ủy viên (đến tháng 7/1998)
9	Trương Minh Tú	Ủy viên
10	Nông Văn Trân	Ủy viên (lạ Huyện ủy viên được bổ sung làm Ủy viên BTV từ năm 1998)
11	Nguyễn Toàn Dũng	Ủy viên (từ năm 1998)
12	Nguyễn Vy Hồng	Ủy viên (từ năm 1998)
13	Lương Thị Đài	Ủy viên (bổ sung từ tháng 8/1998, đến tháng 12/2000 chuyển công tác về tỉnh)

Khóa XX (2000 - 2005)

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 31 ủy viên. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí

1	Đỗ Mạnh Hùng	Bí thư
2	Lê Thiện Đán	Phó Bí thư Thường trực Phó Bí thư - CT UBND huyện (từ tháng 11/2002 thay đồng chí Trân chuyển công tác)
3	Nông Văn Trân	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đến tháng 11/2002 chuyển công tác)
4	Nguyễn Toàn Dũng	Ủy viên, Phó Bí thư Thường trực (từ tháng 11/2002 thay đồng chí Đán chuyển sang làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân)
5	Lương Trung Hà	Ủy viên
6	Trương Minh Tú	Ủy viên
7	Bùi Hồng Sơn	Ủy viên
8	Nguyễn Vy Hồng	Ủy viên

9	Ma Bách Tuyền	Ủy viên
10	Hoàng Thị Vinh	Ủy viên (bổ sung từ tháng 4/2003)
Khóa XXI (2005 - 2010) Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 35 ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí		
1	Nguyễn Thế Đề	Bí thư (đến tháng 11/2009 chuyển công tác)
2	Nguyễn Toàn Dũng	Phó Bí thư Thường trực (đến tháng 3/2010)
3	Lương Trung Hà	Ủy viên Phó Bí thư Thường trực (từ tháng 3/2010)
4	Lê Thiện Đán	Phó Bí thư, CT UBND (đến tháng 9/2006)
5	Nguyễn Vy Hồng	Ủy viên, Phó Bí thư, CT UBND (thay đồng chí Lê Thiện Đán từ tháng 8/2006 đến năm 10/2009), Bí thư (từ tháng 11/2009)
6	Nguyễn Thị Mai	Ủy viên (từ tháng 12/2009 được bầu làm Chủ tịch UBND) Phó Bí thư (từ tháng 3/2010)
7	Bùi Hồng Sơn	Ủy viên
8	Hoàng Thị Vinh	Ủy viên
9	Lê Đức Ân	Ủy viên
10	Nguyễn Thị Kim Liên	Ủy viên (chuyển công tác từ tháng 4/2008)
11	Trần Văn Ổn	Ủy viên (chuyển công tác từ tháng 2/2009)
12	Hoàng Duy Hưng	Ủy viên (bổ sung năm 2008)
13	Doãn Thanh Nhân	Ủy viên (bổ sung từ tháng 5/2010)
14	Ma Văn Rục	Ủy viên (bổ sung từ tháng 5/2010)
15	Nghiêm Xuân Nguyên	Ủy viên (bổ sung từ 7/2008, chuyển công tác về tỉnh từ tháng 11/2009)
16	Lao Văn Hưng	Ủy viên (bổ sung từ tháng 5/2009)
Khóa XXII (2010 - 2015) Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 39 ủy viên. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí		
1	Nguyễn Vy Hồng	Bí thư (đến tháng 9/2013 chuyển công tác về tỉnh)
2	Phạm Hoàng Sơn	Bí thư (từ tháng 11/2013)

3	Lương Trung Hà	Phó Bí thư (đến 7/2011 chuyển công tác về tỉnh)
4	Nguyễn Thị Mai	Phó Bí thư
5	Ma Văn Rục	Ủy viên (Phó Bí thư từ tháng 5/2012)
6	Lê Đức Ân	Ủy viên
7	Lao Văn Hưng	Ủy viên
8	Doãn Thanh Nhân	Ủy viên
9	Bùi Hồng Sơn	Ủy viên
10	Hoàng Duy Hưng	Ủy viên
11	Bế Văn Kính	Ủy viên
12	Lèng Hữu Hiến	Ủy viên
13	Phạm Bình Công	Ủy viên (bổ sung từ tháng 10/2013)
Khóa XXIII (2015 - 2020) Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 41 ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí		
1	Nguyễn Thị Mai	Bí thư
2	Ma Văn Rục	Phó Bí thư Thường trực
3	Phạm Bình Công	Phó Bí thư
4	Doãn Thanh Nhân	Ủy viên
5	Hoàng Duy Hưng	Ủy viên
6	Bế Văn Kính	Ủy viên
7	Lèng Hữu Hiến	Ủy viên
8	Đào Thế Hưng	Ủy viên
9	Nguyễn Huy Ngọc	Ủy viên
10	Mông Chí Hồng	Ủy viên
11	Lê Văn Quý	Ủy viên

**DANH SÁCH TRƯỞNG BAN CÁN SỰ ĐẢNG,
BÍ THƯ HUYỆN ỦY PHÚ LƯƠNG CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
1	Lê Phương	4/1946 - 6/1946	Trưởng Ban Cán sự Đảng
2	Nguyễn Thị Thuận (tức Thái Bảo)	6/1946 - 11/1946	Trưởng ban cán sự Đảng - Bí thư Huyện ủy lâm thời
3	Nguyễn Thế Hạng (tức Nguyễn Vũ)	12/1946 - 3/1947	Bí thư Huyện ủy lâm thời
4	Hứa Đình Khánh	3/1947 - 10/1947	Bí thư Huyện ủy
5	Ngọc Lan	10/1947 - 6/1948	Bí thư Huyện ủy
6	Phan Văn Quế	6/1948 - 1948	Bí thư Huyện ủy
7	Bàng Việt Cường	Đến tháng 12/1948	Quyền Bí thư Huyện ủy
8	Nguyễn Trình	1/1949 - 6/1949	Bí thư Huyện ủy
9	Phan Văn Sáng	7/1949 - Cuối năm 1949	Quyền Bí thư Huyện ủy
10	Phạm Đức Phan	Cuối năm 1949 - Đầu năm 1951	Bí thư Huyện ủy
11	Phan Văn Sáng	Đầu năm 1951 - 11/1952	Bí thư Huyện ủy
12	Nguyễn Đại Hải	11/1952 - 1953	Quyền Bí thư Huyện ủy
13	Nguyễn Bình Sơn	1954*	Bí thư Huyện ủy
14	Phan Văn Tĩnh	1958 - 1963	Bí thư Huyện ủy
15	Trương Văn Thiết	1963 - 1967	Bí thư Huyện ủy
16	Lâm Đình Phòng	1967 - 1970	Bí thư Huyện ủy
17	Phan Mục Vinh	1970 - 1975	Bí thư Huyện ủy
18	Phan Công Nhượng	1975 - 1986	Bí thư Huyện ủy

* Theo các nhân chứng, từ năm 1954 (sau đồng chí Nguyễn Bình Sơn) đến năm 1958, Đảng bộ huyện Phú Lương không có Bí thư.

19	Mạc Văn Đạt	1986 - 1990	Bí thư Huyện ủy
20	Lê Văn Văn	1990 - 9/1994	Quyền Bí thư Huyện ủy Bí thư Huyện ủy
21	Đoàn Đình Thế	9/1994 - 2000	Bí thư Huyện ủy
22	Đỗ Mạnh Hùng	2000 - 2005	Bí thư Huyện ủy
23	Nguyễn Thế Đề	2005 - 11/2009	Bí thư Huyện ủy
24	Nguyễn Vy Hồng	11/2009 - 9/2013	Bí thư Huyện ủy
25	Phạm Hoàng Sơn	11/2013 - 7/2015	Bí thư Huyện ủy
26	Nguyễn Thị Mai	Từ tháng 8/2015	Bí thư Huyện ủy

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
CÁCH MẠNG LÂM THỜI, ỦY BAN HÀNH CHÍNH,
ỦY BAN KHÁNG CHIẾN, ỦY BAN KHÁNG CHIẾN
HÀNH CHÍNH, ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
1	Phan Văn Sáng	7/1945 - 1946 1947 - 1952	Chủ tịch UBNDCM LT Chủ tịch UBKC - UBKCHC
2	Phan Văn Tĩnh	1946 - 1947 1963 - 1967	Chủ tịch UBHC
3	Nguyễn Bình Sơn	1953 - 1954	Chủ tịch UBKCHC
4	Nguyễn Hữu Thành	5/1957 - 1/1958*	Chủ tịch UBHC
5	Hoàng Ngọc Thăng	1960 - 1963**	Chủ tịch UBHC
6	Ma Văn Quyên	1967 - 1973	Chủ tịch UBHC
7	Nông Văn Minh	7/1973 - 5/1980	Chủ tịch UBHC - UBND
8	Hoàng Văn Thủ	1980 - 10/1981	Chủ tịch UBND
9	Bé Văn Xuân	11/1981 - 1/1986	Chủ tịch UBND
10	Nguyễn Ân	2/1986 - 11/1986	Chủ tịch UBND
11	Bàn Hữu Dân	12/1986 - 12/1991	Chủ tịch UBND
12	Đoàn Đình Thế	1991 - 1994	Chủ tịch UBND
13	Bảo Văn Lạc	1994 - 1998	Chủ tịch UBND
14	Nông Văn Trân	1998 - 11/2002	Chủ tịch UBND
15	Lê Thiệu Đán	2002 - 8/2006	Chủ tịch UBND
16	Nguyễn Vy Hồng	9/2006 - 10/2009	Chủ tịch UBND
17	Nguyễn Thị Mai	12/2009 - 11/2015	Chủ tịch UBND
18	Phạm Bình Công	Từ tháng 11/2015	Chủ tịch UBND

* Do tư liệu mai một nhiều nên Ban Chỉ đạo chưa sưu tầm được đồng chí nào làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương từ tháng 2/1958 đến năm 1960.

** Do tư liệu mai một nhiều nên Ban Chỉ đạo chưa sưu tầm được đồng chí nào làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Phú Lương từ năm 1963 đến năm 1967.

**DANH SÁCH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VÀ DI
TÍCH QUỐC GIA, DI TÍCH CẤP TỈNH
CỦA HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

Xếp hạng	Di sản/Di tích	Số quyết định xếp hạng
Quốc gia	Di sản văn hóa phi vật thể	
	Múa Tắc Xình của người Sán Chay (Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian)	Số 2684/QĐ-BVHTTDL ngày 25/8/2014
	Hát Sảng Cọ (Hát ví Lưu Tam) của người Sán Chay (Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian)	Số 246/QĐ-BVHTTDL ngày 19/1/2016
	Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh	
	Đền Đuổm (xã Động Đạt)	Số 774/QĐ-BT ngày 21/6/1993
	Địa điểm Đại hội chiến sỹ thi đua toàn quốc lần thứ nhất năm 1952 (xã Hợp Thành)	Số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004
	Địa điểm xưởng quân giới, nơi chế tạo thành công súng Bazoka năm 1947 (thị trấn Giang Tiên)	Số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004
	Bãi Đu - nơi khai sinh Đại đoàn Quân tiên phong (thị trấn Đu)	Số 4100/QĐ-BVHTTDL ngày 12/12/2014
Cấp tỉnh	Địa điểm nơi chiếc máy bay thứ 1.000 của giặc Mỹ bị đơn vị pháo 210 bắn rơi trên miền Bắc ngày 29/4/1966 (xã Tứ Tranh)	Số 100/QĐ-UB ngày 16/1/1980
	Địa điểm di tích lịch sử Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Tân Long (xã Cổ Lũng)	Số 05/QĐ-UBND ngày 14/1/2007
	Đền Trình (thị trấn Giang Tiên)	Số 2465/QĐ-UBND ngày 13/10/2008
	Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm trường Thanh niên Lao động xã hội chủ nghĩa huyện Phú Lương ngày 31/12/1962 (xã Phủ Lý)	Số 2004/QĐ-UBND ngày 9/8/2011
	Địa điểm thành lập Chính quyền cách mạng huyện Phú Lương năm 1945 (xã Ôn Lương)	Số 205/QĐ-UBND ngày 9/8/2011
	Đình Kém - Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với hội nghị về Chính sách thuế nông nghiệp năm 1951 (xã Yên Đổ)	Số 153/QĐ-UBND ngày 20/1/2014
	Đền Đầm Sơn, Đình Cổ Lũng (xã Cổ Lũng)	Số 153/QĐ-UBND ngày 20/1/2014

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên: *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên (1975 - 2000)*.
2. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb.Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
3. *Công an nhân dân Thái Nguyên - Lịch sử biên niên 1954 - 1975*.
4. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb.Thuận Hóa, Huế, 2006.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb.Thời đại, Hà Nội, 2003.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
7. *Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb.Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012.
8. *Đồng Khánh địa dư chí (tập 1)*, Nxb.Thế giới, Hà Nội, 2003.
9. Esina (Echinard): *Lịch sử chính trị quân sự tỉnh Thái Nguyên*.
10. Esina (Echinard): *Tiểu chí Thái Nguyên*.
11. *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
12. *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
13. *Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000)*, Thái Nguyên, 2007.
14. *Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại*, Thái Nguyên, 1997.
15. *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập I (1930 - 1954)*, Bắc Thái, 1996.

16. *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955 - 2000)*, Thái Nguyên, 2005.

17. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái 1955 - 1975*, Bắc Thái, 1991.

18. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)*, Thái Nguyên, 2003.

19. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II (1965 - 2000)*, Thái Nguyên, 2005.

20. *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009*.

21. *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015*.

22. *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Thái 1991 - 1995*, Chi cục thống kê Bắc Thái tháng 12/1995.

23. *Thái Nguyên: Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, 2001.

24. *Lịch sử Đảng bộ các xã, thị trấn thuộc huyện Phú Lương đã xuất bản (đến năm 2015)*.

25. Một số tài liệu tham khảo khác:

- Các văn kiện, hồ sơ, tư liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên, Chi cục Văn thư lưu trữ Sở Nội vụ.

- Các văn kiện, tư liệu lịch sử của Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể huyện Phú Lương qua các thời kỳ còn lưu giữ được.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	5
Mở đầu: Phú Lương - Từ khởi nguồn đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.....	9
I. Địa danh Phú Lương và sự thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ.....	9
II. Điều kiện tự nhiên và xã hội.....	13
III. Truyền thống yêu nước và cách mạng.....	20
Chương I: Chi bộ - Đảng bộ huyện Phú Lương trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).....	57
I. Xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến và góp sức vào chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông (1945 - 1947).....	57
II. Xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện tiền tuyến, góp phần đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược (1948 - 1954).....	88
Chương II: Đảng bộ huyện Phú Lương trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975).....	125
I. Khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1954 - 1957).....	125
II. Thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1958 - 1960)	143
III. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).....	165
IV. Giữ vững và phát triển kinh tế - xã hội, trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu góp phần đánh bại cuộc chiến	

tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)	202
V. Khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, động viên tuyển quân chi viện chiến trường, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1968 - 1972).....	239
VI. Tăng cường tiềm lực mọi mặt, cùng cả nước dồn sức chi viện giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)....	265
Chương III: Đảng bộ huyện Phú Lương trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1985)....	281
I. Đẩy mạnh sản xuất, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân (1975 - 1979).....	281
II. Tiếp tục phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội giai đoạn 1980 - 1985.....	312
Chương IV: Đảng bộ huyện Phú Lương trong thời kỳ đổi mới đất nước (1986 - 1995).....	329
I. Bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 1990)	329
II. Tiếp tục tiến hành đổi mới (1991 - 1995).....	349
Chương V: Đảng bộ huyện Phú Lương trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2015).....	367
I. Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm cuối thế kỷ XX (1996 - 2000).....	367
II. Tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội (2000 - 2005).....	387
III. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XXI (2005 - 2010).....	429
IV. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa;	

xây dựng nông thôn mới (2010 - 2015).....	467
Kết luận.....	513
Phụ lục.....	521
Tài liệu tham khảo.....	539

Đơn vị phối hợp chỉnh lý, bổ sung



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TRUYỀN THÔNG VĂN HÓA VIỆT

Vp số 1: Tầng 9 - tháp A - Tòa nhà đa năng số 7 Trần Phú - Hà Đông - Hà Nội

Văn phòng số 2: Số 64 - B1 Nguyễn Công Trứ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 0466807216 Website: truyenthongvanhoaviet.vn

Giấy phép xuất bản số: 255/GP-STTTT

Do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14 tháng 3 năm 2017

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Công ty TNHH Phát triển Minh Đạt

In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.